

ẤN QUANG PHÁP SƯ
VĂN SAO TAM BIÊN
QUYỂN I

Hán văn: Đại sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC QUYỂN I

LỜI TỰA CHO LẦN ẤN HÀNH THEO PHƯƠNG PHÁP ẢNH ẤN	6
LỜI TỰA CHO BỘ ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TAM BIÊN	8
ĐẠI SƯ TỰ THUẬT	11
I. THƯ TỪ	13
1. Thư trả lời đại sư Hoàng Nhất	13
2. Thư gửi lão hòa thượng Chân Đạt	13
3. Thư gửi pháp sư Đức Sâm (thư thứ nhất)	13
4. Thư gửi pháp sư Đức Sâm (thư thứ hai)	15
5. Thư gửi pháp sư Đức Sâm (thư thứ ba)	15
6. Thư gửi pháp sư Đức Sâm (thư thứ tư)	16
7. Thư trả lời sư Như Sầm hỏi thay cho bạn	17
8. Thư trả lời pháp sư Như Sầm	19
9. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ nhất)	23
10. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ hai)	23
11. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ ba)	25
12. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ tư)	26
13. Thư trả lời sư Minh Tâm	26
14. Thư trả lời đại sư Minh Tánh	28
15. Thư trả lời pháp sư Nghĩa Thông (thư thứ nhất)	30
16. Thư trả lời pháp sư Nghĩa Thông (thư thứ hai)	30
17. Thư trả lời hòa thượng Truyền Độ	31
18. Thư trả lời pháp sư Trần Không (thư thứ nhất)	32
19. Thư trả lời pháp sư Trần Không (thư thứ hai)	33
20. Thư trả lời hòa thượng Bình Sơ	34
21. Thư trả lời pháp sư Tông Linh	35
22. Thư trả lời hòa thượng Diệu Liên	36
23. Thư trả lời pháp sư Bảo Tịnh	36
24. Thư trả lời pháp sư Thái Hư	37
25. Thư trả lời đại sư Đạo Truyền (thư thứ nhất)	38
26. Thư trả lời pháp đại sư Đạo Truyền (thư thứ hai)	39
27. Thư trả lời pháp sư Hiển Âm	39
28. Thư trả lời pháp sư Đế Tĩnh	39
29. Thư trả lời pháp sư Hằng Tàm (thư thứ nhất)	40
30. Thư trả lời pháp sư Hằng Tàm (thư thứ hai)	45
31. Thư trả lời pháp sư Minh Đạo	55
32. Thư gửi ông Chấp chánh Đoàn	56
33. Thư gửi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ nhất)	57
34. Thư gửi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ hai)	58
35. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ ba)	59
36. Thư gửi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tư)	61
37. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ năm)	62
38. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ sáu)	64
39. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ bảy)	65

40. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tám)	65
41. Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ	68
42. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ nhất)	71
43. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ hai)	72
44. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ ba)	72
45. Thư gởi cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ tư)	73
46. Thư trả lời cư sĩ Quan Quýnh Chi (thư thứ năm)	73
47. Thư gởi hai vị cư sĩ Quan Quýnh Chi và Vương Nhất Đình	74
48. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ nhất)	74
49. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai)	76
50. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba)	78
51. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư)	80
52. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm)	84
53. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu)	101
54. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy)	104
55. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám)	107
56. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín)	109
57. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười)	112
58. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một)	115
59. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai)	119
60. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười ba)	123
61. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bốn)	124
62. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm)	129
63. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu)	131
64. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy)	131
65. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám)	137
66. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín)	141
67. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ nhất)	141
68. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ hai)	143
69. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ ba)	144
70. Thư trả lời cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh	145
71. Thư trả lời cư sĩ Tiêu Dịch Đường	146
72. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ nhất)	148
73. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ hai)	149
74. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ ba)	150
75. Thư trả lời cư sĩ Trần Gia Tuấn ở Châu Bồ	151
76. Thư trả lời cư sĩ Khuất Hàn Nam	152
77. Thư trả lời cư sĩ Thân Hiểu Viên	152
78. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hoán Văn (thư thứ nhất)	154
79. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hoán Văn (thư thứ hai)	154
80. Thư trả lời cư sĩ Chu Trọng Hoa (thư thứ nhất)	156
81. Thư trả lời cư sĩ Chu Trọng Hoa (thư thứ hai)	158
82. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Trinh (thư thứ nhất)	160
83. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Trinh (thư thứ hai)	161
84. Thư trả lời cư sĩ Trần Vị Ân	162
85. Thư trả lời cư sĩ Hà Hy Tịnh	163

86. Thư trả lời cư sĩ Trương Bội Phân Mộ Lan	164
87. Thư trả lời cư sĩ Vương Chiêu Ly (thư thứ nhất)	165
88. Thư trả lời cư sĩ Vương Chiêu Ly (thư thứ hai)	166
89. Thư trả lời cư sĩ Cảnh Chánh Luân	167
90. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đĩnh (thư thứ nhất)	167
91. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đĩnh (thư thứ hai)	168
92. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đĩnh (thư thứ ba)	169
93. Thư trả lời cư sĩ Lưu Đức Huệ	170
94. Thư trả lời cư sĩ Lưu Dung Các	173
95. Thư trả lời cư sĩ Lý Nhĩ Thanh	173
96. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tử Vân	174
97. Thư trả lời hai vị cư sĩ Trần Tịnh Tâm và Kim Đàm	175
98. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Văn Phác	175
99. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ nhất)	175
100. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ hai)	176
101. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ ba)	176
102. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ tư)	177
103. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ nhất)	178
104. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ hai)	179
105. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ ba)	180
106. Thư trả lời cư sĩ Cố Tông Huống	181
107. Thư trả lời cư sĩ Hạ Thọ Kỳ	181
108. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ nhất)	183
109. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ hai)	183
110. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ ba)	184
111. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ tư)	185
112. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ năm)	186
113. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ sáu)	186
114. Thư trả lời cư sĩ Cao Huệ Ấm	187
115. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ nhất)	187
116. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ hai)	188
117. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ ba)	189
118. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ tư)	189
119. Thư trả lời cư sĩ La Tĩnh Ngô (thư thứ nhất)	190
120. Thư trả lời cư sĩ La Tĩnh Ngô (thư thứ hai)	191
121. Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm	191
122. Thư trả lời cư sĩ Tôn Nghệ Dân	193
123. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyền (thư thứ nhất)	194
124. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyền (thư thứ hai)	195
125. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyền (thư thứ ba)	196
126. Thư trả lời cư sĩ Từ Chí Nhất	197
127. Thư trả lời cư sĩ Vương Hải Tuyền	200
128. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ nhất)	201
129. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ hai)	202
130. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ ba)	203
131. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ tư)	204

132. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Cung	207
133. Thư trả lời cư sĩ Lục Bồi Cốc	208
134. Thư trả lời cư sĩ Quý Quốc Hương (thư thứ nhất)	209
135. Thư trả lời cư sĩ Quý Quốc Hương (thư thứ hai)	210
136. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Bảo Việt	212
137. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ nhất)	212
138. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ hai)	213
139. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ ba)	215
140. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ tư)	218
141. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ năm)	219
142. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ sáu)	223
143. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ bảy)	226
144. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ tám)	228
145. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ chín)	229
146. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười)	231
147. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười một)	232
148. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười hai)	233
149. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười ba)	233
150. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười bốn)	234
151. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười lăm)	234
152. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười sáu)	235
153. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười bảy)	235
154. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười tám)	236
155. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười chín)	239
156. Thư trả lời cư sĩ Lã Trí Minh	239
157. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ nhất)	240
158. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ hai)	243
159. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ ba)	244
160. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ nhất)	244
161. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ hai)	245
162. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ nhất)	245
163. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ hai)	247
164. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ ba)	248
165. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ tư)	249
166. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ năm)	250

QUYỀN I

LỜI TỰA CHO LẦN ÁN HÀNH THEO PHƯƠNG PHÁP ẢNH ÁN

Văn do chuyên chở đạo mà thường cùng tồn tại với đạo, lý đáng nên như thế, nhưng sự lại không luôn như vậy. Văn chương trong các sách vở đáng coi là khuôn mẫu, hoặc những bài ca tụng cao nhã chẳng phải là chuyên chở đạo ư? Lửa Tần¹ bốc lên, bèn bị diệt sạch cả, nhưng diệt là diệt những thẻ sách², chứ chẳng diệt được sách vở cất giấu trong vách nhà³ hay trong lòng người. Vì thế khi nhà Hán hưng khởi, văn chương, kinh điển xưa nay liền nối tiếp nhau xuất hiện trở lại, do vậy thấy được rằng “nếu đạo vẫn tồn tại thì văn cũng tồn tại!”

Văn Sao của tổ Ấn Quang hoàng dương trọn vẹn Tam tạng, dẫn chứng rộng rãi từ Ngũ kinh, ba căn nương theo sách ấy dấy lòng tin, theo những nẻo khác nhau cùng về Tịnh độ. Sách ấy chuyên chở đạo lý là chuyện đương nhiên, cần gì phải nói nữa! Do vậy, hai bộ Chánh Biên và Tục Biên phổ biến trong thiên hạ, 70 năm qua độ người vô số, nhưng bản thảo Tam Biên do họ La biên tập vừa xong liền bị giấu kín cả mấy chục năm chẳng xuất hiện trong cõi đời, biết nói sao đây?

Tiên sư lão nhân Tuyết Lư⁴ xưa kia từng phụng sự tổ sư, vâng mạng lệnh chuyên hoàng dương Tịnh pháp; núi sông đôi sắc, vượt biển đến Đài Trung, sáng lập liên xã, y giáo phụng hành, Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên cùng với Gia Ngôn Lục, Tịnh Hoa Lục⁵ nhiều lần được ấn hành biểu tặng, nhưng chẳng tìm được Tam Biên. Về sau do Phật Giáo Thư Cục phát hành bộ Toàn Tập của tổ sư, trong ấy có Tam Biên do pháp sư Quảng Định biên tập, và theo lời đồn đại bản Tam Biên do họ La biên tập vốn được cất giữ tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu đã bị hủy hoại cùng với chùa miếu trong cơn binh hỏa, đáng than vô cùng!

¹ Năm 213 trước Công Nguyên, Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách chôn Nho sĩ (sử gọi là “phản thư khanh nho”). Sau khi thống nhất Trung Hoa, nhằm để bệ thống trị dân chúng, đương nhiên cần phải triệt hạ những tư tưởng có thể gây nguy hại cho oai quyền thống trị của nhà Tần; do vậy thừa tướng Lý Tư đã xin Tần Thủy Hoàng hạ chỉ thiêu hủy toàn bộ sách vở của bách gia chư tử, những ai lén tàng trữ đều bị xử tử. Đồng thời hạ lệnh chôn sống hơn 460 Nho sĩ và phương sĩ để diệt tận gốc tư tưởng học thuyết cũ.

² Thời ấy chưa có giấy, sách phải viết lên những thẻ tre hoặc thẻ gỗ, gọi là “giản sách”.

³ Dân chúng vẫn lén lút cất giữ sách vở bằng cách chôn giấu trong vách.

⁴ Tuyết Lư là biệt hiệu của lão cư sĩ Lý Bình Nam.

⁵ Tức là bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tịnh Hoa Lục, tức là tác phẩm tập hợp những câu quan trọng, tinh túy nhất trích từ hai bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên và Tục Biên. Cuốn này do Lý Tịnh Thông biên soạn, do hai vị pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm cùng giám định. Theo ngụ ý, cuốn này chọn lọc không tinh tường bằng bộ Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục của ông Lý Viên Tịnh.

Ngóng tin cách biển, nghe nói nguyên cáo Tam Biên may mắn thoát khỏi tai ương, lại còn được khắc in. Về mặt lý cổ nhiên đáng tin, nhưng nơi mặt sự vẫn còn hồ nghi; liên hữu Đài Trung liền cậy người sang Linh Nham chứng thực điều ấy, thỉnh về liên xã. Đọc lời bạt, mới biết Linh Nham sau cơn hỏa hoạn, nguyên cáo này được cất tại tàng kinh lâu, trong rương đựng bộ *Càn Long Đại tạng kinh* khắc vào đời Thanh, do hòa thượng Minh Học phát hiện, cho xuất bản. Năm Canh Ngọ (1990), gặp dịp kỷ niệm tròn 50 năm tổ sư về Tây, [Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên] được Quảng Hóa Tự ở Bồ Điền, Phước Kiến ấn hành. Tứ chúng hân hoan, khen là chuyện hiếm có!

Chao ôi, văn của tổ sư giống như rồng vậy chăng? Hoặc ẩn, hoặc thấy, chẳng biết lúc nào! Nay đã được thấy, ắt sẽ bay lên tận trời, tuôn mưa pháp lớn, thấm nhuần khắp quần sanh. Ngay lập tức, liên xã Đài Trung liền cho in lại bằng phương pháp ảnh ấn để lưu truyền hòng thỏa nguyện cũ, vui mừng vô lượng. Ngoài ra còn có bảy lá thư [phúc đáp của đại sư Ấn Quang] để trong bọc hành lý của tiên sư đang được cất giữ tại Tuyết Lư Kỷ Niệm Đường ở liên xã Đài Trung, người biên tập cũng cho in kèm theo bộ Tam Biên này để khỏi bị thất lạc. Ấn hành cần phải có lời tựa, do vậy tôi kính cẩn thuật nhân duyên ảnh ấn để tùy hỷ vậy.

*Đài Trung, Mạnh Đông năm Nhâm Thân
(Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 81 - 1992),
Tịnh nghiệp đệ tử Lô Giang Từ Tỉnh Dân kính đề*

LỜI TỰA CHO BỘ ÁN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TAM BIÊN

Linh Nham Ấn Quang lão pháp sư nghiêm trì giới luật, hoằng dương Tịnh độ, lời lẽ làm pháp tắc cho cõi đời, hành vi làm khuôn mẫu cho đạo, dùng văn tự bát-nhã rộng độ mọi loài, mưa pháp tuôn khắp, tứ chúng suy tôn là vị tổ thứ 13 của Liên tông. Từ thời cận đại đến nay, quả thật là một nhân vật chưa từng có. Bản thân tôi từ thuở nhược quan (20 tuổi) phát nguyện quy y đức Phật, tự xét thiện căn nhỏ nhoi, mỏng manh, cứ lần khần mãi không thành tựu gì! Năm Dân Quốc 31 (1942), ngoại nhân khinh rẻ, xâm lăng Trung Hoa, sinh linh lâm than, các nỗi khổ chen nhau nung đốt không thể nào dứt dẹp được, đọc lại Văn Sao, giặt mình tỉnh ngộ, bèn quy mạng, gieo tẩm lòng thành, ăn chay niệm Phật, những điều này đều do Văn Sao ban cho vậy.

Sau này, ngẫu nhiên ở chỗ cư sĩ Đinh Phước Bảo, thấy được hơn 20 lá thư của sư đều là những lá thư chưa được sao chép, chưa đưa vào hai cuốn Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên. Do đó, nghĩ đi cảo chính là pháp nhũ được gởi gắm, há nên để mặc cho thất lạc, bèn cẩn thận chép lại để giữ bản sao, đây chính là bước khởi đầu cho việc biên tập bộ sách này vậy. Sau khi sư về Tây, nguyệt san Hoằng Hóa⁶ trưng cầu di cảo, thư đáp lời trưng cầu nườm nượp gởi về, thu được thật phong phú. Nhiều nhất là hòa thượng Diệu Chân⁷ ở Linh Nham, pháp sư Tu Luân ở

⁶ Nguyệt san Hoằng Hóa là một tạp chí được phát hành mỗi tháng của Ấn Quang Đại Sư Kỷ Niệm Hội, do cư sĩ Chung Huệ Thành làm chủ bút, pháp sư Đức Sâm làm chủ nhiệm. Số đầu tiên được phát hành vào ngày mùng 1 tháng 7 năm 1941. Đến tháng 5 năm 1949, tạp chí này được Hoằng Hóa Xã đứng ra chịu trách nhiệm xuất bản, và do ông Du Hữu Duy làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Đến tháng 2 năm 1956, tạp chí này được giao cho hiệp hội Phật giáo Thượng Hải quản trị, Du Hữu Duy tiếp tục làm tổng biên tập. Đến tháng 7 năm 1958, nguyệt san bị chính quyền Hoa Lục đình bản.

⁷ Pháp sư Diệu Chân (1895-1967), tên ngoài đời là Vạn Chánh Tài, pháp danh là Diệu Chân, pháp tự là Đạt Ngộ, người huyện Táo Dương, tỉnh Hồ Bắc. Năm lên 18 tuổi, khi cha mẹ ép phải lấy vợ, sư vốn mang chí xuất gia liền trốn qua huyện Tùy xin xuống tóc tại chùa Tung Sơn ở Đàm Trán, rồi đến thọ giới tại chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà trong năm ấy. Sau khi thọ giới cụ túc, sư trở về chùa Tung Sơn, học tập giáo nghĩa với bốn sư. Hai năm sau, được sự chấp thuận của bốn sư, pháp sư bèn đi hành cước tham học khắp nơi. Sư từng đến chùa Quán Tông núi Tứ Minh để học giáo nghĩa Thiên Thai, được trúng tuyển vào học ở học xã Quán Tông của pháp sư Đế Nhân. Pháp sư Diệu Chân học tại đó ba năm, tốt nghiệp năm 1920. Năm 1923, pháp sư Trì Tùng từ Nhật Bản trở về Trung Hoa, pháp sư Diệu Chân bèn theo học Đông Mật với pháp sư Trì Tùng. Không lâu sau, pháp sư Trì Tùng sang Vũ Hán hoằng pháp, khi ấy pháp sư Từ Châu đang làm hiệu trưởng Học viện Pháp Giới tại chùa Hưng Phước ở Thường Thục bèn mời Diệu Chân đến giữ nhiệm vụ giám học. Khi ngài Từ Châu vì sức yếu lâm bệnh, từ nhiệm chức vụ hiệu trưởng Học viện Pháp Giới, xin về Linh Nham dưỡng bệnh, Diệu Chân cũng theo về Linh Nham để săn sóc. Lúc ấy, pháp sư Giới Trần đang làm trụ trì chùa Linh Nham. Mùa xuân năm sau, pháp sư Giới Trần nhận lời về Côn Minh hoằng hóa, pháp sư Từ Châu nhận lời thỉnh của hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận chức vụ trụ trì Linh Nham; ngài Từ Châu bèn cử Diệu Chân làm giám viện. Chính pháp sư Diệu Chân đã định ra chương trình mở Phật thất quanh năm, thực hiện đúng tông chỉ do tổ Ấn Quang đề xướng, cũng như chịu trách nhiệm kiến tạo Linh Nham, quản trị tăng chúng. Người ta thường nghĩ tổ Ấn Quang khai sáng đạo tràng tịnh nghiệp Linh Nham, chứ thật ra theo Linh Nham Sơn Chí, đạo tràng này do hòa thượng Chân Đạt khai sáng, rồi tuân theo lời dạy của tổ Ấn Quang, hòa thượng Chân Đạt biến Linh Nham thành đạo tràng đầu tiên chuyên tu tịnh nghiệp theo đúng tông chỉ do tổ Ấn

Hàng Châu đều cho chúng tôi đọc những lá thư họ giữ được. Các nơi gửi tặng bản gốc hoặc bản sao cũng chẳng dưới bốn năm chục người. Thăm đạm sưu tập tìm tòi, tính ra được gần 700 bức thư, 130 bài tạp văn, những bài văn ấy chẳng kém gì những bài đã được đưa vào bộ Tăng Quảng Văn Sao, tôi biên tập thành sách đặt tựa đề Văn Sao Độ Tam Biên, trân trọng thu gom cất giữ để đời duyên thù thắng. Nếu sách được xuất hiện trong cõi đời sẽ giúp đỡ lớn lao cho việc hoằng dương Tịnh tông và ủng hộ, duy trì pháp môn. Sao chép suốt mấy năm, luôn khư khư một ý niệm nhỏ nhoi: “Nguyên ba ngàn cõi phương Đông, gieo sen chín phẩm nơi trời Tây Phương”, cùng được thắm nhuần pháp ích, cùng lên được bờ giác.

*Mùng 4 tháng 11 năm Canh Dần (1950),
Kỷ niệm mười năm ngày lão pháp sư viên tịch,
Tư thực đệ tử⁸ Thượng Ngu La Ung Hồng Đào*

Quang đề xương; tổ Ấn Quang chỉ đóng vai trò đạo sư cố vấn. Tuy chỉ là giám viện, pháp sư Diệu Chân đảm nhiệm phần lớn công việc của một vị trụ trì: xây cất, hoạch định chương trình đào tạo, quản chúng, trông nom mọi việc lớn nhỏ trong chùa. Thoạt đầu để tiện việc in sách, tổ Ấn Quang rời Phổ Đà đến ở chùa Thái Bình của hòa thượng Chân Đạt. Sau này, do ngày càng bị thư từ gửi tới quá nhiều, tổ tính lánh phiền bỏ sang Hương Cảng bề quan, hòa thượng Chân Đạt cùng các vị cư sĩ hộ pháp như Quan Quýnh Chi, Trầm Tĩnh Thúc, Triệu Vân Thiệu thương nghị, khẩn cầu tổ hãy về bề quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu (chùa này cũng do hòa thượng Chân Đạt quản nhiệm, thầy Minh Đạo làm giám viện). Đến tháng 2 năm 1937, do sự biến Lư Cầu Kiều, quân Nhật tấn công Trung Hoa, ném bom vùng Hoa Nam, lo lắng cho sự an nguy của tổ, các vị Chân Đạt, Đức Sâm, Liễu Nhiên, Diệu Chân v.v. van nài tổ về trú ngụ tại Linh Nham. Từ tạ không được, tổ chấp nhận dời về sống tại Linh Nham vào tháng 2 năm 1937. Khi tổ về Linh Nham, tăng chúng hâm mộ tịnh nghiệp kéo về xin nhập chúng tại Linh Nham ngày càng đông hơn, trách nhiệm giám viện của Diệu Chân vô cùng nặng nề nhưng sư vẫn chu toàn. Ngày 27 tháng 10 (âm lịch) năm 1940, tổ Ấn Quang đã 80 tuổi, khoảng bảy giờ sáng từ căn phòng bề quan chống gậy vào nhà tắm, chợt vấp chân té, mọi người kinh hoảng, mời cư sĩ Ngô Vô Sanh đến khám ngay lập tức, nhưng xét nghiệm thấy tổ không bị thương tổn gì, tinh thần vẫn minh mẫn như thường. Sáng ngày 28, sau khi dùng cơm sáng và cơm trưa như thường lệ, sau bữa ngo, tổ đột nhiên gọi các vị chấp sự trong núi và những cư sĩ đang có mặt trong chùa độ hơn ba chục người, đến nói: “Chức vụ trụ trì Linh Nham không thể bỏ trống lâu hơn nữa, hãy thỉnh thầy Diệu Chân đảm nhiệm.” Mọi người vâng lệnh, đề nghị chọn ngày mùng 9 tháng 11 làm lễ tấn sơn cho Diệu Chân. Tổ bảo “lâu quá”, cuối cùng mọi người đề nghị ngày mùng 1 tháng 11, tổ nói: “Thôi cũng được!” Hai hôm sau, hòa thượng Chân Đạt từ Thượng Hải tới, tổ cậy hòa thượng Chân Đạt lo liệu lễ tấn sơn. Rạng sáng ngày mùng 4 tháng 11, tổ ngồi ngay ngắn niệm Phật, đến ba giờ chiều, thầy Diệu Chân ghé thăm, tổ dạy: “Ông nên duy trì đạo tràng, hoằng dương Tịnh độ, đừng học theo lối kẻ cả”, rồi không nói gì nữa, khe khẽ niệm Phật. Đến năm giờ, đại sư mỉm cười an nhiên vãng sanh giữa tiếng niệm Phật của đại chúng. Diệu Chân tiếp tục sự nghiệp duy trì đạo tràng Linh Nham theo đúng giáo huấn của tổ, sư còn lập ra Linh Nham Sơn Tự Tây Phương Nghiên Cứu Xã, sau này đổi tên thành Linh Nham Sơn Tự Tịnh tông Phật Học Uyển để hoằng dương Tịnh tông và đào tạo tăng tài. Sư còn cho lập nông trường sau Linh Nham để chùa có thể tự túc lương thực, đồng thời tiến hành những công tác từ thiện như nuôi dạy cô nhi, chữa bệnh miễn phí, phát thuốc, thí cháo cho dân nghèo v.v.. Khi Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc thành lập dưới thời Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, đại chúng suy cử Diệu Chân làm lý sự trưởng và phó chủ tịch hội Phật giáo Giang Tô. Sư viên tịch năm 1967, thọ 73 tuổi, hạ lạp 56 năm.

⁸ Ông La Ung Hồng Đào chưa hề được đích thân học với tổ Ấn Quang, chỉ do đọc Văn Sao sau khi tổ đã mất mà tu tập theo giáo huấn của ngài nên được gọi là “tư thực đệ tử”.

đánh lễ cung kính viết lời tựa

Ghi Thêm

Bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên được ấn hành lần này là bản duy nhất được cất giữ tại Linh Nham Sơn ở Tô Châu, vốn là di cảo do cư sĩ La Hồng Đào biên tập, pháp sư Huệ Dung chép lại thành bản cẩn thận, ghép thêm vào đó hai thiên Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội Pháp Ngũ và Đức Dục Khải Mông, do hai bản này đã sớm được lưu hành riêng nên ông La không đưa vào bản thảo. Quy cách trình bày ấn loát nhất loạt lấy hai bộ Văn Sao Sơ Biên và Tục Biên làm chuẩn. Do trình độ hữu hạn của những đồng nhân làm công tác giáo chánh, đối chiếu, khó thể tránh được sai sót, ngưỡng mong mười phương tăng tục, thầy, bạn chẳng tiếc công chỉ dạy để sửa đổi khi tái bản, khôn ngăn tội bậc tha thiết khẩn cầu.

*Chùa Quảng Hóa tại Bồ Điền, Phước Kiến kính bạch
(Giữa Đông năm 1990)*

ĐẠI SƯ TỰ THUẬT

Mùa đông năm Dân Quốc 28 (1939), người ngoại quốc họ X... đến Linh Nham yết kiến đại sư có lời thưa hỏi, cùng nhau dùng bút mực để trò chuyện, đại sư tự lược thuật cuộc đời và hạnh nguyện như sau:

1. Cuộc đời

Xuất gia năm Quang Tự thứ 7 (1881), thọ giới năm Quang Tự thứ 8 (1882). Năm Quang Tự 12 (1886) đến Hồng Loa Sơn ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 17 (1891) dời sang chùa Viên Quảng tại Bắc Kinh. Năm Quang Tự 19 (1893) đến ăn nhờ ở đậu chùa Pháp Vũ thuộc núi Phổ Đà tỉnh Chiết Giang, suốt 30 năm chẳng đảm nhiệm chuyện gì. Đến năm Dân Quốc 17 (1928) có đệ tử quy y ở Quảng Đông tính thỉnh tôi sang Hương Cảng, liền rời Phổ Đà, tạm ngụ tại chùa Thái Bình ở Thượng Hải. Mùa xuân năm Dân Quốc 18 (1929) tính rời đi nhưng vì chuyện in sách chưa xong nên phải ở lại. Năm Dân Quốc 19 (1930) đến bế quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu. Tháng 10 năm Dân Quốc 26 (1937), tỵ nạn sang Linh Nham đã tròn hai năm. Hiện thời đã sống buổi sáng không đảm bảo được buổi tối, chờ chết mà thôi! Năm mươi chín năm từng trải như vậy đó. Suốt cả một đời chẳng cùng ai kết xã, ngay đến cả Hội Phật giáo Trung Quốc cũng chẳng ghi tên làm hội viên.

2. Những việc xảy ra gần đây

Từ khi đến Linh Nham, bất cứ danh lam thắng cảnh nào, tôi cũng đều chẳng tới xem, bởi chỉ chỉ mong vắng sanh, chẳng bận tâm đến danh lam thắng cảnh.

3. Việc làm

Mỗi ngày lượng theo sức mình niệm Phật và trì chú Đại Bi để làm căn cứ tự lợi lợi tha. Suốt đời chẳng thu nhận một đệ tử xuất gia nào, chẳng nhận làm trụ trì chùa nào cả!

4. Chủ nghĩa và giáo nghĩa niệm Phật

Đối với hết thảy mọi người đều dùng “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để khuyên nhủ, bất luận xuất gia hay tại gia, ai nấy đều phải chú trọng trọn hết bốn phận con người, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường em kính, chồng hòa vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Bất luận người sang hay kẻ hèn đều dùng những điều này để bảo ban, khiến cho hết thảy mọi người trước hết làm một người hiền, người lành trong thế gian, ngõ hầu cấy vào Phật từ lực siêu phàm nhập thánh, vắng sanh Tây Phương. Trọn chẳng nói với người khác

những lời lẽ lớn lao khiến họ không thực hiện được, mặc cho người ta bảo mình là hạng tăng chỉ biết cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì. Đại lược là như vậy đó!

I. THƯ TỪ

1. Thư trả lời đại sư Hoằng Nhất

Hôm qua, nhận được thư và bản tụng văn cũ lần mới, đọc không thấy chỗ nào sai. Trong thư nhắc đến tình huống dụng tâm quá độ, Quang đã sớm đoán biết chuyện này, do vậy đã viết một lá thư khuyên sư đừng làm như thế. Do sư quá tỉ mỉ, thường có những chỗ không cần phải thật dốc sức mà sư vẫn chẳng chịu không dốc sức, đến nỗi bị thương tổn! Xét theo sắc lực của sư, có lẽ nên lắng lòng chuyên nhất niệm Phật, những giáo điển khác và những sách đang được lưu truyền hiện thời, nhất loạt đừng xem tới để khỏi bị phân tâm, bị tổn hại vô ích. Người biết xử sự đúng thời phải hiểu thời cơ, sự việc, chuyện gì sư với tôi chẳng thể gánh vác được thì hãy nên lánh mình ra ngoài, để mặc đó đừng hỏi đến nữa, nhất tâm niệm Phật để mong mình lẫn người đều được lợi ích thật sự, ấy mới là phương cách độc nhất vô nhị vậy!

2. Thư gửi lão hòa thượng Chân Đạt

Ba bốn chục năm qua Quang được huynh chiếu cố, chăm nom, khôn ngăn cảm kích. Sáng nay tinh thần uể oải như sắp chết, do vậy gần như đem tất cả những chuyện bận bịu tại Thượng Hải giao hết cho pháp sư Đức Sâm. Qua hai tiếng sau lại cảm thấy chẳng sao cả, tuy chưa chết ngay nhưng cũng khó tránh khỏi cái chết, chẳng ngại gì bàn soạn sẵn. Quang khi sống tánh chẳng thích bày vẽ nhiều chuyện, chết rồi thì cũng nên làm ma chay cho Quang giống như một kẻ tầm thường qua đời. Nếu không, sẽ càng tăng thêm tội lỗi cho Quang vậy!

3. Thư gửi pháp sư Đức Sâm⁹ (thư thứ nhất)

⁹ Pháp sư Đức Sâm (1883-1962) tên thật là Dương Long, người huyện Hưng Quốc tỉnh Giang Tây, có chí xuất gia từ lúc mới lớn, nhưng mãi đến năm 1912 mới được thỏa nguyện xuống tóc với hòa thượng Kim Thái chùa Báo Ân huyện Trường Định tỉnh Phước Kiến, rồi thọ giới cụ túc tại chùa Đại Thừa huyện Ninh Đô (Phước Kiến) vào năm 1913. Pháp sư Liễu Nhiên cũng cùng thọ giới trong *tam đàn đại giới* này. Năm 1921, sư cùng với sư Liễu Nhiên kết thành đồng bạn đi tham học các nơi. Năm 1922, đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, gặp được tổ Ấn Quang, tổ biết hai người là pháp khí của tông Tịnh độ, hết sức khuyên dạy, bảo ban chuyên tu tịnh nghiệp. Tổ lại còn đích thân đến gặp hòa thượng Văn Chất xin cho hai người được ở lại tăng kinh các chùa Pháp Vũ để tu học và nghiên cứu kinh điển. Từ đấy, hai vị phát nguyện trọn đời theo hầu dưới gối tổ Ấn Quang. Do giúp tổ giáo duyệt kinh sách, pháp sư Đức Sâm đọc bản truyện ký về tổ do cư sĩ Mã Khế Tây biên soạn mà tổ không thêm đọc, vứt bỏ đó, mới biết Tổng thống Từ Thúc Xương của chánh quyền Dân Quốc thời ấy đã từng ban tặng tổ một tấm biển ngạch với bốn chữ Ngô Triệt Viên Minh, bèn đem chuyện ấy hỏi tổ. Tổ quở: “Ngô còn chưa được, nói chi viên minh? Mù quáng bịa chuyện, khiến tôi thêm xấu hổ.” Mãi về sau, Đức Sâm thấy trên đại điện tấm biển ấy được trụ trì chùa Pháp Vũ cho treo vào một chỗ rất khuất, nếu không chú ý sẽ không thấy được. Năm 1930, tổ Ấn Quang thành lập Hoằng Hóa Xã thuộc Thượng Hải Tịnh Nghiệp Xã để lưu thông kinh sách, tổ đã giao cho Đức Sâm trông nom mọi việc tại Tịnh Nghiệp Xã và Hoằng Hóa Xã. Khi tổ về bế quan tại Tô Châu, Đức Sâm cũng dời Hoằng Hóa Xã từ Thượng Hải về Tô Châu để

Phần phụ lục do ông đã gửi mãi đến sau hai giờ chiều ngày hôm qua mới giao tới, do phải trò chuyện với khách đến thăm đã lâu, nên không còn tinh thần để xem được. Sáng nay bèn đọc qua, gặp đúng lúc Mạnh Am tới đây bèn đưa cho xem, ông ta khen ngợi không ngớt. Văn Sao Tục Biên cuốn thượng đã sắp chữ xong, nếu cuốn hạ lại đưa thêm nhiều bài văn vào phần phụ lục thì hai cuốn sẽ dày mỏng không đều, hãy nên đem phần sách này ghép vào sau cuốn thượng thì hai cuốn sẽ dày bằng nhau. Phần phụ lục không nhất thiết phải đặt ở cuối cùng, đặt cuối cuốn thượng thì cũng là phụ lục, không nhất quyết phải đặt phụ lục ở cuối cuốn hạ.

Hiện thời khoản tiền thu được từ các nơi gần đến hai vạn, dùng loại giấy in báo thì cũng in được cỡ chừng hai vạn cuốn là cùng. Nếu dùng loại giấy Mao Biên thì một vạn đồng chỉ in được ba bốn ngàn bộ! Tấm lòng của cư sĩ Lạc có thể nói là tận thiện, tiếc rằng ông ta chưa biết nên làm thế nào cho thích hợp với thời thế. Từ khi in sách đến nay, Quang chẳng dùng loại giấy Mao Biên, huống là loại giấy in báo! Về sau, do loại giấy Mao Thái giòn gãy quá nhiều, in ra một vài năm đã biến thành mớ giấy lộn để bán ve chai, mà giá loại giấy ấy vẫn tính vào chi phí in sách khá đáng kể. Huống chi những chỗ sản xuất giấy ở Phước Kiến, Giang Tây đều gặp nạn chiến tranh, vì thế chỉ nên dùng giấy in báo để in sách. Ông Lạc trọn chẳng hiểu nỗi lòng Quang, hơn một vạn bộ sách ở chỗ ẩn loát cảm thấy rất nhiều, nhưng nếu chia ra gửi đi, quả thật là quá ít!

Lời bàn luận của ông Lạc thuộc về pháp tắc thông thường trong thời thế thái bình, còn ý kiến của Quang thuộc phương pháp quyền biến trong thời thế đói kém, loạn lạc. Không chấp nhất thì đôi bên đều hợp lý, hễ chấp nhất thì đôi bên đều chẳng trọn vẹn. Nay tôi nói một thí dụ để làm sáng tỏ nghĩa này. Ví như có người trong lúc gạo châu củi quế đem mười vạn cứu đói. Do mười vạn có hạn, dân đói vô cùng, hãy nên dùng lương thực giá rẻ hơn một chút ngô hầu cứu giúp được lâu hơn và giúp được nhiều dân nghèo hơn. Nếu dùng loại lương thực hạng nhất, tuy về mặt tốt lành thì hết sức tốt lành đấy, nhưng sau khi hết tiền thì sẽ làm như thế nào đây?

Văn Sao khiến cho người ta cảm động, phát tâm không ít, chẳng phải là vì giấy in tốt. Trước khi tròn 60 tuổi, ông Trịnh Triết Hầu oán thù đức Phật; năm 60

có dịp luôn theo hầu hạ. Chỉ đến khi chiến tranh Trung - Nhật nổ ra, đường bưu điện không bảo đảm, vâng theo lời dạy của tổ, sư đành ở lại Thượng Hải để lo giáo chánh, ấn tống kinh sách. Suốt 20 năm sau đó, Đức Sâm tận tụy đảm trách nhiệm vụ ẩn loát, phát hành những kinh sách do tổ đã giám định hoặc trước tác. Năm 1940, tổ viên tịch, đại chúng thành lập Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Cửu Kỷ Niệm Hội, suy cử sư Đức Sâm làm phó hội trưởng. Năm 1946, Đức Sâm tuổi đã 64, cảm thấy vô thường sắp tới, từ tạ mọi nhiệm vụ trong Hoàng Hóa Xã, bế quan tu tịnh nghiệp cho đến khi viên tịch vào ngày 16 tháng 10 năm Nhâm Dần (1962), thọ 81 tuổi, giới laps 49 năm.

tuổi, ông ta đọc Văn Sao, từ đây bỏ mặc những thuyết của Hàn, Âu, Trình, Chu trước kia, cực lực đề xướng Phật pháp. Đủ biết muốn thật sự làm lợi cho người khác, hãy nên chú trọng nơi lưu truyền rộng rãi. Có người bảo hễ sách được in quá nhiều sẽ bị người ta coi thường, bị tổn hại vô ích. Phải biết rằng: Kinh Phật, sách Nho chẳng thể nào hoàn toàn không có chuyện bị coi rẻ thì sách của bọn phàm phu nghiệp lực chúng ta làm sao có thể trọn không bị coi rẻ cho được? Hiện thời, trong ngoài nước người tin Phật đông đảo, cố nhiên chẳng cần phải lo xa như thế! Hãy nghĩ đến chuyện bậc đại thông gia ở nhằm nơi không có Phật pháp vẫn bị khổ vì không biết đến Phật pháp, như Tăng, Tả, Lý, Diêm (Diêm Đan Sơ là người ở Triều Ấp, từng làm Phó tướng, con người cực thuần hậu, không báng Phật, nhưng cũng trọn chẳng nghiên cứu) đều là những người không báng Phật mà cũng chẳng biết đến Phật pháp, chẳng đáng buồn ư? Mong hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay! Đừng đưa những lời lẽ này vào Văn Sao.

4. Thư gửi pháp sư Đức Sâm (thư thứ hai)

Phàm tất cả những khoản tiền ở Thượng Hải đều dùng để in Văn Sao, không cần phải báo rõ từng khoản. Nói chung, Quang chẳng còn sống lâu nữa đâu, vì thế chuyện gì đã xong thì cho xong luôn, chuyện gì chưa xong cũng coi như xong. Quang chết rồi, quyết chẳng được tổ chức tang lễ giống như những vị tăng hiện thời, bày vẽ mù quáng, gọi cáo phó, thiết lễ phúng điệu, cầu danh nhân viết lời đề bạt, đắp cả đồng phân lên đầu coi là vinh dự. Dù sau này Quang chưa chết, bên ngoài có gọi thư đến, sư cũng chẳng cần phải gọi [tới tận nơi bệ quan cho Quang] nữa. Thư gửi đến nếu sư bằng lòng kết duyên thì tùy ý phúc đáp. Nếu không, cứ để nguyên thư gửi lại, không cần phải viết thư sang Ngũ Đài nữa đâu! Hòa thượng Pháp Độ vẫn chẳng nghĩ như vậy là đúng, có viết cũng tự chuốc lấy phiền não, hãy để mặc cho ông ta minh tâm kiến tánh đi!

Kinh Dược Sư hôm nay đã gửi đi, từ rày sư nên thương lượng với ông ta, Quang chẳng hỏi đến nữa. Từ năm Dân Quốc thứ sáu (1917) trở đi, Quang ngày càng bận hơn, bận không thể tưởng tượng được, chỉ bận bịu vì người khác chứ công phu của chính mình hoàn toàn bê trễ. Nếu được A-di-đà Phật rủ lòng từ tiếp dẫn thì là ngàn muôn phần trọn đủ rồi, còn chuyện viết tiểu sử, soạn bài minh, soạn lời tán dương, điều văn, câu đối, sư hãy bảo họ ngàn vạn phần đừng gom cả khối phân lớn chất lên đầu Quang tức là đã ban tặng cho Quang nhiều lắm rồi, xin hãy sáng suốt soi xét. Suốt 19 năm sư vất vả giúp đỡ Quang, khôn ngoan cảm tạ! Quang chết rồi, sư cũng không cần phải lên núi để khỏi bị đau lòng!

5. Thư gửi pháp sư Đức Sâm (thư thứ ba)

Lúc này dường như chẳng mệt mỏi giống như lúc sáng sớm, chắc là chưa đến nỗi chết ngay, nhưng cố nhiên không thể tránh khỏi cái chết được. Hãy nên bảo những người quen biết: “Quang chết rồi thì vẫn vì chính mình mà niệm Phật như thường lệ, chẳng cần phải niệm cho Quang!” Vì sao vậy? Do nếu vẫn chẳng vì chính mình mà niệm, cứ niệm cho Quang thì cũng chẳng giúp được gì. Nếu thật sự vì chính mình mà niệm, chẳng niệm cho Quang, hóa ra Quang lại được lợi ích lớn lao. Vì thế, bất luận người nào, chuyện nào, đều phải sốt sắng thực hiện nơi chỗ có lợi ích lớn lao thì hết thảy những chuyện sáo rỗng, những thứ giả vờ bên ngoài đều trở thành công đức chân thật; người chân thật mới là đệ tử Phật. Quang thấy một vị đại lão chết đi, một người viết bài tán dương di ảnh như sau: “Bậc đại hùng ca cả xuất hiện trong thế gian.” Lại có một đệ tử viết tiểu sử cho thầy là Ngọc Trụ có câu: “Hạnh ngài bằng với hạnh của ngài Vĩnh Minh, há chẳng phải là hậu thân của Vĩnh Minh ư?” Quang phê rằng: “Đem phạm lạm thánh, tội chẳng thể tha!”

Sư Ngọc Trụ tuy tốt đẹp, nhưng sao lại có thể tán dương như vậy được? Nếu sư Ngọc Trụ biết, chắc sẽ đau lòng ứa lệ! Phật pháp tốt đẹp bị thói “ham danh ghét thật” làm hư hỏng hết. Chúng ta chẳng thể uốn nắn thói tệ đương thời, nào dám theo mọi người góp phần náo nhiệt gom lầy đồng phân, khiến cho hết thảy mọi người vì mình mà gom góp cho thật nhiều ư? Những tưởng để tiếng thơm trăm đời, nào ngờ quả thật đã để lại tiếng xấu muôn năm! Quang không có thật đức, nếu ca tụng, tán dương Quang tức là đã gom đồng phân lớn đắp lên đầu Quang, mong hãy nói với hết thảy những người hữu duyên vậy.

6. Thư gửi pháp sư Đức Sâm (thư thứ tư)

Tháng Chạp năm ngoái đã tính thôi không viết thư cho hòa thượng Quảng Huệ chùa Quảng Tế, nhưng vì sư kéo nài, nên sáng ngày 30 Tết bèn chiều ý viết thư. Thầy Diệu Chân trông thấy, cho người sao lại, Quang vốn không có ý đưa thư ấy vào Tục Biên¹⁰; vì lá thư đó dài dòng lồi thoi đến năm ngàn chữ. Thoạt đầu, thư nói tới thói tệ mở hội trai tăng ngàn vị, sửa đổi theo quy cách khác. Trong thư nói đến chuyện tham thiền chẳng dễ gì được lợi ích, lấy Ngũ Tổ Giới để làm chứng. Ngũ Tổ Giới là bậc phi thường nhưng vẫn chưa đoạn được kiến hoặc, huống là liễu sanh tử ư? Khi Tô Đông Pha¹¹ trấn giữ Hàng Châu, vẫn chẳng cự tuyệt kỹ nữ, đủ thấy ông ta vẫn là phạm phu đầy dẫy triền phược. Sư hãy đọc kỹ, coi đưa vào sách được thì đưa vào, cũng chẳng cần phải chấp chặt một bề.

¹⁰ Tức lá thư gửi hòa thượng Quảng Huệ được đánh số 152 trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 2.

¹¹ Tô Đông Pha là hậu thân của Ngũ Tổ Giới.

Mục lục của Quang càng yếu thì thư từ càng nhiều, do vậy trong ngày Lập Xuân tháng Chạp năm ngoái, Quang nói với thầy Diệu Chân: “Nếu thường trụ chịu lo liệu, Quang sẽ chẳng hỏi đến nữa; nếu không, cứ nhất loạt gửi trả lại.” Thầy Diệu Chân sai người lo giùm, phàm những thư xin quy y, thư gửi sư ông thì nhiều, cũng có những thư gửi tiền hương kính. Hai năm trước đây, phàm những người đến chùa quy y, tiền hương kính và những khoản tiền đặc biệt gửi cho Quang đều đưa hết cho thường trụ, còn tiền kèm theo thư gửi đến thì giao cho Quang. Nay thì khoản tiền đặc biệt gửi đến cho Quang liền đưa trả về cho Quang, còn tiền hương kính của người đến núi quy y và tiền hương kính gửi kèm theo thơ đều giao hết cho thường trụ. Ở Thượng Hải có ai xin pháp danh, sư hãy thay mặt Quang viết thư cho họ, tiền hương kính cũng để cho sư tiêu vật. Chuyện ăn hành Văn Sao Tục Biên, Quang chẳng hỏi đến, tùy sư liệu định. Nếu thư của người ở Thượng Hải xin pháp danh chuyển đến thì sư cũng thay mặt Quang viết thư cho họ, cần gì cứ phải không có chuyện gì lại bới ra chuyện như vậy?

Ông Phí Phước Thuần có một bài viết, ông Hà Phước Hà cũng có một trang viết nói đại lược về lợi ích của sự tiết dục: Sanh hai con đều sống được mười mấy ngày rồi chết, do lúc ấy ông ta không tiết dục, nên tiên thiên chẳng đủ mà ra! Những hạng thanh niên ấy coi dục là vui, lại muốn sanh ra con cái mạnh khỏe phước thọ, đạt được kết quả trái ngược, chẳng đáng buồn ư? Tháng Chạp năm ngoái, Phương Huệ Uyên có gửi thư đến, nói ông Thang bị bệnh nhiều lần, lại chẳng chịu kiêng những thứ sống sít, lạnh lẽo. Những kẻ thường cứ ăn những món chẳng nên ăn sẽ đổ bệnh, trong khi bị bệnh lại thường nghĩ đến vợ con, có nghĩ cũng vô ích. Đủ biết những người ấy do nghiệp lực nên rốt cuộc trở thành điên đảo.

Quang tuy chưa chết nhưng vẫn nghĩ mình đã chết, vì thế hết thảy mọi chuyện nếu đã chẳng thể lo liệu được thì chẳng hỏi đến nữa, từ rày tùy sư quyết định. Tiền tài tại Thượng Hải Quang đều chẳng cần đến. Có sức thì in nhiều, không đủ sức thì in ít; nếu không có sức thì đừng in, đều tùy theo tài lực mà làm chuẩn, chớ nên vay mượn đến nỗi bó tay nhọc lòng. Xin hãy từ bi thứ lỗi! Phàm đối với những ai có lòng tin, hãy nên dạy họ nhất tâm niệm Phật, chẳng cần phải niệm cho Quang, cũng đừng bỏ công đến thăm để khỏi phí tiền, phí thời gian, trọn chẳng có ích chi!

7. Thư trả lời sư Như Sầm hỏi thay cho bạn

Trả lời đại lược câu hỏi, chẳng thể trình bày chi tiết.

1. Đã có Phật đường thì cần gì phải thờ Phật trong liêu phòng nữa? Con người hiện thời quá nửa là vô ý, hời hợt, nơi điện đường còn phóng túng không kiêng dè, ngay đang trong lúc niệm tụng lễ bái còn dám phóng trung tiện thì trong liêu phòng sẽ càng phóng túng chẳng thể nói được. Nếu thờ Phật trong liêu phòng hãy tưởng như Đại Hùng bảo điện, may ra mới đỡ chuốc lấy tội lỗi. Nếu không, công rất ít, tội lỗi vô lượng! Thường thấy bậc pháp sư ở vào địa vị cao trọng mà vẫn chẳng nghĩ đánh trung tiện là phạm tội, trong lúc niệm tụng vẫn dám phạm, huống chi hàng học nhân hờ hững, hời hợt ư? Lời nói của tọa hạ chính là do không có cách nào khác được bèn tạo phương tiện cho ông ta; hãy bảo ông ta lễ bái trong chánh điện chính là phương pháp bậc nhất để khỏi chuốc lấy tội lỗi đấy.

2. Pháp quán tướng cũng chẳng hoàn toàn dựa vào tướng bên ngoài, nếu chú trọng vào tướng bên ngoài thì báo thân và hóa thân vốn là một thể, sao lại có vướng mắc nơi báo thân và hóa thân? Ví như đứa con thấy cha mẹ mặc quần áo trình trọng và thấy cha mẹ mặc thường phục trọn chẳng nghĩ lúc này là đúng, lúc kia là sai, hoặc lúc kia là đúng, lúc này là sai. Người ấy quán Phật mà có cái thấy chấp tướng như vậy, nếu chẳng phải là tự khoe công phu, ắt là cố chấp chẳng thông suốt. Hạng người ấy lâu ngày chắc sẽ bị ma dựa, chứ không phải là bậc tu hành chân thật đâu!

3. Hình tượng nếu có thể để thờ hoặc cất giữ thì hãy thờ hoặc cất giữ, nếu chẳng thể thờ hoặc chẳng giữ được nữa thì hãy thiêu hóa đi. “Hủy tượng đốt kinh tội cực sâu nặng” là nói về những thứ kinh tượng có thể để thờ hoặc cất giữ được. Nếu chẳng thể để thờ hoặc để giữ được mà vẫn cứ chấp vào nghĩa này sẽ trở thành khinh nhờn. Ví như đứa con trong lúc cha mẹ còn sống, ắt phải tìm cách sao cho cha mẹ được an toàn; cha mẹ mất rồi, ắt phải tính cách mai táng. Nếu là kẻ ngu chẳng hiểu lý, thấy người khác mai táng cha mẹ được coi là thực hiện lòng hiếu bèn muốn đem cha mẹ còn đang sống sờ sờ chôn đi cho trọn hiếu, hoặc thấy người khác phụng dưỡng cha mẹ là hiếu, bèn đối với cha mẹ đã chết vẫn theo quy cách phụng dưỡng thường nhật mà phụng dưỡng. Hai loại người này đều chẳng phải là chân hiếu!

Kinh chẳng thể đọc được, tượng chẳng thể thờ được nữa, lẽ đương nhiên hãy nên thiêu đi, nhưng chớ nên làm giống như thiêu giấy chữ bình thường, mà phải tạo ra đồ để thiêu riêng, giữ gìn nghiêm ngặt chẳng để cho tro bay sang chỗ khác. Dem tro ấy đựng trong túi vải may thật kín, lại bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch để hễ bỏ xuống nước sẽ chìm ngay, chẳng đến nổi giạt vào hai bờ. Nếu có ai ra biển, đến chỗ sâu bỏ xuống giữa biển, hoặc nơi sâu trong sông to thì được, chớ bỏ xuống ngòi nhỏ, rạch nhỏ. Người làm được như vậy là làm đúng pháp. Nếu chẳng

bỏ thêm cát, đá, chắc chắn sẽ bị trôi giạt vào hai bờ, vẫn trở thành tội khinh nhờn. Tội ấy chẳng nhỏ đâu, nhưng chớ nên dùng đá dơ, ngói dơ.

4. Bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật lẽ đâu chẳng có chuyện cứu khổ ách? Quán Âm Bồ-tát tùy cơ chỉ dạy, há lẽ nào chẳng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương? Người niệm Phật lâm chung thấy Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn, há nên chấp chết cứng như thế? Nếu đúng là như vậy thì Phật cũng chẳng đáng gọi là Phật, Bồ-tát cũng chẳng đáng gọi là Bồ-tát. Sanh về Tây hã nên lấy tín nguyện làm gốc, nếu gặp nguy hiểm bèn niệm Quán Âm. Có tín nguyện thì khi mạng chung quyết định sanh về Tây Phương, hoặc chỉ chuyên nhất niệm A-di-đà thì gặp khổ ách cũng được giải thoát. Những điều cảm ứng như vậy được sách cổ ghi chép càng khó tính kể. Nay trong trần lao thì chuyện gì cũng viên thông, nhưng trong tu trì thì chuyện gì cũng chấp chết cứng, chẳng đáng viên thông mà lại làm lạc viên thông, chẳng đáng chấp trước mà cứ chấp trước chết cứng. Do điều này mà biển khổ sóng dậy liên tục, luân hồi không ngừng nghỉ vậy. Người có kiến giải như vậy khác nào trẻ nít, con người như vậy nào đáng để cùng bàn luận nữa!

8. Thư trả lời pháp sư Như Sầm

Vừa nhận được thư xong, lại nhận được Tư Quy Tập, khôn ngăn cảm thán! Do tọa hạ đề xướng pháp môn Tịnh độ mà Quang mục lực lẫn tinh thần cả hai đều chẳng đủ, chẳng thể phụ giúp, thật là thiếu sót, tiếc nuối. Vì vậy bèn đọc các điều được đề xướng và những điều đã bàn định. Trong những điều được bàn định, những chữ tôi khoanh một vòng tròn nhỏ bên cạnh là tán thành, hoặc có phê đại lược một hai câu, xin hãy chiêm chước thêm. Chỉ có phần nói về cách niệm truy đánh¹² của sư Hán Nguyệt Pháp Tạng thì trong chỗ lợi người có ẩn tàng cái họa gây làm lạc cho người, vàn muôn phần chớ nên sao lục. Dẫu bài thơ ấy hay, cũng xin nên gạt bỏ đi!

Ông ta (tức Hán Nguyệt Pháp Tạng) là kẻ oán đối trong nhà Phật, lúc đầu thân cận tổ Mật Vân Viên Ngộ chùa Thiên Đồng, ngộ được đôi chút, bèn muốn làm bậc đệ nhất cao nhân muôn đời, tự nói mình không có thầy mà tự ngộ. Ngài Mật Vân muốn phó chúc pháp của mình cho ông ta, ông ta không chịu tiếp nhận bỏ đi. Mật Vân đuổi theo, đuổi đến chỗ nọ thì bắt kịp, ông ta vẫn không chịu nhận. Mật Vân ép buộc, ông ta bèn dùng *tam huyền, tam yếu*¹³ buộc Mật Vân đáp lời

¹² Truy Đánh là cách niệm Phật liên tiếp, chưa dứt câu này đã niệm tiếp ngay câu khác, không xen hở chút nào, giống như câu này gối đầu lên câu kia nên gọi là truy đánh. Cách này chỉ có thể áp dụng trong chốc lát khi vọng tưởng quá mạnh mẽ, không nên niệm trong một thời gian dài sẽ bị tổn khí thành bệnh.

¹³ Tam huyền, tam yếu là phương pháp được tông Lâm Tế áp dụng để tiếp dẫn học nhân. Tam huyền là:

rồi mới miễn cưỡng tiếp nhận dòng pháp. Những chuyện ông ta nói đều là xằng bậy bịa ra, nhưng bọn sĩ đại phu lại tin thờ như Phật sống; kẻ nào bàn đến những chỗ phá hoại của Pháp Tạng ắt sẽ mắc đại họa! Vì thế trong ngữ lục của ông ta cũng như trong ngữ lục của bọn học trò là Hoàng Nhãn, Cụ Đức toàn là những lời nói nhăng nói cuội đề cao thầy, miệt thị tổ, được lưu truyền cho đến thời Khang Hy bèn được ghép thêm vào Minh Tạng¹⁴ (Đại tạng kinh bản đời Minh).

Đến năm Ung Chánh 11 (1733), vua Ung Chánh soạn các ngữ lục, hiểu rõ [ngữ lục của bọn Pháp Tạng, Hoàng Nhãn, Cụ Đức] là sai lầm, xằng bậy, liền hạ lệnh hủy bản khắc và cấm ngặt lén lút cất giữ, lưu truyền. Vua chép lại những lời bịa đặt xằng bậy nghịch lý, trái đạo, trái luân thường của Pháp Tạng, Hoàng Nhãn, Cụ Đức gồm hơn 80 đoạn, mỗi mỗi đều quở trách [tạo thành một cuốn sách] đặt tên là Giản Ma Biện Dị Lục, gồm 4 quyển, hơn 200 trang. Văn ấy phàm những ai đọc sách xem đến đều tăng trưởng học thức lớn lao không chỉ hơn được, đối với người tham thiền lại càng hữu ích (nay những thiền giả phần nhiều chẳng hiểu lời nói của cổ nhân, cứ hiểu theo kiểu chia chẻ mặt chữ thì khí vị nhà Thiền còn chưa được nghe nữa là!) Đến năm Ung Chánh 13 (1735) mới hoàn thành bản thảo. Vua

1. Thể trung huyền: lời nói hoàn toàn không bóng bẩy, chỉ căn cứ theo chân tướng và đạo lý của sự vật để diễn tả.

2. Cú trung huyền: lời nói chân thật chẳng dính dấp vào tình thức phân biệt, không câu nệ vào ngôn ngữ với mục đích khiến người học hiểu được ý nghĩa huyền diệu.

3. Huyền trung huyền (dụng trung huyền): những câu nói huyền diệu xa lìa hết thảy những đối đãi và gông cùm ngôn ngữ.

Tam Yếu là “lời lẽ không phân biệt, tạo tác; vào thẳng chỗ huyền áo, dứt bật ngôn ngữ”.

¹⁴ Minh Tạng, gọi đủ là Minh Bản Đại Tạng Kinh, hoặc Minh Bản, gồm có năm loại:

1. Hồng Vũ Nam Tạng (Sơ Khắc Nam Tạng), được khắc theo lệnh của Minh Thái Tổ, mãi cho đến năm đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1402) mới xong, có thuyết nói là tới năm Hồng Vũ 31 (1398) đã khắc xong. Bản khắc xong được giữ tại chùa Báo Ân ở Nam Kinh, gồm 1.612 bộ kinh. Bản này cũng được bảo tồn tại chùa Khoái Hữu thuộc quận Phong Phố, Nhật Bản.

2. Vĩnh Lạc Nam Tạng, khắc từ năm Vĩnh Lạc thứ 10 (1412) đến năm Vĩnh Lạc 15 (1417) mới xong, bản này cũng khắc tại Nam Kinh, nội dung giống bản Hồng Vũ nhưng được giáo chánh cẩn thận hơn và tăng thêm một số kinh nữa thành 1.625 bộ kinh, chia thành 6.331 quyển.

3. Vĩnh Lạc Bắc Tạng: cũng được khắc theo lệnh của Minh Thành Tổ, bắt đầu khắc vào năm Vĩnh Lạc 18 (1420) mãi cho đến năm Chánh Thống thứ năm (1440) đời Minh Anh Tông mới xong, gồm 1.615 bộ, tức là đã lược bỏ một số trước tác ra khỏi tạng. Về sau, tuân lệnh của mẹ vua Minh Thần Tông, đưa thêm 35 bộ như Hoa Nghiêm Huyền Đàm Hội Huyền Ký v.v. vào tạng, trở thành 1.660 bộ kinh sách.

4. Vũ Lâm Tạng: được khắc in dưới niên hiệu Gia Tĩnh, được khắc ván tại Vũ Lâm tỉnh Chiết Giang, tạng này nay đã thất truyền.

5. Lăng-nghiêm Tự Bản, còn gọi là Vạn Lịch Bản, Mật Tạng Bản, Gia Hưng Bản, Kính Sơn Bản v.v. được khắc in vào năm Vạn Lịch 14 (1586), do ngài Mật Tạng Đạo Khai phát nguyện đứng ra khắc in tại Kính Sơn (Chiết Giang), cuối cùng đem bản khắc về in tại chùa Lăng-nghiêm huyện Gia Hưng (Chiết Giang), hoàn thành cuối đời Vạn Lịch (1620). Bản này được lưu truyền rộng rãi nhất. Sau này, vào cuối đời Thanh còn bổ sung thêm những trước tác được triều đình chấp thuận cho nhập tạng gọi là Tục Tạng, rồi Hựu Tục Tạng gồm 185 bộ nữa. Như vậy, bản Minh Tạng được tổ Ấn Quang nói đến ở đây chính là phần Tục Tạng của tạng kinh này.

truyền dụ đưa bản ấy nhập tạng để lưu thông, nhưng chưa bao lâu đã lên làm khách côi trời. Càn Long kế vị, chưa thể đích thân lo liệu được, liền sai người khác chép lại cho rõ ràng để khắc ván.

Khi ấy, bọn ngoại hộ của Pháp Tạng rất đông, tăng tục không dám bàn đến, vì thế Giải Ma Biện Dị Lục chưa được nhập tạng; chỉ đem lời thượng dụ của Ung Chánh đặt vào đầu sách để làm lời tựa, nhưng chuyện triều đình chẳng sai khiến tới mình, đâu ai dám lạm bàn, mà người sao chép lại không hiểu rõ ý nghĩa lắm, cho nên gạn lọc không rõ ràng đến nỗi lời văn mâu thuẫn lý, hoặc có chỗ trong nguyên cáo viết tắt nhưng không xét kỹ nên chép thành sai ngoa. Như theo lối chữ thảo, chữ vị (謂: nói) được viết thành vi (為: làm), rốt cuộc hơn một trăm chữ vị đều bị khắc thành chữ vi cả! Những kinh sách của Thế Tông đã được khắc in đều giáo chánh đích xác, chỉ có mình sách này bị sai lầm chẳng thể đếm xiết. Ván in đã khắc hoàn chỉnh rồi, in ra bao nhiêu đó bộ, ban cho những vị đại thần mang tước vương và các cao tăng. Nhưng do bọn ngoại hộ của Pháp Tạng thế lực mạnh mẽ, tăng chúng sợ mang họa, đều chẳng dám lưu truyền, đến nỗi hàng tăng tục học rộng nghe nhiều đời sau đều chẳng biết đến tên sách ấy.

Năm Quang Tự 30 (1904), ngài Đế Nhân thỉnh tạng kinh, sai Quang đi theo trông nom. Kinh đã in xong, còn phải chờ mấy ngày mới đi được; do vậy tôi đến viếng các tiệm sách ở Lưu Ly Xưởng¹⁵, thấy trong một tiệm có hai bộ đều thỉnh hết, đem một bộ tặng cho ngài Đế Nhân, mong ngài sẽ lưu thông, một bộ tự giữ. Năm Quang Tự 31 (1905), Quang tới chỗ ông Dương Nhân Sơn cư ngụ tại Bắc Kinh, biết thư viện Hoàng Giáo của Nhật Bản đang ấn hành Đại tạng kinh, bèn cậy tiên sinh Dương Nhân Sơn đem bộ của Quang gởi sang Nhật Bản. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), ông Dịch Sở Thanh đến Phủ Đà, Quang khuyên ông ta lưu thông sách này, bảo ông ta nên xin bộ sách ấy từ chỗ ngài Đế Nhân. Ông ta thưa: “Con có!” Hỏi do đâu mà có, ông ta cho biết mua được từ tiệm ve chai ở Bắc Kinh. Ông ta trở về đất Thân (Thượng Hải), liền giao cho nhà in, chiếu theo cách trình bày của sách ấy in ra một ngàn bộ theo lối thạch bản, gởi cho Quang tám bộ, giữ lại hai bộ, còn bao nhiêu tặng cho người hữu duyên. Quang bèn lắng lòng dựa theo ý nghĩa câu văn để giáo chánh.

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cho khắc ván tại Tàng kinh viện Dương Châu, in ra 300 bộ tặng cho người khác. Nếu như khi đường bưu điện thông suốt thì sẽ thỉnh thêm sách ấy mấy bộ nữa để tặng cho những vị tăng tục có đủ chánh kiến. Đọc sách ấy sẽ biết Pháp Tạng là người như thế nào, và lời lẽ của bọn pháp đồ

¹⁵ Lưu Ly Xưởng là tên một “phố văn hóa” nổi danh ở Bắc Kinh, dọc theo con đường này toàn là những cửa tiệm chuyên bán các sản phẩm văn hóa và sách vở rất có giá trị.

ông ta phần nhiều là đặt điều bịa chuyện. Quang cho rằng tọa hạ chẳng biết ông ta là chân hay ngụy, nên mới đưa [trước tác của ông ta] vào trong Tư Quy Tập, đời sau sẽ lại hoảng dương rộng lớn pháp của ông ta, sẽ gây tổn thất lớn lao cho cả Thiền lẫn Tịnh! Nay tôi cũng chẳng nói đến hành vi của ông ta, nhưng dù không nhắc đến, nếu đọc Giản Ma Biện Dị Lục ai nấy sẽ biết rõ liền. Bưu phiếu đã quên mất số, xin gởi trả lại để giảm bớt lỗi của tôi.

Trong bản thảo Tư Quy Tập, những đoạn sao lục được viết theo lối chữ thông tục (tục thể) quá nhiều, chẳng thể nêu trọn. Nhưng chữ đoạn (段), theo tương truyền, chữ ấy phần nhiều bị viết sai thành 段, ở đây cần phải sửa cho đúng: Chữ 段 tức là chữ giả (假), [chứ không phải chữ đoạn]. Phàm những lối chữ tục thể, phá thể, thiếp thể, cổ thể¹⁶ đem dùng vào kinh sách, tôi cảm thấy rất không cung kính, khiến cho hàng sĩ đại phu có học thức khinh mạn người viết lẫn người in, chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt đâu!

Cái tên “Ngũ Thập Tam Tham” (năm mươi ba lần tham học) quyết chẳng nên dùng vì coi đức Thế Tôn hai cỡi ngang hàng phàm phu đời mạt, đánh mất tôn ty quá lớn. Những lời nguyện được sao lục dưới tên đức A-di-đà Phật hãy nên đánh số thứ tự là nguyện thứ mấy, mỗi nguyện đều như thế, xin hãy chú ý. Pháp *ngũ hội niệm Phật* của Tứ tổ¹⁷ tôi chưa hề thấy nghe, ngờ là do người đời sau ngụy

¹⁶ Tục thể là một lối viết chữ Hán cho nhanh gọn phổ biến trong dân gian. Lối viết này đã hình thành từ thời Lục Triều, phổ biến nhất vào thời Tùy - Đường. Tục thể về sau được áp dụng chủ yếu trong công cuộc xây dựng chữ Hán giản thể tại Hoa Lục. Đặc điểm của tục thể là bỏ bớt nét nếu có thể, chẳng hạn chữ đáp (答) được viết thành 荅, thư (書) viết thành 书, hoặc sử dụng những chữ có âm gần giống nhưng ít nét hơn để thay thế như đăng (燈) viết thành 灯, phần (墳) viết thành 坟.

Có hai cách hiểu chữ phá: một là không hoàn chỉnh, hai là vượt ra ngoài khuôn khổ quy định một cách táo bạo, sáng tạo. Đa phần chữ phá thể được dùng với ý nghĩa thứ hai. Theo Thư Pháp Tiểu Từ Điển (Tạ Đức Hoa, Tôn Đôn Tú biên soạn, Bắc Kinh Xuất Bản Xã ấn hành) thì: “Phá thể là những chữ viết theo lối tục thể, hoặc vận dụng âm nghĩa giống nhau mà thành. Hoặc là biến thể của lối hành thư, do Vương Hiến Chi đời Tấn (con của Vương Hy Chi) biến đổi lối viết hành thư, sáng chế một lối viết riêng, biến đổi tự dạng.” Nói cách khác, phá thể là những kiểu viết tung hoành, bay bướm, tùy hứng không tuân thủ những nguyên tắc của những lối chữ truyền thống như *chân, hành, triện, thảo, lệ*, đến nỗi nếu không nghiên cứu về lối chữ này sẽ không thể đọc được.

Thiếp thể là một lối viết chuyên biệt để dành viết thiếp, gần giống với phá thể.

Cổ thể là lối viết chữ Hán theo thời cổ, thường là những chữ được viết thời Tần - Hán, thường rất khác với chữ hiện thời, chẳng hạn chữ nhân (人) viết theo lối cổ thể sẽ giống như chữ nhập (入), còn nhập lại viết giống như chữ bát (八).

¹⁷ Tứ tổ Pháp Chiếu có soạn một tác phẩm mang tựa đề Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Tụng Kinh Quán Hạnh Nghi Quỹ (thường gọi tắt là Ngũ Hội Pháp Sự Nghi), ba quyển, nhưng bị thất truyền từ lâu. Mãi đến năm 1908, ông Pelliot người Pháp tìm được hai quyển trung và hạ của tác phẩm này tại Đôn Hoàng, gồm 21 bài tán tụng. Theo truyền thuyết, Tứ tổ từng được Đại sĩ Văn-thù dạy cách niệm Phật theo ngũ hội khi triều bái Ngũ Đài, nhưng cách này đã thất truyền từ lâu; người đời sau phỏng theo những lời dạy trong bộ Ngũ Hội Pháp Sự Nghi chế ra lối niệm Phật gồm năm khúc, từ chậm rãi uyển chuyển đến nhanh dần, âm thanh cao dần lên, đến hội thứ năm chỉ còn niệm bốn chữ hồng danh. Sở dĩ chia thành ngũ hội là nhằm thể hiện ý nghĩa trừ ngũ khổ, đoạn ngũ cái, tịnh ngũ nhãn, đủ ngũ căn, thành ngũ lực,

tạo. Ông Trương Quán Bồn cho rằng pháp này có thể khiến cho Tịnh tông hưng thịnh, Quang trọn chẳng cho như vậy là đúng. Mong hãy châm chước cẩn thận để quyết định giữ hay bỏ. Tôi vốn chẳng thể soạn lời tựa cho sách này vì không có tinh thần làm sao nêu tỏ được nghĩa lý màu nhiệm của Tịnh độ? Kế đó, sợ tọa hạ quở trách, chỉ viết những gì Quang tin tưởng để mong khỏi bị trách mắng, cho nên khác với những điều đã nói trong thư.

9. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ nhất)

Ông tuổi mới vừa nhược quan (hai mươi) hãy nên tham học trước, chớ nên bày thói lạ, lộ vẻ kỳ, ra dáng hành hạnh đầu-đà. Có lẽ nên đến chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai thân cận pháp sư Tĩnh Quyền, hiện thời giảng sư có khá nhiều vị, nhưng Quang chỉ biết mỗi vị này, nên mới nói như thế; những vị khác Quang không biết nên chẳng dám bảo bừa ông đến thân cận họ. Pháp danh của bà nội và mẹ ông đã đính kèm trong thư gởi đến, mong ông hãy khuyên họ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì sẽ phù hợp với pháp danh Đức Thuần và Đức Nhất vậy. Từ rày chớ nên gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời, cũng đừng đến đất Tô vì đã không thể ở chùa Báo Quốc được thì đất Tô sẽ không có chùa nào ở được đâu! Huống chi mười tám món đồ¹⁸ của ông khá cồng kềnh, tới lui chẳng dễ dàng. Học giáo ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai đâu chẳng thể trở thành bậc đại thông gia thì quyết cũng chẳng đến nỗi nhiễm theo thói đời bây giờ. Vì thế, kẻ mới phát tâm hãy nên suy xét cẩn thận rồi mới làm vậy.

10. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ hai)

Quang là ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, suốt đời ăn nhờ ở đậu chùa người khác, há nên khen ngợi quá mức như thế? Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ; tháng 11 năm ngoái đã đăng thông cáo trên hai tờ báo ở Thượng Hải, cự tuyệt hết thầy thư tín. Tọa hạ phát tâm Bồ-đề, sắm sửa đủ mười tám món vật, muốn hành hạnh đầu-đà, quả thật là hành hạnh khó hành, nhưng Quang trộm chẳng cho như vậy là đúng! Bởi lẽ, thời cuộc nguy hiểm, các nơi tai ương đói kém, liệu mình du hành vào nơi hoạn nạn, kinh Phạm Võng không chấp

đắc Bồ-đề, giải thoát trọn vẹn... Giai điệu của ngũ hội niệm Phật quá du dương nên dễ khiến người nghe say đắm nhạc điệu, không chú trọng nhiếp niệm. Do giai điệu ngũ hội niệm Phật được lưu hành cho tới hiện thời vẫn là mạo danh Tứ tổ nên bị tổ chê trách.

¹⁸ Đây là mười tám món vật tùy thân của tăng sĩ hành hạnh Đầu Đà thường mang theo bên mình: Nhành dương (để chà răng cho miệng thơm sạch, tương ứng bàn chải đánh răng hiện thời), thảo đậu (những loại bột đậu có chất nhờn nhẹ hòa với đất sét để kỳ cọ chất bẩn trên thân khi tắm gội, rửa ráy, giống như xà-phòng), ba áo ca-sa, bình đựng nước, bát, đồ ăn (đồ trái để nằm hay ngồi), tích trượng, lò hương, dây lọc nước, khăn tay, dao (để cạo tóc, cắt móng tay, cắt y v.v.), đá lửa và bùi nhùi (để đánh lửa khi cần dùng), nhíp nhổ lông mũi, giường do những sợi dây bện thành (không phải võng), quyền kinh, giới bản, tượng Phật, tượng Bồ-tát.

nhận đau. Do vậy, hãy nên tìm một nơi chân thật tu đạo, giữ tâm khiêm hạ, chết sạch những vọng động, tu trì tịnh nghiệp, so ra có ích hơn hằng ngày du hành, bồn ba nhọc nhằn. Phong tục ở nước ta chẳng giống như thời đức Phật tại thế, hãy thuận theo thời tiết mà lượng định oai nghi mới là người thông suốt. Nếu ông vẫn nhất quyết chẳng chịu thay đổi chương trình đã định, Quang cũng không ép. Nhưng sau này chớ nên gởi tới một chữ nào nữa, gởi đến quyết không trả lời. Ông đi đường ông, tôi giữ chí tôi! Huống chi Quang sẽ chết trong sớm tối, nào còn dám xen vào chuyện người khác.

Vì sao biết tượng chú Đại Bi¹⁹ là nguy tạo? Bởi lẽ chú có vô lượng nghĩa lý, sao có thể lấy một tượng làm chuẩn mực? Chú ấy do đức Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Phật²⁰ nói ra trong vô lượng kiếp trước, sao lại cũng nhắc tới đệ tử của Phật Thích-ca là A-nan? Sao lại còn nhắc đến Mã Minh, Long Thọ là những vị chỉ xuất hiện sau khi đức Phật Thích-ca đã nhập diệt? Đại Bi Sám Nghi của đại sư Tứ Minh Pháp Trí²¹ người ta không thấu hiểu được, cứ thường coi trọng hình tượng, đủ thấy tăng sĩ đời sau phần nhiều không hiểu rõ giáo lý.

¹⁹ Đây là một cách giải thích chú Đại Bi không biết phát xuất từ thời nào, mỗi câu trong bài chú Đại Bi tương ứng với một hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát hoặc một vị Bồ-tát, Thanh văn nào đó, chẳng hạn câu “ma-ha ca-rô-ni-ca-da” là Mã Minh Bồ-tát hiện thân, “nam-mô tất-cát-lật-đỏa y môn” là Quán Thế Âm hiện thân Long Thọ Bồ-tát, câu “địa rị ni” là Quán Thế Âm Bồ-tát hiện thân Sư Tử Vương Bồ-tát, “bồ-đà-đạt-bồ-đà-đạt” là Quán Thế Âm hiện thân tôn giả A-nan v.v..

²⁰ Trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quán Thế Âm Bồ-tát tự bạch nhân duyên như sau: “Bạch đức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai, đức Phật ấy vì thương nghĩ đến con và tất cả chúng sanh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, Ngài lại dùng tay sắc vàng xoa đánh đầu con mà bảo: ‘Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này và vì khắp tất cả chúng sanh trong cõi nước ở đời vị lai mà làm cho họ được sự lợi ích an vui lớn.’ Lúc đó, con mới ở ngôi Sơ Địa vừa nghe xong thân chú này liền chứng vượt lên Đệ Bát Địa. Bấy giờ con rất vui mừng, liền tự phát thệ rằng: ‘Nếu trong đời vị lai con có thể làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh với thân chú này thì xin khiến cho thân con liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt.’ Khi con phát thệ rồi, ngàn tay ngàn mắt đều hiện nơi thân...” (theo bản dịch của hòa thượng Thiên Tâm).

²¹ Tôn giả Tứ Minh (960-1028), chính là ngài Tri Lễ, pháp hiệu Pháp Trí, một vị cao tăng Tông Thiên Thai. Ngài quê ở Tứ Minh (thuộc huyện Cạn tỉnh Chiết Giang), lên 7 tuổi mất mẹ bèn phát nguyện xuất gia, mới 15 tuổi đã được đặc cách thọ giới cụ túc, năm 20 tuổi sang chỗ ngài Bảo Vân Nghĩa Thông học Thiên Thai Giáo Quán, chỉ một buổi đã tinh thông. Năm Chí Đạo thứ nhất (995), ngài được thỉnh về làm trụ trì chùa Bảo Ân núi Tứ Minh, ba năm sau chùa được sắc tứ là Diên Khánh Tự. Sư hoằng pháp giảng kinh tại đây hơn 40 năm, khắp cả vùng Đông Nam Trung Hoa đều theo học. Sư cùng với đại sư Tuân Thúc là những nhân vật chủ chốt của Thiên Thai Xuất Gia Phái, đối lập với Sơn Ngoại Phái của Ngô Ân, Hồng Mẫn, Nguyên Thanh v.v.. Sư bình sinh dốc sức biên soạn sám pháp và giảng các bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa (bảy lần), Pháp Hoa Văn Cú (tám lần), Ma-ha Chỉ Quán (tám lần), Đại Niết-bàn Kinh Sớ (một lần), Kim Quang Minh Huyền Nghĩa Sớ (mười lần), Quán Âm Biệt Hành Huyền Sớ (bảy lần), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (bảy lần). Sư chuyên tu Pháp Hoa Sám, mỗi kỳ tu tập là 21 ngày đêm hành trì liên tục. Sư còn chuyên tu Di-đà Sám Pháp 50 lần. Sư từng đốt ba ngón tay cúng Phật, mỗi năm tổ chức pháp hội niệm Phật thí giới. Sư trước tác rất nhiều, hiện còn giữ được các bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao, Kim Quang Minh Kinh Văn Cú Ký, Giải Báng Thư, Đại Bi Sám Nghi, Tu Sám Yếu Chỉ, Quang Minh Sám Nghi, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Dung Tâm Giải, Quán Âm Biệt Hành Huyền Nghĩa Ký, Quán Âm Biệt Hành Sớ Ký, Thích Thịnh Quán Âm Sớ Trung Tiêu Phục

Ông đã coi trọng trì luật thì hãy nên đọc phần nói về mười tám món vật trong các bản chú sớ kinh Phạm Võng, cần gì Quang phải nói tường tận từng món nữa đây? Ông soạn bài kệ rất hay, nhưng có chỗ hơi không thích đáng lắm, tôi sửa đổi đôi chút. Hãy nên lấy những lời lẽ sám hối của cổ nhân làm chuẩn, bởi những thứ do con người hiện thời soạn ra từ ngữ lẫn lý lẽ hoàn toàn chẳng được chu đáo như cổ nhân. Ông đi hành cước há nên gởi tiền cho Quang! Tính gởi sách cho ông, lại sợ ông đã khởi đơn²² không có chỗ nhất định, không biết phải gởi sách về đâu, cũng như do ông du hành mang vác vất vả nên chẳng gởi nữa.

11. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ ba)

Nam-mô A-di-đà Phật chính là danh hiệu đức giáo chủ thế giới Tây Phương Cực Lạc, gã ma con tên X... bèn y theo cách giải thích của gã ma con trước kia để phô trương âm ỉ, muốn cho hết thấy những kẻ mù lòà khen hấn là bậc đại ngộ, nên mới tạo ra thứ ma thuyết ấy. Người mắt sáng trông thấy biết hấn bị ma dựa, mắt trí điên cuồng, chẳng y theo những gì kinh Phật đã dạy, xằng bậy thêm thất lời ma.

Sao ông chẳng biết kinh A-di-đà đã dạy: “Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A-di-đà? Nay Xá-lợi-phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi không bị chướng ngại nên hiệu là A-di-đà. Lại nay Xá-lợi-phất! Đức Phật ấy và nhân dân của ngài thọ mạng vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp nên tên là A-di-đà.” Đây là những lời đức Phật Thích-ca đã nói, gã ma tử X... chẳng noi theo lời Phật, mà dựa theo lời gã ma con trước kia đã nói, há chẳng phải là quyền thuộc của ma vương, thật sự là báng pháp ư? Nếu gởi những câu nói ấy cho người khác thì đời sau chẳng đọa địa ngục cũng sẽ mù mắt. Nếu ông chẳng hủy diệt sách ấy thì cũng sẽ mù mắt đây!

Nay tôi giải thích đại lược cho ông, sáu chữ “Nam-mô A-di-đà Phật” đều là tiếng Phạn. Nam-mô cũng có khi viết là nã-mô, trong kinh thường dùng chữ nam-mô, ở đây dịch là “cung kính, quy mạng, đánh lễ v.v.”. Hai chữ ấy nhằm biểu thị trực tiếp ý nghĩa cung kính quy y. A-di-đà Phật cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, còn dịch là Vô Lượng Quang, ý nói đức Phật này quang minh lẫn thọ mạng đều vô lượng. Gã ma con tên X... nọ chẳng dựa theo lời của Phật, Bồ-tát, tổ sư đã nói, ngược ngạo y theo lời gã ma con kia nói, gã ấy còn chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huống hồ đáng gọi là thiện tri thức ư?

Tam Dung, Văn Mục Nhị Thập Thất Điều Đáp Thích, Nhị Thập Văn, Biệt Lý Tùy Duyên, Nghĩa Lệ Cảnh Quán v.v..

²² Vị tăng rời chúng đi nơi khác gọi là “khởi đơn” hay “trừu đơn”. Khi xưa tăng chúng chỉ nằm trên những miếng ván kê thành hàng, vừa đủ một người nằm nên gọi là đơn.

Hiện tại tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, chỉ nên tự biết, đừng nên tranh biện với chúng nó. Vì sao vậy? Chúng nó muốn nhờ vào đây để được danh văn lợi dưỡng, chẳng những không chịu thuận theo mà trái lại còn tăng thêm sức ma của chúng nó. Nhẹ là hủy báng cho sượng miệng, nặng là bị hãm hại ngấm ngầm, chẳng thể không biết điều này! Giác Sách Biểu vẫn là khuyên người khác niệm Phật, bài thơ ấy cũng không nêu rõ được ý nghĩa sâu mầu nào. Đọc thơ của ông ta, sao bằng đọc thơ của quốc sư Trung Phong, đại sư Sở Thạch, pháp sư Tĩnh Am?

12. Thư trả lời đại sư Ứng Thoát (thư thứ tư)

Người tu tịnh nghiệp cần phải nghiêm trì tịnh giới, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, chí thành cung kính trì danh hiệu Phật, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều phải nhiếp tai lắng nghe. Thường nghe thấy tiếng niệm Phật, tâm sẽ tự quy nhất. Cách này ổn thỏa, thích đáng nhất, bất luận thượng trung hạ căn đều được lợi ích, trọn không lo bị bệnh. Nay gởi cho ông hai gói Ngũ Kinh, Thập Yếu v.v., mong hãy đọc kỹ sẽ tự biết sự sâu xa, rộng lớn của pháp môn, chẳng đến nỗi bị tri thức các tông khác lay chuyển, lung lạc. Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa. Gởi đến quyết không trả lời, vì mục lực chẳng thể thù tiếp nổi!

13. Thư trả lời sư Minh Tâm

Bé quan chuyên tu tịnh nghiệp thì hãy nên lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Khóa sáng vẫn chiếu theo lệ thường tụng Lăng-nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú. Nếu không thuộc chú Lăng-nghiêm thì chẳng ngại gì hằng ngày cứ xem kinh mà tụng, đến khi thật thuộc rồi hãy niệm thuộc lòng. Khóa tối thì kinh A-di-đà, Đại Sám Hối, Mông Sơn cũng phải thường niệm hằng ngày. Ngoài ra, nên niệm Phật từ sáng đến tối, đi đứng nằm ngồi thường niệm.

Lại lập một quy củ, sáng niệm một lần; trước khi chưa niệm, lạy bao nhiêu đó lạy (trước hết lạy Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật ba lạy, rồi lạy A-di-đà Phật bao nhiêu đó lạy, rồi lễ Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi vị ba lạy, rồi lễ thường trụ thập phương hết thầy chư Phật, hết thầy tôn pháp, hết thầy hiền thánh tăng ba lạy). Hoặc niệm Phật một ngàn tiếng, hoặc nhiều hơn hay ít hơn. Niệm xong lại lễ chừng đó lạy, buổi sáng một lần, buổi chiều một lần, rồi nghỉ một khắc để tụng khóa tối, đầu hôm niệm Mông Sơn, sau đó niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, lễ bao nhiêu đó lạy, phát nguyện hồi hướng, tam quy y xong, trong tâm thầm niệm Phật hiệu để dưỡng hơi. Lúc nằm chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng nên niệm ra tiếng, niệm ra tiếng sẽ tổn khí, lâu ngày sẽ thành bệnh. Dầu là ngủ

ngủ trong tâm vẫn thường giữ lòng cung kính, chỉ cầu tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, niệm niệm tương ứng với Phật hiệu. Nếu tâm khởi lên tạp niệm, liền lập tức nhiếp tâm kiên thành niệm, tạp niệm sẽ tiêu diệt ngay.

Đừng nên mù quáng dấy lên vọng tưởng, mong đắc thần thông, đắc duyên pháp, được tiếng tăm, mong xây chùa dựng miếu. Nếu có những thứ ý niệm ấy, lâu ngày chầy tháng ắt sẽ bị ma dựa. Nếu chẳng nói toạc những điều này với ông, sợ rằng ông sẽ tưởng những ý niệm ấy là tốt, vọng tưởng ngày ngày tăng trưởng, chắc chắn sẽ bị ma dựa không còn ngờ chi. Dầu cho tâm đã tịnh, vọng bị khuất phục, cũng chớ nên sanh lòng hoan hỷ, tự khoe khoang với người khác, có một phần bèn nói tới mười phần, đấy cũng là cái gốc để bị ma dựa. Phàm có ai đến thăm, đều khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Lại còn gặp cha nói từ (nghĩa là dạy con noi theo đạo “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ” để hành, đấy gọi là từ. Nếu nuông chiều chẳng dạy dỗ, dạy cho con học thói hư hỏng thì gọi là hại, chứ chẳng gọi là từ được! Chuyện này người đời trong trăm kẻ có đến chín mươi chín kẻ không biết, vì thế biến thành thời thế tàn sát lẫn nhau này. Nếu như ai nấy đều dạy con đúng đạo thì thế đạo thái bình, chẳng có người xấu. Những kẻ xấu đều là do cha mẹ chúng nó dưỡng thành, tiếc rằng không có ai đề xướng, người biết quá ít, chẳng đáng tiếc lắm thay!), gặp con nói hiếu, gặp anh nói yêu thương, gặp em nói cung kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy trọn hết chức phận, sẽ là thiện nhân. Lại phải nói với phụ nữ (mà cũng nên nói với nam giới): Phải dạy cho con gái tánh tình mềm mỏng, hòa hoãn từ bé, dầu gặp chuyện không vừa ý cũng chẳng nổi nóng. Tập quen thành tánh, chẳng những vô cùng có lợi cho chính mình mà gia đình cũng được hòa thuận tốt lành, con cái ắt sẽ chẳng chết yểu, tánh tình hiền thiện, nước nhà vui mừng có được hiền tài.

Nữ nhân tánh tình quá nóng nảy sanh con phần nhiều bị chết hoặc lắm bệnh. Bởi lẽ hỏa nổi đóa lên, sữa liền biến thành chất độc. Nóng giận quá mức, cho con bú nó chết ngay lập tức; bớt nóng hơn một chút thì nửa ngày sau, một ngày sau nó mới chết; hơi nóng giận thì con không chết, nhưng chắc chắn cũng sanh bệnh. Đây chính là sự lý nhất định không thay đổi được. Giới y khoa nước ta trọn chẳng hề nhắc đến, do vậy Quang phải nói rõ điều này. Do hiện tại thời cuộc chẳng yên ổn, đường sá ngăn lấp, không cách nào lưu truyền rộng rãi, cho nên nói với ông và Thanh Thái, phàm những ai học y hãy đều nên nói với họ điều này, mỗi năm sẽ cứu được vô số trẻ thơ: Trong khoảnh khắc nhất định phải chết hay bị bệnh, sẽ được an lành, không bệnh tật, nên người. Công đức phóng sanh lớn lao, nhưng chuyện này công đức so ra còn lớn hơn phóng sanh nữa! Dùng công đức này để

hồi hướng vãng sanh, chắc chắn được mãn nguyện. Có ai thường chịu nói điều này với hết thầy mọi người thì cũng vun bồi công đức không gì lớn bằng. Do ông biết y thuật, đây là chuyện cứu người từ căn bản, là pháp lành không có hình tích gì để có thể thấy được. Nhân sĩ nơi quê tôi trọn chưa thấy nghe lời này. Ông có thể nói với những người quen biết ắt sẽ có thể từ một truyền mười, mười truyền trăm, cho đến ngàn vạn vô tận vậy.

Nghi thức nhập quan (bắt đầu bế quan) cũng không có quy cách nhất định, nói chung lấy cung kính chí thành làm chủ. Cần phải trong ngày hôm trước [ngày chính thức bế quan], lễ Phật tỏ bày chí nguyện của chính mình, rồi ngay trong hôm ấy (tức ngày chính thức bế quan) sẽ lễ Phật nơi đại điện, đến quan phòng (nơi bế quan) bảo người hộ quan khóa cửa. Trên cửa quan phòng dán một tờ thiếp (Bất Huệ minh tâm, phát tâm bế quan, chuyên tu tịnh nghiệp, khắp vì mình và người sám trừ lỗi cũ, tăng trưởng thiện căn), viết hai hàng chữ trên một tờ giấy, dán ngay chính giữa trên ô cửa, không cần phải bắt chước kẻ không hiểu sự: Dùng phong bì hình chữ ba, viết những điều thệ nguyện để niêm phong cửa quan, thô kệch đến cùng cực! Thời hạn do mình chọn lựa, cũng chớ nên thỉnh người khác đến niêm phong cửa quan phòng. Những kiểu ấy đều là những kiểu cách bày vẽ rỗng tuếch, Quang hết sức chẳng thấy như vậy là đúng!

14. Thư trả lời đại sư Minh Tánh

Nhận được thư đầy đủ cả, ông khen ngợi tôi quá lộ khiến cho người ta bất an! Quang là người lòng nghĩ thế nào miệng nói toạc ra như thế ấy, chẳng khen ngợi người khác quá lộ, chẳng nhận tiếng khen của người khác. Tuổi tuy tám mươi nhưng chẳng biết một điều gì! Vì thế, chỉ lấy niệm Phật làm phương kế tự giải thoát, nhưng do nghiệp nặng, trọn chẳng có sở đắc gì, do có sáu chục năm trải đời nên những lời nói ra chẳng đến nỗi chán tai người khác. Tọa hạ đã chẳng coi rẻ Văn Sao là hủ bại, dơ bẩn, thì hãy nên y theo những gì Văn Sao đã nói để tu tập, quyết chẳng đến nỗi làm hỏng đại sự của ngài. Còn như chuyện đến núi thì quả thật không cần thiết! Pháp môn Tịnh độ trọn chẳng có chuyện “miệng truyền, tâm trao”, tùy ý để người khác tự hành lãnh hội từ nơi kinh giáo, trước thuật, không có gì là không được cả.

Chín vị tổ của Liên tông không phải là mỗi vị đều được đích thân truyền ngôi vị tổ như trong các tông khác, mà là do người đời sau chọn lựa, dựa trên công lao hoằng dương Tịnh tông sâu đậm của các ngài mà xưng tụng như thế, chứ thật ra đâu phải chỉ có chín hay mười vị. Quang sau khi xuất gia, phát nguyện chẳng thu

nhận đồ chúng, chẳng làm trụ trì, chẳng làm giảng sư, cũng chẳng tiếp nhận pháp²³ của người khác. Vào thời Đường - Tống vẫn còn có pháp truyền tâm ấn của Phật, chứ nay chỉ còn dòng phái các đời truyền thừa mà thôi, gọi là “pháp” cũng đáng tội nghiệp quá! Tịnh tông trọn chẳng có chuyện ấy.

Đến núi gặp gỡ Quang vẫn chẳng hữu ích bằng đọc sách, cổ nhân nói: “Gặp mặt chẳng bằng nghe tên.” Dầu có đến đây thì những gì tôi sẽ nói với tọa hạ vẫn là những lời lẽ trong Văn Sao, nào có bí pháp đặc biệt sâu mầu nào đâu? Mười mấy năm trước, cuối lá thư gởi cho Ngô Bích Hoa, tôi đã viết: “Có một bí quyết tha thiết bảo ban: Cạn lòng thành, tận lòng kính, mầu nhiệm vô cùng!” Hơn nữa, cuối chương Thế Chí Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm có nói: “Phật hỏi pháp Viên Thông, con không chọn lựa, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất.” “Không chọn lựa” là dùng trọn khắp *căn, trần, thức, đại* để niệm Phật. Niệm Phật cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, nhà Thiền cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Người đời nay ngộ được còn chẳng thấy nhiều, huống là bậc chứng Tứ quả (Tạng giáo²⁴) và Thất tín (Viên giáo²⁵) ư? (Tứ quả, Thất tín mới liễu sanh tử). Chỗ để thực hiện “nhiếp trọn sáu căn” là do nơi nghe, bất luận niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng, hoặc chẳng mở miệng niệm thầm trong tâm, đều phải nghe từng câu từng chữ cho rành rẽ, đây chính là bí quyết niệm Phật. Ba thứ *tín nguyện hạnh* là cương yếu của Tịnh độ, *nhiếp trọn sáu căn* là bí quyết niệm Phật, biết được hai điều này rồi thì chẳng cần phải hỏi ai nữa!

²³ Còn gọi là “kế thừa y bát”, tức vị thầy thấy trong số các đệ tử hoặc tăng sĩ đến nhập chúng tu học, người nào lãnh hội được giáo pháp mình đang truyền thụ, sẽ phó chúc cho vị đó nhận lãnh vai trò đứng đầu chúng, tiếp tục hoằng truyền giáo nghĩa (Có thể tạm hiểu thô thiển là giống như tiếp nhận chức chương môn trong các phái võ).

²⁴ Tạng Giáo (gọi cho đủ là Tam Tạng Giáo), là một trong bốn giáo (Tứ Giáo) do Tông Thiên Thai thành lập, tức là tên gọi khác của Tiểu Thừa. Sách Tứ Giáo Nghĩa quyển một, giảng: “*Giáo này hiểu rõ lý bốn Thánh Đế nhân duyên sanh diệt, chủ yếu dạy hàng Tiểu Thừa, kiêm dạy hàng Bồ-tát. Gọi là Tam Tạng Giáo thì một là Tu Đa La Tạng, hai là Tỳ Ni Tạng, ba là A Tỳ Đàm Tạng... Ba tạng này thuộc về Tiểu Thừa.*” Như vậy, giáo này chú trọng đến những giáo pháp Tiểu Thừa trong Tam Tạng kinh điển, cụ thể hơn là Tứ A Hàm của Kinh Tạng, Bát Thập Tụng Luật của Luật Tạng và các pháp nghĩa được phân biệt bởi đức Phật và các Thanh văn đệ tử.

²⁵ Theo tông Thiên Thai, viên có nghĩa là viên mãn hoàn bị chẳng thiên lệch. Theo Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển một, thì tuy những giáo pháp được nói trong Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát-nhã đều là viên đôn nhưng chưa phải là viên đôn triệt để, chỉ có kinh Pháp Hoa là viên đôn triệt để. Theo Ma-ha Chỉ Quán, trong Viên giáo lại chia thành bốn môn, tức:

1. Hữu môn: quán kiến hoặc, tư hoặc đều là giả, nhưng chúng chẳng lìa ngoài pháp giới, đầy đủ hết thầy Phật pháp.
2. Không môn: quán hết thấy pháp chẳng tại nhân, chẳng thuộc duyên, ngã và Niết-bàn đều là không.
3. Diệc hữu diệc không môn: không chính là giả, giả chính là không.
4. Phi hữu phi không môn: kiến hoặc, tư hoặc chính là pháp tánh, do vậy kiến hoặc và tư hoặc đều chẳng phải có (phi hữu). Pháp tánh chính là kiến hoặc, tư hoặc nên pháp tánh chẳng phải là không (phi không).

15. Thư trả lời pháp sư Nghĩa Thông (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết tâm sư hoàng pháp, bảo vệ đạo hết sức sâu đậm, thiết tha, khôn ngăn khiến người khác ngưỡng mộ khôn cùng! Trong cõi đời hiện thời, thô phi thấy người khác có chút tích cóp thì nếu chẳng cướp đoạt cũng sẽ bắt cóc. Cô trình nữ là phận gái, những người cùng sống đều là nữ giới, đang trong lúc loạn lạc cùng cực không có luật lệ này, lẽ đương nhiên nên tu ròng tịnh hạnh, há nên bỏ gốc theo ngọn, chú trọng xây cất ư? Pháp sư Tánh Nguyên, đại sư Giác Viên và tọa hạ sao đều chẳng nghĩ tới điều này? Mẹ ông Lý Tuấn Thừa đã chôn trong mộ rồi, bọn thô phi còn đào lên, khiêng đi, bắt phải chuộc. Nếu chẳng phải do cha mẹ ông ta và chính ông ta ăn ở có tình nghĩa sâu đậm với địa phương thì có ai ở Tổng thương hội Nam Dương chịu đánh điện xin chánh phủ ra lệnh cho bọn chúng giao trả? Chứ nếu phải chuộc, chẳng biết sẽ phải tốn đến bao nhiêu vạn!

Nay tôi tính kế cho cô trình nữ họ Trần: Đã đến Nam Dương, đã khai duyên (tức đã bỏ ra tiền để cúng đường xây dựng) thì duyên ấy hãy nên thu lại, tạm giữ trong ngân hàng nào đáng tin cậy, đợi đến khi đại cuộc ổn định một chút, thô phi chẳng tác oai tác quái, sẽ lại xây dựng cũng chưa muộn. Tại Nam Kinh, Dương Châu, phàm là chùa, miếu, ni am hay nhà người ta đều có lính đóng, bị chúng nó chà đạp chẳng thể dùng lời lẽ nào hình dung được. Chùa Pháp Vân ở Nam Kinh đã quyên mộ được bốn vạn tám nghìn ngàn đồng, tính cất đại điện trước, Quang cực lực ngăn trở, may là chưa xây. Nếu đã xây sẽ thành chỗ đóng quân, nhưng cô nhi viện đã có lính đóng rồi. Những kẻ trước đó oán trách Quang ngăn cản, tới khi gần đây mới biết Quang thấy không lầm, mới chấp nhận là Quang biết nhìn xa.

Tọa hạ cùng pháp sư Tánh Nguyên, pháp sư Giác Viên chưa nghĩ đến điều này là vì người trong cuộc thì quáng vầy! Quang thì đạo đức, học vấn, văn chương vạn phần chẳng bằng được tọa hạ một phần, nhưng ăn cơm nhiều hơn tọa hạ 36 năm (sống uống 68 năm), sự từng trải sâu hơn tọa hạ một chút. Đã là bạn bè trong pháp môn thì phải trọn hết tình bạn, cho nên đôi co một phen. Nếu hiểu là Quang chẳng muốn thành tựu chuyện tốt đẹp của người khác thì cũng chỉ đành cười khi mà thôi!

16. Thư trả lời pháp sư Nghĩa Thông (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết tâm sư hoàng pháp, bảo vệ đạo hết sức sâu đậm, thiết tha khiến người khác kính ngưỡng khôn cùng, nhưng khen ngợi Bất Huệ quá lộ, chưa khỏi mắc lỗi khiến người khác sái lễ thường. Quang vốn là một con nộm đầu gối ngoan cố, viển vông hủ bại, thiếu những hiểu biết thông thường, là kẻ còn sống

mà như đã chết rồi. Há nên khen ngợi quá lố như thế? Chẳng những khiến Quang mang tội, mà tọa hạ cũng chẳng thể không mang tội vậy. Cổ đức nói: “Ví như đất trên đường quan, có một người nắn thành hình tượng. Kẻ ngu cho là do Phật sanh, người trí biết là đất trên đường, một mai quan muốn đi, hủy tượng để đắp đường, tượng vốn chẳng sanh diệt, đường cũng vẫn như cũ!” Chỉ nên mặc cho người ta gọi là trâu hay ngựa, cứ tự giữ bốn phận của cục đất ngoan cố thiếu hiểu biết thông thường trên đường vậy!

Ông Diệp Huệ Nhân thoát đầu chưa mở huệ nhãn, lầm lạc xin quy y, sau này huệ nhãn rộng mở, bèn coi Quang như đất trên đường. Tọa hạ nói ông ta là cao túc đệ tử của Quang là vì chưa biết tâm ông ta mà nói vậy. Lý Huệ Giác đã do Diệp Huệ Nhân giới thiệu, đã là bạn xướng họa thơ văn lâu ngày, gặp mặt trò chuyện ắt sẽ hoan hỷ chấp thuận, cần gì phải dùng lá thư một vạn chữ, lại gởi qua cho Quang để Quang gởi đi giùm? Đây là vì tọa hạ vốn chưa hiểu rõ chí hướng của ông ta mà ra. Ông ta vốn ngưỡng mộ tọa hạ gấp vạn lần Quang; nếu đã sớm gặp được tọa hạ mấy năm trước đây, há chịu khuất mình theo bức tượng nặn bằng đất trên đường? Nhưng ông ta ăn ở vẫn còn như bát nước đầy, tuy biết Quang là đất trên đường, rốt cuộc vẫn chẳng có ý tưởng thị phi. Còn như ông ta gởi cho Quang năm ngàn đồng toàn là do ông ta tự phát tâm, Quang trọn chẳng hề khuyên dụ một chữ nào!

Thoạt đầu là gởi hai ngàn đồng để làm Phật sự cho cha mẹ ông ta và làm những thứ công đức khác, sau đó là ba ngàn đồng đều dùng để in sách. Quang một mực chẳng hướng về người khác mộ duyên. Chùa Pháp Vân ở Nam Kinh do các ông như Ngụy Mai Tôn v.v. phát khởi, đặt Quang làm hội trưởng danh dự, mua được 440 mẫu đất trống, dựng tạm mười mấy gian. Sau đấy liền đào chín cái ao phóng sanh. Lại mở cô nhi viện đã được ba năm rồi, cô nhi hơn trăm đứa. Hiện tại, chùa Pháp Vân vẫn chưa chánh thức xây dựng, Quang chưa nói với một đệ tử nào bảo họ bỏ ra ngàn ấy tiền để xây cất chùa Pháp Vân hoặc làm kinh phí cho cô nhi viện. Có kẻ chẳng thương tình, xin Quang mộ duyên giùm, Quang bèn tùy theo sức mình mà giúp đỡ, trọn chưa hề giới thiệu cho một ai.

Tọa hạ cùng Lý Huệ Giác đã là bạn thân thiết trong pháp môn, tôi sẽ đem thư của tọa hạ kẹp vào gói sách, gởi thư bảo đảm cho ông ta, lại còn lược thuật đại ý, ắt ông ta sẽ ngưỡng mộ tâm lòng vì pháp của tọa hạ mà phát tâm xả thí lớn lao. Hơn nữa, Quang chẳng thích tâng bốc người khác quá mức, cũng chẳng thích bị người khác tâng bốc quá lố. Tọa hạ đừng làm văn, làm thơ gởi tặng, ngõ hầu mọi chuyện đều được thích đáng thì may mắn lắm thay!

17. Thư trả lời hòa thượng Truyền Độ

Nhận được khôn ngăn cảm động, hổ thẹn. Hơn ba mươi năm qua tọa hạ đã khiến cho Ô Vưu²⁶ rạng rỡ như mới, còn Quang suốt mấy chục năm qua chỉ ở đậu, theo đại chúng ăn cơm trong chùa người ta mà thôi. Soạn được hai cuốn Văn Sao, văn từ hết sức chất phác kém cỏi, chỉ là chuyện bị ép vào thể bất đắc dĩ, đành tặc trách cho xong, nào đáng được khen ngợi quá lố? Đại Sĩ Tụng, Văn Sao vào mùa xuân năm sau sẽ gởi tới mấy gói để mong kết duyên. Hiện thời đã có người đặt khá nhiều, chẳng thể tặng khắp những ai hữu duyên, phải gởi hết cho những người đặt mua trước đã. Văn Sao bản mới còn chưa sắp chữ xong, có lẽ sẽ bắt đầu in trong năm. Sách này lại tăng thêm mấy chục thiên, bài văn về quý tự cũng được thêm vào trong số ấy.

Bế quan tu tịnh nghiệp quả thật rất tốt, nhưng cần phải một lòng dốc sức nơi tín nguyện nhất tâm, chớ nên dốc sức nơi thấy tịnh cảnh hay thấy Phật. Nếu chẳng khéo dụng tâm, chỉ muốn mau thấy tịnh cảnh, vì vọng niệm ấy cố kết không cởi gỡ được, mỗi ngày một sâu hơn, ắt sẽ khiến cho oán gia trong đời trước biến hiện tịnh cảnh, đợi cho ông thấy xong, sanh lòng hoan hỷ lớn lao, ma sẽ thừa dịp xâm nhập, chẳng thuốc gì chữa được! Hãy nên đem lời khích lệ này để bảo ban.

Còn nói đến chuyện niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì có gì là không được? Chẳng thấy kinh Lăng-nghiêm nói “cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu phú quý được phú quý, cầu trường thọ được trường thọ, như thế cho đến cầu đại Niết-bàn sẽ đắc đại Niết-bàn” đó ư? Đại Niết-bàn là lý thể chứng được khi thành Phật. Rốt ráo thành Phật mà còn đạt được, hưởng hồ vãng sanh Tây Phương ư? Hơn nữa, Quán Âm và Di-đà đều cùng làm một chuyện độ sanh, nào có phân biệt? Nhưng cũng phải sáng tối niệm Phật thì sự lý mới viên dung. Chẳng thấy trong kinh Đại Bi, đức Quán Âm dạy người lễ bái, trì chú thì trước hết phải niệm danh hiệu A-di-đà Phật đó sao?

18. Thư trả lời pháp sư Trần Không (thư thứ nhất)

Hôm qua nhận được thư và lời dặn dò viết bài đề từ về chuyện sáng lập liên xã để khích lệ mọi người v.v.. Nay đã viết xong, sẽ gởi cùng với thư này để sư xem xét thu nhận. Tọa hạ hoảng hóa phần nhiều xiển dương kinh điển Tịnh tông; pháp môn Tịnh độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị: Do chúng ta luân hồi trong sanh tử đã trải kiếp dài lâu, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, nếu cậy vào sức tu trì của chính mình mà muốn diệt sạch phiền não hoặc nghiệp để liễu sanh thoát tử sẽ khó hơn lên trời. Nếu có thể tin tưởng pháp môn Tịnh độ của đức Phật, dùng

²⁶ Ô Vưu là tên núi, đồng thời là tên chùa. Chùa này cũng thuộc Tứ Xuyên, gần với chùa Lăng Vân, nơi có Lăng Vân Đại Phật (Lạc Sơn Đại Phật). Chùa được xây trên đỉnh núi Ô Vưu vào thời Đường, mang tên là chùa Chánh Giác, đến đời Bắc Tống đổi thành chùa Ô Vưu.

lòng tin chân thành, nguyện thiết tha niệm danh hiệu A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương thì bất luận nghiệp lực lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Chỉ mong tọa hạ mỗi ngày giảng kinh xong, sẽ suất lãnh đại chúng niệm Phật một tiếng đồng hồ, hồi hướng thế giới hòa bình, nhân dân yên vui, đừng bàn luận nhiều những điều huyền diệu.

Nay thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực, thiên tai nhân họa, giặc cướp đầy dẫy, nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để giáo huấn, quyết khó thể nào đạt được hiệu quả. Nên biết rằng, sự lý nhân quả ba đời, sanh tử luân hồi do đức Phật ta đã nói chiếu rạng ngời như mặt trời, mặt trăng, là đuốc huệ trong đêm dài vô minh; giảng kinh, niệm Phật, hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc chính là thuyền từ trong biển khổ sanh tử, muốn vãn hồi kiếp vận mệnh mong này mà bỏ pháp này thì không còn nhờ vào đâu được nữa!

(Ngày 22 tháng Giêng năm Dân Quốc 26 - 1937)

19. Thư trả lời pháp sư Trần Không (thư thứ hai)

Từ tháng Giêng cho đến tháng 7 nhận được bốn lá thư và bản thảo cuốn Liên Tông Tam Chứng Hiệt Yếu (ba thứ trích yếu trong Liên tông), bản thảo cuốn Tịnh Độ Tam Tự Kinh, và thư của ông Chu Lập Tri giới thiệu ông Đàm Hạo Nhiên xin quy y v.v., đủ chứng tỏ tâm ngài tha thiết vì pháp, có lòng yêu mến tôi sâu xa. Tôi đã dặn Hoàng Hóa Xã gởi 20 gói Tịnh Độ Thập Yếu, 20 gói Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, 10 gói Sơ Cơ Tiên Đạo (hướng dẫn ban đầu cho kẻ sơ cơ), 20 gói Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ đường về nơi ngã rẽ), 20 gói Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế), 10 gói Bát Đức Tu Tri (những điều nên biết về tám đức), 10 gói Tam Kinh Chú (chú giải ba kinh Tịnh độ) và Công Dư Tu Dưỡng (tu dưỡng trong khi rảnh rỗi việc công), tổng cộng là 110 gói, đã đem ra bưu điện gởi sang đất Kiềm (Quý Châu). Khoản tiền gởi đến là 520 đồng đã giao cho nhà in.

Hai cuốn sách Liên Tông Tam Chứng Hiệt Yếu và Tịnh Độ Tam Tự Kinh do tọa hạ đã biên soạn phương pháp rất hay, ý tưởng rất tuyệt, đơn giản, thẳng chổng, sáng sủa, tùy theo căn cơ lập cách giáo hóa, có thể nói là những điều trọng yếu nhất của những điều trọng yếu trong Tịnh tông, hãy mau chổng cho in ra lưu thông để được truyền bá rộng rãi, khiến cho khắp những ai trông thấy đều thọ trì, làm chiếc bè báu để độ sanh, làm tư lương trở về Lạc Bang, chẳng phụ bi tâm vô lượng của tọa hạ.

Đối với chương trình đơn giản ở Quý Lâm thì không nhất định phải chiếu theo chương trình tổ chức của Linh Nham, mà hãy nên chiếu theo đặc điểm của địa phương để tùy theo căn cơ lập cách, chiếu theo thời thế, tình người mà sửa đổi,

hoạch định chương trình. Đức Thế Tôn chế luật, tổ sư định thanh quy nhằm giúp cho người học có cái để vâng giữ trong bảy chi, bốn oai nghi²⁷ vậy. Gần đây nước nhà gặp nạn đến mức nghiêm trọng, tọa hạ hoảng hóa, phần nhiều hãy nên xiển dương nhân quả báo ứng, chỉ dạy giảng nói tường tận đường lối giáo dục trong gia đình để các đồng nhân ấy đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sống thì dự vào bậc hiền thánh, chết sẽ về cõi Cực Lạc. Phương tiện khuyên chỉ, sẽ thấy hiền tài dấy lên đông đảo, kiếp vận tiêu ngay, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui.

(Ngày 20 tháng 7 năm Dân Quốc 28 - 1939)

20. Thư trả lời hòa thượng Bình Sơ

Phật pháp pháp nào cũng viên thông, nếu dùng tâm chí thành thọ trì ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể lường được! Chỉ có niệm Phật, niệm Quán Âm là dễ cảm thông nhất, những kẻ bình dân không ai chẳng biết đến sự cứu khổ cứu nạn của Đại sĩ Quán Âm. Hãy nên bảo Chí Thoát ăn chay trường, hằng ngày lễ niệm “Nam-mô A-di-đà Phật” và niệm thánh hiệu “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát” ắt sẽ có cảm ứng. Nay đặt pháp danh cho Chí Thoát là Thông Sướng, nghĩa là niệm thánh hiệu ngõ hầu tức nghiệp tiêu diệt, tâm địa thông đạt, lời lẽ thông suốt vậy. Sáng tối niệm Phật bao nhiêu đó câu, niệm Quán Âm cũng chừng đó. Ngoài ra thì từ sáng đến tối chuyên niệm Quán Âm (bất luận niệm ra tiếng, niệm thầm, đều phải dùng tai lắng nghe, hễ nghe thì công đức càng lớn. Đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm được. Khi nằm và lúc áo mũ không chỉnh tề, chưa rửa tay, súc miệng thì đều nên niệm thầm).

Trong kinh Lăng-nghiêm, đức Quán Âm nói: “Ta đắc tâm Phật, chứng nơi rất ráo, có thể dùng thân bảo đủ mọi cách cúng dường mười phương Như Lai cùng với pháp giới lục đạo chúng sanh, cầu vợ được vợ (cầu vợ là cầu được người vợ hiền thiện), cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ, như thế cho đến (từ ngữ “như thế cho đến” bao gồm hết thấy những điều mong cầu) cầu đại Niết-bàn đắc đại Niết-bàn.” Đại Niết-bàn là Phật quả rất

²⁷ Có hai cách hiểu chữ thất chi:

1. Thân khẩu thất chi: tức những điều ác nơi thân và miệng (ba điều nơi thân tức giết - trộm - dâm và bốn điều nơi miệng, tức nói dối, nói thêu dệt, nói dối chiều và ác khẩu).

2. Bảy tụ (nhóm) giới trong giới luật tỷ-kheo, tức ba-la-di, tăng-tàn, thâu-lan-giá, ba-dật-đề, đề-xá-ni, ác-tác, ác-thuyết.

Tứ nghi là bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi.

ráo mà còn có thể cầu được, huống là những chuyện nhỏ nhặt khác mà chẳng thể được sao? Hãy nên phát tâm tự lợi lợi tha, tùy theo lòng thành của người mong cầu và sự tinh thuần của hạnh ấy lớn hay nhỏ mà được cảm ứng lớn hay nhỏ. Nếu muốn làm chuyện ác mà cầu Bồ-tát thì chẳng những không được phước mà còn mắc họa lớn. Phàm hết thấy những bệnh thuốc men chẳng thể trị được đều dùng thuốc a-già-đà một vị này để chữa trị

(Ngày mồng 5 tháng 8 năm Dân Quốc 29 - 1940)

21. Thư trả lời pháp sư Tông Linh

Phàm những ai có tâm đều có thể thành Phật, há nên nói kẻ mù, điếc, câm, ngọng chẳng được vãng sanh? Phật nói đến “mù, điếc, câm, ngọng” trong tám nạn, ngụ ý những tật ấy khiến cho người đó khó thể nhập đạo mà thôi! Nếu có thể chuyên ròng niệm Phật, tuy người điếc chẳng thể nghe kinh và nghe thiện tri thức khai thị, người mù chẳng thể xem kinh, rốt cuộc nào trở ngại gì đâu? Người câm không có tiếng, kẻ ngọng cũng không nói gãy gọn được, nhưng trong tâm niệm thâm vẫn có thể đích thân đạt được niệm Phật tam-muội trong đời này, lâm chung lên thẳng chín phẩm, há nên nói những người ấy chẳng thể vãng sanh? Những người ấy chẳng sót sáng niệm Phật thì chẳng thể vãng sanh, chứ không phải là những người ấy dù niệm Phật cũng chẳng được vãng sanh. Còn người tàn phế thiếu tay thiếu chân thì cũng giống như kẻ mù, điếc, câm, ngọng.

Nói [kẻ mù, điếc, câm, ngọng chẳng thể được vãng sanh] như thế ấy là vì hiểu lầm bài kệ trong Vãng Sanh Luận mà ra. Kệ nói: “*Đại thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị thừa chủng bất sanh*” (Cõi thiện căn Đại thừa, bình đẳng không có những danh từ đáng chê trách, nữ nhân và thiếu căn, giống Nhị thừa chẳng sanh), chính là nói “Thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới của những người mang thiện căn Đại thừa sanh về, trọn chẳng có những danh tự có thể gây nên chê bai hoặc có thể gây nên sự chán ghét”. Hai câu tiếp đó liệt kê một số những danh tự có thể gây nên sự chê bai như “nữ nhân, người sáu căn chẳng đủ, và hạng người Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác”. Do vậy: “Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị thừa chủng bất sanh”, nghĩa là Tây Phương không có nữ nhân, người sáu căn chẳng hoàn bị và hạng Nhị thừa (Tây Phương tuy có danh tự “thánh nhân Tiểu thừa” nhưng đều thuộc hàng phát tâm Đại thừa, trọn chẳng có hạng Thanh văn, Duyên giác không phát tâm Đại thừa), chứ không phải là nói đến những người tu hành để vãng sanh thế giới ấy. Người thiếu trí tuệ tưởng rằng những hạng người ấy chẳng được vãng sanh Tây Phương, lầm lẫn quá lớn!

Tay phải ông bị thương tật là do ác nghiệp sát hại chúng sanh trong đời trước chiêu cảm, hãy nên chí thành khẩn thiết niệm Phật để hồi hướng cho những oán gia trong đời trước ấy, ngõ hầu họ được siêu sanh Tịnh độ. Nếu có thể thường niệm, nghiệp sẽ tự tiêu diệt. Nghiệp tiêu thì bệnh lành, cần gì phải cưa tay? Dẫu cưa tay cũng chẳng thể tiêu nghiệp được. Hãy nên tuân theo lời tôi, tích cực niệm Phật. Lại còn niệm thêm Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc chắn chưa đầy một năm tay sẽ lành hẳn. Ông gây nên tà thuyết thượng hạng, hại người vô lượng, hãy nên biết lấy. Hơn nữa, trong tâm tin căn lẫn nguyện căn không đủ sẽ chẳng thể vãng sanh, chứ không phải là kẻ thân thể không đầy đủ sẽ chẳng thể vãng sanh. Ông đọc bộ Văn Sao của tôi sao không biết đến nghĩa này?

22. Thư trả lời hòa thượng Diệu Liên

Nhận được thư và bài văn bia, do bận bịu quá sức nên chỉ kính cần trả lời bằng một trang, chắc là sư đã đọc rồi. Ở đây tôi vốn muốn thêm một đoạn vào đầu nguyên bản bài văn bia, nhuận sắc đại lược những chỗ còn lại, nào ngờ thợ vụng chế đồ chẳng thể tùy ý thành công, đến nỗi thành ra soạn bài văn khác. Những lời phê bên cạnh nguyên văn, đến khi chép lại cho rõ ràng, hóa ra chẳng phải là ý định lúc đầu. Nói chung là do tài cán vụng về, ngòi bút chẳng thể thuận theo ý muốn mà ra. Lời văn tôi tính soạn, nhìn chung còn có thể chấp nhận được, chứ văn tự quả thật là chất phác, vụng về. Hơn nữa, bài văn ấy phải ký tên tọa hạ mới là đúng lý. Quang trước đây đã từng viết qua, không cần phải ghi tên Quang. Biện pháp như vậy so ra đặc thể hơn kiểu phô trương trong nguyên văn, xin hãy hỏi qua ý lão cư sĩ Phan Đối Phù. Nếu có chỗ nào không thỏa đáng hãy cậy ông ta sửa đổi, chẳng cần phải gởi đến Phổ Đà nữa, vì Quang già cả, bận bịu, không rảnh rỗi để chăm lo chuyện ấy được. Giữa thu năm sau tôi quyết định rời Phổ Đà, không ở nơi nào nhất định để khỏi bị nhọc nhằn thù tiếp thư từ, hồng chuẩn bị tư lương cho lúc lâm chung mà thôi!

(Căn cứ theo bài văn bia được nói đến trong thư thì chính là bài văn bia ghi công đức cung thỉnh Đại tạng kinh của chùa Tịnh Cư tại Tế Nam.)

23. Thư trả lời pháp sư Bảo Tịnh

Nhận được thư và cuốn tuần san, khôn ngăn cảm động, hổ thẹn, Quang là ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, nay lại phát sanh bệnh mắt. Đã vậy, vị hòa thượng trụ trì đã về hưu đặc biệt sai Quang giám định, sửa chữa Phổ Đà Sơn Chí, giao đã một năm rồi mà vẫn chưa đụng đến. Lại còn những chuyện như giáo chánh, đối chiếu Văn Sao (cuốn này đang sắp chữ), Bất Khả Lục (cuốn này vẫn chưa được sắp chữ) v.v. dồn vào một thân, không rảnh rỗi để ra sức cho tọa hạ.

Nếu cõi đời chưa đến nỗi đại loạn, mùa xuân năm sau các sách sẽ được in ra (Quán Âm Tụng cũng được kể trong số đó), sẽ gởi cho ngài bao nhiêu đó cuốn để mong kết duyên.

Hiện thời, pháp trọng yếu để cứu đời là phải chú trọng nhân quả báo ứng, giáo dục trong gia đình (cũng cần phải chú trọng nhân quả báo ứng) để hết thảy ai nấy đều giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật, dùng lòng tín nguyện sâu đậm để cầu sanh Tây Phương. Hoằng dương như thế mới có lợi ích thật sự, nếu chẳng thực hiện nơi những điều này thì chỉ bậc thượng căn mới được lợi ích. Lại nữa, có kẻ tu trì Phật pháp nhưng vương thối tệ chẳng biết nhân quả, chẳng tận hết luân thường v.v.. Đừng nói là kẻ căn cơ trung hạ mắc phải cái lỗi không biết ấy, ngay cả bậc thượng thượng căn phần nhiều cũng thế. Do vậy, dạy người phải đặt chân vững chắc trên thực tế, làm chuyện thiết thực mới là tối thượng; đừng bảo pháp này thiên cận, cần gì phải đề xướng! Phàm đi ngàn dặm, bắt đầu bằng bước đầu tiên, núi cao chín nhận²⁸ cũng do từng sọt đất đắp thành, sông biển sâu rộng mênh mông, bát ngát do các dòng nước hợp thành. Nếu khinh rẻ pháp bình thường thiết thực, sợ rằng khó đạt được hiệu quả thật sự!

24. Thư trả lời pháp sư Thái Hư

Ngày hôm qua nhận được thư ngài, nói muốn đến Ninh Ba, có lẽ tới Trung Thu sẽ có thể lại đến đây. Ngu ý cho rằng tọa hạ học vấn, văn chương, bia miệng chớ đạo, ra đi lần này, ắt sẽ có người lôi kéo mời làm chủ giảng, thúc đẩy những kẻ xuất thế chen nhau tìm kiếm; chuyện trở lại Bạch Hoa²⁹ sợ chỉ trở thành mong tưởng mà thôi. Quang tuy tuổi chưa già, tinh thần lẫn thể xác đã suy cùng cực, một hơi thở hít vào tuy còn giữ được, một hơi thở ra khó giữ nổi. Dầu cho tọa hạ sẽ trở lại nơi này để Quang lại được chiêm ngưỡng khuôn mẫu tốt đẹp, lại được đọc những trước tác đẹp đẽ thì đây vẫn là điều chưa thể dự liệu được.

Trộm nghĩ hiện thời thế đạo bạc ác, mỏng manh, đạo thầy trò đã bị chôn vùi, phần nhiều hùa theo ca ngợi siểm nịnh, chẳng tuân theo sự uốn nắn, răn nhắc, đến nỗi bậc thượng trí chậm thỏa mong ước trở thành bậc thánh, kẻ hạ ngu đánh mất lợi ích “mỗi ngày một mới”. Quang vốn là một gã kém hèn ở phía Bắc tỉnh Thiểm Tây, bản chất giống như cát đá, thường đối trước ngọc quý mặc tình phô phang

²⁸ Đơn vị đo chiều dài đời Chu, tám thước là một nhận.

²⁹ Chữ Bạch Hoa ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa:

1. Phổ Đà nói chung vì Phổ Đà (Potalaka) chính là tên một loại hoa màu trắng mọc rất nhiều ở đảo Lanka. Do vậy, Lanka (Lăng-già) mới được gọi là Phổ Đà Lạc Ca.
2. Am Bạch Hoa trên núi Phổ Đà.

dáng vẻ thô tháp xù xì, muốn cho viên ngọc quý ấy mau trở thành món vật hoàn thiện, trở thành món đồ quý báu trong cõi đời, dầu tan thân nát xương cũng chẳng nuối tiếc. Tọa hạ là ngọc đẹp không tỳ vết, là vàng ròng tuyệt không chất cặn, cần gì những uốn nắn, răn nhắc, đâu bị hãm trong lời khen ngợi siểm nịnh? Thuật cỡi lừa của Quang trọn chẳng áp dụng được! Nhưng muốn kế thừa người trước, mở lối cho người sau, hiện thân thuyết pháp, ứng khắp quần cơ, dẫn dắt người khác tiến vào chỗ thù thắng, dường như có chỗ phải bù đắp đôi chút; do vậy lấy bài thơ tọa hạ đáp lời ông Dịch Thập Phủ đề họa quấy quá³⁰ mấy vần thơ cho xong, hòng diễn tả ý “do có duyên cùng nhau mà chọn người giao du” trong thư của tọa hạ ngày hôm qua, không phải là thói lông tìm vết, mà thật sự là muốn cho ngọc được vẹn toàn phẩm đức, nhưng lời thơ ý vụng khiến gai mắt nhả, xin hãy thương tưởng mà dung thứ tấm lòng ngu thành, bỏ qua văn từ thì may mắn lắm thay!

25. Thư trả lời đại sư Đạo Truyền (thư thứ nhất)

Ông nhìn cao nhưng không thật, tâm ông lớn nhưng vô dụng, đọc Văn Sao, nghe Yếu Giải mà vẫn còn hỏi câu ấy! Đủ biết ông một mực rong ruổi bên ngoài, chỉ biết cầu rộng rãi chứ không biết giữ lấy chỗ giản ước. Pháp Hoa tam-muội³¹ ông không thể tu được đâu! Dầu cho ông tu được cũng sợ rằng chẳng thể giải thoát ngay trong đời này. Nếu chịu tin lời Quang, xin hãy tạm thời đem những giáo pháp của tông Thiên Thai cất trên gác cao, chuyên tâm nghiên cứu Tịnh độ. Xét tâm tánh của ông, lâu ngày chầy tháng sợ rằng sẽ có chuyện bị ma dựa phát

³⁰ Trong Niên Phổ, đại sư Thái Hư đã cho biết khi các ông Dịch Thập Phủ, Thịnh Quý Bảo v.v. lên chơi núi Bạch Vân ở Quảng Châu, tình cờ gặp lại thi hữu là đại sư Thái Hư ở đó, bèn cùng nhau xướng họa; đại sư đã họa lại bài thơ của ông Dịch Thập Phủ có câu: “*Thái hư như thái hư, na phạ bạch vân yểm*” (thái hư như thái hư, nào sợ mây trắng phủ). Câu thơ được ghi vào thi tập. Đại sư Ấn Quang đọc được câu này vào năm Tuyên Thống thứ ba (1911), rất tán thưởng, viết bài thơ họa lại, gởi cho Thái Hư có câu: “*Thái hư đại vô biên, hà vật năng tương yểm, bạch vân ngẫu nhĩ thế, đương xử tiện đảm ẩm, xuy dĩ hạo đẳng phong, hoa cảnh liễu vô điểm, thử khả quán cận giả, mạc do trì tuấn biếm*” (thái hư rộng vô biên, vật nào che lấp được, ngẫu nhiên mây trắng đậu, chỗ ấy thành âm u, một trận gió to thổi, hoa cảnh lại rạng ngời, mong được đến gần ngắm, không cách nào ruổi rong). Đại sư Thái Hư họa lại: “*Nhật nguyệt hồi hồ chiếu, thái hư ánh hoàn yểm, hữu thời phong lãng lãng, hữu thời vân âm âm, vạn tượng tư nghiên sừ, đương xử tuyết trần ai, tuy hữu xuân thu bút, diệc nan thi bao biếm*” (nhật nguyệt cùng chiếu rọi, thái hư ánh sáng ngăn, có lúc gió lồng lộng, có khi mây lơ mờ, muôn vật thành đẹp xấu, nơi ấy bật bụi trần, bút xuân thu dầu sẵn, cũng khó thể khen chê). Hai vị xướng họa qua lại, tình cảm rất sâu đậm.

³¹ Pháp Hoa tam-muội (Saddharma-Pundarīka-Samādhi) là một trong bốn thứ tam-muội do tông Thiên Thai đề xướng, còn gọi là Pháp Hoa Sám Pháp hay Pháp Hoa Sám. Cách tu trì dựa theo giáo nghĩa của hai kinh Pháp Hoa và Quán Phổ Hiền Hạnh, lấy 21 ngày làm hạn, đi kinh hành, tụng kinh, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, không được nằm, tư duy quán tưởng sâu xa lý trung đạo. Do pháp này lấy sám hối diệt tội làm chủ nên trong sáu thời phải sám hối. Trong suốt thời gian ấy, hành nhân không được nằm, miệng ngoài lúc tụng kinh ra không được nói đến sự duyên nào khác, trong mọi lúc tâm luôn tưởng theo từng câu từng chữ trong kinh Pháp Hoa và luôn nghĩ sám hối những tội chướng nơi sáu căn; lại còn tùy lúc thâm nhập thiền định để liễu đạt lý tam đề của thật tướng.

cuồng, chẳng thể không đề phòng. Nếu không, mặc cho ông làm bậc đại thông gia, đừng gởi thư đến nữa, có gởi cũng không trả lời!

26. Thư trả lời pháp đại sư Đạo Truyền (thư thứ hai)

Đọc thư gởi đến lần này, bề quan chưa lâu mà đã làm bài tụng như thế (tức bài ca tụng kinh Vô Lượng Thọ, tuy chẳng liên quan tới kinh văn, nhưng khá có sự khích lệ, cổ vũ cho người sơ tâm tu tịnh nghiệp, nên tôi đặc biệt tán thành), đủ biết ông dụng tâm tinh ròng, siêng năng. Nay tôi đem bài tụng văn ấy gởi đi, đợi khi đóa sen trong tâm ông nở bùng, lại đem kinh văn phân tích, phân khoa, phân giáo. Nếu viết lời chú giải, hãy đem bài tụng ấy ghép vào dưới kinh văn, thấp hơn một chữ, phía trên lại để thêm chữ “tụng rằng”, để người khác dễ biết đây không phải là kinh văn. Nếu không, sẽ khiến cho người không hiểu biết tưởng đây là kinh, sẽ mắc tội chẳng cạn. Đợi khi nào ông viết xong bài tụng, lúc chép lại cho rõ ràng thì viết những chữ ấy cho to để mắt Quang dù chẳng tỏ vẫn có thể giáo duyệt, giáo duyệt xong sẽ giao cho Hoàng Hóa Xã in ra lưu truyền.

27. Thư trả lời pháp sư Hiển Âm

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ, an ủi! Tọa hạ túc căn sâu dày, thông minh hơn người, chưa đầy mấy năm mà đối với Tông, đối với Giáo, đối với Mật đều đã thông đạt, đáng hận là Quang già rồi, chẳng thể học theo những sở đắc của tọa hạ được; chỉ mong tọa hạ từ đây chân tu thật chứng thì hai tông Thiên Thai lẫn Mật giáo từ nay sẽ được chấn hưng lớn lao. Nhưng hiện thời tuổi ông hãy còn quá trẻ, hãy nên gấp rút ẩn kín tài năng, tận lực tu hành, đợi đến khi công phu hàm dưỡng sâu đậm mới ra hoằng pháp thì lợi ích lớn lắm. Thông minh và có hàm dưỡng sẽ thành pháp khí, thiếu hàm dưỡng thì đối với bản thân, đối với pháp, chắc rằng lời lẽ, hành vi sẽ chẳng tương ứng mà chính mình không biết. Đây là lòng khẳng khăng ngu thành của Quang. Thầy Liễu Đạo đã đến đây, đừng lo! Gió xuân dễ xâm nhập vào người, xin hãy giữ gìn điều dưỡng, ắt sẽ không cần thuốc mà được yên vui vậy.

28. Thư trả lời pháp sư Đế Tĩnh

Nhận được thư đề ngày 13 tháng 9, biết ông đã bề quan tịnh tu, khôn ngăn an ủi, mừng rỡ. Ông nói thường có những cảnh giới trong khi niệm Phật, ắt là ông chưa từng chân thật nhiếp tâm, chỉ lo hành trì phô trương bề ngoài mà ra. Nếu chân thật nhiếp tâm thì bên trong không có vọng niệm, chuyên chú vào một câu Phật hiệu, ắt nghiệp chướng tiêu trừ, phước tuệ tăng trưởng, đâu đến nỗi thường bị khổ vì có những cảnh giới? Chớ nên tu hành bằng cái tâm sôi động, làm lạc

cầu được thánh cảnh giới biến hiện và đủ mọi thứ thần thông, chỉ nên mong sao tâm tương ứng với Phật mà thôi!

Như câu nói: “Toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm”, nếu làm được như thế, ví như mặt trời sáng rực giữa hư không, sương tuyết đều tan hết, nào còn có cảnh giới chẳng đúng như pháp gây khổ não cho thân tâm nữa ư? Nếu không dụng tâm như thế, lúc bình thường cứ chuyên muốn được thấy thánh cảnh, chẳng biết: Để đạt được thánh cảnh thì phải đạt đến địa vị “nghiệp tận tình không”! Nếu không, đừng nói những cảnh giới đạt được đều là ma cảnh, ngay cả là thánh cảnh thật sự cũng sẽ vô ích, không chừng còn bị tổn hại lớn lao. Bởi lẽ, chẳng biết tinh tấn tận lực tu trì, lại ngược ngạo do đầy sanh lòng hoan hỷ lớn lao, chưa đắc nói là đã đắc, ắt sẽ đến nỗi bị ma dựa phát cuồng. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Chẳng nghĩ là thánh cảnh thì gọi là cảnh giới lành, nếu nghĩ là thánh cảnh thì bị rớt vào lũ ma”, chính là nói về điều này. Huống chi cảnh giới ông đạt được vẫn thuộc vào những cảnh giới tục nhiễm ư? Chỉ nên đề khởi chánh niệm sao cho những tâm dâm dục, sân hận v.v. trước kia chẳng dấy lên. Nếu như chúng ngẫu nhiên khởi lên, hãy nên giác chiếu ngay lập tức khiến cho chúng nhanh chóng bị diệt mất. Ví như kẻ giặc đến nhà, nếu chủ nhân biết nó là giặc thì kẻ giặc ấy sẽ bỏ đi ngay lập tức; nếu coi nó là người trong nhà thì nhà ấy sẽ bị kẻ giặc cướp sạch sành sanh.

29. Thư trả lời pháp sư Hằng Tâm (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết những sách đã gửi năm ngoái ông đều nhận được hết, an ủi vô cùng. Gần đây Diệu Cát cũng gửi một lá thư cho biết sách gửi cho ông ta cũng nhận được rồi. Ông và tôi quen nhau trên tình đạo, há nên học thói tục ngoài đường ngoài chợ khen ngợi quá lố, khiến cho Quang không có chỗ để dung thân ư? Đây có phải là điều nên làm của bậc trực tâm tu đạo hay chẳng? Còn như ông nói “tuy thiếu tinh tấn, nhưng trì danh khá đủ lòng ưa - chán”, thì cần phải biết rằng một pháp Tịnh độ là quả núi nung tựa lớn lao cho chúng ta, nếu lúc bình thường coi rẻ, chắc là đến khi lâm chung sẽ chẳng thể đắc lực đâu!

Sư Hiên Âm thiên tư rất cao, đối với các tông Hiên - Mật đều hiểu được cương lĩnh trọng yếu, nhưng do chí còn phù phiếm, khoa trương, chẳng trọng chân tu, lúc mất chẳng hề được hưởng lợi ích nơi Hiên lẫn nơi Mật. Đối với chuyện niệm Phật ông ta còn chưa thấu hiểu nên cũng không có hiệu quả gì. Tuy có nhiều người trợ niệm cho ông ta, nhưng chính ông ta đã mê man, không còn tỉnh táo nữa. Đây chính là một sự cảnh tỉnh, nhắc nhở lớn lao cho những kẻ tuổi trẻ thông minh vậy. Ấy là vì Hiên Âm thiên tư tuy cao, nhưng bụng dạ quá hẹp, không chân tu hàm dưỡng ẩn kín tài năng, có tánh bộp chộp, kiêu căng, phô trương, khoe

khoang, bộc lộ (từ Nhật Bản trở về nước, đến Ninh Ba gặp thầy, trong ngày hôm ấy liền ngã bệnh, hôm sau liền đi qua Thượng Hải) là vì nghe thầy dạy một câu “hãy nên bế quan tĩnh tu”, ngay hôm đó liền ngã bệnh, ngày hôm sau đi liền, rốt cuộc đến nỗi bệnh tật dây dưa đến chết, chẳng đáng buồn sao?

Những điều ông đã hỏi vốn chẳng cần phải hỏi, [sở dĩ ông vẫn phải hỏi] chỉ vì ông chưa đọc kỹ các trước thuật Tịnh độ nên trở thành một vấn đề lớn, nếu đọc kỹ rồi sẽ tự bật cười! Ông chẳng những chưa đọc kỹ các trước thuật Tịnh độ, mà ngay cả Văn Sao của Quang cũng chẳng đọc kỹ. Nếu lắng lòng đọc kỹ, chắc chắn chẳng đến nỗi phải hỏi mãi câu này. Câu hỏi này thường được giải thích trong Văn Sao, nay lại trình bày đại lược. Cõi Phàm có bốn, tức là cõi Phàm thánh đồng cư, cõi Phương tiện hữu dư, cõi Thật báo vô chương ngại, cõi Thường tịch quang.

1. *Cõi Phàm thánh đồng cư*: Thế giới Sa-bà tuy thuộc uế độ, nhưng cũng có Phật, Bồ-tát, thánh nhân Nhị thừa cùng sống trong ấy. Tuy vậy, cảnh được thấy cũng như sự thọ dụng giữa thánh và phàm khác biệt vời vợi một trời một vực. Ở Tây Phương, luận theo phía những người mang nghiệp vãng sanh thì họ sẽ sanh vào cõi Phàm thánh đồng cư, nhưng cõi ấy vi diệu thanh tịnh như đã nói trong kinh A-di-đà và kinh Vô Lượng Thọ. Cõi ấy tuy là chỗ của người mang nghiệp vãng sanh sống, nhưng cũng có Pháp thân Bồ-tát và Phật cùng sống trong ấy, thuyết pháp cho họ, nên cũng gọi là cõi Phàm thánh đồng cư. Nhưng do cõi ấy là cõi dành cho người vãng sanh Tịnh độ, nên tuy chưa thể thù thắng nhiệm mầu như trong sự thấy biết và thọ dụng của Phật, Bồ-tát, nhưng khá giống nhau về mọi phương diện, chẳng hoàn toàn khác biệt như trong cõi Sa-bà. Cõi này cũng chia thành chín phẩm. Nếu là sáu phẩm trung hạ thì phần nhiều cần phải mất cả thời kiếp mới giác ngộ, còn ba phẩm thượng thì sẽ ngộ Vô sanh nhẫn nhanh chóng (ngộ Vô sanh nhẫn mới vào được cõi Thật báo), chứng địa vị Bất thoái, chứng nhập Thật báo, Tịch quang.

2. *Cõi Phương tiện hữu dư*: Chính là cõi dành cho người đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc, nhưng chưa phá được vô minh. Nói “phương tiện” là vì những gì họ tu đều thuộc về phương tiện trước khi chứng nhập chân thật. Nói “hữu dư” là vì tuy đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc, nhưng chưa phá vô minh (trần sa không có thể tánh, nói hay không nói đều được; nếu nói thì người thuộc vào chín phương tiện này đã phá được trần sa hoặc rồi), vì thế gọi là “hữu dư”. Nếu phá vô minh thì được gọi là phần chứng vô dư. Nếu vô minh hết sạch (chín phương tiện chính là Nhị

thừa trong Tạng giáo, Tam thừa trong Thông giáo³², Tam hiền³³ trong Biệt giáo³⁴, Thập tín trong Viên giáo. Chín hạng người này cùng đoạn kiến hoặc và tư hoặc, chưa phá vô minh) sẽ là vô dư rốt ráo.

3. *Cõi Thật báo vô chướng ngại*: Chính là báo độ được cảm bởi phước tuệ trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát.

4. *Cõi Thường tịch quang*: Chính là lý tánh được chứng bởi Phật, Bồ-tát.

Hai cõi này (tức cõi Thật báo vô chướng ngại và cõi Thường tịch quang) vốn thuộc về cùng một cõi. Nếu nói theo cõi do quả báo cảm được thì gọi là Thật báo, nếu luận trên lý tánh đã chứng thì gọi là Tịch quang. Bậc Sơ trụ trong Viên giáo mới phá được một phẩm vô minh, chứng một phần tam đức, liền nhập cõi Thật báo, cũng gọi là phần chứng Tịch quang. Nếu đạt đến Phật quả Diệu giác thì là thượng thượng Thật báo, Tịch quang rốt ráo vậy. Muốn cho người khác dễ ngộ nên những vị giảng kinh mới gộp “người phần chứng” về Thật báo, gom “người rốt ráo chứng” về Tịch quang. Chứ thật ra, hễ phần chứng thì hai cõi đều phần chứng, rốt ráo thì hai cõi đều rốt ráo vậy.

Cõi Thật báo thì chỉ có người phá vô minh, chứng pháp tánh thấy được, há nên cho rằng người mang nghiệp vãng sanh sẽ sanh vào Thật báo ư? Sanh về cõi Đồng cư là do tín nguyện niệm Phật, được Phật tiếp dẫn mà sanh về đấy. Tuy họ chưa đoạn được phiền hoặc, nhưng do trong được nương vào sức tự tánh của đức Phật trong tâm, ngoài được sức từ bi của A-di-đà Phật cảm ứng đạo giao, nên tuy

³² Thông giáo là một trong bốn giáo do tông Thiên Thai thành lập, coi những giáo pháp thuộc thời Phương Đẳng và Bát-nhã đều thuộc về Thông giáo. Theo cuốn Tứ Giáo Nghĩa của đại sư Trí Giả thì chữ thông gồm tám nghĩa:

1. Giáo thông: ba thừa cùng vãng nhận giáo pháp này.
2. Lý thông: ba thừa cùng thấy lý thiên chân.
3. Trí thông: ba thừa cùng được *nhất thiết trí* khéo độ.
4. Đoạn thông: ba thừa cùng đoạn những kiến hoặc, tư hoặc trong tam giới.
5. Hạnh thông: ba thừa cùng tu những hạnh khiến kiến hoặc, tư hoặc đều không còn sót thừa.
6. Vị thông: ba thừa cùng trải qua những địa vị từ Càn huệ cho đến Bích-chi Phật.
7. Nhân thông: ba thừa cùng lấy chín thứ vô ngại làm nhân.
8. Quả thông: ba thừa cùng đắc hai thứ Niết-bàn giải thoát.

³³ Địa vị Tam hiền trong Đại thừa là những quả vị trước khi chứng được mười địa vị thuộc về hàng Thập địa Bồ-tát. Như vậy Tam hiền gồm 30 địa vị thuộc Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng.

³⁴ Theo tông Thiên Thai, Biệt giáo bao gồm những giáo nghĩa chỉ dành riêng cho căn cơ Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết-bàn v.v.. Những pháp ấy hàng Nhị thừa không thể lãnh hội hoặc tin nhận được nên gọi là biệt. Giáo pháp ấy riêng vì hàng Bồ-tát mà nói ra hắng sa lý tục đế, dùng đạo chủng trí đoạn trần sa hoặc và những kiến hoặc, tư hoặc ở ngoài tam giới, phá vô minh hoặc, tu các ba-la-mật để tự hành hóa tha... Do giáo pháp này không dành cho Nhị thừa nên còn gọi là Bất cộng giáo. Biệt giáo chú trọng dạy về những sự vượt ngoài tam giới, nhưng sự lý chưa viên dung tương tức như trong Viên giáo.

chưa đoạn được phiền hoặc mà phiền hoặc chẳng còn có tác dụng nữa. Vì thế được sanh về cõi Đồng cư thanh tịnh tốt bậc!

Ông nghi “sẽ sanh về cõi chẳng thanh tịnh và chẳng thể thấy ngay được sắc thân thắng diệu của Phật A-di-đà và những chúng sanh cõi ấy” là vì ông tưởng cách hiểu của ông là đúng, còn thệ nguyện của đức Di-đà, ngôn giáo của Phật Thích-ca, những trước thuật nhằm nêu tỏ của các vị Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức đều sai be bét, chỉ có hiểu như ông mới là đích xác nhất, cao siêu nhất! Ông thấy biết như vậy tức là báng Phật, báng pháp, báng tăng, tương lai sẽ cùng Đề-bà-đạt-đa hưởng Cực Lạc trong đại địa ngục A-tỳ, vui sướng chẳng thể nào ví dụ được! Sợ rằng đến hết đời vị lai vẫn thọ dụng chẳng gián đoạn những sự vui sướng ấy. Ông muốn hưởng sự vui ấy, xin hãy y theo tri kiến của ông mà nói; còn nếu chẳng muốn hưởng sự vui ấy, dẫu cho bị oai thế bức bách cũng chớ nên nói những lời lẽ ấy.

Hạ phẩm hạ sanh là hạng tội nhân ngũ nghịch thập ác cực nặng, do khi lâm chung tướng địa ngục đã hiện, sanh lòng sợ hãi lớn lao, gặp thiện tri thức dạy niệm Phật, do cái tâm sợ khổ cầu cứu mạnh mẽ, tha thiết cùng cực, nên tuy niệm không nhiều, mà trong một niệm tâm quang đã cảm được Phật. Vì thế, đức Phật liền rủ lòng tiếp dẫn để ứng, bèn được vãng sanh. Họ ở trong hoa sen 12 đại kiếp là vì lúc sống tội nghiệp nặng nề, thiện căn nông cạn, vì thế hoa sen chậm nở nhất; nhưng sự sung sướng của những người ấy ở trong hoa còn hơn sự vui trong trời Tam thiên (sự vui trong thế gian thì Tam thiên thật là bậc nhất), nào có thiếu sót, tiếc nuối chi đâu? Cõi Thật báo chỉ hàng Pháp thân đại sĩ mới thấy được, cố nhiên không phân chia Sa-bà, Cực Lạc. Thệ nguyện từ bi của đức Phật chính là vì kẻ chưa đoạn hoặc không có cách gì liễu sanh tử được, nên riêng lập ra pháp môn đặc biệt “cây vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương” này để những ai có tâm sẽ tu được, phàm những ai có tín nguyện niệm Phật đều được vãng sanh. Đây chính là tâm đại từ bi phổ độ chúng sanh của đức Thích-ca và Di-đà. Nghĩ đến điều này sẽ cảm kích cùng cực, rơi lệ, lẽ nào còn rảnh rỗi để suy lường nghĩ loạn, cây vào những thứ tri kiến của chính mình để bắt bẻ nữa ư?

Ông Cương Dã Tăng Thứ Lang và hòa thượng Viên Sơn chẳng coi rẻ bộ Văn Sao hủ bại, như bản của Quang là do đời trước từng có duyên với nhau mà ra. Ông chỉ cảm theo một bộ thì những vị ấy khó thể xem trọn, nay riêng gởi tới hai gói, tổng cộng là sáu bộ, xin hãy chuyển lại cho hai vị ấy và những người hữu duyên. Nói đến chuyện dịch ra cho người phương Đông xem thì tôi trộm nghĩ rằng một chữ “dịch” ấy tự hồ không cần phải quan tâm đến, vì sao vậy? Do họ có túc duyên với Quang. Nếu là ai vô duyên thì sợ rằng trông thấy Văn Sao sẽ dùng

để thay củi, bịt vò³⁵. Hơn nữa, nếu nói là lợi lạc cho kẻ sơ cơ thì hãy nên đem in giống y như vậy để được lợi ích rộng khắp. Nếu in kèm thêm Hòa văn³⁶ vào thì chỉ có thể khiến cho người ở phương Đông biết Hòa văn đọc được. Nếu là người Hoa và Hoa kiều ở các nơi không biết Hòa văn thì họ đều chẳng thể xem được. Huống chi Đại tạng kinh của hội Nhật Bản Thư San thì một là bản khắc ván, hai là bản đúc kẽm, và bản Đại tạng kinh do Đại Chánh San Kinh Hội³⁷ ấn hành lần này đều toàn bằng Hoa văn, chẳng ghi kèm Hòa văn vào. Vì thế được nhiều người Hoa thỉnh về. Nếu in xen lẫn Hòa văn vào thì sự lưu thông sẽ bị úng tắc. Theo ngu kiến của Quang, nếu muốn lưu thông, chẳng cần phải dịch.

Còn như hòa thượng Viên Sơn tài lẫn đức đều dồi dào, sao lại muốn hạ mình đến thăm Quang? Vì Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, không đạo, không đức, không hay, không biết. Qua một bộ Văn Sao đã đem hết những thứ rom rác trong bụng mửa sạch ra hết cả rồi, gặp mặt nhau nào có ích gì đâu? Huống chi Quang đã suy nhược, già cả chẳng thể siêng học được! Nếu Quang sức lực mạnh mẽ, ngài đến Trung Hoa, Quang sẽ học được sở đắc của ngài. Nay đã già rồi, ngoài việc trì danh ra, chẳng nên học một pháp nào khác, bởi kỳ hạn chết sắp đến, sợ rằng sở học càng nhiều, tâm thức càng khó được thuần tịnh, đến nỗi chẳng thể cảm ứng đạo giao với Phật. Hễ chẳng được vãng sanh sẽ lưu chuyển muôn kiếp, há đáng buồn lắm hay sao? Ông tuổi hãy còn trẻ, cố nhiên hãy nên siêng học. Nhưng chớ nên xem thường một tòa núi Tu-di đáng nương tựa rồi bỏ qua, ngộ

³⁵ Nguyên văn: “Đại tân, phú phẩu” (thay củi, bịt vò). Lấy tích từ chuyện Dương Hùng đời Hán soạn sách Thái Huyền chú giải kinh Dịch nhằm muốn lưu danh hậu thế. Lưu Hâm đọc xong quở: “Học giả trong thiên hạ còn không hiểu kinh Dịch, sao ông dám soạn Thái Huyền? Chỉ sợ người đời sau đem sách này để bịt vò tương mà thôi.” Do đó có thành ngữ “đại tân phú phẩu” (thay củi, bịt vò) với ngụ ý văn chương vô giá trị, chỉ đáng dùng giấy in thứ văn chương ấy để bịt miệng vò tương hay đốt thay củi mà thôi!

³⁶ Do người Nhật thường tự gọi là Hòa nhân nên văn tự của họ thường được gọi là Hòa văn, Hòa văn dung hợp ba thể loại Kanji (Hán tự) và hai loại chữ để viết những chữ đặc thù trong tiếng Nhật gọi là hiragana (bình bản danh) và katakana (phiến bản danh). Hiragana nét viết mềm mại thường dùng để ghi những chữ gốc Nhật không vay mượn từ Hán tự, hoặc ghi những trợ từ đặc thù trong câu như no, wa v.v., hoặc để ghi những âm cuối diễn tả thì quá khứ, hiện tại v.v. của động từ hay trạng từ như bemashita chẳng hạn. Ví dụ như, chữ ta (食: ăn), viết theo thời quá khứ thành tabemashita (食べました). Còn katakana thường dùng chủ yếu để phiên âm những chữ vay mượn từ tiếng ngoại quốc hoặc những danh từ khoa học. Trong lối chữ kiragana và katakana, mỗi chữ là một âm, không như trong kanji, một chữ Hán có thể đọc thành một hoặc nhiều âm, chẳng hạn chữ sơn (山) đọc thành yama, thần (神) đọc thành kami, đế (帝) đọc thành mikado trong Hòa văn v.v.. Đôi khi cùng một chữ Hán được đọc thành nhiều âm khác nhau rất bất tiện, như nhân (人) đọc thành jin, nin hoặc hito tùy theo ngữ cảnh.

³⁷ Đại Chánh San Kinh Hội, gọi đủ là Đại Chánh Nhất Thiết Kinh San Hành Hội (về sau đổi tên là Đại Tạng Xuất Bản Châu Thức Hội Xã) được thành lập vào năm Đại Chánh (Taishō) thứ 13 (1924) ở Nhật Bản (Đại Chánh là niên hiệu của hoàng đế Gia Nhân (Yoshihito), tức ông nội của Thiên Hoàng Minh Nhân (Akihito) hiện thời). Hội này do ông Cao Nam Thuận Thứ Lang (Takakushu Junjiro) và pháp sư Độ Biên Hải Húc (Watanabe Kaigyoku) đề xướng, tập hợp những pháp sư, những nhà nghiên cứu Phật học có uy tín nhằm tham gia biên tập Đại tạng kinh, hiệu đính cho thật tinh xác, hoàn chỉnh.

hầu chẳng giẫm theo vết xe đổ của Hiền Âm, chẳng được cùng các vị thượng thiện nhân thân cận đáng Di-đà Nguyễn Vương vậy!

30. Thư trả lời pháp sư Hằng Tàm (thư thứ hai)

Nhận được thư khôn ngăn cảm động, hổ thẹn. Văn của Quang sao lại có thể dùng để khai thị cho chỗ hoàn toàn không có Phật pháp ấy cho được? Câu nói ấy chính là lời ông khen ngợi quá lớn, hoàn toàn chẳng phải là sự thật! Trước đây đã gửi sáu bộ sách, sợ còn phải gửi thêm nhưng không có sách để gửi. Hôm nay đã bảo chùa Thái Bình ở Thượng Hải gửi tới năm gói nữa, sẽ có đủ sách để tặng cho người hữu duyên. Những điều đã hỏi đều thuộc về chuyện đa sự, do tri kiến của người đời giống như sóng biển chẳng có lúc nào yên. Nếu cứ trả lời những câu cật vấn ấy thì đúng là chẳng rảnh rồi để thù tiếp được. Nay tôi sẽ thuận theo lời ông hỏi mà giải thích từng điều, đúng hay sai mong ông hãy tự cân nhắc.

1. Hỏi: Lúc Phật còn tại thế, tuy chia ra hai chúng Bồ-tát và tỳ-kheo. Tỳ-kheo tuy hình dáng khác tục, một mực trì giới theo như đức Phật đã chế định. Khi kết hạ, dầu lìa khỏi Phật ở một mình, cũng vẫn không có những tiêu chuẩn để phân định là trì giới hay phạm giới, bắt quá mỗi vị giữ một tượng người bằng sáp³⁸ để làm chuẩn mà thôi. Nếu như vậy thì rõ ràng là “quy chế cầu giới cố nhiên chẳng phải bắt nguồn từ thời đức Phật”. Nay con người phần nhiều lấy chuyện có hay không có dấu sẹ thọ giới³⁹ để phân biệt tăng tục, như vậy thì dấu sẹ thọ giới có mối liên quan với tăng chúng cũng khá nặng.

Hơn nữa, con số của dấu sẹ thọ giới ắt phải là mười hai, rốt cuộc biểu thị điều gì về mặt pháp? Đối với điều này, tăng nhân đời nay trọn chẳng ai biết do

³⁸ Ở Trung Hoa thuở xưa thường có truyền thuyết rằng: Tại Tây Vực, trước khi kết hạ an cư trong ba tháng, mỗi vị tăng phải đúc một tượng người bằng sáp có phân lượng bằng chính mình để cất giữ. Sau ba tháng an cư, tăng đoàn sẽ cân người thật và tượng sáp để kiểm nghiệm xem vị ấy có giữ giới thanh tịnh không? Nếu người thật nhẹ hơn tượng sáp tức là đã không nghiêm trì giới luật trong ba tháng an cư. Bách Trượng Thanh Quy chương tám đã biện định về vấn đề này như sau: “Tăng không tính theo tuổi mà tính theo lap vì khác thế tục. Trong ba thời, Tây Vực dùng một thời để an cư, cấm ngặt ra vào. Phạm thiền, tụng, đi, ngồi đều phải theo đúng thứ tự như giới đã thọ. Phép an cư được chế ra để thúc giục tăng chúng siêng năng nơi đạo. Dùng ba tuần trước khi an cư để chuẩn bị những vật cần dùng để dưỡng cho thân tâm trong ngoài đều được yên ổn, định kỳ hạn tấn tu để khỏi bỏ lỡ thời gian, mến tiếc, bảo vệ sanh mạng loài vật cũng như thực hành lòng từ nhẫn... Do tùy theo thời tiết từng nơi mà an cư cho thích đáng nên gọi là “tọa hạ” hoặc “tọa lap”, ý nghĩa của giới lap bắt nguồn ở chỗ này. Còn như nói kiểm nghiệm người sáp (lap nhân) xem có bị chảy hay không để xét định người an cư kiết hạ giới hạnh có còn trong sạch hay không, hoặc nói đem người sáp chôn xuống đất để kiểm nghiệm xem người an cư kiết hạ có giữ giới trọn vẹn hay không, đều là những lời quẻ kệ vu báng phạm tục, chẳng phải là ngoa truyền ư?” Như vậy, có lẽ do người Trung Hoa thời cổ đã lầm lẫn chữ lap (臘: tuổi) với chữ lap (臘: sáp) nên mới có những lời ngoa truyền như vậy.

³⁹ Tức dấu sẹ tròn do đốt những viên hương trên đỉnh đầu khi thọ giới cụ túc. Thông thường, người ta lấy hương nghiền nát trộn với bột giấy bản cho dễ cháy, hòa thành viên rồi tùy theo sự phát nguyện của người thọ giới mà đốt từ một đến mười hai viên, thông thường là ba viên, cũng có những vị không đốt.

đâu mà có? Nếu chẳng rõ xuất xứ và tác dụng của nó, làm sao đáp lời vấn nạn của người bên ngoài? Hơn nữa, những tăng sĩ hèn kém vô tri làm sao biết giới quan trọng cho được?

Đáp: Lúc đức Phật mới thành đạo liền nói kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới, còn đối với giới tỳ-kheo thì do có tỳ-kheo phạm lỗi mà chế giới, há nên nói chuyện cầu giới chẳng phải bắt nguồn từ thời đức Phật. Đối với pháp “tọa hạ” (an cư kết hạ), đặc biệt dùng tượng người bằng sáp để kiểm xem giới lực có toàn vẹn hay không thì chuyện này chẳng qua biểu thị ai nấy hãy nên nghiêm trì tịnh giới mà thôi. Giống như người trong cõi đời thực hành Công quá cách, khởi tâm động niệm, hành xử đều phải ghi trọn hết là thiện hay ác, nhằm mục đích “ngăn ngừa điều sai, dứt điều ác, tận lực làm điều lành”, chứ không coi chuyện ghi chép là điều tất yếu của việc làm lành dứt ác. Nếu mọi lúc thường luôn xem xét, phản tỉnh, không ghi cũng chẳng sao; nếu chẳng phản tỉnh suy xét, dầu ghi cũng vô ích!

Tự mình trì giới trọn vẹn hay thiếu sót, lẽ đâu chính mình chẳng biết? Dầu chẳng dùng tượng sáp để kiểm nghiệm mà có thể tự dối mình được sao? Đã chẳng thể tự dối mình được thì Phật, Bồ-tát, thánh nhân có thần thông và thiên địa quỷ thần đều chẳng thể bịp được, chỉ có thể tạm thời bung mắt con người mà thôi. Nhưng dù bịp được con người, giới đức có giữ nguyên vẹn hay không, con người cũng có thể biết được. Do vậy, cũng chẳng thể nào bịp con người được. Chỉ cốt sao dốc sức giữ giới, không nhất định phải giữ phương pháp kiểm nghiệm bằng tượng sáp.

Ông đã thọ giới rồi, [trong giới đàn, vị a-xà-lê] khai thị về khổ hạnh, dạy đốt thân hay thiêu cánh tay, đốt ngón tay để cúng Phật, nhưng vì phạm phu chẳng chịu đựng được những khổ hạnh ấy nên chỉ đốt hương trên đỉnh đầu hay trên cánh tay mà thôi. Cuối quyển sáu kinh Lăng-nghiêm, phần nói về bốn thứ giáo huấn rõ ràng thanh tịnh đã nói đến chuyện này, kinh Phạm Võng lẫn kinh Pháp Hoa đều có nói. Ông chẳng xét đến đạo lý đốt hương cúng Phật mà lại xét đến đạo lý của dầu sẹo thọ giới, tức là đã trở thành bỏ gốc lấy ngọn! Nhưng chúng sanh đời mạt mọi chuyện đều làm giả, do có những dầu sẹo thọ giới ấy mà phân biệt là có thọ giới hay không!

Hiện thời theo cách xuống tóc thông thường, lấy dầu sẹo thọ giới để làm dấu hiệu phân biệt càng thêm quan trọng hơn. Con số những dầu sẹo thọ giới ấy tùy theo mỗi người phát tâm đốt bao nhiêu viên hương, cần gì phải hỏi con số ấy biểu thị điều gì. Chỉ cần biết những dầu sẹo ấy biểu thị người thọ giới đốt hương cúng Phật, đây là thực hiện chút phần khổ hạnh đốt thân, thiêu cánh tay, đốt ngón tay mà thôi. Truyền giới ở Bắc Kinh thì đốt hương trên cánh tay chứ không đốt hương

trên đánh đầu, có vị nào xuống miền Nam tham học thì đốt thêm hương trên đánh đầu. Hiện thời chỉ đốt hương trên cánh tay thì hoàn toàn không thể được, vì người ngoài đời đầu đều lảng o⁴⁰. Chưa nghe nói Bắc Kinh đã thay đổi quy cách đốt hương hay chưa!

2. Hỏi: Các chôn ở Thượng Hải thường có nam nữ tụ họp mười hay một trăm người, cung kính dâng tiền hương kính để quy y hoặc nói “bái sư phụ”. Chuyện ấy phát xuất từ kinh điển nào? Bắt đầu từ thời nào? Đức Phật ở chỗ nào? Nói ra kinh nào? Đối với chúng sanh nào mà mở ra phương tiện ấy? Nếu không có giáo huấn rõ ràng thì đương nhiên kẻ bái thỉnh đã mờ mịt không biết “hễ quy y rồi thì nên hộ trì trai giới như thế nào”, mà người được bái thỉnh cũng lại chẳng nghĩ đức mình có xứng hay không? Lạm nhận của tín thí, sợ rằng Phật pháp tốt đẹp lớn lao chưa khỏi bị coi ngang ngửa với những món hàng thông thường, dở tệ vậy! Chẳng đáng đau buồn quá đổi ư? Xin sư hãy khai thị tường tận để người bái thỉnh lẫn kẻ được bái thỉnh biết đến những gì cần phải khuyên răn, nhắc nhở, hòng khỏi bị kẻ chẳng tin phỉ báng.

Đáp: Lúc đức Phật mới thành đạo, còn chưa khai hóa, muốn đến vườn Lộc Dã⁴¹ độ năm người, trên đường đi gặp thương nhân Đề-vị⁴², dâng bột lúa mạch rang và mật, bèn giảng tam quy, ngũ giới và thập thiện cho anh em ông ta. Phật chính là bản thân đức Phật, pháp chính là ngũ giới, thập thiện mà đức Phật vừa giảng cho ông ta cùng với hết thầy pháp Đại, Tiểu thừa đức Phật nói sau này. Lúc ấy vẫn chưa có vị tăng nào. Vì thế, đối với điều khoản quy y tăng, bèn nói “quy

⁴⁰ Sở dĩ tổ nhân mạnh chuyện đốt hương thọ giới vì thời ấy sau khi nhà Thanh bị lật đổ, nam giới Trung Hoa thôi giốc tóc thắt đuôi sam, bắt đầu hót tóc ngắn theo lối Âu Tây. Dân nghèo thường cạo trọc luôn cho tiện và đỡ tốn tiền hót tóc. Do vậy, khó thể phân biệt được tăng và tục nếu không có dấu sẹo thọ giới.

⁴¹ Lộc Dã (Mrgadāva) thuộc về thành phố Sārnāth hiện nay. Theo truyền thuyết đây là nơi các tiên nhân ở để tu khổ hạnh trong quá khứ nên loài nai được sống bình yên, do đó có tên vườn Lộc Dã, cũng do đây là nơi các tiên nhân thường ở nên còn gọi là Tiên Nhân Trụ Xứ. Luận Đại Tỳ-bà-sa cho biết: Trong đời quá khứ Phật là tiên nhân Tối Thắng, từng tu tập ở nơi ấy. Đây là nơi đức Phật cùng nhóm Kiều-trần-như năm người cùng tu khổ hạnh trước khi thành đạo.

⁴² Đề-vị, gọi cho đủ là Đề-lý-phú-sa (Trapusa) và Ba-lợi (Bhallika) là hai vị thương nhân được phước báo cúng dường và quy y đức Phật đầu tiên sau khi ngài mới đắc đạo. Theo kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm quyển 10, kinh Đề-vị-ba-lợi, kinh Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi, kinh Phổ Diệu và kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả, khi ấy đức Phật đã thành đạo được 49 ngày, tính đi đến vườn Lộc Dã để độ nhóm Kiều-trần-như, giữa trưa ngài đang tịnh tọa dưới cội cây trong rừng Đa-diễn thì thấy anh em ông Đề-vị đẩy 500 cỗ xe châu báu đi qua. Họ thấy Phật bèn ghé lại thưa hỏi, cúng dường lương khô lên Phật và được thọ pháp ưu-bà-tắc đầu tiên. Hai vị này xin đức Phật ban cho vật kỷ niệm để đem về nước thờ phụng, đức Phật liền ban cho mấy sợi tóc và móng tay. Hai ông đem về nước dựng tháp cúng dường. Theo Đại Đường Tây Vực Ký quyển một, phần chép về nước Phược Yết nói: “Cách đại thành về phía Bắc hơn 50 dặm có thành Đề-vị, cách thành Đề-vị về phía Bắc 40 dặm lại có thành Ba-lợi, trong mỗi thành đều có tháp cao hơn ba trượng để thờ tóc và móng tay của Như Lai.” Người Miến Điện tin tưởng những sợi tóc này đã được đưa sang thờ tại chùa Shwedagon ở Ngưỡng Quang (Yangon, hoặc Rangoon), tức cự thủ đô của Miến Điện.

y tăng vị lai” do tăng nhất định sẽ có. Đây chính là người quy y tam bảo đầu tiên vậy. Từ đây, phàm quốc vương, đại thần và thứ dân hể tin Phật thì không ai chẳng quy y, sao lại nói là không có xuất xứ?

Đối với thuyết cúng dường tiền hương kính chính là mượn vật để biểu thị lòng thành kính mà thôi. Thời đức Phật, tăng chẳng lập bếp nấu ăn, nên vàng bạc chẳng có chỗ để dùng, nhưng đàn-na tín thí dâng hiến thức ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men và tặng của cải cố nhiên chẳng khác chút nào. Ở phương này, người có lòng tin ít ỏi, hể làm chuyện gì đều phải cậy vào tiền tài. Vì thế, người ta đã tin tưởng ắt mong cúng dường tiền bạc lên vị thầy mình đã quy y để vị ấy trang trải những thứ cần dùng. Đây là nguyên do của tiền hương kính vậy.

Thánh nhân phương này lập giáo, người đến học phải có miếng thức tu⁴³ để làm học phí; tuy tên gọi khác với tiền hương kính nhưng ý nghĩa chẳng khác gì. Chẳng phải chỉ có vậy mà thôi, phàm là thiên tử và chư hầu tụ tập tiệc tùng ắt phải có món ăn ngon, lại còn phải có vật quý báu để làm quà tặng, cũng giống như đã đến bái yết lại còn cúng dường vậy. Đã quy y tam bảo, ắt phải trì ngũ giới, tu thập thiện. Nhưng hiện thời thói đời thường hay bày vẽ giả dối, đây là lỗi chính mình chẳng tuân theo lời dạy, chứ Phật pháp đâu có lỗi. Tăng có giữ giới được hay không cũng thế.

Cố nhiên nên phân biệt thầy là thật hay giả và đồ đệ là thật hay giả, chẳng được nhất loạt chê quy y tam bảo là sai rồi bài xích. Nếu không có ai quy y tam bảo, Phật pháp sẽ do vậy bị đoạn diệt, bởi lẽ dầu có chân tăng cũng trọn không có ngoại hộ, ai chịu cung kính cúng dường ông là người đã vượt ngoài cõi đời đây? Huống chi Phật pháp đâu phải là chuyện của riêng mình tăng chúng, mà thật sự là chuyện phải nên tu, nên hành của hết thầy mọi người. Nếu chẳng quy y tức là đoạn diệt dòng giống Phật vậy. Ý nghĩa “hết thầy mọi người nên tu nên hành” đã được Văn Sao nói đến nhiều lần rồi.

3. Hỏi: Xưa có vị cư sĩ X... hỏi “quy y Phật chẳng đọa địa ngục, tức là sau khi xả thân chẳng đọa hay vĩnh viễn chẳng đọa”? Lại hỏi gần đây những kẻ quy y ở các nơi như Thượng Hải chẳng hạn, quá nửa là hạng gái lầu xanh làm những nghề không đứng đắn. Lúc ấy, tuy hơi có ý niệm hổ thẹn, từ bỏ, nhưng sau đó vẫn giữ nghề cũ tạo tội. Nếu quy y rồi vĩnh viễn chẳng đọa địa ngục thì còn ai đành lòng keo tiếc hai đồng bốn các hương kính? Nếu hai đồng bốn các hương kính có thể bảo đảm dù tạo tội vẫn vĩnh viễn không đọa địa ngục thì trong núi Thiết Vi

⁴³ Thức tu là thịt muối hay thịt khô được bó chặt lại, thường được dùng thay cho học phí thuở xưa.

đâu còn có địa ngục để nói nữa ư? Trong thiên hạ lẽ nào có sự tiện nghi như thế ư?

Thêm nữa, nói quy y thì quy y vị Phật nào? Quá khứ Phật? Hiện tại Phật? Hay là vị lai Phật? Nếu nói quá khứ thì đã qua rồi, hiện tại không có Phật, còn vị lai thì Phật vị lai chưa ra đời, có vị Phật nào để quy y nữa đây? Nếu nói quy y với tượng Phật Di-đà hoặc Phật Thích-ca thì chỉ cần đến trước các bức tượng lễ kính là đủ rồi, cần gì phải nhờ vào tiền hương kính nữa? Đệ tử cứng họng, chẳng thể đáp gậy gọn được; rốt cuộc là như thế nào, mong mỗi sâu đậm thầy chỉ dạy cho.

Đáp: Chuyện ấy hãy nên nói từ hạnh chân thật, chứ đừng luận trên việc quy y. Ba câu quy y Phật - pháp - tăng tuy chia ra nói là “chẳng đọa địa ngục, ngã quý, súc sanh”, nhưng chớ nên chấp chặt là quy y Phật sẽ chỉ có thể không đọa địa ngục, vẫn chẳng tránh khỏi đọa vào ngã quý, súc sanh. Nếu nói chấp chặt như thế thì chính là kẻ si nói mớ vậy! Lòng đại từ bi của đức Phật ông còn chưa biết, cứ nói bừa đạo lý. Hạng gái lầu xanh làm chuyện hạ tiện nếu thật sự tin tưởng, ngưỡng mộ đức Phật, thường sanh lòng hổ thẹn, thường niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương thì vẫn được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm, ở cùng một chỗ với các vị thượng thiện nhân.

Đức Phật dùng đủ mọi phương tiện tiếp dẫn, khuyên dụ chúng sanh gieo nhân xuất thế, vì thế đối với ngũ giới, mặc cho những kẻ ấy chỉ thọ một, hai, ba, bốn giới cho đến thọ trọn năm giới. Vì sao cho phép người ta chẳng thọ đủ cả năm giới? Do những người ấy lâm vào tình thế chẳng thể giữ được. Như người đồ tể chẳng thể giữ giới sát, nhưng vẫn có thể giữ bốn giới kia, kỹ nữ chẳng thể giữ giới tà dâm, tửu bảo chẳng thể giữ giới không uống rượu v.v.. Đức Phật lòng từ sâu xa, đức sâu dày như trời che khắp, như đất chở đều, chẳng bỏ một kẻ nào sẵn có Phật tánh.

Những kẻ tự cao tự đại trong cõi đời thấy một khuyết điểm của người khác, dẫu người ấy có ngàn điều tốt đẹp cũng chẳng coi là đúng. Đức Phật không giống như thế. Trong bộ Long Thư Tịnh Độ Văn có một quyển mang tựa đề Phổ Khuyển Môn đã nói tường tận nguyên do, trong quyển ấy đã kể tên hơn 30 loại, trong số ấy có kẻ đồ tể, ngư dân, người chế rượu, ngay cả hạng gái lầu xanh trong chốn phong trần, sách ấy đều nói nếu họ có thể đổi nghề thì tốt nhất. Nếu chẳng thể thay đổi nghề nghiệp được, nhưng thường sanh lòng hổ thẹn, niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương, nếu có thể tin chân thành, nguyện thiết tha thì cũng có thể cao đăng chín phẩm, nào phải chỉ chẳng đọa địa ngục, ngã quý, súc sanh ư? Nếu chẳng sanh lòng hổ thẹn mà cũng chẳng tu trì, lấy chuyện quy y làm điều vênh

vang, chỉ coi trọng chuyện bái sư thì có đọa địa ngục hay không, Quang chẳng dám quyết đoán!

Còn như nói quy y tam bảo thì Phật ấy là Phật nào, khi ông thọ giới cụ túc, trong giới đàn đã từng có những thứ khai thị ấy. Có tam bảo thuở Phật còn tại thế (đây chính là trụ trì tam bảo), có tam bảo sau khi Phật đã nhập diệt. Nhằm thời đức Phật còn tại thế thì Phật chính là Phật Thích-ca, pháp là những pháp như tứ đế v.v., tăng chính là những vị xuất gia theo Phật. Sau khi đức Phật nhập diệt, Phật chính là các hình tượng của Phật Thích-ca (tức là những tượng làm bằng vàng, bạc, đồng, sắt, đất, gỗ, vôi, thù lù v.v.. Những thứ ấy chính là hình tượng của Phật, phải nên coi hết như đức Phật thật, nhưng những vị Phật Di-đà, Dược Sư v.v. cũng thuộc vào trong số ấy, do đức Thích-ca là giáo chủ trong hiện tại nên chuyên nói đến vậy), pháp chính là những kinh điển quyền vàng trực đở⁴⁴, tăng chính là những người cạo tóc mặc áo thâm.

Lại có nhất thể tam bảo, đây chính là những nghĩa *giác, chánh, tịnh* trong tự tâm được gọi là tam bảo Phật pháp tăng. Nếu nói cặn kẽ quá tốn bút mực! Lúc đức Phật mới thành Phật còn chưa có tăng, chỉ dạy trưởng giả Đề-vi quy y tăng vị lai, do tăng là người gánh vác trách nhiệm kế tục pháp đạo vậy. Nếu tự cao tự đại, chỉ biết Phật và pháp đáng kính phục, ngưỡng mộ, coi rẻ tăng nhân chẳng chịu quy y thì kẻ ấy đâu được lợi ích trong Phật pháp, nhưng do cái tâm ngạo mạn sợ rằng khó thể được lợi ích chân thật.

4. Hỏi: Người đời đều coi đại sư Trí Giả là đức Thích-ca tái thế, giống như Kim Túc Như Lai hiện thân cư sĩ Duy-ma, Long Đồ Phật hiện thân làm tỳ-kheo Thân Tử⁴⁵. Nay những kẻ tôn sùng tông Hiền Thủ thường hay bắt bẻ chuyện này đến nỗi ngã kiến nghiêm trọng, thị phi dấy lên rầm rĩ, hoặc nói là ngũ giáo⁴⁶ hay hơn tứ giáo, hoặc nói Trí Giả không phải là Thích-ca tái thế, hoặc nói “Trí Giả

⁴⁴ Hoàng Quyển Xích Trục: Đôi khi còn gọi là Hoàng Quyển Châu Trục hoặc Hoàng Chi Châu Trục. Do thời cổ nhằm tỏ ý trân trọng, kinh được chép trên một tờ giấy dài màu vàng, hai đầu có gắn trục sơn son để cuộn lại cho dễ bảo quản. Sơn son vừa nhằm mục đích trang trí cho đẹp, vừa cho dễ thấy, để chỉ nắm lấy hai đầu trục mà mở ra từ từ, không làm rách giấy. Phong tục này không biết bắt nguồn từ thời nào, có thuyết cho rằng từ thời Trinh Quán (627-649) nhà Đường, vua ban chiếu chép kinh lên giấy nhuộm nghệ vàng để khỏi bị mối mọt cắn. Từ đây về sau, kinh thường được chép trên giấy có màu vàng. Cũng có truyền thuyết cho rằng năm Vĩnh Bình 14 (630) đời Hán Minh Đế, vua chấp thuận lời thỉnh cầu của bọn đạo sĩ cho phép dùng lửa thí nghiệm xem kinh Phật hay kinh Đạo giáo kinh nào cao quý hơn. Rốt cuộc kinh của Đạo giáo cháy tan thành tro, chỉ còn kinh Phật bị khói hun nên ngả sang màu vàng. Do đó, kinh Phật được gọi là “hoàng quyển” từ đó.

⁴⁵ Thân Tử là cách dịch nghĩa tên ngài Xá-lợi-phất trước thời pháp sư Cưu-ma-la-thập. Từ thời pháp sư Huyền Trang trở đi, nếu dịch nghĩa chữ Xá-lợi-phất sẽ dịch là Thu Tử, hoặc Thu Lộ Tử.

⁴⁶ Ngũ giáo ở đây là ngũ giáo do đại sư Hiền Thủ phán định vào thời Đường, chứ không phải là *ngũ thời bát giáo* của tổ Trí Giả. Theo Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương, quyền một, ngài Hiền Thủ phán định một đời giáo hóa của đức Phật gồm năm loại giáo pháp: Tiểu thừa giáo (Thanh văn giáo), Đại thừa thùy giáo (Quyển giáo), Đại thừa chung giáo (Thật giáo), Đốn giáo và Viên giáo.

phán định tứ giáo sớm hơn ngài Thanh Lương, sách tham khảo thời ngài Trí Giả chẳng được hoàn bị bằng thời Đường, cho nên phán định giáo nghĩa có chỗ thiếu sót”. Hoặc nói: “Nếu Trí Giả đã là hậu thân của Phật Thích-ca, sao lúc soạn bộ Ma-ha Chỉ Quán chẳng thể nói quyết đoán công đức của lục căn hơn kém, lại còn ở đài Bái Kinh lễ lạy kinh Lăng-nghiêm chưa được ngài Bát-lạt-mật-đế dịch ra, lấy kinh làm khuôn khổ cho đạo vậy? Kinh là do đức Phật nói ra, Trí Giả đã là Phật nói ra kinh thì sẽ hiểu thông suốt. Nếu nói Phật cũng bị mê muội khi nhập thai thì đâu đáng xưng là Vô thượng chánh đẳng chánh giác?”

Những thứ nghi vấn ấy ủa nhau nổi lên lung tung, nếu không được lão nhân rủ lòng thương xót tình kiến của mọi người mà mỗ xẻ rạch rời lời vấn nạn ấy để làm kim chỉ nam cho những người học Phật thì sợ rằng những kẻ học đạo trong tông Thiên Thai và Hiền Thủ sẽ bài báng lẫn nhau chẳng thể dứt. Ôi, tự tấn công, bắt bẻ lẫn nhau thì Phật giáo chẳng bị suy sụp ư? Mong thay!

Đáp: Những vị khai sáng pháp Thiên Thai, Hiền Thủ hoặc là cổ Phật ứng thế, hoặc là Bồ-tát thị hiện giảng sanh, chớ nên vì vị này khinh vị kia, hoặc do vị kia khinh vị này. Dầu lời dạy của các ngài không hoàn toàn tương đồng, nhưng sở kiến của mỗi vị trọn chẳng phải là nói xằng! Những kẻ làm lạc do môn đình mà tranh chấp đều là những đứa con ngỗ nghịch của đức Phật, là tội nhân đối với tổ sư các tông.

Tứ giáo hay ngũ giáo vốn cùng là một Phật giáo, ông đã từng đọc bài tựa cho cuốn Di-đà Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích hay chưa? (Nguyên bản của sách Thập Yếu đã bị đại sư Thành Thời lược đi, đáng than thay). Trong ấy có câu: “Chẳng dám cùng hai ông⁴⁷ đua tranh cho khác biệt, cũng chẳng nhất thiết phải ép cho giống với hai ông. Ví như nhìn ngang thành răng, nhìn xiên thành ngọn. Dầu đều chẳng thể trọn hết cảnh Lô Sơn thật sự, cốt sao chẳng đánh mất sự đích thân thấy biết Lô Sơn của mỗi người mà thôi.” Câu nói ấy đã dùng câu thơ tả cảnh đến chơi Lô Sơn của Tô Đông Pha: *“Hoành kiến thành lãnh, trắc thành phong; viễn cận cao đê tổng bất đồng, bất thức Lô Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung”* (Nhìn ngang thành răng, xiên thành ngọn. Xa gần cao thấp chẳng giống nhau. Chẳng biết Lô sơn chân diện mục, miễn sao thân ở tại non này).

Lô Sơn là trọn một khối, tùy theo con người ở chỗ nào mà thành ra hình tướng khác biệt; hướng hồ pháp do đức Như Lai đã thuyết giống như châu ma-ni có màu sắc khác nhau tùy theo đặt gần vật nào. Những kẻ nói chắc chắn châu ấy có màu gì đều là những kẻ không biết gì về châu cả! Tùy theo [châu được đặt gần vật có

⁴⁷ Hai ông được nói đến ở đây chính là đại sư Vân Thê Liên Trì và đại sư Cù Am U Khê.

màu] xanh, vàng, đỏ, trắng mà hiện màu xanh, vàng, đỏ, trắng, dù có nói châu ấy là xanh, vàng, đỏ hay trắng cũng chẳng phải là không được. Nhưng nếu nói nhất định là màu xanh, chứ không phải là vàng, đỏ, trắng, hoặc nói châu nhất định là màu trắng, không phải là đỏ, vàng, xanh thì lại không được. Hiểu toàn vẹn nghĩa của kinh thì chư tổ đều là công thần của Như Lai, một mực chấp chặt vào một câu thì hoàng pháp cũng thành bè đảng ma hoại pháp!

Ngài Trí Giả soạn bộ Chỉ Quán phù hợp ý nghĩa công đức của sáu căn trong kinh Lăng-nghiêm, lại nghe Phạm tăng khen ngợi sách ấy hợp với nghĩa lý kinh Lăng-nghiêm nên mới lay kinh, mong kinh Lăng-nghiêm sớm được truyền đến để chứng tỏ những gì chính mình nói chẳng sai lầm. Sao ông lại nói ngài chẳng thể quyết đoán công đức sáu căn hơn kém? Vì tự lập đường lối bèn hạ thấp ngài Trí Giả, nói như vậy tức là chẳng biết cội nguồn. Làm lạc nghe lời người ta nói rồi cũng nghĩ như vậy. Chuyện lay kinh đương nhiên là có, nếu nói hằng ngày lễ bái trong nhiều năm thì chính là lời của người sau thêm thắt. Đừng nói ngài Trí Giả không phải là Phật hiện thân, dẫu thật sự là Phật hiện thân thì do đã biến hiện thân phận làm tăng, càng phải ẩn thật hiện quyền. Do vậy, càng cần phải có kinh để làm chứng cứ thì mới là khuôn phép hoàng truyền. Nếu tự cho mình là Phật, tự nói ra kinh thuộc đời vị lai thì đấy chính là bè lũ bị ma dựa trong đời sau thường hay nói “ta là vị Phật này hay vị Bồ-tát nọ” để mào đầu. Đấy chính là nguyên do khiến cho bậc Pháp thân đại sĩ hoàng pháp chẳng hiển bôn vậy. Ông đã biết nghĩa lý ngài Thân Tử “trong ẩn kín hạnh Bồ-tát, ngoài hiện tướng Thanh văn” trong kinh Pháp Hoa, sao lại nghi mỗi mình ngài Trí Giả? Hơn nữa, đoạn văn luận về trưởng giả Lý trong Văn Sao (tức đoạn văn trong bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận) cũng đã nói rõ nghĩa này, sao chẳng mở rộng ra để suy luận mà hiểu, lại cứ muốn hỏi han lôi thôi vậy?

5. Hỏi: Tướng tông phán định giáo pháp trong cả một đời giáo hóa của đức Phật thành tam thời giáo, đầu tiên là hữu, kế đó là không, sau cùng là trung, chỉ có thời khác biệt, chứ không có thời thông suốt; Thiên Thai phán giáo thành ngũ thời, dùng cả thông lẫn biệt. Những kẻ học đạo thấy biết một chiều do vậy công kích lẫn nhau, chê nhau là sai. Người theo tông Thiên Thai hủy báng thuyết tam thời của Tướng tông, cho là thấy biết một chiều, nghĩa hết sức chẳng trọn vẹn, không phải là ý chỉ vốn có của đức Phật. Người học theo Tướng tông chê bai Thiên Thai là mờ mịt, câu nệ, bày vẽ, sương mây mù mịt, hiếm có kẻ nào thấu suốt được. Rốt cuộc ai đúng, ai sai, mong thầy ban cho lời dạy lớn lao!

Đáp: Câu này nên từ đoạn thứ tư mà lãnh hội ý nghĩa, sẽ tự biết chư Phật thuyết pháp tùy theo căn cơ của chúng sanh. Nay những kẻ hoàng pháp phần

nhiều nói pháp trái với căn cơ. Do vậy, đức Phật đã sớm thọ ký rằng thời mạt pháp chính là thời đấu tranh kiên cố, buồn thay!

6. Hỏi: Trước khi đức Phật hiển bốn thì những vị Thanh văn đều do tu mà thành, sau khi khai quyền thì hết thấy tám bộ cũng đều là các vị đại Bồ-tát nương theo bốn nguyện [thị hiện giảng sanh trong Sa-bà] để phụ trợ đức Thích-ca giáo hóa, như vậy thì đệ tử Phật đã không có một ai do phàm phu tu thành thì đức Phật xuất thế có ích gì cho chúng sanh đâu?

Đáp: Ông chỉ biết nói lời chấp nhặt hẹp hòi, chẳng hiểu được nguyên do những vị ấy thị hiện! Những vị trong hội Pháp Hoa ấy đều là những bậc đã chứng A-la-hán, thoát đầu đều chẳng tin Phật pháp, đều do nghe đức Phật giáo hóa, chỉ dạy đủ mọi lẽ rồi mới gia nhập Phật pháp. Do vậy, trong suốt hơn 40 năm dài, họ luôn theo sát Như Lai. Tôi hỏi ông nhé, những vị ấy trong mấy chục năm trọn chẳng có một ai hướng dẫn người khác khiến họ sanh khởi lòng tin, sửa ác tu thiện, quy y Phật pháp liễu sanh thoát tử hay sao? Ông hỏi câu này đúng là si mê đến cùng cực!

7. Hỏi: Kinh Pháp Hoa chép: “Giơ tay, cúi đầu, đều sẽ thành Phật.” Thêm nữa, kinh Pháp Hoa đã từng được nói trong vô lượng kiếp trước. Do vậy thấy rằng trong vô lượng kiếp trước đã từng có đáng gọi là Phật độ chúng sanh trong cõi đời. Chúng sanh đã gieo thiện căn trong vô lượng kiếp trước thì những chúng sanh đã từng gieo thiện căn ấy đến nay lẽ ra đều đã thành Phật hoặc thành Bồ-tát rồi. Như vậy thì lẽ ra Phật, Bồ-tát nhiều, chúng sanh ít; có sao Phật, Bồ-tát thường ít thấy mà chúng sanh đông ùn ùn vậy? Chắc là chúng sanh trong vô lượng kiếp trước đều chưa có thiện căn gieo tay, cúi đầu? Hay là gieo nhân nhưng chưa chín muối ư? Nếu nói gieo nhân nhưng chưa chín muối thì rốt cuộc đến lúc nào mới chín muối? Chúng sanh hiện tại gieo thiện căn gieo tay, cúi đầu, lại phải trải qua bao nhiêu vô lượng kiếp thì mới chín muối được thiện căn ấy? Hay là vĩnh viễn chẳng thể chín muối?

Đáp: Hai câu nói “Phật, Bồ-tát nhiều, chúng sanh ít” và “Phật, Bồ-tát ít, chúng sanh nhiều” phải nhìn từ cõi nước chư Phật, Bồ-tát đang ở. Ví như gã dân hèn ở làng quê nhỏ bé chỉ biết những kẻ thường dân trong làng là nhiều, trọn chẳng biết những bậc phù tá nhà vua trong nước nhà nhiều vô số, nhưng pháp thế gian chẳng đủ để làm thí dụ cho thích đáng. Sao ông chẳng thấy Hoa Tạng hải chúng đông nhiều, ngay cả số vi trần trong một cõi Phật cũng chẳng thể sánh ví [với số lượng thánh chúng trong Hoa Tạng] ư?

Phật có thể độ chúng sanh nhưng chẳng thể độ kẻ không có duyên với Phật. Vì thế phải bao lượt thị hiện giảng sanh, thị hiện nhập diệt để cho chúng sanh bao

phen gieo thiện căn, bao phen chín muồi thiện căn, bao phen được độ thoát. Nhưng do chúng sanh giới vô tận nên thệ nguyện của Phật, Bồ-tát vô tận! Ông dùng tri kiến đoạn diệt để bàn luận cho nên mới có những câu hỏi ấy, câu hỏi ấy tự hồ có lý, chẳng biết đây vẫn là tình kiến chúng sanh, chẳng may may biết được cảnh giới của Phật, Bồ-tát. Nếu ông có thể nhất tâm niệm Phật vãng sanh Tây Phương, ắt sẽ than thở: “Bồ-tát đông đảo, chúng sanh ít ỏi!” Vì vậy tôi nói: Hãy nên nhìn từ chỗ Phật, Bồ-tát đang ở, đừng nhìn từ nơi chúng sanh đang ở.

8. Hỏi: Đề từ bất luận ở chỗ nào, sáng sớm súc miệng, rửa ráy xong liền đáp y lễ bái Đại sĩ Quán Âm đến khi tinh thần mỗi mệt liền ngồi xếp bằng trên mặt đất trì danh. Có lúc quá mệt nhọc, hễ ngồi liền hôn trầm hoặc suy tưởng loạn xạ. Cũng có lúc thân tâm thoải mái, ngồi độ nửa giờ mà cảm thấy ngắn như chỉ ngồi chừng mấy phút. Cũng có lúc tay lần xâu chuỗi mà bất ngờ lần xong xâu chuỗi từ đầu đến cuối hơn 300 hạt trong khoảnh khắc, trong tâm cũng dường như xung tưng rõ ràng, nhưng chẳng thật minh bạch lắm. Cũng có lúc trì chú, chợt quên bằng bài chú đang trì, bất giác hồ đồ niệm tụng Phật hiệu. Những chuyện ấy rốt cuộc là cảnh giới như thế nào, rất mong thầy chỉ dạy.

Đáp: Ngồi lâu chẳng cảm thấy là lâu, niệm lâu chẳng biết là lâu, đây chính là do tâm tịnh thần lặng mà ra. Nhưng chớ nên tưởng đó là chứng đắc, từ đây phải nỗ lực công phu sẽ tự được tiến hơn. Nếu coi đó là chứng đắc thì do vậy cũng không thể chứng đắc được, hướng chỉ là tiến hơn! Trì chú hôn trầm niệm Phật, niệm Phật hôn trầm trì chú, đây chính là do ý thức thuận theo vọng tâm, chánh niệm bị chuyển biến mà ra. Những người tu sơ cơ phần nhiều gặp tình trạng này, nếu nắm vững công phu sẽ khỏi đến nỗi điên đảo lầm loạn. Nhưng điên đảo lầm loạn như vậy vẫn là do công phu mà ra. Nếu không có công phu thì ngay cả niệm hồ đồ như vậy cũng chẳng có được, hướng là rõ ràng chẳng sai lầm ư?

Ban-chu tam-muội thì người đời nay không hành được, ông nói lời ấy là do ham cao chuộng xa hay là thật vì sanh tử vậy? Nếu thật vì sanh tử thì hãy nên y theo những pháp phạm phu thường có thể hành được. Nếu là phạm phu sát đất mà làm lạc tính hành pháp của thánh nhân quá sức mình ắt sẽ đến nỗi bị ma dựa, ngã lòng tu tập. Xin hãy dứt trừ ý niệm ấy ngõ hầu được lợi ích!

Bộ Văn Sao của Quang về ý thì có thể chấp nhận được, nhưng văn từ chẳng đáng xem, được hai vị Khai Sĩ Viên Sơn và Cương Dã muốn lưu thông, thật hồ thẹn sâu xa! Nhưng Bồ-tát vì lợi chúng sanh, ngay cả đầu mắt còn bằng lòng xả được, huống là những lời lẽ hủ bại, như bản của Quang được hai vị đại sĩ đề xướng, nhằm khiến cho hết thấy những kẻ mới học tin tưởng, ngưỡng mộ Tịnh tông thì Quang cũng cậy vào công đức của hai vị đại sĩ ấy mà tiêu trừ tội nghiệp,

tăng trưởng thiện căn, được vãng sanh Tây Phương, thật là may mắn không chi lớn hơn.

Phàm những sách vở nhằm hoằng dương Phật pháp đều chớ nên ghi bản quyền, nếu ghi bản quyền thì công đức hoằng pháp chẳng thể cự lại tội lỗi ngăn trở lưu thông đâu! Quang bận bịu quá mức, chớ nên thường hỏi han như thế này. Chẳng những Quang học thức hữu hạn mà hiểu biết cũng chẳng được mấy, chẳng thể đáp lời; dầu có đáp được cũng không có tinh thần, công phu đâu nhé!

Dụ Muội Am biên soạn Cao Tăng Truyện gồm bốn tập (ông ta làm khoa trưởng thuộc dinh tỉnh trưởng tỉnh Trực Lệ, thỉnh người khác thay ông ta biên chép, còn ông ta chỉ soạn đề cương đại lược, cho nên sai sót không thể kể xiết. Ngay cả phần do chính ông ta viết cũng sai lầm nhiều khôn xiết. Quang chỉ dựa theo phần ông ta viết để giáo chánh, sửa đổi, gọt giũa đại lược mà thôi. Cuốn sách do Quang đã sửa chữa ấy chỉ nên dùng làm bản gợi ý cho người sẽ tu chỉnh cuốn sách của ông Muội Am sau này mà thôi, chẳng đáng coi là bản hoàn chỉnh vậy) hoàn thành vào tháng 9 năm ngoái, đem gởi tới mong Quang hãy giáo chánh cho ông ta. Quang lấy cố học thức nông cạn và không rảnh rỗi để từ chối, ông ta nói mong rằng trong ba năm sẽ được sửa chữa xong. Suốt cả một năm ngoái chẳng ngó tới, mùa xuân năm nay mới nhìn đến, sách quá thiếu tinh tường, sai ngoa quá nhiều. Đọc một hai ngày, ngần ngừ hết mấy ngày. Đến ngày hôm qua mới đọc xong, do vậy thư ông gởi đến từ hôm 23 mà mãi tới bữa nay mới trả lời. Cái chết của Hiền Âm cũng chỉ là vì câu được vượt trội, câu danh, chẳng biết lắng lòng tịnh dưỡng. Nghe nói ông ta đang bệnh mà hằng ngày vẫn cứ thường bàn luận chẳng tịnh dưỡng nên mới bị kết quả ấy.

31. Thư trả lời pháp sư Minh Đạo

Ông muốn bế quan ở Linh Nham thì sư Chân Đạt đã chấp thuận rồi, đây lại là cơ duyên tốt đẹp không chi bằng, nhưng phải toàn thân buông xuống hết, cái tâm bộp chộp vọng động mong gấp được lợi ích cũng buông xuống luôn thì sẽ tự được lợi ích. Nếu không, chỉ sợ thấy bị ma dựa. Phàm những kẻ bị ma dựa đều là do tâm bộp chộp, vọng động mà ra. Sư Chân Đạt quả thật đã thành tựu sự bế quan cho ông, hãy nên nghĩ báo ân, đừng vọng tưởng làm bậc đại thông gia, may ra sẽ được tâm tương ứng với Phật, chẳng cầu làm bậc đại thông gia mà lại có thể làm bậc đại thông gia. Đây gọi là “vô tâm mà được, có tâm lại đâm ra bị mất mát”. Nghĩa lý trọng yếu trong Phật pháp chính là “tâm không chấp trước”. Nếu đã sẵn mang lòng chấp chết cứng cầu đạt được đủ mọi cảnh giới lợi ích là đã ươm sẵn cái họa bị ma dựa. Nếu trong tâm rỗng rang, trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào khác thì được, may ra sẽ chứng đắc vậy.

32. Thư gửi ông Cháp chánh Đoàn⁴⁸

Vốn khâm phục ngài đức sâu dày, hiểu biết chân chánh rành rẽ, hiện thân làm quốc chủ để hành chuyện Như Lai, hộ trì Phật pháp, công đức khó lường, dõi nghe tiếng tăm, vui mừng khen ngợi không thể nào diễn tả được.

Nghe nói gần đây bộ Nội vụ sắp thuận theo lời thỉnh cầu của Đô trưởng Tiết⁴⁹, ban hành điều lệ đăng ký tài sản chùa miếu. Trong ngu kiến của kẻ ở chốn núi non, rầy bái, trộm nghĩ làm như vậy không nên. Phàm là người có lòng nhân thì chẳng thực hiện những pháp hà khắc quấy nhiễu dân. Huống chi tài sản của chùa miếu vốn để cúng dường tam bảo, quả thật là phước điền cho chúng sanh, những tài sản tầm thường thật chẳng thể sánh bằng. Trong văn bản Điều Lệ Quản Lý Chùa Miếu đã tu chỉnh được ban hành vào năm Dân Quốc thứ mười (1921) có ghi rõ tài sản chùa miếu được bảo vệ bình đẳng như tài sản của những người dân bình thường. Đã nói là “cùng được bảo vệ bình đẳng”, há nên định riêng điều lệ khắc nghiệt ư?

Vả nữa, nói trên phương diện tôn giáo, có lẽ cũng không nên có cái nhìn lệch lạc chút nào. Điều lệ đăng ký tính áp dụng hiện thời chuyên áp dụng vào chùa miếu, chứ không ảnh hưởng tới tài sản của giáo hội Thiên Chúa giáo, cho thấy luật lệ của chánh quyền không thật sự hết sức công bằng. Tra trong văn bản điều lệ quản lý chùa miếu đã ban hành trước đây thì lại thấy nói tài sản của chùa miếu sẽ đăng ký nơi ty hành chánh cai quản địa phương ấy, tuy chưa nói rõ phương pháp đăng ký nhưng đã ghi là “các tôn giáo và những người dân bình thường đều cùng được bảo vệ”, như vậy thì đương nhiên cũng phải áp dụng cùng một điều lệ đăng ký như tài sản của người dân bình thường. Văn bản đã được công bố rõ ràng, sao lại vụng về dùng quy định do bộ Nội vụ ban hành sau này đến nổi mâu thuẫn với mệnh lệnh trước kia? Do vậy chẳng nề mạo muội, quấy nhiễu dân tình. Khẩn cầu ngài hãy rộng vận từ tâm, mau truyền lệnh cho bộ Nội vụ bãi bỏ điều kiện nghị ấy để dân chúng khỏi bị quấy nhiễu khôn khổ, lòng nhân sâu đậm, ân trách sâu dày ấy nào phải chỉ có tăng chúng cảm kích, vâng đội chẳng quên, mà hết

⁴⁸ Cháp chánh Đoàn chính là Đoàn Kỳ Thụy (1864-1936), một tay quân phiệt dưới thời Dân Quốc, từng làm Quốc vụ tổng lý và Tổng trưởng lục quân, kiêm nhiệm nhiều bộ dưới thời Dân Quốc. Ông này vốn có tên là Khải Thụy, tự là Chi Tuyên, người Hợp Phì (tỉnh An Huy), từng được huấn luyện quân sự tại Đức Quốc, là tay chân của Viên Thế Khải. Ông ta luôn tích cực phát động chiến tranh để tranh giành quyền bính. Do họ Đoàn giữ chức *Lâm thời chấp chánh* (tương ứng với chức Đại tổng thống) từ năm 1924 đến năm 1926 nên lá thư này phải được viết trong khoảng thời gian đó.

⁴⁹ Nguyên văn “*Tiết kinh triệu doãn*”: Tiết là tên họ, còn Kinh triệu doãn chức vụ được đặt ra từ thời Tần giữ nhiệm vụ quản lý hành chánh và trị an ở kinh đô. Về sau, tất cả những vị trưởng quan quản trị hành chánh và trị an ở thủ đô đều được gọi là Kinh triệu doãn. Chúng tôi dùng chữ Đô trưởng để tạm dịch vì người Việt thường gọi chức vụ này bằng danh xưng Đô trưởng. Tiết Kinh triệu doãn là ông Đô trưởng họ Tiết.

thầy chú Phật cũng sẽ đồng thanh khen là lành, kẻ không có trách nhiệm hết sức bút rứt mong chờ ngài ra lệnh.

Tăng sĩ Đắc Nhân, Ấn Quang kính bạch.

*** Đính kèm thư trả lời**

Kính trình các ngài,

Chúng tôi được ngài Chấp chánh giao xuống một lá thư, trong ấy nói: “*Bộ Nội vụ sắp chấp thuận lời thỉnh cầu của Đô trưởng Tiết ban hành lệnh điều lệ đăng ký chùa miếu, khẩn khoản thỉnh ra lệnh cho bộ Nội vụ bãi bỏ lệnh ấy.*” Do vâng theo lời phê của ngài Chấp chánh: “*Đã thẩm tra, ra lệnh ngưng lại...*” Ngoài việc tổng đạt văn thư cho bộ Nội vụ, chúng tôi còn gửi thư này trả lời, mong quý ngài thấu hiểu.

Bí thư Sản thuộc phủ Chấp chánh lâm thời kính báo.

33. Thư gửi cư sĩ Cao Hạc Niên⁵⁰ (thư thứ nhất)

Quang thuở nhỏ thiếu học vấn, lớn lên chẳng biết gì, chỉ do ở Phổ Đà lâu ngày thường được người khác sai bảo viết lách thay cho họ nên ghi đại lược một hai chuyện để tự mình xem. Mùa thu năm ngoái được các hạ mang những bài viết ấy đến Thượng Hải, sao ra bốn bài luận cho đăng trên Phật Học Tùng Báo. Trộm nghĩ, Phật Học Tùng Báo chính là do các vị đại cư sĩ thời óc pháp lớn, đánh trống pháp lớn, nghĩa lý mênh mông, sâu xa như trời cao đất dày, văn từ tuyệt diệu, đẹp đẽ như chuông vàng, khánh ngọc. Xếp văn của Quang vào ấy khác gì ném ngói sạn vào rừng châu, rải gai góc nơi vườn quỳnh, chỉ gai mắt nhả, chẳng ích gì cho tấm lòng độc giả tán thưởng, cảm thấy xấu hổ, thẹn thùng. Thầy Căn Kỳ trở về, lại bảo viết luận, nhưng do sức khỏe yếu ớt, nhãn mục quá già, dầu muốn, chẳng thể vâng mạng được, nhưng sợ phụ tấm thịnh tình; do vậy đem những bản thảo cũ đã được viết theo lời sai khiến của người khác chép lại cho rõ ràng thành năm bài. Thể tài, câu văn vụng về, kém tề, các hạ đọc đến sẽ bật cười! Nhưng đôi bên quen biết nhau, chắc chẳng đến nỗi quở trách, chứ còn đem đăng báo chỉ sợ chước lấy tiếng cười chê của bậc đại thông gia vậy.

⁵⁰ Cao Hạc Niên (1872- không rõ năm mất) là người huyện Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô, tên thật là Hằng Tùng. Mộ đạo từ nhỏ, thấu hiểu sanh tử là chuyện lớn, nên đã phát nguyện hành cước, tham phỏng thiện tri thức khắp các danh sơn. Trong số các cư sĩ cận đại, ông là người đi tham học rộng khắp nhất. Năm 1921, để đáp tạ ơn vợ thay mình phụng dưỡng bố mẹ trong khi ông rong ruổi tham học, ông đã biến nhà mình thành *Trình tiết tịnh độ an lão viện*, để làm chỗ cho vợ và những phụ nữ đức hạnh tu tập tịnh nghiệp. Ông tích cực tham gia công tác từ thiện, nhất là trong vụ lụt lớn tại các huyện phía Bắc tỉnh Giang Tô, đã tận tụy đi cứu tế hơn mười mấy chỗ. Năm Dân Quốc 37 (1948), ông về ẩn tu tại Chung Nam Sơn, không rõ mất năm nào. Tác phẩm nổi danh nhất của ông là *Danh Sơn Du Phỏng Ký*.

Ngày mồng 8 tháng 4

(Xét ra đại sư Ấn Quang ẩn cư tại núi Phổ Đà, thoát đầu không ai biết đến. Cư sĩ Cao Hạc Niên lên chơi núi, xin được bốn bài luận văn: một là Tịnh Độ Pháp Môn Phổ Bị Tam Căn Luận (luận về pháp môn Tịnh độ thích hợp trọn khắp ba căn), hai là Tông Giáo Bất Nghi Hồn Lạ Luận (luận về chuyện không nên lẫn lộn giữa Tông và Giáo), ba là Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bôn Luận (bàn về chuyện Phật giáo lấy đạo hiếu làm gốc), bốn là Như Lai Tùy Cơ Lợi Sanh Thiển Cận Luận (lời bàn thiển cận về chuyện đức Như Lai tùy theo căn cơ mà lợi lạc chúng sanh) đều được đăng trên tờ Phật Học Tùng Báo do cư sĩ Dịch Bình Tử sáng lập tại Thượng Hải. Bài luận thứ nhất ký tên là Thường Tàm, đăng trên Phật Học Tùng Báo số chín, là số ra ngày Rằm tháng 2 dương lịch năm Dân Quốc thứ ba (1914), tức là ngày mồng 2 tháng 9 âm lịch năm Dân Quốc thứ hai (1913) (chữ âm lịch và dương lịch ở đây không hiểu rõ, sợ bị chép lầm). Bài luận thứ hai cũng ký tên là Thường Tàm, bài luận thứ ba và thứ tư thì ký tên là Phổ Đà Tăng. Ba bài này cùng đăng trong Phật Học Tùng Báo số thứ mười.

Bốn bài luận văn này có thể gọi là “đại sư Ấn Quang chuyển pháp luân lần đầu tiên.” Từ đây long thiên thúc đẩy, tỏa quang minh lớn lao! Được cư sĩ Hạc Niên cho xem lá thư trên đây, không ghi rõ thời gian. Xét ra trong thư có nói: “Mùa thu năm ngoái được các hạ mang những bài viết ấy đến Thượng Hải, sao ra bốn bài luận đăng tải trên Phật Học Tùng Báo”, quả thật lá thư trên đây được viết vào ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch năm Dân Quốc thứ ba (1914). Lá thư này rất có giá trị trong lịch sử Phật giáo, chưa thấy đăng trong Văn Sao Chánh Biên lần Tục Biên, bèn xếp vào đây để công bố cùng cõi đời.)

Biên tập viên bán nguyệt san Giác Hữu Tình Trần Pháp Hương ghi.

34. Thư gửi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ hai)

Hai lần trước đến Thượng Hải đều được ông chiêu cố, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Nay nhận được thư như được gặp mặt, vui mừng, an ủi khôn sánh, biết cư sĩ chí mong lợi người, chẳng nề hà nhọc nhằn. Vì thế được Tam Tôn⁵¹ gia bị, thân tâm thường được yên ổn, an vui. Từ bữa các hạ rời đi, Quang bàn với hòa thượng Liễu Dư và ông Trần Tích Châu, nói không biết Chương Gia⁵² đến núi

⁵¹ Tức Tây Phương Tam Thánh, đôi khi còn gọi là Di-đà Tam Tôn.

⁵² Chương Gia (Lcan-skya) là một trong bốn vị Đại-hồ-đồ-khắc-đồ (Khutuktu: hóa thân) của Nội Mong Cổ. Vị này thuộc Tông Gelupa (Hoàng giáo, Hoàng Mạo phái) theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng, thường được gọi là Chương Gia Cách Căn (Lcan-skya Gegen: Chương Gia Quang Minh). Người Mong Cổ tin Chương Gia là hóa thân của Văn-thù Bồ-tát. Vị Chương Gia nói ở đây thuộc đời chuyển thế thứ mười chín (thật ra, chỉ từ đời thứ mười ba trở đi, vị hóa thân này mới có tên là Chương Gia, nên đa số

ngày nào, chỉ sợ có ông tăng vô tri nào trong núi cứ chiếu theo lệ thường, bảo đại sư Chương Gia quyền góp đôi chút thì rất mất thể thống, họ bảo Quang hãy mau trở về núi để đứng ra làm chủ tiếp đón, do vậy Ninh Ba, Quán Tông đều chưa đến được. Mồng 8 tháng 9 về đến núi, ngày hôm ấy biển sóng gió khá mạnh, Quang say sẩm ỏi mưa trúng gió mười mấy ngày, không được khỏe lắm. Sau đấy lại bình phục như thường. Nghe nói các hạ muốn đến Kê Túc⁵³, trộm nghĩ không cần phải đi xa, chỉ cần chọn chỗ có thể an thân, tùy duyên niệm Phật là được rồi. Đi đến núi Kê Túc, nếu theo đường biển rất tốn tiền, nếu theo đường bộ thì khổ sở chẳng thể nói nổi! Sao bằng lật ngã cột phan ngay trước cửa⁵⁴, tùy thời tùy xứ gặp gỡ tôn giả Ca-diếp chẳng hay hơn ư? Tiếc cho tinh thần có hạn, lo liệu sự nghiệp cuối cùng của một đời người là chuyện khẩn yếu bậc nhất của người cao tuổi vậy!

(Ngày Rằm tháng 10 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

35. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ ba)

Cách biệt từ mùa đông năm ngoái, nào hay đã tròn một chu kỳ nóng lạnh, quang âm vùn vụt thật đáng kinh sợ! Từ khi nhận được thư vào tháng Giêng mùa xuân năm nay, hoàn toàn chẳng biết tin tức đích xác. Đến tháng 7, do sang Dương Châu khắc kinh, tìm đến thư cục ở Thượng Hải để hỏi thăm, họ nói ông đã sang

các sách vở thường gọi vị này là Chương Gia Hoạt Phật đời thứ bảy. Chương Gia vốn là một địa danh tại Tây Tạng). Sư có tên là Lịch-nghinh-diệp-ích-đạo-nhĩ-tê (Ye-sés rdo-rje), còn gọi là Tang-kết-trát-bồ (Sans-rgyas-skyabs), sanh vào năm Quang Tự mười bảy (1891) tại Thanh Hải, lên ngôi Pháp Vương năm Quang Tự 22 (1896). Năm Quang Tự 25 (1899), theo lệnh vua Quang Tự đến Bắc Kinh hoằng pháp, phụng chỉ quản trị các chùa thuộc hệ thống Phật giáo Tây Tạng tại Bắc Kinh, Ngũ Đài như Côn Chúc, Pháp Uyển... được sắc phong danh hiệu Quán Đảnh Phổ Thiện Quảng Từ Đại Quốc Sư. Khi Dân Quốc thành lập, sư được mời làm ủy viên của Mông Tạng Ủy Viên Hội, kiêm nhiệm Lý sự trưởng hội Phật Giáo Trung Hoa. Sư từng được cử làm trưởng đoàn nghênh đón xương đỉnh đầu ngài Huyền Trang từ Nhật Bản về Trung Hoa. Sau khi Trung Hoa Dân Quốc thành lập, sư sang Đài Loan và mất ở Đài Bắc năm 1978. Sau khi sư mất, dòng chuyển thế này bị chấm dứt. Hòa thượng Tịnh Không từng theo học pháp với vị này khi còn là cư sĩ tại gia.

⁵³ Núi Kê Túc (Kukkutapāda-giri) còn dịch là Kê Cước, Tôn Túc, Lang Túc, Lang Tích, là một ngọn núi thuộc nước Ma-kiệt-đà, cách Già-da (Gayā) hơn 25 km về phía Đông Bắc là nơi ngài Ma-ha-ca-diếp nhập diệt. Đại Đường Tây Vực Ký quyển chín đã mô tả: “Núi cao chót vót, hang sâu thăm thẳm không đáy, cây to phủ kín hang núi... Sau này, tôn giả Ca-diếp nhập diệt nơi ấy nên người ta không dám gọi thẳng tên núi mà gọi là Tôn Túc.” Do tại huyện Bảo Xuyên tỉnh Vân Nam cũng có một hòn núi mang tên Kê Túc nên Phật giáo Trung Hoa đã đồng nhất núi này với núi Kê Túc tại Ấn Độ, và nơi ấy cũng được coi là đạo tràng ứng hóa của ngài Ma-ha-ca-diếp.

⁵⁴ Đây là một công án thiền (được đánh số 22) trong bộ Vô Môn Quan với nhan đề Ca-diếp sát can (cột phan của Ca-diếp). Theo đó, ngài A-nan hỏi tôn giả Ca-diếp: “Ngoài y ca-sa vàng truyền lại cho ngài, đức Thế Tôn còn để lại vật gì nữa hay không?” Ngài Ca-diếp liền gọi: “A-nan!” A-nan thưa: “Dạ!”, ngài Ca-diếp bảo: “*Lật đổ cái cột phan trước cửa đi*” (đảo khước môn tiền sát can). Theo ngụ ý, ở đây tổ Ấn Quang khuyên ông Cao Hạc Niên hãy lắng lòng tu tập, lãnh hội lời dạy của tổ Ca-diếp thì chẳng khác gì ngày ngày gặp gỡ tôn giả Ca-diếp, hơn là bôn ba đến núi Kê Túc.

tu trong lều tranh trên Thái Sơn⁵⁵ rồi. Quang đoán rằng đất Tản (Thiểm Tây) loạn lạc, chẳng thể sống yên được, đến nỗi các hạ phải bỏ đi. Người Tản Xuyên từ đây trở đi không có ai dẫn dắt để được tắm gội, thấm nhuần Phật pháp nữa, lòng hết sức xót xa! Nay nhận được thư, biết ông đang ở Hoa Sơn, vẫn mong sau khi yên ổn, trở về Chung Nam⁵⁶, khôn ngăn vì người đất Tản vui mừng sung sướng trước.

Quang không ra gì, đạo chẳng tăng trưởng, mắt ngày càng thêm lòa. Năm trước khuyên ông Ứng Quý Trung bỏ tiền khắc in sách Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục. Do cỗi đời chẳng thái bình nên chậm trễ đến mùa thu năm nay mới tới Tàng kinh viện, nhờ cậy chủ nhân viện ấy lo liệu. Trước hết khắc Giản Ma Biện Dị Lục (tổng cộng hơn 260 trang giấy), rồi khắc in Tam Thập Nhị Tổ Truyện (khoảng chừng 60 trang). Hai cuốn sách này đều là di trước của Thanh Thế Tông (Ung Chánh), đều do ông Ứng Quý Trung bỏ tiền thuê khắc ván. Tiếp đấy, khắc in An Sĩ Toàn Thư (khoảng sáu trăm sáu mươi, bảy mươi trang, trong ấy có tăng thêm mấy chục trang mới nữa). Sách ấy do ông Lưu Cần Phổ thuộc thôn Lưu Môn, Triều Ấp tỵ nạn đến đất Thân (Thượng Hải) phát tâm bỏ tiền ra in. Vị này khá thuần hậu, thành thật, tiếc là còn kém duyên với Phật pháp, vào ngày 19 tháng 9 bèn tạ thế. Nếu sống thêm được mấy năm nữa thì thiện căn Tịnh độ sẽ được phát sanh, nẩy nở vậy. Nhưng nhờ vào công đức khắc in sách ấy, dầu chẳng thể vãng sanh thì quả báo trong đời sau cũng sẽ chẳng đến nỗi kém hơn đời này. Đợi đến tháng 4 năm sau, tôi sẽ lại qua Dương Châu để trông nom, nếu sách đã khắc xong bèn cho ấn tống, nếu chưa khắc xong sẽ giao chánh, đối chiếu. Năm sau nhất quyết phải hoàn tất chuyện ấn tống hai cuốn sách về thiền ấy.

Quang thấy biết hẹp hòi, học vấn quần quanh, do các hạ đa sự lôi kéo các ông Từ Ủy Như, Chu Mạnh Do, Trương Vân Lôì v.v. phô truyền về xấu của Quang, hết sức hổ thẹn sâu xa. Mùa thu năm ngoái, người cùng quê là ông Vương Ấu Nông đến núi, trông thấy những bài viết hủ bại của Quang liền muốn bỏ tiền khắc ván. Quang cho rằng những bài viết hủ bại ấy chẳng đáng lưu truyền trong cõi đời nên cố từ chối. Mùa xuân năm nay, Ủy Như in ra 500 cuốn, hạ tuần tháng 3

⁵⁵ Thái Sơn, còn gọi là Đại Sơn, Đại Tông, Đại Nhạc, Đông Nhạc, Thái Nhạc... cùng với Hành Sơn, Hằng Sơn, Hoa Sơn, Tung Sơn hợp thành Ngũ Nhạc, tức năm ngọn núi thiêng phân định ranh giới của Trung Nguyên. Thái Sơn nằm trong tỉnh Sơn Đông, chạy dọc từ huyện Tế Nam đến tận huyện Khúc Phụ, cao đến 1.545m. Hoa Sơn (Tây Nhạc) thuộc huyện Hoa Dương, tỉnh Thiểm Tây, cao đến 2.154m.

⁵⁶ Chung Nam (còn gọi là Trung Nam Sơn, Thái Ất Sơn, Địa Phế Sơn, hay Nam Sơn) là một quả núi hữu danh thuộc rặng Tản Lĩnh ở huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây, có quan hệ mật thiết với Phật giáo. Năm Kiến Đức thứ hai (573) nhà Bắc Chu, sư Pháp Tạng lên ngọn Tử Cái của núi này kết thảo am tu hành. Khi Chu Vũ Đế phế Phật, hơn 300 vị danh tăng đã phải ẩn cư trong núi này. Sơ tổ tông Hoa Nghiêm là pháp sư Đỗ Thuận cũng ẩn tu tại núi này vào thời Đường. Tổ Trí Nghiễm của tông Hoa Nghiêm cũng hoằng dương giáo nghĩa Hiền Thủ tại nơi này. Luật sư Đạo Tuyên cũng hoằng dương Tứ Phần Luật Tông tại đây (sử sách thường gọi là Chung Nam Luật Tông, hoặc Nam Sơn Luật Tông).

lên núi, lại cầm đi những bài viết hủ bại còn lại, biên tập trình bày, đem khắc ván tại Bắc Kinh, ước chừng cuối hạ năm sau chắc sẽ in xong. Âu Nông tuy biết Úy Như đã khắc, vẫn muốn khắc in, sẽ chờ hai cuốn sách nói trên in xong sẽ cho khắc Văn Sao. Tháng 5 năm nay, có người cầm bộ Văn Sao hủ bại do Úy Như đứng in đến chùa Nghênh Giang ở An Huy, giám viện là thầy Trúc Am gửi thư nói muốn khắc ván và muốn có những bản gốc còn lại. Quang bảo thầy ấy hãy để thông thả, chờ cho sách được khắc ván hoàn tất tại Bắc Kinh vào năm sau, in xong sẽ gửi tới ngay.

Mấy chục năm qua, Quang chẳng dám để lộ ra hai chữ Ân Quang, vì các hạ đa sự đến nỗi cái tên hèn hạ, tác phẩm kém cỏi nhưc tai gai mắt khắp mọi người nhĩ, thẹn thùng chi xiết! Năm ngoái, tôi vọng tưởng mong đích thân chúng được niệm Phật tam-muội, nhưng rồi toàn thể niệm Phật tam-muội vẫn là nghiệp lực. Năm nay tự biết hổ thẹn, giữa tháng 9 sẽ khởi thất tới cuối tháng 2 mùa xuân năm sau mới thôi. Niệm Phật tam-muội chẳng dám với cao, chỉ mong sám hối cho sạch hết tấc nghiệp. Ai biết tấc nghiệp rốt cuộc cùng với chân như pháp tánh đồng nhất bất sanh bất diệt. Phật quang chiếu khắp pháp giới, nhưng tôi vì nghiệp chướng chẳng thể thân cận được, khổ sở lắm thay! Biết làm sao đây? Viết ra những điều chính mình ngu muội ôm ấp để mong người tri kỷ sẽ thay tôi chia sẻ nỗi buồn mà thôi!

(Mùng 4 tháng Chạp năm Dân Quốc thứ tám - 1919)

Kính cần xét rằng trong Vân Thê Di Cảo có bài kệ như sau:

*Nhị thập niên tiền sự khả nghi,
Tam thiên lý ngoại ngộ hà kỳ?
Phấn hương trịch kích hồn như mộng,
Ma Phật không tranh thị dĩ phi.*

(Hai mươi năm trước sự hồ nghi,
Ngoài ba ngàn dặm chuyện sao kỳ?
Thắp hương, quăng kích dường như mộng,
Ma - Phật tranh sông thị lẫn phi.)

Ngài Hám Sơn nói: “Đây chính là bài kệ ngộ đạo của lão nhân Vân Thê.” Nay đại sư đích thân thấy được tấc nghiệp và chân như pháp tánh đồng nhất bất sanh bất diệt, trộm cho rằng đây chính là ý nghĩa của bài kệ ấy chăng?

36. Thư gửi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tư)

Hôm qua nhận được thư vui mừng, an ủi khôn sánh! Quang cho rằng giữa đường gặp chuyện trở ngại, nhưng cư sĩ một mực mong mỏi, đứng mãnh tiến thẳng lên trước, trọn chẳng vướng mắc gì. Một đằng là tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, một đằng là người lành được trời giúp sẽ tự được không chuyện gì chẳng thuận lợi, hăm mộ lắm. Cư sĩ Nhậm Tâm Bạch cũng gửi thư đến, nói sau một tháng rưỡi nữa chắc chắn sách sẽ xin xong. Ở chỗ Quang là 120 bộ, cũng đủ dùng rồi, không cần phải tiếp tục thỉnh nữa. Tôi sẽ sang Dương Châu vào trung tuần tháng 7 vì tập sách nêu duyên khởi khắc in Đại tạng kinh vẫn chưa được khắc xong; hễ cuốn sách này khắc xong liền có thể qua đây lo liệu ấn loát. Cuốn sách này chỉ gồm năm mươi mấy trang, thuộc loại sách biên soạn vào đời Minh, tập hợp những bài tựa nêu duyên khởi quyển mộ khắc in Đại tạng kinh. Nguyên văn chỉ gồm mười tám bài, Quang lại cho khắc thêm bài tựa phát khởi đầu tiên của đại sư Tử Bách vào ấy, gồm hai thiên nữa. Vì sao trong nguyên văn không có bài tựa phát khởi đầu tiên? Đây là do trong bài văn ấy có những câu nói đến chuyện thể đạo biến loạn, sợ chánh quyền căm ghét, nên người biên tập chẳng sao lục vào đây. Nay đã cách biệt thời ấy, trọn chẳng trở ngại gì. Thiên Thai là đạo tràng hoàng pháp của ngài Trí Giả, núi ấy thường có La-hán cư ngụ, Quang do sức khỏe mòn mỏi chẳng thể đến lễ bái được, hổ thẹn khôn cùng. Biên nhận Văn Sao đã nhận được rồi, đừng lo!

37. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thứ thứ năm)

Nhận được thư hôm 23 như gặp được bạn cũ, khôn ngăn vui mừng, an ủi. La Phù, Bôi Độ, Nhạn Đãng⁵⁷, Thiên Thai là những cuộc đất danh thắng trong thiên hạ đều lọt vào tầm mắt của cư sĩ, đúng là do đời trước vun bồi mà ra. Quang sức khỏe mòn mỏi chẳng thể đi xa được, ngồi chết già trên hòn núi ngoài biển, chẳng thấy biết gì, mỗi phen nghĩ đến thẹn thùng, cảm khái không chi sánh ví được. Cư sĩ đã đến núi Bôi Độ ắt phong cách, đức độ sẽ được phát khởi mạnh mẽ, an ủi lắm! Ngày 24 tháng 9, Quang về đến Pháp Vũ, đến hôm 29 liền đem bài khai thị

⁵⁷ La Phù là một ngọn núi nổi tiếng vùng Lĩnh Nam, núi nằm trong rừng La Phù, thuộc huyện Bác La, tỉnh Quảng Đông, có rất nhiều đạo tràng nổi tiếng. Ngài Đạo Khai là người đầu tiên đến dựng thảo am thờ Phật tại núi này. Các vị danh tăng như Chi Pháp Phòng, Tăng Cảnh, Đạo Tiệm, Huệ Trì, Huệ Lâm, Trí Dược, Hy Thiên, Duy Nghiễm, Đại Diên (vị sư hóa độ Hàn Dũ), Hành Minh đều từng tu tại đây. Sách Thái Bình Ngự Lâm còn cho biết: Theo truyền thuyết Cát Hồng từng tu tiên nơi đây. Do vậy, núi này được coi là thánh địa của cả Phật giáo lẫn Đạo giáo.

Núi Bôi Độ thuộc huyện Bảo An, tỉnh Quảng Đông, còn có tên là Độn Môn, tức ngọn Thanh Sơn ở Hương Cảng hiện thời. Sau chùa Thanh Sơn trên núi còn có Bôi Độ Nham thờ tượng đá của thiền sư Bôi Độ, tương truyền đây là nơi ngài từng ngồi thiền. Theo truyền thuyết, chính vị này đã quăng một cái chén xuống biển, đập lên đó, vượt biển đến núi này nên có tên là Bôi Độ. Trong bài tán tặng bảo đã nhắc đến chuyện này: “*Phù bôi quá hải sát na thời*” (chén nổi vượt biển trong khoảng sát-na).

Núi Nhạn Đãng thuộc thành phố Ôn Châu tỉnh Chiết Giang, chia ra thành ba rặng Bắc, Trung, Nam. Bắc Nhạn Đãng nổi danh nhất, có nhiều đạo tràng cổ nhất.

cho vị phu nhân ở Hà Đông gửi qua Thượng Hải giao cho cư sĩ Cam Bích Sanh. Ngày mùng 6 tháng 10, ông ta gửi thư đến nói: “Kính sao thành một bản để tự giữ, đem nguyên bản của Quang gửi trả lại kèm theo thư.” Ngày mùng 2 tháng 11, lại gửi thư cho biết: “Đã đem pháp ngữ của Quang chép lại theo lối chữ khải thành hai bản, một bản gửi cho cư sĩ Chiếu Nam, một bản gửi cho vị phu nhân ở Hà Đông, nhưng pháp ngữ đã gửi đi trước đó vẫn chưa thấy hồi âm. Nếu nhận được hồi âm sẽ liền trình cho thầy biết.” Pháp ngữ gần 2.000 chữ, khi khắc Văn Sao sẽ đưa thêm bài ấy vào.

An Sĩ Toàn Thư giao cho ba vị Vu Tịch Âm, Trương Vân Lô, Đinh Phước Bảo lo liệu, nhưng Tịch Âm muốn cho sách ấy được lưu truyền khắp 2.041 huyện trong cả nước. Bạn ông Tịch Âm là Lưu Mộc Sĩ có cùng ý nguyện với ông Tịch Âm, tính kêu gọi những nhà buôn giàu có quen biết ở Nam Dương bỏ tiền giúp in. Một nửa số sách in được sẽ gửi về Nam Dương, Tân Gia Ba, đảo Tân Lang (Penang), để biếu tặng các thuộc địa của Hà Lan. Các trường học tại các đảo ở Nam Dương lấy cuốn Dục Hải Hồi Cuồng làm tài liệu giảng dạy về sự tu thân. Một nửa số sách ấy sẽ dùng để biếu tặng tại tổ quốc để cho ai nấy đều vun bồi đất nước quê hương. Tâm chân thành, rộng lớn ấy có được thỏa nguyện hay chăng vẫn chưa thể biết chắc.

Gần đây, khoản tiền do những người quyên tặng để ấn hành tại nước nhà đã đến con số vạn, đợi đến mùa xuân năm sau khi đem in, chắc là sẽ gom được hai ba vạn bộ. Nếu Hoa Kiều ở Nam Dương chịu phát tâm giúp đỡ thì in được một hai chục vạn bộ không chừng. Tùy duyên mà làm vậy! Nếu người trong nước ta và người ở Nam Dương xưa đã có thiện căn, được nghe đạo “tu chân trong cõi tục, tùy theo căn cơ có thể nhập đạo” của Phật pháp thì trời rồng sẽ cảm động, người có tâm lo cho thế đạo sẽ hòa nhau dấy lên cùng khen ngợi thì phân phát cho các huyện trong cả nước, mỗi huyện 110 bộ cũng chẳng khó. Nếu quốc dân chẳng có pháp duyên này tức là người ta cho Ấn Quang là kẻ không đạo, không đức, chẳng chịu tin tưởng để cùng nhau cảm kích, phát khởi, chỉ đành dùng một hai vạn bộ đã quyên mộ được để thỏa tâm sự này mà thôi!

Chuyện này tuy là chuyện riêng, nhưng thật ra có quan hệ lớn với quốc kế dân sanh, được thành công lớn lao hay không đều có vận số nhất định. Quang cùng bốn vị cư sĩ Vu, Lưu, Trương, Đinh làm sao có thể chuyển kẻ vô duyên thành hữu duyên để An Sĩ Toàn Thư được lưu truyền rộng khắp cho được? Nay tôi gửi cho ông một tờ trình bày chương trình biện pháp để an ủi tấm lòng mong mỏi xa

vời. Bài văn bia cho Trinh Tiết Đường⁵⁸ tôi chưa viết, từ lúc về đến núi tới nay trọn chẳng được rảnh rỗi. Quang đính chánh An Sĩ Toàn Thư (do bản in rút nhỏ có các hạng mục đồ hình và mục lục, phải sắp xếp theo dạng riêng). Kế đó là giáo chánh, đối chiếu An Sĩ Toàn Thư. Lại còn có các sách Dục Hải Hồi Cuồng, Vạn Thiện Tiên Tư và Ấn Quang Văn Sao, Cách Ngôn Liên Bích v.v. từ Dương Châu không hẹn cùng gởi tới, phải giáo chánh đối chiếu, cũng như phải trả lời thư tín gởi tới, gởi đi. Buổi tối mắt không nhìn được, ban ngày quả thật không lúc nào được rảnh. May được tam bảo gia bị, mắt vẫn còn nhìn được lúc ban ngày, thật là chuyện may mắn vạn phần.

Chúng sanh đời mạt pháp phần nhiều đều chẳng biết nhân quả, Phật kinh sâu thẳm, huyền áo, dấu đọc cũng chẳng thể lãnh hội được, nên mới thành ra hiện tượng như ngày nay. Quang thường nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, chuyển phàm thành thánh.” Cõi đời hiện nay nếu chẳng làm cho nhân quả được sáng tỏ, phổ biến, mà muốn cho thế đạo thái bình, Phật pháp hưng thịnh thì chẳng thể nào đạt được đâu!

(Năm Dân Quốc thứ chín - 1920)

38. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ sáu)

Đã lâu rồi chưa được gặp gỡ các hạ, cũng như chẳng biết hành tung của các hạ, do vậy chưa từng gởi thư. Trước đây, cư sĩ Trương Thụy Tăng gởi thư đến nói “do có chuyện nợ, ông ta được cư sĩ yêu mến nông hậu xoay sở cho vẹn toàn, chẳng đến nỗi bị kẻ xấu gây rắc rối, vì thế muốn đến đất Hồ (Thượng Hải) để tỏ lòng cảm tạ”. Do vậy, Quang bèn gởi thư kèm theo để thăm hỏi. Rồi nhận được thư của ông Mai Tôn nói cư sĩ và cư sĩ Bá Nông sẽ đến Ninh Ba vào ngày 18, vừa trông thấy hình thể của chùa Pháp Vân đã xác định chỗ đặt nền đại điện; rồi lại hứa khi nào xây dựng đại điện sẽ trở lại, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Nay nhận được thư mới biết ông vẫn còn đang nghe kinh tại Nam Viên.

Nói đến chuyện đem tràng hạt hổ phách⁵⁹ cúng dường Bồ-tát, quả thật đã xả được thứ khó xả, công đức không gì lớn hơn! Nhưng chùa ấy là nơi cúng bái nhộn

⁵⁸ Tức *Trinh tiết tịnh độ an lão viện*. Do Cao Hạc Niên chí muốn xuất gia nhưng vì cha mẹ ép buộc, phải lấy vợ. Vợ chồng ông coi nhau như bạn, ông đi tham học khắp nơi, vợ ở nhà thủ tiết phụng dưỡng bố mẹ chồng. Hai người không có con cái. Khi về già, ông biến nhà riêng thành Tịnh nghiệp đường để làm nơi tu trì tịnh nghiệp và dưỡng lão cho những bà góa hoặc những phụ nữ không chồng.

⁵⁹ Nguyên văn “hổ phách triều châu”. Triều Châu (xâu chuỗi đeo khi châu vua) là một thứ trang sức bắt buộc của các quan lại dưới triều Thanh khi mặc triều phục. Do các đế vương khai sáng nhà Thanh sùng phụng Phật giáo, họ cho rằng chữ Mãn Châu (Manchu) vốn là biến âm của chữ Văn-thù và dân tộc Mãn Châu là hậu duệ của Bồ-tát Văn-thù (Mạn-thù-sur-lợi: Manjushri) nên hoàng đế nhà Thanh được coi như hóa thân của Bồ-tát Văn-thù. Quan viên vào châu vua như triều kiến Bồ-tát, đương nhiên phải đeo

nhịp, người lui tới rất tấp, chớ nên đeo chuỗi ngọc ấy vào cổ Bồ-tát, chỉ nên cất trong phòng chứa y bát hay giữ trong kho. Những món bảo vật ấy đã chẳng thể dùng được, mà sau này ắt sẽ khiến cho kẻ thiếu hiểu biết lấy trộm, nên chưa có lợi ích thật sự, lại còn khiến cho kẻ ăn trộm ấy bị tổn hại oan uổng, chẳng thà xin lại từ chỗ hòa thượng Chân Đạt, hoặc tặng cho người khác, hoặc bán đi để làm công đức thì mới có ích thật sự vậy. Quang có ý kiến tệ lậu như vậy đó, chẳng biết cư sĩ có cho là đúng hay chẳng?

39. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ bảy)

Miễn cưỡng soạn bài văn bia hơn 900 chữ⁶⁰, lời lẽ chất phác, vụng về, ý nghĩa hời hợt, nông cạn, sợ chẳng đáng khắc vào đá, xin hãy thỉnh vị cao minh nào đây soạn bài khác. Nếu chỉ mong đỡ tốn sức, vẫn xin cư sĩ hãy bỏ công sức sửa chữa, gọt giũa, để khỏi đến nỗi bị người khác chê cười. Hơn nữa, quy củ của Trình Tiết Viện đã nêu trong bài văn bia ấy chẳng qua là phỏng đoán, đại khái, cần phải châm chước cho ổn thỏa, thích đáng rồi hãy sửa đổi những gì đã định.

40. Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tám)

Xưa kia đại sư Tử Bách sau khi đại ngộ đã dạo khắp các danh sơn để mở rộng kiến thức. Phàm tất cả những danh sơn, thánh đạo tràng trong Trung Quốc, không chỗ nào ngài chẳng đích thân đến tận nơi là do thể lực ngài mạnh mẽ, mỗi ngày đi được hơn 300 dặm. Sau này chưa nghe nói ai có thể đi được như vậy. Trong đời gần đây, đa số là hạng lười nhác sống ăn bám vào Phật, Thiên, Giáo, Luật, Tịnh chẳng hề phụng sự một tông nào, chỉ bôn ba Nam - Bắc mua bán những món đồ vật vĩnh để cầu chút lợi hòng thỏa lòng ham muốn. Tuy có đến danh sơn, thánh đạo tràng, trọn chẳng có một tâm niệm hổ thẹn, ngưỡng mộ!

Cư sĩ tu chân ngay trong cõi tục, tùy duyên tấn đạo, giữ gìn một câu Di-đà làm bản mạng nguyên thần, ôm ấp hai chữ “hổ thẹn” dùng làm bậc thang nhập đạo. Chẳng chán nhiều phen trèo lên thánh địa, sao chép những tông tích để mở rộng tai mắt cho người khác. Vị tăng tri khách thuở ấy (tức thuở ngài Tử Bách đi thăm khắp các danh sơn) nếu tiếp kiến, sẽ thay mặt vị trụ trì nói lời chống giữ môn đình nhà Phật. Tìm một vị tăng chân thật thiết tha, chí thành như thế trong

tràng hạt. Theo điển chế nhà Thanh, vương công, đại thần, mệnh phụ khi mặc triều phục bắt buộc phải đeo Triều Châu. Triều Châu phải gồm đủ 108 hạt, thường làm bằng Hồ Phách, cứ cách 27 viên lại xâu thêm một hạt ngọc, hạt ngọc ấy gọi là Phật đầu. Viên Phật đầu nằm ngay chính giữa ngực phải được xỏ lớn hơn các viên khác, thường bằng lục ngọc, và được gọi là Phật đầu tháp. Cuối viên Phật đầu tháp phải có đuôi hình quả hồ lô để gắn tua trang trí. Hai bên Phật đầu tháp phải gắn thêm ba sợi dây xâu ngọc mỗi bên, mỗi dây gồm mười viên.

⁶⁰ Tức bài văn cho *Trình tiết tịnh độ an lão viện* đã nói trong lá thư thứ năm.

đòi mạt quả thật chẳng được mấy người; huống là một vị đại phương gia (người thông suốt giáo lý) đã ăn thịt đầy bụng đến tìm tăng nhân nói chuyện thiền ư? Mùa thu năm ngoái, sau khi tôn giá đã rời đi, thường nghĩ cư sĩ vì môn đình nhà Phật mà nhọc nhằn thành bệnh, không lâu nữa sẽ đến Thiểm Tây, ở yên nơi cuộc đất đức Quán Âm đã hàng phục rồng (tức đại thảo am ở Nam Ngũ Đài), nhiếp trợn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, “xoay cái niệm lại để niệm tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Sự vui sướng ấy chẳng thể nào ví dụ được! Đến mùng 7 tháng Giêng nhận được thư, mới biết năm ngoái ông vẫn du hành khắp các tỉnh Hàng, Hoán (An Huy) v.v. muốn đến Bắc Kinh, do trời lạnh bị bệnh nên đành phải trở lui. Thật có thể nói là cư sĩ đã “vì pháp quên mình”, nhưng trong sự thấy biết ngu muội của Quang thì có lẽ nên dừng bước nghỉ ngơi, nếu vẫn muốn du hành rộng khắp thì hãy nên dùng thần thức để du hành, chẳng cần phải dùng thân.

Ba kinh Di-đà, một bộ Hoa Nghiêm dùng làm lộ trình để du hành, tham phỏng, ngồi yên trong ao bảy báu mà dạo khắp thế giới Hoa Tạng thì thần thức càng dạo đi, thân càng mạnh mẽ, niệm càng trọn khắp mà tâm càng chuyên nhất. Tịch thì một niệm cũng chẳng thể được, mà chiếu thì vạn đức cũng vốn sẵn đủ, tịch chiếu viên dung, chân tục chẳng hai. Mười đời xưa nay hiện trong đương niệm, vô biên sát hải⁶¹ nhiếp về tự tâm. So với chuyện khoác sao đội trăng, xông mưa đột gió, kinh sợ khi vào chốn vực sâu, hãi hùng trong cảnh nguy hiểm thì còn gấp mấy lần sự sai khác giữa một ngày và cả kiếp. Tôi thấy biết hèn tẻ như thế đó, chẳng biết cư sĩ nghĩ sao?

Hơn nữa, trong thư ông gửi đến đã dạy: “Quang âm vùn vụt, còn hơn nước xoáy qua tảng đá Diễm Dự ở Cù Đường⁶²”, đúng là như vậy đó! Cổ nhân đã dạy rằng: “Người chứng Vô sanh mới thấy được sát-na⁶³.” Cư sĩ nói lời ấy sẽ thấy

⁶¹ Sát hải: nói đủ là “sát độ đại hải”, từ ngữ dùng để chỉ mười phương thế giới hay vũ trụ. Sát tức là chữ ksetra (sát-độ) nói gọn. Một ksetra nhỏ nhất là một tam thiên đại thiên thế giới, tức khu vực giáo hóa của một đức Phật. Do sát-độ của chư Phật vô lượng vô biên nên dùng chữ hải (biển) để hình dung số lượng rộng lớn không thể tính xuể được.

⁶² Diễm Dự là một hòn đá to ở ngay cửa vào hẻm núi Cù Đường (còn gọi là Quỷ Hiệp) đầu nguồn Trường Giang, thuộc huyện Phụng Tiết, tỉnh Tứ Xuyên. Nước sông chảy rất xiết, xoáy rất mạnh khi vỗ qua hòn đá này, tạo thành một cảnh quan hùng vĩ nên thường được thi nhân ngâm vịnh, và dùng như một hình ảnh để mô tả thời gian trôi qua quá nhanh.

⁶³ Sát-na (ksana), còn được phiên âm là xoa-noa, có nghĩa là khoảnh khắc, trong vòng một niệm, thường được hiểu là khoảng thời gian đủ cho một tâm niệm dấy khởi lên hay trong một cái chớp mắt. Tuy thế, một chớp mắt vẫn lâu hơn một sát-na rất nhiều. Có nhiều cách giải thích chữ sát-na:

1. Theo luận Câu-xá quyển 12 thì 120 sát-na là một đất-sát-na (tat-ksana), 60 đất-sát-na là một lap-phước (lava), 30 lap-phước là một mâu-hô-lật-đa (muhūrta), 30 mâu-hô-lật-đa là một ngày đêm. Như vậy, một sát-na là 0.013 giây.

2. Theo luật Ma-ha-tăng-kỳ quyển 17, một sát-na là một niệm, 20 niệm là một tuần, 20 tuần (chớp mắt) là một đàn chỉ (khảy ngón tay), 20 đàn chỉ là một lap-phước, 20 lap-phước là một tu-du, 30 tu-du là một ngày đêm. Như vậy, một sát-na bằng 0.018 giây.

được sát-na chẳng lâu nữa đâu, tôi cảm thấy lòng được an ủi lắm, xin chúc mừng! Cư sĩ lại nói những lời lẽ hủ bại của Bất Huệ là pháp thích hợp cho căn cơ hiện tại, vừa mở sách ra đã khiến cho người ta như ngư phủ lạc bước chốn Đào Nguyên⁶⁴ v.v., sao mà nói quá lớ thê? Ông muốn dẫn Bất Huệ tiến lên, nhưng Bất Huệ tuy thân chưa già mà tâm lực đã sớm suy, mắt nhìn ngày càng kém, khó tiến được trong gang tấc. Ông lại còn đem trình với Lê công (cư sĩ Lê Doan Phủ), được ngài thương cho lòng ngu thành, cho sao chép giữ lại để đem in, càng làm cho Quang cảm thấy hổ thẹn không chốn ẩn mình. Nếu làm như vậy chính là đem cỏ mục chất vào núi báu, đem canh thừa để lẫn trong cỗ vua, trái tai gai mắt người khác, khiến tôi sượng mặt, bị người đọc chán ghét, làm như pháp đạo.

Huống chi ba bài luận đầu vốn là do hòa thượng Khai Như sai Quang viết vào mùa đông năm ngoái để làm bản nháp cho buổi diễn thuyết tại Thượng Hiền Đường. Bài luận về pháp môn niệm Phật thích hợp khắp ba căn đã được chép vào trong Kỷ Yếu của tòa điện đường do ngài quản thủ, còn hai bài luận kia có dùng hay không thì không biết. Nếu bảo là văn tuy hèn tẻ, vụng về, nhưng ý thật đáng thương thì nên đề tên tác giả ba bài luận ấy là Thích Khai Như. Bài “luận về Tông và Giáo chẳng nên xen tạp” thì đề tên Thích Thường Tâm, ngàn lần xin chớ đề hai chữ Ấn Quang.

Thêm nữa, cái hại của giấy Tây còn quá nước lũ, mãnh thú: Khiến cho đất nước khôn cùng, làm dân kém cỏi, đoạn diệt thánh giáo đạo Nho, đạo Thích, mỗi họa ấy chẳng có cùng tận. Hôm mùng 4 tôi đã thưa đại khái điều này với Lê công, mong cư sĩ chẳng tiếc sức từ bi, nói với khắp các cư sĩ. Nay lập một chương trình: Phàm là kinh luận của Phật, của tổ, nhất loạt chẳng in bằng thứ giấy ấy! Lại cần phải báo cho các chỗ khắc kinh để họ đều cùng biết rõ, ngõ hầu chẳng đến nỗi do lưu thông mà trở thành mau chóng diệt mất. Đây là điều Bất Huệ đau lòng nhức óc, không lối kêu van vậy. Nay muốn nhờ cư sĩ giới thiệu để khẩn cầu các đại cư sĩ ai nấy hãy phát tâm Bồ-đề, hiện tướng lưỡi rộng dài ngăn cấm thói quen này

3. Theo phẩm Quán Không kinh Nhân Vương quyền thượng thì 90 sát-na là một niệm. Theo Vãng Sanh Luận Chú quyền thượng thì 60 sát-na là một niệm (tức là một niệm theo như luật Ma-ha-tăng-kỳ lại được chia thành 60 phần hay 90 phần, nên càng nhỏ hơn nữa).

4. Cũng theo phẩm Quán Không kinh Nhân Vương, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Còn theo Vãng Sanh Luận Chú thì trong một sát-na có một trăm lẻ một lần sanh diệt.

⁶⁴ Diễn tích Đào Nguyên (gọi đủ là Đào Hoa Nguyên) xuất phát từ bài ký Đào Hoa Nguyên Ký của Đào Tiềm thời Tấn. Theo đó, vào niên hiệu Thái Nguyên đời Tấn, có một người đánh cá ở Vũ Lăng ven theo dòng suối lạc bước vào rừng hoa đào, đến một hang núi ở đầu nguồn dòng suối. Anh chàng đánh cá đi vào trong hang núi đến một khu đất trù phú bình yên, người dân sống trong ấy thong dong, đẹp đẽ vượt ngoài cõi tục. Hỏi ra mới biết họ là những người lánh nạn đời Tấn, không hề giao thiệp với thế giới bên ngoài nữa. Anh ta được đãi đằng trọng hậu, ở chơi mấy ngày ra về, ghi dấu kỹ càng, báo lên quan thái thú. Quan thái thú sai người dõi theo dấu đã ghi nhưng không tìm được chốn Đào Nguyên nữa.

để pháp đạo được tồn tại vĩnh viễn, đều thương xót cho lòng ngu thành của tôi mà bảo ban rộng khắp.

Cuốn báo đăng tải lời lẽ hủ bại đáng hổ thẹn của Quang đã đưa cho hòa thượng Khai Như. Bức họa Ngũ Thập Tam Tham (năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử) do trước kia đã được thầy Dẫn Duyên tặng cho bức họa mà thầy ấy nhận được, nên tôi đem bức họa nhận được lần này tặng cho hòa thượng Liễu Nhất, vì cư sĩ đã từng nói với ngài về chuyện ấy, nhưng về sau quên khuấy đi. Đây chú Lăng-nghiêm của Quang đem tặng cho thầy Liễu Thanh để thầy ấy đem tới Quảng Đông hồng kết pháp duyên. Những thứ khác đều chiếu theo danh sách mà trao ra. Thầy Ngô Khai đã mất vào giờ mùi ngày 22 tháng 11 năm ngoái, quang cảnh lúc thầy ấy mất đã thuật rõ trong thư gửi cho cư sĩ Lê, nay không viết chi tiết nữa. Trường An tuy tốt, nhưng mọi chuyện gian nan, nếu không gặp trở ngại lớn lao hãy nên chuyên tu tịnh nghiệp, hộ trì pháp đạo ở phương Nam, so với phương Bắc thì giảm bớt một nửa công sức mà công lại gấp bội. Có gì phải cố gượng đặt tâm thân suy lão vào nơi khốn khổ rồi mới tu đạo vậy?

41. Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ

Nhận được thư khôn ngăn cảm động, hổ thẹn. Quang là hạng người nào mà dám nói những lời ấy? Nhưng các hạ đã bảo Quang nói, nếu chẳng nói sẽ có lỗi! Trộm nghĩ: Các hạ muốn khuông phò, cứu giúp thời thế, nhưng chẳng thể thỏa lòng được thì hãy buông ý niệm ấy xuống, gắng sức cầu tự độ. Hãy nên dùng học thức của chính mình để xướng suất, hướng dẫn những người cùng hàng, khiến cho hết thấy mọi người tin tưởng Phật pháp, biết rõ nhân quả ba đời, thậm chí khiến cho hết thấy những kẻ chẳng tin Phật pháp cũng đều biết tới nhân quả ba đời. Hễ biết nhân quả báo ứng thì cái tâm tự tư tự lợi sẽ dần dần tiêu diệt.

Hơn nữa, cõi đời ít có người lành là do trong gia đình không khéo dạy dỗ, nhưng trong một gia đình khéo dạy dỗ thì sự dạy dỗ của mẹ quan trọng nhất. Bởi lẽ, con người lúc bé hằng ngày ở bên mẹ, được hun đúc tánh tình nhiều nhất từ nơi mẹ! Do vậy, thiên chức của phụ nữ là giúp chồng dạy con. Nếu không có hiền nữ, làm sao có hiền thê, hiền mẫu cho được? Vì thế nói rằng, khéo dạy cho con cái biết nhân quả ba đời chính là cái đạo “gốc chánh, nguồn trong” để bình trị thiên hạ vậy! Hiện thời nam nữ tin Phật ở Thượng Hải rất nhiều, dùng danh vọng học thức của các hạ để bước lên cao hô hào thì mọi người sẽ hòa nhau bắt chước theo. Nếu phong thái ấy được thực hiện rộng rãi thì thế đạo tự nhiên thái bình. Cái đạo “gốc chánh, nguồn trong” như vừa mới nói đó cố nhiên ở nơi ấy chứ không ở đâu khác.

Các hạ đã chẳng thể văn hồi thể đạo ngay lập tức, sao chẳng trông mong nơi bọn hiền tài sẽ đẩy lên đông đảo vào mười năm, hai mươi năm sau? Quang thường nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh.” Lại nói: “Dạy dỗ con cái là căn bản để bình trị thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng thiết yếu.” Bởi lẽ, những kẻ làm quan hoặc giặc cướp hiện thời chuyên trọng vũ lực, chẳng đoái hoài đạo nghĩa đều là vì thuở ban đầu chẳng được cha mẹ hiền dùng nhân quả báo ứng để khéo dạy dỗ mà ra! Nếu thuở bé đã được nghe những lời dạy tốt lành thì thà chết cũng chẳng dám làm những chuyện thảm khốc trọn chưa hề có ấy. Tội lỗi ấy quả thật do cha mẹ bọn chúng khởi đầu, chứ không phải chỉ riêng mình bọn chúng. Trong cõi đời lúc này, nếu chẳng đề xướng những sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi v.v. mà muốn thế đạo thái bình, dẫu Phật, Bồ-tát, thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời thì cũng không làm gì được.

Vì vậy, vào năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang in bộ An Sĩ Toàn Thư, tính quyển mộ để in ra mấy chục vạn bản, nhưng chỉ được bốn vạn; hiện thời đã in được năm vạn bốn năm ngàn bộ theo lối khắc ván. Nay đang in bộ Đại Sĩ Tụng, sang năm sau nữa sẽ in Nhị Thập Tứ Sử Cảm Ứng Lục, đều là vì muốn cho người ta biết tới nhân quả. Biết nhân quả sẽ chẳng dám tổn người lợi mình, thương thiên hại lý. Những kẻ cường bạo trong cõi đời nếu nói đến chuyện đạo đức nhân nghĩa với bọn họ, chắc họ trọn chẳng động tâm; nhưng đem nhân quả báo ứng nói với họ, đừng nói đến trường hợp người nghe tin tưởng ngay lập tức, dẫu cho chẳng tin cũng sẽ kinh hãi sợ sệt. Các hạ có địa vị, chẳng thể văn hồi con sóng cuồn cuộn ngay được, sao chẳng hiện thân cư sĩ dùng chuyện này để làm kế văn hồi cho tương lai ư? Dùng điều này để độ người tức là tự độ, há chẳng thích hợp hơn đi tới nước lạ để tìm tòi những bản kinh chưa hề thấy, lễ di tích của đức Phật để tự độ hay sao?

Con người hiện thời đa số tánh tình có phần mang thói ưa khoe khoang, lớn lối; chẳng hạn như chưa hoàng pháp nhưng trước hết đã cầu tìm kinh điển chưa được dịch [sang tiếng Hán] ở ngoại quốc; vậy thì đối với những kinh đã được dịch trong nước, có từng nghiên cứu mỗi một kinh cho đến tột cùng hay chưa? Huống chi nếu đã nhận hiểu được một hai nghĩa lý trong kinh Phật sẽ liền có thể thượng hoàng hạ hóa! Huống nữa, [kinh Phật đã được dịch sang tiếng Hán] dẫu nhiều đến mấy ngàn quyển vẫn cho rằng chẳng đủ dùng, cứ muốn tìm tòi tại các nước thuộc Ấn Độ ư? Phàm với những kiểu đề xướng như vậy, Quang đều chẳng cho là đúng! Những ý kiến như vậy đều xuất phát từ thói ham cao, chuộng xa, thấy khác lạ, nghĩ đi tận đâu đâu, hòng khiến cho mình được nổi bật lên giữa mọi

người; nếu người ta nói sao mình cũng nói hết như vậy thì chẳng đáng gọi là kỳ lạ, đâu thể hiện được bản lĩnh của ta!

Luận về tài năng của các hạ, hãy nên theo như những gì Quang đã nói thì lợi ích sẽ lớn lắm. Nếu không, hãy chọn lấy một chỗ vắng lặng kín đáo để tận lực tu tịnh nghiệp, đem học vấn, văn chương đã đạt được trước kia vứt ra ngoài Đông Dương đại hải, nghĩ mình vốn là một kẻ vô tri vô thức, trong tâm chẳng sanh phân biệt, ngày đêm sáu thời chuyên trì một câu hồng danh thánh hiệu. Nếu có thể chết sạch được cái tâm mong ngóng, ắt sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục! Từ đây, dựng cao pháp tràng, khiến cho hết thảy mọi người đều cùng trở về biển pháp Tịnh độ, sống làm bậc thánh bậc hiền, chết dự vào hội Liên Trì thì mới chẳng phụ sở học ấy, mới là bậc đại trượng phu chân Phật tử vậy. Còn chuyện viễn du Ấn Độ, chẳng qua nhằm mở rộng tầm mắt, mở rộng tri kiến mà thôi; chứ đối với phương diện sanh tử, muốn được tự độ thì tự độ ở chính nơi đây, nào phải ở nơi kia! Huống chi đường xá xa xôi, tốn kém không ít, thể lực của các hạ cũng chẳng mạnh mẽ cho lắm, gặp phải cảnh bốn ba nhọc nhằn ấy thì tổn hại rất nhiều, lợi ích thật ít, Quang trọn chẳng tán thành. Nay dẫn một chứng cứ; Khổng tử nói: *“Mạnh Công Xước vì Triệu Ngụy lão tặc ưu, bất khả dĩ vi Đằng Tiết đại phu⁶⁵”* (Mạnh Công Xước làm gia thần cho họ Triệu, họ Ngụy là hai khanh đại phu của nước Tấn thì tài năng có thừa, nhưng làm đại phu cho nước Đằng, nước Tiết thì không thể được). Hai câu nói trên đây của Quang chính là “Triệu Ngụy lão” vậy, chuyện viễn du Ấn Độ chính là “Đằng Tiết đại phu” vậy. Các hạ thử xét kỹ xem, chắc sẽ chẳng cho lời Quang là sai lầm!

Đại Sĩ Tụng ước chừng sẽ in được 2.000 bộ trong năm nay để gửi cho những người đã đặt mua trước, nhưng cho đến nay vẫn chưa sắp chữ được một nửa, sợ khó thể bắt đầu in trong năm nay được. Nay tôi gửi kèm theo một trang thuyết minh biện pháp, ông đọc sẽ tự biết. Bốn trăm đồng của các hạ sẽ in được 1.200 bộ sách, xin hãy cho biết phải gửi sách ấy về đâu hoặc [muốn chúng tôi] thay mặt các hạ gửi đến cho ai để chúng tôi thực hiện đúng như thế. Bộ Nhị Thập Tứ Sử

⁶⁵ Đây là câu nhận định về tài năng của Mạnh Công Xước trích từ chương Hiến Vấn, sách Luận Ngữ. Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của cụ Lý Bình Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu. Cụ giải thích thêm: “Theo Khổng An Quốc, do tánh tình của Mạnh Công Xước liêm khiết, thanh cao, ít ham muốn, mà hai nước Đằng, Tiết nhỏ nhoi, chánh sự phiền toái, nhiều mưu mô phải đối phó, nên họ Mạnh sẽ không thể đảm đương được.” Năm 1046 trước Công Nguyên, sau khi Chu Công Đán đánh dẹp chư hầu trở về đã phong cho em là Cơ Tú làm vua đất Đằng, đóng đô ở Đằng Thành (cách huyện Đằng tỉnh Sơn Đông 7 km), đầu thời Xuân Thu nước này có quan hệ mật thiết với nước Lỗ. Về sau nước Đằng bị Tống Khang Vương diệt (không rõ năm nào). Tiết cũng là một nước chư hầu rất nhỏ thời Xuân Thu Chiên Quốc. Điều kỳ lạ là sử không ghi chép về vị trí, lịch sử nước này. Chỉ biết nước Tiết ba lần dời đô, kinh đô đầu tiên là Tiết Thành (nằm về phía Đông Nam huyện Đằng), rồi dời sang Hạ Bi (nay thuộc Bi Huyện tỉnh Giang Tô) cuối cùng dời đến Thượng Bi (phía tây Tiết Thành). Như vậy, nước Tiết nằm ở phần ranh giới giữa tỉnh Sơn Đông và Giang Tô hiện thời.

Cảm Ứng Lục được phát khởi là do ông Ngụy Mai Tôn ở Nam Kinh muốn vãn hồi sát kiếp, Quang bảo ông ta hãy sưu tập rộng khắp những chuyện nhân quả trong hai mươi bốn bộ sử⁶⁶ để chúng được lưu truyền rộng rãi trong cõi đời thì sẽ có hy vọng thể đạo thái bình. Do vậy, Quang đem bộ sách [Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục] của Bành Hy Tốc biên soạn gởi đi, bảo ông ta hãy mở rộng bộ sách ấy. Ông ta nghĩ Quang nói đúng, gắng hết sức sưu tập, chia thành từng môn, từng loại. Dưới mỗi đoạn lại còn ghi rõ xuất phát từ sách nào, tập nào, quyển nào, trang nào. Có lẽ trong năm sau sách sẽ hoàn thành, tôi sẽ ra sức đề xướng mạnh mẽ cho sách được lưu truyền rộng khắp để giúp cho thể đạo nhân tâm trong tương lai. Tôi nghĩ các hạ cũng tỏ lòng đồng tình đề xướng vậy (*chuyện này ông Ngụy chưa thực hiện được, nhưng tạo thành duyên khởi cho ông Hứa Chỉ Tịnh biên tập bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, xin hãy đọc bài tựa của tổ Ấn Quang viết cho bộ Thống Kỷ sẽ tự biết nguyên do*).

42. Thư gởi cư sĩ Quan Quynh Chi (thứ thứ nhất)

Quang vô tri vô thức, được ông làm để lọt mắt xanh, khôn ngăn cảm kích, xấu hổ. Hôm trước đã tặng một trăm đồng để in bộ Văn Sao, quả thật là nhiệm vụ cấp bách. Một người bạn Quang tên là Hoàng Ấu Hy cả nhà đều thuần thiện, nhưng bị chướng duyên đời trước trói buộc, khốn khổ vì vừa nghèo vừa bệnh. Trước đây, Quang từng đến đó, thương ông ta gặp cảnh khổ sở, biểu ông ta hai khúc vải Tây do ông Tôn Tam Nguyệt đã biểu cho Quang. Đêm Mười Chín khi nghỉ tại Tịnh nghiệp xã, nghe cư sĩ Giang Vị Nông nói ông ta đã bị bệnh thật ngặt nghèo, nay đã có chuyển biến; nếu từ rày lành bệnh thì cũng cần phải dưỡng sức hai ba tháng mới có thể lành lặn để làm việc tại xưởng in. Ông ta đi làm ăn lương mà còn khó thể trang trải, huống chi mấy tháng ngồi không, biết phải làm sao đây, mong mọi người giúp đỡ. Quang nghe xong xót xa, cũng muốn đề xướng, bèn giao mười đồng cho ông Vị Nông. Nay tính đem món tiền một trăm đồng của các hạ dùng làm khoản tiền cứu giúp kẻ ngặt; ông ta có được món tiền một trăm đồng này sẽ chống chọi được một tháng. Lợi ích ấy tuy chẳng lớn lao bằng in Văn Sao,

⁶⁶ Nhị Thập Tứ Sử là 24 bộ sử chánh yếu của Trung Hoa, gồm Sử Ký (Tư Mã Thiên soạn), Hán Thư (Ban Cố soạn), Hậu Hán Thư (Phạm Việp soạn), Tam Quốc Chí (Trần Thọ soạn), Tấn Thư (Phùng Huyền Linh soạn), Tống Thư (Trần Ước soạn), Nam Tề Thư (Tiêu Tử Hiền soạn), Lương Thư (Diêu Tư Liêm soạn), Trần Thư (Diêu Tư Liêm soạn), Ngụy Thư (Ngụy Thâu soạn), Bắc Tề Thư (Lý Bách Dục soạn), Chu Thư (Lệnh Hồ Đức Phân soạn), Tùy Thư (Ngụy Trung soạn), Nam Sử (Lý Diên Thọ soạn), Bắc Sử (Lý Diên Thọ soạn), Cựu Đường Thư (Lưu Hú soạn), Tân Đường Thư (Âu Dương Tu, Tống Kỳ soạn), Cựu Ngũ Đại Sử (Tiết Cư Chánh soạn), Tân Ngũ Đại Sử (Âu Dương Tu soạn), Tống Sử (Thoát Thoát soạn), Liêu Sử (Thoát Thoát soạn), Kim Sử (Thoát Thoát soạn), Nguyên Sử (Tống Liêm soạn), và Minh Sử (Trương Đình Ngọc soạn). Tuy vậy, một số sử gia như Tư Mã Quang không coi Tân Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử là sử liệu đích thật, chỉ coi đó là hai tác phẩm văn chương mang tính chất tham khảo mà thôi!

nhưng ân đức sâu đậm hơn in Văn Sao nhiều lắm; vì chuyện ấy còn có thể để thông thả được, chứ cảnh này hết sức nguy cấp. Quang vốn biết các hạ đại từ ban vui, đại bi cứu khổ, nên chẳng thừa trình trước mà đã đem khoản tiền ấy biếu tặng rồi!

43. Thư gửi cư sĩ Quan Quynh Chi (thư thứ hai)

Nửa năm chưa gặp gỡ mà giang sơn mấy độ gấm vóc, nhân dân giàu mạnh đều trở thành điêu tàn khôn khổ, lâm vào tình huống chẳng nỡ nhìn được, do vậy càng thêm tin tưởng “tướng cõi đời vô thường, tam giới như nhà lửa”. Các hạ nương sức tức nguyện tận lực hoằng dương tịnh nghiệp, đúng là nên mượn dịp này để làm một mũi kim đâm xuống đánh đầu đại chúng tu trì tịnh nghiệp, ngõ hầu ai nấy đều chết sạch cái tâm mong ngóng “lại được sanh trong cõi trời, cõi người để hưởng thụ si phước” thì lợi ích càng lớn vậy!

Điện Thiên Vương của chùa Pháp Vũ kéo cột đã mục, lâm vào thế khó thể duy trì được lâu. Hòa thượng [trụ trì] ngay từ lúc mới nhận chức đã bàn đến chuyện xây lại toàn bộ. Hiềm rằng hai năm qua có khi mùa màng thất bát, hoặc do chiến tranh liên miên, đến nỗi chỉ quyên được ba bốn ngàn đồng, còn thiếu rất nhiều, tính sai người sang các xứ Tân Gia Ba, Tân Lang v.v. để mộ duyên. Do những nơi ấy có đại sư Quảng Thông thuộc Hạc Minh Am trụ trì đạo tràng cả hai nơi, người nơi ấy trọn chẳng đến nỗi nghi là giả mạo. Tháng 6 năm ngoái, sư đã tận mặt cầu khẩn các hạ, đã được chấp thuận. Nay phái hai thầy Minh Đức, Hàm Nghiệp sang đó trước, sai Quang viết thư cho các hạ, mong các hạ sẽ xin thông hành, giấy nhập cảnh, hộ chiếu sang các nước ngoại quốc từ văn phòng giao thiệp thuộc Bộ ngoại giao và Lãnh sự quán để khỏi bị trở ngại. Nếu việc quyên góp được trọn vẹn để khởi công trùng tu điện ấy thì quả thật là do các hạ đã ban cho vậy.

Lẽ ra hòa thượng phải viết thư này, nhưng ngài lại sai Quang viết, là vì ngài chưa rõ lòng thành hộ pháp của các hạ, tuy vậy để thành toàn cho đạo tràng của Bồ-tát thì chẳng nên sanh lòng so đo nơi tình người thân hay sơ. Quang được dính dáng vào chuyện công đức này thì cũng được lợi ích nên chẳng chối từ, kính cẩn trình lên, mong các hạ chẳng tiếc công sức khiến cho sở nguyện ấy được thỏa mãn thì may mắn lắm thay!

44. Thư gửi cư sĩ Quan Quynh Chi (thư thứ ba)

Chắc hai lá thư trước đây ông đã nhận được rồi, hiện thời vận đời đổi mới, những kẻ vô tri lầm lạc đề xướng thuyết hủy diệt Phật pháp trong lúc này, thật nguy hiểm quá! Đạo pháp chẳng bị diệt vong ngay lập tức là nhờ vào các hạ và

các đại cư sĩ đổ công sức duy trì bằng nhiều phương cách. Nếu không, huệ mạng của Như Lai vĩnh viễn đoạn diệt từ đây, đông đảo chúng sanh trọn chẳng mong chi thoát khổ, nguy hiểm đến cùng cực. Ngày hôm qua, hòa thượng Diệu Liên ở Nam Kinh gửi đến một bức thư vốn là thư của Đại tổng thống Tôn (Tôn Văn) trả lời các cư sĩ thuộc hội Phật giáo vào năm Dân Quốc thứ nhất (1911). Lá thư ấy được đăng tải trong cuốn Phật Học Tùng Báo số thứ nhất, chẳng biết các hạ và các đại cư sĩ đã từng đọc qua hay chưa? Hòa thượng nói là bài viết ấy được đăng tải trong tháng 3, có lẽ không đích xác, tôi sẽ kiểm trong những số Phật Học Tùng Báo còn giữ được để kiểm chứng.

Có lẽ nên cho đăng lá thư ấy trong những tờ báo lớn để những kẻ xướng xuất bừa bãi, tiên hành bừa bãi biết Đại tổng thống Tôn đã làm chuyện hoàng dương, bảo vệ Phật giáo như vậy. Nếu đăng báo nên ghi là “*Công hàm bảo vệ Phật giáo của Đại tổng thống Tôn*”, phía dưới ghi chú bằng hàng chữ nhỏ rằng “*Trích từ Phật Học Tùng Báo số thứ nhất*”, hoặc ghi “*Do phân hội Phật Giáo Giang Tô sao chép gửi tới*”, mong ông hãy cân nhắc.

45. Thư gửi cư sĩ Quan Quynh Chi (thư thứ tư)

Đã lâu chưa được gặp mặt, khôn ngăn mong tưởng, cư sĩ phát tâm Bồ-tát, lấy chốn đô thị làm đạo tràng, lấy những người cùng hàng làm pháp lữ. Thân tuy tại gia, hạnh giống như vị đầu-đà, sẽ thấy sự giáo hóa từ bi được thấu khắp hết thấy những người cùng hàng dù thiện hay ác, sẽ do vậy mà thoát khỏi cõi Sa-bà này sanh về cõi Cực Lạc kia, ngõ hầu an ủi ý niệm từ bi của Thích-ca, Di-đà, Quán Thế Âm; khôn ngăn vui mừng, an ủi tột bậc! Ngày hôm qua, tôi nhận được thư của một người bạn là cư sĩ Trương Thụy Tăng cho biết: Trong tháng trước, do bị mất chi phiếu đã phải cùng người ta thưa kiện nơi tòa án, kẻ bị cáo cây vào thế lực lớn gần như tổ ngược lại, [may mà ông Trương] được cư sĩ có lòng yêu mến ngấm ngấm xoay chuyển giùm nên chưa đến nỗi bị kẻ ác gây khốn đốn lớn lao. Quang nghe xong mừng rỡ khôn cầm, khác nào chính mình được giúp đỡ, cảm tạ khôn xiết. Vốn tính gửi thư này thẳng đến chỗ ông ở, nhưng do địa chỉ, tên đường, số nhà đều không biết, chẳng thể giao cho bưu điện được. Vì thế, nhờ cư sĩ Thụy Tăng đem qua Thượng Hải thay mặt Quang trình lên, mong hãy rủ lòng từ bi thứ lỗi!

46. Thư trả lời cư sĩ Quan Quynh Chi (thư thứ năm)

Nhận được thư khôn ngăn cảm kích, đang trong lúc cuối thời pháp yếu ma mạnh, tổ đạo điều linh này, may được các hạ và các vị cư sĩ cực lực cứu vãn, Phật pháp chẳng đến nỗi bị diệt vong ngay lập tức, nếu chẳng phải là nương theo

nguyện để sanh trở lại, há có được như thế hay chăng? May nhờ vào đại lực mà thành lập được các hội Phật hóa, nên Phật giáo chẳng đến nỗi hề bị xô đẩy liên đồ nhào ngay, không cách nào vực dậy được! Điều đáng lo là trong giới tăng sĩ, do hàng tri thức kém cỏi nên chẳng dễ khiến cho người khác sanh lòng tin. May mà vẫn còn có các cư sĩ tuyên dương khiến cho người hiểu lý biết Phật là bậc đại thánh nhân, giáo pháp của ngài là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, quả thật là may mắn lớn lao. Lá thư hôm mùng 2 là thư gửi chung cho ông và cư sĩ Nhất Đình được gửi bằng thư bảo đảm, dầu ông chưa nhận được cũng không sao. Những điều được nói trong ấy cũng chỉ là những ý cầu xin che chở mà thôi!

47. Thư gửi hai vị cư sĩ Quan Quynh Chi và Vương Nhất Đình

Hôm qua nhận được thư của ông Hứa Chỉ Tịnh mới biết do Cư sĩ lâm bị lính đóng, hai vị đã thỉnh cầu chánh phủ, được chánh phủ chấp thuận duy trì, lại còn chấp thuận bảo vệ danh sơn vùng Chiết Giang, khôn ngăn cảm kích. Hiện thời Phật pháp suy tàn, nếu không có bậc đại lực ngoại hộ nương theo bốn nguyện tái lai thì sẽ bị diệt vong. Hai vị đáng gọi là bậc Bồ-tát hộ pháp hộ đời, đã ra tay đẩy lùi con sóng cuồng, kéo trở lại mặt trời sắp lặn. Chẳng những người trong pháp môn được che chở, mà còn khiến cho chúng sanh đời tương lai được nghe Phật thừa, công đức ấy chỉ có đức Phật mới biết được. Khi hồi hướng sau mỗi khóa tụng, Quang đều hồi hướng cho hai vị và tất cả những vị có công huân với Phật pháp. Quang đã thiếu tài trí, lại chẳng có tinh thần, chẳng thể vì pháp môn ra sức, chỉ mong hai vị dốc sức duy trì thì may mắn lắm thay!

48. Thư trả lời cư sĩ Đình Phước Bảo (thư thứ nhất)

Vừa nhận được thư gửi đến khôn ngăn thẹn thùng, sợ hãi, Ân Quang là ông tăng ở đậu, chỉ biết cơm cháo, do bất đắc dĩ nên mới bày ra khá nhiều thứ canh thừa, cơm sót cho xong trách nhiệm, mùi vị chua hôi, hình chất vữa nát, nhòm góมắt pháp của người khác, nhưng Ủy Như vui thích cho là có ích cho kẻ đói nên đem truyền bá. Nếu các hạ muốn dẫn dắt cho những kẻ đói được ăn no cỗ vua mà trước đó đã dùng những món này để giữ hơi thở cho họ, chính là đã rủ lòng biệt đãi Quang quá mức rồi; há nên suy tôn Quang là người bậc nhất sau ngài Tịnh Am? Dầu Quang đáng xách dép cho ngài Tịnh Am⁶⁷ cũng chẳng nên thốt ra lời nói quá phận ấy, huống là nói văn chương của Quang trội hơn ngài Tịnh Am ư?

⁶⁷ Tịnh Am là pháp hiệu của đại sư Tư Tế Thật Hiền, tổ thứ mười một của Tịnh độ tông.

Làm người thì phải theo đúng luân thường, tuy các hạ yêu mến Quang rất sâu đậm, nhưng nói như vậy thì cũng giống như chính mình đã lỡ lời đó thôi! Ông nên biết rằng, sau ngài Tịnh Am có những vị đại cao nhân, họ có hơn ngài Tịnh Am hay chẳng, chẳng dám dùng phạm tình để đoán bừa. Vị đáng xếp vào hàng có thể sát cánh kề vai ngài Tịnh Am vì học vấn, kiến địa, tu dưỡng, đạo đức, hạnh nghiệp chẳng kém cạnh chút nào, chính là thiền sư Triệt Ngộ. Suy tôn ngài làm vị tổ thứ mười⁶⁸ của Liên tông, chẳng có phẩm đức nào đáng thẹn cả. Quang còn chưa dám xưng là hậu duệ [của các ngài Tịnh Am, Triệt Ngộ], huống là được xếp vào cùng hàng ư?

Quán Thế Âm Bồ-tát tâm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, sự nhiều, nghĩa rộng. Trước kia, Quang muốn tu chĩnh Phổ Đà Sơn Chí, đọc khắp các sách vở, chọn lọc hết để biên tập sao lục lại, hễ có ai nghi ngờ, bàn bạc chẳng thể thấu triệt đều thêm vào lời bình luận để mong sao phạm những ai là đồng bào đều được thấm gội ân trạch; nhưng vì túc nghiệp chưa tiêu, có mắt như lò, không sao thực hiện được. Nay các hạ phát đại tâm ấy, sẽ giải được niềm tiếc hận lớn lao cho Quang, cảm tạ tột cùng, an ủi tột bậc! Bạch Y Chú⁶⁹ chưa tìm được xuất xứ, chắc là do Bồ-tát thuận lòng kẻ căn cơ kém cỏi trao truyền trong mộng mà thôi. Dùng tâm chí thành để niệm thì không điều mong cầu nào chẳng được ứng nghiệm, không nguyện nào chẳng được thỏa; nhưng hàng tri thức trong nhà Phật chẳng đem chú ấy dạy cho người khác vì không rõ xuất xứ, sợ khơi ra đầu mối để người khác bịa đặt và nói xằng là “kinh Phật đều chẳng phải đích xác từ Phật quốc truyền đến, mà phần nhiều do người đời sau ngụy tạo!” Thế tục niệm thêm mấy câu vốn là lời chú nguyện, hễ có thì cũng chẳng trở ngại, nếu không thì cũng chẳng trở ngại chi. Những điều Vương Ưông Dương ghi chép chưa gởi kèm theo thư cũng không cần phải gởi đến nữa. Bồ-tát tùy cơ ban bố sự giáo hóa, chẳng thể dùng những cách thông thường để dò lường được. Há có nên dùng tri kiến

⁶⁸ Hiện thời ngài Triệt Ngộ được tôn là tổ sư thứ mười hai của Liên tông. Chúng tôi thấy từ điển Phật Quang Sơn vẫn ghi ngài Tịnh Am là tổ thứ chín của Liên tông, nhưng các tài liệu về chư tổ Tịnh tông khác đều tôn ngài là tổ thứ mười một. Chúng tôi đoán có lẽ khi tổ Ân Quang viết lá thư này thì khi ấy ngài Tịnh Am vẫn đang được coi là tổ thứ chín của Liên tông nên mới suy cử ngài Triệt Ngộ làm vị tổ thứ mười.

⁶⁹ Bạch Y Quán Âm (Pāṇḍaravāsini), còn được phiên âm là Bạt-đà-la-phước-tự-ni, hoặc Bạt-noa-ra-phạ-tát-ninh, dịch nghĩa là Bạch Xứ, Bạch Trụ Xứ, chính là một trong ba mươi ba tôn tượng của Quán Âm trong Quán Âm Viện thuộc Thai Tạng Mạn Đà La, mật hiệu là Ly Cấu Kim Cang. Tôn tượng ngài thường mặc áo trắng, ngồi trên hoa sen trắng, tay trái cầm hoa sen trắng, tay phải kết ấn dữ nguyện. Theo Đại Nhật Kinh Sớ, màu trắng ở đây tượng trưng cho tâm Bồ-đề thanh tịnh. Trong Mật tạng không hề thấy có bài chú Bạch Y như bản chú Bạch Y đang lưu hành, chỉ thấy bài chú Bạch Y Đại Bi như sau: “*Nam ma tam mạn đa bô đà nâm, đát tha nghiệt đa vĩ sái dã, tam bà phệ, bát đàm ma, ma lý nễ, xoa ha*” (Namah samanta buddhānām tathāgata visaya sambhave padma mālini, svāhā).

phàm phu để phán đoán ư? Chỉ nên tin tưởng, kính ngưỡng, phụng hành thì lợi ích sẽ rộng lớn.

Chiêu Khánh Kinh Phòng (phòng phát hành kinh sách chùa Chiêu Khánh) ở Hàng Châu có bài Quán Âm Linh Cảm Phú, nhưng những chuyện được trình bày trong ấy có nhiều chuyện bị giản lược quá mức, ngôn từ chẳng đạt ý nghĩa. Lại có cuốn Quán Âm Trì Nghiệm Ký⁷⁰ không biết các hạ đã có hay chưa? Năm ngoái, Mạnh Do cây Úy Như gửi tới Phổ Đà bản được sao lục từ Tạng kinh Nhật Bản; bản ấy do Chu Khắc Phục sưu tập, chỉ độ ba bốn chục trang. Nếu không có, xin hãy báo cho biết, tôi sẽ dâng lên ngay. Trong cuốn Hải Nam Nhất Chúc⁷¹ sự tích thật nhiều, đều đáng để thu thập, Quang then mục lục không đủ, chẳng dám theo giúp một bên. Nếu mục lục tốt ắt sẽ vì các hạ ra sức cho được thành tựu tốt đẹp, dầu chết cũng chẳng nuối tiếc!

Ngày hôm qua, tôi đã gửi thư cho Vân Lôi nhờ ông ta in cho Quang năm trăm bộ Văn Sao, chuyện giữ bản in, dùng loại giấy nào v.v. đều cậy ông ta dò hỏi. Hôm nay, chùa Pháp Vũ có đại sư Khai Tường đến đất Thân (Thượng Hải), tôi nhờ thầy ấy giao cho ông Vân Lôi một trăm đồng, năm mươi đồng của các hạ cũng giao cho Vân Lôi. Đến khi in xong, sẽ bảo ông ta tính giá gốc mỗi cuốn, năm mươi đồng thì thỉnh được bao nhiêu bộ, chia thành hai phần, một phần sẽ báo cho các hạ cử người đến xưởng in nhận sách, một phần gửi thẳng về Phổ Đà cho Quang. Lần thỉnh này Quang không có sức gửi đi được! Một trăm đồng tiền sách ấy chính để chuẩn bị sẵn hòng có sách gửi cho đôi ba người bạn mà thôi.

(Mồng 4 tháng 3 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

Thư gửi cho Vân Lôi xin cầm theo khi giao tiền, ông ta chẳng thường ở xưởng in, đi vào năm giờ chiều thì sẽ chẳng lỡ dịp.

49. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được một cuốn Phật Học Sơ Giai (bước đầu học Phật), khôn ngăn cảm kích, hồ then đến cùng cực. Quang là kẻ vô tri vô thức, gượng ứng theo duyên đời, tùy theo sự thấy nghĩ ngu muội của mình mà nói ra những lời lẽ hủ bại, tuy về ý còn có thể chấp nhận được, nhưng lời văn chẳng tươi đẹp, thông

⁷⁰ Quán Âm Trì Nghiệm Ký (2 quyển) được Chu Khắc Phục biên soạn vào năm Thuận Trị 16 (1659), còn có tên là Quán Thế Âm Kinh Chú Trì Nghiệm Ký, sưu tập những chuyện linh cảm của Quán Thế Âm Bồ-tát từ đời Tấn đến thời Thuận Trị, gồm 118 câu chuyện. Phần Phụ Lục của quyển cuối bao gồm Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Bạch Y Đại Ngũ Ấn Tâm Đà La Ni Kinh, Lễ Quán Âm Văn và biện định những điều ngoa truyền về Quán Thế Âm Bồ-tát.

⁷¹ Hải Nam Nhất Chúc là tác phẩm của Từ Khiêm (hiệu Bạch Phảng) viết vào cuối đời Thanh, sưu tập những chuyện truyền kỳ tại vùng duyên hải Nam Trung Hoa.

suốt. Các hạ chép mấy thiên văn từ của Quang vào cuối sách ấy, sợ bậc thanh nhã, thông suốt lớn lao đọc đến chắc sẽ chê các hạ không xét kỹ. Các hạ chỉ một lòng khơi gợi tâm chánh tín của người khác; năm ngoái, Quang từng tính dùng Phật Học Khởi Tín Biên để kết duyên, nhưng các hạ vẫn tự mình phát tâm, cự tuyệt chẳng nhận tiền.

Nay có ông Cao Thiệu Lân ở Bắc Quan, huyện Phước Dinh - Phước Ninh tỉnh Phước Kiến đã có tín tâm từ đời trước, mấy năm gần đây chuyên tu tịnh nghiệp. Ba năm trước, Quang từng gởi cho ông ta mấy chục loại kinh sách, trị giá khoảng hai mươi mấy đồng. Do cuộc đất ấy ở khuất trong núi, lại do khổ sở, đói nghèo nên không có sức thỉnh kinh sách được. Một hai năm gần đây lại có ông Trần Diên Linh cũng là người ở Bắc Quan cùng huyện, Thái Mậu Đường là người ở Nam Quan, thường gởi thư đến. Năm ngoái, Quang đem bộ An Sĩ Toàn Thư đã khắc in gởi cho ba người ấy mỗi người một bộ. Bọn họ cũng muốn lợi người, bèn trong mùa thu lập hội giảng diễn, thỉnh một vị tăng đến làm lễ Mông Sơn một buổi, mọi người cùng niệm Phật hồi hướng, rồi sau đó tùy sức giảng diễn quả báo thiện ác và pháp môn Tịnh độ. Năm ngoái có đến sáu bảy chục người nhập hội, năm nay chỉ còn năm sáu chục người mà thôi.

Do tại huyện ấy từ thời Nguyên - Minh đến nay, chưa hề nghe đến chuyện mở hội diễn giảng, trong mùa hạ năm nay, bọn họ đặc biệt mời một vị pháp sư thuộc tông Thiên Thai giảng kinh. Chuyện ấy bất quá để phát khởi lòng tin cho người nơi ấy mà thôi! Nếu nói là hiểu rõ ý nghĩa thì thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Huống chi do địa phương cùng khổ, cũng chẳng thể thường xuyên cử hành được. Trộm nghĩ cuốn Phật Học Sơ Giai do các hạ biên soạn khá thích hợp với căn cơ bọn họ, do sách ấy trước hết nói đến nhân quả, sau đó nói về Tịnh độ. Phàm những người thông hiểu văn nghĩa đều lãnh hội được, người đọc sẽ vui vẻ hướng về điều cao cả, muốn chấm dứt [những điều xấu ác vốn do] tình thế vẫn chưa thể chấm dứt được, người diễn thuyết cũng có thể dựa theo văn từ ấy để tuyên nói, chẳng cần phải hái Đông nhật Tây, quả đúng là bước đầu tiên để khuyến thiện dẫn vào Phật pháp. Tôi vốn muốn bảo họ thỉnh sách ấy từ quý thư cục, nhưng sợ bọn họ pháp tài chẳng đủ chắc đành bỏ lỡ lợi ích. Nếu các hạ chịu phát lòng đại từ bi hành đại pháp thí, gởi đến khoảng ba bộ để họ mỗi tháng căn cứ theo lời văn mà diễn giảng khiến cho nhân dân trong huyện ấy đều biết nhân quả, đều tu tịnh nghiệp thì công đức ấy cố nhiên vượt trội hơn thí cho người phú quý gấp ngàn vạn lần. Phật Học Chỉ Nam, Khởi Tín Biên, Lục Đạo Luân Hồi Lục cũng gởi đi mỗi thứ một hai bộ để tiện cho họ có tài liệu trích dẫn hòng diễn thuyết. Nếu gởi thì phía ngoài bưu kiện nên ghi tên người nhận là ông Cao Thiệu Lân ở Bắc Quan, huyện Phước Dinh, tỉnh Phước Kiến.

Phần Tịnh Tọa Pháp Tinh Nghĩa (những ý nghĩa tinh xác về cách tịnh tọa) cuối sách Phật Học Sơ Giai danh chẳng phù hợp với thật cho lắm, có lẽ nên đề là Chư Tông Yếu Điển Lược Kỳ (ghi chép đại lược về các tác phẩm quan trọng trong các tông), phía dưới có lẽ nên ghi rằng: *“Gần đây trước thuật của Phật giáo các tông được khắc in cực nhiều, nếu chẳng biết được chỗ trọng yếu, sợ rằng sẽ dôi nhìn biển cả mà lùi bước, vì thế chọn lấy những sách trọng yếu trong các tông để nêu bày một hai điều. Muốn nghiên cứu tông nào thì trước hết phải chọn đọc những sách trọng yếu của tông ấy thì sẽ tự có thể do ước lược mà biết được rộng rãi. Hễ đã rõ một thứ thì trăm thứ đều rõ.”* Năm ngoái, khi bộ Văn Sao hủ bại của Ấn Quang được gởi đến, đã tính gởi cho nhóm ông Cao Thiệu Lân dăm ba bộ. Do mỗi năm vào tháng 2 có cư sĩ Lý Tuấn Cảnh (cũng ở Bắc Quan, người này chất phác, thật thà, chẳng thông văn lý) theo các thiện tín đến núi dâng hương, muốn đợi ông ta đến đây sẽ bảo ông ta đem về. Ai ngờ năm nay ông ta chưa tới, về sau do nhiều người cần sách nên phải gởi đi hết. Đợi cho nhà in giao sách sẽ đem gởi cùng với những sách do các hạ vui vẻ biếu tặng khiến cho người trong huyện ấy được gọi ân lớn khôn cùng của các hạ.

(Ngày 18 tháng 4 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

50. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ ba)

Ấn Quang thuở nhỏ thiếu học vấn, lớn lên vô tri, ăn bám Phổ Đà hơn 20 năm, nhất loạt không giao du với hết thầy tăng tục, nào ngờ các hạ là bậc học rộng, văn chương lớn lao, hoằng dương, giảng nói đại giáo, đã rủ lòng ban cho tác phẩm lớn lao, lại còn gọi Quang là người có cùng chí hướng nhất trong những người cùng chí hướng, cảm kích, hồ thẹn khôn ngần! Quang vừa sanh ra liền bị bệnh mắt, nay đã đến tuổi tai nghe đã thuận (sáu mươi tuổi)⁷², suy yếu quá mức, không

⁷² Đây là một thành ngữ dựa theo câu nói của Khổng tử được chép trong thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ: *“Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri mạng, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tùng tâm sở dục, bát du cử.”* Sách Luận Ngữ Giảng Yếu giải thích câu này phải được hiểu như sau: “Lập có nghĩa là học vấn đã thành tựu, có được cơ sở vững chắc, không còn bị dao động bởi những tà thuyết bên ngoài. Bất hoặc là không còn ngờ vực nữa, gặp chuyện biết xử sự đúng với đường lối theo lẽ chánh, không xử sự tùy tiện theo cảm tính. Thiên mạng (mạng trời) không có nghĩa là ý muốn độc đoán của một đấng tạo hóa, thiên chúa nào, mà chính là chân lý, chánh lý, thường được gọi là dịch, tức sự vận hành của trời đất, theo đúng chân lý, đúng với lẽ nhân quả. Nhĩ thuận là tai nghe lời nói, nắm bắt được ý nghĩa chánh đáng, tâm không còn cảm thấy trái nghịch với những gì đã nghe vì đã hiểu được bản chất của sự việc, thấy được lẽ chánh. Tòng tâm là theo đúng thứ tự chánh đáng mà tiến hành. Cử vốn là cái thước để vẽ hình vuông, được hiểu theo nghĩa rộng là chừng mực, quy củ, phương pháp, luật lệ. Do vậy, cả câu này phải hiểu là: “Ta từ năm mười lăm tuổi dốc chí học tập, đến năm ba mươi tuổi đã tự lập được căn bản, đến năm bốn mươi tuổi không lầm lẫn khi phải ứng phó với mọi sự, đến khi năm mươi tuổi liền hiểu thấu mạng trời, năm sáu mươi tuổi đầu nghe ý kiến trái nghịch vẫn biết lắng nghe, hiểu được ý nghĩa, đến năm bảy mươi tuổi đạt đến mức thuận theo lòng mong muốn, làm điều gì cũng theo đúng thứ tự chánh đáng, không vượt ra ngoài khuôn khổ, mực thước.”

chỉ chữ trong tác phẩm lớn lao của các hạ không thể đọc được nhiều, mà ngay cả Tạng kinh chữ in to cả tác cũng chẳng thể xem nhiều được. Do sức ác nghiệp trước kia, biết làm thế nào đây? Trong vòng một hai ngày, do ít có chuyện phải bận bịu, [mở tác phẩm của các hạ ra đọc] thấy những lời chú giải khá hợp sơ cơ, lời nào cũng có căn cứ, câu nào cũng hợp đạo, chẳng ngờ là trong đời này mà còn thấy người có văn tài như thế. Nhưng trong ấy cũng có những chỗ Quang nhìn không ra, muốn được thỉnh giáo để trừ nghi chướng. Tiếp đó, nghĩ mình chưa minh tâm, người ta có cách nhìn khác. Khi xưa Quang đã từng đối với Phật Học Tùng Báo, vội vàng khởi lên ý niệm “người nước Kỳ lo trời sập”⁷³, đưa bé con khen chiếu. Do vậy, dâng lên chương trình gồm chín điều, mong họ sẽ sửa đổi quy củ đã định nhằm làm sáng tỏ pháp đạo, cư sĩ Nhất Thừa bỏ qua không thèm đọc tới; nay dám lập lại sự bại nhục ấy nữa ư?

Nay gởi cho ông một bộ Ấn Quang Văn Sao, mong hãy rủ lòng sửa chữa cho đúng. Bộ Văn Sao này do ông Từ Ủy Như ở Hải Diêm (tỉnh Chiết Giang) ấn hành, biếu tặng. Năm Dân Quốc thứ hai, ông Cao Hạc Niên tới núi, đem văn cáo hủ bại của Quang đến đất Hồ (Thượng Hải), cư sĩ Lê Đoan Phủ cho chép lại bốn bài luận ấy để đăng báo. Cố nhiên ông ta biết Quang chẳng muốn được người khác biết tới bèn dùng biệt danh Thường Tàm để ký dưới những bài đã đăng trong Phật Học Tùng Báo. Từ cư sĩ thấy vậy, làm lần bội phục, hỏi thăm khắp mọi người nhưng không tìm được. Đến khi đã biết [những bài luận ấy] do chính Ấn Quang viết, liền cậy ông Dịch Sở Thanh giới thiệu, muốn trao đổi thư từ trước khi gặp gỡ. Quang viện cớ người hèn đức bạc, học vấn hời hợt, thiển cận để cố từ chối. Ông ta liền dò hỏi khắp bạn bè, sưu tập được bao nhiêu đó lá thư hủ bại và sao lại những bài đã đăng trên Phật Học Tùng Báo cho sắp chữ đem in.

Cuối tháng 3 mùa xuân năm nay, ông Từ cầm theo 30 bản đến núi thăm Quang. Lại còn muốn đem hết những văn cáo hủ bại khác, tính biên tập những phần đã được in và chưa được in rồi đem khắc ván. Máy chục năm qua, nếu không có chuyện gì Quang chẳng động đến bút mực, nếu bị ai sai bảo hay bày tỏ nỗi lòng với bạn bè thì bút cùn lời thô, trọn chẳng đáng xem. Ông ta đã làm lạc tán thưởng, chỉ đành đem làm lạc đáp tạ làm lạc, tùy duyên mà thôi! Trong bộ Văn Sao ấy vẫn có hơn mười chữ sai lầm, nhưng do mục lục không kham nổi nên chưa thể nêu ra. Bài luận Chẳng Nên Lầm Lộn Giữa Tông Và Giáo bị tòa soạn Phật Học Tùng Báo thêm vào hơn 100 chữ, thoát mới đọc qua, dường như thông suốt, hợp

⁷³ “*Kỷ nhân ưu thiên*” là một câu chuyện ngụ ngôn trích từ sách Liệt Tử: Ở nước Kỳ có người chỉ sợ trời sập xuống, thiên hạ sẽ chết hết. Sách cổ thường dùng điển tích này để châm biếm những người hay lo chuyện không đâu, vô căn cứ. Chưa rõ chữ “*đồng tử tán trách*” (đứa bé con khen cái chiếu làm bằng trúc) xuất phát từ điển tích nào.

lẽ, nhưng nếu chú tâm đọc kỹ, chẳng ổn thỏa, thích đáng lắm. Do vậy bèn bảo ông ta sao lục theo đúng nguyên bản.

Phổ Đà là chốn môn đình cúng bái, người chuyên tâm nghiên cứu kinh luận ít ỏi; hơn nữa, do Quang trọn chẳng dự đoán được chuyện này, chẳng kết giao cùng sĩ đại phu, rất ít người biết đến, không cách nào thúc đẩy, lo toan chuyện thù thắng (tức chuyện nghiên cứu kinh luận) được, nhưng một niềm ngu thành trộm dâng lên các hạ. Lưu thông kinh Phật chẳng giống như lưu thông báo chí, tiêu thuyết... mà cần phải nghĩ tính đến chuyện về lâu về dài thì mới hữu ích. Đúc bản kẽm tuy thuận tiện, nhưng rốt cuộc khó thể là kẻ sách lâu dài, vì trong mực in dùng cho bản kẽm đã bỏ thêm nhiều chất nước thuốc, lâu ngày chữ in sẽ bị phai nhạt, mất nét. Hãy nên in bằng bản gỗ thì mới lưu truyền lâu dài được. Ấn Quang gửi thư cho báo Phật Học Tùng Thư chính là vì chuyện này. Những phần được trích lục trong Văn Sao đã vì bạn bè mà lược bớt mấy đoạn. Ông với Quang tuy ở khác nơi mà cùng một tấm lòng, khác nhà mà như tận mặt trò chuyện. Đã coi nhau là người cùng chí hướng, chớ nên trách tôi chẳng thuận theo những thứ tán dương, khen ngợi này nọ để gây phiền cho nhau.

(Ngày 18 tháng 6 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

51. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tư)

Hôm Mười Tám, Quang đã kính gửi cho các hạ một lá thư hủ bại và bộ Văn Sao vụng về, không biết đã nhận được hay chưa? Không ngờ các hạ cũng lại gửi thư phúc đáp ngay trong ngày hôm ấy, đồng tâm tương cảm đầy chẳng, hay là ngẫu nhiên phù hợp mà thôi?

Nghi thức niệm Phật như đã nói phải chia thành hai loại: Niệm Phật cùng đại chúng và niệm một mình. Nếu niệm cùng đại chúng, hãy nên dựa theo Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật) trong kinh nhật tụng để khởi gây trở ngại [cho những người đã quen hành trì] theo lối thông thường, đây kia đều hợp lẽ. Còn tu niệm Phật một mình tuy có thể hành theo chương trình do mỗi người tự lập, nhưng thứ tự niệm tụng chớ nên tán loạn. Tức là nói buông xuống thân tâm, nhắm mắt, lạng thần, niệm Tịnh Pháp Giới Hộ Thân Chú⁷⁴ và thâm tưởng bài kệ

⁷⁴ Tịnh pháp giới hộ thân chú: Nói chi tiết, phần này gồm có sáu bài chú nhỏ thường được dùng trong khóa tụng trong Thiền môn xưa kia, gồm: Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn, Tịnh Khẩu Nghiệp Chân Ngôn, Tịnh Thân Nghiệp Chân Ngôn, Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn, An Thổ Địa Chân Ngôn, và Phổ Cúng Đường Chân Ngôn. Đôi khi các khóa tụng chỉ dùng giản lược hai bài là Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn và Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn. Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn gọi đủ là Thanh Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn. Theo Đại Nhật Kinh Sớ, chú này thể hiện chân thể Phật đã chứng. Thanh tịnh là bản thể của chân như vì chân như lìa hết thấy phiền não cấu nhiễm, pháp giới là chỗ nương tựa của hết thấy công đức thế gian lẫn xuất thế gian. Như vậy, tịnh pháp giới là công đức vô vi của chân như. Chân ngôn

Tán Phật, lễ Phật và ba vị Bồ-tát xong. Nếu tụng kinh thì tụng kinh Di-đà một biến, chú Vãng Sanh ba biến xong rồi mới niệm rõ ràng bài kệ Tán Phật xong, liền niệm tiếp “Nam-mô thế giới Tây Phương Cực Lạc đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A-di-đà Phật” rồi chỉ niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Hãy nên vừa đi nhiều vừa niệm, hoặc niệm mấy trăm tiếng, hoặc niệm một ngàn tiếng. Cuối cùng niệm ba danh hiệu Bồ-tát “Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng”, rồi mới niệm bài Phát Nguyện Văn, niệm xong sẽ đọc Tam Tự Quy. Đây là nghi thức của một kỳ niệm Phật vậy. Nếu muốn tụng kinh nhiều hơn, hoặc tụng nhiều chú, hãy nên lập một thời tụng kinh khác. Nếu cùng làm trong một lúc thì phải tụng kinh trước, kế đó tụng chú, rồi đến tán Phật, niệm Phật, tiếp theo là phát nguyện, tam quy. Đây chính là thứ tự quyết định chẳng thay đổi vậy.

Pháp thập niệm do sám chủ Từ Vân vì hàng quốc vương, đại thần việc nước đa đoan, không rảnh rỗi để chuyên tu mà lập ra. Lại muốn khiến cho họ được tịnh tâm, nhất tâm, nên lập ra cách lấy hết một hơi thở làm một niệm để tâm họ nương theo hơi thở mà thâm nhiếp, không bị tán loạn. Sự màu nhiệm của pháp ấy nếu không phải là người trí sẽ không thể biết được. Nhưng chỉ có thể dùng một lần

này gồm hai bài khác nhau, một là “*Nam-mô tam mạn đà Phật đà nẫm, đạt ma đà da, tát phạ bà phạ, cú hám*” (dành cho Thai Tạng Giới) và bài chú thứ hai là Ấn Lam (phổ biến hơn, dành cho Kim Cang Giới). Chú Ấn Lam thường được sử dụng nhất với mục đích thanh tịnh thân tâm và hoàn cảnh, vì theo Du Già Liên Hoa Bộ Niệm Tụng Nghi Quỹ, chữ âm (aum) tức là bản thể của pháp giới, là lời quy mạng trong Kim Cang Giới, khi tụng chữ lam, từ trên đỉnh đầu sẽ có chữ lam (ram) phát sanh từ pháp giới tỏa ánh sáng đỏ chói lợi như ngọn lửa rực rỡ thiêu đốt tất cả những vật ô uế lẫn những tư tưởng ô uế, tịnh hóa thân tâm. Hành nhân trước khi tụng niệm dùng chú này để thanh tịnh bản thân, đồng thời thanh tịnh vật phẩm cúng dường.

Chú Thanh Tịnh Tam Nghiệp (“*Án, tát phạ bà phạ thuật đà ta phạ đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám*”) như tên gọi nhằm thanh tịnh ba nghiệp, khiến thân tâm hành nhân tương ứng với ba nghiệp của Phật, Bồ-tát. Khi tụng hành nhân phải kết Liên Hoa Hiệp Chương Ấn (chấp mười ngón tay khít vào nhau, lưng bàn tay hơi khum như đóa sen búp). Theo Bí Tạng Ký, hai tay chấp lại như thế tượng trưng cho lý và trí hợp nhất. Nhiếp Vô Ngại Kinh giải thích tỉ mỉ hơn: Năm ngón bên tay trái tượng trưng cho năm trí của Thai Tạng Giới, năm ngón bên tay phải tượng trưng cho năm trí của Kim Cang Giới. Mười ngón hợp lại tượng trưng cho Thập Độ hoặc mười pháp giới, mười chân như dung hợp. Do vậy, mỗi ngón tay tượng trưng cho một độ (ba-la-mật). Như vậy Liên Hoa Hiệp Chương tượng trưng cho sự viên dung mọi trí, mọi giới, mọi độ.

Trong Tịnh tông, thường thì những bài chú này không dùng đến vì A-di-đà Phật vạn đức hồng danh đã là vô thượng thân chú, là kết tinh của mọi giáo pháp nên hành giả nhiếp tâm chuyên trì thì công đức chẳng kém gì trì tụng các chú khác mà có phần còn vượt trội hơn. Điều này có thể minh chứng qua hành trạng của tổ Liên Trì: Ngài thông hiểu Mật pháp vì từng san nhuận nghi thức Du Già Diệm Khẩu, nhưng khi được đại chúng cầu thỉnh ra làm lễ cầu mưa trong lúc hạn hán, ngài nói không biết thực hiện đàn pháp đảo vũ. Đại chúng cố van nài, ngài bèn đi quanh bờ ruộng gõ mõ niệm Phật, trời liền đổ mưa lai láng. Hơn nữa, những bài chú chỉ phát huy được diệu dụng khi hành nhân tụng niệm với tâm đại Bồ-đề, nhiếp tâm thanh tịnh, tương ứng với Phật, Bồ-tát, tha thiết như con nhớ mẹ, đồng thời phải kết ấn khế tương ứng. Có những ấn khế phải được a-xà-lê truyền thụ mới được sử dụng, không được kết ấn bừa bãi. Ngoài ra, sử dụng quá nhiều chú ngữ trong khóa tụng sẽ khiến hành giả phân tâm, khởi phân biệt, nên hiện thời các vị hoằng truyền Tịnh tông đa số lược bỏ các ấn chú khỏi khóa tụng, chỉ giữ lại chú Vãng Sanh cho hành nhân dễ chuyên tâm.

vào buổi sáng, hoặc dùng ba lần: buổi sáng, buổi tối và giữa trưa, chớ nên dùng nhiều! Dùng nhiều sẽ bị tổn khí thành bệnh, chớ nên nói pháp này dễ nhiếp tâm nhất bèn sử dụng thường xuyên thì bị hại chẳng nhỏ đâu!

Niệm Phật niệm ra tiếng hay niệm thầm thì phải xét nơi chốn, quang cảnh như thế nào. Nếu niệm ra tiếng rõ ràng không gây trở ngại gì thì nên niệm rõ tiếng như khi thực hiện nghi thức niệm Phật, nhưng chỉ nên sao cho nghe tự nhiên, đừng niệm quá lớn tiếng. Quá lớn tiếng có thể bị tổn khí mắc bệnh. Nếu tình hình nơi chỗ ta đang ở chẳng tiện niệm ra tiếng thì chỉ niệm nhỏ tiếng và niệm Kim Cang Trì, công đức chỉ ở chỗ chuyên tâm dốc chí, còn âm thanh vẫn là chuyện nhỏ. Trừ lúc riêng thực hành công khóa niệm Phật ra, nếu suốt ngày thường niệm thì cố nhiên nên niệm nhỏ tiếng, niệm Kim Cang, hoặc niệm thầm, vì nếu cứ thường niệm ra tiếng rõ ràng, ắt sẽ đến nỗi bị tổn khí. Chưa chứng pháp thân, cần phải điều hòa sao cho thích đáng thì mới chỉ có ích, chẳng bị tổn hại. Niệm rõ tiếng tổn sức, niệm thầm dễ hôn trầm. Tuy tán trì có công đức khó nghĩ tượng, nhưng so với nhiếp tâm tịnh niệm khác nào một trời một vực!

Đối với mấy điều này, Quang từng khá tốn công nghiên cứu, năm ngoái đã tìm ra một cách hay khéo thuận tiện, viết thư trình bày với những người tri kỷ, ai nấy đều khen ngợi. Nếu đã niệm Phật thành phiên, cố nhiên không cần dùng tới cách này. Nếu chưa thành phiên và hết thấy những kẻ sơ cơ sử dụng cách này thì không ai chẳng thích hợp, chỉ có ích chứ không bị tổn hại. Tuy các hạ không cần đến cách này, nhưng cũng nên vì những kẻ tu Tịnh tông chưa nhận được cửa mà thực hành thử để bảo khắp với những người thông sáng mai sau. Cách ấy được ghi nơi hàng thứ 8 trong trang 45 bộ Ấn Quang Văn Sao⁷⁵, xin hãy kiểm xem.

Trước đây, đọc tác phẩm lớn lao của ông, thấy chữ “tướng hảo quang minh” trong bài Kệ Tán Phật đã bị đổi thành “tướng sắc quang minh”, tôi đoán là do thợ sắp chữ ngẫu nhiên sắp lộn. Trong thư này, lại thấy các hạ viết là “tướng sắc”, mới biết các hạ cố ý sửa đổi. Tám câu kệ này do pháp sư Anh ở Đồng Giang đời Tống⁷⁶ tóm lược những ý nghĩa chánh từ ba kinh Tịnh độ mà soạn ra, không một

⁷⁵ Tức là pháp *thập niệm ký số* được viết trong “Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân” (thư thứ tư) trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển một: “Trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự được.”

⁷⁶ Pháp sư Anh chính là ngài Đức Tạng Trạch Anh (1045-1099) sống vào thời Bắc Tống, người huyện Đồng Giang (tỉnh Chiết Giang), họ Du, tự Uẩn Chi. Sư mất mẹ từ bé, có lần theo cha đến Hàng Châu, gặp được ngài Nam Sơn Đoan Phong bèn xin theo xuất gia. Năm Thiên Ninh thứ nhất (1068), sư thọ

chữ nào không có lai lịch, há nên sửa đổi bừa bãi? Quán kinh dạy: “A-di-đà Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo⁷⁷, trong mỗi một hảo có tám vạn bốn ngàn quang minh.” Các hạ thông hiểu Phật pháp sâu xa, sao không thấy được chỗ này? Trong hai cuốn Tiên Chú⁷⁸ những chữ giống như thế này rất nhiều, Quang tính muốn nói cặn kẽ, nhưng sợ người ta chẳng vừa lòng, nên nói: “Tôi chưa minh tâm, người ta có cái nhìn khác.” Ở đây, do ông đã trống lòng hỏi đến, chẳng ngại gì thừa dịp phô bày sự hiểu biết tầm thường. Nếu các hạ thật sự lo tính cho Phật pháp, cho chúng sanh, chắc sẽ chẳng vì xung đột ý kiến mà quở trách. Nếu chỉ muốn khen ngợi thì hãy nên hướng về bọn xu phụ thời thế mà bàn luận; Ấn Quang tuy kém cỏi vẫn chẳng muốn đi theo ngõ rẽ ấy!

Trong sách Di-đà Trung Luận của Vương Canh Tâm, do chẳng biết pháp môn quyền thật của Như Lai, chẳng biết căn cơ chúng sanh sai biệt nên phạm có điều gì chẳng hợp với ý kiến của chính mình đều bảo là sai lầm, mạt sát các vị thiện tri thức trong cả 1.500 năm, chỉ đề cao một mình đại sư Nhất Tinh nhằm phô rõ chính mình được thánh sư truyền cho chân tông nhà Phật. Tuy nói là hoằng pháp, nhưng quả thật đã chèn ép, hoại loạn Phật pháp, tạo ra mối tệ sâu xa khiến chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ, quyết chớ nên lưu thông sách ấy!

Ông Chu Mạnh Do từng thống thiết khen ngợi họ Vương trước mặt Quang, Quang nói đại lược những điểm tệ hại, nhưng ông ta vẫn chưa cam lòng, vẫn gởi sách ấy đến. Xưa kia Quang đã tạo nên cái nghiệp mù mắt, nay chẳng dám đi vào

giới cụ túc, chuyên tâm trì luật cũng như theo học giáo nghĩa Chi Quán với ngài Xử Khiêm chùa Bảo Các, rất được ngài Xử Khiêm coi trọng, đặc biệt truyền dạy Thập Bát Nhị Môn Luận, Kim Cang Bồ Đề Luận, do vậy sư ngộ hiểu sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai lần chỗ huyền áo của Tịnh tông. Đồ chúng các tỉnh Giang, Hàng, Hồ... theo học rất đông, sư chú tâm dạy họ bằng giáo nghĩa Tịnh độ và thường nhắc đại chúng siêng tu tịnh nghiệp. Do kính trọng, mọi người đều gọi ngài là pháp sư Đồng Giang hay pháp sư Đồng Giang Anh chứ không gọi thẳng tên. Ngài để lại cho đời các bộ chú giải Tâm Kinh, Tam Châu Luận, Tịnh Độ Tu Chứng Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Thập Nguyên Văn, Biện Hoàn Thụ Nhị Xuất, Khuyến Tu Tịnh Độ Tụng...

⁷⁷ Tùy hình hảo (anuvyañjana), còn dịch là tùy hảo, tiểu tướng, tiểu hảo, hoặc chỉ gọi gọn là hảo. Những tướng đẹp dễ thấy của chư Phật, Bồ-tát gọi là tướng, những vẻ đẹp kín đáo, ẩn mật, khó thể thấy ngay được thì gọi là hảo. Những vẻ đẹp ấy trang nghiêm, tăng thêm vẻ đẹp cho mỗi tướng chánh nên gọi là tùy hình hảo. Sách Pháp Giới Thứ Đệ, quyển hạ chép: “Tướng và [tùy hình] hảo đều là sắc pháp, đều để trang nghiêm rạng rỡ thân Phật; nhưng tướng là tổng quát, tùy hình hảo là chuyên biệt. Nếu một tướng mà không có tùy hình hảo thì chẳng viên mãn. Chuyên Luận, Đế Thích, Phạm Vương cũng có 32 tướng nhưng không có tùy hình hảo nên thân họ chẳng vi diệu.” Trí Độ Luận cũng giảng: “Tướng thô nhưng tùy hình hảo lại tế. Chúng sanh thấy Phật liền thấy ngay được tướng, nhưng khó thấy được tùy hình hảo. Tướng thì người khác cũng có, nhưng tùy hình hảo thì không phải ai cũng có. Do vậy, phải nói riêng tướng và tùy hình hảo”.

⁷⁸ Tiên Chú: tiên (箋) là chú giải ngắn gọn, sơ lược. Do những lời chú thích cho những bộ kinh này chỉ gồm một hai câu, nêu lên những nét chánh yếu của mỗi đoạn, hoặc chú thích những chữ quan trọng nên gọi là Tiên Chú.

vết xe ấy, bèn hết sức trình bày những điều tệ, nhưng ông ta vẫn chưa tin trọn vẹn, đem thư của Quang gởi cho Từ Ủy Như. Ủy Như nói Quang phê phán như vậy vốn có hiểu biết riêng, do vậy bèn đem lời tiên sinh Dương Nhân Sơn chê trách sách ấy gởi cho ông Chu. Chu Mạnh Do đem lời nói của đôi bên so sánh, mới biết rằng: Ấn Quang thật chẳng phải là nói mò, nhưng lời chê trách của tiên sinh Nhân Sơn đa phần chú trọng tại lời văn, còn lời chê trách của Quang chủ yếu dựa trên đại thể và tâm bệnh. Lưu thông Phật pháp quả thật chẳng phải là chuyện dễ! Phải mong sao khế lý khế cơ, trọn chớ nên vâng theo cái tâm thiên kiến riêng tư rồi tự lập [những ý kiến ước đoán] để khoe lạ phô kỳ, hòng thỏa thích tri kiến một thời của bọn tân học mà thôi. Đã là tri kỷ, chẳng ngại gì dâng lời nói thẳng !

(Ngày 23 tháng 6 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

52. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ năm)

Ngày 28 tháng trước đã kính nhận được thư và các sách về Nho - Phật do ngài biên soạn, kính cẩn mở ra đọc, cảm kích, hổ thẹn khôn ngần! Ấn Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo mà thôi, nếu không có việc gì sẽ chẳng đụng đến bút mực, gặp chuyện ép buộc bất đắc dĩ thì bút cùn, lời quê, quấy quá cho xong trách nhiệm. Há nên khen ngợi, tán dương quá đáng, đến nỗi đánh mất lợi ích thật sự do được rèn giũa, gọt mài, lệ trạch⁷⁹, giúp cho điều nhân vậy? Các hạ học rộng nghe nhiều, là bậc quân tử tận tụy tu dưỡng trong đạo Nho, biên soạn những cuốn Độc Thư Lục và Thiếu Niên Tân Đức Lục v.v. thấy đều tinh vi, thuần túy, tôi không chen vào đâu được, đúng là kim thang⁸⁰ cho thánh giáo, là khuôn mẫu cho bọn hậu sanh. Tuy vậy, những bộ Tiên Chú cho kinh Phật dù đại thể sâu xa, hay đẹp, bóng bẩy, trong ấy vẫn có khá nhiều chỗ không thích hợp cho lắm. Câu “chẳng che giấu tỳ vết” chính là nói về điều này vậy, vì với học vấn, kiến địa của các hạ mà sao cũng chẳng thấy được chỗ này?

Ấy là vì Phật pháp là pháp siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Trong ấy, dù văn hay nghĩa, dù sự hay lý, có những điều giống với thế gian, có thể dùng thường tình để suy lường; có những điều chẳng giống với thế gian, chẳng thể dùng thường tình để suy lường được. Cố nhiên Ấn Quang ngu si khôn ví, xuất

⁷⁹ Lệ trạch là chữ trích từ phần Tượng Truyện giải thích quẻ Đoài trong kinh Dịch: “*Lệ trạch, Đoài, quân tử dĩ bằng hữu giảng tập.*” Sách Chu Dịch Chánh Nghĩa giảng: “Lệ trạch Đoài: Lệ có nghĩa là tiếp nối với nhau, giống như hai cái đầm thông với nhau, hết sức tràn trề đầy ắp cho nên mới nói ‘Lệ trạch, Đoài’ (hai cái đầm thông với nhau, đó là ý nghĩa được biểu trưng bởi quẻ Đoài). ‘Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập’: đồng môn là bằng, đồng chí là hữu. Bằng hữu cùng tụ lại một chỗ, giảng giải, nghiên cứu đạo nghĩa, vui vẻ tốt bậc, không gì hơn được nữa.” Do vậy, chữ lệ trạch thường được dùng với ý nghĩa bạn bè cùng chí hướng tha thiết bảo ban nhắc nhở lẫn nhau.

⁸⁰ Nói gọn của chữ *kim thành thang trì* (tức hào sâu như ao nước sôi, thành vững chắc như sắt), ở đây được dùng với ý ca ngợi người bảo vệ đạo pháp.

gia hơn 30 năm mà chẳng dám số giải kinh điển một chữ, một câu nào, vì chính mình chưa minh tâm, đâu thể nào khế hợp Phật ý. Cổ nhân chú giải kinh, có vị mười năm hay tám năm chú giải một bộ, có vị suốt đời chỉ chú giải một bộ. Còn như các vị Thiên Thai, Hiền Thủ, Vĩnh Minh, Ngẫu Ích v.v. thật sự là những vị đã chứng pháp thân từ lâu, nương theo thệ nguyện hoàng pháp [mà thị hiện giảng sanh], chớ nên đem bọn phàm tục thường nhân sánh với các ngài.

Các hạ nghiên cứu kinh Phật, chưa đầy vài ba năm liền có thể thấu đạt tận cùng chỗ sâu xa, huyền áo như thế. Nếu dùng công phu mười mấy năm thì đối với mỗi một chữ trong bản chú giải ấy Ấn Quang sẽ lay một lay để báo ân hoàng kinh, mong cho [bản chú giải ấy] được vĩnh viễn lưu truyền. Nay ông đã làm lần coi Quang là người cùng chí hướng và là bạn tri kỷ, lại bảo Quang chỉ ra mỗi chỗ chưa thấy đến, nhưng Quang mắt gần như đã mù khi vừa sanh ra, chẳng thể đọc tường tận mỗi một điều được, chỉ đành nêu đại lược một hai chỗ đã thấy. Nhưng lòng ngu trung chẳng giúp được gì, lời cuồng nhảm tai, chỉ có thể giúp đỡ vật vãnh cho việc nghiên cứu, bàn bạc, chưa thể coi là lời bàn luận đích xác quyết định bắt buộc phải noi theo. Xin hãy rủ lòng rộng lượng chỉ bảo cho những chỗ sai thì may mắn lắm thay!

Đức Như Lai giảng sanh vào thời nào thì có nhiều thuyết khác nhau, tuy mỗi thuyết đều hợp lý, nhưng xét đến cùng, chẳng thuyết nào thích đáng bằng thuyết nói đức Phật giảng sanh vào năm 24 đời Chu Chiêu Vương (971 trước Công Nguyên). Bởi lẽ, khi hoàng đế triều Hán năm mộng [thấy người vàng, đem chuyện ấy hỏi ý quần thần], Thông Nhân Phó Nghị, Bác sĩ⁸¹ Vương Tôn đã dùng thuyết này để tâu trình, lại còn dẫn sách Chu Thư Dị Ký để làm chứng⁸². Nay Chu Thư

⁸¹ Bác sĩ là một chức quan đã xuất hiện từ thời Chiến Quốc, thường được phong cho những người thông thạo một môn học văn nào đó, nhất là Kinh Học (ngành nghiên cứu về kinh điển). Quan Bác sĩ thường là người thông thạo cổ kim có nhiệm vụ quản thủ văn kiện, hồ sơ, biên soạn trước thuật, có khả năng dạy dỗ đào tạo nhân tài. Đời Tần, quan Bác sĩ chủ quản mọi sử liệu của đất nước. Đến đời Hán Vũ Đế, do tôn sùng Nho Học còn đặt ra chức Ngũ kinh Bác sĩ nhằm nghiên cứu và giảng dạy năm kinh của Nho gia, vai trò quản thủ biên chép sử liệu được giao cho Thái sử. Đến đời Đường, người tinh thông một môn học nào đều được xưng tụng là Bác sĩ như Y học Bác sĩ, Toán học Bác sĩ (toán ở đây là bói toán, chứ không có nghĩa là toán học) v.v.. Đến đời Tống, danh hiệu này mất hẳn tính chất cao quý và chức quan này không còn tồn tại nữa; không hiểu sao dân gian bắt đầu gọi những người phục vụ là Bác sĩ, chẳng hạn những anh bồi rót trà trong quán cơm, quán trà được gọi là *trà bác sĩ*. Thời hiện đại, chữ Bác sĩ dùng để dịch nghĩa học vị tiến sĩ (doctor), còn bác sĩ chữa bệnh được gọi là y sinh.

⁸² Theo bộ Tục Tập Cổ Kim Phật Đạo Luận của ngài Trí Thắng soạn vào đời Đường, câu chuyện này được chép như sau: “Theo Hán Pháp Bản Nội Truyện, vào niên hiệu Vĩnh Bình đời Hán Minh Đế, đêm vua nằm mộng thấy người vàng cao một trượng sáu, quang minh sáng lạ lùng, sắc tướng khôn sánh. Minh Đế ngủ không yên giấc, đến sáng hội họp đông đảo quần thần để đoán điềm mộng. Thông Nhân Phó Nghị tâu rằng: ‘Thần nghe nói ở Tây Vực có vị thần hiệu là Phật, ắt bệ hạ nằm mộng thấy vị ấy’. Quốc Tử Bác sĩ Vương Tuấn cung kính thưa: ‘Thần xét thấy Chu Thư Dị Ký chép: Thời Chu Chiêu Vương có thánh nhân xuất hiện nơi phương Tây’. Thái sử Tô Do tâu: ‘Sách ấy chép rằng một ngàn năm sau, thanh giáo sẽ lan truyền đến đất này, ắt là bệ hạ mộng thấy vị thần ấy’. Minh Đế tin những lời tâu

Dị Ký không còn thấy nữa, nhưng cuộc vấn đáp nơi sân châu nhà Hán quyết chẳng phải là bịa đặt. Huống chi trước thuật Thiên - Giáo các đời phần nhiều đều lấy thuyết này làm chuẩn, quyết chẳng nên bỏ qua ý kiến đã được mọi người tuân theo để tự lập nghĩa mới, gây thêm nghi ngờ cho người thiếu học thức đời sau. Dẫu có một hai bộ sách nói theo kiểu này, nhưng đây là vì tác giả sẵn chí bảo vệ đạo pháp nhưng chưa đọc rộng rãi các sách vở, cho rằng năm Trang Công thứ bảy⁸³, hằng tinh⁸⁴ chẳng hiện, ban đêm mà trời sáng như ban ngày, nếu không phải đức Phật xuất thế thì ứng với chuyện nào nữa đây? Chẳng biết bậc phi thường đản sanh và pháp phi thường được lưu truyền, đều có những tướng lành phi thường, há phải chỉ mình đức Như Lai mới có, còn các vị Pháp thân đại sĩ thị hiện thì hoàn toàn không có [những tướng lành ấy] ư?

Sách Thiên chép khi ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng⁸⁵ sanh ra, khí trắng ngút trời, quan Thái sử tâu lên vua rằng đây chính là điềm lành, còn những chuyện chẳng được lưu truyền trong sách vở chẳng biết là bao nhiêu? Nếu cứ định là năm thứ chín đời Trang Vương thì những người đời sau các hạ đọc kỹ những sách vở trong nhà Phật sẽ thấy niên đại trước sau đều chẳng thể luận cho suôn được. Vì sao vậy? Do Phật sanh sau mà đệ tử Phật và các di tích, sự thật về Phật đã có trước. Đã chẳng chịu nói là Phật sanh vào thời trước đó mà lại chẳng thể đẩy các sự ấy ra sau; nếu lặng thinh không bàn đến thì thôi, hễ bàn đến sẽ trở thành tự mâu thuẫn. Huống chi trong lời tựa dùng năm thứ 26 đời Chu Chiêu Vương để chú thích (có người nói năm Giáp Dần là năm thứ 26 đời Chu Chiêu Vương,

ấy là đúng, bèn sai Trung lang Thái Âm, Trung lang tướng Tần Cảnh, Bác sĩ Vương Tuân v.v. mười tám người đi tìm hỏi Phật pháp. Bọn họ đến Thiên Trúc gặp được hai vị sa-môn Ca-diếp Ma-đăng và Trúc Pháp Lan, bọn Tần Cảnh bèn cầu thỉnh. Hai vị Ma-đăng là bậc trí tuệ thông suốt, chẳng nề hà nhọc nhằn, liền cùng với nhóm Tần Cảnh vượt qua Lưu Sa, đến Lạc Dương.”

⁸³ Trang Công: Ở đây, chúng tôi ngờ rằng nguyên bản ghi sai chữ này, vì trong phần sau đều ghi là Trang Vương. Thời ấy, có rất nhiều vị vua chư hầu có hiệu là Trang Công, nên Trang Công ở đây không rõ là vị nào. Hơn nữa, để đối ứng với Chu Chiêu Vương ở câu trên thì phải nói đến niên đại của một vị hoàng đế khác của nhà Chu. Do vậy, chúng tôi tin rằng đời vua được nói ở đây phải là Chu Trang Vương. Chu Trang Vương làm vua từ năm 697 đến năm 682 trước Công Nguyên. Như vậy, năm Chu Trang Vương thứ bảy là năm 690 trước Công Nguyên.

⁸⁴ Hằng tinh (star) gồm những thiên thể có hình cầu hoặc gần như hình cầu có mật độ vật chất rất cao, chứa toàn những nhiên liệu đang bốc cháy tạo thành, hằng tinh gần quả đất nhất chính là mặt trời. Hằng tinh khác với hành tinh (planet). Hành tinh là những thiên thể xoay quanh một hằng tinh và hành tinh không có khả năng tự phát ra ánh sáng, chẳng hạn như Thủy Tinh, Kim Tinh, Hỏa Tinh v.v. là hành tinh.

⁸⁵ Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744), cao tăng đời Đường, người xứ An Khang, Kim Châu (nay là huyện Hán Âm, tỉnh Thiểm Tây), thường được gọi là thiền sư Đại Huệ. Sư xuất gia năm 15 tuổi, chuyên nghiên cứu Luật tông, sau tham học với Lục tổ Huệ Năng, trở thành cao túc của Lục tổ, ở lại hầu thầy suốt mười lăm năm. Sau khi Lục tổ thị tịch mới sang chùa Bát-nhã thuộc Nam Nhạc (Hồ Nam) để hoằng dương thiền học của Huệ Năng vào năm Thiên Thiên thứ hai (713) đời Đường Huyền Tông. Đệ tử sư là Mã Tổ Đạo Nhất cũng là một vị cao tăng nổi tiếng thời ấy. Từ dòng thiền này, về sau đã phát sanh các dòng thiền Lâm Tế, Quy Ngưỡng... và các vị cao tăng nổi tiếng như Phổ Hóa, Hoàng Bá...

nhưng đa số cho là năm thứ 24), trong kinh lại dùng năm thứ 9 đời Trang Vương⁸⁶ để chú thích. Cùng là trước tác của một người, sao lại lập luận ngoắt ngoéo như thế, thật tạo trở ngại lớn cho kẻ sơ cơ. Cố nhiên, do các hạ vô ngã, sẵn chí lợi người nên tôi không thể không tận hết một chút ngu thành. Tiếc rằng Quang không có tánh đa văn nên chẳng thể viện dẫn sách vở để chứng minh, thật quá thiếu sót.

Đối với câu “[Đề ra về ta đây] là một vị cư sĩ thông hiểu kinh điển, người chú giải ưa dùng mảnh khóe viết sao cho câu văn phức tạp, bóng bẩy” và hai câu kế tiếp đó trong lời tựa của pháp sư Đế Nhân dành cho bản Di-đà Kinh Tiên Chú, những điều được nói [trong phần chú thích của các hạ] không được ổn thỏa, sát sao cho lắm. Trong lời chú thích, các hạ đã dẫn lời Kỷ Đại Khuê: *“Kinh Hoa Nghiêm danh nghĩa hết sức phức tạp, nhưng quả thật đầu mối rành mạch, chỉ nên căn cứ theo danh sắc của nguyên bản mà lãnh hội. Ngài Thanh Lương thêm vào*

⁸⁶ Không rõ ở đây là do bản in Ấn Quang Văn Sao Tam Biên của Báo Ân Niệm Phật Đường ở Cổ Tấn in sai hay sách Tiên Chú ghi sai. Theo đoạn trên, có thuyết cho rằng đức Phật phải giảng sanh vào năm Chu Trang Vương thứ bảy là vì dựa trên sự kiện “hằng tinh chẳng hiện, đêm sáng như ban ngày”. Không hiểu sao trong câu này lại ghi là “năm Trang Vương thứ chín”. Do không có bản Di-đà Tiên Chú trong tay để đối chiếu, chúng tôi xin ghi lại điều này như một điểm tồn nghi.

những danh sắc “hàng bố, viên dung⁸⁷, tứ pháp giới⁸⁸, thập huyền⁸⁹ v.v.” để bày vẽ, chồng đệm, dựng nhà v.v., thật khiến cho người ta kinh hãi khôn ngằn!” Chẳng

⁸⁷ Hàng bố nói đầy đủ là *thứ đệ hàng bố môn*. Hàng là hàng liệt (để theo từng dãy), bố là bố trí (xếp đặt). Đây là một thuật ngữ nhằm diễn tả từng giai đoạn địa vị tu tập của Bồ-tát từ lúc sơ phát tâm cho đến khi chứng được Phật quả. Hàng bố đối lập với viên dung. Theo ngài Thanh Lương, từ địa vị Bồ-tát tiến đến Phật quả gồm hai môn:

1. Sơ hậu tương tức (đầu tiên và sau rốt không sai, không khác): Nghĩa là lúc mới phát tâm thì đã thành Chánh giác (đây là nói trên mặt lý, giống như lý tức Phật trong tông Thiên Thai). Đó gọi là viên dung môn.

2. Sơ hậu thứ đệ (đầu tiên và sau rốt theo thứ tự): Tức là năm mươi hai địa vị tu chứng từ Thập tín, Thập trụ... cho đến địa vị Đẳng giác (Thập tín chưa được kể là Pháp thân đại sĩ, nên thường nói là 41 địa vị Pháp thân đại sĩ, tức là những địa vị từ Thập trụ cho đến Đẳng giác Bồ-tát). Phải theo thứ tự mà lần lượt tấn tu nên gọi là hàng bố môn.

⁸⁸ Tứ pháp giới chính là vũ trụ quan của tông Hoa Nghiêm: Toàn thể vũ trụ quy về nhất tâm. Nếu quan sát từ trên hiện tượng và bản thể thì có thể chia thành bốn tầng lớp:

1. Sự pháp giới: Tức hiện tượng giới sai biệt. Sự có nghĩa là sự tướng, giới có nghĩa là phân biệt, hạn định. Toàn thể các sự vật trong vũ trụ đều do nhân duyên sanh, đều có giới hạn riêng biệt cho từng loại, thế tục thường tưởng lầm đó là bản tánh đặc trưng của từng loại, rồi khởi lên ý niệm phân biệt đối với từng đối tượng, nên dựa vào tánh chất đặc trưng của từng đối tượng để nhận biết sự vật. Đây gọi là “tình kê cảnh” (cảnh do phân biệt, tình cảm, so đo mà có).

2. Lý pháp giới: Tức bản thể giới bình đẳng. Lý là lý tánh. Bản thể của hết thảy vạn vật trong vũ trụ là chân như, bình đẳng không sai biệt.

3. Sự lý vô ngại pháp giới: Hiện tượng giới và bản thể giới cùng mang quan hệ “cùng là một thể, chẳng hai, chẳng khác”. Nói cách khác, bản thể không có tự tánh, nhờ vào sự mà hiển lộ (thường nói là “chân như lý thể tùy duyên biến hiện”, hoặc “lý do sự hiển”), dựa vào sự mà nhận biết được lý (thường nói “sự do lý thành”), do đây mà tỏ lộ trọn pháp giới sự lý viên dung vô ngại.

4. Sự sự vô ngại pháp giới: Bản thân hiện tượng giới là tuyệt đối chẳng thể nghĩ bàn, nghĩa là hết thảy các pháp đều có thể, có dụng; tuy mỗi pháp do nhân duyên mà sanh khởi, nhưng mỗi pháp vẫn giữ tự tánh của nó. Thoạt nhìn, mỗi sự tách biệt nhau, nhưng không một duyên nào chẳng phải do nhiều duyên hợp thành, mà một duyên cũng giúp cho khắp các duyên khác được thành tựu. Vì thế, lực dụng của chúng chồng chéo lẫn nhau, kinh thường diễn tả bằng thuật ngữ “trùng trùng duyên khởi”.

⁸⁹ Thập Huyền: Còn gọi là Thập Huyền Duyên Khởi, Nhất Thừa Thập Huyền Môn, gọi đủ là Thập Huyền Duyên Khởi Vô Ngại Pháp Môn. Mười môn này được lập ra nhằm biểu thị tướng trạng của sự sự vô ngại pháp giới. Tông Hoa Nghiêm cho rằng “thông hiểu những nghĩa này sẽ thâm nhập được biển huyền diệu của đại kinh Hoa Nghiêm”. Thập Huyền Môn gồm:

1. Đồng thời cụ túc tương ứng môn (đồng thời đầy đủ tương ứng): Hết thảy hiện tượng cùng một lúc tương ứng, cùng lúc viên mãn trọn vẹn. Một với nhiều đều cùng một thể, không phân biệt trước sau. Để dễ hiểu ý này, các nhà chú giải thường dùng ví dụ sau: Nước chỉ là một, ý muốn của chúng sanh là nhiều pháp, cùng một dòng nước mà có thể đáp ứng đầy đủ các ý muốn khác nhau của người dùng như uống, giặt, tắm, rửa, bơi lội v.v.. Tất cả những hành động ấy đều có thể xảy ra cùng một lúc nhưng nước vẫn đáp ứng trọn vẹn mà các hành động ấy cũng không trở ngại nhau.

2. Quảng hiệp tự tại vô ngại môn (rộng hẹp tự tại vô ngại): Đem đối lập không gian rộng và hẹp với nhau thì dường như mâu thuẫn, nhưng từ chỗ đối lập mâu thuẫn ấy lại có thể nhận biết chỗ chúng dung nhập nhau. Chẳng hạn như tấm gương có thể thu nhận hình ảnh của muôn trùng sông núi. Muôn trùng sông núi bao la hiện trong tấm gương nhưng chẳng ngăn trở nhau, chẳng chồng chất lên nhau, vẫn giữ nguyên hình dáng.

3. Nhất đa tương tức tự tại môn (một chính là nhiều, nhiều chính là một): Như ngàn ngọn đèn cùng thấp, ánh sáng hòa lẫn vào nhau, soi rọi lẫn nhau.

4. Chư pháp tương tức tự tại môn (các pháp chính là lẫn nhau vô ngại): Một và hết thảy đều do cùng một thể mà ra, dung nhiếp lẫn nhau vô ngại. Một ví dụ rất dễ thấy là nước và sóng; sóng do nhiều hạt nước hợp thành, sóng lặng lại trở thành nước, nước động lại biến thành sóng. Hoặc mây do các hạt nước bốc hơi hợp thành, mây chính là nước, nước biến thành mây.

ngờ kiến địa như cư sĩ Hoàng⁹⁰ và các hạ mà lại dẫn những câu ấy để chú thích lời tựa của pháp sư Đế Nhân, khiến cho người thông hiểu đều kinh hải, lạ lùng, lại còn khơi gợi cho người đời sau đua nhau chê trách cổ nhân⁹¹. Mỗi tề ấy thật chẳng nông cạn đâu! Vì thế, chẳng thể không nói, chẳng nỡ không nói.

Trộm nghĩ, đối với các pháp do đức Phật đã nói, nhằm thích hợp cho chín pháp giới, những nhà chú giải đời sau ai nấy tùy theo căn cơ của từng loại mà lập ngôn nhằm làm lợi cho kẻ sơ cơ. Nếu không chú thích cặn kẽ, giải thích ý nghĩa từ ngữ, ý nghĩa lời văn thì sẽ không thể được. Muốn làm lợi cho hạng căn cơ lớn lao mà chẳng giảng giải ý nghĩa lớn lao để họ thấu hiểu ý Phật thì không thể được. Hai vị đại sư (Thiên Thai Trí Giả và Thanh Lương Trùng Quán) mỗi vị đều có chủ ý, chứ không phải là hai vị đều có chỗ đúng, chỗ sai. Vì thế, ngài Thiên Thai giải thích kinh, dùng nhân, duyên để phán giáo, phân biệt bốn, tích, quán tâm sai khác; đây là vì ý nghĩa kinh sâu thăm thẳm, chẳng thể dùng một văn một nghĩa

5. Ẩn mật hiển liễu câu thành môn (ẩn mật và hiển hiện đều cùng thành tựu): Trong ẩn có hiển, trong hiển có ẩn, giống như mặt trăng về bản thể không thay đổi, nhưng có lúc trăng sáng hay trăng mờ là do bị mây che hay không. Mây che thì trăng mờ nhưng tánh sáng vẫn không mất, tức là trăng sáng và trăng mờ vẫn cùng một thể.

6. Vi tế tương dung an lập môn (các thứ nhỏ nhiệm chứa đựng lẫn nhau, cùng tồn tại): Đối với mỗi một hiện tượng, dùng cái nhỏ đem cái nhỏ bỏ vào cái lớn hay ngược lại mà mọi vật vẫn không hư hoại tướng trạng của nó. Kinh Hoa Nghiêm đã diễn tả điều này bằng hình ảnh: Thiện Tài đồng tử đi vào khắp các lỗ chân lông trên thân Phổ Hiền Bồ-tát, thấy trong mỗi lỗ chân lông có vô lượng vô biên vi trần Phật quốc độ, trong quốc độ có vi trần số đức Phổ Hiền, Thiện Tài lại đi vào lỗ chân lông của mỗi vi Phổ Hiền ấy, lại thấy trong ấy có vô lượng vô biên vi trần số Phật quốc độ, cứ thế cho đến trùng trùng vô tận. Hoặc nói trong mỗi đầu sợi lông có đủ vi trần số quốc độ, có đủ cả chư Phật ba đời v.v..

7. Nhân đà la võng pháp giới môn: Dùng hình ảnh cái lưới kết bằng ngàn viên châu của Đế Thích để diễn tả khái niệm này: Mỗi viên châu chiếu rọi bóng của 999 viên châu kia, mà 999 viên châu kia mỗi viên đều dung chứa hình ảnh của viên châu này! Lớn vào trong nhỏ, nhỏ vào trong lớn chẳng loạn, chẳng hoại một tướng nào. Kinh Hoa Nghiêm thường diễn tả bằng ví dụ: Bồ-tát bứt lấy một cồi quăng đi vi trần số cồi Phật nhưng chúng sanh trong cồi ấy vẫn không biết không hay; hoặc đem tam thiên thế giới bỏ vào một vi trần, thế giới ấy không chật hẹp không biến dạng, hoặc dùng một cây lông che khắp mười phương vi trần số cồi Phật...

8. Thác sự hiển pháp sanh giải môn (nhờ vào sự để hiển lộ pháp khiến cho người học lãnh hội): Lý thâm diệu có thể nhờ vào sự gần gũi tầm thường để hiển lộ; nhưng sự vật được mượn để hiển lý và lý được hiển ấy không hai, không khác. Chẳng hạn nhìn lá rơi, hoa tàn mà ngộ lẽ sanh diệt hoặc *thập nhị nhân duyên*; hoặc chúng sanh cồi Cực Lạc nhìn vào cây bồ-đề sẽ liền chứng ba thứ vô sanh nhẫn.

9. Thập thế cách pháp dị thành môn (mười đời khác biệt nhưng đều cùng thành tựu): quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ba đời ấy mỗi đời đều chia thành ba đời nữa, ba lần ba thành chín, chín đời ấy cũng chỉ trong một niệm nên gọi là thập thế (mười đời). Mười đời ấy tuy gián cách về thời gian, nhưng đều dung nhập lẫn nhau không xen hở.

10. Chủ bản viên minh cụ đức môn (chủ bản viên đều cùng đầy đủ phẩm đức tròn sáng): Các hiện tượng duyên khởi tương quan, lấy một pháp làm chủ thì hết thảy các pháp còn lại là bạn, lần lượt làm chủ, làm bạn không xen hở.

⁹⁰ Tức ông Hoàng Hàm Chi, pháp danh là Trí Hải.

⁹¹ Pháp sư Đế Nhân chê những kẻ chú giải kinh điển trong thời ấy do thiếu thực học thường tỏ vẻ thông thái bằng cách viết câu kỳ bí hiểm khiến người đọc sa vào mê lộ, với dụng ý khen ngợi bản tiên chú của ông Đinh Phước Bảo gãy gọn, đơn giản, dễ hiểu, thiết thực. Nhưng ông Đinh Phước Bảo lại dẫn lời ông Kỷ Đại Khuê chê bai tổ Thanh Lương khiến cho lời khen của pháp sư Đế Nhân bị phản tác dụng.

để nói trọn hết được. Nếu chỉ chấp nhận dựa theo ý nghĩa của từ ngữ, ý nghĩa của kinh văn để giải thích kinh thì những văn nhân biết chữ đọc sách trong cả thế gian đều đạo cao như ngài Thanh Lương, tâm khế hợp Phật tâm; mà ngược lại, ngài Thanh Lương là tội nhân phá hoại Hoa Nghiêm bậc nhất. Có lẽ ấy hay chăng? Quân tử do một lời mà được coi là trí, do một lời mà bị coi là bất trí, há chẳng nên cẩn thận ư?

Nếu chỉ y theo ý nghĩa kinh văn [để giải thích kinh điển] thì câu nói “đức Như Lai vì ta diễn nói pháp môn Phổ Nhãn. Giả sử dùng mực có số lượng bằng biển cả, dùng bút chất đồng cao to như núi Tu-di để viết một môn trong một phẩm, một pháp trong một môn, một nghĩa trong một pháp, một câu trong một nghĩa của pháp môn này vẫn chẳng viết được chút phần, huống là có thể tận hết” của tỳ-kheo Hải Vân trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm sẽ trở thành lời nói dối, tự phá hoại kinh Hoa Nghiêm; các vị tôn túc thuộc tông Thiên Thai và Hiền Thủ đều là tội nhân trong Phật môn hết! Làm sao có thể dẫn lời ông Kỳ Đại Khuê để làm chứng cho được? Xét tới bản tâm thì ông Kỳ Đại Khuê cũng không phải là cố ý bài xích, nhưng ông ta phạm lỗi dùng tri kiến văn tự thế gian để luận định đại pháp xuất thế gian chẳng thể nghĩ bàn. Nguyên do là vì chưa thân cận bậc tri thức sáng mắt đến nỗi hoảng pháp lại trở thành báng pháp vậy!

Tiếp đến, bàn về A-di-đà Kinh Tiên Chú, mới đọc đoạn đầu, “*tinh (星) chính là tam thiên đại thiên thế giới*”, khôn ngoan kinh dị! Lại đọc tiếp phần chú giải câu “*quá thập vạn ức Phật độ*” và lời chú giải câu “*tam thiên đại thiên thế giới*” lại khôn ngoan kinh dị! Sao các hạ đã biết thật sự, thật lý, mà lại nêu ra những thuyết không tra cứu từ đâu được ấy? Mong rằng trong lần xuất bản kế tiếp của cuốn A-di-đà Kinh Tiên Chú, hãy gạt bỏ hoàn toàn câu ấy ra khỏi đoạn thứ nhất của phần Táp Ký. Nếu không, hãy sửa đổi đoạn văn “*tinh (các ngôi sao) chính là tam thiên đại thiên thế giới*” sao cho phù hợp với phần chú giải ở phần sau thì sẽ có ích, không bị tổn hại. Tướng lưỡi của đức Như Lai che mặt đến tận mí tóc chính là tướng lưỡi thông thường của đức Phật vốn được nói đến trong Tam tạng. Nếu nhằm đoạn nghi cho chúng sanh căn cơ nhỏ nhoi trong tam giới, đức Như Lai bèn hiện tướng lưỡi này để biểu thị đức Phật chẳng hề nói dối. “Che khắp tam thiên đại thiên thế giới” cũng có thể hiểu là nói ví dụ; nhưng nếu bảo hoàn toàn chẳng có chuyện ấy thì những nhà chú giải từ trước đến nay đều là hiểu biết ngốc nghếch hết cả hay sao?

Do kiến giải phàm tục, ông Diệp Tích Phụng đọc sách này khen ngợi khôn cùng, nhưng những vị thông đạt xem đến ắt sẽ đau tiếc than thở, nói các hạ do tầm lòng cực lực hoảng dương kinh điển, rốt cuộc trở thành những lời báng Phật,

báng pháp, báng tăng. Diệp Tích Phụng là một gã Nho sinh đối với huyết mạch ngữ ý của kinh văn vẫn chưa hiểu rõ nên buông tuồng không kiêng sợ, cho là “những nhà chú giải kinh này thời cổ đều bịa đặt chẳng tuân theo lẽ thường, vô lý đến cùng cực, thật đáng khiến cho người ta phải cười ồ!” Ông ta nói lời ấy cũng là lấy tri kiến phàm phu để suy lường cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, do hoàn toàn chưa hiểu rõ kinh văn mà ra.

Nay tôi chẳng nề hà phiên toái để giải thích đại lược: Tam thiên đại thiên thế giới là cõi nước ngự trị của một đức Phật. Đang trong khi đức Thích-ca Như Lai giảng về những chuyện “y báo, chánh báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, quang minh thọ lượng của Phật Di-đà, chúng sanh trì danh liền được tiếp dẫn v.v.”. Ở phương Đông có hằng hà sa tam thiên đại thiên thế giới. Trong một thế giới có vị Phật tên là A-súc-bệ, một vị Phật trong thế giới khác tên là Tu-di Tướng, cho đến một thế giới khác nữa có Phật hiệu là Diệu Âm. Trong số những vị Phật ở hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới nơi phương Đông, chỉ nêu đại lược năm vị. Tiếp đó dùng từ ngữ “như thị đẳng” (giống như vậy) để nêu toàn thể [hồng danh những vị Phật ấy] một cách giản lược. Hằng hà sa số các đức Phật, mỗi vị đều tự ở trong tam thiên đại thiên thế giới do chính mình làm chủ, nghe đức Thích-ca nói bài kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm (khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn được hết thấy chư Phật hộ niệm) này, muốn cho đại chúng trong pháp hội sanh lòng tin, phát nguyện tu trì, nên mỗi vị đều ở tại cõi mình hiện đại thân thông, hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin tưởng bản kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm do đức Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói này.” Năm phương kế tiếp đó đều giống như thế, còn bản dịch đời Đường thì ghi là mười phương, bất quá nói rộng điều được thuật đại lược trong bản kinh này; chứ thật ra bản dịch đời Tần chẳng giảm, bản dịch đời Đường không tăng.

Họ Diệp chẳng biết mỗi vị Phật có cõi nước riêng nên cho rằng “những phương Đông, Tây... của thế giới này ở mỗi phương đều có hằng hà sa số Phật”, rồi lo các ngài va chạm nhau, nhiều loạn sông núi khiến nhân dân không có chỗ để dung thân, và lo lưỡi của chư Phật va đụng nhau không có chỗ để đặt lưỡi, thật đáng khiến cho người khác cười rộ! Nhưng ông ta vẫn dương dương tự đắc nói: “Ta bù đắp chỗ thiếu sót của kinh, sửa đổi cho đúng chỗ sai ngoa của tăng chúng. Ba kinh Tịnh độ từ nay mới có thể không còn chỗ nào đáng tiếc nuôi!”

Ba ngàn đức Phật ba đời⁹² trong thế giới Sa-bà mỗi vị đều có thời gian xuất hiện riêng biệt, trước sau chẳng loạn. Một đức Phật ra đời, hết thầy chư Phật nếu muốn giúp vị ấy hoằng tuyên pháp hóa, đều chẳng được hiện thân Phật. Vì thế Quán Âm, Văn-thù v.v. đều ẩn đức thập lực⁹³, hiện thân Bồ-tát, giống hệt như một bầu trời không có hai mặt trời, dân không có hai vua, đầu mỗi pháp đạo được quy về một mối. Họ Diệt chẳng biết nghĩa này mà các hạ vẫn bị ông ta mê hoặc thì những người bị ông ta mê hoặc sẽ nhiều lắm, nhiều đến hằng hà sa số. Tiếc thay!

Phân Táp Ký, nơi hàng thứ nhất trong trang thứ hai, hai chữ “tính cầu” nên bỏ đi. Trang 15, câu “phi thị toán số chi sở năng tri” (chẳng thể tính toán mà biết được số) (*lời chú giải ghi: nhiều đến nỗi không kể xiết*), ý nghĩa tuy rõ ràng nhưng chưa giảng rõ ý nghĩa của chữ “toán số”. Toán số (算數) là “toán kế chi số” (con số do tính toán mà có), tức là những con số một, mười, trăm, ngàn, vạn, ức, triệu, kinh, tỷ, cai, nhượng, câu, giản, chánh, tải⁹⁴ ở phương này. Trong kinh Phật thì như trong phẩm A-tăng-kỳ của kinh Hoa Nghiêm đã nói tới 140 con số, “vô lượng, vô biên” cũng nằm trong số ấy. Vì thế ngài Ngẫu Ích nói: “A-tăng-kỳ, vô lượng,

⁹² Theo kinh Tam Kiếp Tam Thiên Phật Danh, trong thế giới Sa-bà, trong kiếp Đại Trang Nghiêm (quá khứ), kiếp Hiền (hiện tại) và kiếp Tinh Tú, mỗi kiếp có một ngàn đức Phật ra đời. Hiện nay là kiếp Hiền.

⁹³ Thập lực (daśa balāni), gọi đủ là thập chủng trí lực, còn gọi là thập thần lực, tức là mười món trong mười tám pháp bất cộng của Phật (gọi là bất cộng vì chỉ chư Phật mới có, ngay cả hàng Đăng giác Bồ-tát cũng không có những lực này) gồm:

1. Xứ phi xứ trí lực: Xứ có nghĩa là đạo lý, tức là Như Lai đối với nhân duyên, quả báo đều biết rõ tường tận, chẳng hạn như thiện sẽ được hưởng thiện báo ra sao. Đây là “tri thị xứ” (biết chỗ đúng). Nếu làm ác mà lại hưởng lạc báo thì không thể nào như vậy được, đây gọi là “tri phi xứ” (biết chỗ đúng). Mọi điều như vậy đều cùng biết rõ.

2. Di nghiệp thực trí lực (tri nghiệp báo trí lực): Như Lai biết tường tận nghiệp duyên, quả báo, chỗ sẽ sanh về của hết thầy các chúng sanh trong quá khứ, hiện tại, vị lai.

3. Tịnh lự giải thoát đẳng tri đẳng chí trí lực: Như Lai tự tại vô ngại nơi các thiên định, thứ tự sâu cạn của các món thiên định không gì chẳng biết rõ.

4. Căn thượng hạ trí lực (hay *tri chúng sanh thượng hạ căn trí lực*): Đức Như Lai biết rõ ràng rẽ căn tánh chúng sanh là lợi căn hay hạ căn, đắc quả lớn hay nhỏ.

5. Chúng chủng thắng giải trí lực: Đức Như Lai biết chúng sanh đủ mọi ưa muốn, thiện ác khác nhau, thấy biết trọn khắp đúng như thực.

6. Chúng chủng giới trí lực: Đức Như Lai đúng như thực biết trọn khắp đủ mọi phạm vi giới hạn của các chúng sanh giới.

7. Biên thú hành trí lực: Trong lục đạo hữu lậu, đức Như Lai biết tường tận những kẻ đi trong hữu lậu lục đạo sẽ về đâu, biết người đi trong Niết-bàn vô lậu sẽ về đâu.

8. Túc trụ tùy niệm trí lực: Đức Như Lai biết túc mạng của hết thầy chúng sanh trong vô lượng vô biên kiếp.

9. Sanh tử trí lực: Do thiên nhãn đức Như Lai biết rõ đúng sự thực lúc chết, lúc sống của chúng sanh cũng như các nghiệp chướng, quả báo trong những kiếp số ấy.

10. Lậu tận trí lực: Đức Như Lai vĩnh viễn trừ sạch các lậu, tập khí, đúng như thực biến trọn khắp các lậu, các tập khí của chúng sanh.

⁹⁴ Đây là tên những con số theo lối đếm thời cổ, do không có chữ tương đương nên chúng tôi chỉ phiên âm tên gọi, chúng được liệt kê theo nguyên tắc số sau lớn gấp mười lần số trước.

vô biên đều là danh xưng của các con số, quả thật là vô lượng của hữu lượng. Do đã là tên gọi của các con số nên là hữu lượng (có hạn lượng), nhưng trong kinh quả thật nêu chung chung số lượng nhiều không thể kể xiết nên đây chính là vô lượng của vô lượng⁹⁵.”

Trong cuốn Quán Thế Âm Kinh Tiên Chú, dưới câu “nhĩ thời Vô Tận Ý Bồ-tát” (lúc ấy, Vô Tận Ý Bồ-tát) nên thêm lời chú giải rằng: “Nhĩ (爾) là lúc này, lúc ấy. ‘Nhĩ thời’ là lúc đã nói xong phẩm Diệu Âm Bồ-tát.” Hàng thứ 18 nơi trang 16 (hàng thứ hai chữ nhỏ), chữ xúc (觸) bị viết sai thành thương (觴).

Phân Tạng Ký trong Tâm Kinh Tiên Chú, nơi trang thứ hai, các hàng 11, 12, 13, 14, “*bản Tâm Kinh được khắc trên đá thời Thanh Cao Tông (Càn Long), câu chú không giống*”. Câu chú khác nhau là do năm đầu đời Cao Tông, Lạt-ma Chương Gia⁹⁶ đem các bài chú trong Đại tạng kinh dịch ra theo cách tụng niệm thông dụng của các Lạt-ma Mông Cổ, đặt tên là Mãn Mông Phiên Hán Hợp Bích Đại Tạng Toàn Chú. Chữ Mãn, chữ Mông Cổ, chữ Phiên⁹⁷ chúng ta đều chẳng biết đọc, ngay cả chữ Hán tuy biết, nhưng có khi phải dùng hai chữ, ba chữ, bốn chữ để viết vào một chỗ⁹⁸. Nếu chẳng hướng đến người Mông Cổ và người Tây Tạng để học cách đọc sẽ chẳng thể đọc được, dầu đọc cũng không đúng cách. Nhưng từ đời Hán đến đời Tống hơn một ngàn năm, người dịch kinh nếu chẳng phải là bậc pháp thân thị hiện thì cũng là bậc trượng phu anh liệt siêu quần bạt tụy, há đều chẳng thông hiểu chú ngữ ư? Bất tất phải sanh tâm tôn sùng, coi trọng bản dịch của ngài Chương Gia, nghĩ là kỳ lạ, đặc biệt; đây chính là bỏ điều được

⁹⁵ Vô lượng của hữu lượng: Nghĩa là con số vô lượng ấy vẫn có thể tính đếm được, vì vô lượng là một trong 140 con số được kể trong phẩm A-tăng-kỳ, tuy rất lớn vẫn có thể tính được. Vô lượng của vô lượng nghĩa là một con số cực lớn, không hạn lượng, không cách nào tính đếm hình dung được.

⁹⁶ Vị Lạt-ma Chương Gia được nói ở đây là vị Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ đời thứ ba, có tên là Nhã Tất Cát Đa (1716-1786).

⁹⁷ Phiên là từ ngữ chỉ chung các sắc dân sống ở phía Tây Trung Hoa, nhưng ở đây được dùng để chỉ chữ Tây Tạng.

⁹⁸ Do chữ Phạn đa âm trong khi tiếng Hán đơn âm nên đôi khi phải dùng nhiều chữ Hán để mô phỏng âm đọc một chữ Phạn. Chẳng hạn trong bài chú Nhất Thiết Như Lai Toàn Thân Xả Lợi Bảo Khiếp Ân, để diễn tả cách đọc chữ Sdriya (âm Phạn chỉ có hai âm), bản tiếng Hán đã phải dùng đến bốn chữ “tát đát rị dã” và ghi chú nhỏ bên cạnh, “hợp tam”, tức là khi đọc phải dồn cả ba chữ đầu thành một chữ, đừng đọc tách rời ra). Do không có âm tương ứng, ngay cả cách đọc thần chú của người Tây Tạng cũng không diễn tả trung thành Phạn âm; ví dụ như họ đọc Vajra thành Ben-za. Người Mông Cổ hầu như không phát âm được âm h nên họ đọc *aum mani padme hum* thành *um ma ni pe me khun*. Tuy thế, tín tâm là quan trọng nhất, dầu chú đọc không đúng âm, nhưng hành nhân thọ trì với niềm tin mãnh liệt, giữ giới thanh tịnh sẽ được cảm ứng. Chúng tôi đã từng nghe một đạo hữu kể là vị ấy rất siêng trì chú Đại Bi, cũng đạt được một số cảm ứng. Sau này, khi đọc sách Mật tông bằng tiếng Anh, liền chuyển sang trì tụng theo đúng âm tiếng Phạn theo kiểu Latin hóa thì do tâm phân biệt sợ âm đọc sai sót, đã không còn nhiếp tâm được nữa. Khi trở lại trì chú Đại Bi theo cách phiên âm thông dụng theo tiếng Hán thì do tâm đã khởi lên phân biệt, cũng không hề được cảm ứng gì!

mọi vị thánh cùng cho là đúng để giữ lấy điều chỉ được một vị hiền nhân cho là đúng, há có nên chăng?

Kim Cang Kinh Tiên Chú, nơi trang thứ mười ba, trong hai dòng chín và mười: “Bốn câu kệ xưa nay nói không giống nhau.” Di-lặc là đáng Bồ xứ, dùng những câu như “không có ngã tướng” v.v. để đáp chính là đối bệnh cho thuốc, như trong nhà Thiền bất luận hỏi đến nghĩa nào đều chỉ về lẽ hướng thượng. Nếu nói ngài Di-lặc đã đáp trọn hết nghĩa lý của bốn câu kệ thì đây chính là tri kiến của kẻ đứng ngoài cửa. Quốc sư Trung Phong nói: “Đối với câu “thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng” trong kinh này, trước từ ngữ “tứ cú kệ” phải có hai chữ “nãi chí” (cho đến), phía sau phải có một chữ “đẳng” (vân vân). Câu này ý nói chưa thể thọ trì trọn vẹn bài kinh, hoặc chỉ thọ trì được hơn nửa quyển, hoặc gần được nửa quyển, cho đến tối thiểu là bốn câu hoặc một câu.” Câu nói này của ngài Trung Phong là cách giải thích kinh văn hết sức thông suốt, nhưng các vị chú giải từ trước đến nay thường hiểu hạn hẹp chữ “kệ” không phải là văn xuôi. Họ chẳng biết ở Tây Vực, kinh tiếng Phạn được viết theo hàng ngang, thường sắp xếp bằng cách lấy 32 chữ làm chuẩn. Vì thế, cổ thư ghi nhận số chữ trong kinh Hoa Nghiêm là “có mười vạn bài kệ”, chứ không phải cả bộ kinh đều là kệ. Lại còn bất luận văn tự nhiều hay ít, hễ cứ giảng trọn hết một nghĩa thì được coi là một kệ, chứ không phải là ngoài kinh văn ra, chỉ nói đến bốn câu kệ mà thôi. Nếu hiểu chữ “kệ” là kệ tụng thì thọ trì trọn bài kinh chẳng có công đức, chỉ có bài kệ này⁹⁹ mới có công đức! Há chẳng phải là báng Phật, báng pháp, báng tăng ư? Chỉ nội sáu chữ đơn giản “nãi chí tứ cú kệ đẳng” này đã chứa trọn bao nhiêu ý nghĩa của muôn quyển kinh luận rồi. Những kẻ văn chương lừng lẫy một thuở mà vẫn chẳng biết làm như thế nào. Kinh Phật há thể nói dễ dàng ư?

Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tiên Chú trang thứ chín, hai dòng mười và mười một, đối với câu “tam thế chư Phật cập vô niệm vô trụ” (chữ trụ 住 bị viết sai thành chữ nhậm 任), vô tu, vô chứng chi giả” hãy nên y theo cách giải thích của ngài Ngẫu Ích: “Tam thế chư Phật” là y theo quả vị trong Tạng giáo. “Vô niệm trụ tu chứng” là nói về những bậc từ Sơ trụ trở lên trong Viên giáo. Nếu không, sẽ đẩy bậc đứng đầu xuống hàng chót, đưa bậc chót lên hàng đầu. Dẫu có thể cưỡng nói cho hợp lý, rốt cuộc vẫn oan uổng tạo khẩu nghiệp! Kinh Phật há có thể chỉ chấp vào cách giải thích từ ngữ mà giải thích được hay chăng? Trang thứ 16, dòng thứ 10 (hai hàng chú thích chữ nhỏ), “trưởng giả như mẫu” (người lớn tuổi hơn thì coi như mẹ) (chữ mẫu 母 bị viết sai thành nữ 女). Lại trong hàng mười tám, chữ “công tào” (攻曹) nên giảng là “nguyên soái” (người suất lĩnh)

⁹⁹ Tức bài “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã...” trong kinh Kim Cang.

thì ý nghĩa của kinh sẽ tự rõ ràng vì phần kinh văn tiếp đó ghi là “công tào nhược chỉ, tòng giả đô tức” (nếu ngăn được người thống lãnh, thì những kẻ đi theo đều ngưng nghỉ). Do vậy, công (攻) là công năng, tào (曹) chính là “tào bối” (曹輩: lũ, bọn người); công năng của cả bọn đều quy về một mình người thống lãnh, nên mới nói “nguyên soái” là “công tào”.¹⁰⁰

Phật Di Giáo Kinh Chú, trang mười bảy, dòng thứ năm, nên giảng chữ “đạo” (導) trong từ ngữ “thiện đạo” (善導: khéo dẫn dắt) là dẫn dắt đi đường vì câu kinh văn tiếp đó là “đạo nhân thiện đạo” (導人善道), đạo (道) là con đường vậy, [“đạo nhân thiện đạo”] tức là “dẫn đi trên con đường lành”. Nếu người dẫn đường chỉ cho con đường chánh mà kẻ nghe không đi thì chẳng phải là lỗi của người dẫn đường. Kinh gọi đức Phật là “đại đạo sư” (大導師) đều là vì dẫn người khác đi trên con đường chánh mà đặt tên như vậy.

Vu Lan Bồn Kinh Chú, trang 4, dòng thứ 16 (hai dòng chữ nhỏ), “thoạt đầu tôi trộm cho là tên của đạo sĩ”, chữ thiết (竊: trộm) bị viết sai thành chữ cùng (窮: cùng tận).

Cao Vương Quán Thế Âm Kinh Chú, phần Tạp Ký trang một, dòng thứ 13: “Đại sư Vân Thê gánh vác pháp đạo, rất sợ đời sau vô tri nên ra sức biện định kinh này là ngụy tạo, cho nên nói như vậy. Chứ không phải ngài Vân Thê chưa hề đọc những sách như Pháp Uyển Châu Lâm v.v. mà mạo muội nói như thế.” Kinh này không có văn lý gì cả, [lời biện định của ngài Vân Thê] quả là lời luận đích xác. [Kẻ nào tụng trì kinh này] được công đức thì công đức ấy đều thuộc về công đức của danh hiệu Phật, Bồ-tát. Niệm những danh hiệu ấy có thể tiêu nghiệp chướng, tăng phước tuệ. Bồ-tát thuận theo cái tâm tâm thường của chúng sanh nên truyền dạy kinh này trong mộng. Nếu là bậc chuyên môn nghiên cứu Phật học thì đã có Đại tạng kinh, cần gì phải dòc sức nơi kinh này? Xưa nay có rất nhiều kinh do trong mộng cảm được thần truyền dạy, nhưng đều chẳng dám lưu thông vì rất sợ những kẻ xằng bậy bịa đặt, khơi nên đầu mối ngụy tạo, cắt đứt thiện căn của những người chỉ biết đạo nghĩa Nho giáo, chưa hiểu Phật pháp sâu xa (tức là họ sẽ nói “kinh Phật đều là do người đời sau ngụy tạo”). Vì thế hoàng

¹⁰⁰ Để dễ theo dõi lời phê bình của tổ Ấn Quang, chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn đoạn kinh ấy như sau: “Hữu nhân hoạn dâm bất chỉ, dục tự đoạn âm. Phật vị chi viết: ‘Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm. Tâm như công tào, công tào nhược chỉ, tòng giả đô tức. Tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích?’” (Có người mắc thói dâm dục không ngăn dứt được, muốn tự cắt bộ phận sinh dục. Đức Phật bảo với người ấy: “Nếu cắt bộ phận sinh dục thì chẳng bằng đoạn dứt cái tâm. Tâm như người thống lãnh, nếu ngăn được người thống lãnh thì những kẻ đi theo đều ngưng nghỉ. Tà tâm chẳng ngưng dứt, cắt bộ phận sinh dục có ích gì?”)

hậu Nhân Hiếu nhà Đại Minh¹⁰¹ (hoàng hậu của hoàng đế Vĩnh Lạc) mộng cảm được Phật nói kinh, tức kinh Độ Nhất Hy Hữu Đại Công Đức. Trong thời Vĩnh Lạc, kinh này được nhập tạng, đến năm ba mươi (1765) đời Thanh Cao Tông, vâng theo chiếu chỉ, lấy kinh ấy ra khỏi tạng để ngăn ngừa chuyện bịa đặt. Vì thế, phiên dịch kinh Phật ắt phải tuân phụng chiếu chỉ.

Trong dịch trường (đạo tràng dịch kinh), có vị dịch Phạn văn, có vị dịch ngữ, có vị hồi xuyên (tiếng của Tây Phương đa phần nói ngược, nên cần phải đảo lại, như ba-la-mật là bi ngạn đáo, phải viết lại cho đúng thứ tự là đáo bi ngạn - đến bờ bên kia), có vị chứng nghĩa, có vị nhuận văn¹⁰². Tăng tục tham gia phiên dịch, ít là mấy người, nhiều thì mấy chục người; vị nhuận văn đều do vị quan quyền cao chức trọng đương thời đảm nhiệm. Nghiêm túc như thế, chẳng đề cầu thả, qua quýt chút nào, vậy mà Nho sinh vô tri đời sau còn nói kinh Phật đều là do tăng chúng ăn trộm, chế biến từ học thuyết Lão - Trang mà có, hướng là lưu thông những kinh thật sự mờ mịt chẳng rõ lai lịch ư? Muốn lưu thông kinh này mà mong những kinh được phiên dịch từ Phạn bản do phương Tây truyền đến chẳng bị nghi ngờ, há chẳng khó khăn lắm ư?

Các hạ chú giải kinh này hãy nên trình bày rõ tấm lòng “bảo vệ chúng sanh, bảo vệ pháp đạo đức Phật” của ngài Vân Thê, đừng nên nói ngài Vân Thê phạm sai lầm khi sửa đổi cho đúng những điều sai lầm thì đôi đảng đều được tốt đẹp. Vân Thê, Ngẫu Ích là những vị đại đạo sư thời mạt pháp, là bậc gương mẫu thật sự. Mong hãy nhìn vào thời kỳ các ngài trước tác mà thấu hiểu chỗ dụng ý trong lòng các ngài thì pháp gì, chuyện gì cũng đều tự có thể khế cơ lẫn khế lý vậy.

Trong Phật Kinh Tinh Hoa Lục, trang 36, dòng thứ 9, “Vị Tăng Hữu Kinh”. Mười hai bộ kinh là những đặc điểm chung của hết thảy các kinh. Có kinh trọn

¹⁰¹ Hoàng hậu Nhân Hiếu Văn chính là vợ chánh của Minh Thành Tổ (Chu Lệ), họ Từ, quê ở Hào Châu, là con gái của khai quốc công thần Từ Đạt. Bà được vua Minh Thái Tổ hỏi cưới cho hoàng tử Yên Vương Chu Lệ năm 15 tuổi. Bà nổi tiếng là người nhân đức, ôn hòa, hiếu hạnh, rất được lòng thái hậu Mã. Khi Yên Vương làm phản đoạt ngôi của anh là Kiến Văn Đế (Chu Doãn Văn), xưng đế, lấy niên hiệu là Vĩnh Lạc, bà được phong làm hoàng hậu. Bà mất năm Vĩnh Lạc thứ năm (1407), thọ được 46 tuổi. Vua hết sức thương tâm, không bao giờ lập hoàng hậu nữa, phong tặng bà thụy hiệu Nhân Hiếu Từ Ý Thành Minh Trang Hiến Phối Thiên Tề Thánh Văn Hoàng Hậu.

¹⁰² Vị dịch Phạn văn sẽ cầm nguyên bản tiếng Phạn đọc lên cho những người cùng dịch dò theo những bản Phạn vốn có để đảm bảo không bị sai sót thiếu tiếng Phạn nào trong nguyên bản, vị dịch ngữ sẽ dịch những câu ấy sang tiếng Hán cho vị bút thợ chép lại. Vị hồi xuyên sẽ kiểm bản dịch nháp ấy để sửa đổi thứ tự cho đúng với cú pháp tiếng Hán. Vị chứng nghĩa sẽ kiểm nhận bản dịch trung thành với nguyên bản, không diễn tả sai lạc ý kinh luật luận, đồng thời thêm vào những chỗ người dịch ngữ đã bỏ sót hay sửa đổi những câu văn dịch tối nghĩa. Vị nhuận văn gọt giũa lời văn sao cho bóng bẩy, trang nhã, nhưng không mất ý nghĩa hoặc thay đổi ý nghĩa của lời dịch ban đầu. Do đó, vị nhuận văn vừa phải có tài văn chương vừa thông hiểu kinh điển.

đủ cả mười hai bộ¹⁰³, có kinh ít hơn, chỉ gồm một hai, ba, bốn, năm bộ. Mười hai bộ vừa nói đó, gọi theo tiếng Hán là Trường Hàng, Trùng Tụng, Thọ Ký, Cô Khởi Tụng, Vô Vấn Tự Thuyết, Nhân Quả, Thí Dụ, Bồn Sự, Bồn Sanh, Phương Quảng, Vị Tăng Hữu, Luận Nghị. Trong ấy, ba bộ loại Trường Hàng, Trùng Tụng, Cô Khởi Tụng được lập ra dựa theo kinh văn, chín thứ kia đều ước theo nghĩa mà lập danh. Bộ loại Vị Tăng Hữu ghi chép những chuyện đại thần biến chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát. Kinh này¹⁰⁴ cũng do nghĩa ấy mà đặt tên như vậy, chứ không phải là một trong mười hai bộ kinh.

Trang 40, dòng thứ 6, nhân - duyên - pháp - nghiệp của mười giới trong kinh Phạm Võng đều bị sao chép điên đảo, sai lầm, lộn xộn, tra lời chú giải của các hạ thì có hay không đều bất nhất. Những phần được ghi “sao lục từ sách Phạm Võng Kinh Hợp Chú¹⁰⁵” thì [trong phần] sát giới (dòng thứ 13), phương tiện sát (thiếu mất chữ sát), dòng 14, 15, [theo thứ tự đúng thì phải là] sát nhân, sát duyên, sát pháp, sát nghiệp, sao lại viết là sát nghiệp, sát pháp, sát nhân, sát duyên? Nhân là phát ra cái tâm giết ấy. Duyên là những phương tiện giúp cho chuyện giết chóc được thành tựu; chẳng hạn như bày mưu định kế, mài dao, pha thuốc v.v.. Pháp là cầm dao, kiếm, thuốc độc đi giết. Nghiệp là đoạn mạng kẻ ấy (tức kẻ bị giết), chuyện giết chóc đã thành. Phạm sự gì đã thành đều nhất loạt gọi là nghiệp. Thứ tự trước sau, sâu cạn, thân sơ, theo đúng thứ tự chẳng loạn. Sao các hạ tự lập quy cách để dời chuyển như vậy? Hai giới sát và dâm thì các hạ đặt theo thứ tự là nghiệp, pháp, nhân, duyên, còn tám giới kia lại đều đặt theo thứ tự là nhân, nghiệp, pháp duyên.

Trong giới vọng ngữ, dưới phần duyên của vọng ngữ có chú thích rằng “sao chép trọn vẹn từ sách [Phạm Võng Kinh] Hợp Chú”. Sao lại lược bỏ bốn chữ “để

¹⁰³ Bộ ở đây có nghĩa là thể loại, thể tài. “Thập Nhị Bộ Kinh” tức mười hai thể loại thường được dùng trong kinh Phật.

¹⁰⁴ Bản kinh được nhắc đến ở đây vốn có tên là kinh Vị Tăng Hữu Nhân Duyên.

¹⁰⁵ Bộ Hợp Chú được nói ở đây chính bộ Phạm Võng Kinh Hợp Chú (bảy quyển) do tổ Ngẫu Ích viết. Tác phẩm này có tên đầy đủ là Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Hợp Chú. Sách được ngài Đạo Phưởng giáo chánh và cho in vào năm Sùng Trinh thứ 10 (1637). Bản chú giải này rất đặc sắc, được coi như bản chú giải kinh Phạm Võng độc đáo nhất do tổ chú trọng đến *vô tác giới thể*. Ngài đưa ra bảy ý nghĩa của giới thể (tánh, nhân, duyên, thể, tướng, kỳ, quả), lập ra mười môn để giải thích giới tướng: Tùy văn thích nghĩa (dựa theo kinh văn giải thích ý nghĩa), tánh giá trọng khinh (phân định giới tướng ấy là tánh giới hay giá giới, nặng hay nhẹ), thất chúng gián liệu (phân định giới ấy tùy theo bảy chúng, tức là người phạm giới sẽ bị kết tội nặng hơn nếu là chúng xuất gia), đại tiểu đồng dị (sự khác biệt giữa giới tướng Đại thừa và Tiểu thừa), thiện thức khai giá (khéo biết mở, đóng, tức biết luận theo lý, theo sự để biện định có phạm giới hay là không), dị thực quả báo (quả báo sẽ kết thành sớm hay muộn), quán tâm lý giải, sám hối hành pháp, tu chứng sai biệt và tánh ác pháp môn. Khi giảng kinh Phạm Võng tại Bồ-đề Lan Nhã (Sài Gòn) vào năm 1968, pháp sư Diễm Bồi đã dựa chủ yếu vào lối diễn giải của tổ Ngẫu Ích để giảng giải. Bài giảng kinh Phạm Võng của hòa thượng Diễm Bồi đã được hòa thượng Trí Minh dịch sang tiếng Việt với nhan đề Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Bồn Giảng Ký.

hiển thánh đức” của sách Hợp Chú? Cần phải biết rằng [kẻ phạm giới vọng ngữ bằng cách đối với] “các thứ oai nghi: tới, lui, cử động, đứng yên, nói năng, im lặng, đủ mọi phương tiện đều là vì muốn làm cho người khác sẽ nói là ta đã chứng thánh quả, nên nói là ‘để hiển thánh đức’”. Bỏ đi bốn chữ ấy sẽ chẳng tỏ rõ bốn tâm của kẻ vọng ngữ muốn phô trương màu mè, làm dáng vậy. Đoạn kinh văn này vốn không sai lầm, nhưng lời giảng của sách Hợp Chú lại hết sức rõ ràng. Há nên trái nghịch kinh, trái phản lời chú giải, tự lập chương trình hay chẳng? Nếu một điều thì có thể coi là viết lầm, chứ cả mười điều đều như thế, há có phải là viết lầm ư?

Phàm sao lục kinh luận của Phật, của tổ, thì đầu tiên là sao lục kinh, rồi đến luận, cuối cùng mới sao lục trước thuật của phương này. Với kinh luận lại cần phải sao lục kinh Đại thừa trước tiên, kế đó là Tiểu thừa, chớ nên đảo lộn thứ tự trước sau, như thánh chỉ và cáo thị chẳng thể đảo lộn thứ tự được. Trong một bộ chẳng thể liệt kê như thế, thì trong một môn nhất quyết chẳng thể không y theo cách này để trình bày. Nếu không, sẽ khiến cho kẻ vô tri đều coi thường kinh Phật mà bậc đại thông gia sẽ chê là người viết chú giải chẳng biết pháp.

Hơn nữa, trong phần chú giải kinh Phạm Võng của tổ Ngẫu Ích về giới vọng ngữ, đối với câu “*tiền nhân lãnh giải*” thì chữ “tiền nhân” chỉ cho đối tượng nhận lãnh lời nói dối, tức là vì kẻ ấy [mà người phạm giới vọng ngữ] thốt ra lời nói dối, “lãnh giải” là người ấy nghe lời nói dối đã lãnh hội, hiểu rõ. Nếu chẳng lãnh ngộ, hiểu rõ thì nghiệp vẫn chưa thành; lãnh ngộ, hiểu rõ thì nghiệp đã thành. Nay ông sửa thành “*sử nhân lãnh giải*” (khiến cho người ấy nhận lãnh, hiểu rõ) thì chưa biết người ấy có hiểu hay không? Trong giới thứ mười cũng giống như thế.

Thêm nữa, theo nguyên văn của giới thứ mười: “*Nhược Phật tử tự báng tam bảo, giáo nhân báng tam bảo, báng nhân, báng duyên, báng pháp, báng nghiệp, nhi Bồ-tát kiến ngoại đạo cập dĩ ác nhân nhất ngôn báng Phật âm thanh, như tam bách mâu thích tâm*” (Nếu Phật tử tự báng tam bảo, dạy người khác báng tam bảo, nhân phỉ báng, duyên phỉ báng, pháp phỉ báng, nghiệp phỉ báng, nhưng Bồ-tát nghe âm thanh của một câu báng Phật do ngoại đạo và kẻ ác thốt ra, sẽ cảm thấy giống như ba trăm mũi mâu đâm vào tim), ông bèn rút gọn là “*Bồ-tát kiến nhân báng Phật như dữ thích tâm*” (Bồ-tát thấy người báng Phật như bị đâm vào tim) (lời chú giải ghi: “chữ dữ 予¹⁰⁶ đọc âm giống như chữ dữ 與”), hãy sửa cho đúng phần đã lược bỏ đi.

¹⁰⁶ Ở đây, khi rút gọn lời trích từ bản Phạm Võng Kinh Hợp Chú, ông Đinh Phước Bảo đã viết sai chữ mâu (矛: cái mâu, cái giáo) thành chữ dữ (予: cho).

Đại sư Ngẫu Ích chứng pháp thân đã lâu, thừa nguyện tái lai, học vấn, kiến địa, hành trì, đạo đức như ngài chẳng những ít thấy trong đời mật pháp mà ngay trong thời Phật pháp hưng thịnh dưới đời Tùy - Đường, cao nhân như rừng, nếu ngài sống ngay trong thời ấy vẫn thuộc loại Đại sĩ xuất quần bạt tụy chẳng thể nghĩ bàn. Phàm những trước thuật của ngài đều khế lý lẫn khế cơ; các hạ hãy nên buông xuống cái tâm chỉ chấp vào sự giải thích văn tự, hãy lắng lòng nghiên cứu đến cùng tận để thấu hiểu thì niềm vui pháp hỷ sẽ riêng khế hợp nơi tâm mà chẳng thể nào mở miệng kể cho người khác biết được. Vì sao vậy? Do những gì đạt được đều mất cả rồi, đều quy về chỗ vô sở đắc rồi!

Chùa Pháp Vũ có Minh Nam Tạng (Vĩnh Lạc Nam Tạng) và Thanh Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh), lại có rất nhiều những kinh sách mới in đã thỉnh từ những chỗ khắc kinh ở Dương Châu, Ninh Ba, nhưng người phát tâm đọc khá ít, một là vì ít người thật sự phát tâm Bồ-đề, hai là vì người thật sự có học vấn, có thiên tư ít ỏi, đáng tiếc thay!

Cuối phần Đàm Quỷ (nói về chuyện quỷ thần), đối với chuyện Mục Chương A¹⁰⁷, lời phán định của các hạ tuy hay, nhưng xét ra chưa phải là thật nghĩa. Nay tôi chẳng tiếc khẩu nghiệp để giải thích đại lược. Mục Chương A suy nghĩ, xử sự không gì chẳng phải là ác, đến lúc lâm chung biết trước lúc mất, từ biệt mọi người rồi ngồi mà mất. Người ấy trong đời trước đã tu trì lớn lao, sức định tuệ sâu xa, cho nên đời này tuy mê muội tạo nghiệp, luận theo đời này ắt phải đọa thẳng vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ đến hết kiếp, nhưng do ác nghiệp đời này chưa chín muồi, thiện căn đời trước tỏ lộ. Do vậy, vẫn có thể nương vào sức lành đời trước, tận lực tu trì tịnh nghiệp, nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, chẳng phải thọ ác báo của những ác nghiệp đã tạo trong đời này. Nếu không biết nghĩa này, vẫn noi theo nghiệp y như cũ thì khi thiện nghiệp đời trước đã hết, ác nghiệp đời này sẽ lại phát hiện, nỗi khổ ấy chẳng thể nào diễn tả được.

Trong đời này, do người lành mắc họa, kẻ ác hưởng phước, phàm phu chẳng biết túc nghiệp trong đời trước bèn nói nhân quả sai lầm, báo ứng hay bị lẫn lộn. Người có tha tâm túc mạng thông thấy nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai, tình lẫn lý đều ổn thỏa. Cái chết tốt lành của Mục Chương A chẳng phải là do may

¹⁰⁷ Mục Chương A (1782-1856), tự là Tử Phác, hiệu Hạc Phưởng, thuộc cánh quân Cờ Viên Lam của quân đội Mãn Châu. Đỗ tiến sĩ năm Gia Khánh thứ 10 (1805), giữ nhiều chức vụ quan trọng, được cử vào Quân cơ xứ dưới thời Đạo Quang. Do khéo nịnh nọt nhà vua, nên được phong chức Tào vận tổng đốc, coi về thủy binh và giao thông đường thủy nhiều tỉnh Bắc Trung Hoa. Khi cuộc chiến tranh Nha Phiến nổ ra, để lấy lòng vua, họ Mục đã quy tội và cách chức các vị trung thần như Lâm Tắc Từ, Đặng Đình Trình. Khi Hàm Phong lên ngôi, vua xét án cũ, tái sử dụng Lâm Tắc Từ, đồng thời kết tội Mục Chương A “bảo vệ địa vị, tham đắm vinh hoa, hại người hiền, phá đất nước” đuổi về làm dân, vĩnh viễn không được tham gia triều chánh. Về sau, họ Mục bị bệnh chết.

mắn! Dương Kế Thịnh chết oan khuất chẳng phải là bất hạnh! Ai nấy đều có nhân trước và quả sau, ấy là do được đền đáp hay phải trả nợ mà thành khác biệt. Đạo báo ứng có nhiều loại chẳng phải chỉ có một, chẳng thể dùng đời này để phán đoán được.

Vì thế kinh dạy rõ ba thứ quả báo, ba thứ quả báo là hiện báo, sanh báo và hậu báo. Hiện báo là đời này làm thiện, tạo ác, đời này sẽ hưởng phước hay mắc họa, đây chính là điều phạm phu trong thế gian đều thấy cùng biết được. Sanh báo là đời này làm thiện, tạo ác, đời sau hưởng phước, mắc họa, phạm phu trong thế gian tuy chẳng thấy biết được, nhưng đại lực quỷ thần, thiên tiên vẫn có thể thấy biết được. Hậu báo là đời này làm thiện, tạo ác, đến đời thứ ba, hoặc bốn, năm, sáu, bảy đời sau, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc đến vô lượng vô biên Hằng hà sa số kiếp mới hưởng phước hay mắc họa. Nếu ba, bốn, năm đời và mười trăm ngàn đời, có lẽ thiên tiên còn thấy được, chứ đến năm, sáu, bảy, tám vạn kiếp, đạo nhân của bậc Thanh văn vẫn còn thấy được. Nếu đến vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp thì nếu chẳng phải là ngũ nhãn viên minh của đức Như Lai sẽ chẳng thể thấy được.

Nương theo các pháp môn khác, cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, phần nhiều đều chỉ gieo thiện căn phước tuệ, chẳng thể cao dự dòng thánh. Vương Thập Bạng, Tô Đông Pha, Hoàng Đình Kiên, Tăng Lỗ Công v.v. đều là những vị cao tăng xuất chúng chót vót trong đời trước, nhưng đời này đã kém hơn đời trước, đời sau lại chẳng biết kết cục sẽ như thế nào? Nghĩ đến đây, đúng là đau lòng, ứa lệ, thở dài sườn sượt. Nếu chẳng phát phần chuyên tu một pháp “cây vào Phật từ lực vãng sanh Tịnh độ” thì là xong rồi!

Ấn Quang cuồng vọng vô tri, phụ lòng ông yêu mến nông hậu, hôm 30 tháng 6 nhận được lá thư thứ tư, liền muốn phúc đáp, nhưng do vướng bận bởi chuyện của người khác, cũng như do ban đêm chẳng thể viết lách được nên lần khân mãi đến ngày mùng 2 nhận được lá thư thứ năm, bèn quên mình kém hèn, vung bút viết thư bừa bãi, cũng biết là gai mắt nhỡ, toan cậy vào lá thư này để biểu lộ lòng ngu thành, thích đáng hay không, mong hãy rủ lòng sáng suốt xét soi

(Mùng 5 tháng 7 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

Ấn Quang mực lực quá suy, Đại tạng kinh chữ to còn chẳng thể đọc được, trước thuật của các hạ chữ quá nhỏ, chẳng dám xem nhiều, chỉ tùy tiện mở đọc mà thôi. Vì thế, thuận theo những gì mình thấy được mà nêu lên, tính chung lại thì trong hai mươi phần vẫn chưa xem được một phần. Về việc soạn lời tự đề tỏ rõ ý nghĩa của từng tác phẩm hãy nên cậy bậc danh nhân. Ấn Quang chôn sống ngoài hải đảo, lại còn thiếu học vấn, vô đạo đức, bút cùn, lời quê, làm sao nêu tỏ

những điểm sâu màu cho được? Do vậy chẳng dám vâng mạng, xin rủ lòng tha thứ. Tướng lười Như Lai có ý nghĩa vô tận, do mục lực không đủ và do gấp rút nên chỉ luận đại lược như thế.

53. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ sáu)

Hôm qua nhận được thư và Bát Triều Toàn Thi, cảm tạ khôn cùng! Trộm nghĩ, Ấn Quang là một ông tăng phạm tục thô lậu ở đất Bắc, đối với đạo pháp nhà Phật trọn chẳng đạt được gì, dẫu có bàn nói thì đa phần là cuồng vọng, chẳng bị trách tội là đã may mắn quá rồi. Nào kham khen ngợi quá lộ như thế, cảm thấy hổ thẹn cùng cực! Quang đòi trước lăm tội lỗi, sanh ra liền mắc bệnh mắt, trong suốt sáu tháng gào thét khóc lóc, trừ lúc ăn ngủ ra, trọn không lúc nào không khóc gào. May nhờ thiện căn đòi trước, còn được thấy mặt trời và kinh Phật thật may mắn quá. Bản chú giải của các hạ kích thước chữ quá nhỏ, nhất loạt chẳng dám xem. Một phần hai mươi [như đã nói trong lá thư trước] là một phần này đem chia thành mười phần, trong phần Tập Ký chiếm đến tám chín phần, lời chú giải chỉ chiếm một hai phần mà thôi. Chỉ lấy phần này xem đại lược, chứ hoàn toàn chưa đọc trọn một trang. Các hạ giữ tấm lòng khiêm hư như thế, nào phải đợi người quáng mắt trình bày mỗi điều, ắt sẽ đúng đúng sai sai, không điều gì chính mình chẳng biết rõ.

Cư sĩ Hoàng biết lỗi mạnh mẽ sửa đổi, có thể là bậc tận tụy tu tập thực tiễn, là bậc anh hùng trong Nho môn, làm kim thang cho Phật pháp. Kính vì pháp môn và chúng sanh mà chúc mừng, pháp vận sẽ thông suốt, đã có người chế ngự những kẻ lấn hiếp Phật giáo. Trong lá thư trước đã nói đến Tấn Đức Lục rồi, tôi không nhàn rồi, làm sao tìm thấy có điểm nào lầm lạc trong cuốn sách ấy cho được? Bát Triều Toàn Thi tuy tôi không đọc được, nhưng sẽ trân trọng cất giữ vì một là để làm kỷ niệm, hai là dùng để tra cứu.

Ma-ha-bát-nhã chỉ cho kinh Bát-nhã được nói đến trong thời thứ tư [của năm thời đức Phật thuyết pháp]. Nói chia chẻ ra thì có tám bộ, nhưng tám bộ ấy đều là các hội¹⁰⁸ trong bộ Bát-nhã 600 quyển. Do vậy, nói chung chỉ có kinh Đại Bát-nhã mà thôi! “*Hoa Nghiêm hải không*” (Kinh Hoa Nghiêm như biển cả, như hư không) nghĩa là một bộ kinh Hoa Nghiêm vượt trội các kinh, lý bao trùm các kinh, gồm vô lượng pháp môn, chỉ rõ nhất chân pháp giới, ví như biển cả chứa đựng

¹⁰⁸ Những bản kinh mang tên Bát-nhã trước thời ngài Huyền Trang chỉ là các hội hoặc một phần của các hội trong kinh Đại Bát-nhã, chẳng hạn hội thứ 10 Bát-nhã Lý Thú Phần, đã được ngài Bồ-đề-lưu-chí dịch với tên gọi là kinh Thật Tướng Bát-nhã Ba-la-mật, ngài Kim Cang Trí dịch là kinh Kim Cang Đánh Du-già Lý Thú Bát-nhã, ngài Bất Không dịch là kinh Đại Nhạo Kim Cang Bất Không Tam-ma-da...

khấp các dòng nước, dường như hư không mênh mông chứa đựng muôn hình tượng, vì thế gọi là “hải không”.

Hơn nữa, những pháp được nói trong kinh Hoa Nghiêm chính là pháp để thành Phật ngay trong một đời này. Dù đã thành Phật, bất quá là đích thân chứng được tâm tánh vốn sẵn có mà thôi, chứ trọn chẳng đạt được pháp nào. Vì thế kinh Lăng-nghiêm nói: “*Viên mãn Bồ-đề quy vô sở đắc*” (Bồ-đề viên mãn quy về chỗ không có gì để đạt được); Tâm Kinh nói: “*Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa nãi đắc cứu cánh Niết-bàn*” (Do không có gì để đắc nên Bồ-tát bèn đắc Niết-bàn rốt ráo); kinh Kim Cang nói: “*Diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả*” (Diệt độ hết thảy chúng sanh rồi nhưng thật sự chẳng có chúng sanh nào được diệt độ). Đó gọi là “không - hữu chẳng lập, một đạo thanh tịnh”. Do vậy, gọi là “hải không”. Tôi thấy biết thô lậu như thế, chẳng biết các hạ nghĩ sao?

Mồng 9 tháng này, Trung Hoa Thư Cục gởi đến ba cuốn Linh Học Tùng Chí, tức là báo ra vào ba kỳ 3, 4, 5, do vậy bèn đọc đại khái. Thấy tạp chí ấy dạy người sửa lỗi hướng lành, bàn cặn kẽ về sanh tử luân hồi, có lợi ích lớn lao cho kẻ không tin nhân quả và chấp trước tà vạy rằng không có ba đời. Còn phần nói về Phật pháp và Quán Âm, Văn-thù, Phổ Hiền giảng đàn chỉ dạy, đều là do những linh quỷ hoàn toàn chẳng biết gì về Phật pháp giả danh. Trong số báo thứ tư, cõi trời gồm hai mươi bốn thừa như trong “Phật giáo” do linh quỷ mạo danh Văn-thù Bồ-tát dạy, và thứ tự của 24 địa vị trong Phật giáo do linh quỷ mạo danh Phổ Hiền Bồ-tát giảng dạy đều là nói nhăng nói cuội.

Còn kinh Phật Đánh Hồn Nguyên là do bọn linh quỷ ăn trộm ý nghĩa từ kinh Kim Cang, Tâm Kinh ngụy tạo ra. Dầu trong kinh ấy những lời lẽ phần nhiều trích từ kinh Phật thật sự, nhưng cũng chớ nên lưu truyền thọ trì vì tà chánh xen tạp, giống như bỏ chất độc vào món ăn ngon, chẳng dùng để đỡ đói được. Kinh Vô Lượng Độ Sanh càng là thứ nói năng mù quáng. Trộm sợ các hạ tín tâm chân thật, thiết tha, cũng xem kinh này giống như kinh Cao Vương rồi vì đó sẽ tán dương, lưu thông thì hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, tội lỗi chẳng nông cạn đâu! Đã mạo nhận là tri kỷ của ông, nào dám chẳng trình bày đại lược lời lẽ của kẻ cắt cổ, dẫn củi để ngăn ngừa hậu hoạn “vì thiện tâm mà chuốc lấy ác quả” hay sao?

Các hạ đã ghi tên gia nhập làm hội viên hạng ba của họ, chỉ nên bảo họ chú trọng nêu tỏ những chuyện “sửa ác hướng thiện và hiếu để trung tín lễ nghĩa liêm sỉ, kiêng giết, kiêng dâm, giữ phận khiêm cung, ghìm mình khiêm nhượng, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện v.v.”. Vô thượng diệu đạo của đức Như Lai há những đàn cơ thỉnh linh tiên có thể tuyên dương diễn thuyết được chăng?

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát, Tướng Quốc Vương Định Cửu đều do có kẻ cầu cơ mà giảng xuống dạy đạo, nhưng đều nghiêm ngặt răn cấm cầu cơ. Hãy nên lấy đó làm khuôn thước!

Lời luận định của ông Kỷ Văn Đạt về cầu cơ rất có đạo lý, ông ta cho rằng đàn cơ giả nhiều thật ít¹⁰⁹, người thông đạt, bậc sáng suốt hãy nên kính nhi viễn chi, chớ nên chuyên dốc sức vào nơi ấy để rồi bị bọn tiểu quỷ, tiểu thần mê hoặc. Như trong bài Tập Toàn thứ chín của Linh Học Tùng Chí số thứ ba, ông Thạnh Thành thuật chuyện “hồn người sống giảng cơ” như sau: Cha ông ta một bữa nọ đốt bùa thỉnh tiên, cơ lay chuyển mạnh mẽ, vẽ hai vòng tròn và một vạch đứng trên mâm cát suốt hai tiếng đồng hồ chứ không viết gì khác. Cha ông ta bảo những người hiện diện nơi đàn cầu cơ là do họ chẳng nghiêm túc khiến thần bị chọc giận. Mọi người sụp lạy liên tiếp, cơ bút vẫn vẽ như cũ, mọi người đều sợ hãi. Chợt trong đám người nhà, có người từ Đơn Gia Kiều trở về nói: “Phía dưới gầm cầu có một gã gánh phân nằm mê mết bên đường, miệng lẩm bẩm rì rầm, tình trạng giống như bị bệnh ngặt nghèo, hãy mau đi cứu, sợ để lâu không kịp nữa!” Cha ông ta liền đốt bùa tống tiễn thần tiên rồi đi ra xem thì thấy gã gánh phân đã tỉnh, cho biết: “Tôi nằm mộng thấy đến một chỗ nọ, hương đèn sáng choang, mọi người hướng về phía tôi sụp lạy. Tôi không biết đáp ứng ra sao bèn vẽ trên mâm hai cái thùng với một cây đòn gánh của tôi để chỉ cho họ biết, bọn họ càng sụp lạy nhiều hơn, kính cẩn nhiều hơn. Tôi chẳng biết làm thế nào, cứ vẽ đi lại cái hình tả nghề nghiệp của tôi mà thôi!” Ông Thạnh tự nói: “Do vậy lòng thành tin tưởng vào chuyện cầu cơ ngày càng tăng hơn!”

Tôi nói: “Lòng thành tin tưởng vào chuyện cầu cơ của ông Thạnh Thành là chỉ biết tiến mà không biết lùi!” Ôi, thỉnh tiên mà người gánh phân giảng đàn, vẽ đòn gánh thùng phân chẳng biết bao nhiêu lượt. Nếu không có người từ cầu trở về, chắc [đại chúng trong đàn cầu cơ ấy] sẽ nói cái hình vẽ đó có biết bao điều huyền diệu, sợ rằng đây là do tiên thánh chỉ dạy ý chỉ huyền ảo: “Chấp vào giữa sẽ quán thông tất cả, chấp vào đôi bên, nhưng dùng cái ở giữa!” Chắc chắn chẳng dám ỨC đoán rằng: “Đây là thùng phân, đòn gánh!” Đến khi gặp “tiên nhân gánh phân” nói toạc ra thì hình vẽ ấy chẳng đáng một đồng! Suốt nửa ngày miệt mài cầu khẩn gã gánh phân, khôn ngăn hổ thẹn, bàng hoàng. Vì thế cần biết rằng: Thật

¹⁰⁹ Trong lá thư gửi cho cư sĩ X... của Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển một, tổ Ấn Quang đã dẫn lời nhận định của ông Kỷ Văn Đạt (Kỷ Quân): “Cầu cơ đa phần là linh quỷ giả vờ. Tôi cùng anh là Thán Nhiên hầu cơ bút, tôi làm được thơ nhưng viết chữ xấu. Khi tôi hầu cơ bút thì thi từ miễn tiện, chữ viết nguệch ngoạc. Thán Nhiên hầu cơ bút thì thi từ tâm thường, chữ viết ngay ngắn, cứng cỏi. Quý giả mạo cổ nhân, hỏi đến những điều bí hiểm, sâu kín trong những tác phẩm của cổ nhân, bèn bảo niên đại quá lâu, không còn nhớ được. Do vậy, biết không phải là thật!”

sự có chân tiên, nhưng kẻ giả danh lại chẳng phải chỉ là gã gánh phân mà thôi! Người trí do chuyện này mà ngộ.

Quang tính nửa tháng sau sẽ đi qua chỗ khác, độ hơn một tháng sẽ trở về. Lúc về chắc sẽ đi vòng sang Thượng Hải, sẽ đến quý cục gặp gỡ một phen để thừa hỏi, học lấy những điều lợi ích. Mong từ nay đừng gởi thư đến nữa để khỏi bị lạc mất!

(Ngày 12 tháng 7 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

54. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ bảy)

Cách biệt mấy tháng, mong ngóng thật sâu. Vừa nhận được thư gởi đến cùng với hai bản chú giải kinh như gặp được pháp nhãn, cảm kích, hồ thẹn tốt cùng. Quang do nghiệp chướng sâu nặng, mắt gần như mù từ lúc mới sanh, tuy thường luôn sám hối, nghiệp vẫn như cũ. Kính cần đem hai bài tựa cuốn Phổ Hiền Hành Pháp Kinh đọc một lượt, thấy lời tựa của Đại Tâm có thể nói là dùng cái tâm tự lập lập người, làm chuyện tự lợi lợi tha, giải trừ mười điều nghi, nêu rõ mười điều lợi ích, đây đâu phải chỉ là bài tựa cho các bản chú giải kinh của các hạ mà chính là lời tựa chung cho những tác phẩm các bậc hoàng kinh xưa nay. Nào ngờ trung châu có vị vĩ nhân như thế! Một chữ “phẩm” cuối cùng dường như không ổn thỏa lắm, tuy không cố ý ngấm ngầm dùng trộm, nhưng dùng theo cách này, sẽ mạo phạm hình thức của kinh, hãy nên đổi thành lời tựa chung. Lời bạt của ông Độn Căn xét về ý nghĩa thì hết sức đề cao, nhưng dựa theo Tông, theo Giáo, hai đẳng đều chẳng hợp, nhưng cũng không có quan hệ lớn lao chi lắm, hãy bỏ mặc đấy!

Trong lời tựa của các hạ, phần đầu dẫn lời của Diễn Tông có thể nói là lời bàn luận chẳng thể gạt bỏ được, cuối cùng dẫn câu nói của họ Hồ đủ thấy cái tâm hướng theo lẽ chánh. Sau này nhìn lại bây giờ, cũng giống như bây giờ nhìn lại thuở trước. Giữ được cái tâm “sợ thuở mai sau” thì trọn chẳng đến nỗi nghịch kinh, phản cổ, chuốc lấy tiếng chê cười trong tương lai. Phàm chú giải kinh Phật, phải có con mắt riêng; chớ nên dùng cảnh giới phàm phu để suy lường cảnh giới vi diệu chẳng thể nghĩ bàn của đức Như Lai. Như các ông Kỷ Đại Khuê, Diệp Tích Phụng v.v. do vì lẽ này mà hoàng pháp rốt cuộc biến thành bàng pháp, khôn ngăn tiếc nuối vậy. Những điều khác do mục lục chẳng thể kham nổi nên đều chẳng dám đọc.

Thêm nữa, những danh tướng Đại thừa và Tiểu thừa trong kinh giống nhau rất nhiều; giải thích kinh Đại thừa chớ nên dẫn những nghĩa trong kinh Tiểu thừa để giảng giải. Như trong phần Niệm Thiên ở cuối pháp Lục Niệm thì Tiểu thừa

niệm những vị trời ở Dục giới, Sắc giới v.v., còn Đại thừa thì niệm Đệ Nhất Nghĩa Thiên, Đại Niết-bàn Thiên. Nếu với kinh Đại thừa mà dẫn nghĩa Tiểu thừa để giải thích sẽ trở thành hoai loạn kinh tông¹¹⁰, chớ nên không cẩn thận! Chỉ do một nghĩa này, những điều khác có thể suy ra được.

(Ngày 26 tháng 10 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

Quang hiện đang đả thất, xin đừng gởi thư đến, dầu có chuyện cần phải bàn bạc cũng nên đợi tới tháng 3 năm sau. Nếu gởi thư đến trước tháng 3, nhất quyết chẳng vâng mệnh phúc đáp, xin hãy từ bi lượng thứ.

Một pháp niệm Phật hãy nên lấy kinh luận Tịnh độ làm chuẩn. Chúng sanh đời mạt nghiệp nặng chướng sâu, tu quán theo Quán kinh vẫn khó thể thành tựu! Do vậy, chư tổ của Liên tông phần nhiều đều chuyên lấy trì danh làm pháp tu chủ yếu, vì trì danh dễ dàng, dễ niệm liên tục bèn vắng sanh. Phương pháp nhiếp tâm có nhiều thứ, chứ chẳng phải một, tùy theo căn khí của mỗi người mà áp dụng sẽ tự được lợi ích. Nếu xét tới pháp thiết yếu nhất, nói chung chẳng pháp nào hơn được tám chữ “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” của đức Đại Thế Chí.

Pháp môn niệm Phật tam-muội của Đại Tâm tuy mỗi mặt đều có chỗ thấy biết thông suốt, nhưng chẳng thể dùng để dạy khắp mọi người, vì hạ căn chẳng thể tu được, còn thượng căn tuy có thể tu nhưng không bắt buộc phải dùng phương pháp này. Trong nhan đề của sách, chữ Phật viết nguệch ngoạc, cổ quái, đủ thấy người ấy trong xử sự hằng ngày chưa thể chí thành khẩn thiết đối với Phật. Phàm những thói quen xấu như vậy hãy nên tận lực ngăn ngừa!

Lưu Diễm Tông viết về 65 sức chẳng thể nghĩ bàn của kinh Pháp Hoa, có thể nói đã thâm nhập chỗ u viễn sâu xa của Pháp Hoa, nhưng lại đem mỗi một điều so sánh với Tịnh độ để luận định hơn kém, quả thật chẳng thấu hiểu pháp môn quyền thật của đức Như Lai, chỉ có thể lợi lạc những căn tánh như các vị Nam Nhạc, Thiên Thai trở lên, còn những ai thấp hơn đều bị thuyết ấy cắt đứt thiện căn vắng sanh Tây Phương. Sách ấy tuyệt đối chớ nên lưu thông! Nếu lưu thông tuy có thể làm cho con người tôn kính, tin tưởng Pháp Hoa, nhưng lại khiến cho hết thấy những ai không hiểu rõ giáo lý quyền thật sẽ bởi đó mà miệt thị Tịnh độ chẳng tu. Tịch quang tịnh độ “đương xứ tức thị” (chính là ở ngay nơi đây), chỉ có một mình đức Phật là có thể chứng trọn vẹn; bậc Đẳng giác Bồ-tát vẫn là phân chứng, huống gì những người khác? Nay đem sự thấy biết, pháp chứng ngộ của bậc Đẳng địa, Đẳng trụ¹¹¹ giao cho phàm phu đảm nhiệm, há có nên chăng?

¹¹⁰ Tông là những điều được đề cao trong một bộ kinh, tức giáo pháp chủ yếu của một bộ kinh.

¹¹¹ Đẳng địa: bậc Bồ-tát đã chứng từ Sơ địa trở lên; Đẳng trụ: bậc Bồ-tát đã chứng từ Sơ trụ trở lên.

Trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với chư Phật rồi mà vẫn được Phổ Hiền Bồ-tát dạy cầu vãng sanh. Nay đối với kẻ trọn đủ hoặc nghiệp lại dạy họ bỏ Di-đà Tịnh độ để tu Sa-bà Tịnh độ của đức Bôn sư. Tầm lòng quả thật là rộng lớn, to tát, nhưng cái hại ấy chẳng thể nói cho hết được! Phàm cõi An Dưỡng nơi Sa-bà vốn là cõi Thật báo tịch quang (Thật báo và Tịch quang vốn là một cõi. Ước theo quả báo cảm được thì gọi là Thật báo. Ước theo lý được chứng thì gọi là Tịch quang. Tịch quang không có tướng, Thật báo đầy đủ những tướng trang nghiêm màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn nhiều như số lượng vi trần trong Phật sát hải. Tuy vốn đủ trang nghiêm của các cõi nhiều như số vi trần, nhưng vốn là một pháp chẳng lập. Tuy một pháp chẳng lập, nhưng lại đầy đủ trang nghiêm, như gương sáng trọn chẳng có một vật, nhưng hể Hồ đến Hồ hiện, giống như thể của hư không tuy chẳng có các tướng, nhưng chẳng trở ngại mặt trời chiếu rọi, mây đùn). Cõi Thật báo tịch quang tịnh độ ấy chỉ có những vị đã đạt đến địa vị Sơ trụ trong Viên giáo mới có thể thấy được.

Trong cõi Phàm thánh đồng cư nơi Tây Phương không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những sự vui; còn cõi Phàm thánh đồng cư trong cõi này, ba thứ hoặc - nghiệp - khổ nhóm lại như cái chĩa ba xấu ác, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có thuở nào xong. Do vậy, đem đôi chiếu Thật báo tịch quang cõi này và cõi Phàm thánh đồng cư để bàn luận chính là trái nghịch ý chỉ của kinh, trao lầm pháp được, than thở khôn ngăn! Sao chẳng đem đôi chiếu cõi Phàm thánh đồng cư cõi này và cõi Phàm thánh đồng cư của cõi kia để luận định thì mới là lời nói khế lý khế cơ, được ba đời chư Phật đều ấn khả vậy? Ấy là vì hiểu biết chưa tinh tường mà đã muốn chê trách đường lối, nhằm tỏ vẻ đang trong thời cải cách cũng có bậc nương theo đại nguyện luân, sửa đổi pháp môn thích hợp khắp ba căn của Như Lai, là chỗ quy tông kết huyệt cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm sao cho nó được tốt lành hơn đây chẳng?

Ấn Quang không đạo, không đức, tham phỏng ít ỏi, học vấn nhỏ nhoi, chẳng thể vì pháp môn ra sức một câu, một chữ nào, nhưng muốn cho hết thảy hữu tình đều cùng sanh về Tây Phương, chẳng thể không mạo muội phạm đến bậc đại gia, dâng lên sự hiểu biết giống như hòn đá nơi núi khác¹¹² vậy. Nếu coi trọng pháp, ắt sẽ tha thứ; nếu không, dầu bảo Quang là tà kiến bàng pháp cũng hoan hỷ nhận lãnh, không dám oán trách gì!

¹¹² Đây là thành ngữ “thác tha sơn chi ngọc” (mượn hòn đá nơi núi khác để làm ngọc) nhằm tỏ ý khiêm tốn, những ý kiến đóng góp của mình vừa thô kệch vừa thiếu giá trị.

Quang mục lực suy kém, gần đây lại bị nhức đầu dữ dội, càng thêm suy kém hơn, do chuyện có quan hệ đến pháp đạo nên chẳng thể không trình bày đại lược lòng ngu thành.

55. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ tám)

Kinh Dịch chép: “*Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn thiện, tắc thiên lý chi ngoại ứng chi, hướng kỳ nhĩ giả hồ? Xuất kỳ ngôn bất thiện, thiên lý chi ngoại tắc vi chi, hướng kỳ nhĩ giả hồ?*” (Quân tử ở trong nhà, thốt ra lời lành thì ngoài ngàn dặm còn đáp ứng, hướng gì những kẻ ở gần ư? Thốt ra lời chẳng lành, ngoài ngàn dặm còn chống đối, hướng là những kẻ ở gần ư?) Cư sĩ Diễn Tông một lòng đau đầu cực lực đề cao sức chẳng thể nghĩ bàn của kinh Pháp Hoa, hiềm rằng chưa biết tường tận về nguyên do, nên viện dẫn kinh văn, phân tích phán định sự hơn kém, chẳng những trái nghịch pháp môn phổ độ chúng sanh rốt ráo của ba đời chư Phật, mà còn trái nghịch quá đáng những ý nghĩa *bổn, tích, khai, hiển* trong kinh ấy. Uổng phí cái tâm tốt đẹp để gây lầm lạc cho mình lẫn người!

Trong thư trước, tôi đã vâng mạng đáp lời, trình bày đại lược những nét đại khái, thưa là quyết chẳng thể lưu thông sách ấy. Hai ba bữa nay lại có mấy người bạn tại gia từng đọc sách ấy khôn ngoan đau đớn, biết Ấn Quang lòng dạ thẳng tuột, ăn nói thẳng băng, sẽ dám trình bày, khuyên can, từ ngoài xa mấy ngàn dặm đều gởi thư và sách ấy bảo Ấn Quang hãy làm hòn đá mài để trần thuật lẽ lợi hại, chớ để cho sách ấy được lưu thông hòng bảo toàn danh dự cho ông Lưu trong đời này, tránh khỏi quả báo trong vị lai, khuyến thiện, răn lỗi cho trọn hết tình nghĩa bè bạn trong pháp môn.

Trộm nghĩ, Ấn Quang người hèn đức mỏng, nói ra ai chịu nghe, một lần quấy nhiễu là đã quá đáng rồi, nào dám quấy nhiễu lần nữa? Tiếp đó nghĩ Ấn Quang đời trước bất hạnh, đến nỗi đời này sanh ra liền bị bệnh mắt, xuất gia hơn 30 năm, tuy thường siêng năng sám hối, do nghiệp chướng sâu đậm nên tâm chẳng nhập được đạo, mắt ngày càng quáng lòa, đoán rằng chắc là do báo đời trước nói sai Phật pháp làm hại chánh nhãn của người khác nên chiêu cảm quả báo này; suy nghĩ đến đây, lòng càng thêm nhức nhối, từ ta suy ra người, thế khôn ngăn được. Muốn cho ông Lưu và hết thầy mọi người đời đời kiếp kiếp được nhục nhãn sáng ngời, đời đời kiếp kiếp được pháp nhãn thanh tịnh, thấu hiểu sâu xa ý Phật, chứng triệt đề tự tâm, dần dần khắp các hàm thức cùng lên bờ giác, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ do quả báo chiêu cảm như Ấn Quang; cũng nhờ vào công đức ấy mà Ấn Quang tiêu bớt nghiệp chướng này. Dầu bị nói là chỉ trích, bài xích trước tác của bậc thông suốt sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục A-tỳ, chịu khổ cả kiếp dài lâu, nhưng

khiến cho hết thảy chúng sanh đều hưởng lợi ích, chỉ mình ta chịu khổ thì cũng là hạnh phúc lớn lao, được ban thưởng vô cùng không gì bằng.

Xin hãy bảo ông Lưu đừng in thêm sách ấy nữa, những sách đã in từ trước, trừ những sách đã bán ra ngoài, phàm những sách còn lưu giữ đều phó cho Bính Đình¹¹³ hết. Đừng nói là làm như vậy sẽ uổng phí bao nhiêu đó tiền tài, khó thể làm theo được. Nên biết rằng, người đời thường dùng tiền tài để làm các công đức, trọn chẳng chịu dùng tiền tài để chuộc tội lỗi. Lại có kẻ chẳng chịu làm công đức, rốt cuộc gặp phải trộm giặc, nước, lửa, vẫn bị hư hao. Huống chi sách này có những điểm gây lầm lạc cho người khác, thiêu đi chính là công đức đấy! Nếu chẳng lượng thứ cho lòng ngu thành, vẫn lưu thông y như cũ, rất sợ rằng những người nhiệt tâm bảo vệ pháp đạo nhà Phật sẽ mạnh mẽ dấy lên, viết luận chê trách, in ra sách, đăng báo, lưu truyền khắp Thần Châu¹¹⁴ thì danh dự lẫn lợi ích hai đằng đều bị hao tổn.

Nếu xót thương lòng tôi ngu thành, thủ tiêu ngay sách ấy đi, ắt người ta sẽ nói ông Lưu rất cuộc kiến địa cao minh, nên có thể thông suốt thuận theo lời can gián, chỉ tôn trọng lý. Tuy là mất mặt một lúc, nhưng quả thật chẳng phải là cố ý làm càn. Con người không phải thánh hiền, ai không phạm lỗi, hễ có lỗi mà có thể sửa thì không gì tốt lành bằng! Từ đây, danh dự ngày càng cao, đức hạnh, danh vọng ngày càng thêm rạng rỡ. Tương lai ắt ở địa vị cao cả nắm quyền cai trị nước nhà, hoằng dương pháp hóa lợi lạc quần sanh. Lập công, lập đức, lập ngôn, tự giác, giác tha viên mãn, rạng rỡ tổ tông, nở mày nở mặt tổ tiên, phước lan đến hậu duệ khiến cho ức vạn năm sau vĩnh viễn noi theo dấu thơm thì may mắn nào bằng?

Nếu không, bước thứ nhất xảy chân, khó thể gượng dậy, sự đã qua rồi, hối chẳng kịp nữa! Nếu chẳng coi Quang là kẻ ăn chức ngoài hải đảo để gởi kiếp sống tàn, ngoài chuyện nghĩ đến cái ăn ra, trăm việc chẳng làm được một việc nào, chỉ vì không làm được gì nên cũng không mong cầu gì, dầu cho được tôn lên chín tầng trời cũng chẳng tăng thêm được chút nào, dầu vùi xuống chín tầng đất cũng chẳng bị hao tổn chút nào. Vì sao vậy? Do không làm được gì nên không mong cầu, cho nên chẳng có chỗ nào để tăng thêm hay bị hao tổn, dầu có muốn tăng hay tổn chỉ thành uổng công. Chỉ vì như vậy nên mới dám lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng thừng, bảo ban cùng bạn thiết trong pháp môn. Còn nghe hay không

¹¹³ Ý nói đem hỏa thiêu hết, vì theo Dịch Học, hai thiên can Bính Đinh thuộc hành Hỏa, nên thần lửa cũng thường gọi là Bính Đinh Đồng Tử.

¹¹⁴ Thần Châu là danh xưng để gọi Trung Hoa đã có từ thời cổ. Tương truyền, vào thời cổ đại, có hai vị vua là Hoàng Đế và Viêm Đế, lãnh thổ của Hoàng Đế được gọi là Thần Châu, lãnh thổ của Viêm Đế gọi là Xích Huyện. Về sau Hoàng Đế đánh bại Viêm Đế, sát nhập lãnh thổ của Viêm Đế vào Thần Châu. Do vậy, người Hoa vẫn tự gọi mình là Viêm Hoàng Tử Tôn (con cháu Viêm Hoàng) và gọi đất nước Trung Hoa là Thần Châu.

mặc cho người ta tự liệu, chỉ tận hết lòng trung của tôi để thừa bày tấm lòng mà thôi!

(Ngày mồng 1 tháng 11 năm Dân Quốc thứ sáu - 1917)

56. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ chín)

Quang túc nghiệp rất sâu, có mắt như mù, thường chuyên chú sám hối để tiêu trừ, nhưng nghiệp vẫn như cũ. Có lẽ vì nhiều kiếp đến nay từng dựa vào ý kiến của chính mình để giảng sai Phật pháp, làm hư pháp nhãn của người khác, gây lầm lạc cho chánh trí của người ta mà ra. Vì thế, trong đời này chẳng dám vì tình cảm xấu tốt đối với người khác mà thốt lời bàn luận. Thà để cho người ta chán ghét, chửi bới, trợn chẳng dám dò tìm những điều người khác ưa thích để khen ngợi hòng tự siểm nịnh, siểm nịnh người. Từ mùa hạ năm ngoái đến nay, trao đổi thư từ với các hạ đến gần một vạn chữ, lòng ngu thành khẳng khẳng ấy ắt các hạ đã thấy tận gan ruột rồi.

Ngày 24 tháng này, cung kính nhận được cuốn Phật Học Chỉ Nam do các hạ ban cho, liền mở ra đọc đại khái. Thấy những điều được dẫn giải trong phần Thượng Biên là các ngôn luận, sự tích nhân quả do các vị danh sĩ ghi chép; thật đáng chấn động kẻ điếc, làm sáng mắt người mù, khơi gợi, dẫn dắt cho người đời. Dầu có vài chỗ chẳng thích đáng lắm, nhưng xét về đại thể, sách ấy có ích, tỳ vết nhỏ nhặt nào có hại gì. Nếu phê bình từng điều một thì sự lợi ích càng rộng lớn lắm! Hãy nên cho đăng từng phần trên Thời Sự Tân Báo để làm cho tai mắt người đời được lãnh hội điều mới mẻ, hòng thỏa thích hoằng nguyện của các hạ.

Phần Hạ Biên xét về đại thể có nhiên là tốt đẹp, nhưng phần luận về mười tông của cụ Dương Nhân Sơn, phần giới thiệu đại lược về Đại tạng của ông Lê Đoan Phủ đã từng đăng trong Phật Học Tùng Báo rồi. Nguyên bản sách Tam Quốc Phật Giáo Lược Sử vốn rất sơ sài, đại lược, nay ông lại rút gọn hơn nữa thì càng bị sơ lược lắm. Những điều khác đều giống như thế, cho đăng hay không đều được cả. Trong những bài ấy, không phải là không có những tỳ vết nhỏ nhặt, nhưng do chẳng quan hệ khẩn yếu, cũng như do Quang mục lực không đủ nên chẳng nêu ra.

Trong các tác phẩm do các hạ biên soạn, chỉ có tác phẩm này là lợi ích rộng lớn nhất, vì người căn cơ trung hạ ắt phải do nhân quả báo ứng mà nhập đạo thì mới có lợi ích thật sự. Nếu không, chỉ là ăn nói trơn tru ngoài miệng, chẳng biết giữ lòng cung kính, cẩn thận để mong đích thân thật sự chứng được. Những kẻ cuồng huệ trong cõi đời đều do lúc ban đầu chẳng uống thuốc nhân quả báo ứng này, nên đối với lời nói “trực chỉ nhân tâm, đương thể tức thị” của Phật, của tổ,

ngược ngạo hiểu làm thành “mặc tình tùy nghiệp”, lấy đó làm căn cứ để trọn chẳng kiêng dè, ác không cần đoan, thiện chẳng cần tu. Dùng phạm tình để suy lường thánh trí, biến đề-hồ¹¹⁵ trở thành tỳ sương¹¹⁶, chẳng đáng buồn ư? Sách này được xuất hiện, ắt sẽ có kẻ ôm lòng run sợ, bồi hồi, bất an; từ đây chú trọng đạt được lợi ích thật sự, chú trọng xa lìa mối họa thật sự. Từ một người cho đến nhiều người, từ một đời cho đến nhiều đời, được pháp lợi, tắm gội Phật ân, vượt biển khổ, lên bờ giác liên tục chẳng tận. Kính cẩn dùng điều này để chúc mừng các hạ!

Khi xem tới phần thư mục ở cuối cùng, vẫn thấy nêu tên cuốn Pháp Hoa Kinh Lực của ông Lưu Nhân Hàng (Diễn Tông). Mùa đông năm ngoái, các hạ đã trông lòng xin chỉ chỗ sai, tôi đã trình bày lý do chẳng thể lưu thông sách ấy. Về sau, do bạn bè từ xa gửi thư đến, bảo Quang hãy thẳng thừng bày tỏ lời pháp gián (lời can ngăn về mặt pháp), Quang lại thiết tha trình bày những điểm sai lầm của sách ấy và chỉ rõ “lưu thông sách ấy sẽ bị người khác bài xích!” Nếu Diễn Tông cố chấp không nghe, sao các hạ vẫn lưu thông giùm cho ông ta vậy? Ân Quang và Diễn Tông trọn chưa hề gặp mặt nhau, chưa nói với nhau một lời nào. Hai lá thư lần trước đa phần là tính kế cho ông Nhân Hàng, và một phần ít là tính kế cho các hạ. Nay thì chuyên vì các hạ tính kế.

Các hạ thông hiểu Phật pháp sâu xa, há chẳng biết “tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe người khác làm bèn vui theo” đều cùng chịu một quả báo do nghiệp thiện hoặc ác hay sao? Nhân Hàng là tự làm, các hạ thay ông ta lưu thông chính là đủ cả những chuyện “tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe người khác làm bèn vui theo”. Huống chi Quang hai lượt gửi thư tỏ bày lẽ lợi hại mà các hạ vẫn lưu thông ư? Chắc ý các hạ cho rằng những lời lẽ trong lá thư thứ hai vẫn là do Quang nói thác ra, chứ thật sự chẳng có ai gửi thư bảo Quang can gián.

Ông đâu biết đối với chuyện này, Quang phải tốn khá nhiều công đắn đo; do bọn họ muốn Quang dựa theo từng điều [lập luận của Lưu Diễn Tông] để quở trách, rồi cho án tổng rộng rãi những lời phê phán ấy để mong sao ai nấy đều cùng biết, chẳng bị mắc hại. Quang cho rằng: “Do tập khí, văn nhân thường mắc phải thói tệ ‘tâm vẫn chưa còn hiểu rõ đã muốn nêu tỏ’. Ta nên khuyên ông ta thiêu

¹¹⁵ Đề-hồ (manda) là một món ăn ngon được tinh luyện từ sữa, là vị tinh thuần nhất trong năm thứ vị ngon được chế biến từ sữa (tức sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề-hồ). Do món này ngon nhất nên trong kinh thường dùng để ví với Niết-bàn, Phật tánh v.v.. Theo suy luận thông thường, có lẽ đề-hồ tương ứng với pho-mát (cheese) hiện thời. Ở Trung Hoa còn có một món ăn cũng được gọi là đề-hồ chế biến bằng cách đun nóng sữa tươi riu riu cho đến khi chất kem và chất béo trong sữa đọng thành váng trên mặt. Hót lấy váng đó cùng chất dầu trong sữa đựng trong chén để nguội gọi là đề-hồ. Xưa kia, món này được coi là một món ăn quý, chỉ có giai cấp quyền quý mới được ăn.

¹¹⁶ Tỳ sương là oxide thạch tín (arsenic) rất độc, còn gọi là nhân ngôn, ăn vào người bị trúng độc hộc máu, giãy dụa, co quắp rất đau đớn trước khi chết. Do chất này không có mùi vị, nên người bị hãm hại khó thể nhận biết được.

hủy sách, vĩnh viễn chẳng lưu thông là được rồi. Đâu cần phải nói nhiều gây lăm phiền nhiễu, làm chuyện tốn kém tiền tài!” Do vậy, bèn đem lá thư thứ nhất và lá thư thứ hai cùng gởi đi, lại còn dặn đừng đưa thư Quang cho người khác xem. Ông ta gởi thư trả lời, nói Quang muốn thủ tiêu một cách vô hình, đôi bên ai nấy đều được lợi ích. Đọc xong khiến cho người ta ứa lệ.

Nào ngờ năm nay các hạ vẫn ký tên lưu thông, thì ra lá thư các hạ trả lời Ấn Quang chính là mưu mẹo để dỗ cho đứa bé nín khóc, chứ không phải là lời lẽ thể hiện sự vui mừng, kính phục từ trong tâm. Ấn Quang yêu mến các hạ còn hơn các hạ yêu mến Quang, vì thế lại khóc oa oa. Nếu các hạ chịu rủ lòng thương, bất luận Nhân Hàng nói trước tác của chính mình cao sâu đến đâu, các hạ sẽ bảo ông ta “ông muốn lưu thông thì hãy tự lưu thông, dầu dùng oai phước để bức bách, tôi cũng chẳng chịu thay ông lưu thông”, Quang sẽ hết khóc liền. Nếu không, Ấn Quang chỉ tự oán mình đời trước khẩu nghiệp quá sâu đến nỗi đời này lời nói chẳng được ai tin. Mười pháp giới mặc người tự tạo, nào có liên can gì đến ta? Tuy tâm thật sự chưa thể thỏa thích, vui sướng, nhưng cũng chẳng khóc nữa. Vì sao? Vì vô ích cho người khác, gây tổn hại cho mình; sao bằng thôi đi, lẽ đâu bắt chước chim cuốc (đỗ quyên) gào sông vô dụng? Các hạ phát hoảng thế nguyện, muốn lợi khắp hết thấy chúng sanh, nhưng lại cực lực lưu thông sách có hại cho huệ mạng của chúng sanh là vì pháp nhãn chưa thể thấy thấu triệt điều tệ ấy hay chẳng? Hay là vì tình cảm mà a dua điều người khác ưa thích đó chẳng? Quang chẳng thể nào biết được! Nếu vẫn cứ tiếp tục lưu thông sách ấy thì Quang chẳng dám hướng về các hạ mở miệng nữa đâu!

Tháng 8 năm ngoái, tiên sinh Trương Vân Lôì gởi thư đến, Quang gởi thư trả lời nói đại lược: Thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, ông chịu trách nhiệm chính ở tờ báo, đối với những ngôn luận kiêu giết, phóng sanh v.v. và những sự tích nhân quả báo ứng v.v., mỗi ngày hãy nên đăng tải một hai điều, khiến cho người đọc thấy được tấm gương rành rành, giữ lòng răn dè, cẩn thận, dần dần được dò mài, dần dần được tiêm nhiễm, ngày càng hướng về nơi bậc thánh bậc hiền mà chẳng tự biết. Ông ta gởi thư trả lời cho biết sẽ dành riêng một cột báo, chuyên đăng tải những ngôn luận nhà Phật. Quang đã bắt đầu Phật thất, cố nhiên chẳng trình bày nguyên do. Ông ta cùng với Diệp Bá Cao, Ứng Quý Trung v.v., mười mấy người bàn định chương trình, cho đăng tải hằng ngày. Họ cử ông Diệp Bá Cao chịu trách nhiệm duyệt bài, đọc rồi mới được đăng báo. Đến tháng Chạp, họ đăng thông cáo về việc ấy, mới biết đến biện pháp đó.

Kể đó, Chu Mạnh Do nhiều lượt gởi thư bảo Quang viết luận, thoát đầu Quang cật lực từ chối, tiếp đó bắt buộc dĩ phải ưng thuận, chỉ sao chép lại bao nhiêu đó

bài văn hủ bại của chính mình gởi đi. Nghe nói những bài được đăng tải trong tháng Giêng đều là những văn từ hủ bại của Quang. Cũng có những bài không do Quang gởi, mà là thư của Quang gởi cho người khác, người ta tự gởi đến tòa báo. Quang xin những đồ ăn thừa, giữ được những thứ cơm thừa, canh cặn ấy, những vị danh nhân ấy nhận lấy, đem dâng lên tai mắt của mọi người, khôn ngăn hổ thẹn đến chết người, nhưng cũng chẳng biết làm sao được? Chỉ đành để mặc mà thôi! Viết ra những điều này để chuốc lấy một tiếng cười vậy.

(Ngày 25 tháng Giêng năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

57. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười)

Đã lâu chưa nhận được thư, khôn ngăn mong tưởng, từ đầu xuân đến nay, chắc là đứng ngồi đều hưởng phước, các duyên như ý, xin chúc mừng! Bộ Văn Sao hủ bại của Quang đã được xuất bản. Vào mùa đông năm ngoái, Quang đã báo cho ông Vân Lô nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán lúc sách được in ra, hãy gởi 12 bộ, tổng cộng là 60 bộ, báo tin cho người làm của các hạ đến nhận; 65 bộ kia gởi hết về cho Quang. Ông ta đã cùng Quang tính toán: [Mỗi cuốn sách được tính giá] bớt đi 30% thì với 50 đồng sẽ thỉnh được 125 bộ sách. Nhưng thư cục non gan, sợ sách không bán được sẽ cắt vốn, chỉ in ra 2.000 bộ, đến khi sách được in ra, người thỉnh quá nhiều. Đối với số sách do Quang yêu cầu, dù thúc giục họ cũng không giao. Vân Lô nhiều lần thúc giục, họ vẫn không giao. Chắc là họ giữ lại để bán ra theo giá thật sự trên thị trường, đợi đến khi tái bản mới giao sách. Chắc là 60 bộ của các hạ, e rằng họ cũng chưa giao.

Tiếp đó nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn, vì trong cuốn Phật Học Tiệp Kính (đường tắt trong Phật học) đã đem những lời lẽ hủ bại của Quang xếp chung với ngôn luận của các vị đại tổ sư, các vị đại cư sĩ, càng thêm xấu hổ không chỗ dung thân. Quang là một kẻ vô tri vô thức, đối với Phật học trọn chẳng hiểu biết gì. Tuy đối với một pháp Tịnh độ tin tưởng sâu xa, nhưng nghiệp sâu tuệ cạn, làm sao nêu tỏ cho được? Dẫu có một hai kẻ thấy Phật kính tăng hỏi đến thì cũng chỉ là lấy những thứ cơm thừa canh cặn để chính mình tự nương cậy, tự giữ mạng sống, hay là những pháp gom cỏ nhóm lá để đáp lời hồng khôi bị quở trách; nào đáng được xếp chung với các ngôn luận của những vị đại tổ sư, các vị đại cư sĩ. Trong bài Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận (bài luận về cạn hết lòng thành mới đạt được lợi ích thật sự), tôi vốn muốn sưu tập rộng rãi những câu chuyện chứng minh cho vấn đề phước hay tội vì kính trọng hay khinh nhờn để làm khuôn phép răn nhắc lớn lao cho con người hiện thời, nhưng vì mục lực không đủ nên chỉ sao chép được một hai câu chuyện mà thôi.

Sách An Sĩ Toàn Thư trong thế đế bao gồm Phật pháp, do vậy tiên sinh Nhân Sơn cũng đưa tên sách ấy vào trong cuốn Đại Tạng Tập Yếu¹¹⁷, các hạ soạn mục nói về sách ấy trong bộ Phật Học Đại Từ Điển sẽ có lợi ích lớn lao. Năm ngoài, An Sĩ Toàn Thư đã được khắc in lại ở Vân Nam, ước chừng đến cuối năm sẽ xong, vẫn còn chưa gởi đến. Những văn từ hủ bại của Quang cũng được ghép vào trong ấy. Tuy văn tự hèn vụng, nhưng cũng có thể dùng làm hướng dẫn vụng về cho kẻ sơ cơ.

Huệ Mạng Kinh¹¹⁸ chính là sách của bọn ngoại đạo chuyên dùng Phật pháp để chứng minh cách luyện đan, lại ngược ngạo lắm phen hủy báng Phật pháp. Các hạ là bậc cao minh, lại còn cực lực hoằng dương Phật pháp, sao lại đem sách ấy xếp vào Phật điển (những kinh sách nhà Phật)? Chẳng những gây hiểu lầm cho độc giả, lại còn ảnh hưởng lớn lao đến tiếng tăm nghiên cứu Phật học của các hạ. Người sáng mắt đọc đến ắt sẽ cho rằng các hạ tà chánh không phân, vẫn theo đuổi chuyên luyện đan.

Hơn nữa, nếu chỉ nói đến chuyện luyện đan thì cũng không gây hại lớn lao chi lắm, nhưng sách ấy dẫn toàn kinh Phật, lời tỏ để làm chứng cho phép luyện đan, biến chánh thành tà, khiến cho con người không phân biệt được. Nếu có chỗ nào không thích hợp, ngoại đạo liền sửa đổi câu chữ. Như câu “*duy hữu nhất thừa pháp, dư nhị tắc phi chân*” (chỉ có pháp nhất thừa, hai pháp kia chẳng thật) trong kinh Pháp Hoa, chúng liền giảng là “huệ mạng song tu”. Lại còn vẽ hình thân tạng, viết hai bên, một bên thuộc huệ, một bên thuộc mạng, cho rằng “huệ mạng song tu thì mới có thể thành đạo”. Dẫn đoạn văn ấy từ kinh Pháp Hoa để làm chứng, nhưng sửa chữ dư thành chữ trừ (thành ra “*duy hữu nhất thừa pháp, trừ nhị tắc phi chân*”) bảo rằng: “Ngoại trừ huệ mạng song tu ra thì không có gì là thật hết.” Phàm những tông Thiên, Giáo, Luật, Tịnh, Mật và lục độ vạn hạnh v.v. được nói trong kinh Phật không gì chẳng bị chúng đả phá, bài xích.

Cuốn sách ấy đều do những kẻ hèn kém vô tri tự ẩn tống, lưu hành riêng tư, tự truyền thọ riêng tư, bậc chánh nhân quân tử trông thấy đem đốt đi còn không kịp. Nào ngờ các hạ lại đưa sách ấy vào trong từ điển, tại hại không thể kể xiết! Mong rằng với những bản đã in ra hiện nay, hoặc dùng mực bôi đen đi, hoặc dùng

¹¹⁷ Cuốn này có tên đầy đủ là Đại Tạng Tập Yếu Mục Lục được Kim Lăng Khắc Kinh Xứ ấn hành vào năm 1866, nội dung giới thiệu danh mục những tác phẩm trọng yếu trong Tam tạng kinh Hán truyền. Đồng thời, đối với mỗi tác phẩm giới thiệu những nội dung tư tưởng chánh yếu của bộ kinh sách ấy.

¹¹⁸ Huệ Mạng Kinh là một cuốn kinh của Đạo giáo chuyên xuyên tạc những câu kinh Phật để chứng tỏ pháp luyện đan, tu tiên do Liễu Hoa Dương soạn ra vào cuối đời Minh. Họ Liễu thuở nhỏ đã từng vào chùa tu, nên thường tự xưng là thiền sư Liễu Hoa Dương. Về sau, gặp được đạo sĩ Ngũ Xung Hư bèn “hoát nhiên khai ngộ”, từ đó tận lực hoằng dương cái gọi là Tiên Phật Hiệp Tông, tức là xuyên tạc, cắt xén kinh văn Phật giáo để chứng minh phép tu tiên.

dao rạch bỏ [trang giấy đã in từ ngữ ấy] để người đọc chẳng bị làm lạc, cũng như bảo toàn được kiến địa của chính mình. Trong lần in sau này, hãy để bỏ mục nói về sách ấy khỏi ván in thì một nồi canh thơm ngon chẳng bị phân chuột làm ô uế. Lúc Quang mới xuất gia từng thấy sách ấy, tới Bắc Kinh cũng nghe nói có hạng người như vậy. Xuống phương Nam tuy chưa thấy, nhưng tại Hàng Châu Kinh Phường hiện đang lưu thông. Những người lưu thông kinh Phật ấy chính là những kẻ được đức Phật gọi là “hạng người đáng thương xót”, nhưng hạng người có thể lực chẳng ra sức ngăn cấm thì người sẵn có tín tâm sẽ nhập tà pháp, rồi từ đây chỗ nào cũng đều có. Thẹn mang tiếng tri tâm, nên nói thẳng không giấu giếm, mong hãy rửa lòng tha thứ.

(Ngày 25 tháng Giêng năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

Pháp sư Ngọc Phong tuy hành trì tốt đẹp, nhưng kiến giải về mặt lý nhiều chỗ thiên vị. Tu theo những điều được nói trong các trước thuật của sư thì cũng được vắng sanh, nhưng những lời thiên chấp chưa khỏi gây trở ngại lớn lao. Ngay như cuốn Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết của sư, về ý thì cũng không có chỗ nào chẳng tốt đẹp, nhưng dùng từ ngữ, lập luận thật mâu thuẫn với những bậc cổ đức. “Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu nhất tâm” là đã trái nghịch, làm lạc với toàn thể. Kinh dạy người ta nhất tâm, sư lại dạy người ta chẳng cầu. Chẳng trừ vọng tưởng mà có thể đạt được nhất tâm hay sao? Chọn lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung. Há có nên vì chẳng thể đạt được mà chẳng giữ lấy pháp ấy hay sao? Nếu do chẳng đạt được mà dạy người khác chẳng giữ lấy pháp ấy thì chính là dạy người khác học theo pháp bậc hạ vậy.

Đại Thế Chí Bồ-tát nói “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, sư cực lực dạy người khác tán tâm niệm, chẳng tán dương nhiếp tâm niệm. Niệm Phật tuy hết thấy vô ngại, nhưng muốn đích thân chứng được tam-muội thì cố nhiên giữ tâm cho tịnh vẫn tốt hơn. Nếu chẳng thể tịnh thì cũng không trở ngại gì, đấy chính là “ngay trong nơi động mà tịnh”. Sư một mực coi tịnh là tà, cho rằng cố giữ cho tâm tịnh là trái nghịch rất lớn ý chỉ “chấp trì danh hiệu, nhớ Phật, niệm Phật”, lỗi ấy không thể nào diễn tả được.

Hơn nữa, một pháp niệm Phật bao gồm trọn vẹn hết thấy pháp môn trong một đời [giáo hóa của đức Phật], mà một chữ tịnh vẫn bị đặt ra bên ngoài thì há có đáng gọi là vị chân thiện tri thức trong Tịnh tông hay chẳng? Mong lần sau tái bản hãy gạt bỏ mục viết về sách Tứ Đại Yếu Quyết, ngõ hầu kẻ sơ cơ chẳng đến nỗi mắc bệnh, mà người thông suốt cũng không do đâu mà chê cười được. Hoàng pháp lợi sanh thật chẳng phải là chuyện dễ dàng, hễ hơi thiên chấp, bao mối tệ chen chúc nảy sanh, chẳng thể không cẩn thận!

58. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười một)

Cuốn Phật Học Chỉ Nam do ông đã rộng lòng ban cho trước đây rất có ích cho kẻ học Phật và những kẻ chẳng tin nhân quả, chẳng tin Phật pháp. Những lời nói của các bậc danh nhân được dẫn trong ấy cũng có những câu chẳng thật đúng pháp lắm, nhưng vì mục lực không đủ nên chẳng thể chỉ ra được. Tiếp đó, nghĩ các hạ dùng cuốn sách làm kim chỉ nam để dẫn dắt người khác vào biển pháp, nếu cây kim ấy bị cong vẹo đôi chút vẫn chưa chắc không khỏi đi sai hướng. Vì thế, nay nêu lên những điều tôi từng thấy được (Quang mục lực không đủ, chưa thể đọc trọn khắp. Ở đây chỉ nêu lên những gì mình thấy được mà thôi). Đối với những điều chưa thấy được, cũng có thể dựa vào đây để suy ra, để rồi các hạ sẽ sửa đổi đại lược lời văn, hoặc bình luận ngay sau câu ấy khiến cho người thấy nghe không bị nghi ngờ, lầm lạc thì mới thỏa thích được cái tâm hoằng pháp độ sanh của các hạ.

Hàng thứ sáu ở mặt sau trang thứ mười bảy cuốn Thượng Biên, nay trong đoạn văn ấy chỉ viết là “ngày đó, tháng đó là trai kỳ Quán Âm”, ấy chính là chẳng biết duyên do đức Phật rủ lòng tạo phương tiện khiến cho con người từ tạm thời mà đạt đến thường hằng, do giảm dần mà đoạn dứt. Ở dưới đoạn đó, hãy nên luận cặn kẽ rằng: Đức Phật chế ra cách ăn chay theo trai kỳ (ăn chay theo ngày) vốn là pháp phương tiện để vĩnh viễn đoạn dứt sát nghiệp và thói ăn thịt. Đọc những thiên sách do ông Kỷ (Kỷ Hiểu Lam) ghi chép, biết ông ta tin nhân quả nhưng chưa biết Phật pháp. Phật pháp khó được nghe như thế đây, những người được nghe là do đời trước vun bồi quả thật chẳng nông cạn đâu! *(Nếu chẳng thêm lời bàn thì chỉ nên ngừng ở chữ tín nơi hàng thứ năm, những phần dưới đều lược bỏ đi)*.

Thêm nữa, hàng thứ 8 nơi trang 30, [dẫn lời Viên Tử Tài khen ngợi ông Hồ Bảo Tuyền]: “Ông một đời chẳng chịu vào miếu, thần Phật trông thấy đều đứng dậy.” Viên Tử Tài thông hiểu rộng rãi mà vẫn lẫn lộn thần với Phật, gọi thần là “thần Phật” do đây cũng biết rằng ông Viên chẳng biết gì về Phật pháp. (Hàng thứ 11 ghi) “những vị khác như Như Lai, Tiên Tử, Quan Công, Tể Tướng¹¹⁹ đều chưa trông thấy”. Tể Tướng mà còn chưa trông thấy thì những vị đứng dậy chính là những ông thần như Thành Hoàng, Thổ Địa, hoặc các thần trong năm đường, đều gọi lẫn lộn là “thần Phật”, cũng chẳng phải là gây lầm lẫn cho người khác quá đáng ư? (Hàng thứ 13) “Chỉ thần Phật là chánh trực thông minh”, (hàng thứ

¹¹⁹ Tể Tướng chính là Tể Tướng Tử Văn, làm Huyện Ủy xứ Mật Lăng (nay là Nam Kinh) thời Đông Hán, đánh giặc bị tử thương, nhiều lượt hiển linh nên Tôn Quyền nhà Đông Ngô lập miếu thờ, phong tặng tước hiệu Trung Đô Hầu, sắc phong làm sơn thần của Chung Sơn, đổi tên Chung Sơn thành Tể Tướng Sơn.

8) hãy nên ghi thành “thần trông thấy đều đứng dậy”, (hàng thứ 13) nên ghi là “chỉ có thần là chánh trực thông minh” thì kẻ vô tri vô thức chẳng đến nỗi cho là Phật kính trọng ông Hồ Bảo Tuyền.

Trong cuốn Thượng Biên, từ hàng cuối trang thứ 33 cho đến hàng thứ 6 trang thứ 34, hãy nên lược bỏ đi. Đoạn này nói về cách tu luyện của Đạo gia, chứ không phải là Phật pháp. Dem dẫn vào bộ Chỉ Nam, chỉ sợ gây nghi ngờ, làm lạc cho người ta. Phật pháp chẳng để sót điều thiện nhỏ nhất nào, nhưng chẳng chấp nhận học chuyện ấy. Điều này khẩn yếu đến cùng cực vậy!

Chương thứ nhất cuốn Hạ Biên, nơi hàng thứ bảy trang 35, nên ghi là: “Phu nhân¹²⁰ đến vườn Tỳ-lam, thấy một cái cây to tên là vô ưu.” Viết như thế câu văn sẽ trong sáng. Nơi chương thứ nhất, từ hàng 13 của trang 35 cho đến hàng thứ 4 nơi trang sau, phần này thuộc về chuyện oán gia đòi trước đòi mạng mà hiện ra hình tướng lạ lùng ấy. Do Văn Hiến Công oán ghét sự hiển đạt rạng rỡ của Quân Ngọc mà chẳng biết nguyên do, cho đấy là Bò-tát thị hiện, thoát đầu đặt tên là Phật Nô, tiếp đó nó thiêu đốt ngôi tháp đã xây, trọn chẳng biết là oán gia đòi trước đòi mạng vợ chồng đưa con nuôi. “Phật pháp khó thể biết, tà chánh khó thể rõ” là như vậy đó.

Thêm nữa, dòng thứ 14 của mặt sau trang 35, “Quỷ Phương” chính là Tây Vực. Kinh Dịch ghi: “*Cao Tông phạt Quỷ Phương, tam niên phát khắc*” (Cao Tông đánh Quỷ Phương¹²¹, ba năm chẳng thắng) đủ để chứng minh điều này. Đòi Thương gọi là Quỷ Phương, đòi Chu gọi là Hiểm Duẫn, đòi Hán gọi là Hung Nô.

Cuốn Hạ Biên, nơi dòng thứ 8 thuộc mặt sau trang 38, dưới câu “nhập tam-ma-địa” nên ghi là: “Do ta cúng dường Quán Âm Như Lai khiến cho thân ta thành được ba mươi hai thân ứng hóa, tùy cơ thuyết pháp khiến cho các chúng sanh đạt được mười bốn thứ công đức vô úy và bốn thứ vô tác diệu lực chẳng thể nghĩ bàn nơi thân tâm ta.” Như thế mới chẳng trái nghịch ý nghĩa của kinh mà ngữ ý cũng được thông suốt. Nếu chỉ ghi “ta cúng dường Quán Âm, khiến cho mười phương

¹²⁰ Phu nhân ở đây là phu nhân Ma-gia, mẹ đức Phật. Vườn Tỳ-lâm tức là vườn Lâm-tỳ-ni (Lumbini). Vô ưu (aśoka được phiên là a-thúc-ca, hoặc kimsuka – chân-thúc-ca, khắn-chúc-ca, kiên-chúc-ca), còn được dịch là xích sắc, nhục sắc hoa, được coi là một loài cây thánh ở Ấn Độ, có tên khoa học là *butea frondosa*, thường chỉ mọc ở bán đảo Ấn Độ cho đến Tích Lan. Cây cao đến hai ba mét, lá và hoa đều to. Lá thường được dùng để chế thuốc nhuộm, hạt cây ép ra dầu có tính sát trùng, hoa màu đỏ, trông tựa tựa như hình bàn tay người.

¹²¹ Theo từ điển Từ Hải, Quỷ Phương là tên một dân tộc thời cổ, thuộc thị tộc Quý Phương. Vào thời nhà Ân, nhóm dân này sống ở Thiểm Tây và phía Bắc tỉnh Sơn Tây, là cường địch của nhà Ân Thương lẫn nhà Chu. Cao Tông chính là vua Vũ Đinh nhà Ân đã đánh nhau với tộc người này dai dẳng suốt ba năm. Do dân Quỷ Phương sống ở phía Tây Trung Hoa nên chữ Quỷ Phương thường để chỉ chung các dân tộc sống ở phía Tây Trung Hoa.

chúng sanh xem thấy âm thanh” thì thành ra có đầu không đuôi, ngữ ý không trọn vẹn.

Trong dòng kế tiếp viết: “Kính xét: Phẩm vị của Bồ-tát vốn thông với chư Phật”, nên viết là: “Phật thuộc quả vị, Bồ-tát thuộc nhân vị. Dù quá khứ đã thành Phật đạo, nhưng lại hiện làm thân Bồ-tát thì cũng chẳng nên gọi lẫn lộn là Phật.” Bồ-tát hiện hình trong sáu đường, không thân nào chẳng hiện. Há nên chỉ dựa vào những thân đã hiện để biện định phẩm vị ư? Các hạ chưa suy nghĩ sâu xa ý nghĩa của đoạn kinh văn vừa dẫn nên mới phạm khuyết điểm này (Câu “lúc ta làm Bồ-tát” chính là chỉ lúc trong quá khứ, ngài còn chưa thành Phật).

Mặt sau trang 79, dòng thứ 6: “Mồ con trai được La-hán, được Quán Âm”, từ dòng thứ 8 là “từ trong con trai thấy được tượng Phật, hay tượng Bồ-tát”, những ghi chép thường được lược bớt giống như thế. Hơn nữa, xưa kia có kẻ chẻ đầu lợn tìm được nhục thân Phật nơi răng hàm. Giết dê nấu chân giò mãi không chín, chẻ ra thấy có tượng Phật bằng đồng. Giết trâu cắt lấy thận, mổ ra tìm được tượng Phật bằng thịt. Bắt được con trai to, cạy ra không được, ý muốn bỏ mặc đó cho nó tự há miệng, thấy trong con trai có một vị Phật bằng ngọc trai. Đấy đều là vì Phật, Bồ-tát đại từ bi hiện thân trong dị loại, rút cuộc hiện bản, khiến cho các chúng sanh kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, biết rõ “hết thảy chúng sanh do mê trái bản tánh nên đọa lạc trong ác đạo, nhưng cội nguồn tâm tánh trọn chẳng khác gì Phật”. Nếu ta chẳng sớm giác ngộ, tương lai cũng đọa vào trong những loài ấy; đâu dám chẳng tự thương mình, xót người, lớn tiếng đau đớn kêu gào cùng làm cho mọi người mau lên bờ giác ư?

Còn như vỏ con trai ở Phổ Đà có hình Phật là do kẻ gian ngụy tạo, được bán quanh năm ở các tiệm đã mấy chục năm rồi. Họ cắt đôi vỏ trai ra, bỏ tượng Phật bằng đồng vào trong ấy rồi ghép lại. Có người nói, kẻ làm giả bắt con trai còn sống, mổ ra nhét tượng đồng vào rồi nuôi trai trong nước, đợi khi chúng lành vết thương bèn bắt ra đem bán. Cách chế biến sống hay chết như thế nào, rút cuộc không hiểu rõ, nhưng ngụy tạo là chuyện hết sức đích xác. Ôi, kẻ gian mang tâm cầu lợi, cũng có thể nói là trí trá đến cùng cực, nhưng họ đã che mắt người ta được thì sẽ thường do đấy mà bán được, chẳng đáng buồn sao? (Đối với chuyện vỏ trai ở Phổ Đà hãy lược bỏ một đoạn, bỏ đoạn ngụy tạo giữ lại đoạn nói về sự thật. Nếu chẳng lược đi thì người ta ắt sẽ đua nhau mua, chắc sẽ đến nỗi do thứ ngụy tạo mà nghi ngờ thứ thật, không thể không cẩn thận).

Dòng 10 trang 83, “xét ra chú Đại Bi phát xuất từ kinh Đại Bi Đà La Ni thuộc Mật Bộ. Quán Thế Âm Bồ-tát nói chú này xong, mặt đất chấn động sáu cách, trời mưa xuống bốn loại hoa, chư Phật hoan hỷ, chúng hội đều được lợi ích. Đại Phạm

thiên vương thừa hỏi tướng mạo của chú này”, Bồ-tát nói “tâm đại từ bi là tướng mạo của chú này” cho đến câu thứ 10 “vô thượng Bồ-đề tâm là tướng mạo của chú này”. Hãy nên viết như thế thì văn tuy đại lược nhưng lại lịch rõ ràng. Ông Lương (Lương Khải Siêu¹²²) chẳng nêu bày lại lịch khiến cho cả mười câu đều hỏng.

Dòng thứ 4 thuộc mặt sau trang 83, gồm hơn 20 điều. Dòng thứ 7, dùng vị Hộ Pháp Kim Cang để giải thích chữ Kim Cang trong [tựa đề kinh Kim Cang] Bát-nhã¹²³. Ông nói là tìm chữ tương đồng để gạt bỏ chỗ sai khác, chẳng đoái hoài về lý là đúng hay sai, sao mà cũng chẳng hiểu nghĩa kinh đến mức cùng cực như thế? Ông Đàm Khê biên soạn nhiều năm mà cũng nói như vậy, Lương Cung Thần¹²⁴ thuận theo cách hiểu của cha nên ghi như vậy. Dù thấy Đàm Khê và cha con họ Lương đều là hạng tin Phật nhưng chẳng biết Phật pháp. Nói chung là vì đời trước thiện căn chẳng chân thật, cho nên đời này suốt đời thọ trì đại pháp của Như Lai mà rốt cuộc vẫn là kẻ đứng ngoài cửa. Hãy nên ghi: “Tiên sinh thường nói kinh Kim Cang nghĩa lý sâu xa, uyên áo, ba đời chư Phật đều do kinh này mà ra. Nếu có thể chí thành biên chép, đọc tụng thì không phước nào chẳng đưa đến, không họa nào chẳng diệt. Vì thế kinh dạy: Kinh này nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn.”

Dòng thứ 11 nơi mặt sau trang 83, từ trang 90 trở đi cho đến câu “Phật chẳng đáp lễ ta”, hãy nên lược bỏ đi. Ông Viên Tử Tài học rộng, thông đạt, mà trong phần truyện ông Hồ Bảo Tuyền¹²⁵ ở cuốn Thượng Biên đã gọi lẫn lộn thần là “thần Phật”, bảo “thần Phật” thấy ông Hồ đều đứng dậy. Trong ấy lại ghi là “các vị khác như Như Lai, Tiên Tử, Quan Công, Tể Tướng Hưu đều chưa thấy”, phần cuối

¹²² Rải rác trong Văn Sao, nhất là trong những lá thư gởi cho Đinh Phước Bảo, tỏ thường chê ông Lương Khải Siêu học Phật chưa đến nơi đến chốn, chỉ viện dẫn ý kiến của một hai tác giả Nhật Bản, chứ không đích thân nghiên cứu kinh điển tường tận, nên thường nêu ra nhận xét hết sức võ đoán, hồ đồ về Phật pháp.

¹²³ Gọi là Kim Cang Hộ Pháp (Vajrapani) vì các vị hộ pháp này thường cầm chày kim cương (kim cương xứ) hiện tướng mạo phần nộ, nhằm thể hiện ý đối trị phiền não, biến phiền não thành giác ngộ, đập tan chướng ngại. Còn chữ Kim Cang (Vajra) trong tựa đề kinh Kim Cang là mượn chất kim cương cứng chắc, phá hoại được mọi thứ, không gì phá hoại được để thí dụ Phật tánh thường hằng bất biến có diệu dụng không thể nghĩ bàn.

¹²⁴ Lương Cung Thần (1814-?) là một văn học gia nổi tiếng dưới đời Thanh quê ở Phước Châu, tỉnh Phước Kiến, là con trai thứ ba của đại văn học gia Lương Chương Cự. Trước tác nổi tiếng nhất là Bắc Đông Đường Bút Ký, được đánh giá chẳng hề thua kém tác phẩm Doanh Quan Tùng Thoại Toàn Biên của cha. Ông Đàm Khê cũng là một văn nhân nổi tiếng vào đời Càn Long - Gia Khánh, thường xướng họa mật thiết với Kỳ Hiểu Lam, Vương Lan Tuyền v.v..

¹²⁵ Hồ Bảo Tuyền (1694-1763) là một danh sĩ đời Thanh, vốn có tên lúc bé là Kim Lan, tự là Thái Thư, người Thanh Phố, phủ Tùng Giang, tỉnh Giang Tô, đỗ tiến sĩ dưới thời Ung Chánh, từng đảm nhiệm chức vụ Tuần phủ nhiều tỉnh, cuối cùng được thăng lên Binh bộ Thượng thư kiêm Thái tử thiếu phó, Thái tử thái bảo dưới thời Càn Long. Trước tác còn để lại bộ Thi Văn Tập gồm 20 quyển. Ông được coi là người chánh trực, khiêm cung, cẩn trọng, nên rất được các bạn đồng liêu và hoàng đế kính trọng.

lại ghi “chỉ thần Phật là chánh trực thông minh”, cho nên biết rằng vì ông Hồ Bảo Tuyên là quý nhân, chánh nhân (con người chánh trực) mà thần thánh kính trọng. Tài tử vẫn là tài tử, đối với chuyện soạn văn ghi chép sự việc, sao lại hồ đồ cùng cực như thế?

Còn trong chương này thuật chuyện ông Dương lạy Phật, tượng Phật liền đứng dậy lạy trả. Đây chính là do sức ác nghiệp đời trước mà oán gia trái chủ hiển hiện cảnh ấy, cốt sao ông ta sanh lòng hoan hỷ lớn lao, tưởng mình đắc đạo liền bị ma dựa phát cuồng, phá hoại công phu từ trước để báo oán. May là ông ta có sức công đức sâu nên chưa bị tổn hoại, rốt cuộc được chánh niệm vãng sanh. Ông Tử Tài và bà nội ông ta tưởng đó là chuyện thật, chẳng đáng buồn sao? Phật là tam giới đại sư, Đẳng giác Bồ-tát lễ bái mà Phật còn chẳng ngăn trở, huống là đáp lễ họ Dương ư? Chánh nhãn chưa mở, chẳng biết cảnh ma. Tử Tài mà còn như thế huống gì những kẻ khác!

(Ngày 28 tháng Giêng năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

59. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười hai)

Vừa nhận được thư khôn ngăn hồ thẹn, Quang mặc sức nói càn, nào đáng coi như khuôn phép? Nhưng một niệm ngu thành, các hạ đã thương xót sâu xa mà chấp nhận. Đối với sách Phật Học Chỉ Nam, Quang chỉ mới đọc kỹ phần bàn luận thêm của Thượng Biên và Hạ Biên, những phần khác chưa thể đọc trọn hết. Do tiện đâu thấy đấy nên chẳng theo thứ tự nào, nêu lên lời thôi một hai điều. Gần đây mực lực càng thêm suy kém, nếu đọc hết cả bộ sách chắc là rất phí sức, thật khó thể vãng mạng được (chuyện viết lời tựa thì Quang học thức ở ngoài da, nông cạn, bút mực nhạt nhẽo. Mấy chục năm qua, hết thấy những người tri giao chưa có một ai bày ra chuyện này, xin hãy rộng lòng tha thứ).

Tòa báo Thời Sự cũng bảo đem những phần bàn luận thêm của Thượng Biên và Hạ Biên cho đăng báo từng kỳ một, còn phần chánh văn của Hạ Biên họ chỉ nói đã đăng trong Phật Học Tùng Báo, có lẽ phần sao lục chi tiết từ sách Tam Quốc Phật Giáo Lược Sử không cần phải đăng (Quang lại bảo ông Vân Lô: Tác phẩm Thiếu Niên Tấn Đức Lục của ông Đinh chính là khuôn mẫu cho bọn thiếu niên, hữu ích lớn lao cho thế đạo nhân tâm, ngoài chuyên mục Phật học, hãy nên đăng tải đầy đủ tác phẩm này để giúp cho công cuộc văn hồi thế đạo nhân tâm).

Vì sao biết bài Đại Tạng Đại Lược là thủ bút của ông Đoan Phủ? Khi tờ Phật Học Tùng Báo đăng bài văn này, ông Đoan Phủ đang chịu trách nhiệm biên tập cho tờ Tùng Báo; hơn nữa ông ta đã chấp thuận lời mời của Tàn Già Hoa Viên

hơn nửa năm rồi. Đoan Phủ học thức cao minh, bút mực siêu diệu, tăng tục thời gần đây hiếm ai sánh bằng.

Trích lục những câu danh ngôn để phụ trợ giáo lý, dấu chẳng ghi tên người nói những câu ấy cũng chẳng phải là cướp đoạt cái hay của người khác. Nếu mạo nhận đề tên chính mình thì mới nói như vậy được, chứ chưa đề tên mình thì cần gì phải quá khiêm tốn? Nhân quả báo ứng là phương tiện đầu tiên để nhập đạo của Nho giáo lẫn Phật giáo, mà cũng là cương tông để chứng đạo của Nho giáo lẫn Phật giáo. Người đời thường coi nhân quả báo ứng là chuyện thiên cận, đến nỗi bao nhiêu kẻ chẳng thể vượt khỏi thường kiến và đoạn kiến. Nếu chẳng theo gót bọn xiển-đề thì cũng là phường “kẻ chuyện ăn, đếm của báu”! Sách Pháp Hoa Kinh Lục của ông Lưu Diễn Tông đã sớm bỏ đi rồi, công đức vô lượng. Cái hại của sách ấy chẳng thể nào nói tường tận được! Tuy khen ngợi Pháp Hoa nhưng chẳng khen ngợi được đạo của Pháp Hoa. Cái tội trái nghịch Pháp Hoa đã đáng thiêu hủy rồi, huống chi phá hoại pháp môn Tịnh độ “rót ráo thích hợp khắp ba căn khiến cho ai nấy được liễu thoát ngay trong đời này” của ba đời chư Phật ư? Bạn bè đau lòng buốt óc, nuốt lệ bảo với Quang, cho nên Quang mới hai lượt giải bày lẽ lợi hại. Nếu chẳng tin, xin hãy tới Phổ Đà, sẽ đưa những lá thư gốc và thư họ trả lời Quang cho ông đọc, ắt sẽ tự biết Quang chẳng nói dối. Quang vô học, vô đức, vì bất đắc dĩ, chỉ đành bắt chước dấu tích “gom chữ, quét lá” để đáp ứng, chỉ mong tắc trách cho xong chuyện, nào đáng khen ngợi quá mức? Hô then, sợ hãi khôn ngần!

Cư sĩ hiện đang là người cực lực hoằng dương Phật pháp bậc nhất, để dạy người thì chính mình phải hành, cố nhiên nên ăn chay trường. Ngay cả vợ con, bạn bè, cũng nên bảo họ ăn chay trường. Dầu nhập đạo chưa sâu, chẳng thể hoàn toàn dứt ăn mặn được, cũng nên dạy họ do giảm dần mà đoạn được, đây chính là nghĩa trọng yếu. Người đời chẳng biết loài vật đều do nghiệp lực mà có, tưởng “trời sanh ra những loài ấy vốn để nuôi con người”. Nếu biết được lý sâu “hết thủy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai”, ắt sẽ có chuyện ăn vào chẳng thể nuốt xuống được. Cố nhiên cư sĩ hãy nên đem thân làm gương cho người khác, hãy nên vĩnh viễn dứt bỏ chuyện ăn thịt. Dầu cho ăn rau bên cạnh thịt¹²⁶ cũng chẳng cần phải bắt chước hình tích của bậc Đại sĩ thuở trước, bởi lẽ người hoằng pháp cần phải hiểu thời cơ. Thời bây giờ chẳng giống như thời cổ, nhằm buổi giọt nước đã đông thành băng thì trọn chẳng thể dạy người khác ăn mặc như trong tiết hè để đến nỗi làm hại tánh mạng của người ta.

¹²⁶ Theo Pháp Bảo Đàn Kinh, khi phải trốn tránh do bị môn nhân của ngài Thần Tú truy bức nhằm đoạt lại y bát, tổ Huệ Năng đã phải sống nhờ đám thợ săn. Đến mỗi bữa ăn, ngài chỉ gấp ăn những lá rau bên cạnh thịt.

Ông thành lập Bần Dân Giáo Dục Xã (Hội giáo dục dân nghèo) đủ chứng tỏ tấm lòng đau đáu chân thật, thiết tha, tiếc rằng Quang nghèo tro nghèo trất, chẳng thể tùy hỷ được, thiếu sót vô cùng. Tuy chưa xem Phật Học Tiểu Từ Điển, nhưng đọc qua lời tựa, biết có khảo chứng tra cứu, có ích lớn lao cho đồng luân. Nhưng sách được in trên giấy có độ bóng, nếu mực in bỏ ít chất nước thuốc, sách chỉ giữ được mười mấy năm, hiếm sách nào giữ được hơn 20 năm. Nếu mực in bỏ nhiều chất thuốc thì mấy năm liền phai nét, Quang đã từng thử nhiều lần rồi. Trước đây, Quang từng đặc biệt vì chuyện này mà gửi thư cho Phật Học Tùng Báo và nhân tiện, thưa trình chín điều. Năm trước, tôi đã vì ông Chu Mạnh Do, giao cho chú tiểu ở Pháp Vũ sao lục lá thư ấy; chú ta vì làm biếng viết chữ nên đã lược đi ba điều trước đó và ba điều sau trong bức thư. Tôi cũng đem ý này thưa với ông Đoàn Phú, được đăng tải trong báo Thời Sự. Xin đọc bài ấy sẽ biết được nỗi lo canh cánh hèn tẻ của Quang.

Cố nhiên, đối với bọn thương nhân chỉ cầu lợi, chẳng thể nào nói với họ về chuyện này được. Các hạ chỉ muốn hoằng pháp lợi sanh, ắt cần những sách vở in ra giữ được rất lâu chẳng bị phai nét chữ thì mới có lợi ích thật sự và đạt được lợi ích rộng lớn. Nếu mau phai nét thì chỉ phí tiền của, đến nỗi đánh mất lợi ích thật sự. Dám thỉnh các hạ phát lòng từ bi lớn lao, hết thảy những sách hữu ích cho thế đạo nhân tâm đều dùng dùng loại giấy ấy. Chỉ những loại đọc xong liền bỏ đi thì dùng loại giấy ấy để in cũng không sao. Quang không có sức làm công đức, tính dùng lời nói này coi như là thí kinh sách cho hàng Phật tử tín tâm khắp thiên hạ trong đời sau. Không chừng nhờ đây mà tiêu nghiệp lụy, được vãng sanh.

Tòa báo Thời Sự cũng đăng tải một trang nêu ra những thiếu sót, giống như thư gửi cho các hạ, nên không cần phải sao chép lại để gửi đi. Cuốn Giáo Dục Sơ Nghĩa (những ý nghĩa quē mùa về giáo dục), văn lẫn lý đều hay, nhưng trong đoạn cuối cùng, dường như mắc khuyết điểm khơi gợi con người khinh miệt tam giáo. Phạm là người trong giáo hội, ai có thể cư xử vượt ra ngoài tam giáo, ai có thể tự lập một giáo ở ngoài tam giáo để đối kháng tam giáo? Dầu nhiệt tâm đến tột bậc, cũng chỉ tuân theo ý thánh nhân tam giáo để cực lực phụng hành mà thôi. Dầu cho các tôn giáo ở ngoại quốc và Hội giáo chẳng tin tưởng tam giáo, nhưng quả vị trong các giáo ấy có vượt ra ngoài quả vị của tam giáo được hay chăng? Những tôn giáo ấy chẳng bao gồm những đạo lý như trời che đất chở trong tam giáo hay chăng? Bất quá, thánh nhân tùy mỗi nơi mà thể hiện hình tích lập giáo, hơi có chút khác biệt.

Dùng ngu kiến để xét, có lẽ nên nói: “Thánh giáo nước ta, gồm ba tông lớn là Nho, Phật và Đạo. Nho mang hoài bão tự lập, lập người, Phật chuyên theo đuổi

tự giác, giác tha; Đạo tuy điềm tĩnh, ẩn dật, nhưng xét về đại thể thì giống như Nho. Nhưng người tu luyện phải lấy chuyện tích đức chứa công, giúp đời, cứu dân làm nhiệm vụ trọng yếu. Nay những người trong giáo hội thấu hiểu tấm lòng ‘đôi đũa bình đẳng với mọi người, thiên hạ là của chung’, phát khởi tấm lòng giúp già, an trẻ, không chỉ thương yêu riêng người thân của chính mình, không chỉ lo chăm chút con cái của chính mình. Lòng son nhiệt tâm thật sự lấp trời đất, lòan nhật nguyệt. Nếu người trong cả nước đều cùng phát cái tâm này, cùng làm chuyện này thì không một ai chẳng được yên vui, cõi đời đại đồng sẽ lại được thấy trong ngày nay. Lợi ích ấy lớn lao thay! Tôi nguyện ai nấy đều suy xét” (tiếp đó, ghi đúng như nguyên văn).

Những trước thuật của con người gần đây thường đề cao quá đáng [những pháp đang được mình đề xướng] với dụng ý muốn cho người khác tin chắc vào pháp của mình, thói tệ miệt thị cổ nhân phá pháp cũng bắt nguồn từ đây. Khổng tử đã nói: “*Nhất ngôn nhi hưng bang, nhất ngôn nhi táng bang*” (Một lời hưng thịnh nước nhà, một lời vùi lấp nước nhà). Một đảng gây nên ích lợi về sau, một đảng gây nên họa hoạn về sau. Viết những sách thông thường chẳng có quan hệ khẩn yếu còn không nên như thế, huống là viết những sách hoằng pháp lợi sanh ư? Cổ đức nói: “Chuyện ấy như cái nạo bằng kim cang để gọt mộng mắt, hơi có chút gì không đúng liền lập tức hư mất”, há chẳng cẩn thận ư? Ông Kỷ Văn Đạt nói: “Đọc khắp các sách được cất giữ bí mật, biết trước thuật của người đời sau kém xa tiền nhân.” Dầu có vẻ tinh vi hơn, nhưng vẫn là thoát thai từ màu lam gốc¹²⁷ của tiền nhân, mà dám tự phụ là bậc nhất xưa nay không ai sánh bằng, cũng như nói tiền nhân đều sai lầm hay sao? Do các hạ lòng dạ rỗng rang vì pháp, nên tôi mới dám hiến lời bàn luận thẳng thừng này!

Đối với chuyện giáo dục, nhà trường, Ân Quang vốn là kẻ đứng ngoài, chỉ vì cảm tấm lòng công bình chánh trực “muốn cho thiên hạ đều dùng thiện pháp để lập pháp”, nên nhân đây dâng lên ý kiến ngu muội để ngài xét rõ. Giáo dục trẻ em nghèo thì có lẽ chỉ đối với những đứa có thiên tư cao mai sau ắt sẽ trở thành quan chức, thân sĩ, giúp nước giúp dân là có thể chuyên dùng cách giáo dục trong nhà trường bình thường để dạy dỗ. Chứ những đứa chỉ có thể làm thợ, làm con buôn để tự kiếm ăn bằng sức lực của chúng thì có lẽ nên dạy chữ lẫn dạy nghề giống như chương trình của các cô nhi viện gần đây, chắc sẽ giảm được chi phí cho nhà trường, mà trẻ nghèo cũng được lợi ích thật sâu. Quang thấy phương pháp của cô nhi viện thuộc hội Phật giáo Ninh Ba như sau: Hễ cô nhi đã có thể tự

¹²⁷ Câu nói này dựa theo câu tục ngữ: “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (Màu xanh dương phát xuất từ màu chàm, mà trội hơn màu chàm).

mặc áo, ăn cơm, không cần có người khác săn sóc thì mới cho vào viện. Cách dạy là đọc sách, viết chữ, học làm toán, học vẽ, bện giày cỏ, bện những thứ chiếu, gối, mũ dùng cho mùa hè, in đá, kiểm sách, may vá v.v. đều nhất loạt học hết. Đợi đến năm 15 tuổi khi rời khỏi viện liền có thể tự lực kiếm sống, dầu có đi học nghề hay học buôn bán cũng dễ dàng.

Trường học bình thường thì bảy ngày nghỉ một ngày và nghỉ lễ, nghỉ cuối năm, nghỉ hè. Trong một năm, trừ những kỳ nghỉ ra, chỉ còn được hơn sáu tháng. Huống chi trong một ngày, tám giờ sáng vào học, bốn giờ chiều tan học, thời gian ấy chỉ gồm bảy tiếng đồng hồ, lại có thời gian rảnh rỗi. Nếu chẳng phải là đũa thiên tư vẹn mười thì học được cái gì đâu, chỉ là uổng phí thời gian, uổng phí một phen khổ tâm của những người lo liệu. Nhưng trường học trong thiên hạ đều theo lệ đó, chỉ lợi cho giáo viên, nhưng bất lợi cho học sinh trong nhà trường, thật đáng than thở, cảm khái! Trong cô nhi viện, chẳng lập kỳ nghỉ, thời khắc học hành hằng ngày cũng kéo dài hơn vì đã kèm thêm thời gian học nghề; nếu thời gian học ngắn ngủi sẽ chẳng thể thực hiện được điều nào. Đối với những sản phẩm chế tạo được, ngoài những món để tự sử dụng, đều đem bán ra ngoài. Tiền lời kiếm được cũng có thể giúp đỡ đôi chút cho chi phí nhà trường. Trẻ nghèo và trẻ mồ côi đâu khác nhau cho lắm!

Thật sự muốn cho trẻ dù thượng trung hạ căn đều có thể tự lập thì có lẽ phương pháp này thích hợp nhất. Nhưng người đứng trông coi phải là người thật sự lo liệu, nếu không chỉ có hư danh, chẳng thành được chuyện gì. Đây là thói tệ chung của những kẻ làm việc công từ trước đến nay ở nước ta. Nếu dốc toàn bộ cái tâm độ người của Phật, Bồ-tát, tâm kinh bang tế thế của thánh hiền vào việc này thì nước ta được hưng thịnh sẽ trông cậy vào đây, chứ nào phải chỉ dân nghèo được lợi ích.

60. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thứ thứ mười ba)

Vừa nhận được thư, ông khiêm tốn, khen ngợi Quang quá đáng, khiến Quang hổ thẹn không chốn nương thân. Những điều Quang đã đọc chỉ là những chỗ bàn luận thêm của Thượng Biên và Hạ Biên, những chỗ khác đều chưa đọc tới. Những điểm nêu ra chỉ là những điều Quang đã đọc được. Lời nói chẳng thành văn, nào đáng khắc vào đầu quyển? Nếu chẳng chê bỏ, xin hãy đợi Quang thông thả đọc kỹ Hạ Biên một lượt, rồi sẽ sửa sai, nêu riêng từng điều một để mọi người thương lượng. Nếu chịu nghe theo, Quang sẽ nhân lúc được rảnh rang mà rườm lời mấy câu nhằm làm lời bạt cho ngọn đuốc lớn. Còn như những lời lẽ nhờ cậy Quang chỉ bày để sửa sai trọn chẳng cần phải nhắc tới nữa. Nhưng mắt Quang quả thật

chẳng kham sử dụng được, sẽ phải mất mấy chục ngày nữa mới có thể phúc đáp được.

(Ngày mùng 7 tháng 2 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

Nếu cả bộ sách được sửa chữa thì xin hãy bảo tòa báo đăng trọn vẹn bộ sách ấy. Do trước kia trong sách ấy có nhiều chỗ chẳng thích hợp lắm, sợ gây hiểu lầm cho người khác nên bảo họ chỉ đăng những phần bàn luận thêm thuộc hai cuốn Thượng Biên và Hạ Biên mà thôi. Nay được thấy mấy phen nhĩ ý của các hạ, chắc là đã nghe theo ngu kiến của Quang. Trước hết hãy nên nêu đại ý sách ấy, chẳng ngại gì cùng mọi người cân nhắc. Nhưng Quang do tâm mục suy đồi, gần đây lại bận bịu đủ mọi chuyện, khắc hơn một ngàn trang sách thì đối với hơn một nửa số trang đã khắc xong đều chưa giáo duyệt được. Lại do phải trao đổi thư từ thuận theo tình cảm, chẳng thể chuyên tâm làm việc ấy được, cho nên phải chậm trễ. Tôi sẽ sang Dương Châu vào khoảng tháng 5 hay tháng 6, đến đấy liền sửa đổi bản khắc chữ để cho in ra biếu tặng. Lại còn những sách được tái bản, phải đợi tới sang năm mới lo liệu được. *(tái bút)*

61. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thứ thứ mười bốn)

Hôm qua nhận được thư và lời tựa của các hạ dành cho tác phẩm Cú Giải lớn lao, khôn ngoan cảm kích. Bộ kinh Pháp Hoa màu nhiệm có được một bản hoàn chỉnh, ấn loát lưu thông, quả thật là may mắn lớn. Nhưng theo như những gì các hạ đã nêu ra, cũng có chỗ tự cắt thịt thành vết thương vậy. Cố nhiên Quang chẳng thể trình bày cặn kẽ từng điều một được.

Trong phẩm Phương Tiện, chữ vĩ (葦) trong câu “*nhuợc thảo mộc cập vĩ*” (nếu dùng ngọn cỏ cây), chữ vĩ (葦) có khi bị viết thành bút (筆). Trong bộ Chánh Ngọa Tập (sửa đổi cho đúng những điều sai lạc), ngài Vân Thê giải thích chữ vĩ (葦) âm đọc như chữ vĩ (緯), có nghĩa là cây hay hoa vừa mới nhú. Nếu xét kỹ ý nghĩa, chưa chắc đã là chữ bút, bởi lẽ trẻ nhỏ đùa bỡn kiếm được loại cây cỏ và búp hoa của các loại cây cỏ nào đều dùng móng tay để vạch lên đó. Vì thế, vẽ kiểu này trọn chẳng phải là như vẽ trên giấy hay lụa, mà là vẽ trên mặt đất, trên vách, hay trên đồ vật. Sách Tự Vị và Tự Điển¹²⁸ đều có thể dẫn làm chứng cứ, chắc không cần phải chèn ép ngài Vân Thê để khoe ra sự hiểu biết.

¹²⁸ Tự Vị (Tự Vựng) là bộ tự điển do Mai Ứng Tộ soạn vào đời Minh, gồm 14 quyển, có đến 33.179 từ ngữ, được hoàn tất vào năm Vạn Lịch 43 (1615). Bộ sách này được dùng làm tài liệu tham khảo chính để soạn Khang Hy Tự Điển về sau này.

Tự Điển được nói đến ở đây gồm hai bộ tự điển: Khang Hy Tự Điển và Trung Hoa Đại Tự Điển. Khang Hy Tự Điển được hoàn thành vào năm Khang Hy 55 (1716) do Văn Hoa Điện Đại Học Sĩ Trương Ngọc Thư và Văn Uyên Các Đại Học Sĩ Trần Đình Kính chủ biên. Bộ tự điển này là công sức suốt sáu

Chữ trà (茶), trong kinh của Nhật Bản đều viết thành chữ đồ (荼), chứ không phải chỉ mình chữ *cưu bàn trà* (鳩槃荼). Tra trong tự điển thì chữ đồ cũng có thể đọc là trà, và cũng có nghĩa giống như chữ trà. Vì thế, chớ nên dựa theo kinh điển Nhật Bản rồi chê bai kinh sách Trung Quốc đều viết sai. Nếu quyết định phải viết là đồ thì những chữ đồ phải đọc thành âm trà¹²⁹ nhiều lắm! Hãy đem cách đọc chữ 荼 theo âm đồ (塗) để đọc những chữ khác.

Câu “*hình thể thù hảo*” (hình thể hết sức đẹp đẽ) hoặc “*đoan chánh thù diệu*” (đoan chánh tuyệt diệu), chữ thù viết là 姝 mà viết là 殊 cũng được.

Không cần phải dẫn các sách để làm chứng, chỉ cần dựa vào chánh văn của kinh để quyết đoán là được rồi. Há lẽ nào trong hết thấy các sách, đối với cùng một chữ đều không sai khác hay sao? Một pháp tam-muội được nói trong kinh Lăng-nghiêm còn có thể hiểu thành ba thứ, chẳng thể nói rạch ròi một thứ nào. Huống là những chữ trọng yếu khác đều theo lệ chung giống như vậy hay sao? Ba thứ là tam-muội, tam-ma-đề, tam-ma-địa, trong một kinh mà còn nhiều thứ chẳng duy nhất, huống là nhiều sách ư?

Ông sửa chữ mạt (末: cuối, ngọn) thành chữ mạt (抹: nghiền nát)¹³⁰, chớ nên quá cố chấp. Nếu bảo ghi theo lối cổ là đúng thì chữ dùng trong Ngũ Kinh, Tứ Thư hiện thời đều phải sửa đổi, bỏ đi quá nửa thì mới tạm thời gần giống ý [những chữ được dùng vào thời cổ]. Nếu lại muốn dùng đúng nguyên văn như trong thời ấy thì e rằng chẳng có chữ hiện thời nào dùng [để ghi chép Tứ Thư, Ngũ Kinh] được hết.

Chữ cập (及: và) sửa thành chữ nãi (乃: bèn), đúng là sai ngoa, nhưng Quang vẫn chưa thấy bản nào chép sai như vậy, cố nhiên không phải bản nào hiện thời cũng đều chép giống như vậy.

Chữ danh (名) viết thành chữ minh (明) cũng chẳng thể tra cứu được. Sách Cú Giải viết: “Chữ danh liên quan đến phần kinh văn tiếp theo. Chữ này vốn dùng

năm trời của hai mươi tám vị danh sĩ như Sử Quý, Vạn Kinh, Lưu Nghiễm, Vương Vân Cầm v.v. cùng biên soạn. Khang Hy Tự Điển có đến 47.035 chữ, chia theo 214 bộ thủ, phiên thiết cách đọc khá hợp lý, đồng thời dẫn chứng chi tiết cách dùng các từ ngữ trong thư tịch cổ nên cho đến nay vẫn được coi là tài liệu tham khảo hữu ích nhất về chữ Hán thời cổ. Bộ Trung Hoa Đại Tự Điển được soạn vào năm 1915, với mục đích sửa chữa những sai lầm trong Khang Hy Tự Điển, đồng thời bổ sung những danh từ mới, nhất là các thuật ngữ khoa học, đồng thời chú trọng sửa đổi cho cách phiên âm và giải thích từ ngữ đơn giản, chính xác hơn.

¹²⁹ Vì chữ trà gần với âm tiếng Phạn hơn.

¹³⁰ Trong kinh Pháp Hoa vận dụng rất nhiều lối viết giả tá. Mạt được nói ở đây là chữ mạt trong mạt hương (末香), đáng lý ra phải viết là mạt hương (抹香), nhưng kinh luôn viết là mạt hương (末香). Tuy thế, ai đọc đến cũng hiểu, không cần phải cầu kỳ sửa lại những chữ trong những bản đã được lưu hành từ bao đời đến giờ cho nên tổ mới chê ông Đinh Phước Bảo quá cố chấp.

để liệt kê nhiều thứ, sao không có một điều nào khác mà lại dùng chữ danh? Nếu chỉ có một mình điều này mà dùng chữ danh thì sẽ thành cách dịch hỗn loạn”¹³¹. Nguyệt Thiên Tử, Minh Nguyệt Thiên Tử có nhiên chẳng phải một, chẳng phải hai. Như có người gọi các hạ là cư sĩ, lại có người gọi là đại cư sĩ, có vì một chữ đại mà gây trở ngại ư?

Chữ minh (冥: tối tăm) có nhiên nên viết là minh (暝: nhắm tịt mắt lại), manh minh (盲冥: mù mờ, tối tăm) có nhiên phải viết là manh minh (盲暝: mù lòa), chữ có xưa nay, nhưng nghĩa chẳng tăng giảm, có gì phải nhọc sức so đo tường tận hay dở như vậy?

Chữ trinh (貞) là thân cây, thật (實) là trái cây. Cú Giải vẫn thiếu đoạn phân tích giảng giải về chữ này, trong các bản kinh được lưu thông phần nhiều viết sai chữ trinh thành chữ chân (真)¹³², thật đáng đau lòng!

Tập (集) là tích tập, còn tập (習) là tu tập. Chữ tuy khác nhau, nhưng nghĩa có thể dùng lẫn cho nhau. Chẳng riêng gì kinh Pháp Hoa dùng lẫn lộn chữ này, mà trong kinh Hoa Nghiêm cũng thế. Do chẳng hại gì đến nghĩa thì các bản chép sao cứ giữ nguyên như vậy cũng được.

Chữ thọ (受) có nghĩa là được. Chữ thọ (授) có nghĩa là trao cho. Chẳng biết dựa theo nghĩa để định danh, làm sao coi trọng chuyện hoàng kinh cho được. Có nhiên chẳng phải đợi đến khi có chứng cứ mới biết là sai vậy.

Chữ nghị (議) trong từ ngữ *luận nghị* (論議) viết thành chữ nghĩa (義) cũng không sao, do trong chữ luận đã sẵn đủ ý nghĩa của chữ nghị rồi, mà cái điều được luận nghị (bàn bạc) chính là nghĩa (nghĩa lý) vậy.

Chữ phạt (伐) sửa thành (罰) thì sai ngoa quá mức. Cư sĩ chấp cổ quá mức, nên mới làm thế. Chẳng biết rằng lỗi nhỏ thì gọi là phạt (罰). Như tiểu vương

¹³¹ Đây là một câu kinh trong phẩm Tự kinh Pháp Hoa (theo bản của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh): “*Nhĩ thời, Thích Đề Hoàn Nhân dữ kỳ quyền thuộc nhị vạn thiên tử câu. Phục hữu danh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bảo Quang thiên tử, tứ đại thiên vương, dữ kỳ quyền thuộc vạn thiên tử câu*” (Khi ấy, Thích Đề Hoàn Nhân và quyền thuộc hai vạn thiên tử cùng đến. Lại có những vị như Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bảo Quang thiên tử, bốn đại thiên vương và quyền thuộc một vạn thiên tử cùng đến). Sách Cú Giải cho rằng chữ danh ở đây là sai, phải là chữ minh mới đúng. Đa số các bản Pháp Hoa lưu hành hiện thời ở Việt Nam đều chép là chữ minh.

¹³² Hai chữ này trích từ câu nói của đức Phật trong phẩm Phương Tiện sau khi những người nghe đức Phật chấp nhận lời thỉnh của ngài Xá-lợi-phất giảng kinh Pháp Hoa liền đứng lên lễ Phật rồi lui về. “*Ngã kim thử chúng, vô phục chi diệp, thuận hữu trình thật. Xá-lợi-phất! Như thị tăng thượng mạn nhân, thoái diệp giai hỹ!*” (Trong chúng ta không còn cành lá, chỉ còn thân cây và quả. Xá-lợi-phất! Những kẻ tăng thượng mạn ấy lui về cũng là tốt). Do không để ý đến sự đối xứng giữa “chi diệp” và “trình thật” nên nhiều bản đã tùy tiện sửa “trình thật” thành “chân thật”.

phản nghịch, Luân Vương đi đánh dẹp thì cũng gọi là phạt (罰). Chứ nếu theo như cư sĩ thì [những chữ phạt¹³³ (伐) trong các câu] “*lễ nhạc chinh phạt, Vũ Vương phạt Trụ*” (禮樂征伐, 武王伐紂: Dùng lễ nhạc để chinh phạt, Vũ Vương dẹp Trụ) đều phải sửa thành chữ phạt (罰) hết hay sao?

Oán tắc đã cầm dao làm hại thì chữ nhiễu (繞: vây quanh) ý nghĩa rất khéo, còn ý nghĩa chữ nhiễu (擾: khuấy nhiễu) rất vụng. Chữ oán (怨) đổi thành oán (冤) thì trong kinh sách hai chữ này được dùng lẫn cho nhau. Oán (怨) là oán hận, oán thù; còn oán (冤) là oan khuất, oan uổng. Trong kinh Hoa Nghiêm có gần một trăm trường hợp như vậy, nhưng hai chữ này mỗi chữ chiếm một nửa, do vậy hãy nên sửa cho đúng. Ngay trong kinh Pháp Hoa thì hai chữ này vẫn dùng lẫn cho nhau.

Chữ đa (哆)¹³⁴ sửa thành chữ đa (多) thì vẫn là một góc. Những bản Quang được thấy đều viết là đa (哆).

Tham trước (貪著: tham đắm) hay tham nhạo (貪樂: tham ưa) về ý nghĩa đều có thể dùng lẫn cho nhau, chẳng cần phải dẫn khắp các kinh để chứng tỏ viết như vậy là sai!

Chữ xử (處) chính là thọ (受), thọ chính là xử¹³⁵, ông tính sửa cho giống hết nhau có lẽ quá cố chấp. Sách Mạnh Tử chép: “*Ngô hôn bất năng tán u thị hỹ, nguyện phu tử phụ ngô chí minh dĩ giáo ngã. Ngã tuy bất mãn, thỉnh thường thí chi*¹³⁶.” Bốn câu nói này được nói cùng một lúc, thốt ra từ cùng một miệng mà còn chẳng thể dùng nhất quán, đang *ngô* chột thành *ngã*, hướng chi là đối với kẻ

¹³³ Hai chữ phạt này ý nghĩa rất khác nhau, bây tôi phản nghịch, vua là người bề trên đem quân đánh dẹp thì gọi là phạt (罰), tức trừng phạt. Còn vì mọi người, vì đại thể mà Vũ Vương phải đem quân diệt Trụ hầu đem lại sự yên vui cho dân chúng (nên nhớ Vũ Vương là chư hầu của Trụ Vương) thì việc đánh dẹp do đại nghĩa ấy sẽ được gọi là phạt (伐).

¹³⁴ Chữ đa này thường được dùng để phiên âm thân chú, thường để phiên các âm ta trong Phạn văn. Khi phiên sang tiếng Việt chữ này thường được đọc trại thành *đa*.

¹³⁵ Trong phẩm Hóa Thành Dụ, khi chư thiên mười phương đem cung điện của chính mình dâng lên, đã nói kệ cầu thỉnh đức Phật tiếp nhận, có vị nói là “*duy nguyện thù nạp thọ*”, có vị nói là “*duy nguyện thù nạp xử*”. “Xin Phật rủ lòng nhận lấy” hay “xin Phật rủ lòng nhận để ở” thì cũng chẳng khác gì nhau lắm.

¹³⁶ Đây là một câu nói của Lương Huệ Vương được chép trong sách Mạnh Tử. Khi sang nước Lương gặp nhà vua, được hỏi về kế sách, Mạnh tử đã bảo: “Nay nhà vua cai trị bằng cách thực thi lòng nhân khiến cho kẻ sĩ trong thiên hạ đều muốn đứng trong sân chầu của nhà vua, kẻ nông phu đều muốn cày ruộng cho vua, con buôn đều muốn tích trữ hàng hóa nơi chợ của vua, người đi xa đều muốn đi trên đường của vua... Làm được như thế thì còn ai ngăn trở nhà vua được nữa?” Lương Huệ Vương bèn thưa: “Con tôi tam chưa thể làm được như vậy, xin Phu tử giúp con, dạy cho con được sáng chí. Con tuy không lanh lợi, nhưng xin thầy cứ dạy thử.”

tụng do Phạm Thiên các phương nói ra lại cứ muốn phải sửa sao cho giống hết như nhau ư?

Sửa chữ đạo (道) thành chữ huệ (慧) tuy dường như không hợp lẽ, nhưng xét kỹ câu kinh tiếp theo câu “*tốc thành tựu Phật thân*” (mau thành tựu Phật thân) thì cố nhiên chữ huệ cũng không sai cho lắm. Các bản ghi sao cứ giữ như vậy là được rồi.

Chữ số (數) sửa thành chữ chư (諸) thì Quang trợn chưa thấy bản nào chép sai như vậy.

Văn (聞: nghe) chính là “văn hương” (聞香: nghe mùi, ngửi mùi), tức là một lần mười và hai lần năm vậy. Chèn ép điều này, đề cao điều kia, hay chèn ép điều kia, đề cao điều này đều sai hết, bản nào giữ theo bản nấy là được rồi. Thiêu (燒) hay phân (焚) đều là đốt. Sửa chữ đắc (得) thành chữ đáng (當) thì Quang cũng chưa thấy bản nào ghi như thế, chớ nên nói các bản hiện thời đều như vậy.

Niên hiệu Thái Khang đời Vũ Đế hay niên hiệu Vĩnh Khang đời Huệ Đế¹³⁷, các vị cổ đức đều chưa thể tra cứu trong Tam Tạng Ký Tập, Đại Đường Nội Điển Lục¹³⁸, nên không cách nào biện định để sửa cho đúng điều sai này vì Cao Tăng Truyện chưa ghi rõ năm tháng kinh Pháp Hoa được dịch ra.

[Sách Cú Giải nhắc đến] những chữ bị bỏ sót thì tra trong những bản kinh được lưu thông gần đây đều thấy đúng cả. Nhưng chẳng sót chữ thì ý nghĩa của kinh cũng không tăng, mà bị sót chữ thì ý nghĩa của kinh cũng không giảm. Hãy nên ai nấy tuân theo một bản nào đó là được rồi, nếu cứ muốn tham khảo bản này để sửa cho đúng bản kia sẽ trở thành bỏ gốc chạy theo ngọn, uổng phí tinh thần, đối với người, đối với kinh, rốt cuộc có lợi ích gì đâu? Người hoằng kinh hãy nên nương theo *tứ y*. *Tứ y* là “*y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ, y trí bất y thức, y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh*” (nương theo pháp chứ không nương theo người, nương theo nghĩa chứ không nương theo lời nói, nương theo trí chứ không nương theo thức, nương theo kinh liễu nghĩa chứ không nương theo kinh

¹³⁷ Vĩnh Khang (280-289) là niên hiệu của Tư Mã Viêm (Tấn Vũ Đế) sau khi diệt được Đông Ngô. Còn Thái Khang (300-301) là niên hiệu của Tấn Huệ Đế (Tư Mã Trung) chỉ sử dụng chưa đầy hai năm. Đây là vấn đề tranh luận bộ kinh Chánh Pháp Hoa được dịch trong năm nào. Chánh Pháp Hoa là bản dịch kinh Pháp Hoa cổ nhất do ngài Trúc Pháp Hộ làm Dịch Chủ. Đa phần thiên về thuyết cho rằng kinh này được dịch năm Thái Khang thứ bảy (286) đời Tấn Vũ Đế.

¹³⁸ Tam Tạng Ký Tập gọi đủ là Xuất Tam Tạng Ký Tập do ngài Tăng Hựu (445-518) soạn vào đời Lương, còn gọi là Xuất Tam Tạng Ký Mục Lục, Lương Xuất Tam Tạng Tập Ký, hoặc Tăng Hựu Lục. Nội dung ghi chép duyên do, danh mục các kinh và những bản dịch kinh điển khác nhau từ thời Hậu Hán đến đời Lương.

Đại Đường Nội Điển Lục do ngài Đạo Tuyên (596-667) soạn vào đời Đường ghi chép 220 dịch giả, tên gọi của 2.487 bộ kinh.

bất liễu nghĩa). Kinh lưu truyền mấy ngàn năm khắp cả thiên hạ mà muốn cho mỗi câu mỗi chữ [trong các bản kinh được lưu hành] không một chỗ nào bị so le được chăng? Cốt sao xét về ý nghĩa thông suốt là được rồi. Cố nhiên chẳng nên quá chấp trước câu nệ vậy.

(Ngày 28 tháng 2 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

62. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười lăm)

Bữa 18 hôm trước đã nhận được sách gởi tới, liền vâng mạng phúc đáp ngay. Đến hôm 20 mới nhận được thư các hạ, bưu cục đều lần lượt chuyển tới các bưu kiện. Các hạ nhắc đến sách Hải Nam Nhất Chúc thì sách ấy có lợi lẫn gây tổn hại cho người khác đều có đủ. Thoạt đầu, Quang chấp lý rất nghiêm, sợ người khác mắc bệnh, trọn chẳng hé răng bảo người ta đọc. Rồi sau đấy nghĩ rằng thiện thư trong thế gian thật ít sách tận thiện tận mỹ, chỉ cần có thể tạo được lợi ích thì chẳng ngại gì bảo họ đọc. Dẫu có ai bị tổn hại thì cũng chỉ tùy theo tri kiến của người ấy mà phân biệt lợi hại. Nếu do có chỗ chẳng thích đáng bèn nhất loạt cự tuyệt thì không khỏi đánh mất phương pháp dẫn người khác tiến vào chỗ thù thắng. Vì thế, gần đây tôi cũng thường bảo người khác thỉnh về đọc.

Người soạn ra sách ấy vốn quê ở Giang Tây, họ Từ tên Khiêm, tự là Bạch Phảng¹³⁹, ngoài 30 tuổi liền được bổ vào viện Hàn Lâm. Do bẩm tánh chân thật, chất phác nên chẳng muốn làm quan, cũng từng đảm nhiệm chức Sơn trưởng¹⁴⁰ một hai lần. Sau đấy, ở hẻo lánh, chuyên chú khuyên người làm lành và cầu cơ, dân chúng theo học rất đông. Về sau, do một vị cử nhân tại tỉnh thành Giang Tây dạy môn đồ cầu cơ chẩn bệnh khá linh nghiệm, mẹ quan Phủ đài¹⁴¹ mắc bệnh, thuốc men không công hiệu, do vậy thỉnh đồ đệ ông ta đến cầu cơ kê toa. Thuốc vừa uống vào miệng bà cụ liền tắt thở ngay. Xét kỹ toa thuốc, thấy trong ấy có những vị thuốc kỵ nhau. Do vậy, bèn bắt kẻ ấy đến tra hỏi, ông ta khai ra tên thầy mình, quan liền bắt thầy ông ta thường mạng. Từ Khiêm nghe tin, bèn thôi không dạy người khác cầu cơ nữa, chỉ chuyên chú dạy sửa lỗi hướng lành, tích công lũy đức, bảo con cháu ông ta mỗi người chuyên một nghề, chẳng được đặt chân vào con đường làm quan, ông ta thọ đến 96 tuổi. Lúc lâm chung, có người bạn thân đi đường nghe tiếng thiên nhạc, trở về hỏi thăm, té ra ngay trong lúc ấy, mọi

¹³⁹ Sách Tam Biên ghi là Bạch Hàng (白航) nhưng trong các tài liệu viết về ông này cũng như trong Tục Biên đều ghi là Bạch Phảng (白昉), nên chúng tôi cũng phiên âm là Bạch Phảng.

¹⁴⁰ Tương đương chức vụ trưởng ty Kiểm Lâm hiện thời.

¹⁴¹ Phủ đài là tên gọi khác của chức quan Tuần phủ (đôi khi đọc là Tuần vũ), tức quan đứng đầu một tỉnh dưới thời Minh - Thanh, thuộc ngạch Tùng Nhị Phẩm. Gọi là Tuần phủ nhằm ngụ ý “*tuần hành thiên hạ, phủ quân án dân*” (đi tra xét trong thiên hạ, cai quản quân dân). Chức này được đặt ra từ năm Hồng Vũ 24 (1430).

người đều nghe tiếng thiên nhạc khi ông ta mất. Đệ tử của ông ta thật đông. Sư Liễu Nhất trụ trì chùa Pháp Vũ trước kia lúc còn tại gia là môn sinh cuối cùng của ông ta, nay sư đã 79 tuổi rồi, từng kể chuyện này với Quang.

Điều đáng tiếc là ông ta chỉ có tâm thích điều lành, ưa Phật, nhưng trọn chẳng dưng vào lò hun đúc của bậc tri thức đủ mắt, đến nỗi trở thành tri kiến hồ đồ “tà chánh chẳng phân, đúng sai lẫn lộn”. Trước thuật của ông ta sao trích kinh Phật lẫn lời giảng cơ, coi chân kinh và ngụy kinh giống hệt như nhau. Ông ta thường có những lời nghị luận, phán đoán xét về văn lý cũng phần nhiều gây sự ở tai khoai mắt người khác, nhưng bản Tâm Kinh ngụy tạo lời văn lẫn lý đều thô thiển, hèn kém, chẳng đáng để vào mắt, mà ông ta vẫn coi giống hệt như Tâm Kinh. Đúng là xem mắt cá và trăn châu hoàn toàn như những vật giống hệt nhau không khác! Nhưng bản Tâm Kinh được ông ta sao lục từ bản do Quách Lan Thạch đã viết thì lại là cùng một bản gốc, khác người dịch, chứ không phải là kinh ngụy tạo, không thể không biết điều này. Cái gọi là Quán Âm Sám Pháp chính là do gả tăng phạm tục vô tri cắt xén Lương Hoàng Sám và Thủy Sám ghép thành sám văn. Do không hiểu văn lý lại muốn biên soạn thành nghi thức mới nên đến nỗi sự lý và giáo tướng bị mâu thuẫn.

Nội dung của bốn cuốn thuộc phần Nội Hàm [của bộ Hải Nam Nhất Chước] quá nửa là những lời giảng cơ, chẳng đáng để lưu thông. Ông ta tự cho là phần này hết sức tinh vi, hết sức xác đáng. Phần Ngoại Hàm gồm sáu quyển, phần nhiều là chuyện Bồ-tát cảm ứng. Tuy không phải là chẳng mắc khuyết điểm thâm thập tràn lan, nhưng quả thật có lợi ích rất lớn cho thế đạo nhân tâm. Vào đời trước, lúc gieo thiện căn trọn chớ nên gieo lẫn lộn, hễ lẫn lộn thì đời này tà chánh chẳng phân. Từ Khiêm do đời trước đã gieo thiện căn lộn xộn, nên đời này tuy tu chuyên ròng mấy chục năm, chỉ trở thành một bậc thiện sĩ trong cõi tục. Lúc mất, tuy có thiên nhạc là điềm lạ, nhưng chỉ là sanh lên cõi trời, chứ không phải sanh về Tây Phương, bởi vì đối với Phật pháp ông ta trọn chẳng biết đến nghĩa lý đích thực tốt cùng, hướng chỉ là pháp môn Tịnh độ ư?

Cổ nhân nói: “*Cộng quân nhất dạ thoại, thắng độc thập niên thư*” (Tạm dịch: Một đêm trò chuyện cùng anh, còn hơn đọc sách loanh quanh mười mùa). Nếu là bậc học rộng nghe nhiều, chẳng cùng những vị thông suốt thảo luận mấy phen, sẽ trở thành “nhai bã của cổ nhân chẳng tiêu hóa được”, đâm ra thành đại bệnh. Học hỏi chẳng gặp người thông, đến già rốt cuộc trở thành đồng xương. Không riêng gì Từ Khiêm là như thế mà những người giống như Từ Khiêm trong cõi đời quả thật đông lắm đấy!

(Ngày 21 tháng 5 năm Dân Quốc thứ bảy - 1918)

63. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười sáu)

Hôm qua nhận được thư, biết các hạ muốn lưu thông cuốn Thành Đạo Ký Chú¹⁴², khôn ngăn vui mừng. Ba mươi năm trước, tôi đã từng được thấy sách này ở Hồng Loa, chứ ở Pháp Vũ hoàn toàn không có, liền ra phía trước núi hỏi một người bạn, thầy ấy nói nhà chùa có một bản nhưng đã bị thầy Đường Gia cầm đi hai ba năm rồi, vị ấy lại không có mặt ở chùa. Do vậy, bảo họ tìm kiếm trong nhà kho, phòng chứa kinh, nhưng vẫn chưa tìm được. Vị sư ấy hứa sẽ viết thư hỏi ông ta. Nhưng một cuốn sách mỏng manh nếu chẳng trân trọng, mến tiếc, chắc đã lạc mất rồi! Do vậy, lại gửi thư sang cho thầy Kỳ Căn là Thư Ký chùa Quán Tông nhờ thầy hỏi khắp đại chúng chùa Quán Tông, ai có thì đem nguyên bản gửi thư bảo đảm cho Quang. Đợi đến khi sắp chữ hoàn chỉnh, sẽ kính gửi trả lại. Trong hai chỗ ấy, may ra một chỗ sẽ có. Chứ nếu sao chép ngay trong núi thì hơi khó kiếm được người. Cơ duyên của Phật, của tổ ẩn hay hiển có thời, thần vật ngầm gia hộ, ắt được như nguyện.

(Ngày 25 tháng 3 năm Dân Quốc thứ tám - 1919)

64. Thư gửi cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười bảy)

Những sách do các hạ biên soạn như Lục Đạo Luân Hồi v.v. quả thật có thể khiến cho kẻ khinh nhờn chẳng hề thấy nghe hay biết đại đạo sẽ nhanh chóng được mở mang tầm mắt, hồi tâm chuyển niệm, biết chính mình vốn một mực ngồi đáy giếng nhìn trời, lầm lạc suy lường bầu trời bao lớn. Những ghi chép của tiên hiền vốn do túc căn sâu dày, vâng lời di chúc của đức Phật, cho nên chẳng mê muội linh tánh của chính mình, dùng ngôn ngữ, sự tích của thế để để chuyển pháp luân tùy cơ độ sanh của đức Như Lai. Từ đấy, người sanh lòng chánh tín, phát tâm Bồ-đề, sợ nổi khổ dữ dội trong luân hồi, hâm mộ sự vui sướng cùng cực nơi An Dưỡng, ắt sẽ một người xướng, trăm người họa, dẫn dắt nhau thoát khỏi cõi Sa-bà này, sanh về cõi Cực Lạc kia, chẳng thể dùng toán số, thí dụ nào để biết được nổi!

Quang đọc xong cảm thấy vui vẻ, may mắn khôn cùng, toan viết một bài tựa để tán dương, nhưng do mực lực không đủ, lại thêm bận bịu không rảnh rang, nên lần chần đến nay. Tuy đã ghép được hơn một ngàn chữ, nhưng do học vấn nông cạn, kém cỏi, kiến địa tầm thường, thấp thỏi, đối với tự tánh ngay chính nơi tâm

¹⁴² Thành Đạo Ký Chú có tên đầy đủ là Thích-ca Như Lai Thành Đạo Ký Chú, do đại sư Huệ Ngộ viết để chú giải tác phẩm Thích-ca Như Lai Thành Đạo Ký của Vương Bột đời Đường. Sách này hiện được xếp vào Vạn Tục Tạng, tập 75. Vương Bột làm quan Bác sĩ thời Đường Cao Tông, cùng với cha và anh đều nổi danh văn tài thời ấy, được xưng tụng là Vương Thị Tam Châu Thụ (ba cây ngọc nhà họ Vương). Vương Bột còn có bài phú Đăng Vương Các Ký rất nổi tiếng.

và đạo tùy cơ lợi sanh vẫn hết như kẻ lòa trong lúc mây dày sương kín, ngựa trông ánh mặt trời chỉ càng thêm lòa quáng. Vì thế, đối với diệu đạo của Phật, của tổ, cũng như tâm sự của các hạ đều chưa thể nêu tỏ rõ ràng. Lòng biết lời tựa này trọn chẳng thể dùng được, nhưng muốn biểu lộ lòng ngu thành, nên riêng gởi trình dưới tòa, mong hãy rộng lòng phủ chánh.

(Ngày Rằm tháng 5 năm Dân Quốc thứ tám - 1919)

Tôi có chỗ muốn thưa hỏi đối với ba cuốn sách ấy, sẽ viết trong một tờ giấy khác.

Hơn nữa, cái hại của thuốc phiện chẳng thể nói trọn hết được. Năm ngoái tôi đã bàn chuyện này với Trần Tích Châu, ông ta cho biết trước đây đã từng hút thuốc phiện, nghiện rất nặng, về sau được một toa thuốc, uống vào trừ được tận gốc. Do vậy khôn ngăn khâm phục! Năm nay ông ta lại đến núi, nhân đây bảo ông ta chép ra toa thuốc ấy để làm lợi đồng nhân. Nhưng Quang ẩn thân ngoài hải đảo chẳng giao du với ai, tuy có toa thuốc ấy vẫn khó thể lợi người được. Trước kia, có người bạn từ Cáp Nhĩ Tân (Harbin) đến nói ở chỗ ông ta bãi bỏ lệnh cấm thuốc phiện, người ta mặc sức hút trọn chẳng kiêng sợ gì. Cũng có người muốn cai nhưng không có cách nào hết, thường ưu tư về chuyện ấy. Do vậy bèn gởi toa thuốc ấy đi, mong ông ta lần lượt truyền bá, để những ai có chí cai nghiện sẽ cùng được lợi ích. Nay nghĩ các hạ có tâm lo cho thể đạo, lại còn hành nghề y, giao du rất rộng, người tin tưởng thật đông. Nếu có ai mắc bệnh này muốn vĩnh viễn trừ tận gốc rễ mà chẳng có được phương cách nào thì chắc là hãy nên đem bài thuốc này tặng cho họ. Do vậy gởi kèm theo thư *(lại nói kèm thêm)*.

*** Tiên truyền tuyệt diệu thần phương để cai thuốc phiện**

(Dẫu là hạng vốn được xưng quốc thủ danh y cũng chớ nên lằm lặc tăng thêm một vị thuốc nào. Nếu tăng thêm một vị thuốc nào đấy, toa thuốc sẽ chẳng linh nghiệm nữa. Hết sức khẩn cầu!)

Cam thảo (radix glycyrrhizae) loại tốt: nửa cân; xuyên bối mẫu (bulbus fritillariae cirrhosa): bốn lạng¹⁴³; đỗ trọng (eucommia ulmoides oliver): bốn lạng.

Dùng sáu cân nước để nấu chung ba vị thuốc, cho đến khi cạn nước một nửa thì bỏ bã, dùng một cân đường đỏ loại tốt nhất đổ vào nước thuốc, đun tiếp gần khoảng một giờ sẽ thành chất cao.

1. Ba ngày đầu tiên, mỗi ngày uống một lạng cao, hút một tiền thuốc phiện.

¹⁴³ Một lạng (lượng) gồm 10 tiền, một tiền là mười phân. Tùy theo địa phương mà chênh lệch từ 36g đến 40g. Hiện thời, tại Trung Hoa đại lục quy định một lạng là 50g, trong khi Đài Loan và Hương Cảng quy định một lạng là 37,429g. Một cân là mười sáu lạng (theo Wikipedia).

2. Ba ngày kế đó, uống một lạng cao, hút tám phân thuốc phiện.
3. Ba ngày kế đó, hút sáu phân.
4. Ba ngày kế đó, hút bốn phân.
5. Ba ngày kế đó, hút hai phân.

Từ đây trở đi, mỗi ngày dùng một lạng cao, hút một phân thuốc phiện. Lại dùng cho đến ngày thứ mười tám, dùng sau một tháng thì không cần phải hút thuốc phiện nữa, vĩnh viễn trừ được tận gốc rễ.

Nếu trong khi uống thuốc cao, có những bệnh tật phát tác bên ngoài có thể hút thêm lên một phân thuốc phiện. Hút một hai ngày liền thôi, vẫn chiếu theo đúng toa thuốc ban đầu để uống cao, đừng tăng nhiều hơn. Toa thuốc này cai được thuốc mạnh hơn hút thuốc phiện một bậc. Dù ai nghiện nặng, mỗi ngày phải hút mấy lạng thuốc phiện, mà cai bằng toa thuốc này không ai chẳng trừ được tận gốc, lại không bị bệnh gì khác. Nhiều lần thử đều nhiều lần hiệu nghiệm, đúng là toa thuốc thần diệu.

Tiên sinh Trần Tích Châu hằng ngày hút ba bốn lạng thuốc phiện, sau có được toa thuốc này liền nấu một liều uống vào; hết thuốc thì bệnh ghiền cũng hết. Chẳng những không bệnh tật gì mà thân thể còn khỏe mạnh, tinh thần sung túc. Từ đây bảo khắp với người quen biết, không ai chẳng dùng hết thuốc liền dứt được chứng nghiện. Do tôi nói đến nỗi họa hại của thuốc phiện, ông ta liền kể nguyên do cai thuốc của chính mình. Tôi bèn xin ông ta chép ra để cứu những ai cùng mắc phải bệnh này. Hơn nữa, người cai thuốc phải có tâm lòng “trăm điều thử thách chẳng quay đầu, dầu chết chẳng thay đổi” thì mới đạt được hiệu quả thật sự của bài thuốc này. Nếu trong tâm trọn chẳng có ý niệm nhất định cai thuốc, đừng nói là được vị của thế gian chẳng thể hữu ích, dầu thần tiên đích thân trao cho tiên đan cũng chẳng thể có ích được. Mong người muốn cai thuốc phiện hãy gắng chí uống vào thì may mắn lắm thay!

Đạo lập ngôn muôn vàn khó khăn, dầu học vấn uyên bác, nhưng muốn trước tác hoặc trích lục những câu danh ngôn, ắt phải suy xét, châm chước kỹ càng. Xét đến tình thế của từng câu văn, dựa theo ngữ mạch thì mới chẳng đến nỗi mắc khuyết điểm “vì từ mà hại ý” cũng như đem sai lầm truyền tụng sai lầm. Trước kia, tôi đọc Phật Học Chỉ Nam thấy dẫn sách Chỉ Nguyệt Lục¹⁴⁴ có chỗ giản lược

¹⁴⁴ Chỉ Nguyệt Lục (tên đầy đủ là Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục) là bộ sách gồm 32 quyển do Cù Nhữ Tắc biên soạn vào đời Minh, chép sự tích của quá khứ thất Phật và hành trạng, pháp ngữ của chư tổ sư Ấn Độ và các tổ sư Đông Độ cho đến ngài Đại Huệ Tông Cảo v.v.. Tổng cộng là 650 vị cổ đức. Đến đời Thanh, có ông Nhiếp Tiên, hiệu Lạc Độc, soạn tiếp cuốn bộ Tục Chỉ Nguyệt Lục gồm 20 quyển chép hành trạng của cổ đức từ năm Long Hưng thứ 2 (1164) đến năm Khang Hy mười tám (1679).

ý câu văn không nhất quán, có khi chép “*lão bệnh tử tăng*” (ông tăng già bệnh chết) thành “*sanh lão bệnh tử*”, nghĩ rằng các hạ chưa xét kỹ càng, ngẫu nhiên chép sai. Nay thử kiểm cuốn sách này cũng thấy viết như vậy, khôn ngoan than thở!

Phần lớn những trước tác của người thông minh trong đời sau phần nhiều đều có chỗ không suy xét kỹ càng, tài sức có thừa mà chẳng chịu chăm chú đôi ba phen, viết lách cầu thả. Tuy có thể làm lợi cho người khác, người ta tưởng mình là bậc thông suốt bèn dựa theo đó đem sai lầm lưu truyền sai lầm thì lỗi ấy cũng chẳng phải nông cạn. Quang vô đạo, vô đức, ít tham phông, ít học, trót được ông làm coi là tri kỷ trong pháp môn, thường muốn dốc hết sức dò theo từng dòng mực để đáp tạ tri kỷ. Nhưng mắt ngày càng suy, thật khó thể toại nguyện. Nay đem những điều từng thấy được nêu ra đại lược cho xong trách nhiệm, chẳng nói suông mà thôi!

Sách Chỉ Nam trang 40, dòng thứ nhất, ba-la-môn (chữ ba 波 nên viết thành bà 婆), câu “trước hết A-di-đà Phật nhập diệt” nên viết là “trước hết Thích-ca Mâu-ni Phật nhập diệt”.

Mặt sau trang 40, dòng 13, những chuyện được trích từ Thần Tăng Truyện¹⁴⁵ tường thuật sự việc và ngày tháng sai lầm, lẫn lộn, không theo thứ tự, quả thật chẳng theo đúng như cách trình bày trong Thần Tăng Truyện và Tổng Cao Tăng Truyện¹⁴⁶. Hãy nên sửa cho đúng theo hai sách ấy.

Mặt sau trang 75, dòng 4, “*những nhà chú giải sai lầm, tùy tiện rất nhiều*”. Chú giải của Tâm Kinh rất nhiều, bản đang được lưu thông hiện thời là bản tổng hợp lời chú giải của năm vị thiện tri thức gộp thành một bản. Những bản chú giải khác được thấy ở các nơi hoặc trong các sách; nhưng kinh nghĩa vô tận, tùy theo sự thấy biết của mỗi người mà soạn lời chú thích. Các hạ phán định là “sai lầm, tùy tiện rất nhiều” khôn ngoan khiến cho người khác kinh hồn vỡ mật. Nếu nói bản Tâm Kinh Tiên Chú dễ lãnh hội, khá có lợi cho kẻ sơ cơ thì được. Nếu nói những

¹⁴⁵ Thần Tăng Truyện (9 quyển) là tác phẩm do Minh Thành Tổ soạn, thu thập những truyện ký, sự tích thần dị của các bậc danh tăng từ xưa cho đến thời Minh như các vị Trúc Ma Đăng, Trúc Pháp Lan, Đạo An v.v., tổng cộng 208 vị.

¹⁴⁶ Tổng Cao Tăng Truyện (30 quyển) được biên soạn bởi Tấn Ninh (919-1002) đời Tống. Bộ sách này được coi như phần tiếp theo của bộ Tục Cao Tăng Truyện, được khởi soạn vào năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 7 (982), chép hành trạng của các vị đại đức cao tăng từ niên hiệu Trinh Quán đời Đường Đại Tông (627-649) đến Đoan Cung nguyên niên (988) đời Tống Thái Tông. Do sách được soạn thành ở chùa Thiên Thọ nên còn gọi là Thiên Thọ Sứ. Phần chánh truyện chép 531 vị, phần phụ truyện chép thêm 125 vị nữa; chia thành mười khoa như dịch kinh (32 vị), nghĩa giải (giảng giải kinh điển, 72 vị), tập thiền (103 vị)... Riêng phần Tập Thiền được coi là một tài liệu đặc sắc rất hữu ích về lịch sử truyền thừa của Tông Vân Môn cũng như hành trạng của các thiền sư trọng yếu.

bản chú giải cổ đều sai lầm, tùy tiện, lại nói thêm là “rất nhiều” thì không được! Nếu thật sự sai lầm, tùy tiện, xin hãy đem những chỗ sai lầm của năm vị ấy chỉ ra từng điều một để cời gỡ lòng nghi cho Quang. Nếu không, xin hãy sửa đổi câu này, ngõ hầu chẳng đến nỗi kẻ vô tri vô thức sẽ vì câu nói ấy mà miệt thị cổ đức, đẩy lên tội lỗi báng pháp, báng tăng.

Các hạ tâm lợi người hết sức tha thiết, do gấp muốn hoàn thành sách nên có nhiều chỗ lập ngôn không xét kỹ lưỡng. Như trong lời chú thích cho lời tựa của ngài Đế Nhân lại chê trách tổ Thanh Lương. Trong Di-đà Kinh Tiên Chú khi bàn về sáu phương, tuy là dẫn lời lẽ của người khác, há nên đem sai ngoa để lưu truyền sai ngoa? Trong mùa xuân, tôi thấy sách ấy khá hợp thời cơ, vẫn mong mục lục còn tốt thì sẽ dốc cạn lòng ngu thành, đọc kỹ một lượt để góp sức mọn. Nay mắt đã ngày càng thêm quáng lòa, vì thế chỉ nêu đại khái mà thôi. Quang trọn chẳng kết giao với sĩ đại phu, vì thế ăn nói chẳng hợp lẽ; nếu lỡ mạo phạm, ngàn phần xin đừng quở trách.

Phật Học Khởi Tín Biên, phần nói về Tịnh độ tông ở mặt sau trang 107, Lương Nhậm Công (Lương Khải Siêu) sống tại Nhật Bản đã lâu, những điều ông ta trình bày về Phật giáo nói chung đều là dựa theo những điều đã được viết thành sách của người Nhật Bản để luận. Tịnh độ tông Nhật Bản coi ngài Thiện Đạo là Sơ tổ, lý lẽ ấy không xác đáng cho lắm. Vì một pháp Tịnh độ từ Viễn công trở đi thì đời nào cũng chẳng thiếu người cực lực hoằng truyền, xiển dương. Ngay như nước ta chọn ngài Thiện Đạo làm Nhị tổ cũng là chuyện ngẫu nhiên; chứ không phải là sau ngài Viễn công, không có một ai hoằng dương tông này! Đối với tiết mục này có lẽ nên y theo xưa, theo lệ của nước ta. Há nên đem sai lầm truyền bá sai lầm, đến nỗi gây nghi ngờ bàn định cho người đời sau ư?

Thêm nữa, trong 27 vị tổ ở Tây Thiên của Thiền tông không có ngài Thế Thân; do Thế Thân là Pháp thân đại sĩ, đương nhiên cũng triệt chứng Thiền tông, nhưng ở đây nhằm biểu thị các vị viễn tổ [truyền thừa Thiền tông], trọn chớ nên kể tên ngài Thế Thân lẫn vào đó.

Trang 114, trong biểu đồ ở dòng thứ hai, dưới phần Thiền tông ghi “*Ấn Độ vô*” (ở Ấn Độ không có), phía dưới lại ghi “*Trung Quốc đặc sáng*” (do riêng mình Trung Quốc sáng lập). Bảy chữ này cũng không thích đáng cho lắm. Tây Thiên đương nhiên có 28 vị tổ, sao bảo là không có? (*Hơn nữa, nơi mặt sau của trang 113 ở phần trước, dòng thứ nhất*), đoạn luận về Thiền tông có lẽ chấp chặt sự truyền thừa của 28 vị tổ là lời luận quyết định. Cần biết rằng sự truyền thừa này chẳng qua nhằm thể hiện rõ sự trao truyền [mạng mạch đạo pháp] giữa vị tổ

trước và vị tổ kế tiếp mà thôi, chứ không phải suốt cả một đời của 27 vị tổ¹⁴⁷ chỉ có một đoạn sự tích này. Hơn nữa, chuyện này thật hay giả cũng khó thể biện định được. Nếu nói là thật thì câu trên (tức câu “ở Ấn Độ không có”) gây hiểu lầm cho người ta thật sâu, nếu đã bỏ câu trên đi thì câu dưới (tức câu “do riêng mình Trung Quốc sáng lập”) cũng không có lý do gì để giữ lại. Hãy nên bỏ đi ba dòng rườì này.

Qua những nhận định này, đủ thấy Lương Nhậm Công (Lương Khải Siêu) tâm thô gan lớn! Nếu “vì từ hại ý” thì vua Đường Nghiêu lên ngôi mấy chục năm chỉ phát ra chưa quá ba bốn hiệu lệnh để thi hành chánh sự mà thôi. Do cổ nhân chất phác, hơn nữa năm tháng xa xôi, cho nên truyền lại chẳng được mấy, chứ không phải là ngoài chuyện ấy ra trợn chẳng làm gì khác! Chuyện của chư tổ Tây Thiên cứ so theo đây mà biết. Quang học vẫn như nhìn vào vách, chẳng qua vì được coi là tri kỷ nên chẳng ngại nói đầu đuôi ngõ hầu ông khỏi phạm lỗi do chấp trước sai lầm mà luận định cổ nhân sai trái mà thôi.

Văn chương của ông Lương Khải Siêu bao trùm cõi đời, thông minh hơn người, tiếc rằng chưa nghiên cứu Phật pháp sâu xa, chỉ trình bày theo đúng như những gì người Nhật đã luận. Vì thế, tuy không đến nỗi gây trở ngại lớn lao, nhưng thường thốt ra những luận định chẳng hợp lẽ! Mạnh tử nói: “*Bác học nhi trường duyệt chi, tương dĩ phản thuyết ước dã*” (Học rộng rãi, giải nói tường tận, [sau khi dung hội quán thông] sẽ quay về với cách nói giản ước)¹⁴⁸. Nếu ông Lương lảng lờ nghiên cứu mười mấy năm, rồi mới cầm bút soạn luận thì những bài luận ấy đem treo ở cửa Ngọ Môn¹⁴⁹, ai đối được một chữ sẽ được thưởng ngàn vàng. Hết năm trọn tháng, hoàn toàn chẳng có một ai dám lãnh thưởng. Huống hồ Ấn Quang là kẻ vô tri vô thức, dám múa mỏ để bươi móc vết tích nhỏ nhặt ư? Ông Lương đã như thế mà các hạ cũng như thế, đều do gấp muốn thành sách, chưa rảnh rỗi để chiêm chước nên mới ra nông nổi.

¹⁴⁷ Theo truyền thống Thiên tông, ở Ấn Độ có 28 vị tổ, Trung Hoa có 6 vị tổ. Ngài Bồ-đề-đạt-ma là tổ thứ 28 ở Ấn Độ, đồng thời là Sơ tổ Thiên tông Trung Hoa. Vì vậy, trong đoạn trên tổ mới nói ‘trong 27 vị tổ Tây Thiên không có ngài Thế Thân’. Hơn nữa, ngoài tổ Bồ-đề-đạt-ma được ghi chép nhiều sự tích ra, danh hiệu 27 vị tổ kia chỉ được nhắc đến trong lịch sử truyền thừa chứ không ghi chép rõ hành trạng, nên mới nói ‘chứ không phải suốt cả một đời của 27 vị tổ chỉ có một đoạn sự tích này’.

¹⁴⁸ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích.

¹⁴⁹ Ngài Huyền Trang sau khi tham học với các bậc tông tượng tại Thiên Trúc đã trở thành một bậc Đại luận sư lẫy lừng tại Ấn Độ. Năm 41 tuổi, khi sư muốn trở về Trung Hoa, vua Giới Nhật bèn tổ chức đại pháp hội tại thành Khúc Nữ, triệu tập quốc vương 18 nước cùng tăng sĩ Đại, Tiểu thừa, Bà-la-môn, hơn 7.000 người về tham dự pháp hội tranh biện Đại thừa. Sư nhận lời thỉnh làm luận chủ. Để tuyên dương Đại thừa, sư viết ra bài luận Chân Duy Thức Lượng treo ở ngoài cửa thành suốt 18 ngày. Vua hạ lệnh ‘nếu ai đối được một chữ trong bài luận ấy sẽ được thưởng ngàn vàng’, nhưng suốt cả 18 ngày không ai bắt bẻ được một chữ nào.

Người đại thông minh, đại danh nhân, lập ngôn ắt phải suy xét kỹ càng, chớ nên câu thả bởi người ta sẽ lấy mình làm mẫu mực. Nếu kẻ bình thường có chỗ sai lầm thì người khác còn dễ biết, dễ sửa. Nếu là danh nhân, ắt người ta sẽ tưởng sai là đúng, truyền bảo sai ngoa cho nhau. Như bài văn ghi lại giấc mộng của họ Lý ở cuối sách Long Thư Tịnh Độ Văn, văn ấy rất bình thường, đơn giản, cũng không phải là văn chương sâu xa, nghĩa lý huyền ảo gì. Nhưng do viết thiếu một chữ “so” (thoạt đầu), những người sao chép về sau đều tưởng là do họ Lý trình bày trực tiếp, chuyện trong lúc còn sống rồi biến thành chuyện sau khi chết được mấy tháng, trở thành chuyện cảm được lợi ích sau khi mộng; nhưng phàm những ai sao lục bài văn ấy đều nghĩ như thế cả (như Tịnh Độ Chỉ Quy Tập, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Cư Sĩ Truyện, Liên Tông Bảo Giám, và Nhân Sơn Dương Công Lược Truyện), đủ thấy mọi người càng phải chú ý. Quang một là thiếu học vấn, hai là không có kiến địa, ba là không có hành trì. Vì thế đối với Phật pháp chẳng dám chú thích một chữ, một câu. Gần đây do một hai người bạn làm lần lưu truyền, chia sẻ cho người khác những thứ cơm thừa canh cặn, khôn ngoan hỏ thẹn, không chôn nường thân, nhưng chẳng biết làm như thế nào?

Lại nữa, trong ba cuốn sách, dưới mỗi một điều được trích dẫn đều có ghi rõ tên sách, nhưng chỉ có lời của ông Kỷ Văn Đạt là nhất loạt chẳng ghi tên sách, chẳng biết tôn ý ra sao? Nếu theo như ngu kiến thì cũng nên ghi tên sách để gọi tín tâm cho người ta và có chứng cứ để tra khảo.

Thêm nữa, Phật Học Tiểu Từ Điển chữ nhỏ không đọc được, ngay hôm ấy liền đưa cho người bạn đọc. Lúc mới nhận được chỉ mở xem qua mấy trang, và đọc phần phương pháp chọn lựa từ ngữ ở đầu sách mà thôi. Ngẫu nhiên thấy phía dưới con số 52 địa vị có ghi chú rằng: “Tức là địa vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác Bồ-tát.” Diệu giác chính là Phật, sao lại kể vào trong số những địa vị Bồ-tát? Nếu nêu chung chung những địa vị thuộc bậc thánh thì được, còn nếu chuyên giảng về địa vị Bồ-tát thì làm lẫn lộn lắm! Tiên sinh Chu An Sĩ đã từng liệt kê con số này như thế, do vậy tôi biết bậc danh nhân thường có những sai lầm ngoài ý muốn!

65. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười tám)

Hôm Rằm vừa rồi nhận được một gói Phật Học Toát Yếu, một cuốn Tịnh Tọa Pháp Tinh Nghĩa, liền đọc ngay. Biết các hạ đối với mỗi pháp tịnh tọa của tam giáo đều biết được cốt lõi, đầu mối. Nhưng hoàng dương Phật pháp chớ nên xen lẫn chuyện luyện đan vận khí của Đạo gia, sợ kẻ chủng tánh tà kiến sẽ biến tà thành chánh thì muốn làm cho người ta được lợi ích hóa ra lại khiến cho họ bị mắc hại. Toàn thể cách ngồi để tham cứu bản thể như Nho gia đã luận đều là lấy

cách tham cứu của nhà Thiền rồi thay đổi tên gọi, nhưng trọn chẳng nói đến Phật pháp. Dầu coi là bản lãnh cao sâu, đối với mình lẫn người đều có lợi ích, nhưng lén trộm lấy điều hay của người khác để khoe khoang chính mình tự có thì cái đạo “thành ý chánh tâm” đã biến thành thiếu sót, khôn ngoan người phải cảm khái, than thở!

Trang 15, dòng thứ 8: “*Phật Di Giáo Kinh: Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” (Kinh Phật Di Giáo dạy: ‘Giữ tâm ở một chỗ, thì không chuyện gì chẳng thực hiện được’). Chữ “nhất xứ” ở đây nghĩa là niệm niệm luôn hướng về đạo, tâm hợp với đạo, tâm và Phật hợp với nhau. Phần giải thích của các hạ dưới đoạn văn này quá chấp hình tích. Nơi dòng thứ 11, chữ *duyên trung* chỉ cho cảnh được duyên bởi tâm, vì thế tiếp đó liền nói: “*Nhược mi gian, nhược ngạch thượng, nhược tỵ đoan.*” (Hoặc giữa chận mày, hoặc trên trán, hoặc chót mũi). Đây chính là những cảnh được duyên, chứ không phải duyên trung¹⁵⁰ cũng là tên gọi của cảnh. Nếu duyên trung cũng là tên gọi của cảnh thì phải dùng chữ “cập” (và), chẳng nên dùng chữ “nhược” (như là). Đạo gia ăn trộm kinh Phật, nhưng không hiểu ý, làm lạc xác định vị trí của duyên trung, lại còn muốn ra vẻ khác biệt với Phật, bèn gọi là hoàng trung, nực cười đến thế! Các hạ đọc rộng mà vẫn noi theo Đạo giáo một mực hiểu lầm “cảnh được duyên”. Đủ thấy hoàng pháp xen tạp, có chỗ gây lầm lạc cho người khác. Đến hàng thứ 12, “lắng tâm nơi đan điền”, đây chính là cách trị bệnh. Vì thế, phần kinh văn tiếp đó nói “lâu ngày ắt trị được nhiều bệnh”, chứ không phải là chẳng vì trị bệnh mà cũng lấy đan điền làm cảnh sở duyên.

Dòng 15, 16, “*nhĩ thời đương hệ niệm tỵ đoan, linh tâm trụ tại duyên trung, vô phân tán ý*” (khi ấy hãy nên chú tâm nơi chót mũi khiến cho tâm trụ nơi cảnh được duyên, ý không bị phân tán) đủ thấy “hệ niệm tỵ đoan” chính là “tâm trụ duyên trung” (tâm trụ vào nơi cảnh được duyên). Nếu nói “duyên trung” chính là cảnh thì nhất tâm hệ niệm hai cảnh, há chẳng phải là tâm và cảnh tách rời, do đâu

¹⁵⁰ Chữ duyên khi được dùng như danh từ thì chỉ những nguyên nhân gián tiếp dẫn đến kết quả. Nhưng ở đây duyên được dùng như một động từ thì có ý nghĩa “nhận biết, dính líu, vướng mắc”. Chẳng hạn, ‘tâm duyên nơi cảnh’, tức là tâm hướng đến một cảnh nào đó, nhận biết cảnh ấy qua lăng kính kiến giải, thiên kiến của chính mình. Để cho rõ, đôi khi các bộ luận thường viết “năng duyên tâm” và “sở duyên cảnh”. *Năng duyên tâm* chính là cái tâm phân biệt, nhận thức cảnh, còn *sở duyên cảnh* chính là đối tượng được nhận thức bởi cái tâm ấy. Chẳng hạn như, khi ta nhìn bông hoa nhận biết đó là bông hoa thì cái tâm nhận biết ấy là năng duyên tâm, bông hoa là sở duyên cảnh. Cùng là một đối tượng, nhưng cảnh sở duyên trong sự nhận biết của mỗi người sẽ khác. Chẳng hạn như cùng một bông hoa, nhưng mỗi người sẽ thấy đẹp - xấu khác biệt. Nguyên câu này phải hiểu là “*duyên trung [cảnh] nhược mi gian, nhược ngạch thượng, nhược tỵ đoan*” (những cảnh được tâm duyên đến [trong khi tịnh tọa] như giữa chận mày, như trên trán, như chót mũi)... Như vậy, ba nơi vừa kể chỉ là liệt kê đại lược những cảnh được duyên. Bọn đạo sĩ hiểu lầm bèn cho “duyên trung” cũng là một trong những vị trí trên thân thể như giữa chận mày, giữa trán, chót mũi, nên mới bịa ra khái niệm hoàng trung!

mà thành định cho được? Trong dòng 11 ở phần trên, “*sơ học hệ tâm duyên trung: nhược mi gian, nhược ngạch thượng, nhược tỵ đoan*” (kẻ mới học buộc tâm nơi cảnh được duyên như là giữa chằng mày, trên trán hoặc chót mũi). Tuy nói ba cảnh, nhưng rốt cuộc chỉ là duyên nơi một. Vì thế, đối với mỗi cảnh đều dùng chữ nhược.

Các hạ bị lời xằng bậy của Đạo gia xoay chuyển, sao chẳng xét sát sao ý nghĩa kinh văn để thấy được ý chỉ gốc? Đạo gia ăn trộm kinh Phật rất nhiều chỗ giống như vậy đó, hãy nên bỏ qua không bàn đến mới là đúng lý. Nếu dẫn tràn lan vào sách nhà Phật, rồi lại chẳng phân biệt được là đúng hay sai thì chúng sẽ trở thành tấm bùa hộ thân cho những kẻ tà kiến. Những kẻ luyện đan thường coi những pháp như trị bệnh v.v. là lạ lùng, đặc biệt, [lấy những chuyện đó] để chứng minh cho phép luyện đan vận khí, nhưng các hạ chẳng biết dụng ý của chúng, lại bình luận là “giống như duyên để buộc tâm chăm chú vào một chỗ” thì những kẻ khác đạo kia sẽ nói Phật pháp cũng là pháp luyện đan vận khí.

Ngài Bảo Chí Công là bậc Pháp thân đại sĩ hiện khắp mọi sắc thân, há nên đem chuyện tinh hồn¹⁵¹ xuất thần [biến hóa trong Đạo giáo] để so sánh luận bàn? Hễ lẫn lộn chỗ này thì Môn Cửu Cô Nương¹⁵² và Thuần Dương Lã Tổ sẽ bằng vai phải lứa, chẳng khác chút nào! Sách Lễ Ký chép: “*Nghĩ nhân tất ư kỳ luân*” (Làm người thì phải noi theo lẽ thường). Các hạ lỡ lời, Quang chẳng thể nào vì kiêng nể các hạ mà không nói. Trang 19, dòng thứ 9 ghi “*chủ nhất*” (chú trọng vào một), giảng rất hay. Sao các hạ chẳng áp dụng nghĩa này để giải thích ý nghĩa câu “*chế tâm nhất xứ*” (chế ngự tâm vào một chỗ). Dòng 16, 17 nói đến chuyện “hồi quang” cũng là dấu vết của Đạo gia, nhưng cũng là lời nói do chẳng biết bản thể mà cứ nói vậy. Dòng 21 luận về ý nghĩa pháp thân cũng chẳng phải là những ý nghĩa pháp thân vốn có.

¹⁵¹ Đây cũng là một thuật ngữ của Đạo gia, họ cho rằng linh hồn của mỗi người là một tiểu linh quang, tức từ Đại Linh Quang của Thượng đế chia nhỏ ra, nên linh hồn còn được gọi là ‘tinh hồn’ tức phần tinh túy nhất được tiếp nhận từ Thượng đế - tinh túy của vũ trụ. Theo họ, những vị tu tiên đắc đạo sẽ vận dụng được khả năng biến hóa thần kỳ của tinh hồn.

¹⁵² Môn Cửu Cô Nương: Đây là một tập tục của phụ nữ thôn quê miền Hoa Nam thường dùng để bói vận may trong ngày lễ Nguyên Tiêu (rằm tháng Giêng), còn gọi là “thỉnh Đoàn Cơ thần” (thỉnh thần sọt). Họ bẻ rúm miếng sọt (cần-xé), phủ vải hoa lên, đem đặt ở ngưỡng cửa, rồi “niệm chú”. Tùy theo hình dáng của miếng sọt bung ra khi giở miếng vải lên mà bói xem năm ấy mùa màng, cưới gả, làm ăn tốt xấu như thế nào. “Vị thần” được cầu khẩn trong khi bói toán ấy được dân gian gọi là Môn Cửu Cô Nương (cô nương ngạch cửa). Ở đây, tổ chơi chữ, dùng Môn Cửu Cô Nương (là một vị thần quê mùa thấp kém trong tín ngưỡng dân gian, do dân chúng bịa ra) để sánh với vị thần tiên nổi tiếng nhất của Đạo giáo là Lã Động Tân.

Trang thứ 9, từ dòng 30 trở đi, Vi Chỉ Thiên của Bảo Phác Tử¹⁵³ chính là phần rút gọn của Cảm Ứng Thiên, chẳng nên gọi là bản cội nguồn của Cảm Ứng Thiên. Theo Phật Tổ Thống Kỳ¹⁵⁴, quyển 54, năm Quang Hòa thứ hai (179) đời Hán Linh Đế, Lão Quân¹⁵⁵ giảng xuống núi Thiên Thai, đem Cảm Ứng Thiên truyền cho tiên nhân Cát Huyền¹⁵⁶, đủ biết rằng Vi Chỉ là phần trích lục đại cương [của Cảm Ứng Thiên] mà thôi.

Trang 31, dòng thứ 15 ghi: “*Ấn Quang giới luật trang nghiêm thanh tịnh, tinh thông mười hai bộ kinh*”, khôn ngoan hốt hoảng, thật chết người! Phật pháp chẳng thể coi giống như tình cảm thông tục trong cõi đời được, các hạ rốt cuộc đã biến Phật pháp thành tình cảm thông tục trong cõi đời. Tuy là có ý nồng hậu, nhưng những người biết rõ mười mười Quang ấp ủ những thứ thấp kém như thế nào sẽ khó thể không chê các hạ nói chẳng đúng sự thật.

Tôi đã gởi Phật Học Toát Yếu sang tỉnh thành Sơn Tây, bảo bạn bè chia ra tặng cho những người có tín tâm, xin vì những người ấy hết sức cảm ơn. Thế đạo tình người hiện thời đã hết thuốc chữa, trừ đạo nhân quả ba đời của đức Như Lai ra, đâu có *tứ vô ngại biện* đối trước người ta thuyết pháp cũng vẫn ủng công. Chỉ cần biết có chuyện nhân quả báo ứng luân hồi sanh tử thì tâm người ta sẽ kinh

¹⁵³ Bảo Phác Tử là hiệu của Cát Hồng (283-363), tự là Trĩ Xuyên, quê ở huyện Cú Dung, Đan Dương (nay thuộc tỉnh Giang Tô) là một nhà giả kim thuật thời Đông Tấn, thường được Đạo giáo xưng tụng là Cát Tiên Ông. Ngoài những tư tưởng hoang đường về thuật luyện đan, Cát Hồng đóng góp khá đáng kể cho y thuật Trung Hoa cổ đại qua những ghi chép về triệu chứng bệnh tật. Trước tác nổi tiếng nhất là bộ Bảo Phác Tử và Thời Hâu Cứu Tật Phương. Ông ta là người đề xướng đường lối Ngoại Đan tức dùng khoáng vật (như thủy ngân, vàng v.v.) nấu với thuốc để chế kim đan, uống kim đan sẽ thành tiên bay lên trời. Do những kim đan ấy có chứa nhiều chất độc hại nên rất nhiều người đã học mấu chốt tui ngay khi vừa uống xong kim đan theo toa của Cát Hồng. Cho đến cuối đời Thanh vẫn có những người mê muội luyện đan theo sách Bảo Phác Tử.

¹⁵⁴ Phật Tổ Thống Kỳ do ngài Chí Bàn soạn vào thời Nam Tống, chủ yếu thuyết minh về hệ thống truyền thừa của giáo học Thiên Thai. Sách này lấy các bộ Tông Nguyên Lục và Thích Môn Chánh Thống làm cơ sở. Sách được phỏng theo cách chép của Sử Ký nên chia thành các phần Bản Kỳ, Thế Gia, Liệt Truyện, Biểu, Chí. Bản Kỳ bao gồm truyện đức Phật Thích-ca, và truyện của các vị tổ mà tông Thiên Thai tôn thờ là 24 vị tổ ở Ấn Độ, 9 vị ở Trung Quốc và tám vị tổ từ thời ngài Hưng Đại trở xuống. Phần Thế Gia gồm truyện của 198 vị tổ thuộc tông Thiên Thai, Nam Nhạc. Phần Liệt Truyện gồm truyện ký của 378 vị tổ từ Từ Vân cho đến Nam Bình. Phần Biểu gồm những biểu đồ hệ thống truyền thừa ở Ấn Độ và Trung Quốc. Phần Chí gồm danh mục các trước tác của tông Thiên Thai, Tịnh độ, Thiền tông, Hoa Nghiêm v.v.. Tuy sách này lấy tông Thiên Thai làm chính, nhưng nội dung sử liệu phong phú, biên chép kỹ lưỡng nên thường được coi là một sử liệu quan trọng để nghiên cứu Phật giáo Trung Quốc.

¹⁵⁵ Lão Quân chính là Lão Tử. Lão Tử tên thật là Lý Nhĩ, tự là Bá Dương, theo truyền thuyết ông sống trong khoảng 600 đến 470 trước Công Nguyên. Các đạo sĩ do tôn xưng ông là Thủy Tổ của Đạo gia đã đặt ra rất nhiều chuyện huyền thoại quanh ông và tôn xưng ông là Thái Thượng Lão Quân, Hồn Nguyên Lão Quân, Thái Thanh Đại Đế, Đạo Đức Thiên Tôn v.v..

¹⁵⁶ Cát Huyền (164-244) là em của ông nội Cát Hồng, cũng là một đạo sĩ nổi tiếng, được người đời sau xưng tụng là Thái Cực Cát Tiên Ông. Cùng với Trương Đạo Lăng, Hứa Tôn và Tát Thủ Kiên được gọi là ‘tứ đại Thiên Sư’ của Đạo giáo.

sợ, chỉ sợ do nhân ác sẽ chuốc lấy quả ác mà thôi, thể rồi khỏi tâm, động niệm, xử sự chẳng dám phóng túng không kiêng kỵ, mặc tình mà làm. Dầu ở trong nhà tối vẫn như đối trước Ngọc Hoàng Thượng Đế! Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp nhân quả thì người đời sau sống trong vòng trời đất muốn được chết yên lành cũng hiếm hoi lắm. Nhưng kẻ cuồng sợ bị trói buộc, kẻ ngu sợ bị ngăn trở chuyện của chính mình, do vậy nếu chẳng bảo nhân quả là chấp tướng thì cũng chê là mờ mịt. Các hạ sưu tập hết những chuyện nhân quả từ các sách vở, gom soạn thành sách, tuy đối với lẽ bốn phần tội hồ chưa đạt đến cùng tột, nhưng sẽ có ích lớn lao để giúp cho lòng người chưa chết, thiên lý sắp sống dậy vậy!

(Ngày 19 tháng 6 năm Dân Quốc thứ tám - 1919)

Ông Chu Quân Tranh ở Ôn Châu đọc Liễu Phàm Tứ Huấn cho là văn lẫn lý đều tinh vi, thiết thực, tính bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ đem in để kết duyên, sai Quang viết lời tựa. Lại do nhầm đúng kỳ [thiện tín lên núi Phổ Đà] dâng hương, thường có người tới đây thăm viếng nên đến nỗi chậm trễ mấy ngày, thật là thiếu sót!

66. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo (thư thứ mười chín)

Đã lâu chưa gặp gỡ, thường nghĩ đến ông, nay có một đệ tử ở Thiểm Tây là Vương Tôn Tổ bị bệnh phổi đã lâu, các cách chữa trị đều vô hiệu. Nghe nói cư sĩ là chuyên gia trị bệnh phổi bèn xin Quang giới thiệu. Những sách do Quang in ra trong năm sáu năm qua, sợ cư sĩ không rảnh để xem, vì thế chẳng gởi. Tôi đã từng gởi hai bộ Sơn Chí của Phổ Đà và Thanh Lương cho ông hay chưa, nay tôi cũng không nhớ rõ. Nay bảo ông ta đem theo cả ba bộ Sơn Chí của Nga Mi, Thanh Lương, Phổ Đà. Ngoài ra còn có Viễn Công Văn Sao, Tang Tế Tu Tri, Niệm Phật Khẩn Từ, Tọa Hoa Chí Quả cùng gói thành một bọc, mong hãy xem khi rảnh rồi. Cuối cuốn Tọa Hoa Chí Quả có in thêm Tỉnh Mê Lục, cũng rất đúng với căn bệnh phổ biến hiện thời. Cuốn này do một người ở Tứ Xuyên biên tập, một vị cư sĩ gởi đến, do vậy bèn in kèm vào sau.

Vương Tôn Tổ là con trai thứ tư của một người bạn tôi là Vương Ấu Nông. Trước kia, Ấu Nông làm ty trưởng ty Dân Chánh Sự Vụ tỉnh Thiểm Tây, hiện nay làm chủ tịch Hội Cứu Tế Thiên Tai, là người ít thấy trong chánh giới hiện thời. Người đi cùng Vương Tôn Tổ là con thứ của ông ta, tên tự là Thứ Sam, thường sống tại Tô Châu.

67. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Pháp hội lần này là Hộ Quốc Túc Tai; phàm là quốc dân đều nên hết lòng góp phần. Trong khóa tụng sáng tối, Quang cũng đều cầu nguyện. Nay được hội trưởng và các vị sai khiến, cố nhiên phải trọn hết lòng ngu thành của tôi. Chớ nên áp dụng thói khắc khổ giả dối trong thời gần đây đến nỗi chẳng thành ra thể loại của một pháp hội Hộ Quốc. Suốt cả đời Quang chẳng dự vào hội đoàn của ai, cứ hành riêng theo chí của mình. Lúc ở Phổ Đà, thoát đầu thường trụ mời khắp mọi người đi dự trai tăng thì cũng đi, một buổi trai tăng mất hết hai ba tiếng đồng hồ, cảm thấy chán ngán quá, bèn hơn 20 năm không đi dự trai tăng.

Lần này là chuyện tận tâm cá nhân, nếu thực hiện theo cách thỉnh pháp sư giảng kinh thông thường thì trọn chẳng hợp lẽ. Về biện pháp đã thất thì tuy tôi chẳng thể đã thất cùng đại chúng được, nhưng vẫn phải tuân thủ quy củ đã thất. Bất luận là ai, Quang cũng nhất loạt không gặp! Vì nếu gặp một người, há chẳng thể nào không mệt đến chết ư? Năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang đến dự Phật thất tại chùa Thường Tịch Quang ở Hàng Châu, người trông coi Phật thất ấy hoàn toàn không có chương trình, người ta kéo đến ào ào, trong vòng hai bữa phải chào hỏi nức hòng luôn. Lần này đã có kinh nghiệm rồi, cố nhiên chẳng thể không nói rõ trước.

Khi Quang đến Thượng Hải thì cắt một người làm trà đầu, phàm những chuyện ăn uống đều do người ấy lo liệu, ba bữa sáng trưa tối ăn một mình trong phòng. Trong bữa cháo sáng thì bánh mạn đầu hay cơm chỉ dùng một thứ; bữa trưa thì một chén rau, bốn cái mạn đầu; buổi tối thì một bát mì lớn, quấy quá cho xong. Quang mấy chục năm ăn cơm không để sót lại thức ăn nên chỉ cần một chén thức ăn. Ăn xong, dùng bánh mạn đầu vét sạch dầu mỡ trong bát, chớ nói là “ăn xong phải chừa lại đôi chút”. Ngoài ra, tất cả những thứ điểm tâm lồi thoi đều nhất loạt chẳng dùng đến. Hôm viên mãn Phật thất, cũng không dự trai tăng. Dầu cử hành lễ trai tăng ngay trong pháp hội, Quang cũng chẳng ngồi ăn cùng mọi người do không có tinh thần để bồi tiếp. Hôm sau ngày viên mãn sẽ trở về đất Tô ngay, cũng đừng nên đưa tiễn, đưa tới ngoài cửa liền dừng chân. Nếu cứ tiễn chân sẽ trở thành thói quen của chốn thị tứ, chẳng thành ra quy củ một pháp hội Hộ Quốc Túc Tai vậy!

(Ngày 17 tháng 9 năm Dân Quốc 25 - 1936)

Thêm nữa, hãy đem lời Quang chẳng tiếp khách bảo với các vị lo việc chiêu đãi. Nếu có ai đem quà đến biếu, đều bảo họ cầm về; nếu chẳng chịu cầm về thì sung vào quỹ của hội [Phật giáo Trung Quốc]. Đồ ăn đã như thế mà tiền tài cũng giống như thế, bảo họ cúng dường cho hội, đừng cúng dường cho Quang. Hơn

nữa, tiền tàu xe đi về của Quang và của người trà đầu đều tính sổ với Quang. Hội cũng không nên thưởng công hậu hĩnh cho người trà đầu, bởi người ấy cũng vì quốc dân mà góp phần, chớ nên đối xử nòng hậu đặc biệt, đâm ra chẳng hợp pháp thể. Quang là một ông tăng lui tới một mình, sợ rằng hội Phật giáo Trung Quốc vẫn chưa thông cảm điều đó nên mới phải nói thêm.

68. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ hai)

Hôm trước, khi viết thư vừa xong, đưa cho thầy Đức Sâm coi, thầy ấy nói: “Hãy nên nhờ cư sĩ đem chuyện không tiếp khách, không nhận quà tặng dù là thức ăn hay tiền tài đăng trên tờ Tân Thân Báo để mọi người đều biết!” Quang cho rằng làm như thế sẽ phiền phức. Ngày hôm qua, thầy ấy cầm báo đưa cho Quang xem, thưa: “Con đã đăng báo rồi!” Vậy là nên đem chuyện này đăng báo. Sáng nay lại nhận được thư ngày hôm qua và ngày hôm trước, cho biết cư sĩ sẽ tự mình lái xe đến đón, chứ không để cho hội phải bỏ tiền xăng. Được cư sĩ yêu mến nòng hậu, khôn ngoan cảm kích, hổ thẹn; nhưng Quang một mực chẳng thích được người khác tung hô, lại cần phải đi các nơi, chỉ bằng để tôi đón xe kéo tùy theo ý thích. Nếu phải ngồi xe hơi, hóa ra chẳng khác gì bị giam lỏng, chẳng được tự tại. Ngàn phần mong ông đừng làm mệt chính mình để đôi bên đều được thoải mái.

Hơn nữa, Quang thuyết pháp chẳng giống với hết thầy các pháp sư khác. Các đại pháp sư phần nhiều chú trọng đàm huyền thuyết diệu, Quang chẳng biết nói chuyện huyền diệu, mà phần nhiều chú trọng dạy người giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận. Năm Dân Quốc mười mấy (quên mất năm nào), Quang đến Ninh Ba, ông Hoàng Hàm Chi thỉnh đến nói khai thị tại Niệm Phật xã ở phía ngoài nha Đạo Doãn. Vị đại lão quan X... ngồi kiệu đến, lúc ấy Quang đã diễn thuyết. Sau đấy, khi Quang nói đến chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, cha từ, con hiếu v.v., người ấy bèn lên kiệu bỏ đi. Nhưng Quang một mực giữ chí này, chẳng vì người khác không thích nghe mà thay đổi phương châm. Huống chi lần này là Hộ Quốc Tức Tai, chuyện niệm tụng vẫn là cành nhánh; giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận mới là căn bản. Bất luận người ta thích nghe hay không, tôi vẫn lấy đó làm tông chỉ.

Còn chuyện quy y thì Quang không xứng, bởi hội trưởng hội Phật giáo là chủ nhân, Quang là khách, những kẻ quy y kia nên quy y với hội trưởng, đây là điều chí lý quyết định chẳng thay đổi được! Hơn nữa, mắt Quang đã lòa, xem sách phải dùng cả kiếng lão lẫn kiếng lúp cũng chỉ thấy lò mờ, làm sao thắng tòa vì người khác nói tam quy ngũ giới cho được. Hơn nữa rất đông người, cũng chẳng ghi pháp danh được. Chắc chắn chẳng chấp nhận chuyện này để khỏi bị người ta

chê cười. Lần này đến Thượng Hải, chuyên vì hộ quốc, tuy chẳng thể theo đại chúng niệm tụng, nhưng vẫn theo cùng một quy củ với đại chúng để khỏi bị phân tâm trở thành hữu danh vô thực. Nếu dùng biện pháp tiếp đón pháp sư rình rang như thường thấy thì đôi bên đều sai lầm. Do vậy, Quang phải thưa rõ trước!

(Ngày 20 tháng 9 năm Dân Quốc 25 - 1936)

Những điều Quang sẽ nói đều một mực tùy tiện không theo thứ tự nhất định. Phật sự niệm tụng lần này để hộ quốc tức tai, ngày đầu tiên sẽ nói đại lược về ý nghĩa hộ quốc tức tai, tức là nói về công đức lợi ích của pháp môn niệm Phật. Ngày hôm sau lại nói đến đạo hộ quốc căn bản để mong vẫn hồi thể đạo nhân tâm. Lúc Quang mới xuất gia, tới nhà một vị cư sĩ, cả nhà ấy đều tin Phật: Mẹ chồng, con dâu là hai người, ba bốn đứa con, mỗi người thờ một vị Phật, bàn thờ Phật là một cái bàn dài. Cô con dâu chỉ thắp hương, cúng nước, phẩy bụi cho đức Phật của mình, còn tượng Phật của mẹ chồng bụi bám cũng không phẩy, Quang thấy vậy mà đau lòng! Những người như vậy do vì chưa nghe thiện tri thức dạy dỗ nên dùng thân báng pháp. Đây là nguyên do vì sao Quang chú trọng đến chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận vậy.

Lại thấy nhiều người thu nhận đồ đệ cho nhiều, đều chẳng phải hạng người tu hành thật sự, do vậy phát nguyện chẳng thu nhận đồ đệ. Do thấy sự hèn hạ của tăng nhân hướng về người khác hóa duyên, nên chẳng nguyện làm trụ trì, làm pháp hội. Nay đã già rồi, vẫn chưa đến nỗi phụ bạc cái tâm thuở đầu, cam lòng giữ bốn phận kiếm cơm, ngõ hầu những bạn bè đã sanh về Tây Phương từ trên đài sen chẳng chê cười tôi.

69. Thư trả lời cư sĩ Khuất Văn Lục (thư thứ ba)

Gởi đi bức thư đề ngày 20 rồi, đến chiều hôm qua mới biết cụ Chi đã về Tây, khôn ngăn thảm thương, Phật pháp mất đi một người hộ pháp ưu tú, quả là một đại bất hạnh cho Phật giáo. Đối với bạn bè chí thân thâm giao, Quang một mực đều chẳng viết bài phúng điếu, chỉ trong lúc hồi hướng vào khóa tụng sáng tối bèn hồi hướng cho họ trong 7 ngày hoặc 21 ngày hoặc 35 ngày, hoặc nhiều ngày hơn nữa mà thôi! Nay tôi cũng làm như thế đối với cụ Chi. Trước đây tôi đã nhận được chương trình nhập hội của hội Phật giáo, do không dễ đọc nên giao cho thầy Đức Sâm, thầy ấy nói hãy nên nhập hội. Nay nộp (tiền quỹ một trăm đồng, lúc đến sẽ mang theo), thư tình nguyện gia nhập thì gồm hai chữ cơ bản và tên Quang là ba chữ nữa, người giới thiệu thì xin pháp sư Viên Anh và cư sĩ hãy tự điền vào. Còn đối với những điều được nêu trong mặt sau thư thì do người đã 76 tuổi sắp chết trong sáng chiều có lẽ chẳng cần phải đông dài.

Cư sĩ gởi thư nói sẽ đến đón thì vào ngày 18 đến chùa Thái Bình là được rồi. Ngày mùng 6, mùng 7 quyết chẳng được. Vì sao vậy? Do ai có chí nấy, nếu tỏ lòng kính trọng mà trái ý người ta, làm sao có chuyện đó được? Nếu không, Quang trở về đất Tô ngay, quyết chẳng đến Tịnh nghiệp xã. Quang rất chán chuyện này, há chịu vì hộ quốc tức tai mà lại phải nín nhịn sự tăng bốc quá mức của cư sĩ ư? Đã coi Quang là người ngoài thì Quang sẽ tự xử sự như người ngoài, trở về đất Tô vào quan phòng tự niệm tụng một mình. Phàm mọi chuyện đều nên thông cảm cho lòng người ta, người thích được tăng bốc [bền tiếp đón trọng thể] thì được, chứ người không thích được tăng bốc sẽ cảm thấy xấu hổ không yên, cần gì phải khổ sở vì ý tốt mà khiến cho người khác phải hổ thẹn không yên vậy?

Còn đối với chuyện sau hôm viên mãn pháp hội sẽ nói tam quy ngũ giới, nếu chiếu theo cách Quang thường truyền giới thì thật chẳng có nghi thức nào đáng coi được cả. Nếu muốn phô trương bày vẽ thăng tòa thì Quang quyết chẳng thể làm được, vì mắt chẳng đọc được chữ. Nếu cứ phải “không thăng tòa là không được” thì hãy mời người khác nói thay, Quang chẳng đến đàn truyền giới. Đối với chuyện pháp danh, Quang cũng chẳng thể viết. Bất luận bao nhiêu người, bất luận bao nhiêu tiền hương kính, Quang chẳng lấy một đồng. Ngoài tiền biếu cho vị sư nói thay và các sư trực ban ra, đều dùng làm chi phí cho hội Phật giáo hết. Biện pháp như thế có lẽ thích đáng cho khắp mọi người. Nếu đối đãi với Quang như một vị pháp sư giảng kinh thông thường thì sẽ đánh mất thể tài của hai chữ hộ quốc, mà lại còn coi rẻ Quang. Vì sao vậy? Người ta sẽ tưởng Quang đặc biệt vì chuyện hộ quốc mà thủ lợi! Quang tuy thiếu sáng suốt, vẫn chẳng mong trong những ngày sắp chết lại nhận được tiền bạc từ pháp hội Hộ Quốc này!

Ngày 23 tháng 9)

70. Thư trả lời cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh

Lễ sám không có quy củ cứng nhắc, chỉ dốc lòng chí thành khẩn thiết là được rồi. Thờ Phật trong phòng ngủ trừ trường hợp nghèo nàn không có phòng nào khác thì được; nếu có phòng khác, trọn chẳng nên thờ trong phòng ngủ. Công khóa tùy theo ý của mỗi người, cũng không có chương trình nhất định. Quang thì khóa sáng ắt phải cứ chiếu theo khóa tụng sáng tối mà niệm thẳng tuột. Phàm những chỗ phải lên giọng xướng tán cũng niệm thẳng tuột, chỉ đọc hơi chậm lại một chút mà thôi. Quang trọn chưa học cách xướng niệm, nhưng ở trong tụng lâm hãy nên niệm nhỏ tiếng, đừng để bên ngoài nghe tiếng đến nỗi làm kinh động người khác.

Lúc đầu thì Quang mỗi ngày lễ mấy trăm lạy, mấy năm gần đây nhiều việc quá, chỉ hai thời công khóa. Mùa đông thì mỗi ngày lễ hơn trăm lạy, mùa hạ chỉ mấy chục lạy, mà cũng chỉ lễ Thích-ca, Di-đà, Tịnh Độ Tam Kinh và các kinh Đại thừa, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, tận hư không trọn pháp giới quá khứ, hiện tại, vị lai hết thấy chư Phật, hết thấy tôn pháp, hết thấy hiền thánh tăng (*Lễ Phật Di-đà nhiều ít không nhất định, dựa theo tình thần và hoàn cảnh mà tăng hay giảm, đối với mỗi vị khác đều lễ ba lạy*). Mấy lúc gần đây trong ban ngày trọn chẳng thể xem kinh, lễ Phật, tất cả thư từ và những chuyện nhờ cậy giáo chúng, giáo đồ đều đã không rảnh rỗi để làm.

Hiện thời, phu nhân đã có thể ăn chay trường suốt năm tháng, sao không ăn luôn một năm? Bởi lẽ sát nghiệp gây trở ngại lớn nhất cho sự vãng sanh! Nếu chẳng vãng sanh ngay, lại càng phải nên không ăn thịt để khỏi phải đền nợ thân mạng trong vị lai. Niệm Phật ăn chay vãng sanh Tây Phương là chuyện công đức bậc nhất trong thế gian. Nỡ để cho vợ con chẳng quyết định được hưởng lợi ích này hay sao? Đối với công nhân, nếu muốn làm cho họ gieo thiện căn, chẳng ngại gì nói rõ đầu đuôi với họ, dùng chi phí mua đồ ăn mặn để làm tiền thưởng thì do họ làm được nhiều tiền hơn sẽ trọn chẳng đến nỗi thốt lời gièm pha.

Mùa hạ năm nay các nơi lụt lội, dân đói rất đông, hãy nên nhắc nhở người nhà sốt sắng niệm Phật để ngừa tai họa ngoài ý muốn. Nếu ai chẳng thể chịu đựng nhọc nhằn, hãy nghĩ đến nỗi khổ của dân đói và nỗi khổ của nhà giàu bị cướp đoạt thì sẽ tự chịu đựng được sự khổ sở vì niệm Phật. Chuyện này vốn đâu có khổ, do một mực không quen nên mới thấy là khổ. Nhưng cái khổ này là sự khổ để thoát khổ, nếu chẳng chịu nỗi khổ này thì nỗi khổ trong tương lai sẽ chẳng thể nói trọn hết được.

(*Năm Ất Sửu - 1925*)

71. Thư trả lời cư sĩ Tiêu Dịch Đường

Hôm mùng 1 nhận được thư, tôi khôn ngăn vui mừng, an ủi. Ông đã dùng gan ruột Bò-tát để thực hiện sự nghiệp hộ pháp thì nay đang gặp đúng dịp. Dân Quốc mở mang nền cộng hòa, tự do tôn giáo, dùng chủ nghĩa Tam Dân để hiệu triệu lẫn nhau, nay đã được 18 năm rồi, nhưng đối với tăng nhân lại vô cùng ngược đãi, ý muốn đuổi tăng đoạt của, ngõ hầu cả nước trọn chẳng còn một tăng sĩ nào thì mới thỏa dạ! Lại sợ dư luận gây trở ngại nên mượn tiếng quản lý chùa miếu để làm căn cứ xua đuổi, chiếm đoạt. Lập ra 21 điều thì như trong điều thứ tư, điều thứ năm, điều thứ chín, tuy mạo danh quản lý, bảo hộ, há chẳng khiến cho bậc tri thức đau lòng, kẻ ôm dã tâm khoan khoái ư? Lập pháp kiểu đó há còn đáng gọi

là tự do tôn giáo nữa hay chẳng? Há còn có thực tế dân sinh, dân quyền, dân tộc nữa ư? Có còn đúng với chánh lệnh lập quốc của nước cộng hòa nữa hay không? Chủ nghĩa như thế chính là thực hành đẩy dân đến chỗ chết, đoạt dân quyền, diệt dân tộc vậy!

Nếu nói: “Điều này chỉ có tăng giới bị ảnh hưởng, chứ không phải dân chúng trong cả nước bị như vậy” thì thử hỏi: Tăng chẳng phải là người dân trong nước hay sao? Nếu áp dụng những thứ pháp lệnh ấy cho dân cả nước thì còn chấp nhận được, nay chỉ áp dụng riêng cho tăng, chẳng phải là do tăng chúng yếu ớt không có sức bền dùng thủ đoạn lấn áp, cậy mạnh hiếp yếu, lấy đa số chèn ép thiểu số hay chẳng? Nhật Bản là nước bé tẹo tèo tèo mà xưng hùng toàn cầu, vẫn chẳng coi Phật pháp là ung nhọt. Nước ta từ sau đời Hán đến nay, Phật pháp truyền sang khắp các nước Đông, Tây, Nam, Bắc. Nay muốn cho nước nhà thống nhất, nhân dân yên vui, mà lại coi Phật pháp vốn là pháp “về mặt ngầm thì giúp giữ yên nền bình trị, về mặt hiển nhiên là giữ yên dân tình” giống như ung nhọt, muốn trừ khử đi, có khác nào muốn cho cây cỏ sum suê mà lại đẵn gốc trước? Muốn cho nước chảy được xa mà lại lấp nguồn trước? Phật pháp ích lợi cho cõi đời trên phương diện tinh thần, kẻ phàm phu chẳng thể thấy được, giống như rễ cây, như đầu nguồn nước. Những kẻ tri kiến thiển cận trong cõi đời chỉ phê bình, bàn luận về sự lan truyền tạo lợi ích rộng khắp nơi thân, cành, nhánh, lá; chứ đối với điều khiến cho thân, cành, nhánh, lá được lan truyền tạo lợi ích rộng khắp lại chẳng hề biết. Há chẳng đáng gọi là “xoay cang xe về phía Bắc để đi tới nước Việt ở phương Nam”, bước giật lùi mà mong tiến lên phía trước ư?

Ngày 29 tháng trước, các vị tăng tục thuộc hội Phật giáo Thượng Hải lên Bắc Kinh thỉnh nguyện. Ngày hôm qua, tôi nhận được thư gọi đến mời các ủy viên tăng tục trong hội Phật giáo Trung Quốc cùng đến họp. Quang vốn là ông tăng già đời chết, không có môn đình, không có đồ chúng, không có bản lãnh gì, hội ấy do thấy Quang có chút hư danh nên cũng kể tên Quang làm hội viên. Nhưng thân Quang đây đã gác ra ngoài rồi, nếu Dân Quốc rộng dung thì chẳng ngại gì trọn hết tuổi thừa. Nếu chẳng dung nạp thì chẳng ngại gì kết bạn với Hà Bá, Hải Nhục¹⁵⁷, miễn sao khỏi gây trở ngại cho địa giới của Dân Quốc, đâu cần phải thỉnh nguyện xin họ bao dung để mong sống mãi trong cõi đời ư?

Chỉ vì Phật pháp là tròng mắt của trời người, đang trong lúc tàn sát lẫn nhau đến mức chẳng dứt này, muốn hưng khởi điều lợi, trừ bỏ thói tệ, mà trước hết lại theo đuổi chuyện diệt pháp thì sợ rằng sẽ dẫm theo vết xe đổ của Ngụy Vũ, Chu

¹⁵⁷ Hà Bá: thần sông; Hải Nhục: thần biển.

Vũ, Đường Vũ¹⁵⁸, nào phải chỉ tự mình chuốc lấy quả báo mà còn để lại tiếng nhơ cho người đời sau chê cười, gây tổn hại vô ích cho nước, cho dân. Do vậy, chẳng nề hà kỵ húy, trình bày thẳng thừng điều lợi, lẽ hại, mong cư sĩ sẽ phát lòng vì nước vì dân mà cực lực duy trì, ngõ hầu những điều lệnh đã được ban hành trước đây chẳng trở thành sự thật thì quyền tự do tôn giáo trong nền cộng hòa, lời hiệu triệu chủ nghĩa Tam Dân mới hữu ích lớn lao cho nước, cho dân, chứ nào phải chỉ tăng chúng được hưởng phước lợi mà thôi!

(Mồng 3 tháng 5)

Hiện thời những kẻ nói đến chuyện nam nữ bình quyền, phần nhiều đều chẳng biết quyền của nữ nhân lớn lao hơn quyền của nam tử khó thể diễn tả, thí dụ được. Thế đạo loạn lạc cũng do nữ quyền chẳng được chấn hưng mà ra! Muốn giữ yên thế đạo, phải gấp làm sao cho nữ giới chẳng cô phụ thiên chức, ai nấy đều nghiêm túc giữ lấy quyền ấy. Quang thường nói: “Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa.” Vì họ trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con thì đối với gia đình, đối với đất nước sẽ có lợi ích mà chẳng hay chẳng biết. Xin hãy đọc kỹ mấy chương khuyên dạy tại gia thiện tín trong Gia Ngôn Lục sẽ biết rõ. Tìm cách bình trị nào khác ngoài cách này ra thì do thấy biết kém cỏi, Quang chẳng thể nào biết được!

72. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ nhất)

Hôm qua tôi nhận được thư của thầy Minh Đạo chùa Thái Bình, biết các hạ lại gởi 40 đồng, kính cần giữ lấy, để đợi đến năm sau dùng làm chi phí in sách. Mười gởi Gia Ngôn Lục đã bảo Đại Trung Thư Cục gởi đi, chắc không lâu nữa ông sẽ nhận được. Ông cũng sẽ nhận được sách Khuê Phạm. Trong mùa hạ, hòa thượng Diệu Liên tuân lệnh các hạ, đem bài bi ký về chuyện thỉnh Đại tạng kinh sai Quang gọt giũa. Quang do bận việc, trả lời trước bằng một lá thư, đợi sau khi về núi sẽ lại bàn tiếp. Tới mồng 2 tháng Chạp về đến núi, phàm những thứ dọn lại đều gởi đi bằng thư bảo đảm vào ngày 19. Chữ nghĩa dùng trong nguyên văn bài bi ký rất hay, tiếc là nói dông dài quá nhiều, chưa chỉ ra được nguyên do của Phật pháp. Tôi vốn muốn sửa đổi đại lược, nào ngờ Quang học thức chẳng đạt đến mức “hay khéo, vuông tròn thuận theo ý muốn”, sửa chữa xong, bài bi ký ấy biến thành một bài khác. Theo Quang nghĩ, dùng khẩu khí của ngài Diệu Liên, coi Diệu Liên như là chủ nhân ngôi chùa và những lời lẽ đề cao dư thừa trong bi ký, chẳng bằng lưu lại sự thật cho đời sau. Có lẽ biện pháp như vậy là đắc thể, đã

¹⁵⁸ Ba ông vua này từng chủ trương diệt Phật, truy đuổi tăng chúng, chiếm đoạt tài sản nhà chùa. Sử thường gọi là Tam Vũ Diệt Phật.

trình lên các hạ giám định. Nếu có chỗ nào sai sót, thiếu thỏa đáng, các hạ cứ sửa đổi đừng ngại gì cả.

Quang là người trọn chẳng có ngã tướng, điều chẳng muốn nghe là tăng bốc quá lớn, ngoài ra chẳng chấp trước một chuyện gì. Chắc là các hạ đã biết đại lược điều này từ lâu rồi! Năm nay in sách nhiều nhất, đã hơn hai vạn đồng. Nửa đầu năm sau còn có rất nhiều sách sẽ in, sau thu sẽ đi khắp Nam Bắc Đông Tây không có chỗ nhất định để khỏi phải thù tiếp thư từ, chỉ bận bịu vì kẻ khác đến nỗi hỏng cả đại sự của chính mình. Các hạ già rồi, thế đạo như thế này, hãy nên dùng cảnh duyên này để tự răn nhắc, ngõ hầu cái tâm cầu sanh Tây Phương về mặt sự được mười phần chu đáo, tha thiết. Lại xin hãy dạy bảo con cái và cả nhà, thường nói đến lợi ích do trợ niệm khi lâm chung và họa hại của việc tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc... khiến cho bọn họ hiểu rõ lợi hại, trọn chẳng đến nỗi vì thể hiện lòng hiếu mà trở thành chuyện “đã té xuống giếng còn bị quăng đá!”

Năm nay Quang 67 tuổi, tinh lực đã suy, nếu vẫn chẳng biết lượng sức, nhất định sẽ làm nhục đến pháp môn. Hiện thời những *chỉ bản*¹⁵⁹ của các bộ Văn Sao v.v. đều đã được hoàn thành tốt đẹp rồi, có ai muốn in thì cứ tiếp xúc Đại Trung Thư Cục sẽ được như nguyện. Văn Sao lại được chế ra bốn bức chỉ bản, An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám mỗi cuốn đều có hai bản, Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trục Giảng, đều được làm thành bốn bản. Quán Âm Tụng lại được làm thành hai bản. Ngoài ra còn có Giới Sát Phóng Sanh Hiện Báo Lục, Học Phật Thiên Thuyết v.v., những cuốn sách nhỏ lật vạt đều đã giữ lại bản in. Do vậy, mùa thu năm sau có thể đi luôn, chẳng cần biết là ở nơi nào để lo tu trì. Chúng ta trải đời bất quá sáu mươi mấy năm, mà nay trong cõi đời lại có bao nhiêu hiện tượng kể từ khi có mặt con người trong trời đất đến nay, phần nhiều đều chưa hề thấy, đời loạn đến cùng cực rồi. Nếu chẳng cực lực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình thì chẳng thể nào hy vọng thái bình được nữa!

(Ngày 22)

73. Thư trả lời cư sĩ Phan Đới Phù (thư thứ hai)

Năm ngoái cư sĩ X... mất, trước đây ông ta đã phát đại tâm sai lầm, muốn ở trong thế gian này độ người [chứ không cầu vãng sanh]. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), ông ta lên núi bị Quang quở trách, dường như đã xoay chuyển ý niệm.

¹⁵⁹ Theo Từ Hải, chỉ bản là một lối in xưa, người ta sắp bản in với các chữ in rời bằng kẽm (tức là mỗi chữ đều được đúc riêng biệt bằng kẽm, rồi sắp vào khuôn gỗ) đưa vào máy in nén mạnh trên giấy cho lõm xuống. Khi cần in sẽ chụp những trang đó, không cần phải sắp chữ lại.

Sau này, con ông ta gởi cáo phó đến nói ông ta ngủ suốt ba ngày, chẳng ăn, chẳng nói gì rồi qua đời. Xem tình trạng đó, đúng là tướng trạng chưa được vãng sanh. Do vậy, muốn cầu vãng sanh phải buông thế gian này xuống và buông vọng tâm quá phận xuống (Chẳng hạn như muốn được giống như Bồ-tát ở trong sanh tử độ thoát chúng sanh. Điều này thì chính mình phải là Bồ-tát mới được. Nếu chính mình vẫn là phàm phu mà muốn gánh vác chuyện này thì chẳng những không thể độ người mà còn chẳng thể tự độ. Bao nhiêu thiện tri thức trong thế gian đều mắc phải bệnh này, mà vẫn nói là mình có tâm đại Bồ-đề. Cần biết rằng đã có tâm ấy trước hết phải cầu vãng sanh thì mới hữu ích. Nếu sẵn có tâm này mà chẳng cầu vãng sanh thì phải là bậc Bồ-tát mới được. Nếu không, sẽ mắc hại chẳng hạn!) Tâm cuồng vọng quá phận là chướng ngại lớn nhất cho người tu hành thật sự, chẳng thể không biết điều này.

Hơn nữa, cư sĩ X... là người quá hiếu danh, vì thế những sách do ông ta soạn ra đều phỏng theo giọng điệu kinh Phật, mắc lỗi đem phàm lạm thánh thật chẳng nông cạn. Vì thế, dốc công hoằng pháp mà chẳng được lợi ích thật sự. Thân thể trăm năm, chớp mắt liền qua đời, chỉ mong chuyên tâm dốc chí nơi niệm Phật cầu vãng sanh. Vị cư sĩ X... ấy chính là một tấm gương răn nhắc lớn lao vậy!

74. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù (thư thứ ba)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm thán, các hạ dùng đức dày đôi xử rất hậu với người khác, nên bọn tàn binh¹⁶⁰ thô phỉ cũng bảo nhau đừng khuấy nhiễu. Nếu không có chuyện thật sự khiến cho người khác cảm động thì làm sao đạt được như thế? Đối với người dân, cái ăn quan trọng nhất, rộng rãi với dân ắt trời sẽ ban phước cho. Bọn tàn binh thô phỉ ấy há nào có tâm đạo nghĩa, nhưng do thiên địa, quỷ thần gia bị, khiến cho chúng nó giữ đạo nghĩa. Từng thấy trong bản chú giải Âm Chất Văn có ghi một câu chuyện chứng minh hơi giống như chuyện của các hạ, nay tôi sao chép lại để trình lên cho ông xem.

Năm Tân Ty (1761) đời Càn Long, võ đô Hoàng Hà ở tỉnh Dự (Hà Nam), khắp mặt đất nước sâu hơn một trượng, lều tranh của dân gian bị nhận chìm mất nửa. Ở huyện Trần Lưu có người họ Tào, căn nhà đang ở bị lũ nhấn chìm đã ba ngày đêm rồi, ai nấy đều nói là không còn lẽ sống nào nữa. Đến khi nước rút, tường nhà vẫn chưa sụp đổ, mà người trong nhà cũng an nhiên vô sự. Mọi người hỏi thì họ cho biết: “Sáng ra chỉ thấy sương mù dày kịt, chẳng thấy mặt trời. Thoạt đầu chẳng biết là đang ở trong nước.” Quan địa phương thấy lạ, hỏi người ấy có làm điều lành nào hay chẳng, ông ta cho biết mỗi năm gặt hái xong, ngoài phần

¹⁶⁰ Ở đây chỉ những tên lính đào ngũ sau khi quân Quốc Dân Đảng thất trận.

chừa lại đủ chi dùng cho cơm áo ra, còn bao nhiêu đều dùng hết để giúp đỡ những người nghèo thiếu lối xóm, cho đến nay chưa hề thiếu sót một chút nào. Đã thực hiện được như vậy năm đời, suốt hơn 100 năm. Quan Hiến Ty¹⁶¹ đều ban cho biển ngạch để khen ngợi chuyện lạ.

Nước vốn vô tình mà quỷ thần che chở, tuy toàn thể bị ngập trong nước, nhưng chẳng thấy nước. Do vậy biết rằng con người có thật đức thì trời sẽ báo đáp lạ lùng. Những kẻ bóc lột mỡ màng của trăm họ để cầu mong con cháu phú quý, rốt cuộc đều thành gia đình tan nát, dòng dõi tuyệt diệt, thần thức còn bị vĩnh viễn đọa trong ác đạo chẳng có thuở thoát ra, đáng thương vậy thay! Do vậy, muốn cứu người đời mà nếu chẳng cực lực đề xướng nhân quả báo ứng sẽ trọn chẳng thể đạt được hiệu quả thật sự.

75. Thư trả lời cư sĩ Trần Gia Tuấn ở Châu Bò

Con người sống trong thế gian họa phúc dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do bản thân người ấy dụng tâm như thế nào mà thôi! Kẻ khéo dụng tâm thì khôn khổ gian nan đều thành cái gốc để giải thoát. Kẻ chẳng khéo dụng tâm thì phú quý vinh hoa đều thành cái nhân đọa lạc. Mẹ ông thủ tiết nuôi con cô, chịu khổ nhiều năm, quả thật là nền tảng để tu trì tịnh nghiệp cầu sanh Tây Phương cho ngày nay. Nay mẹ con đã cùng quy y, hãy nên làm cho quyến thuộc trong nhà đều cùng ăn chay niệm Phật. Một là để ngừa khi mẹ ông vãng sanh, bọn họ sẽ chẳng đến nỗi do không luyện tập mà chẳng thể niệm Phật tương trợ, thậm chí dòi động thân thể, thay quần áo sẵn, khóc lóc, phá hoại chánh niệm. Một điều khác nữa là do thời cuộc nguy hiểm, nếu hằng ngày thường niệm Phật và niệm Quán Âm thì sẽ có thể gặp dữ hóa lành, gặp xui thành hên.

Nay đặt pháp danh cho mẹ ông là Đức Ý, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương để nêu gương mẫu cho con cháu, xóm làng, đức hạnh ấy tốt đẹp cao trời nhất. Đặt pháp danh cho ông là Huệ Tuấn, nghĩa là có thể tu trì tịnh nghiệp, tự lợi lợi tha, trí tuệ vượt trội những kẻ tầm thường, vì thế gọi là Huệ Tuấn. Nay gởi cho ông Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu, Thánh Hiền Lục, Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Sứ Chung Tân Lương (đọc sách này thì khi lâm chung không làm hỏng việc), Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư v.v. xếp thành hai gói. Mong hãy đọc kỹ, hành theo. Ất phải nên cung kính, đừng nên khinh nhờn thì sẽ được lợi ích chân thật. Những điều khác không cần phải nói nhiều. Quang già rồi,

¹⁶¹ Hiến Ty: Một chức quan đã có từ đời Tống, chuyên giữ nhiệm vụ chấp hành, giám sát, cùng cố việc thực hiện các hiến điển (những điều lệ quy định về trị an, hành chánh, dân sự v.v..) Đến thời Minh - Thanh, chữ này thường được dùng để chỉ chung các cấp cai trị trong huyện, trong phủ, trong tỉnh.

mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Từ rày đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y do không có tinh thần để thù tiếp vậy.

(Ngày 13 tháng 4)

76. Thư trả lời cư sĩ Khuất Hàn Nam

Thư nhận được đủ cả. Bài Du Thạch Quật Động Ký rất có khí khái: “Tâm dung diệu lý, hư không bé; đạo hợp chân như, pháp giới to.” Nhưng đây là chuyện thuộc phương diện văn tự, chớ nên chuyên học theo thói ấy. Hãy nên như mẹ nhớ con, lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong thực chứng. Lúc này mà chuyên chú trọng chuyện ấy (tức chuyện viết lách văn chương cho hay đẹp) thì vô ích cho chính mình, có hại cho người khác. Vì sao vậy? Do quá nửa đều là học để nói suông cho trơn tru, hoạt bát, chẳng chú trọng chân tu thật chứng. Người đời nay nếu chẳng “niếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” thì trọn chẳng có hy vọng thực chứng nào!

Trong bộ Văn Sao Tục Biên có bức thư gởi cho hòa thượng Quảng Huệ thuộc thảo am Quảng Tế ở núi Ngũ Đài vào ngày Nguyên Đán tháng Giêng, khoảng chừng năm ngàn chữ, đây là lời khuyên thiết thực chưa hề có từ trước đến nay. Trong khoảng tháng 9, tháng 10, sẽ gởi sang ngõ Tích Thiện Phường để họ chuyển giao. Vợ chồng ông muốn quy y, nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người. Ông còn nói cha ông cũng muốn quy y, nay cũng đặt pháp danh cho cụ, còn tên thật của cụ ông hãy tự điền vào. Người ngoài 70 tuổi rồi, tháng ngày chẳng còn mấy, hãy buông hết thầy xuống, nhất tâm niệm Phật thì chắc chắn sẽ thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên cõi chín phẩm sen kia. Nếu vẫn còn tâm niệm mong tương đời sau, đời sau nữa, thì khó thể quyết định vãng sanh được! Mong ông hãy nói cặn kẽ với cụ. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết chi tiết nữa. Tôi gởi kèm cho ông bài sơ cầu con và ba điều trọng yếu để cầu con; đây quả thật là những điều ai nấy đều phải nên xem, đừng vì không cầu con rồi bỏ mặc. Mong hãy sáng suốt soi xét thì may mắn lắm thay! (Mười sáu đồng hương kính đã nhận được liền dùng làm chi phí để ấn tống Văn Sao Tục Biên.)

(Ngày Rằm tháng 8 năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 - 1940)

77. Thư trả lời cư sĩ Thần Hiếu Viên

Thư nhận được đầy đủ cả. Tuổi quá năm mươi, ngày tháng không còn nhiều; đúng là lúc hãy nên sốt sắng giữ vện luân thường, niệm Phật để mong “sống dựa vào bậc hiền thánh, mất trở về cõi Cực Lạc”. Nói đến chuyện “giữ vện luân thường”, sợ ông chưa hiểu ý, nay tôi giải thích đại lược. Người đời phần nhiều

chẳng biết ý nghĩa giữ vẹn luân thường có phạm vi bao quát rất rộng, chỉ coi “hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng người bề trên” là giữ vẹn luân thường. Hiểu như vậy thì cũng rất đúng, nhưng nhỏ nhoi lắm! Khéo dạy dỗ con cái, khiến cho chúng nó đều là người hiền, mềm mỏng, nho nhã, đấy mới quả thật là kẻ giữ vẹn luân thường lớn lao. Bởi lẽ, con cái đã đều hiền thiện thì anh em trai, chị em gái, chị em dâu, con cháu đều nhìn theo nhau làm lành. Từ đấy đời nào cũng nối tiếp nhau là người hiền thì người hiền sẽ đông, kẻ xấu sẽ ít. Do vậy kẻ xấu cũng có thể bị cảm hóa trở thành người hiền, người lành. Nền tảng khiến cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui đều nằm trong sự dạy dỗ con cái. Có thể hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng người trên, và hết thảy những thứ bên ngoài đều tốt lành, nhưng chẳng khéo dạy dỗ con cái thì người ấy vẫn chưa đáng gọi là “bậc quân tử giữ vẹn luân thường”. Nếu có thể hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng người trên và hết thảy mọi mặt đều đúng như pháp, lại còn khéo dạy dỗ con cái thì người ấy tuy sống ở trong nhà không thi thố gì mà lại bồi đắp lớn lao cho nước nhà, cho xã hội vậy.

Hiện tại cõi đời đã loạn đến cùng cực, xét đến cội nguồn đều là vì cha mẹ phạm lỗi “chẳng khéo dạy dỗ con cái”. Nếu ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái, làm sao những thứ thảm kịch lại được cực lực thực hiện và diễn ra cho được? Con cái ông đã lớn, chớ nên không nói nguyên do với chúng, để sau này khi chúng nó làm cha làm mẹ người khác sẽ chẳng đến nỗi chìm nổi theo thời thế, chỉ biết nuôi con chứ không biết dạy, khiến cho đứa có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư cam phận bướng bỉnh, ngu độn. Do ông nói “đời đã loạn gần đến mức tận cùng”, nên tôi nói với ông pháp môn căn bản để vẫn hồi đời loạn. Xin chớ coi đây là lời nói thừa thãi thì con ông, cháu nội ông, con rể ông, và những đứa cháu ngoại của ông đều có thể trở thành người hiền, người thiện, khiến cho ông được nở mày rạng mặt khôn cùng.

Cô con cả đã là góa phụ, đúng là phải nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cô con thứ đang chờ mai mối, nếu có thể thường niệm Phật và niệm Quán Thế Âm thì tức nghiệp tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, tự nhiên sẽ kiếm được người chồng hiền thiện, mà sau này khi sanh con đẻ cái cũng không bị khổ vì sản nạn, những đứa con sanh ra đều là hiền thiện. Con cái đi học khi được nghỉ, nên dạy chúng nó đọc kỹ Cẩn Ứng Thiên, Âm Chất Văn để hướng dẫn tiền đồ (trương lai). Ngay cả hai đứa con gái cũng phải đọc để mong nhờ vào đây mà tự sửa mình và dạy dỗ người khác. Thiên hạ không yên, thất phu có trách nhiệm, đây quả thật là pháp căn bản để thất phu tạo bình trị cho thiên hạ vậy!

Hơn nữa, hãy nên bảo con cái đọc đi đọc lại An Sĩ Toàn Thư, Lịch Sử Cẩn Ứng Thông Kỷ và những thiện thư hữu ích cho thân tâm. Nay đặt pháp danh cho

ông là Huệ Hiểu, nghĩa là dùng trí tuệ để tự hành chuyện “giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, quyết định cầu sanh Tây Phương trong đời này”. Lại còn dùng những điều ấy để khuyên lơn con cái, thê thiếp... trong gia đình và thân thích bằng hữu, làng nước, xóm giềng bên ngoài, để họ cùng hiểu những điều lợi ích thật sự cho thế gian lẫn xuất thế gian này, ngõ hầu chẳng phụ lòng thành phát tâm quy y Phật pháp của ông. Đối với những cách tu trì niệm Phật thì trong Văn Sao đã nhắc tới nhiều lần, ở đây không viết căn kẽ nữa. Nếu vô sự đừng gởi thư đến, Quang đã bảy mươi rồi, tinh thần chẳng đủ, lại còn phải lo những chuyện giáo chánh, in sách v.v., không rảnh rỗi để phúc đáp được đâu!

(Ngày 26 tháng 9 năm Dân Quốc 19 - 1930)

78. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hoán Văn (thư thứ nhất)

Thư nhận được đủ cả, pháp danh viết riêng trong một tờ giấy khác. Do mục lục chẳng đủ nên chẳng thể viết khai thị tường tận được. Nay gởi cho ông hai gói kinh sách này nọ, mong hãy chí thành cung kính đọc sẽ tự biết cách tu và lợi ích. Ngoài ra, còn có Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ đường về nơi ngõ rẽ), Sơ Cơ Tiên Đạo (hướng dẫn ban đầu cho kẻ sơ cơ), Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế), Tọa Hoa Chí Quả (đợi hoa trở thành quả), Một Lá Thư Trả Lời Khắp, mỗi thứ một gói để làm căn cứ tự lợi, lợi người. Đọc kinh sách nhà Phật, chớ nên giữ thái độ như nhà Nho đọc sách Nho. Những nhà Nho ngày nay hoàn toàn chẳng biết kính trọng sách, đến nỗi cõi đời không có chân Nho. Nếu dùng thái độ khinh mạn, chẳng cung kính ấy để đọc kinh Phật thì chưa được lợi ích mà đã mắc tội trước rồi!

(Ngày 18 tháng 2 năm Dân Quốc 25 - 1936)

79. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hoán Văn (thư thứ hai)

Khoản tiền cứu trợ đã giao cho nơi lạc quyền tại Thượng Hải, nay tôi đem biên nhận gởi lại. Quang già rồi, sẽ chết trong sáng tối, nào còn có tinh thần để lo chuyện lớn ấy? Nhưng từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918) đến nay, Quang lưu thông các kinh sách đều vì nhiệm vụ cấp bách “ngăn ngừa để dứt tai họa”, chỉ không theo đuổi công việc thành lập đội lạc quyền cứu trợ mà thôi. Lời ông nói chỉ là biết một phía, chứ chẳng biết tới hai. Quang từ khi xuất gia đến nay phát nguyện chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thế độ đồ đệ, chẳng dự vào các hội đoàn. Từ năm Dân Quốc thứ bảy đến nay, các đoàn thể từ thiện các nơi đem sổ vàng gởi tới cho Quang từ một hoặc mười cho đến mấy chục quyển, tôi đều để nguyên những cuốn sổ ấy, đem gởi trả lại bằng thư bảo đảm, rồi tùy theo sức mình mà bỏ

ra bao nhiêu đó (chẳng viết khoản tiền ấy vào sổ để khỏi làm cho cuốn sổ ấy không sử dụng được nữa). Mỗi năm đều quyên tặng cả ngàn đồng trở lên. Nếu lại đề xướng quyên mộ, sẽ chẳng thể nào không mệt nhọc đến chết.

Quang không có chùa miếu, không đồ đệ; tất cả những khoản tiền được biếu tặng hễ có liền sử dụng ngay, trọn chẳng hướng về người khác mở miệng hóa duyên. Bởi lẽ, tặng sĩ thường hay hóa duyên, Quang chẳng muốn giống như họ. Dầu chê Quang thiếu từ bi, Quang cũng chẳng đếm xỉa tới, cốt sao khỏi bị kẻ vô tri nói Quang mượn cớ này để cầu lợi. Nói đến chuyện con hổ của ông Trương X... được nuôi từ nhỏ, há có phải là Quang có đạo để khuất phục nó đâu? Ông ta giỏi vẽ hình hổ, nên nhiều lần nuôi hổ. Con hổ nuôi lần trước đã chết, năm trước lại mua được một con hổ bé mới vừa lọt lòng mẹ. Hằng ngày phải nuôi bằng thịt bò, một năm hổ ăn hơn hai con bò, đấy chính là do mê loài vật mà vui lấp chí hướng. Lại còn cho hổ ăn thịt bò, quả thật là tạo sát nghiệp kể sao cho xiết? Quang nói với người bạn: “Hãy nên khuyên ông ta nuôi hổ bằng món chay, đừng cho nó ăn thịt bò.”

Hơn nữa, ông ta hằng ngày vẽ hình hổ, ôm ấp hổ, sợ rằng đời sau sẽ đầu thai làm thân hổ thì đáng thương lắm! Ngày hôm ấy, người ấy và con ông ta với một con chó cùng đến. Chó còn dễ người hổ, con cái đều có thể vuốt ve hổ. Khi đến chỗ ông ta vào năm ngoái, hổ chưa tròn một tuổi mà đã không kém phần to lớn. Lúc tới chuồng hổ, họ cầm theo một cái vò sắt tây. Có lúc hổ không nghe theo mệnh lệnh thì hướng miệng cái vò sắt tây về phía hổ, hổ liền thuận theo. Do miệng vò toác ngoác, hổ sợ bị ăn thịt. Quang một mực chẳng thích phô trương mù quáng, nên đối với con hổ được nuôi từ bé hoàn toàn chẳng để ý. Nếu bảo đấy là dùng đạo đức để khuất phục hổ thì còn đáng để ca ngợi, chứ chuyện này hoàn toàn chẳng có giá trị gì để kể lể cả. Sao lại không có chuyện gì mà cứ bịa chuyện ra vậy?

(Ngày 16 tháng 5 năm Dân Quốc 26 - 1937)

* Dựa trên bài viết “Nhân duyên của tôi với đại sư Ấn Quang” của cư sĩ Vương Vỹ thì: “Người bạn đã khuất của tôi là Trương Thiện Tử nuôi một con hổ ở vườn Vồng Sư. Ngẫu nhiên, tôi kể chuyện ấy với sư, sư cho rằng cạp dã tánh khó thuần, sợ rằng cuối cùng nó sẽ giết người. Tôi xin sư quy y cho nó, sư gặt đầu bằng lòng, bèn cùng Thiện Tử dẫn hổ đến trước sư để nói tam quy, và ban pháp danh là Cách Tâm. Từ đấy, hổ bèn hiền hòa, ngoan ngoãn, không lâu sau chết đi, cũng là một duyên lạ.” Cư sĩ Trần Hải Lượng bèn ghi thêm lời nhận xét vào đoạn văn này: “Thiện Tử thích vẽ hình hổ, nuôi một con hổ để làm vui. Sư trông thấy nói: ‘Con hổ này tâm hung bạo vẫn còn, hãy nên cẩn thận’. Quy y không lâu sau hổ chết,

ấy chính là nhờ từ lực của đại sư gia bị nên đã thoát khỏi súc sanh đạo đấy chăng?” Có lẽ khi ấy cư sĩ Hoán Văn ở xa cũng nghe được chuyện này nên viết thư hỏi chuyện đại sư. Thư đáp của đại sư là lời khai thị chất phác, trọn chẳng có ý tự khoe khoang mảy may nào. Suốt đời đại sư chủ trương chẳng cần phải học theo thói kẻ cả, đọc thư này càng thêm tin tưởng điều ấy.

Ngày 16 tháng 11, năm Dân Quốc 32 (1943) La Hồng Đào

80. Thư trả lời cư sĩ Chu Trọng Hoa (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết lệnh nghiêm¹⁶² đã qua đời vào ngày 26 tháng 11 (*Thư báo tin buồn vẫn chưa gửi đến. Cũng không cần phải đọc thư báo tin buồn đã có thể biết rõ cụ có được sanh về Tây hay không*). May là trước khi cụ mất, đã thiết tha dẫn dò các ông hãy tuân theo những gì Văn Sao, Gia Ngôn Lục đã nói, nên cụ được chánh niệm vãng sanh. Tuy do túc căn hiển hiện trong đời này chiêu cảm mà cha ông [được sự vãng sanh tốt lành như thế], nhưng cũng là vì anh em trai, chị em gái của ông chẳng thuận theo phàm tình, tin sâu Phật pháp và tuân theo lời cha dạy mà ra. May mắn chi hơn? Nói chung, tấm lòng của kẻ làm con là mong cha mẹ sống mãi trên đời, nhưng tướng thế gian vốn thuộc sanh diệt chẳng trụ, há có thể còn mãi được ư?

Nay cụ đã mất rồi, chớ nên bi ai quá mức, hãy nên sốt sắng niệm Phật để linh hồn của cha ta được hưởng lợi ích thật sự. Nếu cụ chưa được vãng sanh thì cầu cho cụ được vãng sanh; đã được vãng sanh, ắt sẽ tăng cao phẩm vị. Đừng thuận theo thói tục hèn kém, biến chuyện tang tóc thành dịp vui, bày vẽ mù quáng, phô trương hồ đồ, mắc tội với cha, với trời. Cha ông trước khi mất khiết tịnh, mất rồi vẫn khiết tịnh, điều ấy quả thật đã biểu thị thân tâm thanh tịnh. Kẻ có nghiệp lực thì chẳng những không thể khiết tịnh trong khi ấy, mà có kẻ còn tự ăn phân nhằm thể hiện tướng đọa lạc.

Hết thảy mọi chuyện trong đời người đều có thể giả vờ, chỉ có những tướng được biểu hiện khi sắp chết và sau khi chết đều chẳng thể nào làm giả được. Con người sắp chết, vẻ mặt liền biến đổi, huống chi chết đã hai ngày rồi lại càng thêm vui vẻ, hiện vẻ mỉm cười, đấy chính là tướng biểu thị vãng sanh. Lại nữa, chết đã mấy ngày, toàn thân đã lạnh, trán vẫn còn hơi ấm, đấy cũng là tướng biểu thị vãng sanh. Do phàm phu khi chết, hơi nóng từ dưới dồn lên trên. Nếu đánh môn lạnh đi sau cùng, ắt là trở về thánh đạo, liễu sanh thoát tử. Ông chẳng biết rõ, nhưng cứ dựa theo vẻ mặt cha ông sau khi mất và lúc lâm chung được mọi người trợ niệm, thành tựu tịnh tâm, ắt cụ được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

¹⁶² Lệnh nghiêm: tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng cha người khác.

Cha ông đã như thế thì mẹ ông cũng phải nên như thế. Phận làm con hành được đạo giúp đỡ cha mẹ như thế khiến cho cha mẹ được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử thì tất cả sự hiếu trong thế gian chẳng thể nào sánh bằng.

Thân ta chính là di thể của cha mẹ ta; giữ lấy di thể của cha mẹ, nào dám chẳng dè dặt, kinh sợ để mong đáng sanh thành khỏi bị hồ thẹn ư? Do vậy, cần phải khẳng khái giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bốn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ điều ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc giấy chữ, ngũ cốc. Người làm được như vậy đáng gọi là thiện nhân, đáng gọi là hiếu tử, đáng gọi là tôn kính cha mẹ. Lại còn có thể y theo pháp môn Tịnh độ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về nước Cực Lạc, may mắn chi hơn?

Hơn nữa, hiện thời thế đạo nhân tâm đã bại hoại đến cùng cực, thiên tai nhân họa giáng xuống bất ngờ. Họa hoạn xảy đến chẳng thể lường trước, trốn cũng không được, ngừa chẳng thể ngừa. Nếu có thể y theo những gì Văn Sao, Gia Ngôn Lục đã nói, chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm, ắt sẽ âm thầm được gia bị, hoặc chuyển biến thành không có tai nạn gì, hoặc chuyển nặng thành nhẹ, quyết chẳng đến nỗi phải chịu tai ương giống như người không niệm Phật. Cõi đời hiện nay chẳng giống như cõi đời mấy chục năm trước kia, muốn chuyển hồi thế đạo nhân tâm, muốn cho con cái trong gia đình hiền thiện mà chẳng sót sáng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình (tức những đạo lý làm người như cha từ, con hiếu v.v.) thì trọn chẳng có hy vọng gì! Giáo dục trong gia đình, cần nhất phải chú trọng sao cho hai pháp nhân quả và báo ứng bổ trợ nhau, bổ sung cho nhau thì mới có lợi ích thật sự.

Chớ nói “ông là một người xuất gia sao cứ miệt mài đem những chuyện này nói với người khác?” Bởi lẽ, trong cõi đời hiện thời, những học thuyết phé kinh điển, bỏ hiếu, phé luân thường, vứt bỏ hồ thẹn... khiến lòng người bị ngu muội cứ nối tiếp nhau dấy lên. Nếu chẳng đem nhân quả báo ứng và đạo làm người bàn giảng kỹ càng cho con cái từ thuở thơ ấu thì sau này muốn cho chúng nó chẳng bị những tà thuyết xoay chuyển sẽ khó lắm, hết sức khó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Nói như vậy có nghĩa là “khéo dạy dỗ con cái sao cho chúng nó trở thành hiền thiện” sao cho phong thái này từ một làng, một ấp lan ra khắp thiên hạ. Tôi thường nói: “Dạy con là cái gốc để bình trị, nhưng dạy con gái lại càng quan trọng thiết yếu hơn! Vì nữ nhân có quyền hạn giúp chồng dạy con, nếu con gái hiền thiện thì con rể và con cái chúng nó sẽ đều hiền thiện.” Do vậy lại nói: “Quyền trị gia bình thiên hạ bọn nữ nhân chiếm quá nửa”, ấy chính là chân

ngữ, thật ngữ. Muốn cho cửa nhà hưng thịnh, con cháu hiền thiện, hãy nên lấy lời tôi làm khuôn thước thì những điều mong cầu sẽ đều đạt được.

Lại nữa, đề xướng nhân quả báo ứng, không tốt gì bằng dạy người ta thọ trì Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, bởi những loại sách giảng về thiện ác người ta vừa đọc liền hiểu rõ thì sẽ dễ được lợi ích. Bành Định Cầu¹⁶³ từ nhỏ hằng ngày đọc tụng hai bộ sách này, tới khi đỗ Trạng Nguyên làm thượng thư, vẫn hằng ngày tụng đọc. Lúc rảnh rỗi bèn cung kính chép lại tặng cho người khác, ghi là Nguyên Tể Tắt Đọc Thư (sách phải đọc của trạng nguyên, tể tướng). Lời bạt viết: “Không phải là đọc sách này có thể làm trạng nguyên, tể tướng, mà là trạng nguyên, tể tướng quyết chẳng thể không đọc sách này!” Đủ biết tầm quan trọng của hai bộ sách ấy. Trong khóa tụng sáng tối, lúc hồi hướng, Quang sẽ đọc pháp danh của cha ông để hồi hướng suốt một thất cho trọn hết tình nghĩa thầy trò. Những điều khác xin ông hãy đọc kỹ trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết đầy đủ.

(Ngày 13 tháng 12, viết dưới đèn)

81. Thư trả lời cư sĩ Chu Trọng Hoa (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ. Biện pháp áp dụng trong đám tang như thế chẳng những hữu ích cho người mất mà thật sự còn khiến cho cả nhà đều gieo thiện căn không chi lớn bằng. Sau này, dầu chẳng thể ăn chay trường thì cũng nên bớt ăn mặn, lập quy định chẳng đích thân giết chóc trong nhà để đỡ kết sát nghiệp. Chệ ông muốn chuyên nhất niệm Phật thì vốn không có chương trình cố định. Nếu chiếu theo chương trình niệm Phật bình thường, canh Năm dậy lễ Phật (bao nhiêu lễ tùy theo mình lập). Lễ xong, niệm kinh Di-đà một biến, chú Vãng Sanh (ba biến hoặc bảy biến, hoặc hai mươi một biến) xong liền niệm kệ Tán Phật, nhiều niệm bao nhiêu câu đó, rồi mới tịnh tọa nửa tiếng, rồi lại niệm ra tiếng độ bao nhiêu câu, rồi quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát, mỗi danh hiệu ba lượt (nếu muốn lễ bái thì trước hết lễ Phật bao nhiêu đó lạy, xưng danh hiệu Bồ-tát chín lượt, rồi lễ chín lạy), niệm bài văn phát nguyện, tam quy y. Đây là công khóa buổi sáng.

Ăn cơm sáng xong, tịnh tọa một khắc, lại đến lúc niệm Phật thì lễ Phật ba lạy, hoặc lễ nhiều hơn xong liền niệm kệ Tán Phật. Niệm xong, đi nhiễu và ngồi đều chiếu theo như trên; chỉ có điều niệm Phật xong, không cần phải niệm bài văn

¹⁶³ Bành Định Cầu (1645-1719), tự Càn Chi, hiệu Phòng Liêm, đỗ trạng nguyên năm Khang Hy (1591-1676), được bổ làm Hàn lâm tu soạn, kiêm Tư nghiệp trường Quốc Tử Giám. Ông là con người đức độ, chánh trực, rất được vua quý trọng. Người đương thời tặng ông mỹ hiệu “tiên sinh Nam Vận”.

phát nguyện dài, chỉ niệm bốn câu kệ “nguyện sanh Tây Phương Tịnh độ trung...” là được rồi, lễ bái lui ra. Hoặc buổi sáng hai thời, buổi chiều hai thời. Khóa chiều giống như khóa sáng. Buổi tối lại niệm Phật một lần, vẫn chiếu theo chương trình giống như sau khi ăn cơm sáng. Niệm xong phát nguyện, nên niệm bài văn phát nguyện do tổ Liên Trì soạn định. Niệm xong, đọc bài tam quy y.

Tuy trong đây có lúc khởi lên Phật hiệu, có lúc im lặng, nhưng trong tâm luôn giữ cho một câu Phật hiệu được trì niệm chẳng gián đoạn. Đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, đại tiểu tiện, trong tâm đều phải thầm nhớ Phật hiệu. Trong bảy ngày chẳng để khởi lên hết thấy tạp niệm, như con nhớ mẹ không lúc nào quên. Khi niệm, cố nhiên là niệm Phật, lúc lặng tiếng không niệm thì trong tâm vẫn niệm, chỉ cầu tâm tương ứng với Phật (tức “ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm”. Trong tâm trừ sáu chữ hồng danh ra, không có hết thấy tạp niệm, vì thế gọi là “tương ứng”), chớ nên khởi cái tâm muốn thấy đức Phật ngay. Chỉ cầu ngoài Phật hiệu ra, không có niệm thứ hai nào khác mà thôi.

Nếu chẳng hiểu rõ lý tánh, gấp muốn thấy Phật, phần nhiều chuốc phải ma sự, chẳng thể không cẩn thận. Cũng đừng nhọc nhằn quá mức, quá mệt nhọc thì ngày hôm sau sẽ khó thể thanh thản, sáng khoái đúng như pháp được. Hoặc là mỗi lần niệm Phật đều niệm kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh, nhưng sáng dậy phát nguyện thì niệm bài văn phát nguyện dài, khóa tối cũng giống như thế, những lúc khác đều niệm bốn câu kệ hồi hướng mà thôi. Hoặc là sáng dậy niệm Phật lần thứ nhất thì niệm kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh, từ đấy chỉ liên tục niệm A-di-đà Phật không ngừng, đến tối niệm bài văn phát nguyện, tam quy y.

Con người ở trong thế gian chẳng thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đều là do vọng niệm gây nên. Nay trong lúc niệm Phật, liền nghĩ như chính mình đã chết, chưa được vãng sanh, trong mỗi một niệm đều gác bỏ tất cả hết thấy tình niệm thế gian ra ngoài. Trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào để được. Làm thế nào để niệm được như thế? Là vì ta đã chết rồi, tất cả hết thấy vọng niệm đều chẳng vướng mắc nữa. Niệm được như thế ắt sẽ có lợi ích lớn lao. Những kẻ tri kiến nhỏ nhoi hiện thời hể hơi có một chút cảnh giới tốt đẹp bèn tự mãn, tự cho là đủ, tưởng mình đã đắc tam-muội rồi. Hạng người ấy mười người hết chín kẻ đều bị ma dựa phát cuồng vì tâm niệm cách ngăn với Phật, phù hợp với ma, cho nên thành ra như vậy.

Mười đồng tiền hương kính đợi sau này các sách được in ra sẽ dựa theo khoản tiền ấy gởi đi mấy gói sách. Hôm 23, Quang xuống núi, đến chùa Thái Bình ở bên Trần Gia, Thượng Hải, để lo liệu việc in sách. Tháng 6 mới trở về núi, tháng 7 lại

xuống núi chẳng trở về nữa. Tháng 8, tháng 9 việc in sách xong xuôi, liền diệt hết tung tích, ẩn nấu lâu dài. Bởi lẽ trong những năm tháng vừa qua, chuyện thù tiếp ngày một thêm nhiều, tinh thần ngày một giảm. Nếu chẳng làm theo một cách khác, ắt sẽ mệt đến chết. Đã tổn hại cho chính mình mà còn vô ích cho người. Vì thế, không thể nào chẳng làm như vậy được.

Thế đạo hiện thời là thế đạo đại hoạn nạn, họa hoạn xảy đến không thể trốn tránh được. Chỉ có niệm Phật, niệm Quán Thế Âm thì mới chẳng gặp hoạn nạn, dầu bất hạnh gặp phải thì cũng có thể “gặp dữ hóa lành”. Gần đây, những kẻ do gặp hoạn nạn bèn niệm Phật, niệm Quán Âm được cảm ứng nhiều khôn kể xiết. Gia đình ông còn được coi là “có cửa ăn của để”, hãy nên dạy nam nữ lớn bé trong nhà đều hằng ngày niệm Phật bao nhiêu đó câu, niệm Quán Âm bao nhiêu đó câu để làm kế dự phòng. Lúc vô sự niệm thì sẽ không có họa hoạn, dầu lúc đương đầu với hoạn nạn mà có thể chí tâm niệm thì công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn. Người đời đều muốn yên vui, nhưng thường hay làm chuyện trái nghịch, đến nỗi trở thành vọng tưởng suông, chẳng có lợi ích thật sự. Những điều vừa nói trên đây quả thật là những điều suy tính cho gia đình ông vừa sâu xa vừa thiết thực vậy.

(Viết vào lúc lên đèn ngày 21 tháng 2)

82. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Trinh (thư thứ nhất)

Quang đến đất Thân (Thượng Hải) từ hôm 25 tháng 7, đúng bữa nay trở về núi thì nhận được thư ông từ núi chuyển đến, biết cha ông sắp qua đời. Cần biết rằng, người sống trăm tuổi cũng có ngày ra đi, chớ nên bi thương vô ích! Chỉ nên khuyên cụ nhất tâm niệm Phật giống như đang ở trong lao ngục mong trở về quê nhà, chớ nên có mảy may tâm lưu luyến. Ông và quyến thuộc trong nhà hãy nên chia ban niệm Phật trước cụ để cụ lắng tai nghe cho rõ ràng. Đến lúc cụ sắp mất, nếu cụ có thể tự tắm rửa, thay quần áo thì tốt lắm. Nếu không, đừng tắm rửa, thay quần áo sẵn cho cụ để đến nỗi dòi qua, chuyển lại, thân tâm bất an, có thể sanh lòng sân hận thì cái hại ấy chẳng nông cạn đâu. Dầu chẳng khó chịu, nhưng do bị dòi động, tâm cũng chẳng thể thanh tịnh, sẽ khó cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đang trong lúc ấy, quyến thuộc trong nhà đều cùng nên niệm Phật, niệm mãi cho đến khi người sắp mất tắt hơi. Qua ba tiếng đồng hồ sau mới ngưng tiếng niệm Phật để lau rửa, thay áo cho người đã mất. Nếu khớp tay đã cứng, mặc áo không tiện thì dùng khăn bông thấm nước nóng đắp trên vai, cánh tay, khuỷu tay, không lâu sau sẽ mềm ra, có thể mặc áo được.

Điều tối kỵ là chưa chết đã khóc lóc khiến cho cụ sanh tâm bi luyến sẽ khó được vãng sanh. Những chuyện này, Văn Sao, Gia Ngôn Lục đều đã nói tường tận, sợ ông chẳng lưu tâm nên nhắc lại. Sau khi đã chết, chỉ nên niệm Phật, đừng làm đàn Thủy Lục, niệm kinh, bái sám; do những chuyện ấy đều là thực hiện bề ngoài, phô trương thanh thế rỗng tuếch, có lợi ích thật sự rất ít. Hơn nữa, trong đám tang nhất loạt không dùng rượu thịt. Cổ lễ của Nho gia nghiêm cấm rượu thịt trong đám tang. Nếu dùng, người ta sẽ nghĩ tang quyến thất đức. Đời nay lễ nghĩa hoàn toàn bị chôn vùi, cho nên ăn thịt, uống rượu, tấu nhạc, ca hát, diễn tuồng, không điều gì chẳng làm. Nhưng cha ông đã quy y Phật pháp, ông cũng quy y Phật pháp, há có nên vẫn hành theo khuôn sáo xấu ác của thế gian ư? Mong hãy nói rõ nguyên do với các anh em của ông, đừng coi chuyện đại bất hiếu là có hiếu.

Hãy nên niệm Phật cho thần thức của cha được yên vui thì mới là hiếu. Làm được như thế thì cha ông cố nhiên được lợi ích, mà anh em con cháu cũng đều được lợi ích. Đừng cho rằng “những lời Quang nói đều chẳng thể tuân theo được” thì kẻ sống lẫn người mất đều được lợi ích. Ông không hiểu sự quá mức, vì chuyện của cha ông mà thỉnh thầy khai thị, thế nhưng vẫn chẳng nói “đánh lễ, đập đầu v.v.”, chỉ nói là “chấp mười ngón tay”. Ông thử suy nghĩ xem, chuyện trọng đại ấy mà chỉ chấp mười ngón tay là xong, chẳng phải là coi chuyện ấy giống hệt như chuyện chẳng khăn yếu hay sao? Do ông không biết nên Quang mới nói với ông, chứ không phải là mong được ông cung kính đâu nhé!

(Mùng 1 tháng Chạp, trước Ngọ liền về núi trong bữa ấy)

83. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Trình (thư thứ hai)

Sao ông chẳng biết sự vụ? Cứ không có chuyện gì lại bói ra chuyện, sai Thừa Tuân hai lượt sang đất Hồ (Thượng Hải) để hỏi về chuyện thọ giới. Hơn nữa, Văn Sao, Gia Ngôn Lục tuy sâu, nhưng chẳng lẽ hoàn toàn không biết, lại cứ muốn Quang khai thị cho ông những pháp thiện cận ư? Thiện cận thì đã có Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú Giải, há lẽ nào chẳng hiểu được lý ư? Quang chẳng ngại giảng cho ông một pháp giản lược. Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông, cần phải thật sự vì liễu sanh thoát tử để phát tâm đại Bồ-đề “trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh”, dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha để niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Do vậy, thiền sư Triệt Ngộ nói: “Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật.” Mười sáu chữ ấy là cương tông lớn lao của pháp môn niệm Phật. Đây chính là yếu quyết giản tiện nhất.

Hơn nữa, khi niệm ắt phải tâm, miệng, tai từng câu từng chữ rành rẽ phân minh: niệm cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, tâm tự chẳng tán loạn. Tâm còn phải thường giữ chánh niệm, chẳng để cho hết thấy những ý niệm tham sân si đủ mọi thứ bất chánh chớm sanh. Nếu chúng ngẫu nhiên sanh khởi liền dùng Phật hiệu để chế ngự khiến cho chúng bị tiêu diệt.

Cha ông và ông đều cùng quy y, Thừa Tuân hai phen đến gặp, chỉ thấy khề vòng tay, dấu cho vái chào một cái thật sâu cũng chẳng chịu làm. Như vậy thì chẳng những khinh tăng mà còn là khinh cha. Gặp thầy của cha, đến hỏi Phật pháp chẳng chịu tỏ lộ ý muốn cung kính chút nào, mà muốn được lợi ích nơi Phật pháp sẽ khó thể đạt được lắm. Quang đã quyết định ẩn giấu tung tích, nhưng muốn lợi người nên chẳng ngại nói với ông.

(Mồng 9 tháng 4, viết dưới đèn)

84. Thư trả lời cư sĩ Trần Vị Ân

Vừa nhận được thư của Cung Tông Nguyên cho biết ông muốn quy y. Tôi muốn viết thư cho Tông Nguyên, nhưng do Tông Nguyên là pháp danh, chẳng nhớ tên thật, lại không có địa chỉ, sợ thư chẳng dễ giao được. Lại sợ ông ta ở Vô Tích, nên gởi thư trực tiếp cho ông. Cần biết rằng, Phật pháp vốn chẳng khác gì với Nho giáo¹⁶⁴, phạm là đệ tử Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Muốn nương theo Phật pháp để liễu sanh tử thì phải hành trọn luân thường thế gian để trở thành người hiền, người lành. Nếu không, dẫu học Phật pháp cũng khó được lợi ích chân thật vì đã thiếu căn bản sẽ khó thể hoàn toàn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp.

Cần biết rằng, Phật pháp là pháp chung cho hết thấy chúng sanh, không một ai chẳng nên tu, mà cũng không có một ai chẳng thể tu được. Bọn Lý học dùng đủ mọi lời lẽ sai lầm để báng bỏ Phật pháp; đây là những lời lẽ mê tâm trái lý, chứ không phải là những lời bàn luận hết mực công chánh. Họ bảo Phật pháp dùng nhân quả luân hồi để làm căn cứ gặt gẫm ngu phu ngu phụ, đây là những chuyện bịa đặt không căn cứ, chứ thật ra không có chuyện ấy. Do vậy, bọn chúng đã khơi ra đầu mối khiến cho thiên hạ đời sau trọn chẳng kiêng sợ, ồ ạt làm càn cho tới nay bèn biến hiện thành những cảnh tượng thê thảm: phé kinh điên, phé

¹⁶⁴ Xin đừng hiểu lầm ý tôi là Nho giáo cũng dạy về pháp xuất thế, chân như, Phật tánh v.v. như Phật giáo. Ở đây chỉ có nghĩa là Phật giáo cũng nhấn mạnh luân thường, lễ nghĩa, trọn hết những bốn phận và điều thiện thế gian giống như Nho giáo.

luân thường, chôn vùi lòng nhân, chôn vùi đạo đức. Học thuyết làm người cùng cực đến thế!

Nay phải nên cực lực đề xướng nhân quả báo ứng để mong vãn hồi phong tục suy đồi, nhất là phải nên chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để mong khi sống thì tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, lúc mất cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Lại còn dùng những điều này để trong là khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ, dâu, con cái, ngoài là khuyên xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu để hết thảy mọi người đều cùng được gọi Phật ân. Dùng công đức ấy để làm tư lương vãng sanh cho ta, ắt sẽ mau lên thượng phẩm.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Pháp. Tông (宗) là chủ, là tốt bậc, nghĩa là lấy Phật pháp làm cái gốc chủ yếu để hành trọn vẹn luân thường thế gian ngõ hầu siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu có các sách Tịnh độ thì tốt lắm, nếu không thì cứ chiếu theo danh sách mà thỉnh từ Hoằng Hóa Xã để đọc thì nguyên do của pháp môn và các pháp tu trì sẽ đều hiểu rõ ràng. Quang già rồi, mục lực, tinh thần, công phu đều chẳng đủ, chớ nên thường gởi thư đến. Chịu lắng lòng đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên, Chánh Tín Lục thì không cần phải gởi thư hỏi han. Nếu không chú ý, tuy hằng ngày viết thư thưa hỏi vẫn vô ích. Hơn nữa, Một Lá Thư Gởi Khắp quả thật là bài viết đáng cho hết thảy mọi người trân trọng gìn giữ để tu trì. Văn chương tuy chẳng hay, nhưng nghĩa đầy đủ mọi lẽ, càng phải nên hành theo đó

(Ngày 12 tháng 3 năm Dân Quốc 22 - 1933)

85. Thư trả lời cư sĩ Hà Hy Tịnh

Người tu tịnh nghiệp lấy lòng tin chân thành, nguyện thiết tha làm gốc. Nếu niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì rất tốt, chớ nên nghĩ rằng “chưa đạt được nhất tâm bất loạn sẽ chẳng thể vãng sanh”. Nếu thường giữ ý tưởng ấy, đặc nhất tâm thì được, nếu không đắc thì do thường giữ ý nghĩ “chẳng được vãng sanh” nên chẳng tương ứng với Phật (đây là căn bệnh lớn “biến khéo thành vụng”). Cầu siêu cho cha mẹ, chỉ mong cha mẹ được vãng sanh Tây Phương, sao lại hỏi “sẽ đọa lạc trong đường nào?” Ý ấy dường như tốt đẹp, nhưng quả thật đã gây ra chướng ngại, vì thần thức của con người bị nghiệp chuyên. Ông dùng tâm chí thành niệm Phật cho mẹ, do cậy vào Phật lực nên mẹ liền được vãng sanh. Hỏi chỗ đọa lạc tức là nghĩ mẹ chưa được vãng sanh. Ông đã đọc Văn Sao, Thập Yếu, cố nhiên chẳng cần xin Quang khai thị nữa. Con người hiện thời thường chuộng hư danh, chẳng tu thật hạnh, đây là một chướng ngại lớn cho sự học đạo. Nếu chẳng làm

giả thì mỗi một giọt mưa sẽ là một giọt thấm; hễ làm giả sẽ như ăn cơm trong mộng, vô ích cho cái bụng rỗng.

Những sách ông muốn thỉnh hiện thời chẳng thể gởi được, do nhu cầu quân sự và dân bị nạn rất đông, bưu điện không nhận tất cả những bưu kiện, chẳng biết khi nào mới kết thúc. Hãy nên khuyên mọi người chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu chiến tranh sớm kết thúc và làm kế dự phòng. Hiện thời Quang không đủ trí nhớ, sau khi yên ổn hãy nên gởi thư khác để thỉnh thì được. Nếu không, Quang vừa xem qua mắt liền quên ngay trong bữa ấy, mong hãy sáng suốt soi xét! Hy Giác bệnh chưa lành, ông thường bị đau đầu, hãy đều nên niệm Quán Âm để làm phương cách chữa trị, chắc chắn mau được lành bệnh.

(Ngày 23 tháng 7 năm Dân Quốc 26 - 1937)

86. Thư trả lời cư sĩ Trương Bội Phân Mộ Lan

Gần đây các tai nạn chiến tranh, giặc giã nối tiếp nhau xảy ra, căn bản là do gia đình thiếu giáo dục mà nên nổi. Người học Phật ai nấy ắt phải trọn hết bốn phận, nói “trọn hết bốn phận” chính là phải chăm chú “cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành”. Tám sự này mỗi một người đều có đủ, trên có cha mẹ thì là mang bốn phận làm con, dưới có con cái thì là mang bốn phận làm cha, tự mình dùng người thì mang bốn phận làm chủ, làm việc cho người khác tức là mang bốn phận tớ. Những chức phận khác đều có thể làm trọn, chỉ có mỗi chức phận cha mẹ là khó thể trọn hết được. Thật ra, trọn hết chức phận làm cha mẹ không khó, chỉ vì cả cõi đời không ai đề xướng, mọi người chỉ biết nuôi chiều con cái mà chẳng biết giáo dục, đến nỗi nuôi con cái thành phường bại hoại, tàn sát lẫn nhau, khiến cho nước chẳng ra nước, dân chẳng thành dân.

Nói đến giáo dục thì từ lúc trẻ nhỏ bắt đầu hiểu biết liền nói với nó về nhân quả báo ứng và đạo lý làm người, ắt phải làm sao cho tâm nó biết sợ ác báo, hâm mộ thiện báo, sẽ chẳng đến nỗi phạm thượng, chẳng chịu làm theo lời dạy. Lúc bé đã như thế, tập quen thành tánh, dưỡng thành thiên tư lương thiện, đó gọi là dục (育), dục là dưỡng. Nếu chẳng biết điều này thì sẽ dưỡng thành tánh chất hung ác, nhẹ thì ngỗ nghịch bất hiếu, nặng thì giết cha giết mẹ. Xét đến nguồn cội, đều là do cha mẹ chúng chẳng chịu dạy dỗ từ thuở nhỏ mà ra.

Tôi thường nói: “Công đức lớn nhất trong thế gian không gì bằng khéo dạy dỗ con cái, tội lỗi lớn nhất trong thế gian không gì bằng chẳng dạy dỗ con cái. Ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái thì thiên hạ tự nhiên thái bình, ai nấy chẳng dạy bảo con cái thì thiên hạ chắc chắn tang tóc, loạn lạc.” Vì vậy nói: “Thiên hạ chẳng

yên, thất phu có trách nhiệm.” Lời này cả cỏi đời không ai nói, nên tôi nói đại lược với các ông. Đối với chuyện ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì đã có trong các sách được gởi đến. Quang đã 79 tuổi rồi, sáng chẳng đảm bảo được tới, từ nay chớ nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu ai khác đến quy y, vì không có mục lực, tinh thần để thù tiếp vậy!

(Ngày 28 tháng Giêng năm Dân Quốc 28 - 1939)

87. Thư trả lời cư sĩ Vương Chiêu Ly (thư thứ nhất)

Nhận được lá thư trước và món tiền 600 đồng, liền gởi thư phúc đáp ngay. Dem một trăm đồng cậy người bạn giao cho Kim Lăng Lưu Thông Xứ. Ông ta có gởi thư cho ông, chắc đã nhận được rồi. Mấy hôm gần đây lại nhận được 344 đồng, Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Gia Ngôn, Bảo Giám, bốn loại sách và bưu phí đều đã thanh toán xong xuôi. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, chẳng bao lâu nữa sẽ được gởi đến. Lại còn có sách Học Phật Thiển Thuyết khá thích hợp sơ cơ, năm nay tôi cho in hai lần, mỗi lần hai vạn cuốn. Lại tính cho in sách ấy với khổ chữ Tam Hiệu Tự cho to hơn. Trong năm nay hoặc vào tháng Giêng năm tới sẽ in xong. Nếu ông cần, xin báo cho biết.

Thêm nữa, lần sau nếu chuyển tiền xin hãy gởi qua Giao Thông Ngân Hàng, Giao Thông Ngân Hàng nhận được thư, liền giao thư và tiền cùng một lúc, khá thuận tiện. Trung Quốc Ngân Hàng nhận được thư bèn gởi thư và phiếu giao tiền đến trước, yêu cầu ký tên xác nhận, lại còn phải có ngân hàng khác bảo đảm. Ý họ làm ra vẻ thận trọng, nhưng sự thật là muốn kéo dài thời gian để kiếm tiền lời, đáng ghét tới cùng cực! Cố nhiên Quang không bị trở ngại gì, nhưng những người yếu thế không được bảo chứng như thế sẽ bị họ chèn ép không ít. Thủ đoạn mượn tiếng thận trọng ấy để đặc biệt kéo dài thời gian đúng là tệ ác đến cùng cực. Nếu ở chỗ ông không có chi nhánh ngân hàng Giao Thông thì dùng ngân hàng Trung Quốc cũng được. Nếu không, chẳng cần phải nhờ họ chuyển tiền.

Trong khoảng tháng 8, tháng 9, Quang bảo Đại Trung Thư Cục gởi (bằng thư bảo đảm) 30 gói An Sĩ Toàn Thư (tức một trăm hai mươi bộ) để đền bù cho những sách bị nước ngấm ướt, ông đã nhận được hay chưa? Mấy lần thư từ đều không thấy ông nói tới. Dầu không tính vào chi phí, nếu nhận được cũng nên báo cho biết để người gởi khỏi bận tâm. Tôi tính gởi chỉ bản sang Tân Gia Ba và quý đường¹⁶⁵. Trước đây, tôi đã nhận được thư của một đệ tử ở Tân Gia Ba cho biết: So với Thượng Hải thì tiền công thợ và giá giấy ở chỗ ông ta đắt gấp mấy lần, ngàn vạn phần đừng gởi sang, chẳng biết chỗ ông như thế nào? Nếu thuận tiện,

¹⁶⁵ Tiếng gọi công sở, dinh thự hoặc chùa miếu, điện thờ của người khác một cách trang trọng.

tôi liền đem chỉ bản gởi sang. Nếu ở chỗ ông giá còn cao hơn nữa thì cần gì phải làm chuyện thua thiệt ấy? Sẽ in ở Thượng Hải rồi đem gởi đi, so ra thuận tiện hơn. Lời này quả thật là vì Tân Gia Ba mà nói, chỉ sợ [nếu người ở Tân Gia Ba đứng ra in] sẽ đâm ra bị thiệt thòi, chứ không phải là vì tôi không bỏ được chỉ bản.

Hiện tại, tôi tính tìm cách đem Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám chế ra bốn bức chỉ bản nữa, vì vốn chỉ có hai bức. Năm ngoái bị cháy mất một bức, chỉ còn giữ được một bức. Tuy Trung Hoa Thư Cục có hai bức, nhưng họ chẳng chịu cho mượn dùng; giá in sách của họ còn đắt hơn những thư cục khác. Do vậy, Quang lại muốn bỏ ra một ngàn đồng để chế thành mấy bức chỉ bản để tạo duyên cho người sau này có được sách. Hiện thời Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trục Giảng, Học Phật Thiền Thuyết, Gia Đình Bảo Giám, Kỷ Văn Đạt Bút Ký Trích Yếu, Giang Thận Tu Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục, Liên Trì Phóng Sanh Văn Hợp San, Long Thư Tịnh Độ Văn, Hộ Pháp Luận, chín loại này đều phải chế ra bốn bức chỉ bản cho mỗi cuốn để người mai sau dễ lưu thông. Quang làm người trọn chẳng có tâm riêng tư, vì thế suốt đời chẳng thu nhận đồ đệ, chẳng lập môn đình, chẳng kết xã lập hội. Được ai tặng tiền, nếu Quang chẳng dùng để in sách thì liền dùng để cứu trợ tai nạn, chẳng để nghiệp của chính mình bị tăng trưởng vì tiền của người khác. Huống chi nay đã 68 tuổi rồi, tháng ngày chẳng còn nhiều, đúng là lúc chỉ nên tạo duyên vãng sanh Tây Phương cho chính mình và người khác mà thôi!

(Ngày 14 tháng 10 năm Dân Quốc 17 - 1928, viết dưới đèn)

88. Thư trả lời cư sĩ Vương Chiếu Ly (thư thứ hai)

Thư ngày mùng 9 chắc ông đã nhận được rồi, hôm nay tôi gởi 25 gói sách Khuê Phạm, tổng cộng 50 bộ (44 đồng). Mỗi bộ 8 cắc 8 xu. Cảm Ứng Thiên Trục Giảng 63 gói, tức 1.008 cuốn (1.000 cuốn là 120 đồng). Mỗi cuốn là 1 cắc 2 xu. Bru phí (13 đồng 2 cắc, tổng cộng 177 đồng 2 cắc. Còn 8 cuốn bỏ thêm không tính). Tổng cộng là 88 gói. Khoản tiền ấy hể tính là biết ngay. Khoản tiền này hãy nên gởi thẳng về chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, giao cho đại sư Minh Đạo thu nhận thì không sợ bị sai sót. Hể nhận được, sư sẽ gởi biên nhận ngay.

Cảm Ứng Thiên Trục Giảng in ra hai vạn bộ. Một ngàn bộ này vốn là những sách gởi trước vì Quang không lâu nữa sẽ về Phổ Đà. Thoạt đầu lúc in sách Khuê Phạm, không có mấy người đứng ra chịu trách nhiệm bỏ tiền in, Trần Chánh nhận lo một ngàn bộ, những cuốn còn lại do Quang ứng ra. Sau cùng đảm nhiệm ba ngàn bộ đã xong, vì thế Quang gộp khoản tiền 500 đồng của ông Chánh với 200

đồng của sư Chân Đạt và ông Tôn Thái Thừa để kết duyên vụn vặt¹⁶⁶ và cho người khác thỉnh. Năm sau nếu thời cuộc yên ổn, chắc sẽ tái bản được. Nếu ông muốn đứng ra chịu tiền in thì hãy nên thông báo trước. Sách này 8 cắc 8 xu một cuốn, vốn là tự mua giấy, tự đem in theo lối thạch bản, tự đóng sách. Nếu không, chẳng tốn tới 1 đồng 2 cắc cho mỗi cuốn sẽ chẳng thể in được (Đại Trung Thư Cục tính 1 đồng 2 cắc, Trung Hoa Thư Cục tính giá 1 đồng 5 cắc 2 xu) mà giấy vẫn khó được tốt như vậy. Hiện thời lòng ham muốn của con người tung hoành, nếu chẳng lấy khuôn mẫu tốt đẹp của cổ nhân để giữ yên tai mắt, chấn chỉnh chí khí thì họ sẽ hòa nhau chìm đắm¹⁶⁷ theo những tà thuyết kia hết, buồn thay!

(Ngày 17 tháng 11, viết vào lúc đã thấp đèn)

89. Thư trả lời cư sĩ Cảnh Chánh Luân

Nhận được thư, cũng nhận được khoản tiền của ông Trần Phi Thanh, cách làm như vậy rất hay. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú (mỗi cuốn 1 cắc 6 xu), 500 cuốn, đã sớm gửi đi, chắc nay ông đã nhận được rồi. Học Phật Thiển Thuyết 500 cuốn (mỗi cuốn 2 xu 1 chinh, mỗi gói tính thêm 2 xu cước phí nữa), không lâu nữa sẽ được gửi tới. Cảm Ứng Thiên Trục Giảng một ngàn cuốn (mỗi cuốn 1 cắc 2 xu, mỗi gói là 16 cuốn) còn phải đợi ba mươi mấy ngày nữa. Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục (cuốn này chưa in xong, chưa thể định giá được) đã cho sắp chữ riêng. Nhằm thực hiện biện pháp đỡ tốn giấy, sẽ đem những bài như văn phóng sanh của tổ Liên Trì in kèm vào đây thành một tập, thực là dễ coi. Mùa xuân năm sau sẽ in sách này một vạn cuốn, in xong sẽ gửi cho ông một ngàn cuốn. Kỷ Văn Đạt Bút Ký Trích Yếu vẫn chưa in, Gia Đình Bảo Giám đã xong, cần phải đợi đến mùa xuân năm sau mới quyết định chuyện ấn hành. Từ rày, nếu gửi tiền hãy chuyển giao cho đại sư Minh Đạo chùa Thái Bình ở bến Trần Gia tại Thượng Hải là ổn thỏa. Đầu tháng 3 năm sau, Quang sẽ đến Thượng Hải lo liệu ấn loát các sách.

(Ngày 29 tháng 11, viết dưới đèn)

90. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đĩnh (thư thứ nhất)

Mẹ ông đã 67 tuổi, tháng ngày không còn nhiều, hãy nên tận lực khuyên cụ sanh lòng tin phát nguyện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đây là hành

¹⁶⁶ Ý nói gửi tặng một hai cuốn cho những người quen biết hoặc những người hỏi đạo để kết duyên nên gọi là “kết duyên vụn vặt”.

¹⁶⁷ Nguyên văn “*tái tư cập nhược*”, đây vốn là một câu trích từ kinh Thi, bài Tang Tang, phần Đại Nhã: “*Kỳ hà năng thực, tái tư cập nhược*.” Theo Trung Quốc Khổng Tử Vong, câu này có nghĩa là: “Làm sao có thể tốt đẹp cho được! Chẳng qua là kéo nhau xuống nước hết mà thôi.”

hiếu chân thật. Nay đặt pháp danh cho mẹ ông là Đức Thành, nghĩa là dùng lòng thành niệm Phật, ắt được Phật từ tiếp dẫn. Vợ ông là Kim Địa đã chịu ăn chay, sao chẳng chịu niệm Phật? Niệm Phật mà mắc cỡ thì đáng gọi là “chẳng biết tốt xấu đến cùng cực”. Nay đặt pháp danh cho bà ta là Đức Thanh, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật thì nghiệp lực tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, tự biết tốt xấu. Dầu đối trước muôn người vẫn chẳng sợ hãi mà niệm rõ ràng, khiến cho những người nghe tiếng niệm Phật ấy đều cùng gieo thiện căn, cùng được thanh tịnh tam nghiệp vãng sanh Tây Phương. Ngộ Hạnh pháp danh là Đức Ý, Học Hạnh pháp danh Đức Thục. Hai đứa con gái này đều ăn chay từ trong thai, chính là người tu hành trong đời trước, sao không dạy chúng niệm Phật? Đây chính là vì ông không hiểu sự việc. Đã có túc căn, lại chẳng dạy niệm Phật, ví như ruộng tốt lại không cày cấy, gieo trồng, cũng chẳng gặt hái được gì, tuy có túc căn tốt đẹp mà chẳng được lợi ích tốt đẹp thật sự. Hiện nay đàn cầu cơ của ngoại đạo lập ra ở các nơi nhiều như rừng, đã quy y tam bảo chớ nên vẫn tu theo công phu của ngoại đạo, tham gia cầu cơ. Pháp danh của bà Trần Chiêu Tây nhà họ Từ và con dâu là Vân Hà được viết trong một tờ giấy khác, xin hãy giao lại cho họ. Những điều khác đã được nói tường tận trong bức thư dài (tức Một Bức Thư Trả Lời Khắp), ở đây không viết chi tiết nữa.

(Ngày mùng 9 tháng 11)

91. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đĩnh (thư thứ hai)

Vợ và con của ông Tiết X... đời trước có kẻ oán thù lớn, vì thế kẻ oán thù có ý trả thù, khiến bà ta bị sanh khó cho thỏa dạ. Nhưng bỏ công niệm Quán Âm ba ngày, sản phụ vẫn không sao, há chẳng phải là do niệm danh hiệu Đại sĩ mà được cảm ứng đầy ư? Phàm phu chẳng biết “nhân trước, quả sau”, hễ không hiệu nghiệm liền ngã lòng tin tưởng. Nào biết oan gia trong đời trước oán thù sâu đậm, nhiều đời lắm kiếp đều mong báo thù, dầu có nương nhờ hồng danh của Đại sĩ mà vẫn chưa thấy hiệu quả. Nếu chẳng niệm hồng danh Đại sĩ, há sản phụ vẫn được vô sự hay sao? Những kẻ lúc sanh nở niệm Quán Âm liền thấy hiệu nghiệm có tới trăm ngàn vạn người, há nên vì một sự không linh liền lui sụt lòng tin ư? Hãy nên trọn đủ lòng không sợ hãi, nói với người khác để cho hết thảy mọi người đều được yên vui. Lại còn nên khuyên họ đừng kết oán nghiệp. Nếu oán nghiệp nặng nề, Phật lực cũng khó cứu độ. Điều này đúng là có thể giúp cho việc khuyên lơn người khác biết “nhân trước, quả sau”. Chính ông chẳng hiểu rõ lý nên đối với điều này bèn chẳng thể quyết đoán được. Lẽ ra ông Tiết X... kia sẽ do điều này mà càng sanh lòng tin, nhưng lại ngược ngạo lui sụt lòng tin thì sợ rằng sau này sẽ lại xảy ra đại họa do túc oán gây nên.

Khi lâm chung có thể dùng cách trợ niệm, nhưng khi sanh nở thì không cần dùng cách trợ niệm, chỉ cần bảo người nhà cùng những người săn sóc trong phòng sanh và chính sản phụ đều cùng niệm là được rồi. Sau này chẳng cần phải suất lãnh đại chúng trợ niệm. Niệm danh hiệu Quán Âm lớn tiếng thì có cảm ứng lớn, niệm nhỏ tiếng thì có cảm ứng nhỏ, chứ trọn chẳng có lẽ nào không ứng. Quan trọng là can đảm nói với mọi người, những kẻ chẳng thấy cảm ứng thì cũng chẳng phải là không hề có cảm ứng.

(Ngày 16 tháng Chạp)

92. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đĩnh (thư thứ ba)

Ngọc Hoàng Kinh là kinh do bọn đạo sĩ ăn trộm nghĩa lý trong kinh Phật ngẫu tạo ra. Ông chẳng biết kinh ấy là ngẫu, nên tưởng là đã thành Phật rồi mới làm Ngọc Đế. Ngọc Đế chính là Đạo-lợi thiên vương¹⁶⁸, tức là vua tầng trời thứ hai trong Dục giới (tầng trời phía dưới đó là Tứ Thiên Vương thiên), phía trên còn có bốn tầng trời nữa. Sáu tầng trời này thuộc Dục giới. Lên trên nữa là ba tầng trời thuộc sơ thiên, lên trên nữa là ba tầng trời thuộc nhị thiên, lên trên nữa là ba tầng trời thuộc tam thiên. Lên trên nữa là chín tầng trời thuộc tứ thiên. Mười tám tầng trời này là Sắc giới. Lên trên nữa là bốn tầng trời thuộc Vô sắc giới. Phi Phi Tướng thiên chính là tầng trời thứ tư trong Vô sắc giới, phước thọ tám vạn đại kiếp, nhưng khi hết tuổi thọ vẫn phải đọa lạc xuống những cõi dưới, hoặc đọa thẳng vào ba ác đạo. Vì thế nói: “*Nhiều quân bát vạn kiếp, chung thị lạc không vong*”

¹⁶⁸ Đạo-lợi thiên (Trāyastriṃśa) còn dịch âm là Đát-ly-da hay Đát-ly-xà, hoặc dịch nghĩa là Tam Thập Tam thiên, là cõi trời nơi Đế Thích ở, nằm ngay trên đỉnh núi Tu-di. Bốn phía đỉnh núi ấy, mỗi phía có tám tòa thành trời. Tòa thành của Đế Thích nằm chính giữa mang tên Thiên Kiến Thành. Như vậy tổng cộng có 33 tòa thành trời nên mới gọi là Tam Thập Tam thiên. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, tên của 33 tòa thành ấy là: 1) Thiên Trụ Pháp Đường Thiên 2) Trụ Phong Thiên 3) Trụ Sơn Đảnh Thiên 4) Thiên Kiến Thành Thiên 5) Bát Tư Địa Thiên 6) Trụ Câu Tra Thiên 7) Táp Điện Thiên 8) Trụ Hoan Hỷ Viên Thiên 9) Quang Minh Thiên 10) Ba Lợi Đa Đa Thọ Viên Thiên 11) Hiểm Ngạn Thiên 12) Trụ Táp Hiểm Ngạn Thiên 13) Trụ Ma Ni Tạng Thiên 14) Triền Hành Địa Thiên 15) Kim Điện Thiên 16) Man Ảnh Xứ Thiên 17) Trụ Nhu Nhuyễn Địa Thiên 18) Táp Trang Nghiêm Thiên 19) Như Ý Địa Thiên 20) Vi Tế Hạnh Thiên 21) Ca Âm Hỷ Lạc Thiên 22) Đức Oai Luân Thiên 23) Nguyệt Hành Thiên 24) Diễm Ma Sa La Thiên 25) Tốc Hành Thiên 26) Ánh Chiếu Thiên 27) Trí tuệ Hành Thiên 28) Chúng Phận Thiên 29) Trụ Luân Thiên 30) Thượng Hành Thiên 31) Oai Đức Nhan Thiên 32) Oai Đức Diễm Luân Thiên và 33) Thanh Tịnh Thiên.

Đế Thích (Śakra Devānām-Indra), gọi đầy đủ là Thích-ca Đề-hoàn Nhân-đà-la, còn có tên là Kiêu-thi-ca, Sa-bà-bà, Thích-ca-đề-bà, Thiên Nhân v.v.. Đời trước vốn là một vị Bà-la-môn do xướng suất 32 người cùng tu bồ tát Phật đã hư nát, nên cùng với 32 người ấy hưởng quả báo được sanh lên trời Đạo-lợi làm thiên chúa. Vị trời này có mười vị đại thiên tử hộ vệ. Mỗi tháng, trong mười ngày trai sẽ đích thân xuống cõi nhân gian hay sai Tứ thiên vương, Thái tử, thị giả... xuống tuần tra xem xét thiện ác. Thông thường vị trời này được tạc tượng cõi voi trắng, tay phải cầm kim cang xữ ba nhánh, tay trái đặt trên đùi, và cũng được xếp vào số các vị tôn thánh thuộc Ngoại Kim Cang Viện của Thai Tạng Giới trong Đông Mật.

(Dầu thọ tám vạn kiếp, rốt cuộc đọa không vong), huống là Ngọc Đế ở tầng trời thứ hai của Dục giới ư?

Ông thầy Ngọc Hoàng Kinh nói cực cao, cực sâu, nhưng chẳng biết là kinh do kẻ dối trá ngụy tạo. Ông chỉ trì giới thanh tịnh. Nếu vì sanh con mà phải ân ái thì hãy nên tắm gội sạch sẽ, chớ nên thường ăn nằm. Người tụng kinh phải giữ cho thanh khiết. Nếu dâm dục khởi lên là đã ô uế rồi! Bất quá vì sanh con nên chẳng ngại làm chuyện đó một lần mỗi năm hoặc mỗi quý (ba tháng). Tiết dục được như thế thì đưa con sanh ra nhất định thông minh, phước thọ, chớ nên nói “vì mong có con mà không thể không thường ăn nằm!” Cần biết rằng: Thường ăn nằm thì ngược lại càng khó sanh con. Dầu sanh được con cũng khó sống lâu, vì “tiên thiên bất túc” vậy! Nữ nhân thọ thai rồi vĩnh viễn dứt chuyện ân ái thì đưa con sanh ra không những tướng mạo đoan chánh, tâm hạnh thuần thành, chuyên dốc, mà còn chẳng bị hết thảy những bệnh thai độc, lên đậu, lên sởi v.v.. Ngay cả khi sanh cũng dễ sanh. Nếu thọ thai rồi mà ăn nằm một lần thì bực thai dày thêm một lần, cho nên khi sanh nở sẽ bị khó sanh, lại còn bị các thứ thai độc v.v..

Do một người bạn cậy Quang in giùm cuốn Đạt Sanh Thiên, phải giáo duyệt cho ông ta, nên đem những nghĩa trọng yếu trong thiên sách ấy nói với ông để mong con cháu ông đều thành hiền thiện, thông minh trí tuệ. Đừng nói Quang là người xuất gia mà bàn chuyện ăn nằm của người ta! Chẳng biết chuyện ấy chính là chuyện sanh tử mấu chốt bậc nhất của thế gian, đúng là phải nên cứu giúp để chính mọi người và hết thảy con cháu họ đều được phước thọ, khỏe mạnh, bình yên thì vui sướng chi hơn.

(Ngày mồng 7 tháng Chạp)

93. Thư trả lời cư sĩ Lưu Đức Huệ

Mười mấy hôm trước đã nhận được bộ Luận Mạnh Phân Loại¹⁶⁹ của lệnh nghiệp sư¹⁷⁰ là tiên sinh Tây Tuyền do ông gởi tới. Vì mục lực không đủ, lại thêm công việc bề bộn, những chữ chú thích lại quá nhỏ chẳng dễ đọc nên cũng không rảnh rang để xem, chỉ xem đại lược khi rảnh rồi đôi chút mà thôi, chứ hoàn toàn chưa xem trọn. Nếu sách này được hoàn thành vào năm năm trước thì Quang sẽ thay đổi hình thức trình bày của cuốn sách cho đọc đỡ tốn công lại dễ xem. Phần chánh văn in bằng cỡ chữ Nhị Hiệu Tự (phần chánh văn trong cuốn sách hiện thời in bằng cỡ chữ Nhị Hiệu Tự), phần chú giải in bằng cỡ chữ Tam Hiệu Tự, phần

¹⁶⁹ Luận Mạnh Phân Loại là gọi tắt của Luận Ngữ Phân Loại và Mạnh Tử Phân Loại.

¹⁷⁰ Lệnh nghiệp sư là tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng thầy của người khác.

đánh cách¹⁷¹ sẽ in thêm một vạch mực thì chủ và bạn¹⁷² sẽ dễ phân biệt. Phần chú giải in chữ to thì người lớn tuổi cũng đọc được.

Hiện thời vật giá đắt đỏ, dân nghèo cùng, đối với mỗi quyển bèn xuống dòng, in tiếp theo đó¹⁷³ sẽ đỡ tốn giấy nhiều lắm. Phàm với mỗi chương trong một quyển, cũng trình bày như trong phần mục lục: Ghi số mục trong phần đánh cách, phía dưới ghi thiên mấy, chương mấy để kẻ thư sinh xem đến chẳng đến nỗi mất công giờ tìm mục lục. Luận Ngữ Phân Loại chia làm hai cuốn thượng và hạ. Cuốn thượng dày hơn một chút, đối với các thiên Thực Lục của chư tử trong cuốn hạ đừng bỏ giấy trống. Chuyện của người trước đã thuật xong, bèn thêm một vạch mực ngăn cách giữa hai chuyện cho khỏi lẫn lộn. Những chỗ giáp trang, mặt trước mặt sau đều ghi số trang, số quyển. Cuốn hạ bỏ giấy trắng quá nhiều, quá hao tốn giấy, hãy dồn một nửa cuốn thượng sang cuốn hạ. Trong cuốn hạ, đối với các tiết (các phân đoạn thuật hành trạng) của cùng một người hãy sắp xếp liên tiếp, sẽ rất hợp lẽ. Trong phần chánh văn có những đoạn không quan trọng, khẩn yếu thì không cần phải in cao lên¹⁷⁴ cũng là một cách để đỡ tốn giấy. Đây là phương cách do Quang nhiều năm quen tay tính toán in sách nay kính cần nói với ông; tùy ông và mọi người liệu định, chứ Quang không buộc phải nhất định làm như thế.

Như muốn lưu thông rộng rãi, nếu một bộ giảm được một trang giấy (chú ý) thì một vạn bộ sẽ giảm được một vạn trang (chú ý); mười vạn bộ giảm được mười vạn trang (chú ý), phí tổn ấy chẳng nhỏ đâu! Còn soạn lời tựa thì do mục lục lẫn tinh thần đều không đủ, nên cố nhiên phải nhờ bậc thông hiểu trong làng Nho viết, chứ Quang quả thật chẳng thể dùng tâm hay mắt được. Gắn phần ngăn cách¹⁷⁵ cho sách Luận Mạnh Phân Loại (phần thượng, phần hạ của Luận Ngữ Phân Loại, phần thượng, phần hạ của Mạnh Tử Phân Loại) thì vừa nhìn liền thấy rõ, chớ nên để lộn xộn không phân ra.

¹⁷¹ Đánh cách là lối in chữ đầu dòng cao hơn một chữ so với những dòng bên cạnh. Đánh cách thường dùng để in dòng đầu của chánh văn hay đề mục của một tiết, một đoạn.

¹⁷² Chủ ở đây là phần chánh văn, bạn là phần chú giải.

¹⁷³ Theo cách in phổ biến thời ấy, giữa mỗi quyển của cùng một bộ sách, phải bỏ trống ít nhất một trang. Ở đây, tỏ đề nghị, chỉ chừa một hàng trống giữa hai quyển.

¹⁷⁴ Đề đầu hay dài đầu là in cao hơn những dòng khác một chữ, gần giống như đánh cách. Điểm khác biệt giữa đánh cách và dài đầu là đánh cách chỉ in cao một dòng đầu, còn đề đầu là in cao lên một chữ cả đoạn.

¹⁷⁵ Nguyên văn Thư Thiêm. Trong lối in sách theo lối cổ, trước mỗi quyển thường gắn một mảnh giấy nhỏ, ghi rõ từng quyển này gồm mấy chương, mỗi chương gồm mấy tiết, mỗi tiết gồm mấy đoạn, giống như tiêu mục lục của từng quyển để người đọc dễ thấy được kết cấu của một quyển, dễ tìm khi muốn tra cứu. Chữ Thư Thiêm hiện thời chỉ dùng để dịch nghĩa chữ bookmark, tức sợi dây được gắn vào gáy sách để đánh dấu phần đã đọc.

Hiện thời sắp chữ theo chữ chì¹⁷⁶ sẽ đỡ tốn tiền hơn khắc ván mà nét chữ cũng rõ và đẹp hơn, in bằng giấy Tàu hay dùng giấy Tây đều được. Nếu muốn lưu thông nhiều, hãy nên bảo nhà in làm chỉ bản (khoảng bốn, năm, sáu bức) thì mấy chục vạn cuốn cũng in được. Bản khắc ván, nếu in theo cách của Nam Kinh Kinh Phòng (xưởng in kinh ở Nam Kinh) tại Dương Châu, in được năm sáu ngàn bộ đã nhòe nhoẹt. In theo cách của Thư Điểm thì có thể in được hơn một vạn bộ do họ không ép mạnh nên chữ in ra dường như có, dường như không. Sách của Kinh Phòng in ra không một chữ nào chẳng rõ nét.

Một bức chỉ bản có thể đúc thành sáu bảy lần bản in kẽm. Hễ mỗi lần đúc kẽm thì xưởng in lớn chạy bằng máy in có động cơ, in mấy chục vạn cuốn cũng chẳng sao. Xưởng in nhỏ không mua nổi máy in có động cơ, in được chừng một vạn bộ là cùng; chữ lại thô vụng vì bị máy ép chữ ép lâu ngày, chữ kẽm liền bị lõm xuống, bẹt ra, cho nên chữ thô mà không rõ nét. Khi sắp chữ cần phải cậy người hết sức cẩn thận giáo chánh, đối chiếu. Thủ tục giáo chánh đối chiếu xưởng in sẽ cho biết; nhưng hiện thời Quang chỉ có thể nói là Quang chẳng thể dính dáng vào được vì không có mục lực lẫn tinh thần, mong hãy sáng suốt soi xét. Bìa sách nên dùng loại giấy da bò 120 bảng¹⁷⁷, cứng chắc đến tột bậc. Loại bìa cho cuốn sách mẫu này giá vẫn không rẻ mà lại dở tệ, không chắc chắn, cần gì phải tốn tiền để mua loại giấy tạp ấy?

(Ngày 22 tháng 6 năm Dân Quốc 26 -1937)

Con người ai nấy đều thích dễ coi, chỉ có tôi là thích cứng chắc bởi trước đây đã có người khuyên tôi dùng loại bìa sách nhuộm màu. Quang thấy loại bìa ấy mắc tiền nhưng không cứng chắc, mặc cho người ấy nói thế nào cũng không chịu. Do vậy biết người đòi phần nhiều là thích bày vẽ bề ngoài, chẳng xét đến lợi hại. Trình Chu chú giải sách cũng là bày vẽ bề ngoài, chỉ mong được tiếng là những nhà Lý học tinh thông rộng rãi, chê nhân quả, bác luân hồi, đến nỗi nảy ra cái họa

¹⁷⁶ Đây là lối in chữ do Guttenberg phát minh bằng cách dùng những chữ đã đúc sẵn, sắp vào khuôn in rồi phun mực, ép xuống giấy để in. Gọi là “chữ chì” (duyên tự) chữ thật ra mỗi một chữ được đúc bằng hỗn hợp thiếc, chì và antimon. So với lối in khắc ván, cách này nhanh và hiệu quả hơn, nhưng nay đã thất truyền vì phải tốn nhiều chữ đúc sẵn, phải in thử để thầy cò (corrector) sửa những chữ bị thợ sắp sai. Chữ chì lại còn có chứa chất độc, gây nguy hại cho sức khỏe của thợ in.

¹⁷⁷ Nguyên văn “nhất bách nhập bảng ngư bì chỉ”. “Nhất bách nhập bảng” là cách người Trung Hoa diễn dịch khái niệm “loại giấy này có thể chịu đựng độ kéo tối đa là 120g trên một mét vuông”. Ngư bì chỉ (kraft paper) là một loại giấy thô dày cứng chế bằng bột tạp từ các loại gỗ của cây lá kim (như thông, tùng) đã được tẩy màu bằng acid sulfuric, thường có màu vàng nhờ nhờ hoặc vàng hơi nâu như lông bò. Thoạt đầu, giấy này chế bằng da bê hay da ghé nên gọi là ngư bì chỉ, chuyên dùng làm bìa sách. Tới khi chế bằng bột gỗ, do giấy có màu giống lông bò nên người Trung Hoa vẫn quen gọi là ngư bì chỉ.

giết cha giết mẹ. Nếu nhà Nho ai nấy đề xướng nhân quả thì đâu đến nỗi thế đạo nhân tâm suy hãm cùng cực đến mức này?

94. Thư trả lời cư sĩ Lưu Dung Các

Nhận được thư đầy đủ, từ mùa đông năm ngoái Quang giáo chánh sách vào ban đêm nên mục lục bị tổn thương, vì thế cự tuyệt hết thảy những chuyện thù tiếp thư từ. Vợ chồng ông muốn quy y thì nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người, viết trong một tờ giấy khác. Còn như khai thị thì cảm thấy quá tốn sức, vì thế tôi gởi cho ông mười một gói sách. Nếu chịu lắng lòng nghiên cứu sẽ tự lợi, lợi tha đều có thừa. Từ rày đừng gởi thư đến nữa, do mục lục chẳng thể thù tiếp được, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y. Sang năm sớm muộn gì tôi cũng rời khỏi Tô Châu ẩn tránh thật xa, mong hãy sáng suốt soi xét.

Thời cuộc hiện tại nguy hiểm vạn phần, bất luận già trẻ trai gái đều nên chí tâm niệm Nam-mô A-di-đà Phật và Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát để dự phòng. Kiếp vận hiện thời có trốn cũng trốn không được, có đề phòng cũng chẳng thể đề phòng. Chỉ có cậy vào lòng từ của Phật, chắc sẽ được che chở trong cơn nguy hiểm nhỏ. Nếu đại hiểm họa xảy đến, có lẽ mọi người sẽ đều cùng chết sạch. Tuy người niệm Phật chẳng thể riêng một mình thoát khỏi kiếp nạn, tránh khỏi cái chết, nhưng chết rồi sẽ đi về đâu, mỗi người một khác. Người niệm Phật sẽ nhờ vào Phật lực sanh về Tây Phương. Dầu chẳng thể sanh về Tây Phương, cũng sanh trong đường lành, trọn chẳng cùng đọa trong ác đạo như người không niệm Phật. Chẳng thể không biết đến ý này!

(Ngày mồng 9 tháng Chạp năm Dân Quốc 22 - 1933)

95. Thư trả lời cư sĩ Lý Nhĩ Thanh

Đạo học Phật nằm ở chỗ thật hành, nếu chỉ bày vẽ bề ngoài chẳng tu thật hạnh thì cũng chỉ được cái danh suông bề ngoài mà thôi! Đã muốn vãng sanh Tây Phương, tự lợi lợi người, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phạm, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Trên là cha, mẹ, chú, bác, cho đến anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái và các tôi tớ, cùng là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu, phạm hết thảy những ai quen biết đều nên dùng những điều trên đây để khuyên lơn. Nếu chính mình chú trọng thực hành thì người khác sẽ nhìn theo bắt chước làm lành. Đây gọi là “*dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tụng*” (dùng lời lẽ để giáo hóa thì bị tranh cãi, dùng hành động để giáo hóa thì được mọi người thuận theo).

Chuyện thế gian, xuất thế gian không một chuyện nào chẳng lấy thân làm gốc. Nếu tự mình chẳng thật hành mà dạy người khác hành thì chỉ có bậc thượng trí mới có thể thuận theo [vì bậc thượng trí mới thấy được] lời dạy đó hữu ích, chẳng cần so đo người dạy bảo ấy có làm được hay không? Nếu chẳng phải là bậc thượng trí, ắt sẽ bài bác trong lòng, chê bai sau lưng, đâm ra làm cho người ta tạo đại khẩu nghiệp. Muốn thật sự lợi người thì chuyện gì cũng phải trọn hết bốn phần của chính mình, trong hành vi thường ngày thấy điều bao gồm những cơ duyên giáo hóa người khác. Lâu ngày chầy tháng, người ta sẽ tự tin tưởng rồi thuận theo, cho nên sẽ tự nhiên đạt được hiệu quả. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thanh, Tông (宗) là chủ, là gốc, Thanh (清) là vĩnh viễn không cấu nhiễm. Phàm những tập khí tham sân si mạn v.v. đều phải đối trị, chẳng để cho chúng dấy lên thì ba nghiệp thanh tịnh tương ứng với Phật. Lúc bình thường đã tương ứng thì khi lâm chung sẽ tự được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Tào Huệ Xuyên pháp danh là Tông Huệ. Huệ (惠) là nhân ái, tâm thường giữ ý niệm nhân ái thì sự nhân ái sẽ được thể hiện khắp trong mọi hành vi thường ngày. Trong ấy, sự nhân ái lớn nhất không gì bằng khuyên người ta ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Tiếp đó, không gì lớn bằng dạy người khác hãy khéo dạy bảo con cái. Nếu con người ai nấy đều khéo dạy con cái thì thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tông Huệ có ý nghĩa đại lược như vậy đó, nếu khéo thấu hiểu thì lợi ích lớn lắm. Còn đối với lợi ích, phương pháp tu trì Tịnh độ thì hãy nên xem trong Gia Ngôn Lục, Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời vì mục lực lẫn tinh thần đều chẳng thể thù tiếp được. Nếu bưu cục nhận gởi sách, sẽ gởi cho hai vị một hai thứ sách thiết yếu; còn nếu họ không cho gởi thì đành thôi!

(Ngày Rằm tháng 9 năm Dân Quốc 22 - 1933)

Đường bưu điện đã thông, nay gởi cho các ông hai gói sách, mỗi người một phần, xin hãy chia ra.

96. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tử Vân

Thư và pháp tệ¹⁷⁸ đều nhận được đầy đủ, cảm ơn! Hiện thời mọi thứ đắt đỏ, giấy đắt đến cùng cực. Văn Sao Tục Biên cách thức trình bày giống như bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, nhưng chỉ dày khoảng hơn 200 trang. Sách sẽ được in ra trong khoảng xuân - hạ năm sau. Ý pháp sư Đức Sâm cho rằng mùa xuân

¹⁷⁸ Pháp tệ: khoản tiền cúng dường để làm chuyện lợi ích về mặt hoằng pháp như in kinh, tượng, cứu giúp dân chúng bị nạn...

năm sau có lẽ giấy rẻ hơn một chút, Quang sợ rằng mùa xuân năm sau giấy sẽ mắc gấp mấy lần cũng không chừng. Nếu chẳng thái bình cho chóng, sợ rằng nhân dân nước ta sẽ cùng chết hết sạch. Đang trong thời thế này, mọi người đều phải nhất tâm niệm Phật và niệm Quán Âm Bồ-tát để mong sống thì được che chở, mắt liền được tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Xin hãy đem ý này nói với hết thảy những người hữu duyên thì may mắn lắm thay!

(Ngày 28 tháng 11)

97. Thư trả lời hai vị cư sĩ Trầm Tịnh Tâm và Kim Đàm

Pháp niệm Phật thuận tiện cùng cực, đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm đều niệm được, cần gì phải đợi giữa trưa, ban tối mới niệm được? Hết thảy thời, hết thảy chỗ đều niệm được. Chỗ sạch sẽ thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Khi đại tiểu tiện, chỗ không sạch sẽ và lúc ngủ, chỉ nên niệm thầm. Công đức niệm thầm vẫn giống hết như niệm ra tiếng, sao lại chỉ giữa trưa hay ban tối mới niệm được? Xưa kia, ẩn cư trong chốn núi rừng là tốt, chứ bây giờ lòng người bại hoại đến cùng cực, vì mấy thùng gạo, một manh áo đã chịu giết người. Các ông hãy ở nhà niệm Phật, đừng manh nha ý niệm ẩn cư, xin hãy sáng suốt soi xét! Từ rày đừng gởi thư đến nữa vì tôi không có sức để thù tiếp vậy.

98. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Văn Phác

Pháp danh của 39 người đều ghi trong một tờ giấy khác, 25 đồng hương kính đã bảo chùa Báo Quốc gởi sách cho hết số tiền ấy, độ ba bốn ngày nữa sẽ gởi tới. Từ rày chớ nên gởi thư đến nữa, gởi đến sẽ gởi trả lại. Quả thật chẳng có mục lực và tinh thần, chứ không phải chẳng đếm xỉa tình cảm. Ông viết tên người xin quy y trên giấy đỏ tôi đọc không ra, phải bảo người khác sao ra tờ giấy khác mới xem được. Ông tuổi trẻ chẳng biết nỗi khổ của người già, viết trên giấy đỏ rất cuộc có ích lợi gì đâu? Nay đem tờ giấy ghi pháp danh gởi bằng thư bảo đảm. Đợi cho sách Tây Phương Công Cứ, Sơ Cơ Tiên Đạo được gởi đến sẽ chia ra gởi đi.

(Ngày 13 tháng 10 năm Dân Quốc 27 - 1938)

99. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ nhất)

Ba vị lão nhân xin quy y, ông hãy nên bảo họ: “Phải nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên chỉ biết gieo thiện căn, cầu phước báo đời sau. Sanh về Tây Phương liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Cầu đời sau thì sẽ do phước tạo nghiệp, do nghiệp đọa lạc trong tam đồ ác đạo.” Những điều còn lại hãy chiếu theo bức thư dài, ở đây không viết cặn kẽ. Thiệu Cát Thành pháp danh là Huệ Thành, bà Trương Lập Chí nhà họ Thiệu pháp danh là Huệ Lập. Kẻ có chí,

sự ắt thành. Tự lập được thì không có gì chẳng tốt đẹp. Bà Phùng Tu Thành nhà họ Trương, pháp danh là Huệ Tu. Nương theo trí tuệ của đức Phật mà tu thì chắc chắn sẽ có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là cái được gọi bằng từ ngữ “trí tuệ của Phật” đấy! Xin hãy nói với bọn họ những điều này.

(Ngày 22 tháng 11 năm Dân Quốc 22 - 1933, viết dưới đèn)

100. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ hai)

Ở Nam Thông, thói cầu cơ rất phổ biến, Giang Dịch Viên bị linh quỷ giáng cơ khen ngợi đến nỗi đầu óc mê muội. Đã thế, ông ta còn đem lời giáng cơ hiệu triệu khắp bốn huyện Thông, Hải, Khái, Như; ý ông ta còn muốn hiệu triệu cả nước. Các ông đừng bị ông ta lung lạc, chánh nhân quân tử trong thế gian còn chẳng chịu khen ngợi người khác quá lỗ, huống là bậc thánh nhân đặc đạo ư? Cơ bút đều là do linh quỷ giả mạo (trong một trăm trường hợp có đến chín mươi chín trường hợp giả mạo), hơn nữa quá nửa là do kẻ phù cơ ngụy tạo. Dịch Viên do ham được ca ngợi mà mê muội đến tột cùng, rốt cuộc coi lời giáng cơ như thánh chỉ. Nếu chẳng ham được khen ngợi, sẽ coi những gì mình được khen ngợi giống như bị quở trách thì đâu đến nỗi mất trí điên cuồng, chân nguy, tà chánh chẳng phân? Xin hãy nói với các liên hữu, ngõ hầu chẳng đến nỗi hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh không có cùng tận vậy.

(Ngày 20 tháng 5 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Lợi ích thật sự do niệm Phật chỉ có bậc đại trí tuệ và ngu phu ngu phụ có thể đạt được, những kẻ tưởng chừng như có trí tuệ, chẳng muốn làm ngu phu ngu phụ đều chẳng thể đạt được. Như Dịch Viên thoát đầu tri kiến còn khá, đề xướng khá tha thiết, nhiều lần có cảm ứng. Nay chánh tri kiến đã không còn, chuyên muốn đem thầy ông ta là Tường Công thờ trong Liên Trì Hải Hội để báo ân. Do món vật tư dục ấy ngăn chướng cái tâm, chánh tri chánh kiến bèn biến thành tà tri tà kiến. Nếu chẳng mau chóng sửa đổi thì trong tương lai cũng không có cách gì vãng sanh được. Muốn theo sau Từ Khâu, Nguyên Nguyệt, e rằng cũng không có cách gì để đạt được. Tờ bán nguyệt san tôi chưa hề thỉnh để xem đọc qua. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, phàm những sách báo không quan trọng khản yếu đều chẳng đọc, do không có mục lực để làm chuyện ấy.

101. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ ba)

Hãy hết sức răn nhắc xã hữu đừng nhiễm phong cách si đại của Dịch Viên, nếu không sẽ trở thành ngoại đạo trong Phật pháp, đâm ra phá hoại Phật pháp,

làm cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ trọn chẳng cùng tận. Dịch Viên hèn kém cùng cực đến mức như thế chính là điều Quang trọn không thể nào lường được! Bệnh ấy là do ham đội mũ cao và tướng Trương Kiến¹⁷⁹ là Bồ-tát, chẳng tự biết toàn thân đã té trong hầm phân, há đáng gọi là thanh tịnh, thơm sạch được ư? Hãy nên tha thiết răn dạy con cháu biết tốt xấu, kéo sau này chúng không hiểu sẽ tưởng tà là chánh, coi thối là thơm. Hiện tại vận nước nguy ngập, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra, hãy nên bảo hết thầy mọi người cùng niệm Phật hiệu và danh hiệu Quán Thế Âm để làm kế dự phòng.

(Ngày mùng 2 tháng 7 năm Dân Quốc 28 - 1939)

102. Thư trả lời cư sĩ Hồ Huệ Triệt (thư thứ tư)

Thư ngày mùng 6 tháng 3 chưa nhận được. Bà Châu Xảo Trinh nhà họ Mã có thể nói là có thiện căn đời trước, đây là những chuyện có chứng cứ đích xác, cần gì Quang phải làm chứng? Nếu không có tướng lành để làm căn cứ [chứng nghiệm sự vãng sanh] thì xin chứng minh còn được. Nay đã có chuyện thần hồn du ngoạn cõi Tịnh độ, lại được Quán Âm báo kỳ hạn vãng sanh, mà vẫn cầu chứng thì thành ra tri kiến của kẻ chẳng biết pháp môn Tịnh độ rồi. Xin hãy gởi chuyện này cho Phật Học Thư Cục để họ đăng tải trên tờ bán nguyệt san, tài liệu chánh yếu của họ mang tánh chất khác với tờ báo Tân Thân.

Tuy nhiên, hoằng dương Phật pháp thì phải chú trọng nơi chân thật chẳng hư vọng, nếu tùy ý tô vẽ thì lỗi ấy cũng chẳng nhỏ nhoi đâu! Vì sao vậy? Vì sẽ khiến cho người ta do chuyện tô vẽ này mà nói những người vãng sanh xưa nay đều là không thật. Nếu xác thật không nguy tạo thì đăng tải chẳng trở ngại gì, nếu không thì hãy gạt bỏ những chuyện tô vẽ, chỉ đăng tải những chuyện thuộc về bản chất. Nếu không có căn cứ trọng yếu, hãy nên thủ tiêu đi. Đối với chuyện quy y thì đã sanh về Tây Phương, dự vào địa vị thánh, thân cận Tam Thánh, còn quy y phàm tăng làm chi nữa? Quang một mực chẳng thích người khác giả vờ. Nếu chân thật chẳng dối trá, cố nhiên nên đăng báo. Nếu không, kẻ viết bài văn ấy phạm tội lỗi, mà người chết cũng trọn chẳng được hưởng lợi ích gì.

(Ngày 28 tháng 3 năm Dân Quốc 29 - 1940)

¹⁷⁹ Trương Kiến (1853-1926), tự Quý Trực, hiệu Tường Am, người trấn Thường Lạc, huyện Hải Môn, từng đỗ Trạng Nguyên cuối đời Thanh vào năm 1894, được bổ làm Hàn lâm đương tu soạn. Ông tích cực chủ trương đường lối kinh tế thực tiễn để giúp dân làm giàu và cứu vớt người nghèo, nâng cao dân trí, lập ra nhiều xí nghiệp, được coi là một trong những nhà tư bản tiên phong của Trung Hoa. Ông lập ra trường Đại học sư phạm dân lập Nam Thông là ngôi trường đào tạo giáo viên theo đường lối dân tộc, thực tiễn, cũng như góp phần thành lập trường Cao đẳng sư phạm Nam Kinh.

103. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ nhất)

Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, vô tri, vô thức, bị ép vào thế bất đắc dĩ, đành đem những gì chính mình biết, chính mình làm được, thừa với người khác, nào đáng khen ngợi quá lỗ như thế? Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám trên núi đã hết, sau mấy bữa nữa sẽ bảo người bạn ở Thượng Hải thay mặt gởi đi. Nói đến chuyện quy y, sao không chọn bậc đạo đức cao siêu, mà lại thờ ông tăng già cả, ngu độn, hủ bại, ngờ nghệch như con rối làm thầy? Tuy vậy, muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, hoàn toàn cậy vào lòng thành của chính mình. Nay do ông đã thờ ông tăng ngây ngô như con rối làm thầy, thì cần biết rằng: Tuy con rối không có điểm nào hay, nhưng cũng không có điểm nào dở. Bởi nó không có lòng riêng tư, tâm mưu mẹo, nên con rối cũng có chỗ để học theo. Những gì chưa thể cùng người khác đánh giá, quyết định được, hãy nhất loạt bỏ đi.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Lương, nghĩa là dùng trí tuệ để làm cầu bến trong đường hiểm sanh tử, khiến cho khắp hết thấy mọi người thoát ngay đường hiểm, lên được chỗ an ổn. Hiện nay thế đạo bại hoại đến cùng cực, xét đến căn nguyên đều do gia đình không khéo dạy dỗ. Từ nhỏ trọn chẳng đem đạo lý làm người dạy bảo, hướng là những sự lý phước thiện, họa dâm, nhân quả, báo ứng v.v. ư? Vì thế, những kẻ ấy vừa nghe tà thuyết bèn nương theo, cố nhiên coi chuyện giết cha gian dâm mẹ là bổn phận chánh đáng. Nếu không tệ hại như thế thì khi có được quyền thế, địa vị, cũng sẽ mắc tình làm càn, gây thảm độc cho thiên hạ. Không có được quyền lực ấy thì kết đảng hoành hành, gây lụy cho địa phương. Nguồn gốc đều là do không được cha mẹ hiền khéo dạy dỗ mà ra! Vì thế nói: “Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm.”

Nhưng con người từ lúc mới sanh chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ, do vậy phải có hiền mẫu thì mới có hiền nhân, mà hiền mẫu phải khởi đầu từ hiền nữ. Vì thế, muốn cho thiên hạ thái bình, ắt phải bắt nguồn từ dạy dỗ con cái, nhưng dạy con gái lại càng khẩn yếu hơn dạy con trai vì nữ nhân có thiên chức giúp chồng dạy con. Từ xưa, những bậc thánh hiền được thành thánh hiền đều nhờ có mẹ hiền, hướng là những kẻ tầm thường kém cỏi ư? Nếu không có hiền nữ sẽ không có hiền thê, hiền mẫu; đã không có hiền thê, hiền mẫu thì những kẻ được người nữ ấy giúp đỡ, dạy dỗ đều thành kẻ ác hết, đều ngăn trở điều lành. Đây chính là cội nguồn khiến cho nước ta nước không ra nước, dân chẳng thành dân vậy! Ông muốn hoằng pháp, hãy nên lấy “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” làm tông chỉ chủ yếu, lại còn đề xướng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi để hết thấy mọi người biết được khổ nhân, khổ quả. Lại còn làm cho họ sanh lòng tin, phát nguyện,

trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để mong đích thân chúng được nhân vui, quả vui. Những điều khác đã nói cặn kẽ trong Văn Sao, ở đây không ghi đầy đủ nữa. Gởi đến một gói Gia Ngôn Lục, sách này giản lược, rất hợp cơ nghi.

(Ngày mồng 1 tháng 6 năm Dân Quốc 17 - 1928)

104. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ hai)

Cổ nhân nói: “Do đất mà té, do đất mà đứng dậy, rời khỏi đất mà mong đứng được thì quyết chẳng có lẽ ấy.” Nay thế đạo loạn lạc đến cùng cực, bỏ hiếu, bỏ luân thường, vứt bỏ hổ thẹn, đúng là muốn cho con người trọn chẳng khác gì cầm thú thì mới sướng bụng. Nguyên do đều là vì Lý học bài bác những chuyện nhân quả, tội phước, báo ứng và sanh tử luân hồi. Đây chính là cội rễ chung của sự loạn lạc hiện thời. Điều khiến cho cội rễ loạn lạc ấy được nảy nở sum suê chính là vì trong gia đình không khéo dạy dỗ, trong nhà trường chỉ biết học theo lối cử nghiệp, cầu công danh, trọn chẳng nhắc đến chuyện “đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, thành ý, chánh tâm v.v.”. Vì thế, người đọc sách quá nửa đều là mưu mẹo, dối trá; mãi cho đến gần đây, gió Âu vừa thổi qua thì những kẻ chưa được khéo dạy ấy ai mà chẳng buông lung, hờn hờ? Do vậy, giết cha dâm mẹ vẫn tự khoe khoang, những thói xấu ác ấy đều do chẳng giảng đến luân thường, thiên chức của cha con, chồng vợ v.v., và chẳng bàn đến nhân quả, báo ứng, cho nên các thói xấu ấy càng đặc biệt lừng lẫy mạnh mẽ.

Nếu ai nảy chú trọng luân thường, hiếu hữu v.v. và biết thiện ác đều có báo ứng, dầu đem cái chết để uy hiếp, buộc phải làm những chuyện giết cha, dâm mẹ v.v. cũng chỉ đành mặc cho chúng nó giết, quyết chẳng chịu làm theo lời bọn ấy. Do vậy biết rằng: Thiên hạ loạn lạc là do gia đình không khéo dạy dỗ và chẳng nói đến nhân quả báo ứng mà uơng thành. Biết bao người thuộc giới chánh khách, quân sự, giáo dục, hỏi đến nguồn gốc loạn lạc và nguồn gốc để thái bình đều đáp không được. Tức là chẳng biết cái nhân gây ra té ngã mà cũng chẳng biết cái nhân để đứng dậy. Ông đã nhận lãnh chức vụ Ủy viên học vụ, trước hết hãy nên đem ý này nói với hết thầy học sinh và hết thầy mọi người, rồi mới lại dạy họ nương theo ngũ giới thập thiện do Phật dạy và pháp môn Tịnh độ để tu trì thì sẽ dễ cảm hóa, chẳng đến nỗi bị phản đối không chấp nhận. Nếu không, bọn họ sẽ khó thuận theo, do bọn họ vẫn còn coi trọng Lý học và những ngôn luận mù quáng trong thời gần đây, làm sao có thể khiến cho họ vui lòng thật sự khâm phục cho được?

Nhóm Trần Bằng Côn đã muốn quy y thì nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người, hãy nên bảo bọn họ ai nảy giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, trước hết làm người

lành trong thế gian, rồi lại tu trì theo pháp môn Tịnh độ, sẽ đáng gọi là Phật tử thật sự. Nếu không, chỉ hữu danh vô thực, rốt cuộc có ích gì đâu? Trần Bằng Côn pháp danh là Huệ Siêu, Lưu Thao pháp danh Huệ Tiềm, Dương Phụng Nghi pháp danh Huệ Thực, Mậu Bành Thị pháp danh Huệ Trinh. Những sách đã in không còn bao nhiêu, đợt sau này in ra sẽ châm chước gởi cho mấy gói, như Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú v.v..

(Ngày mồng 9 tháng 10 năm Dân Quốc 17 - 1928)

105. Thư trả lời cư sĩ Vạn Lương (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Pháp danh của ba người được viết trong một tờ giấy khác, từ rày đừng gởi thư đến nữa, mà cũng đừng giới thiệu người khác quy y do không có mục lực để thù tiếp, gởi đến cũng không trả lời! Bản thảo cuốn Gia Đình Giáo Dục Từng Thư ngàn muôn phần xin đừng gởi tới, nếu gởi tới sẽ đem gởi trả lại ngay, vì Quang mục lực cực suy. Ngay như để trả lời lá thư này còn phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp mới gắng gượng xem thư, trả lời. Vị sư thay Quang giáo chánh, đối chiếu (xét ra vị này chính là lão pháp sư Đức Sâm) do trong năm trước, chánh quyền Cám Châu (Giang Tây) muốn diệt chùa Thọ Lương của thầy ấy (hủy phá ngôi chùa cực cổ) để mở đường, mở ngôi chợ bán rau nhỏ, nên thầy ấy đã hướng đến những vị tai to mặt lớn trong giới quân đội, chánh trường để cầu cứu. Chánh phủ lại ép buộc phải xây dựng ngay, nếu không sẽ vẫn phế bỏ, thầy ấy bèn kiệt lực lo liệu hòng nhà chùa được khôi phục.

Năm ngoái, sau khi quân đội đã rút đi, chuyên viên quy hoạch trong khu ấy bèn lên kế hoạch giải quyết dứt điểm, trình công văn lên Trung ương, đưa kế hoạch trưng thu toàn bộ tài sản nhà chùa. Trung ương ra lệnh trưng thu tám phần mười. Chùa miếu nằm trong khu vực bị đóng quân đã trống rỗng như chuông, trọn không có tài sản tích góp, lại bị trưng thu tám phần mười thì tăng sẽ chết đói hết sạch. Sư Đức Sâm lại cậy những vị tai to mặt lớn các giới trình công văn, nhưng tin tức nhất loạt chẳng thông vì kẻ thừa hành ở Trung ương chèn ép không trình lên. Tới năm nay lại cậy người có quen biết sâu đậm phân giải với gã viên chức chuyên lo chuyện ấy thì sự việc trưng thu nhà chùa mới được ngưng dứt.

Hai ba năm qua, thầy ấy đã vì chuyện ở Giang Tây mà nhọc nhằn tới tột, nên đã nhuốm bệnh. Cửu Hoa Chí, theo dự định sẽ được in trong mùa đông năm ngoái, nhưng do chuyện này phải ngưng lại. Chẳng biết năm tới, năm sau nữa có in ra được hay không? Quang đã 77 tuổi, sẽ chết trong sớm tối, bất luận chuyện gì đều chẳng dám mó tay vào. Người trong Hoàng Hóa Xã cũng không rảnh rỗi, lại thiếu khả năng để duyệt xét; sợ ông không thông cảm nên mới nói đại lược nguyên do,

mong hãy sáng suốt soi xét. Mậu Vân Phong pháp danh là Huệ Tuấn, Châu Hiểu Sơ pháp danh là Huệ Lãng, Châu Hồng Sanh pháp danh là Huệ Thâm. Gởi cho ông Tịnh Độ Ngũ Kinh, Kỹ Lộ Chỉ Quy, Sức Chung Tân Lương mỗi thứ một gói.

(Ngày mồng 4 tháng 9 năm Dân Quốc 25 - 1936)

106. Thư trả lời cư sĩ Cố Tông Huống

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Những kẻ ham cao chuộng xa thường lầm lạc chuyên chú cầu khai ngộ trong nhà Thiền, nghĩ rằng “duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà”, chẳng coi thế giới Tây Phương Cực Lạc là đúng. Thứ ý chỉ ấy tưởng như sâu xa, huyền ảo, nhưng thật ra quá nửa đều biến thành thói hèn kém “kể chuyện ăn, đếm cửa báu”, chớ nên bắt chước thói ác ấy. Hãy nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm sẽ tự có thể quyết định vãng sanh Tây Phương. Những kẻ chỉ trọng lý tánh chẳng chú trọng sự tu chính là phùng duyên khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra đọa xuống. Nếu nhiệm phải thói ấy thì liễu sanh tử chắc phải đợi đến năm nào năm nao!

(Ngày Rằm tháng 5 năm Dân Quốc 28 - 1939)

107. Thư trả lời cư sĩ Hạ Thọ Kỳ

Cha ông tuổi đã cao, hãy nên khuyên cụ lập tức toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lúc niệm trong tâm phải niệm cho rõ ràng, miệng niệm cho rõ ràng, tai nghe cho rõ ràng. Dẫu chẳng mở miệng, niệm thầm trong tâm thì vẫn phải từng câu từng chữ nghe cho thật rõ ràng, vì tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình vẫn rành rẽ, rõ ràng. Nếu thường nghe được rõ ràng thì tâm sẽ quy về một chỗ, tinh thần chẳng rong ruổi bên ngoài. Vì thế, mắt cũng chẳng nhìn chi khác, mũi không ngửi gì khác, thân cũng chẳng buông lung, cho nên gọi là “nhiếp trọn sáu căn”. Niệm Phật như thế gọi là “tịnh niệm” (ba câu này, sư tự khuyên đậm thêm). Do nhiếp tâm nơi Phật hiệu thì tuy chưa thể hoàn toàn không có tạp niệm, nhưng đã giảm nhẹ nhiều lắm. Nếu có thể thường xuyên giữ cho liên tục thì ở mức độ nông cạn là đắc nhất tâm bất loạn, mức độ sâu là đắc niệm Phật tam-muội. Đây chính là ý nghĩa trọng yếu để lúc thường ngày gắng chuyên tâm dốc chí.

Hằng ngày thường nghĩ sắp vãng sanh, trong tâm chẳng giữ lại chuyện gì. Có chuyện gì cần giao phó liền giao phó sẵn, con cháu có điều gì cần hỏi thì hãy hỏi sẵn đi. Đợi đến lúc lâm chung, cả nhà niệm Phật, không nên hỏi chuyện gì hết, cũng không có chuyện gì cần phải giao phó, mọi người đồng thanh niệm Phật. Nếu chính người ấy đã nắm chắc sự vãng sanh, chính mình tự tắm rửa, thay quần

áo là tốt nhất. Nếu chính người ấy không thể làm được thì vịn phần chó nên lau rửa, thay quần áo sẵn cho người ấy, hỏi chuyện, khóc lóc v.v.. Hễ có những chuyện phô trương mù quáng kiểu đó, chắc chắn người sắp mất bị phá hoại chánh niệm, chẳng được vãng sanh. Bảo người sắp chết ngoảnh mặt về phương Tây, trước mặt thờ một bức tượng Phật tiếp dẫn, nghĩ đi theo Phật vãng sanh, một mực niệm cho đến khi đã tắt hơi được hơn ba tiếng đồng hồ (đây là thời gian tối thiểu, vẫn phải nên niệm nhiều hơn) rồi mới làm những chuyện tắm rửa, thay quần áo, khóc lóc v.v. thì chẳng đến nỗi làm hỏng đại sự. Khóc lóc cũng chó nên bỏ, nhưng phải chú trọng nén buồn niệm Phật, chó nên khóc lóc phô trương bề ngoài. Người già lâm chung nên làm như thế mà người trẻ tuổi cũng như thế thì chắc chắn được vãng sanh.

Thêm nữa, con gái từ nhỏ cần phải dạy cho nó tánh tình nhu hòa, chẳng nổi nóng, tập quen lâu ngày sẽ thành thiên tánh, lợi ích ấy chẳng thể nói tận. Chưa lập gia đình mà nổi nóng thì hoặc là bất kinh hoặc bị băng huyết, có gia đình rồi cũng thế: hoặc bị sảy thai, hoặc khiến cho tánh chất của đứa trẻ trong bụng trở thành bạo ác. Sanh con ra, trong khi cho con bú, nếu nổi nóng dùng dùng thì khi cho đứa trẻ bú, nó sẽ chết ngay. Chẳng nổi nóng quá mức thì nửa ngày hoặc một ngày sau nó mới chết, không đứa nào chẳng chết. Nổi nóng nhẹ nhẹ thì tuy nó không chết nhưng cũng sẽ sanh bệnh, không đứa nào không bị bệnh. Nếu nổi nóng liên tiếp một hai ba ngày thì đứa trẻ bị trúng độc ngày càng nhiều hơn, cũng khó thể nào không chết. Điều này danh y, thần y nước ta xưa nay đều chưa hề nói đến. Hãy đem nghĩa này nói với hết thầy nam nữ sẽ cứu được mạng trẻ khi chưa sanh ra.

Nữ nhân tánh tình nhu hòa thì gia đạo cũng yên vui, hòa thuận, con cái do họ sanh ra tánh tình cũng đều từ thiện, nhu hòa. Tôi thường nói: “Dạy con là căn bản để thiên hạ thái bình, nhưng dạy con gái lại càng thật quan trọng, do con người sanh ra bám thụ tánh khí của mẹ, nhìn theo oai nghi của mẹ nhiều hơn cha rất lớn.” Có hiền nữ thì mới có hiền thê, chồng của hiền thê ắt là hiền nhân, con của hiền mẫu ắt là hiền sĩ. Bà Thái Nhậm dạy con từ trong thai, nên Văn Vương sanh ra liền có thánh đức, ấy là dạy dỗ từ thuở còn chưa sanh ra. Quang đã 80 rồi, buổi sáng không bảo đảm được buổi tối. Tất cả thư từ giao cho thầy thư ký của thường trụ lo giùm, Quang chẳng hỏi đến. Do ông ở tại phương xa nên thầy ấy mới đặc biệt chú ý, đưa cho Quang đọc để trả lời. Phương pháp tu trì đã có trong các sách Tịnh độ và Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ. Mong ông cũng đem những điều đã nói trong thư này bảo với Dã Công, Tông Huống.

(Ngày Rằm tháng 5 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Chớ nên thường gởi thư đến, thường gởi thư đến thì Quang chẳng thể phúc đáp. Tăng nhân hiện thời đa phần theo thói tục, mới bốn mươi năm mươi đã cử hành chúc thọ. Có người đem chuyện ấy nói với Quang, Quang nói: “Tôi thà bị phạt chặt đầu, chẳng muốn nghe đến chuyện chúc thọ!” Có ai muốn chúc thọ cho Quang tức là đã lòi Quang vào phường hạ lưu hèn kém nhất!

108. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ nhất)

Quang già rồi, lại bị chuyện tu chĩnh, giáo chánh Nga Mi, Cửu Hoa Sơn Chí thúc bách chẳng thể chần chờ được. Do các nơi gởi thư từ đến quá phiền phức nên hơn cả năm mà chưa thể làm xong được. Nay thì sau tháng 11 đã tận lực cự tuyệt hết thấy thư từ. Từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Tịnh, nghĩa là lấy pháp môn Tịnh độ của đức Phật làm gốc, tự hành, dạy người. Lại gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Phật Học Cứu Kiếp Biên, gộp chung thành một gói, mong hãy đọc kỹ. Từ rày về sau, ngàn vạn lần đừng gởi thư đến, cũng đừng bảo người khác gởi thư đến. Lần này tôi đã phá lệ, quyết chẳng phá lệ lần thứ hai, lần thứ ba đâu nhé!

(Ngày mồng 3 tháng Chạp năm Dân Quốc 21 - 1932)

109. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ hai)

Sao lại thô tâm như thế, gởi thư đến chỉ ghi tỉnh không ghi huyện, làm sao gởi được? Lại chẳng viết tục danh, chỉ dùng pháp danh. Đã dùng pháp danh lâu ngày thì còn được, chứ mới dùng thì ai mà biết được, đây cũng là lỗi thiếu thông hiểu nhân tình thế thái. Một đệ tử ở Quý Châu gởi thư tới, nhờ gởi sang nhà người em trai ông ta ở Nam Kinh, gởi đi bằng thư bảo đảm, người canh cửa không biết đến pháp danh của ông ta, bảo ở đây không có người đó, bèn đem thư gởi trả lại. Không lâu sau, người ấy đích thân đến đất Tô, mới biết ông ta chẳng hiểu chuyện đời.

Pháp danh của lệnh nhạc mẫu¹⁸⁰ và lệnh tử được ghi trong tờ giấy khác. Đức hạnh đẹp đẽ của lệnh nhạc mẫu thật đáng khâm phục, vì thế có pháp danh là Đức Ý. Lệnh tử đã có thiện căn từ đời trước, nên đặt pháp danh là Phước Duệ. Duệ (睿) chính là trí tuệ, có phúc, có tuệ thì sẽ có thể tự lợi, lợi người. Niệm Quán Âm thì không chỉ khuyên bảo tịnh hữu niệm mà hãy nên tuyên cáo trong thôn mình ở và những thôn lân cận, bất luận già trẻ trai gái đều nên ăn chay, niệm

¹⁸⁰ Lệnh nhạc mẫu: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng mẹ vợ của người khác.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Mọi người ai nấy ở trong nhà mình, vừa làm việc vừa niệm, thường niệm trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, chắc chắn chẳng bị ôn dịch. Năm trước, các xứ bị dịch tả thật dữ dội, tại vùng phụ cận của trấn Tự Tiên thuộc huyện Trùng Thành, tỉnh Thiểm Tây, cả mấy trăm người chết. Trong thôn của một đệ tử có năm sáu chục nhà, ông ta dạy mọi người đều niệm Quán Âm nên chỉ có hai kẻ xấu bị chết, những người khác đều bình an.

Cư sĩ Hà Hồng Cát ở huyện Cam Cốc tỉnh Cam Túc đề xướng niệm Phật, phạm những chỗ niệm Phật, tất dịch chẳng xâm nhập bờ cõi. Ông khuyên tịnh hữu niệm là biện pháp nhỏ; dạy già trẻ trai gái trong cả thôn đều niệm mới là biện pháp lớn. Tốt nhất là ăn chay trường, nếu chẳng thể thì cũng nên bớt ăn mặn. Dầu chưa thể ăn chay cũng phải niệm. Đang trong lúc hung hiểm này, chỉ có niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát là được cứu vớt, che chở. Những kẻ sợ chết muốn được yên vui sẽ chẳng đến nỗi vẫn chẳng nghĩ làm như vậy là đúng mà coi thường. Tự tập đạo hữu để niệm thì nên chia thành ba ban: một ban đi nhiễu, niệm ra tiếng, hai ban tịnh tọa niệm thầm. Như thế sẽ thành ra niệm suốt ngày nhưng chẳng đến nỗi quá mệt. Nếu cùng nhau niệm ra tiếng hết thì một lúc lâu sau do quá mệt chắc sẽ đến nỗi đổ bệnh. Do chẳng khéo lập cách, đâm ra làm cho kẻ vô tri bảo Phật pháp chẳng linh, oan uổng tạo khẩu nghiệp. Chẳng thể không biết điều này!

(Ngày mồng 4 tháng Giêng năm Dân Quốc 24 - 1935)

110. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ ba)

Pháp danh của lệnh lang phạm tổ hứ¹⁸¹, xin hãy tùy ý thay đổi. Nay đặt là Trí Duệ, sẽ chẳng đến nỗi phạm nữa. Nếu vẫn phạm thì xin hãy tự đổi, không cần phải yêu cầu Quang đổi. Phong tục làng quê miền Nam miền Bắc khác nhau, phương Nam cũng có vùng kỵ tên húy rất nghiêm, cũng có vùng đặt tên cho con lại dùng chữ chánh yếu trong tên cha, như cha tên Bằng, con tên là Tiểu Bằng; cha tên Khiêm, con tên Tục Khiêm. Đối với pháp danh có khi chuyên dùng một chữ nên ông - cháu, cha - con đều cùng một chữ. Quang chẳng đặt pháp danh theo dòng phái, dùng chữ tùy ý¹⁸². Hễ có nhiều người quy y mà không ai thừa bày điều

¹⁸¹ Pháp danh của con trai ông Mục Tông Tịnh là Phước Duệ, chữ phước trùng với tên của một vị tổ tiên của ông Mục, nên gọi là “phạm tổ hứ”.

¹⁸² Tổ Ấn Quang xuất gia với một vị thầy thuộc tông Lâm Tế. Trong các pháp phái nhà Thiền, tùy theo chi phái mà có những bài kệ quy định chữ đầu của pháp danh. Chẳng hạn dòng Lâm Tế đến đời thứ 21, ngài Vạn Phong Thời Ủy chùa Thiên Đồng, đã đặt ra bài kệ truyền phái quy y như sau: “*Tổ đạo giới định tông. Phương quảng chứng viên thông. Hạnh siêu minh thiết tế. Liễu đạt ngộ chân không. Như nhật quang thường chiếu. Phổ châu lợi ích đồng. Tín hương sanh phước tuệ. Tương kế chấn từ phong.*” Tổ Nguyên Thiều Siêu Bạch, tổ Minh Hải Pháp Bảo, tổ Liễu Quán Thiệt Diệu đều thuộc dòng kệ này; rồi các ngài lại biệt xuất những dòng kệ khác. Sau này, tại Trung Hoa cũng có nhiều phân phái Lâm Tế đặt ra những bài kệ truyền dòng khác. Không rõ trường lão Đạo Thuần, tức vị thầy thế độ của tổ Ấn

gì thì dùng cùng một chữ, hễ có ai thừa bày thì mỗi người dùng một chữ để khỏi phạm lỗi trái với thể tục. Tăng tử có tên tự là Tử Dư, Mạnh tử cũng có tên tự là Tử Dư. Tử Tư¹⁸³ theo học với Tăng tử, Mạnh tử chính là môn nhân của Tử Tư. Do đây có thể thấy được: Cổ nhân khoan dung mà người hiện thời lại nghiêm ngặt. Đại sự phải nương theo lý, tiểu sự phải thuận theo thói tục, đây chính là chuẩn mực để giữ thân cư xử trong cõi đời vậy.

(Ngày Rằm tháng Giêng năm Dân Quốc 24 - 1935)

111. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ tư)

Pháp danh của Dương mẫu được viết trong một tờ giấy khác, ảnh chụp của Quang chẳng tiện gửi đi. Do chiến sự, bưu điện không chịu nhận bưu kiện. Nay gửi Khuyến Niệm Quán Âm Văn, mong hãy dùng bài văn ấy để khuyên rộng rãi. Tôi vốn cho in bài này năm mươi vạn bản, nhưng do chiến tranh nên phải đình lại. Sau này có lẽ sẽ in ra, bưu cục chịu nhận thì sẽ gửi tới, cũng không thể nói chắc chắn, vì thời cuộc vậy. Thầy Đức Sâm bệnh tình đã khá được tám phần, từ rày ông chớ nên lười thôi, gửi thư tới lui mà chẳng nói lên được điều gì. Hơn nữa, chưa từng gặp gỡ, gửi thư đến thì người nhận phải trả lời. Đừng nói là người bệnh, ngay cả người mười phần khỏe mạnh hằng ngày cũng chẳng rảnh rỗi để đáp ứng được.

Từ năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919) đến nay, Quang ở chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, trọn chẳng làm chuyện gì khác, nhận được thư bèn trả lời đến nỗi hằng ngày chỉ lo trả lời thư. Những vị pháp sư giảng kinh muôn phần chẳng thể hễ nhận được đến liền trả lời ngay được, do không có sức lực, tinh thần để thù tiếp như vậy đâu. Chiến sự dữ dội, hãy lấy chuyện trì chú Đại Bi và niệm Quán Âm làm điều chánh yếu. Không có chuyện gì quan trọng đừng gửi thư tới, chiến sự chưa ngưng dứt thì vĩnh viễn đừng gửi thư tới. Bởi lẽ, trì tụng còn không kịp, rảnh rỗi đâu mà phúc đáp!

(Ngày 19 tháng 8 năm Dân Quốc 26 - 1937)

Tu tịnh nghiệp và học giáo khác nhau, một đáng chú trọng khai giải, một đáng chú trọng thực hành. Dầu có chỗ chẳng biết, bèn bỏ mặc đó, xem lại đôi ba lượt, phần nhiều sẽ có chỗ trước sau thấu hiểu ý nghĩa. Dầu chưa hiểu trọn vẹn, cũng thấu hiểu được phần nào ý nghĩa kinh văn, sẽ có thể hiểu được ý. Nếu hễ có nghi

Quang (pháp danh của tổ bắt đầu bằng chữ thánh, tức Thánh Lượng, Ấn Quang là pháp hiệu) thuộc chi phái Lâm Tế nào.

¹⁸³ Tử Tư là tên tự của Khổng Cấp (483-402 trước Công nguyên), còn có mỹ hiệu là Thánh Thuật, cháu nội của Khổng tử, là con trai của Khổng Lý. Tử Tư theo học với Tăng Tử (Tăng Sâm), từng ra làm quan dưới triều Lỗ Mục Công. Tương truyền, sách Trung Dung do chính Tử Tư biên soạn.

bèn đi hỏi mà người bị hỏi là kẻ trợn chẳng có một việc gì thì cũng không sao, chứ đối với người bận rộn suốt ngày hoặc người đang gặp đủ chuyện phiền phức, nữ nào bắt người ta phải nhọc nhằn thêm? Quang già rồi, chẳng thể đáp ứng những câu hỏi! Ngay như thầy Đức Sâm vì chuyện chùa Thọ Lượng ở Giang Tây và chuyên viên quy hoạch tỉnh ấy lập kế hoạch trưng thu tài sản nhà chùa mà bận bịu thành bệnh, cũng chớ nên gây thêm một nhọc cho thầy ấy.

112. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ năm)

Hơn 30 pháp danh được viết trong một tờ giấy khác. Chương trình của Lê Trạch Liên Xã rất hay, mắt Quang giống như lò từ khi mới sanh, phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp mới miễn cưỡng xem được. Vì thế, dùng chữ phần nhiều không đúng pháp. Từ rày trở đi xin đừng gởi thư đến nữa, gởi tới nhất quyết không trả lời. Có ai muốn quy y, hãy bảo họ quy y với vị tăng ở nơi ấy, hoặc quy y với pháp sư Đức Sâm. Nếu chẳng thông cảm, tức là muốn cho Quang vĩnh viễn chẳng thấy được ánh mặt trời trong khoảng thời gian tạm bợ “buổi sáng không bảo đảm được buổi tối” này. Chắc quý vị cũng chẳng đến nỗi không thấu hiểu tình người như thế đâu!

(Ngày 12 tháng 11 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Mắt Quang suy yếu như thế là do túc nghiệp cảm thành, trong liên xã chớ nên cầu nguyện cho Quang, mà cũng đừng bắt chước người đời vô tri chúc thọ gây bại hoại cho Phật môn. Suốt đời Quang nghe thấy chuyện tặng được chúc thọ mà thẹn giùm, các ông hãy tự mình tu trì, đừng lôi tên Quang vào thói tục vô đạo lý ấy để những người có tri kiến chê cười sát rạt vậy.

113. Thư trả lời cư sĩ Mục Tông Tịnh (thư thứ sáu)

Pháp danh gởi lầm là ở chỗ gần¹⁸⁴, chừng mấy bữa nữa sẽ gởi đến. Đã viết tờ khác ghi những tên được thêm vào hôm nay để gởi đi, chắc sẽ không sai nữa. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, từ rày đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y. Do buổi sáng không bảo đảm được buổi tối, nếu chết thì cũng chỉ vì nhọc nhằn; nếu không chết thì cũng không thể duy trì lâu dài chuyện bị sai khiến này, mà nên lo an hưởng tuổi già, chứ không nên già rồi mà vẫn phải vất vả. Từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918) đến nay, Quang hằng ngày bận bịu vì người khác, nay có muốn vì người khác bận bịu thì mục lực đã không thể sử dụng được nữa rồi. Đối với các vị có cùng chí hướng, đều nên

¹⁸⁴ Ý nói: Ông Mục Tông Tịnh đứng ra xin quy y cho những người khác ở nơi xa. Trong số ấy có những người ở gần, có người ở nơi xa. Bản liệt kê pháp danh của những người bị tổ viết lầm tên là danh sách của những người ở gần chỗ ông Mục Tông Tịnh.

đem lời này nói với họ để đôi bên khỏi uổng phí tâm tư mà hoàn toàn chẳng có lợi ích gì.

(Ngày 21 tháng Chạp năm Dân Quốc 28 - 1939)

114. Thư trả lời cư sĩ Cao Huệ Âm

Đã nhận được đầy đủ thư của ông và thư của Gia Hâm với Tô Phương. Người muốn học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phần, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới là người thật sự học Phật. Nếu luân thường khiếm khuyết, hoặc chỉ cầu phước báo trời người thì đều chẳng phù hợp với Phật pháp. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần không đủ, nay đặt pháp danh cho hai người ấy, viết riêng trong một tờ giấy khác, còn khai thị tường tận thì không thể viết đầy đủ được. Nay gởi cho hai người ấy Tịnh Độ Ngũ Kinh, Tịnh Độ Thập Yếu, Ấn Quang Văn Sao, Gia Ngôn Lục, mỗi người một bộ, xếp thành một gói, tổng cộng là hai gói để làm khai thị. Từ rày về sau đừng gởi thư đến hay giới thiệu người khác quy y vì không có sức để thù tiếp. Nếu thỉnh kinh sách từ Hoàng Hóa Xã cũng chớ thuận tiện gởi thư cho Quang.

(Ngày mồng 6 tháng 11 năm Dân Quốc 24 - 1935)

115. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ nhất)

Liễu sanh thoát tử là chuyện lớn nhất trong đời người, pháp môn niệm Phật là một pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Pháp này trên đến Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến tội nhân nghịch ác đều nên tu tập, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương trong đời này. Công đức, lực dụng của pháp này khác hẳn với hết thảy những pháp Đại Tiểu thừa đã được nói trong cả một đời đức Phật. Vì sao vậy? Do hết thảy các pháp Đại Tiểu thừa đều phải cậy vào sức giới định tuệ của chính mình để liễu sanh thoát tử; đừng nói là phạm phu đầy dẫy triền phược chẳng thể liễu, ngay như bậc thánh nhân đã chứng Sơ, Nhị, Tam quả vẫn chẳng thể liễu được; Tứ quả A-la-hán mới liễu được. Đây là ước theo phía Tiểu thừa mà nói.

Nếu nói theo phía Viên giáo, sở ngộ thuộc địa vị Ngũ phẩm đã bằng với Phật, nhưng vẫn chưa đoạn được kiến hoặc. Sau khi đã viên mãn các tâm thuộc Ngũ phẩm rồi, đoạn được kiến hoặc, liền chứng địa vị Sơ tín. Bồ-tát thuộc địa vị này, nếu xét trên phương diện đoạn hoặc thì giống như Sơ quả trong Tiểu thừa, nhưng công đức, trí tuệ, thần thông, đạo lực vượt trội Sơ quả ngàn vạn ức ức lần. Cho đến khi viên mãn tâm Lục tín rồi, đoạn sạch tư hoặc, mới chứng Thất tín, Bồ-tát thuộc địa vị này mới liễu sanh tử. Liễu sanh thoát tử nào phải là chuyện dễ! Do

vậy, biết rằng cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó lắm, khó như lên trời. Bỏ-tát thuộc địa vị Lục tín còn chưa thể liễu, huống là phạm phu đầy dẫy hoặc nghiệp ư?

Chỉ có pháp môn Tịnh độ cậy vào đại từ bi nguyện lực của A-di-đà Phật, bất luận già trẻ, trai gái, sang hèn, trí ngu, tại gia, xuất gia, hễ có ai chịu sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật thì trong đời này không một ai chẳng được vãng sanh khi lâm chung. Trong cõi đời, người niệm Phật thì đông nhưng ít kẻ vãng sanh là vì:

1. Chẳng tuân lời Phật dạy, miệng nói vãng sanh, tâm luyện trần cảnh.

2. Chẳng dạy quyền thuộc niệm Phật và chẳng nói sẵn lợi ích của việc trợ niệm và những họa hại do phô trương bày vẽ mù quáng: tắm rửa, thay quần áo sẵn, hỏi chuyện, khóc lóc v.v.. Đến khi lâm chung, quyền thuộc chẳng những không trợ niệm mà trái lại còn phá hoại chánh niệm. Thất bại lúc sắp thành công, chuyện ma chay vẫn tuân theo sự thấy biết của thế tục, khiến cho người chết bị chìm đắm trong biển khổ sanh tử, chẳng đáng buồn ư!

Ông Ngô Đình Kiệt vãng sanh được đặc lực là nhờ cả nhà trợ niệm. Cả nhà có thể trợ niệm là do Huệ Trung đã quen nghe ông nói đến lợi ích do trợ niệm và họa hại do bày vẽ mù quáng mà ra, khiến cho ông Đình Kiệt được an tường qua đời trong tiếng niệm Phật. Mất rồi, mặt vẫn tươi nhuận, tay chân duỗi thẳng, người cả một vùng thấy đều kinh dị. Đủ biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn. Hết thấy chúng sanh đều sẵn có tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, do không có Phật lực, pháp lực gia trì nên chỉ có thể tạo nghiệp, chẳng thể thọ dụng được. Uổng sẵn có Phật tánh mà trọn chẳng được lợi ích! Một mai nghe thiện tri thức chỉ dạy, quy mạng gieo lòng thành, được cảm ứng đạo giao với lời thề từ bi của đức Phật, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Nhìn lại sáu đường qua lại như bánh xe “hết lên cao lại xoay xuống thấp”, khôn ngăn thương xót. May được con cháu đều sẵn túc căn, cả nhà quy y cùng tu tịnh nghiệp. Một ấp Độc Sơn vượt trời các ấp, đều khi sống sẽ chứng nhập chỗ sâu thẳm của thánh hiền, lúc thác lên bờ cõi Như Lai, mới chẳng thẹn là con người sánh cùng trời đất xưng thành ba ngôi, đích thân là đệ tử Phật Di-đà, là bạn tốt trong hải hội.

116. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ hai)

Chúng ta từ vô thủy đến nay ai nấy đều có túc nghiệp, đều có túc thiện. Kẻ khéo dụng tâm dẫu ác nghiệp phát hiện vẫn có thể tăng trưởng thiện căn; kẻ chẳng khéo dụng tâm, dẫu thiện căn phát hiện vẫn tăng trưởng ác nghiệp. Ông bị đau

chân, kiệt ly, đau mắt là do tức nghiệp, do niệm Phật mà chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ trong đời này. Con người chuyển gì cũng chỉ nên thuận theo thiên lý nhân tình mà làm thì đời này tuy không được hưởng lợi ích lớn lao, nhưng sẽ ngấm ngấm tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ mà chẳng hay chẳng biết. Hãy nên càng thêm nỗ lực để làm bằng khoán hồng được vãng sanh.

117. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Mồng 10 tháng 10 năm trước, Quang ty nạn sang Linh Nham Sơn Tự cách Tô Châu hơn 20 dặm. Nay đã 79 tuổi rồi, sẽ chết trong sớm tối, mục lực suy đến tột cùng, phải nhờ vào kính lão lẫn kính lúp mới thấy lò mò để xem thư gửi tới và viết thư trả lời. Sau này đừng gửi thư đến nữa, cứ coi như Quang đã mất rồi, hoặc mắt chẳng xem được nữa. Có ai phát tâm hãy bảo họ quy y với vị tăng nơi ấy cho đôi bên khỏi nhọc trí mà đều chẳng ích lợi gì.

Phàm những ai quy y đều phải chuyên chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu chẳng phụ cái danh quy y tam bảo. Nếu không, chính là dùng thân để bán pháp, là tội nhân trong cả Phật giáo lẫn Nho giáo, chẳng phải là đệ tử Phật. Chuyện Hoàng Hóa Xã, Quang chẳng hỏi đến. Hiện thời khôn khó gian nan, không có sức để tặng sách, mà đường sá lại tắc nghẽn, bưu phí đắt đỏ, không có biện pháp nào hết. Bưu phí cho mỗi bưu kiện là một các năm xu, chuyển một lần xe hơi bưu điện tính thêm bốn các nữa. Hai ba bốn năm lần chuyển sẽ tốn hơn hai đồng, nhưng binh lính, giặc cướp đầy dẫy, chẳng biết có chuyển được đến nơi hay không? Phàm những người thỉnh kinh đều phải gửi tiền đến trước, rồi theo kỳ hạn giao sách. Nhưng giao cho bưu cục, họ chỉ ghi vào sổ thôi, tới nơi hay không họ chẳng chịu trách nhiệm. Nếu thỉnh kinh sách, hãy gửi thẳng đến chùa Báo Quốc ở Tô Châu, Quang chẳng thể chuyển giùm. Giá giấy và công thợ ngày một đắt dần lên. Người học Phật nên cực lực quý trọng kinh sách, nếu không khó thể mua hay thỉnh được. Gửi kèm cho ông một tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp để làm khai thị, một tờ Kinh Nghiệm Dược Phương để làm phương tiện.

(Ngày Rằm tháng 3)

Hãy nên nói với những người quy y đừng gửi thư tới, mà cũng đừng giới thiệu người khác quy y do không có mục lực để thù tiếp!

118. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương ở Độc Sơn (thư thứ tư)

Hai lá thư nhận được trước sau ba ngày. Quý Châu đường xa, người quy y nên chọn vị nào chân thực tu trì, nếu là hạng lơ lửng ơ hờ và chẳng hiểu chẳng

hiền đều chó nên giới thiệu quy y với Quang. Đối với chuyện hương kính, có hay không đều được. Nếu gởi bằng bưu phiếu chỉ nên lấy một cắc làm hạn, năm cắc lần này quả thật là vô dụng. Nếu gởi kính sách ra ngoại quốc thì một gói phải tốn hai đồng mới gởi được, nhưng đây cũng là chuyện rất nhỏ. Vì nếu gởi nhiều có thể gởi kèm trong rương đựng hàng hóa, chứ còn thỉnh thoảng gởi một gói thì chỉ có thể gởi riêng lẻ.

Nói đến pháp sư Đức Sâm thì Quang chẳng dám phiền, do thầy ấy thường hay bệnh, lại quá bận việc. Nếu bày ra chuyện này, ắt thầy ấy sẽ nhọc nhằn thành bệnh. Quang nào dám để thầy ấy gánh lấy chuyện khổ này? So ra, thể chất thầy ấy còn yếu hơn Quang nữa, vì thế chẳng muốn gây phiền cho thầy ấy. Phàm ai quy y đều phải chú trọng kiêng giết, ăn chay, giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hòng làm gương mẫu cho người chẳng tin tưởng Phật pháp, khiến cho hết thấy những kẻ không tin sẽ tăng trưởng tín tâm thì lợi ích ấy rộng lớn lắm. Mong hãy sáng suốt soi xét, Một Lá Thư Trả Lời Khấp là khai thị chu đáo nhất, hãy nên nói với mọi người thì sẽ chẳng uổng đời này và dịp gặp gỡ này vậy!

(Ngày mồng 7 tháng 8 năm Dân Quốc 28 - 1939)

119. Thư trả lời cư sĩ La Tỉnh Ngô (thư thứ nhất)

Các hạ đã biết pháp môn Tịnh độ, chỉ nên nhất chí tu trì, cần gì phải quy y? Quang với các hạ làm liên hữu là được rồi. Cần biết người học Phật nguyện khắp mọi người đều biết Phật pháp, dầu là người oán thù hết sức sâu nặng với mình cũng nguyện cho người ấy mau thoát sanh tử. Đối với chuyện quy y thì chẳng dám tùy tiện, kẻ nào dùng tâm khinh mạn đến cầu quy y tam bảo mà chấp nhận thì chính là tự khinh Phật pháp, mà cũng chẳng thể làm cho kẻ ấy gieo thiện căn sâu xa được. Ở đây, do tuân theo nghĩa lý trụ trì pháp đạo nên khác với trường hợp trên, vì kẻ quy y bằng cái tâm khinh mạn ấy sẽ không cách nào sanh lòng thành kính cho được.

Trong thế gian, học một tài, một nghề, nghề tầm thường nhất là cạo đầu, chữa chân, khi bá sư còn phải ba lần lạy, chín lần khấu đầu, huống là quy y tam bảo Phật pháp tăng để mong liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh mà trọn chẳng chịu dùng một câu tự nhún mình. Nói suông một câu nhún mình còn không chịu nói, chỉ dùng hai chữ “cẩn trọng” (kính trình) cho xong chuyện. Quang tuy tầm thường, ngu độn, nào dám tự khinh? Vì thế, xin các hạ hãy chỉ dốc sức tu trì, không cần phải quy y nữa.

(Ngày 16 tháng Giêng)

120. Thư trả lời cư sĩ La Tĩnh Ngô (thư thứ hai)

Quang đã quên chuyện nói trong lá thư mùa xuân, Quang một mực thẳng thắn. Hễ có ai gởi thư hỏi về Phật pháp, bất luận người ấy có thái độ cao ngạo như thế nào đều nói với người ấy. Chỉ có ai cầu quy y, nếu chẳng dùng lối nói tự nhún mình thì sẽ dùng lời mềm mỏng hoặc trình bày thẳng thừng chuyện người ấy không hợp lẽ để từ chối. Trong lá thư tháng Giêng, chắc là ông cũng nói “cẩn thượng”, Quang đã nói nguyên do rồi: Chẳng dám tự khinh Phật pháp, cũng chẳng dám để người khác khinh pháp. Quy y chẳng phải là quy y một mình Quang, mà là quy y tam bảo Phật pháp tăng. Nay xem thư ông, cũng có thể nói thành khẩn đến tột bậc, nhưng ở phần ký tên vẫn ghi là “cẩn thượng”, nay do lòng thành của ông bèn phá lệ!

Đặt pháp danh cho mẹ ông (pháp danh Đức Thuần), ông (Huệ Tu), vợ ông (Huệ Thục), con ông (Phước Thâm), pháp danh của mỗi người viết trong tờ giấy khác. Ai nấy cần phải ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu vĩnh viễn thoát khỏi biển khổ sanh tử, thường hưởng an lạc thanh tịnh. Hơn nữa, người tu tịnh nghiệp cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng lòng tín nguyện chân thật để trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc. Tự hành như thế mà dạy người khác cũng như thế. Nếu làm được như thế thì người bệnh sẽ lành, kẻ yếu sẽ mạnh, kẻ ngu sẽ sáng dạ, mọi việc thuận lợi, nhà dù nghèo cũng chẳng đến nỗi mắc họa, cũng chẳng đến nỗi đói lạnh, vì chân thật tu trì ắt được tam bảo gia bị, chẳng dễ bị khốn khổ quá mức.

Nhưng cũng chớ nên do niệm Phật mà lầm lạc mong được những điều tốt lành quá phận. Đã có cái tâm ấy, không chừng sẽ đâm ra không tốt lành! Họa phước trong thế gian dựa dẫm vào nhau, nếu khéo hưởng phước thì phước ấy càng lớn; nếu không, phước chưa thật sự được mà họa lớn đã xảy ra rồi, mối họa ấy chẳng còn chỗ nào để giải trừ được. Như vậy là do phước mà mắc họa, họa ấy càng khốc liệt hơn. Hãy bảo vợ ông khéo dạy con cái từ khi con mới vừa hiểu biết thì chúng ắt thành hiền thiện. Nếu một mực nuông chiều từ bé, khiến nó quen thói kiêu ngạo thành tánh, dầu có thiên tư tốt đẹp cũng khó thành chánh khí được, huống là những đứa tầm thường ư?

(Ngày 24 tháng 7)

Hãy đọc kỹ Văn Sao, chớ nên thường gởi thư đến. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể thù tiếp được.

121. Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm

Nhận được thư, biết cái “đạo” mà ông đã nói từ trước đến nay đều là đạo của tà ma, ngoại đạo. Từ đây trở đi, đọc các kinh Đại thừa đều là những pháp môn cấy vào tự lực để liễu sanh tử. Pháp môn tuy cao sâu, huyền diệu, nhưng muốn nhờ vào đây để liễu sanh tử thì lại chẳng biết cần phải trải qua bao nhiêu kiếp số. Nếu ước theo Viên giáo của Đại thừa để luận, địa vị Ngũ phẩm vẫn chưa thể đoạn được kiến hoặc, địa vị Sơ tín mới đoạn được kiến hoặc, mới có thể vĩnh viễn không còn sợ tạo ác nghiệp, đọa ác đạo. Nhưng cần phải tấn tu dần dần, đã chứng được Thất tín thì mới liễu sanh tử. Sơ tín thần thông đạo lực đã chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vẫn phải đạt đến địa vị Thất tín mới liễu sanh tử. Chuyện liễu sanh tử há dễ dàng ư?

Ước theo Tạng giáo của Tiểu thừa để luận, đoạn kiến hoặc liền chứng Sơ quả, tùy ý chẳng còn làm chuyện phạm giới. Nếu chẳng xuất gia cũng sẽ cưới vợ sanh con. Nếu dùng oai thế bức hiếp, bắt buộc họ phạm tà dâm, thà chịu bỏ mạng, quyết chẳng chịu phạm giới. Sơ quả chỉ tiến chứ không lùi, nhưng người chưa chứng Sơ quả thì không nhất định. Đời này tu trì cực tốt, đời sau tạo đại ác nghiệp. Cũng có người nửa đời đầu thì tốt, nửa đời sau lại xấu xa. Sơ quả còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lượt sanh trong nhân gian mới chứng được Tứ quả. Tuổi thọ cõi trời thật dài, chẳng thể dùng năm tháng để luận. Cấy vào tự lực để liễu sanh tử khó khăn như thế đó!

Pháp môn niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, nương theo Phật từ lực có thể mang nghiệp vãng sanh (Ước theo cõi này, vẫn chưa đoạn hoặc nghiệp nên gọi là “mang nghiệp”. Nếu sanh về Tây Phương thì không có nghiệp để được, chứ không phải là mang theo nghiệp đến Tây Phương). Bất luận công phu sâu hay cạn, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành xưng niệm, không một ai chẳng vãng sanh. Nếu là phàm phu muốn cấy tự lực để tu trì hết thấy pháp môn hồng liễu sanh tử thì khó lắm, khó như lên trời! Ông muốn Quang dạy ông sao cho viên giác diệu tâm của ông được khai ngộ thênh thang (tâm ấy chính là tâm do đức Phật đã chứng), chân cảnh Tịch quang thường được hiện tiền (cảnh ấy chính là cảnh đức Phật ngự), bài nguyện văn của tổ Liên Trì tuy có câu này, nhưng đừng sanh lòng si đại mong đạt được ngay. Nếu muốn đạt được ngay, ắt sẽ bị ma dựa phát cuồng, Phật cũng chẳng thể cứu được. Ví như trẻ nít vịn tường mà bước còn khó khỏi vấp té, nếu muốn bay lượn trên không, xem khắp bốn biển, há chẳng phải là nói mớ ư? Chỉ cầu vãng sanh, liền liễu sanh tử. Nếu muốn ngộ cái tâm này, thấy được cảnh này, vẫn cần phải tu dần dần thì mới ngộ được từng phần, thấy từng phần. Nếu muốn thấy trọn vẹn, ngộ trọn vẹn mà chưa thành Phật sẽ không thể được. Ông quá thiếu tự lượng, Quang đã nói toạc

ra, hãy nên quyết chí chú trọng cầu sanh Tây Phương. Mong muốn vượt phận sẽ đâm ra trở thành cái gốc đọa lạc trong tà ma, ngoại đạo đấy!

Xin hãy đọc kỹ Văn Sao thì phương pháp tu trì, lợi ích, thói tẻ sẽ đều biết rõ, ở đây không viết đầy đủ. Niệm Phật thì thanh âm lớn hay nhỏ phải cho thích hợp, niệm nhanh hay chậm cho hợp lẽ. Nếu niệm lớn tiếng dữ dội như chạy giặc thì thoát đầu tâm hỏa bốc lên, có thể bị thổ huyết, trở thành bệnh không chữa được. Cần phải niệm cho rõ ràng trong tâm, miệng niệm cho rõ ràng, tai nghe cho rõ ràng. Dẫu niệm thầm cũng phải thường nghe, vì hễ tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng niệm trong tâm của chính mình, cố nhiên rõ ràng rành rẽ. Đừng dấy lên ý niệm xấu, đâu còn có cảm giác khó chịu “tâm nóng như bị lửa bốc” nữa. Trong khoảng tháng 9, tháng 10, nếu đường bưu điện thông suốt, sẽ gởi cho ông một gói Văn Sao Tục Biên.

122. Thư trả lời cư sĩ Tôn Nghệ Dân

Con em thông minh trong thế gian khi bước vào tuổi dậy thì, do cha, mẹ, anh hay thầy chẳng dạy rõ lợi hại đến nỗi vì thủ dâm hoặc tà dâm mà mất mạng đến quá nửa; dẫu chẳng chết ngay cũng sẽ thành tàn phế, không có thành tựu gì. Ông đã bị hại sâu xa, hãy thường nên giữ lòng nghiêm cung kính sợ, chớ để một niệm nghĩ tới nữ sắc. Hãy nỗ lực tu pháp môn Tịnh độ, lâu ngày chắc sẽ mạnh khỏe. Ông đã lấy vợ hay chưa? Nếu chưa, hãy nên đợi vài năm nữa rồi mới lấy vợ; nếu đã có vợ rồi thì hãy nói rõ với vợ, nhằm dưỡng thân thể, ở riêng phòng khác, coi nhau như khách, quyết chẳng coi nhau như vợ chồng. Đôi bên khuyên nhủ lẫn nhau, chớ móng tưởng một niệm nghĩ đến chuyện ăn nằm. Đợi đến khi thân thể hoàn toàn mạnh mẽ rồi, hoặc mỗi năm chung đụng một lần, hoặc mỗi quý (ba tháng) chung đụng một lần. Nếu thường ân ái sẽ bị lại bệnh cũ. Hãy nên nói với hết thầy những kẻ thiếu niên về họa hại này để vun bồi phước cho chính mình (Những đứa chưa hiểu biết đừng nói chuyện này. Với đứa đã hiểu biết hãy nên cực lực nói về sự họa hại).

Đối với pháp tắc tu trì thì Văn Sao là sách trọng yếu cho kẻ sơ cơ nhập đạo, chẳng thể không xem. Người niệm Phật khi tịnh tọa cũng phải niệm Phật, chứ không như ngoại đạo chỉ tịnh tọa mà thôi. Niệm Phật thì đi đứng nằm ngồi đều có thể niệm được. Khi đi, niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy ý; khi nằm, hãy nên niệm thầm trong tâm, đừng nên niệm ra tiếng; lúc ngồi chớ nên lần chuỗi, lần chuỗi thì tinh thần chẳng định được, lâu ngày sẽ mắc bệnh, khi nằm cũng thế. Bất luận đi đứng nằm ngồi, niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều phải từng câu từng chữ nơi tâm nơi miệng niệm cho rõ ràng, tai nghe cho rõ ràng. Niệm thầm chẳng mở miệng thì trong tâm vẫn có tiếng, tai của chính mình nghe tiếng trong tâm của

chính mình, chẳng khác gì mở miệng niệm ra tiếng rõ ràng. Đây là diệu pháp niệm Phật thiết yếu nhất, lại chẳng tốn sức!

Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất.” Tai nghe được rõ ràng thì sáu căn đều nhiếp không còn sót, niệm như thế gọi là tịnh niệm. Nếu thường liên tục tịnh niệm thì sẽ đạt được niệm Phật tam-muội. Xin hãy nỗ lực hành theo, chắc chắn có thể thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên được cõi sen chín phẩm kia. Phàm thấy hết thấy nữ nhân đều tưởng như mẹ, chị, em gái, con gái, ngay cả với vợ mình cũng nên tưởng như thế thì con ma dâm dục không làm gì được ông. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha để dẫn đường, lấy chí thành trì niệm làm chuyện tu hành chánh yếu; đừng nên cầu khai ngộ, minh tâm kiến tánh, khán câu “người niệm Phật là ai?” Đây là công phu của người tham thiền! Dù có minh tâm kiến tánh mà kiến hoặc, tư hoặc chưa đoạn, vẫn trọn chẳng có phần liễu sanh tử. Huống kẻ chưa đạt đến địa vị minh tâm kiến tánh ư? Đây chính là những kẻ cạy vào tự lực để liễu sanh tử.

Niệm Phật là pháp môn cạy vào Phật lực để liễu sanh tử, nếu khán câu “người niệm Phật là ai?” chắc chắn không có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, do chưa đoạn hoặc sẽ chẳng thể cạy vào tự lực để liễu sanh tử; do không có lòng tin chân thành nguyện thiết tha nên chẳng thể cạy vào Phật lực để liễu sanh tử. Cầu thăng hóa đạo, biến khéo thành vụng, rất nhiều kẻ si đều tưởng đây là cao siêu, huyền diệu, đáng thương quá sức! Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tịnh, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ đã được nói từ trí tuệ của Phật để tu tập, hòng quyết định được vắng sanh Tịnh độ.

(Ngày mồng 7 tháng 8 năm Dân Quốc 28 - 1939)

123. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ nhất)

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Toàn, y theo trí tuệ của Phật mà tu tịnh nghiệp chính là Huệ Toàn. Đã tự có thể cân nhắc¹⁸⁵ được pháp môn nào phải nên tu, lại còn có thể cân nhắc cho hết thấy mọi người mà nói ra pháp khế lý khế cơ nhất này. Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Há có nên nói “cha bảo ăn thịt mà chẳng tuân lời là bất hiếu” ư? Lỡ mai kia cha ông phát cuồng, bảo ông rằng: “Cha thương con lắm, con hãy nên cắt thịt nơi thân cha để ăn thì lòng cha mới hết sức vui vẻ, nếu con chẳng cắt thịt cha để ăn tức là bất hiếu. Kẻ bất hiếu thiên địa quỷ thần đều tru lục! Nếu con ăn thịt cha tức

¹⁸⁵ Chữ Thuyên (銓) trong tên ông Chương Dĩ Thuyên có hai nghĩa: cân nhắc và chọn lựa kẻ hiền để bổ làm quan.

là đại hiếu, tôn kính cha mẹ, thiên địa quỷ thần sẽ vĩnh viễn che chở, khiến cho con vĩnh viễn hưởng tốt lành.” Ông có chịu vâng lệnh ấy hay chẳng? Ông nghĩ “cha bảo ăn thịt mà chẳng tuân lời thì là bất hiếu”, còn bảo là “mắc tội lớn”, tức là ăn nói mù quáng thiếu hiểu biết.

Chỉ nên đem ý ấy để uyển chuyển khuyên dụ, chớ nên chống đối quyết liệt. Lại còn phải khuyên cha mẹ ông ăn chay trường để đời đời kiếp kiếp khỏi phải thường chịu sát báo, làm được như thế mới là chân hiếu. Người đời dùng thịt để tỏ lòng hiếu, chính là hành vi của kẻ vô tri! Đã quy y Phật, sao còn coi những tình ý mê muội của thế tục là đúng? Ông Hoàng Sơn Cốc đời Tống có thơ khuyên kiêng sát sanh ăn thịt như sau:

*Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Bốn thị nhất chủng tánh,
Chỉ vị biệt hình khu,
Khổ não từng tha thụ,
Phì cam vi ngã nhu,
Mạc giao Diêm quân đoán,
Tự suy ứng hà như?*

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Danh khác, thể nào khác,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ sai biệt hình hài,
Khổ não chúng cam chịu,
Ngọt béo ta hưởng riêng,
Đừng đợi Diêm vương xử,
Tự suy ắt biết mà!)

Xin hãy đưa thư tôi cho cha ông đọc, nếu cha ông chịu nghe theo lời tôi thì thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu cụ vẫn muốn ăn thịt thì chỉ nên nấu nướng đôi chút để cụ khỏi quá thèm, đừng tận sức cung cấp kéo tạo thêm sát báo cho cha ông. Lại chỉ nên mua những loại sẵn có ngoài chợ, đừng giết trong nhà. Sát sanh trong nhà, nhà sẽ biến thành nơi giết chóc, không gì kém tốt lành bằng.

124. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Ở nhà rảnh rồi thì hãy nên sốt sắng đem pháp môn Tịnh độ giảng nói cho song thân để họ sanh lòng chánh tín hồng được vãng sanh thì công đức lớn lắm. Tuy đọc kinh điển Đại thừa, vẫn phải lấy niệm Phật làm

chánh hạnh. Nếu một dạ nghiên cứu ý nghĩa của kinh, vớt niệm Phật ra sau ót thì có thể trở thành gần giống như một bậc đại thông gia, chứ siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này e rằng sẽ nhường cho ngu phu ngu phụ, còn chính mình trọn chẳng có phần đâu! Cần biết rằng, pháp môn niệm Phật là pháp môn đặc biệt trong giáo; trừ pháp này ra, đừng nói phàm phu chẳng thể liễu ngay trong đời này, ngay cả bậc thánh nhân đã chứng Sơ quả, Nhị quả cũng chẳng thể liễu trong đời này được. Tâm đừng chuộng cao, cho rằng “hiểu rõ ý nghĩa kinh Phật sẽ được đại lợi ích”. Nếu nghĩ như vậy, sẽ chẳng khác gì kẻ giữ sổ sách nơi tiệm buôn! Tuy nói có mấy ngàn, mấy vạn, mấy chục vạn qua tay ta lo liệu, nhưng rốt cuộc đâu phải của chính mình, tới khi xong chuyện, chính mình chỉ được chút phần tiền lương mà thôi. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay đừng gởi thư đến nữa. Có ai muốn quy y, hãy bảo họ quy y với vị tăng nơi ấy, hoặc quy y với vị nào dụng cao tràng pháp. Còn như Quang, quả thật chẳng có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Pháp danh của ba người ghi trong tờ giấy khác, gởi kèm cho họ Một Lá Thư Trả Lời Khấp để làm khai thị.

(Ngày mồng 2 tháng 2 năm Dân Quốc 28 - 1939)

125. Thư trả lời cư sĩ Chương Dĩ Thuyên (thư thứ ba)

Những loài thú dữ, rắn độc, châu chấu đều do tâm con người hung ác mà chúng gây tổn thương cho con người. Nếu hướng về chúng nó niệm Phật và dạy hết thầy mọi người ai nấy đều niệm Phật thì chúng nó sẽ tự bỏ đi, há nào phải là giết chúng mà có thể trừ hại cho dân hay sao? Đây chính là dẫn dắt người khác tạo nghiệp, đời đời kiếp kiếp phải chịu sát báo. Ông học Phật kiêng giết mà thốt ra lời lẽ đáng ghét nhất ấy! Nếu chẳng sám hối, ắt sẽ bị trời quở (Ông Long Tử Tu làm Tri Huyện một huyện nọ tại Giang Bắc. Dân chúng do bị nạn châu chấu bèn mời quan đi xét nghiệm. Tới một chỗ, lấy chân giẫm xuống, hơi bị lún chân, hỏi châu chấu ở chỗ nào. Dân chúng thưa: “Nó ở ngay dưới chân.” Có chỗ châu chấu đậu dày mấy tấc, rộng mấy dặm, dài mười mấy dặm, vẫn chưa mọc cánh. Hễ mọc cánh liền bay lên, che rợp cả mặt trời. Ông hết sức kinh hãi, chẳng dám nói một câu nào, bèn lạy trời đất, xin cứu mạng cho dân. Chưa đầy hai ba tiếng đồng hồ, đột nhiên trời nổi sấm mưa to, châu chấu bị mưa diệt sạch. Đây chính là chuyện đại cảm ứng do không thể làm cách nào bèn cầu trời diệt châu chấu vậy. Nếu ông ra lệnh đốt hay chôn vùi để giết châu chấu thì thử hỏi có được mạnh mẽ như vậy hay không?) Một đứa bé gái mua một cái đập ruồi, hễ thấy ruồi bèn đập, chưa được bao lâu cả nhà đều bị ruồi bò đầy. Bà nội bèn mở toang cửa ra vào, cửa sổ, niệm Phật cầu ruồi bỏ đi, ruồi bèn bỏ đi hết. Do đứa bé gái ấy còn có thiện

căn, bởi chuyện ấy bèn dứt sát nghiệp. Nếu không, ngày ngày sát sanh, chính mình cũng bị yếu thọ theo.

Cũng đừng học theo Tôn Thúc Ngao¹⁸⁶, thử hỏi ai có được lòng tốt ấy? Không có tâm lòng tốt ấy sẽ tự tạo sát nghiệp, dạy hết thầy mọi người tạo sát nghiệp. Hơn nữa, rắn hai đầu là con vật lạ hiếm thấy, cho nên Thúc Ngao giết đi rồi chôn. Mãnh thú, rắn độc, châu chấu, không phải là những con vật cứ giết đi là có thể ngăn ngừa được, mọi người chỉ nên cùng phát tâm từ thiện, cùng niệm Phật hiệu, ắt chúng sẽ lánh xa. Sao ông không thấy trong phẩm Phổ Môn đã dạy: “*Nhược ác thú vì nhiều, lợi nha trảo khả bố, niệm bỉ Quán Âm lực, tặc tảo vô biên phương. Ngoan xà cập phúc yết, khí độc yên hỏa nhiên, niệm bỉ Quán Âm lực, tâm thanh tự hồi khứ*” (Nếu ác thú vây quanh, nanh vuốt nhọn đáng sợ, do sức niệm Quán Âm, bỏ chạy không dám tích. Rắn độc cùng bò cạp, phun độc như khói lửa, do sức niệm Quán Âm, nghe tiếng tự rút lui) vậy? Do ông chẳng biết thời thế, thốt ra lời ác cực nặng tự hãm, hãm người. Nếu chẳng nói toạc ra với ông, thì neo trước toàn là oán gia, há có nên nói xằng ư? Pháp danh của tám người quy y tùy theo mỗi người mà tự nhận lãnh.

[Pháp hội Hộ Quốc Túc Tai] ở Thượng Hải là đã thất chứ không phải giảng kinh, tức là buổi chiều bèn khai thị hơn một tiếng, chớ nên tới, vì người đông quá, đâm ra sẽ uổng công mệt nhọc. Quang nhất loạt chẳng tiếp khách, chẳng nói chuyện riêng với ai một câu nào, cũng chẳng nhận thức ăn, tiền tài. Có như thế mới duy trì được, nếu không thì chắc chắn sẽ mệt đến chết. Chương trình ấy đã định, muôn phần chẳng tiện sửa đổi, mong hãy sáng suốt soi xét. Pháp danh của hai vị viết trong tờ giấy khác. Trong xưởng chịu đề xướng ăn chay niệm Phật, chắc chắn công việc sẽ phát đạt, mà cũng có thể hướng dẫn những người cùng nghề. Con người ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta, không có ai đề xướng thì không cách gì phát khởi được. Khai Thị Lục ước chừng cuối tháng sẽ gởi tới. Vô ý mà niệm Quán Âm tức là duyên thường niệm trong đời trước đã chín. Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, sanh lòng tin tu trì bèn có thể siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này, người không biết đến hoặc biết đến mà chẳng tu chẳng đáng buồn lắm hay sao?

126. Thư trả lời cư sĩ Từ Chí Nhất

¹⁸⁶ Tôn Thúc Ngao là một danh tướng nước Sở thời Xuân Thu, người huyện Kỳ Tư (nay là huyện Hoài Tân, tỉnh Hà Nam), khéo dùng thủy binh, làm đến chức Lệnh doãn. Ông cả đời liêm khiết, khi mất nghèo đến nỗi không có hòm để chôn, người làng phải quyên tiền để giúp vợ con ông khâm liệm. Thuở nhỏ, khi lên mười tuổi, ông ra ngoài chơi, đột nhiên thấy một con rắn hai đầu. Trước đó, ông từng nghe nói “ai trông thấy con rắn hai đầu sau ba ngày sẽ chết”. Tôn Thúc Ngao nghĩ mình sẽ chết, động lòng từ bi, sợ người khác trông thấy con rắn ấy cũng phải chết như mình, bèn đập chết rắn, đem chôn kín.

Hôm qua nhận được thư, biết con là thiếu niên phát tâm tu tịnh nghiệp, không vui mừng, hâm mộ. Muốn trả lời thư trong ngày hôm qua, nhưng vì có khách nên chưa rảnh rỗi. Nay gởi cho con một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, đây là căn bản của pháp môn Tịnh độ, đọc kỹ hai bài tựa trước - sau của Quang sẽ tự biết được ý nghĩa chánh yếu. Tịnh Độ Thập Yếu, một bộ năm cuốn, đây chính là những trước thuật thiết yếu nhất của cổ nhân nhằm giảng rõ Tịnh độ, trong bài tựa đã nói tường tận. Một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đây là sự tích vãng sanh xưa nay. Một cuốn Gia Ngôn Lục, một cuốn Liễu Phàm Tứ Huân, đây là những sách hết thảy mọi người nên thường đọc. Một cuốn Sức Chung Tân Lương, một cuốn Cứu Kiếp Biên, một bộ Lịch Sử Thống Kỷ, sách này có bảng phân loại. Nếu tra cứu những chuyện hiếu và bất hiếu thì tra cứu trong bảng phân loại ở đầu quyển sẽ thấy được những chuyện hiếu và bất hiếu trong cả bộ sách. Một bộ An Sĩ Toàn Thư, sách Tây Quy Trục Chỉ cũng nằm trong ấy. Nếu các sách định gởi cho con trên đây, đem chia làm hai gói mà vẫn chưa đủ thì sẽ bỏ thêm Kỹ Lộ Chỉ Quy và Vật Do Như Thử vào, nếu đủ rồi sẽ không thêm.

Mong con hãy cung kính đọc kỹ Ngũ Kinh, Thập Yếu thì sẽ biết rõ duyên do của pháp môn Tịnh độ. Các pháp môn được giảng trong cả một đời đức Phật đều cấy vào tự lực để tu trì, đoạn hoặc, chứng chân, hồng liễu sanh tử, khó khăn còn hơn lên trời. Nếu do tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì vạn người tu, vạn người về, nhưng cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phần, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng những điều này để dạy người, khiến cho khắp hết thảy mọi người cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ.

Tuổi con còn thơ ấu, phải cực lực chú ý giữ gìn thân thể, hãy đọc kỹ sách Dục Hải Hồi Cuồng trong bộ An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám. Có nhiều thiếu niên ý niệm tình dục dấy lên rồi bèn thủ dâm, chuyện ấy khiến thân thể bị tổn thương tội cùng, chớ nên phạm. Hễ phạm sẽ tàn hại thân thể, như bản tự tâm, khiến cho thân thể hữu dụng bị chết yếu hoặc trở thành phế nhân yếu ớt không làm nên cơm cháo gì. Lại còn phải hằng ngày phản tỉnh, suy xét tội lỗi nơi thân, nơi tâm, ngõ hầu chẳng đến nỗi tự mình tàn hại. Nếu không, cha mẹ không nói, sư trưởng chẳng nói, bạn bè đàn đúm xúi giục nhau tạo thành thói ác ấy; chuyện này nguy ngập còn hơn đi vào vực sâu, bước trên băng mỏng đấy.

Tăng tử có tư cách đại hiền mà đến lúc sắp chết mới nói: “Kinh Thi chép: ‘Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng’. Từ nay trở đi, ta biết đã thoát.” Chưa đến lúc sắp chết thì vẫn thường kinh sợ, nay ta sắp chết mới biết

mình không bị hãm trong tội lỗi. Cừ Bá Ngọc năm 20 tuổi biết 19 năm trước sai trái; đến tuổi 50, biết 49 năm trước đều sai. Khổng tử vào tuổi 70 còn muốn trời cho sống thêm vài năm hoặc dăm mười năm nữa để học kinh Dịch hòng tránh lỗi lớn. Cách thánh hiền gìn giữ, trưởng dưỡng sự phản tỉnh, suy xét như vậy chính là nền tảng để học Phật liễu sanh tử. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao và các sách khác, cho nên không viết cặn kẽ.

Con tên là Giám Chương¹⁸⁷, lại còn có trí tuệ chân chánh thì không gì chẳng hợp với Phật, thánh, không gì chẳng thuận với pháp thế tục. Người đời nay hể hơi thông minh bèn cuồng vọng, đầy đều là vì chẳng biết nghĩa “vì việc học mà đạo đức ngày càng tăng thêm, vì đạo mà thói hư ngày càng tổn giảm”. “Vì việc học mà đạo đức ngày càng tăng thêm” chính là lấy đạo đức của thánh hiền chất chứa trong thân tâm ta. “Vì đạo mà thói hư ngày càng tổn giảm” là từ đây phản tỉnh, suy xét nghiêm ngặt, sao cho khởi tâm động niệm trọn chẳng phạm tội lỗi gì. Nếu không, dầu là bậc văn tài lỗi lạc vẫn chẳng thể vì việc học, hướng hồ vì đạo! Hiện nay thời cuộc nguy hiểm, hãy nên khuyên hết thầy già trẻ trai gái hằng ngày thường kiên thành niệm thánh hiệu Quán Thế Âm như một kế sách bậc thượng để cầu hòa bình, giữ gìn thân mạng. Trừ cách này ra, không tìm được cách nào khác đâu! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ rày chỉ nên xem các sách như Văn Sao v.v., đừng gởi thư đến nữa, do không có sức để thù tiếp vậy.

Trước đây, thầy đã gởi pháp danh, kinh sách cho con. Thư lần này gởi đến, con chỉ ghi là “cẩn bảm” (kính thưa), không khởi quá ngạo mạn! Pháp niệm Phật tùy theo cơ nghi, chớ nên chấp chặt. Nhưng trong hết thầy pháp, chọn lấy một pháp quan trọng nhất thì không chi bằng “lắng tai nghe kỹ”: Niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng phát ra, âm thanh lọt vào tai; đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm như thế, nghe như thế. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm thầm trong tâm, đều nghe như thế. Khi niệm thầm, trong tâm vẫn có tướng của tiếng, chứ không phải là không có tiếng. Chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông có câu: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất.” Khi niệm Phật có thể lắng tai nghe kỹ chính là cách nhiếp trọn sáu căn. Bởi lẽ, tâm niệm thuộc về ý căn, miệng niệm thuộc về thiệt căn, tai nghe thì mắt chẳng nhìn chi khác, mũi chẳng ngửi gì khác, thân chẳng buông lung, biếng nhác, vì thế gọi là “nhiếp trọn sáu căn”. Nhiếp trọn sáu căn để niệm thì tạp niệm dần dần dứt, cho đến không còn, vì thế gọi là “tịnh niệm”.

¹⁸⁷ Giám chương có nghĩa là soi xét, thấy biết rõ ràng, rạng rỡ.

Thường giữ cho tịnh niệm liên tục chẳng gián đoạn sẽ đạt được niệm Phật tam-muội, tam-ma-địa chính là tên khác của tam-muội. Chúng ta tùy phần tùy sức niệm, tuy chưa thể đạt ngay được tam-muội, nhưng sẽ gần với tam-muội. Chớ nên nghĩ là dễ dàng rồi muốn mau đạt, kéo sẽ đẩy lên các ma sự. Người đắc niệm Phật tam-muội thì trong đời này đã dự vào địa vị thánh nhân. Vì thế, hãy nên tự lượng! Pháp Tùy Tức¹⁸⁸ chính là pháp thứ chín được nói trong môn Thử Sanh Tha Sanh Thập Niệm Nhất Niệm (đời này, đời khác, mười niệm, một niệm) của cuốn Bảo Vương Tam-muội Luận, tức cuốn thứ năm của bộ Tịnh Độ Thập Yếu, xem sách ấy sẽ tự biết, vì thế chẳng cần phải nói nhiều, mong hãy sáng suốt soi xét. Đang trong lúc đại kiếp đổi đầu, quốc gia lẫn thân mạng mất - còn chẳng chắc này, cố nhiên hãy nên nhất tâm niệm Phật, niệm Quán Âm để cầu hòa bình. Đừng nên hờ hững cầu tri giải mở mang để mong trở thành bậc thông gia vậy!

127. Thư trả lời cư sĩ Vương Hải Tuyền

Phàm là người quy y, ắt phải chí thành, khẩn thiết tu trì pháp môn Tịnh độ. Nếu vẫn dùng những công phu luyện đan, vận khí v.v. của ngoại đạo sẽ trở thành tà chánh chẳng phân, hoặc đến nỗi coi tà là chánh, tưởng chánh là tà. Ngàn vạn phần chớ để cho hạng người ấy trà trộn. Nếu trước kia đã từng học pháp ngoại đạo, sau biết đây không phải là chánh đạo, hoàn toàn vứt bỏ, tách rời khỏi cách tu của bọn chúng thì được. Nếu không, chẳng thể được! Lại có những kẻ tin vào cầu cơ, hạng người ấy cũng đừng nên cho quy y. Vì cầu cơ phần nhiều là linh quỷ mạo danh tiên, Phật. Linh quỷ thượng đẳng tuy chẳng biết lý sâu nhưng vẫn chưa đến nỗi khiến cho người cầu cơ bị lầm lẫn. Linh quỷ hạ đẳng chắc sẽ đến nỗi làm hỏng đại sự của người khác. Người niệm Phật ngàn vạn phần chẳng được kết giao với những kẻ ấy.

Nay đặt pháp danh cho những người quy y, xin hãy chép ra, giao cho họ, xin hãy bảo họ: Cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tâm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, ăn chay, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại dùng những điều ấy để dạy người thì mới chẳng phụ hai chữ “quy y”. Nếu không, sẽ hữu danh vô thật, trọn chẳng được lợi ích gì, lại còn phạm tội lỗi khinh pháp, mạn pháp.

¹⁸⁸ Pháp Tùy Tức được luận Bảo Vương Tam-muội (do ngài Phi Tích soạn vào đời Đường) nói tới ở đây, vốn xuất phát từ kinh Bi Hoa, do ngài Mật Tô (tiền thân của A-súc-bệ Phật khi còn tu nhân) chế ra. Theo đó, thay vì lấy râu chuối để niệm Phật, hành nhân dùng hơi thở thay cho râu chuối. Hễ thở ra bèn niệm Phật một câu, hít vô bèn niệm Phật một câu.

Muốn tiêu trừ kiếp nạn mệnh mông này thì phải dạy hết thầy già trẻ trai gái cùng niệm “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát”. Sức của bốn mươi mấy người làm sao địch nổi ác nghiệp trong đời trước hay trong đời này của trăm ngàn vạn người? Nay gởi cho ông Khuyển Niệm Quán Âm Văn và Một Lá Thư Trả Lời Khấp, xin hãy đưa cho những người quy y xem.

128. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ nhất)

Trần Vĩnh Dự gởi thư đến cho biết ông côi cút từ bé, gần đây do mẹ qua đời, cảm nhận xác thân lần côi đời vô thường, muốn báo ân cha mẹ bèn ăn chay niệm Phật. Đây có thể gọi là “đã hiểu được đạo hiếu!” Đạo hiếu do người đời thường thực hành đều tăng thêm tội lỗi cho cha mẹ (cha mẹ còn sống thì sát sanh để phụng dưỡng, nếu mất thì sát sanh để cúng tế và đãi đằng những người đến phúng điếu. Chỉ mong sống tai, khoái mắt, ngon miệng, vừa bụng người khác, chẳng tính đến chuyện gây phiền cho cha mẹ gánh tội nơi chín suối¹⁸⁹, chẳng đáng buồn sao?) Kẻ phàm tục coi làm vậy là hiếu, chứ thật ra là lòng hiếu theo kiểu đại bất hiếu! Hiếu kiểu đó đối với chính mình lẫn cha mẹ đều vô ích, chỉ đổi lấy lời khen ngợi suông của tục nhân vô tri mà thôi. Nhưng ông vẫn còn có bà nội và bà nội kế, hãy nên khuyên họ đều cùng ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới có ích. Nếu đợi họ chết rồi mới sẽ vì họ niệm Phật, sao bằng thừa dịp này khuyên họ tự niệm? Lại còn đem công đức niệm Phật của ông để hồi hướng cho họ, mong họ tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, còn sống thì khỏe mạnh, yên vui, mất liền cao đăng cõi sen; đây là lợi ích chân thật.

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Xương; nghĩa là dùng trí tuệ để làm cho pháp môn Tịnh độ được hưng thịnh, rạng rỡ, tự lợi, lợi người, cùng sanh về Tây Phương. Người niệm Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, sanh lòng tin, phát nguyện trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy cho người khác. Phàm những ai qua lại với ta đều nên đem những điều này giáo hóa họ, nhất là hãy nên khuyên vợ ông tu trì.

¹⁸⁹ Chín suối (cửu tuyền): Theo quan niệm thời cổ, cửu là con số lớn nhất trong những con số căn bản, nên chữ cửu thường được dùng để hình dung sự nhiều, lớn, cùng cực. Chẳng hạn trong bộ Tô Ván có câu: “*Thiên địa chi chí số, thi vu nhất, chung vu cửu yên*” (Con số tốt cùng của trời đất, khởi đầu bằng một, kết thúc bằng chín). Do đào sâu xuống đất thường thấy mạch nước ngầm nên người xưa tin tưởng dưới mặt đất là những dòng suối chảy ngầm, nên họ gọi chốn sâu thẳm dưới đất là “cửu tuyền”. Hơn nữa, chất đất vùng Hoa Bắc thường có màu vàng sậm nên nước ngầm cũng có màu vàng. Vì thế, chốn âm phủ còn được gọi là “hoàng tuyền”. Cũng có cách giải thích khác là trong Dịch Học, thổ có màu vàng, thuộc âm, nên chốn âm phủ gọi là “hoàng tuyền”.

Thế đạo hiện thời nguy hiểm muôn bề, người thường niệm Phật cố nhiên chẳng đến nỗi không tìm được lối thoát trong cảnh nguy hiểm. Hơn nữa, nữ nhân thường niệm Phật sẽ tránh được sản nạn. Nếu gặp lúc sanh nở, hãy nên niệm “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát” ra tiếng rõ ràng thì sẽ an nhiên sanh nở. Dầu khó sanh tới cùng cực, người đã gần chết, dạy người ấy niệm Quán Âm và những người chăm sóc cũng như mọi người trong nhà đều lớn tiếng niệm thì không một ai chẳng lập tức sanh ngay, an nhiên sanh nở.

Hãy nên đem lời này bảo khắp hết thầy mọi người, chẳng những người mẹ không bị khổ vì sản nạn, mà con cái sanh ra đều hiền thiện. Đừng nói “lỗi lỗi bất tịnh, niệm danh hiệu Bồ-tát sợ mắc tội”, cần biết rằng: Đây là lúc không làm thế nào khác được, chẳng thể cung kính, khiết tịnh, chứ không phải là không chịu cung kính, khiết tịnh. Chỉ nên giữ lòng thành trong tâm, đừng quan tâm đến tướng bên ngoài. Lời tôi vốn xuất phát từ kinh Phật, chứ không phải tự nêu ý kiến, tự ước đoán. Mong hãy an tâm hành theo, khiến cho mọi người đều cùng được lợi ích. Những pháp tu trì khác đã được nói tường tận trong Gia Ngôn Lục. Hãy đọc kỹ sẽ tự biết, nên ở đây không cần ghi chi tiết.

129. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ hai)

Thư ông và thư của Trần Huệ Cung đều nhận được cả, 12 đồng hương kính cũng nhận được rồi. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay ai nấy đều đã gieo thiện căn, do vì không có người đề xướng nên đến nỗi thiện căn chẳng thể phát sanh, đáng tiếc thay! Người đời cầu con, chẳng biết trước hết phải đoạn dục, bảo dưỡng thân thể cho cường tráng. Ngày ngày thường làm chuyện vợ chồng mà chưa chết tức là may mắn quá đấy! Làm như vậy, dầu có sanh được con thì hoặc là nó chẳng thể sống thọ, hoặc yếu ớt không thể làm được gì, đều là vì chẳng biết vun bồi nơi căn bản vậy. Nếu vợ chồng ông tuân theo nghĩa này, chắc chắn sau này sẽ sanh được đứa con phước đức trí tuệ, đừng nên vội vàng. Đoạn dục càng lâu càng tốt, hai vợ chồng phải cùng vì đại sự kế thừa tổ tông mà vâng giữ điều răn này, chớ đừng chưa đầy một hai tháng liền muốn gần gũi. So với những kẻ chẳng tiết dục tuy tốt hơn, nhưng vẫn là tiên thiên chẳng đủ, đứa con quyết chẳng thể có thành tựu được.

Bà nội của ông đã phát tâm niệm Phật, hãy nên thường nói với cụ về lợi ích niệm Phật vãng sanh. Nếu có thể làm cho nhị vị tổ mẫu (tức bà nội ruột và bà nội kế) đều được vãng sanh thì mới đáng gọi là “trọn hết phận làm con”. Nay đặt pháp danh cho bà nội ông là Đức Thuần, nghĩa là tâm tu trì tịnh nghiệp thuần thành, chuyên dốc, khẩn thiết mong cầu. Pháp danh của bà nội kế là Đức Định, nghĩa là nhất tâm niệm Phật, quyết định cầu sanh, trọn chẳng ngờ vực hay biếng

nhác. Vợ ông pháp danh là Huệ An, nghĩa là nhất tâm cầu sanh về thế giới An Lạc, tự lợi lợi tha. Những điều khác đã nói cặn kẽ trong Văn Sao. Cuối tháng, tôi sẽ gởi bức thư dài đến (tức Một Bức Thư Trả Lời Khắp), ở đây không nói nhiều.

Bà nội ông tâm tha thiết mong có cháu, tôi dạy ông ba cách, nếu vợ chồng ông có thể hành theo đó, chắc chắn sẽ sanh được đứa con có phước, sống thọ, thông minh, trí tuệ:

1. Một là vợ chồng hằng ngày thường lễ bái, trì niệm thánh hiệu Quán Âm.
2. Hai là phải giữ lòng từ thiện, làm chuyện lợi người giúp vật cho nhiều.
3. Ba là vợ chồng mỗi người ở riêng một phòng, đoạn tuyệt chuyện ăn nằm. Đợi đến khi thân thể đã được bảo dưỡng mạnh khỏe, chờ cho vợ sạch kinh xong, vào đêm trời trong, khí rạng, sẽ ở với nhau một đêm, ắt sẽ thụ thai. Từ đây mỗi người vẫn ở riêng phòng, đừng ngủ chung với nhau nữa.

Do niệm Quán Âm nên đứa con ấy ắt có thiện căn, thông minh, trí tuệ. Do giữ lòng từ thiện, thường làm những chuyện cứu giúp nên đứa con ấy ắt thọ. Do thân thể được dưỡng cho khỏe mạnh nên thân thể đứa con ắt được mạnh mẽ. Do vừa thụ thai chẳng ở chung phòng nữa, đứa con ấy vĩnh viễn không bị thai độc và ghê chốc, lên sỏi v.v.. Đây là đạo “cầu con ắt được”!

Nếu hằng ngày ngủ chung với vợ, thường cùng ăn nằm, chắc sẽ đến nỗi mất mạng. Dẫu có sanh con, chắc khó trưởng thành được, không làm gì được; bởi lẽ tiên thiên chẳng đủ, tinh thần lẫn tài trí đều chẳng sung túc. Người đời chẳng hiểu rõ lý này, ắt sẽ nghĩ thường chung đụng với vợ để sanh được con, làm lẫn quá lớn! Xin hãy đem nghĩa này nói với bà nội của ông ngõ hầu hơn một năm sau sẽ sanh được con vậy.

130. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ ba)

Thư và trước sau 20 đồng đều nhận được đầy đủ, pháp danh của 14 người được viết trong tờ giấy khác. Hãy nên bảo bọn họ ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, ăn chay, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới là đệ tử Phật thật sự. Quang mục lực chẳng đủ, gởi cho họ một gói Niệm Phật Khẩn Từ, xin hãy đưa cho mỗi người một quyển, bởi trong sách ấy có quy tắc niệm Phật và Một Lá Thư Trả Lời Khắp, có ích rất lớn. Cúng giỗ tổ tông đôi sang dùng cỗ chay, công đức rất lớn. Quang từ Thượng Hải trở về đã hơn một tháng mà trọn chẳng được rảnh rồi chút nào. Lời tựa cho cuốn sổ quy định Tế Lễ của dòng họ¹⁹⁰ hiện

¹⁹⁰ Xin đọc bài “Lời tựa [giải bày ý nghĩa việc] Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay” trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 3.

thời không rảnh rỗi để viết. Nếu sau này được rảnh, sẽ viết rồi gửi tới. Khi nhận được, ông hãy nhờ người viết chữ đẹp chép lại bài tựa ấy cho ngay ngắn, rõ ràng, khuyên, điểm, chấm câu để người đọc vừa xem liền hiểu rõ ngay. Lại còn đem bản thảo ấy gửi cho Phật Học Thư Cục ở Thượng Hải để đăng trên báo nguyệt san, may ra sẽ có người tiếp tục hành theo.

131. Thư trả lời cư sĩ Chu Thiện Xương (thư thứ tư)

Hôm trước, ông Nhậm đến đây, cầm theo thư của ông và hai món thức ăn, cảm ơn! Đãi khách bằng món chay ấy là đại kính; dùng sát sanh để đãi khách thật rất thiếu ý cung kính, nhưng thế tục quen thói, ngược ngạo coi đây mới là kính, đáng thương xót lắm thay! Người đời nay phần nhiều thích xây cất lớn, cứ hờ ra là muốn xây dựng. Do muốn xây dựng nên đừng chạm đến quan chức địa phương, người lo việc lại ngạo mạn, cứ suy ra cũng biết. Địa phương ra lệnh ngăn cấm cũng là điều tốt. Nếu không, thanh thế ngày càng lớn, có thể bị đại họa. Do con người hiện thời chẳng rõ nhân quả, quan lớn phần nhiều chẳng xét kỹ. Nếu đắc tội với kẻ tiểu nhân, hấn liền bịa đặt gán ghép, không cách nào chống đỡ được. Từ trước đến nay, Quang chẳng đề xướng xây dựng một cơ sở nào. Dầu có ai muốn nhờ vào đây để đề xướng thì cũng nên xây nhỏ đừng xây lớn để kẻ đồ ký khỏi mượn cớ vu vạ. Trong Văn Sao có bức thư gửi cho ông Vương Dữ Tiếp¹⁹¹, hãy đọc sẽ biết.

Quang mục lực càng suy kém hơn là vì tuổi già, tinh thần suy nhược; chứ còn ăn uống, cử động vẫn chẳng khác gì trước kia. Thầy Minh Đạo mất, Hoàng Hóa Xã cũng giao về cho Quang chủ trì. Thầy ấy khéo mộ duyên, Quang cả đời chẳng thích mộ duyên. Tùy theo sức của tôi, nếu có người giúp đỡ tiền tài thì làm lớn, không có ai giúp đỡ thì làm nhỏ, miễn sao ta người đều thoải mái là được rồi. Thời cuộc nguy hiểm, hãy nên khuyên người nhà và người làng cùng niệm Phật hiệu và danh hiệu Quán Âm để làm kế dự phòng. Mỗi họa lúc này khác với thuở xưa, trốn tránh cũng không được, đề phòng cũng không xong; trừ cách niệm Phật

¹⁹¹ Đây là lá thư được đánh số 152 trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên (quyển 2). Xin trích một đoạn tỏ dạy về việc xây dựng như sau: “Trộm nghĩ hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cực điểm, lại thêm quốc khổ trống rỗng, thuế má nặng nề hơn trước biết bao lần, vật giá đắt đỏ, dân không lẽ sống, thiên tai, nhân họa liên miên xảy ra. Gặp thời buổi này, muốn hoàng dương pháp đạo thì đối với khắp những người đến hỏi, chỉ nên dạy họ hãy học lấy những nghĩa trọng yếu của Phật. Với cha nói đến từ, với con nói đến hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy tận hết bổn phận để lập nền tảng. Từ đây, lại thêm trọng lòng kính, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, hiểu nhân rõ quả, mong khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao cũng vẫn cứ hành theo đó. Lúc có dư sức, chẳng ngại nghiên cứu hết thấy kinh luận, dạy cho họ ở trong gia đình, tùy phận tu trì, chẳng cần phải tạo dựng điện đường cho nhiều, cất đặt nhân viên cho đông, hai bên qua lại bận bịu chức vụ, tốn kém thời gian. Đây thật là cách tương kế tựu kế thích hợp nhất để hoàng pháp hiện thời.”

và niệm Quán Âm ra, không có cách thức tốt đẹp nào khác. Lại còn phải nghiêm túc dạy dỗ con cái, lúc chúng mới bắt đầu hiểu biết liền chú ý ngay, chứ để chúng lớn hơn một chút sẽ chẳng nghe theo lời dạy đâu.

Người thông minh trong thế gian thường cho là mình thông minh hơn đời, không chỉ chẳng biết. Vì thế, xưa kia đã có câu: “*Nhất sự bất tri, Nho giả sở sĩ*” (Một chuyện không biết, nhà Nho hổ thẹn). Lời ấy vẫn là lời nói suông! Vì sao vậy? Nếu chuyện gì cũng biết, ai có thể tự biết chính mình? Chính mình còn không biết, sao lại tự phụ là không chuyện gì chẳng biết? Hiền Anh đời trước cũng có thiện căn, vì thế sanh vào gia đình có chánh tín. Các chị đều quy y, cô ta cũng bắt chước quy y; sau này sẽ trở thành một vị hướng dẫn tốt lành trong chốn khuê các. Nay đặt pháp danh cho cô ta là Tông Hiền, *tông* là chủ, là gốc, *hiền* chính là đại sư Tư Tề Thật Hiền, vị tổ thứ chín của Liên tông¹⁹², bài văn Khuyển Phát Tâm Bồ-đề của đại sư cực hay. Quang đặt tên cho cô ta là Tông Hiền là vì muốn cho cô thường nương theo bài văn Khuyển Phát Bồ-đề Tâm mà phát tâm. Đã có thể nương theo bài văn ấy để phát tâm thì tất cả những chấp trước thường kiến, đoạn kiến sẽ chẳng cần phải phá mà tự tiêu diệt không còn sót.

Nay gởi cho cô ta một bộ An Sĩ Toàn Thư, xin hãy đọc kỹ càng, cẩn thận phân chú giải và dẫn chứng của đoạn văn “ta mười bảy đời làm thân sĩ đại phu”¹⁹³ và những đoạn vấn đáp để giải trừ nghi ngờ trong các sách Vạn Thiện Tiên Tư, Dục Hải Hồi Cuồng, Tây Quy Trực Chỉ, sẽ chẳng đến nỗi biến mình thành kẻ không có căn bản, tuy tạm sống mấy chục năm, hễ chết liền tiêu diệt chẳng còn, há chẳng đáng thương đến tột cùng ư? Nếu biết thân chết mà thần thức chẳng diệt, coi đó như tuổi thọ, thì tuổi thọ nào phải chỉ dài lâu như trời với đất? Nếu chịu tu trì cầu sanh Tây Phương thì đến tột cùng đời vị lai sẽ làm đại đạo sư cho hết thảy chúng sanh, há chẳng phải là bậc đại trượng phu vĩ đại ư? Những câu vấn đáp ấy đều cực xác đáng, ở đây không viết đầy đủ. Lại gởi một bộ Bát Đức Tu Tri¹⁹⁴ gồm hai tập, nếu có thể chiếu theo đó mà giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận thì mới là đệ tử chân thật của đức Phật. Xin hãy nói với cô ta.

Gởi tới chỗ vợ chồng con cái ông Vương Dân Oai tổng cộng bốn gói kinh sách các thứ. Nói đến cùng cực, sự thành tựu của một con người hoàn toàn nhờ

¹⁹² Ấn Quang Văn Sao Tam Biên ghi ngài Thật Hiền là vị tổ thứ chín của Liên tông, trong khi theo các ghi chép về Tịnh tông hiện thời, tổ Thật Hiền là vị thứ mười một, tổ thứ chín chính là ngài Ngẫu Ích. Có lẽ khi ấy hai vị Ngẫu Ích và Hành Sách chưa được đại chúng công cử là tổ sư của Tịnh tông chăng?

¹⁹³ Đây là một câu nói trong Âm Chất Văn khi Văn Xương Đế Quân tự thuật tiền thân. Trong bộ An Sĩ Toàn Thư, cuốn đầu là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn Quảng Nghĩa Tiết Lục.

¹⁹⁴ Bát Đức Tu Tri, còn gọi là Đức Dục Cổ Sự do tiên sinh Thái Văn Long (tự Chân Thân) biên soạn vào năm đầu Dân Quốc, bao gồm những câu chuyện đề cao tám đức “hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sĩ”.

được khéo dạy dỗ từ thuở bé, nhưng sự dạy dỗ của mẹ lại chiếm quá nửa. Nếu thuở bé đã mặc kệ cho quen thói thành tánh thì lớn lên khó thể thành tựu chánh khí được.

Lại nói đến ông La X... Ba bốn năm trước, lão sư Lai Nhất Tiêu tự khoe có thể dùng tay hướng về người khác để trị bệnh, sau không có hiệu nghiệm gì vì ông ta dùng tà thuật để huyễn hoặc người đời. Người tin theo ông Tiêu còn ít, sau khi họ La đến nhập bọn lại càng được thần thánh hóa hơn: Trong tay ông La có thể hiện ra hình tượng Phật, Bồ-tát cho đồng nam, đồng nữ thọ pháp được thấy. Cả một thời, những tri thức có học vấn ở Tô Châu đều học theo pháp ấy. Thoạt đầu ông La chữa bệnh hoặc có hiệu quả hoặc không, loại tà thuật ấy gây ra lắm nỗi hiềm nghi. Không giống như ông Tiêu đưa tay hướng về bệnh nhân, họ La dùng hai tay nắm bóp trên thân người bệnh khoảng một tiếng đồng hồ. Về sau, chánh phủ cấm đoán. Họ nói Quang cũng học pháp này, đủ biết họ đã mạo nhận chiêu bài của người khác. Một đệ tử của Phổ Đà đề xướng cách tu Mật tông theo kiểu sư Nặc Na¹⁹⁵ tại Nam Xương, bảo hết thảy mọi người rằng Quang cũng quy

¹⁹⁵ Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ (1865-1936) là người huyện Xương Đô, Tây Khang, vốn là người Hán, con trưởng nhà họ Từ ở Xương Đô. Họ Từ là một gia đình nhiều đời theo Hồi giáo. Ông ta được công nhận là Hoat Phật đời thứ 14 của chùa Nặc Na (Nuona) ở Kim Đường thuộc Hồng Giáo Tây Tạng (Cổ Mật - Nyiingmapa) lúc mới ba tuổi; được tăng sĩ chùa ấy rước lên ngôi Pháp Vương chùa Nặc Na năm bảy tuổi. Tương truyền, ông ta đã bế quan hơn 20 năm để tu Mật pháp. Do vùng Khang Tạng, Hắc giáo (đạo Bon - một tôn giáo bản địa cổ truyền của Tây Tạng, người Hoa thường gọi là Bồng giáo) hoạt động rất mạnh, Nặc Na liền suất lĩnh quân binh đánh nhau với họ nhiều lần nhưng không thắng. Theo môn đồ, để báo thù, ông ta đã lập đàn Đại Phẫn Nộ Kim Cang Pháp trong vòng sáu năm để sát hại năm vị pháp sư của Hắc giáo và hơn một ngàn “thỏ phi” Hắc giáo (Sic! Không rõ đây là loại Mật giáo nào! Nếu là Mật tông Phật giáo thì vẫn phải tuân theo tông chỉ từ bi của Phật giáo. Khi hành nhân Mật tông khởi lên tâm tàn độc, dù đã đạt thành tựu thì những thành tựu ấy đều mất hết! Cũng không thể nào nói “vì tâm từ bi mà sát hại người khác” được!) Tổng đốc Tứ Xuyên thời ấy là Triệu Nhĩ Tôn trọng dụng Nặc Na, giao toàn thể vùng Xương Đô cho Nặc Na cai trị. Sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), Trung Hoa Dân Quốc thành lập, Tây Tạng tuyên bố độc lập, chánh quyền Lhasa muốn tách Xương Đô khỏi ảnh hưởng Trung Hoa. Chính Nặc Na đã cùng với các tướng Bành Nhật Thăng, Trương Nghị Tường v.v. liên minh đánh bại quân đội của Đại-lai Lạt-ma thứ 13. Do Bành Nhật Thăng đột ngột trở giáo đầu hàng quân Đại-lai Lạt-ma, Nặc Na bại trận, phải trốn khỏi Xương Đô, tập hợp tàn quân, liên kết với đại Lạt-ma Giang Kha Tùng Minh tiếp tục đánh nhau với quân Tây Tạng, nhưng lại thua trận, bị giải về Lhasa, bị giam cầm dưới địa huyệt nhiều ngày. Về sau, Nặc Na thừa cơ trốn thoát qua Nepal (Các tín đồ bịa chuyện ông ta dùng thần thông tàng hình ra khỏi nhà lao). Trong quá trình lang thang khát thực, do dùng thuốc chữa lành bệnh cho con gái tiểu vương trong vùng nên được vị vua ấy giúp đỡ đưa sang Ấn Độ. Ở Ấn Độ một thời gian, ông ta ngòi thuyền sang Trung Hoa tới Hương Cảng rồi lên Bắc Kinh vào năm 1924. Nặc Na nhiều lượt đến cầu cạnh Mông Tạng Viện và Chấp Chánh Phủ của Trung Hoa Dân Quốc, xin họ cấp viện binh để giành lại Tây Khang, nhưng do không thông tiếng Hán, quần áo rách nát nên Nặc Na luôn bị đối xử lãnh đạm, xua đuổi. Về sau, gặp được Lý Huyền của Chấp Chánh Phủ giúp đỡ, đưa về sống ở Ung Hòa Cung, tiến cử lên Đại Chấp Chánh Đoàn Kỳ Thụy. Cũng trong năm ấy, do tranh chấp quyền bính với Đại-lai Lạt-ma, Ban-thiền Lạt-ma phải tỵ nạn sang Trung Hoa. Liên kết với Ban Thiền, Nặc Na vận động, dựa vào thế lực quân đội Quốc Dân Đảng, trở về Trùng Khánh (Tứ Xuyên) để mưu chiếm lại Tây Khang. Năm 1928, Nặc Na được chánh quyền Nam Kinh cử làm Ủy Viên của Mông Tạng Ủy Viên Hội tại Bắc Kinh. Rồi được cử làm Tây Khang Tuyên Ủy Sứ vào năm 1935 và mất vào năm sau tại Trùng Khánh trước khi hoàn thành giấc mộng tái chiếm Tây Khang. Hiện thời,

y Nặc Na. Người nghe liền tới hỏi pháp sư Đức Sâm, mới biết bọn họ dựng chuyện bịa đặt. Hiện nay là lúc tà ma xuất hiện trong cõi đời, chúng ta chỉ nên tự giữ đạo mình, quyết chẳng qua lại với họ. Nếu so đo một phen, bọn chúng sẽ càng thêm quấy nhiễu, báng bỏ. Anh là anh, tôi là tôi, anh chẳng phạm đến tôi, tôi quyết chẳng phạm đến anh. Nếu không, chắc chắn chúng nó sẽ muốn bịa đặt, đồn thổi!

[Những sách vở được lưu hành bởi] Minh Thiện Thư Cục do các ông Thái Chân Thân, Trương Tải Dương v.v. thành lập, quá nửa là các kinh sách ngụy tạo. Ai có tinh thần để quan tâm đến chuyện của họ cho được? Nếu Thượng Phong Quan có chánh tri kiến thì quan tâm đến còn có ích. Nếu không, sẽ đâm ra bị hại, sao lại khổ sở muốn tìm chuyện khổ như vậy?

132. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Cung

Năm ngoái ở Đại Sanh, năm nay tại Cư sĩ lâm, hai lượt cảm ứng đều đáng cảm hóa kẻ ngu tục. Phàm làm công đức, vẫn lấy việc tụng niệm Phật hiệu làm trọng, bất tất phải đổi thành niệm kinh Địa Tạng. Một pháp niệm Phật được ích lợi dễ dàng nhất, do kinh văn ít nên dễ niệm. Dầu có người cầm dao muốn giết cũng vẫn niệm được. Hễ niệm liền được lợi ích. Dương Giám Đình ở Tô Châu khom mình chào tên lính Nhật ở cửa thành, trong tâm niệm thánh hiệu Quán Âm, gã lính ấy không thích được cúi chào bèn vung dao chém xuống (đây chính là oan gia đời trước khiến cho ông ta bị toác da đầu), dao chạm đến da đầu liền trượt ngang. Da đầu đã toác, chảy máu rất nhiều, nhưng xương đánh đầu chẳng bị tổn thương mấy may. Nếu lưỡi dao không trượt ngang thì đầu đã thành hai mảnh rồi. Do vậy, biết trong thời thế nguy hiểm nhất, hãy nên lấy niệm Phật làm chánh.

Những kẻ khoe kỳ đua lạ đều chẳng chú trọng cứu khổ nạn, mà chú trọng tỏ lộ chính mình trí thức cao siêu. Các vị Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị trong hội Hoa Nghiêm số đến vô lượng vô biên đều vâng lời Phổ Hiền Bồ-tát dạy, dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Những vị ấy là người như thế nào? Chuyện ấy là chuyện như thế nào? Huống chi bọn ta gặp phải đại kiếp đao binh từ ngàn xưa chưa hề có, há nên đổi niệm Phật thành niệm kinh ư? Tâm Địa Tạng Bồ-tát cứu khổ khẩn thiết, nhưng so với A-di-đà Phật tiếp dẫn lúc lâm chung khiến được vãng sanh thì lại càng thua xa lắm. Vì thế, hãy nên uyển chuyển khuyên Huệ Giáp vẫn chú trọng

những môn đồ của ông ta tạo thành một tông phái riêng với danh xưng Tây Tạng Hồng Giáo Viên Giác Tông. Thủ lãnh hiện thời của giáo phái này là thượng sư Trí Mẫn và Huệ Hoa, hoạt động rất mạnh tại Đài Loan và Bắc Mỹ nhờ tuyên truyền nhị vị Thượng sư có thể chú nguyện khiến cho tín đồ được vãng sanh Cực Lạc, lưu xá-lợi đủ màu. Phái này sùng bái Thượng sư đến mức đặt hình họ ngang hàng với các vị Phật, Bồ-tát trên bàn thờ!

chiếu theo quy cách cũ, vừa dễ làm mà lại lợi ích nhiều lắm! Pháp danh của 13 người được viết trong tờ giấy khác. Đã nhận được món tiền bố thí của ông và của họ, cảm ơn! Nay gởi cho các ông một gói Long Thư Tịnh Độ Văn, tổng cộng là 14 cuốn, nếu ai xem được thì đưa cho họ, bảo họ phải cung kính, chớ có khinh nhờn. Chẳng đọc được thì xin hãy thay Quang tặng cho người khác để tạo phước cho người ấy. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ rày đừng giới thiệu người khác đến quy y vì không có sức thù tiếp. Nay tôi ở Linh Nham, dầu không có một đồng nào cũng sống được, chứ không phải như ở chùa Báo Quốc, mọi người đều do Quang cung cấp.

133. Thư trả lời cư sĩ Lục Bồi Cốc

Bản chú giải Tâm Kinh của Vô Cầu Tử¹⁹⁶ dường như đúng, nhưng thật sự là sai, chớ nên đọc, cũng chớ nên lưu truyền, vì ông ta dùng lời lẽ nhà Thiền để diễn tả pháp luyện đan vận khí, khiến cho những kẻ chẳng biết tông chỉ Thiền gia đi theo con đường luyện đan vận khí, làm người hoại pháp cũng lớn lắm. Căn bệnh như ông nói đó là vì ăn nằm quá độ, do chẳng biết đoạn dục nên thuốc men vô hiệu. Từ nay hãy nên đoạn dục, vợ chồng ngủ riêng, chẳng mấy bữa sẽ thấy công hiệu. Đôi bên đều không xem nhau như vợ chồng, mà nên xem nhau như anh em, hoặc coi như khách khứa, đừng để cho dục niệm chớm nẩy. Nếu ngẫu nhiên khởi lên dục niệm, liền tưởng rắn độc nuốt nam căn của chính mình (Pháp này màu nhiệm tột bậc. Nếu là nữ nhân hãy nên tưởng như rắn độc chui vào nữ căn) thì dục tâm sẽ tiêu diệt ngay!

Sau khi bình phục vẹn mười, hãy nên dưỡng sức thêm bao nhiêu ngày nữa, từ đây càng phải nên điều độ, chớ nên thường ân ái thì mới mong sống lâu, mạnh khỏe được. Nếu chưa được bình phục mười phần, quyết chẳng được nói “bệnh đã khỏe hẳn, ở chung phòng chẳng sao”. Nếu như thế, quyết khó thể mong chi lành mạnh được. Hãy nên nói rõ lời này với vợ. Đây là để lành bệnh, chứ không phải là đoạn dục vĩnh viễn. Cố nhiên, đôi bên hãy nên khuyên nhắc lẫn nhau, chẳng để đến nỗi có khi không nhịn được thì sẽ mau lành bệnh.

Nay tôi gởi cho ông một bao tro hương Đại Bi kèm theo thư, tro này tôi đã dùng chú Đại Bi gia trì hơn bốn ngàn biến. Nếu có thể chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc chắn chẳng mấy chốc sẽ lành. Một bao tro này có thể

¹⁹⁶ Hà Đạo Toàn (1319-1399) là đạo sĩ người huyện Tứ Minh, tỉnh Chiết Giang, sống vào cuối đời Nguyên đầu đời Minh, đạo hiệu là Vô Cầu Tử, còn có hiệu là Tùng Khê Đạo Nhân, vân du đến núi Chung Nam, ẩn cư trên Khuê Phong, viết rất nhiều bản chú giải cho kinh Đạo giáo, được môn nhân sưu tập thành bộ Tùy Cơ Ứng Hóa Lục. Do bản Tâm Kinh Chú Giải của ông ta đã lập lờ giữa Phật học và thuật tu luyện Đạo giáo nên rất nhiều người không xét kỹ cứ tác phẩm ấy như một bản chú giải Tâm Kinh quan trọng.

pha uống được năm sáu chục lần. Nếu sợ phiền phải pha nhiều lần thì có thể lấy một phần sáu lượng tro, bỏ trong bát to, dùng nước sôi để pha, khuấy lên, đợi cho chất tro lắng xuống sẽ gạn lấy nước trong trút vào trong bầu, hoặc trong bình, trong vò, mỗi ngày uống ba bốn lượt. Cần phải ăn chay, hằng ngày thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Nếu thấy hiệu nghiệm lớn lao, lần sau chỉ pha lượng tro vừa đủ dùng do giữ nước lại không thuận tiện bằng giữ tro. Sau khi lành bệnh, đem số tro còn dư treo ở chỗ cao sạch sẽ, hoặc để thờ dưới khám thờ Phật, chớ nên khinh nhờn. Nếu gặp chứng bệnh nguy hiểm liền pha uống, ắt sẽ có thể khỏi tử hồi sinh. Dầu tuổi thọ đã tận, uống vào cũng có lợi ích. Chất tro sau khi pha xong nên thêm nước vào để trát lên nóc nhà, hoặc đổ xuống giếng, chớ nên đổ vào nơi ô uế. Tro này so với nước Đại Bi có công hiệu lớn hơn, vì nước Đại Bi gia trì mấy chục biến hoặc mấy trăm biến liền bị người khác muốn lấy đi, không có nước nào để lâu hơn ba bốn tháng. Tro này chuẩn bị sẵn cho người ở nơi xa chẳng thể gọi nước đến được.

(Ngày mồng 10 tháng 9 năm Ất Hợi - 1935)

134. Thư trả lời cư sĩ Quý Quốc Hương (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang là ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, đối với Thiền lẫn Giáo đều chẳng theo đuổi được, chỉ nương nhờ, quy hướng pháp niệm Phật. Đối với chuyện làm thầy người khác, thật chẳng dám chấp nhận bừa bãi! Cũng có người do làm nghe theo kẻ khác xin đặt pháp danh, Quang cũng ngượng ngùng đáp ứng là vì mong họ sanh lòng tin đối với Phật pháp, gieo thiện căn, chứ không phải là Quang có thể làm thầy người khác được. Còn như các hạ, Thiền - Giáo đều thông, giới hạnh tinh nghiêm, giữ vững tám giới, thường chỉ ăn ngọ. Quang còn chưa thể giữ lệ ăn ngọ được; nếu lúc này mạo muội nhận lời, mai sau chắc ông chẳng tận mặt thóa mạ, ắt cũng sẽ hối hận thuở trước không xét kỹ, đến nỗi đối với chuyện cầu phước điền lại đâm ra trở thành hành động khinh tăng mạn pháp. Vì thế chẳng thể không nói duyên do. Mong ông hãy chuyển sang lễ bái bậc cao nhân ngộ hầu được lợi ích lớn lao.

Lại do ông mong được một lời nói để minh tâm, cũng chẳng dám khinh suất dễ dàng nói ra. Nếu đối với người chưa hiểu Phật pháp mà giảng đại lược lý tánh chắc cũng còn tạm nói được, chứ nói đúng theo sự thật thì minh tâm nhưng chưa đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nào ai dám tự phụ? Do vậy mong các hạ hãy tự xét. Nếu quả thật đạt đến chỗ như Lục tổ nghe câu “không nên trụ vào đâu mà sanh tâm”, cư sĩ Bằng nghe câu “đợi ông một hơi uống sạch nước Tây Giang, ta

sẽ nói cho ông”¹⁹⁷, sư Đại Huệ nghe câu “gió Nồm thổi từ phía Nam đến, điện gác thành mát mẻ”¹⁹⁸ thì mới được. Nếu không, nào dám nói bữa chuyện mình tâm? Quang vốn là một ông tăng kém hèn, chẳng dám nói lời quá lớn, cũng chẳng dám tâng bốc người khác quá mức, vì thế mới nói ra câu đụng chạm này. Còn như sáu bài Bút Ký như ông đã nói thì đều hay cả, chỉ có hai câu của Lục tổ và Thần Tú¹⁹⁹ thì chưa nêu ra điều hại, lẽ tẻ, xin viết thêm vào. Lời của đại sư Tú tuy về mặt ngộ thì chưa ngộ, nhưng nếu y theo đều có ích. Lời của Lục tổ nếu chưa thực chứng mà y theo sẽ bị họa chẳng hạn. Mong hãy rủ lòng xét rõ!

(Viết vào đêm trừ tịch (30 Tết) dưới đèn)

135. Thư trả lời cư sĩ Quý Quốc Hương (thư thứ hai)

Cung kính tượng Phật bằng đất nặn hay gỗ chạm như đức Phật thật, chắc chắn sẽ có thể thành Phật, huống là mong thành tựu những điều khác ư? Quang chỉ là một bức tượng bằng đất, bằng gỗ mà thôi! Ông cứ muốn kính trọng như một vị Phật thì cũng chỉ tùy ông, chứ hình hài đất gỗ vẫn chẳng thay đổi. Sở dĩ ông được tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ là do lòng kính của ông cảm nên. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tu, nghĩa là dùng trí tuệ tu tập pháp tự lợi lợi tha. Chớ nên nghĩ pháp tự lợi lợi tha vừa nói đó là quá lớn, quá cao, quá sâu, nó

¹⁹⁷ Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Bàng Long Uẩn sang Tây Giang tham yết Mã Tổ nói: “Người chẳng cùng với vạn pháp làm bạn là ai?” Mã Tổ Đạo Nhất bảo: “Đợi ông uống một hơi cạn hết nước Tây Giang, ta sẽ nói cho ông nghe.”

¹⁹⁸ Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên, ngài Đại Huệ được nói ở đây chính là ngài Đại Huệ Tông Cảo (1089-1163). Thời bấy giờ, ngài Viên Ngộ Khắc Cần là bậc tông tượng trong nhà Thiền thấy Tông Cảo là pháp khí muốn tiếp độ, bèn nói: “Tăng hỏi ngài Văn Môn: ‘Chỗ xuất thân của chư Phật là như thế nào?’ Đáp: Nước chảy trên Đông Sơn.” Ngài Tông Cảo không đáp được; tham thiền trọn một năm vẫn chưa thấu triệt. Đến một bữa, ngài Viên Ngộ Khắc Cần được một vị quan nhân thỉnh đến dự cỗ chay. Ngài lại giảng: “Tăng hỏi ngài Văn Môn: ‘Chỗ xuất thân của chư Phật là như thế nào?’ Đáp: Nước chảy trên Đông Sơn. Như vậy là Thiền Ninh không nói cạn kể. Nếu có ai hỏi: ‘Chỗ xuất thân của chư Phật là như thế nào?’ Chỉ trả lời: ‘Gió Nồm từ Nam thổi, điện gác thành mát mẻ!’” Ngay khi ấy ngài Đại Huệ Tông Cảo liền triệt ngộ.

¹⁹⁹ Thần Tú (605-706) là thiền tăng đời Đường, người Ủy Thi, Biện Châu (nay thuộc Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Thông thạo kinh sử từ bé, học rộng, nghe nhiều, nhưng chán sớm trần thế, tâm sư học đạo. Sư đến chùa Đông Sơn ở Song Phong, Ngạc Châu, tham yết Ngũ tổ Hoằng Nhẫn, cam chịu nhọc nhằn, làm việc tạp dịch để cầu đạo. Tổ Hoằng Nhẫn cũng rất coi trọng, cử làm thầy giáo thọ cho đại chúng. Do vậy được đại chúng coi là người bậc nhất trong thường trụ, thường gọi là thượng tọa Tú. Năm Thượng Nguyên thứ hai (675) đời Đường Cao Tông, tổ Hoằng Nhẫn thị tịch vào tháng 10, sư sang Giang Lăng truyền pháp tại Đương Dương Sơn, rất được tăng chúng miền Bắc trọng vọng. Võ Tắc Thiên nghe tiếng, triệu vào trụ trì chùa của hoàng cung, xuống chiếu xây chùa Độ Môn ở Đương Dương để làm đạo tràng cho sư hoằng pháp. Sư cũng tâu lên Võ Tắc Thiên xuống chiếu triệu Lục tổ Huệ Năng vào châu, nhưng ngài Huệ Năng cô tịch, viện cớ chỉ có duyên với Lĩnh Nam. Khi sư mất, được triều đình phong tặng thụy hiệu Đại Thông Thiền Sư, trở thành vị thiền sư đầu tiên được triều đình sắc phong. Đạo pháp của sư rất thịnh ở Trường An, Lạc Dương, sư chủ trương thuyết Tiệm Ngộ, nên thường có câu “Nam Đốn Bắc Tiệm”. Môn nhân của sư là Đạo Duệ đã truyền Thiền học sang Nhật Bản sớm nhất. Thế nhưng dòng Thiền của sư chỉ truyền được vài đời rồi suy.

chính là “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương” mà thôi. Nguyên do của nổi loạn lạc cùng cực hiện thời là vì chẳng nói đến nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình mà nên nổi, giáo dục trong gia đình càng phải chú trọng nhân quả báo ứng và dạy dỗ con cái. Ông hãy nên tùy phần tùy sức bảo hết thầy mọi người các sự lý này thì đối với Phật pháp, đối với Nho giáo đều được hữu ích.

Ngộ đạo dễ dàng, chứng đạo thật khó! Người đời nay phần nhiều đều chưa ngộ thật sự, chỉ lờ mờ, phảng phất, biết được chút phần liên tưởng “không có sanh tử để thoát, chẳng có Phật đạo để thành”, mặc sức phóng túng, tương lai đều nằm tù Diêm-la. Đến lúc ấy mới biết cái ngộ (悟: giác ngộ) thuở trước chính là ngộ (誤: lầm lạc) vậy! Ông sau khi đã ngộ được câu “vốn không có một vật” bèn xét kỹ tập khí tam độc chẳng dễ tiêu trừ, quy tâm Tịnh độ để cầu liễu thoát trong đời này, có thể nói là đã có thiện căn từ xưa. Những kẻ thông minh tự phụ chẳng chịu đổ công phu thật sự, rốt cuộc tự thành lừa mình dối người, nào có hạn lượng? Nguyên ông từ đầu đến cuối giữ mãi chí này, cùng với lệnh từ²⁰⁰ và vợ con cùng niệm Di-đà, cùng sanh Tịnh độ, ngộ hậu chẳng uổng phí cuộc đời này và dịp gặp gỡ này.

Ông trên có mẹ già, dưới có vợ con, ngàn muôn phần chớ nên khởi ý tưởng đoạn diệt. Nếu gặp tai họa bất trắc, không tìm được cách nào thì cũng nên chí thành cầu Phật gia bị để mong miễn thoát. Dầu cho định nghiệp khó tránh, cũng nên một niệm dốc lòng thành, liền được tiếp dẫn, chứ đâu phải do bảy ngày không ăn mới đạt được. Đã mang sẵn ý tưởng ấy chính là đã có căn cội ma, cho nên tôi phải nói toạc ra. Hai mươi đồng ông đã gởi sẽ viết thư cho hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình tại Thượng Hải, nhờ sư thay tôi gởi cho ông bốn gói Quán Âm Tụng, ba gói Gia Ngôn Lục, ba gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú. Đợi tới năm sau, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng được in ra, sẽ gởi cho ông một hai gói để giúp dạy dỗ con cái, giáo hóa xóm làng. Tháng 3 năm sau Quang sẽ sang Thượng Hải để hoàn tất việc in sách. Trong mùa thu sẽ làm một kẻ đi khắp Đông - Tây - Nam - Bắc, trọn chẳng có chỗ nhất định để tiện chuyên tâm niệm Phật, khỏi phải thù tiếp thư từ, kéo hồng đại sự của tôi. Sau này, có muốn thỉnh kinh sách, xin hãy gởi thẳng khoản tiền ấy cho hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình bên Trần Gia, Thượng Hải thu nhận, sư nhận được sẽ gởi biên nhận về cho ông, hễ có sách liền gởi ngay. Nếu không có thì phải đợi có sách rồi mới gởi. Đừng gởi tiền sang Định Hải, Ninh Ba khiến mệt trí đến cùng cực!

²⁰⁰ Lệnh từ: Tiếng gọi mẹ người khác nhằm tỏ ý kính trọng.

(Ngày 21 tháng 12)

136. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Bảo Việt

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm kích. Chuyện ấy đã làm mệt trí các hạ, chịu lỗi khôn xiết. Ông Đồi Phù chẳng chú trọng cho đỡ tốn kém, chỉ mong cho tâm nguyện này sớm được hoàn tất mà thôi. Nay đã chẳng thay đổi những gì đã bàn định trước đây, đã cho tiến hành gấp những việc ấy. Vẫn mong không lâu nữa các hạ sẽ lại tiến hành điều tra coi có thực sự in được hay không? Nếu chẳng điều tra, chắc sẽ đến nỗi nói rồi không xét tới, lại cứ chất đồng bỏ đó mà thôi. Còn chuyện in ra sách xong sẽ biếu tặng, Quang thật sự chẳng cần đến, chỉ cần bảo người giao sách tới chùa Thái Bình tiện dịp gởi một phần cho Quang xem là được rồi, không cần nhiều.

Hỏi đến chuyện sang đất Hồ (Thượng Hải) thì sợ không có dịp nữa, Quang đã ngoài bảy mươi rồi, đâu còn được bao lâu nữa, ở yên trong quan phòng đợi chết mà thôi! Nếu ra khỏi quan phòng thì tổn hại cho chính mình, mà cũng vô ích cho người. Do vậy, chỉ mong sớm vắng sanh, chẳng mong tới lui những chỗ đại chúng tụ hội nữa. Nguyên các hạ phát tâm Bồ-đề, hành sự phương tiện, khiến cho con cái phước tuệ ngày càng tăng, có thành tựu lớn lao vậy.

(Ngày mồng 9)

Hôm qua tôi đã đem nguyên thư của ông gởi cho Đồi Phù để ông ta được thỏa lòng khát vọng.

137. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ nhất)

Hôm qua do Phổ Đà chuyển thư đến, biết đất Tấn (Thiểm Tây) của tôi vẫn còn có người phát tâm mộ đạo, tu trì tịnh nghiệp, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Quang sống tại Phổ Đà 37 năm, do tuổi già khó thể thù tiếp, nên tháng 7 năm ngoái xuống núi, tính sang Hương Cảng (hai năm trước đây có đệ tử nhiều lần thỉnh, đã chấp thuận rồi). Bạn bè sợ vượt biển trúng gió, chắc đến nỗi bị tổn thương, giữ lại bế quan ở Tô Châu, hết thầy mọi chuyện bên ngoài đều tạ tuyệt. Các hạ đã đọc Văn Sao, hãy nên hành theo đó thì nhất định sẽ được lợi ích lớn lao. Đừng do đọc kinh Đại thừa hoặc gặp những vị tri thức Tông, Giáo, Mật v.v. liền vui thích sự sâu màu rộng lớn của những pháp môn ấy, và vì nghĩ những khai thị ấy thân thiết, cao xa, huyền diệu, bèn bỏ Tịnh độ để tu hành các pháp môn khác thì sẽ chẳng đến nỗi chỉ gieo nhân liễu sanh tử, quyết khó thể đạt được cái quả liễu sanh tử ngay trong đời này.

Vì sao vậy? Vì hết thầy pháp môn đều cần phải tự lực tu trì đến lúc “nghiệp tận, tình không” rồi mới có thể liễu sanh tử. Nếu không, dầu cho ông công phu sâu xa, kiến địa cao vời, công đức lớn lao, nhưng nếu còn một mảy phiền não chưa đoạn sạch thì vẫn là người trong luân hồi y như cũ. Đã ở trong luân hồi thì người từ mê tiến vào ngộ rất ít, kẻ từ mê tiến vào mê rất nhiều. Lại chẳng biết có còn gặp được Phật pháp nữa hay không? Dầu gặp được Phật pháp mà chẳng gặp được pháp môn Tịnh độ thì vẫn y như cũ, không có thuở thoát khổ. Cậy vào tự lực để thoát sanh tử thì cả cõi đời khó được một hai người thành công; cậy vào Phật lực thì muôn người chẳng sót một ai. Pháp môn Tịnh độ dùng sự tín nguyện trì danh của chính mình để cảm Phật, Phật dùng thế nguyện nhiếp thọ. Ví như ngồi tàu thủy vượt biển, sức của chính mình chẳng thể sánh bằng được. Nhưng đã muốn liễu sanh tử ngay trong đời này thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật.

Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để khuyên hóa cha mẹ, anh em, vợ con, xóm làng, thân thích, bạn bè để bọn họ đều cùng được thấm nhuần pháp, cùng tu tịnh nghiệp thì công đức của chính mình càng lớn, chắc chắn được vãng sanh không nghi ngờ chi. Nếu ngoài mặt tỏ vẻ từ thiện, trong tâm ôm lòng độc ác thì tâm trái với Phật, chắc chắn khó thể vãng sanh. Ví như uống thuốc, chẳng thể uống chung với những thứ kỵ thuốc. Nếu cùng uống sẽ có thể bị mất mạng, không cách chi lành bệnh được. Nay gởi cho ông hai gói sách để làm căn cứ tự hành, dạy người. Quang đã 71 tuổi rồi, tinh thần chẳng đủ, đừng thường gởi thư đến, đã có Văn Sao, Gia Ngôn Lục làm chủ, các sách khác giúp thêm thì cũng chẳng thiếu sót, tiếc nuôi chi! Đây là nói về người thật sự vì sanh tử, chứ nếu muốn làm bậc đại thông gia thì sách trong cả thế gian đều phải nên đọc. Dầu có thể trở thành bậc đại thông gia, nhưng liễu sanh thoát tử đã trở thành vô vọng rồi!

(Ngày 18 tháng Giêng năm Dân Quốc 20 - 1931)

138. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ hai)

Thư và hai gói sách đều nhận được, sau này không cần phải gởi sách xuống phương Nam nữa, vì thiện tín ở phương Nam in sách rất nhiều. Chẳng gởi cho nơi không có sách lại gởi sang chỗ có nhiều sách tức là đã làm chuyện ngược ngao rồi đây. Trong bộ Đạt Sanh Phước Ấu Hợp Biên đã in vào năm trước, ắt có bài Ma Chẩn Bí Phương (toa thuốc bí truyền trị bệnh sỏi). Do vùng Quan Trung chúng ta không có sách ấy nên cũng không mong ông đi kiếm thử. Ông là người đã có tín tâm từ đời trước, muốn quy y thì hãy nên sốt sắng giữ vẹn luân thường,

trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Thường thấy những kẻ học Phật cũng là giả vờ làm, chứ thật ra suy nghĩ, cư xử vẫn chú trọng nơi lợi, nơi dục, vẫn mê nhân mờ quả y như cũ, dối Phật, lừa người. Những kẻ giả thiện ấy quả thật là lũ giặc trong cửa Phật, hãy nên răn dè sâu xa!

Đừng nói “dối với chuyện lớn chẳng thể dối mình, lừa người”, ngay cả nơi khởi tâm động niệm cũng phải chú trọng lòng thành. Nếu có thể chân thành chẳng dối thì lâu ngày chắc chắn được người ta tin tưởng. Người khác đã tin tưởng thì thiên địa quỷ thần sẽ thường che chở, gia hộ, khiến cho thường được tốt lành. Huống chi Phật, Bồ-tát đại từ đại bi có khi nào chẳng rủ lòng từ gia bị ư? Đường bộ ở đất Tần đây kia qua lại bất tiện, thật khó thể hội ngộ với người cùng chí hướng. Hãy nên bầu bạn với cổ nhân và thường đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, An Sĩ Toàn Thư v.v. để giống như được một vị thầy kèm cặp, hằng ngày nhận lãnh giáo huấn, đức sẽ tự tăng tấn. Chớ nên giao du với những kẻ giả vờ là thiện nhân hoặc tu pháp luyện đan vận khí của ngoại đạo để khỏi bị họ lây nhiễm.

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt cho ông pháp danh là Đức Tấn, tấn là tiến lên, nếu có thể nương theo Phật pháp để tu trì liền có thể dự vào bậc thánh hiền ngay nơi thân này, lâm chung lên cõi Cực Lạc, đây gọi là Đức Tấn. Cần phải phát tâm Bồ-đề, tùy cơ khuyên dạy, sẽ có lợi ích lớn lao cho sự tu tập của chính mình. Hãy nên thường nói với bác gái của ông về lợi ích, cách tu pháp môn Tịnh độ, khuyên bà ta đừng học pháp của ngoại đạo, cũng như đừng niệm Phật để cầu phước báo trong đời sau, ngộ hèn bà ta được vãng sanh thì mới thật sự là đại hiếu. Phải biết chuyện liễu sanh tử chẳng thể coi giống như chuyện nhỏ nhặt. Đại Vũ là bậc đại thánh nhân vẫn chưa thể giữ cho cha chẳng bị biến thành con hoàng nai (chữ hùng (熊) đọc thành âm nãi (乃), giọng ngang, [tức là đọc thành nai], chính là con ba ba (cua đĩnh) ba chân. Cũng có người đọc là năng (能), nhưng đa số đều đọc thành nãi, giọng ngang). Suy tưởng đến đây, chúng ta thật sự được may mắn không chi lớn bằng! Cũng nên tùy phần tùy cơ chỉ dạy người em thứ ba của ông.

Từ nay về sau chỉ nên đọc kỹ Văn Sao v.v., chớ nên tự tiện gởi thư đến, vì Quang không có sức chịu đựng. Văn Sao, Gia Ngôn Lục chính là niềm tin chung cho khắp hết thầy những ai chuyên tu Tịnh độ. Nếu học tràn lan các tông thì chẳng phải là đương cơ để bàn luận rồi! Người đời nay nếu chẳng chuyên tu Tịnh độ đâu có thể thông suốt kinh tạng sâu xa, triệt ngộ tự tâm, nhưng sanh tử xảy đến vẫn chẳng sử dụng được gì. Vì sao vậy? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt phải đoạn sạch phiền não hoặc nghiệp thì mới có phần liễu sanh tử. Chỉ thông đạt kinh luận, ngộ rõ tâm tánh, nhưng phiền hoặc chưa đoạn thì vẫn

luân hồi y như cũ. Huống chi kẻ chưa thể thông hiểu sâu xa kinh tạng lẫn tự tâm u? Niệm Phật liễu sanh tử hoàn toàn cậy vào Phật lực, do sức lực của lòng tin chân thật, nguyện thiết tha của chính mình để niệm Phật ngõ hầu cảm được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, vì thế có thể mang nghiệp vãng sanh. Ông hãy dốc chí nhé!

Lại nữa, hôm nay có một đệ tử, nói mẹ và vợ ông ta năm ngoái cùng bị bệnh sốt rét hai ba tháng. Do vậy, tôi nghĩ bệnh này khá độc hại, nay tôi giới thiệu bài thuốc tuyệt diệu trị bệnh sốt rét, mong ông hãy ấn tống lưu truyền rộng rãi, đây quả thật là một đầu mối để lợi người vậy.

(Viết dưới đèn vào ngày 24 tháng 2)

*** Toa thuốc thần diệu trị bệnh sốt rét**

Ô mai (hai quả), hồng táo (hai quả), hồ đậu (một tuổi thì một hạt, người mười tuổi liền viết mười hạt, mười một tuổi liền viết mười một hạt, những người khác từ đây mà suy).

Dùng một tờ giấy trắng viết ba loại ấy, gấp lại, xếp thành lớp. Trước khi bệnh sốt rét phát ra độ một tiếng, tức là một nửa thời thần²⁰¹ - do trong làng quê không có đồng hồ nên phải nói là “nửa thời thần” - quán quanh bắp tay, tức phần trên bàn tay, phía dưới khuỷu tay thì bệnh sốt rét sẽ chẳng phát ra, cũng chẳng cần phải mua thuốc. Chỉ viết tên ba thứ này, quán trên tay là được. Cần phải phân ra “nam tả, nữ hữu”. Lúc quán đừng nói với người khác. Cách này cực hay, được chép phía sau bộ An Sĩ Toàn Thư, do chữ quá nhỏ, sợ người ta chẳng để ý đến nổi chẳng được lợi ích thật sự.

139. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ ba)

Nhận được thư mấy hôm trước, gặp đúng lúc phải giao chánh sách cho người bạn. Hơn nữa, người bạn ấy đã định ngày trở về (người ấy ở Tô Châu nói mồng 1 tháng 4 sẽ đi, cuối tháng 3 đã phải giao sách) nên phải căn theo kỳ hạn ấy để giao phó, khá là bận bịu, chẳng rảnh rang để phúc đáp được. Tiếp đó là ảnh chụp được gởi tới, rồi đến bột sen để điểm tâm được gởi đến. Trong thư có bưu phiếu 12 đồng, đều nhận được cả rồi. Mười mấy hôm trước, tôi đã bảo gởi thêm mười gói sách, chắc ông đã nhận được rồi. Ông thật chẳng biết thời thế, từ xa mấy ngàn dặm gởi thức ăn đến, đôi bên mất công, phí tiền, rốt cuộc có ích chi đâu? Chỉ xé cái bao này không thôi đã tốn khá nhiều thời gian rồi; hộp đựng điểm tâm và món điểm tâm đều bị ép nát nhừ. Mấy chục năm qua, Quang chẳng thích ăn những thứ

²⁰¹ Ở Trung Hoa thời xưa chia một ngày đêm làm mười hai phần, mỗi phần đó gọi là một thời thần (hoặc gọi tắt là thời). Mỗi thời thần bằng hai tiếng đồng hồ hiện thời và được gọi tên theo địa chi (tý, sửu, dần...)

lặt vặt, hễ có ai tặng cho bột ngó sen, bột sắn dây, chưa hề pha tới, đem biếu hết cho mọi người dùng. Từ đây về sau, muôn phần xin đừng đem những chuyện này khuấy nhiễu tôi. Nhà ông có cửa ăn của để, sao lại vì nhận chức Khu trưởng mà đến nỗi kết oán với bọn nhỏ nhen, gây hại cho mai sau? Nay may mắn vì niệm Phật mà từ chức, đây cũng là do đức Phật mở cái tâm cho ông, bảo vệ gia đình ông, hãy nên sanh lòng cảm kích, thật tâm tu trì. Chớ nên hữu danh vô thật, hoặc cầu hư danh thì lợi ích chẳng cạn đâu!

Nếu muốn đề xướng, hãy nên biết cái thân là gốc. Nếu chính mình có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phần, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, lại còn bảo những ai thông hiểu văn lý đọc các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục, An Sĩ Toàn Thư v.v. và kể với họ những chuyện niệm Phật cảm ứng trong cõi đời gần đây. Bọn họ lặn sâu chất độc của bọn Âu, Hàn, Trương (Hoành Cừ)²⁰², Trình, Chu, Lý (Nhị Khúc)²⁰³, do vậy cũng chẳng thể không dần dần chuyển biến tà chấp của bọn họ để lòng họ hướng về chánh pháp. Điều quan trọng là làm cho hết thầy nam nữ ai nấy ở trong nhà mình thực hành đạo “giữ vẹn luân thường, niệm Phật”. Đừng học theo thói của những kẻ đề xướng hiện thời: Trước hết xây dựng một cơ sở kiến trúc lớn lao, tốn kém chẳng ít, kêu gào người khác quyên tiền, người ta chẳng bội phục cho lắm. Huống hồ sự việc lớn lao, không có người trông nom sẽ không được. Muốn người thì lương bổng phải lấy từ tiền quyên mộ, sẽ thành trở ngại lớn. Quang nói với ông một biện pháp tuyệt diệu nhất: Ở trong thôn hoặc chính mình có căn nhà trống thì dùng nơi đó để lập một cơ sở. Nếu không, thì một ngôi miếu hoặc từ đường ở

²⁰² Trương Hoành Cừ (1020-1077), tên thật là Tải, tự Tử Hậu, sống vào thời Bắc Tống, được người đời gọi là tiên sinh Hoành Cừ, chủ trương quân sự hóa dân chúng, là một nhà tư tưởng thuộc phái Lý học vùng Quan Trung. Cũng giống như các nhà Lý học khác, Trương Tải chủ trương bản thể của vũ trụ là khí, do khí tụ tán mà có sanh diệt, tạo thành các sự vật hiện tượng. Tuy không nổi tiếng bằng Chu Hy và anh em Trình Hạo, Trình Di, Trương Tải cũng kịch liệt bài bác Phật giáo lẫn Đạo giáo là hư vô. Ông ta chỉ tin tưởng vào vật chất hiện hữu trước mắt nên được mệnh danh là triết gia thuộc trường phái duy vật. Câu nói đặc trưng cho quan điểm của ông ta là: “Tạo hóa tạo ra mọi vật không gì chẳng giống nhau. Nhưng vạn vật tuy nhiều, thật sự không có vật nào ra ngoài âm dương. Do vậy biết rằng trời đất biến hóa chỉ do hai đầu mối ấy mà thôi!”

²⁰³ Lý Nhị Khúc (1627-1705), tên thật là Ngung, tự Trung Phù, Nhị Khúc là hiệu, người huyện Châu Chí tỉnh Thiểm Tây. Xuất thân bản hàn, do chăm học nên thành đạt, cùng với Hoàng Tông Hy, Tôn Kỳ Phùng được coi là ba đại danh Nho vào thời Minh - Thanh, được vua Khang Hy ban tặng mỹ hiệu Quan Trung Đại Nho. Ông đề cao tư tưởng trọng lễ, cho rằng chỉ có Nho giáo mới đem lại trật tự cho xã hội loạn lạc vào cuối đời Minh. Do quá trọng lễ, ông trở nên chú trọng lễ nghi đến mức phô trương phù phiếm, đề ra những nghi thức tang lễ, cưới hỏi, giỗ chạp rườm rà, trịnh trọng quá mức. Đến giữa thời Thanh, những nghi lễ do Nhị Khúc đề xướng được áp dụng khắp xã hội. Đã thế vào mỗi dịp năm mới, các vị thông thạo về lễ trong toàn huyện đều nhóm về huyện lỵ để diễn tập, bàn định lễ nghi, quy định nhạc khúc thống nhất nhằm tiêu chuẩn hóa lễ nhạc. Từ quan điểm tốt đẹp đề cao luân thường đạo lý ban đầu, rốt cuộc biến thành lễ nghi cứng nhắc nhằm mục đích phô trương, hoàn toàn chẳng có lợi ích gì!

vùng phụ cận đều được. Mượn chỗ ấy để tiến hành, dùng bảng hiệu linh động, có thể treo lên hoặc gỡ xuống dễ dàng.

Ước định mỗi tháng một lần, giảng nói cách tu và lợi ích của Tịnh độ ở cơ sở ấy. Tuy chẳng thể cự tuyệt nữ nhân, nhưng ai tuổi tác quá nhỏ thì xin họ đừng đến nghe để người ngoài khỏi sanh lời bàn tán, hoặc đến nỗi bọn cuồng đồ do vậy sanh sự. Ngoài ra, nếu ông không phải chuyên lo nghề nông, nghề buôn, nếu có một hai gia đình tin tưởng, muốn cho thân quyến thuộc phái nữ của họ đều được hưởng lợi lạc nơi pháp thì sẽ ước định kỳ hạn để mời đến nhà người ấy giảng diễn pháp môn Tịnh độ cho các bà, các cô. Gia đình đứng ra thỉnh phải có người đàn ông đã đủ độ tuổi hiểu biết thì mới nên nhận lời thỉnh. Nếu chỉ có nữ nhân, hoặc bé trai, hoặc ông già chẳng thể đi đứng được thì đều chẳng nhận lời thỉnh. Loại giảng diễn ấy chớ để cho người ngoài đến dự, chỉ hạn chế trong vòng gia quyến của người đứng ra thỉnh và người trong nhà họ cùng thân quyến mà thôi.

Đến nhà ấy, hãy nên lập một pháp vị (chỗ để giảng pháp), không cần phải bày tượng Phật, chỉ cần coi chỗ ấy như là chỗ đức Phật ngự, liền hướng về chỗ ấy đánh lễ một lạy, bảo người nghe cũng lễ một lạy, rồi liền ngồi diễn thuyết. Nói xong, ra trước pháp tòa lễ một lạy, cũng bảo người mời ông đến giảng và người nghe giảng lễ một lạy, không ăn uống, không nhận cúng dường, như thế mới khỏi bị dị nghị. Về sau, nếu có ai muốn làm thì cũng phải giống như thế. Liên xã ấy nên đặt tên là liên xã Đôn Luân. Phàm những ai dự vào liên xã ấy và người diễn thuyết đều phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận. Gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy đều trọn hết thiên chức của chính mình. Làm cha mẹ dạy dỗ, uốn nắn con cái quả thật là căn bản để thiên hạ thái bình. Muốn cho ai nấy trọn hết bốn phận mà không sót sáng đề xướng nhân quả báo ứng, chắc chắn sẽ chẳng có hiệu quả thật sự. Ông làm được như thế ắt sẽ có người khác nhìn theo làm lành.

Ngoài ra, chớ nên nắm núm đồng môn lung tung, dẫn bọn họ lấy tình đồng môn đến thăm hỏi, cũng đừng giao thiệp với họ ngay, vì hiện thời những kẻ giả danh người lành đông lắm. Nếu giao du bừa bãi, ắt sẽ mang lụy. Lời tựa và bạt cho liên xã, đợi khi rảnh rồi sẽ viết rồi gửi đến. Đối với hai người em trai, ông nên đưa thư cho họ đọc trước, cho biết vì sao ông đã thay họ xin quy y. Trước hết, đem pháp danh gửi đi, bảo họ gửi thư đến lễ tạ để tôi tiện thể ban lời khai thị chân thật. Nếu trọn chẳng có may mắn sắp đặt nào mà tôi liền gửi lời khai thị tới ngay, sợ họ sẽ chẳng nghe, lại còn thiếu sót lễ tiết nữa. Nếu họ gửi thư đến, phải dùng danh xưng “đệ tử Ninh... pháp danh Đức... đánh lễ”. Chuyện ấy cố nhiên không cần phải nói nữa. Nhưng có kẻ chẳng biết thời thế, muốn cầu quy y mà vẫn chẳng

chịu dùng một chữ khuất mình, trở thành khinh pháp mạn người. Nếu chấp nhận cho kẻ ấy quy y thì đôi bên đều bị mắc lỗi. Quang già rồi, chớ nên thường gởi thư đến, những điều tôi đã nói với ông, hãy tham khảo thêm những điều đã nói trong Văn Sao để châm chước mà làm. Đợi sau này, Chánh Tín Lục được in ra, sẽ gởi bao nhiêu đó cuốn để làm cho những kẻ lạm sâu thuốc độc đều ói sạch cả ra, để làm một nhà Nho chân chánh mới mẻ.

Bọn Trình - Chu không chỉ trái nghịch Phật pháp mà còn hoàn toàn trái nghịch tâm pháp của thánh nhân. Những kẻ phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu, không biết hổ thẹn, giết cha, giết mẹ ngày nay đều do bọn Lý học đả phá nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi mà ra. Họ cho rằng “có làm điều gì để làm lành thì chính là ác”; ngăn cản cái tâm vui mừng hâm mộ làm lành của người khác. Họ cho rằng “con người chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán”, tức là mở ra con đường không kiêng sợ cho người khác. Thật ra, họ muốn đối nghịch đức Phật để Nho giáo được hưng thịnh lớn lao, chẳng biết Nho giáo bởi đây mà bị diệt vong, chẳng đáng buồn sao? Nhưng ông học vấn chưa rộng lớn, hãy cứ sốt sắng đề xướng pháp môn Tịnh độ, còn những chỗ đả phá bài xích Lý học hãy để từ từ. Nếu không, chắc sẽ bị bọn hẹp hòi câu nệ ám hại ngầm, chẳng thể không biết điều này. Mong hãy sáng suốt soi xét!

Tôi một bề chẳng so đo, cứ tiện tay dùng giấy để viết nên khổ giấy lớn nhỏ bất nhất. Tờ giấy này dùng để dán vào cửa kiếng trong mùa đông vừa rồi, vứt đi cũng đáng tiếc, vì thế dùng để viết thư cho kẻ tri kỷ. Người em thứ hai tên là Trung Vũ, pháp danh là Đức Hằng, nếu con người “vô hằng” (không có ý chí chẳng đổi dời) thì chẳng những không thể học Phật mà cũng chẳng thể làm người. Hãy nên dùng hằng tâm để nghiêm túc giữ luân thường đạo lý hòng trọn hết bốn phận làm người. Lại còn dùng hằng tâm kiên thành tu pháp môn Tịnh độ để thực hiện đạo “tự lợi lợi người” thì gọi là Đức Hằng. Người em thứ ba tên là Hiến Vũ pháp danh là Đức Phục. Bản tâm của chúng ta cùng bản tâm của Phật không hai, do mê muội nên ngược ngạo làm chúng sanh. Nếu có thể tận lực thực hành đạo “giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận” và pháp tín nguyện niệm Phật, sẽ khôi phục nguồn tâm sẵn có, tức là như câu nói “thánh do mất niệm mà thành cuồng”, nay vẫn dùng cái tâm này để cầu ngược lại, liền có thể khôi phục được nguồn tâm sẵn có, tức là “khắc niệm thành thánh” vậy. Xin hãy sao lại những điều này, gởi sang cho họ.

(Ngày mồng 3 tháng 4 năm Dân Quốc 20 - 1931)

140. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ tư)

Bài tựa duyên khởi cho liên xã Đôn Luân²⁰⁴ đã soạn xong gồm 868 chữ. Văn tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ kinh Phật, lời tỏ, thật đáng để nương theo, trọn chẳng có nghĩa nào đáng ngờ. Hãy nên thỉnh người viết chữ đẹp viết theo lối chữ khải. Nếu dùng lối nửa chữ hành, nửa chữ thảo, chen thêm kiểu chữ lệ, chữ triện v.v. thì chỉ có thể làm vật gây vướng mắt cho người đọc, chứ không thể dùng làm căn cứ để lợi người. Vì thế, muốn cho hết thấy mọi người dễ xem đến đều cùng hiểu rõ ngay, chắc chắn chớ nên dùng những kiểu chữ hành, thảo, triện, lệ! Hơn nữa, mỗi chữ đều viết theo lối chánh thể, phàm những lối tục thể, thiếp thể, phá thể đều thuộc loại khinh nhờn, thiếu trang trọng, cũng chớ nên dùng.

Lại có những người viết chữ thuê thường viết thừa nét hoặc viết thiếu nét các chữ, nhưng đều chẳng chịu sửa đổi, chỉ ghi chú ở cuối bài, những lỗi viết ấy cũng đều chẳng đáng để noi theo. Hễ sửa cho đúng thì văn lẫn nghĩa đều rõ ràng. Bọn họ chỉ mong cho đẹp mắt, không màng tới văn nghĩa, đấy chính là thói xấu của bậc đại thông gia. Nếu chữ nhiều thì dùng một chấm to chấm trên mỗi chữ, hoặc dùng một hình tam giác (Δ) để đánh dấu bên cạnh. Nếu sót chữ thì viết chèn vào chỗ giao nhau giữa chữ trên và chữ dưới để vừa nhìn liền biết ngay. Hơn nữa, hãy nên chấm câu để ai nấy đều đọc thành câu trọn vẹn. Nếu chẳng chấm câu, lại gặp phải người chưa hề nghe đến Phật pháp sẽ thật khó thể lãnh hội được ý nghĩa lời văn. Đối với những nghĩa được nói và người được nói trong bài văn ấy, hãy xem nhiều trước thuật Tịnh độ sẽ tự biết. Do tinh thần không đủ nên chẳng thể sao chép cặn kẽ cho ông được. Bốn vị đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiếu, Phi Tích, Huệ Nhật đều là bậc hoàng dương Tịnh độ ở đất Tần²⁰⁵ vào đời Đường. Muốn biết tường tận hãy nên tra trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục sẽ tự biết.

(Mùng 5 tháng 5)

141. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thứ thứ năm)

Mùng 3 tháng này nhận được thư ông, biết ông vẫn chưa nhận được bài tựa cho liên xã Đôn Luân được gửi bằng thư bảo đảm ngày mùng 5 tháng 5, vì thế không trả lời ngay, chờ nhận được tin hồi báo rồi sẽ trả lời. Nay đã mùng 9 mà vẫn chưa nhận được tin, sợ bị thất lạc rồi, hoặc đã quên ghi. May là lần này vẫn còn giữ bản nháp. Nếu chưa nhận được, xin hãy nói rõ cho biết, sẽ sao lại gửi đi. Người em trai thứ tư của ông tuổi còn thơ bé đã muốn xin quy y, tánh tình minh

²⁰⁴ Xin đọc “Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Đôn Luân” (được đánh số 73) trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 3.

²⁰⁵ Bốn vị này đều hoàng pháp tại kinh đô Trường An đời Đường. Trường An nay là thành phố Tây An thuộc tỉnh Thiểm Tây.

mẫn, nếu chẳng giữ nét khiêm tốn thì chẳng những không được ích mà ngược lại còn bị hại. Những kẻ thông minh xưa nay phần nhiều đều mắc họa, vì thông minh là do cậy mình thông minh rồi khinh người miệt thánh, hoặc báng Phật hủy pháp, hoặc làm lạc nẩy sanh ý kiến ước đoán, cầu mong danh lợi trong đời này và hư danh sau khi đã chết. Chẳng biết đã thiếu đức khiêm cung thì thiên địa quỷ thần đều ghét, hướng chi con người? Vì thế, thường đều trở thành phùng cuồng vọng, hoặc trở thành lũ gian ác. Nếu giữ lòng khiêm cung thì càng thông minh càng có lợi ích thật sự, ắt sẽ có thể nghèo cùng thì riêng mình thiện, hễ hiển đạt thì làm cho người khác được cùng thiện. Huống hồ có thể nương theo pháp môn Tịnh độ trong Phật pháp để tự lợi lợi tha ư?

Con ông sẽ có pháp danh là Tông Tâm, cháu ông sẽ có pháp danh là Tông Huệ. Do có thể chú trọng cái gốc nơi tâm, nơi tuệ thì ruộng ấy sẽ thu hoạch được. Nhỏ là hiền nhân, thiện nhân trong thế gian; lớn là thánh nhân xuất thế gian, do chính mình có siêng năng cày cấy hay không và cày cấy có đúng cách, có được hạt giống tốt nhất hay không? Thầy Minh Đạo là đệ tử của người bạn Quang là sư Chân Đạt, trước đây cũng quy y với Quang. Nhưng Quang thì chẳng thu nhận đồ đệ, nên theo xuất gia với người bạn. Hoàng Hàm Chi bạn bậu gần chết, đừng gởi thư cho ông ta. Lời đề bạt cho Tam Dư Đường²⁰⁶, trong nhất thời trọn chẳng có lúc rảnh rỗi. Phàm diễn thuyết đều có chuyện lập pháp tòa, nhưng người nói đứng, kẻ nghe ngồi, chẳng những không hợp nghi thức mà còn kẻ mệt nhọc, người nhàn nhã quá mức, quyết chẳng thể theo cách ấy được. Hãy nên ai nấy cùng ngồi để nói, để nghe. Nhiều Phật nhưng không thể nhiều quanh Phật, chỉ có thể nhiều quanh trước Phật thì cũng giống như nhiều quanh đức Phật. Niệm ra tiếng hay niệm thầm đôi dường đều có ích; nhưng niệm rõ tiếng chẳng thể niệm lâu được, hãy nên phần nhiều chủ yếu là niệm thầm thì chẳng đến nỗi bị tổn thương thành bệnh.

Chữ Nam-mô cả cõi đời đều đọc là Nạp-mô (Namó), sao ông lại chiếu theo âm gốc của mặt chữ để đọc²⁰⁷. Công đức niệm Phật vô lượng vô biên, chẳng thua công đức niệm kinh. Giảm thọ để cầu phước thọ khỏe mạnh, bình yên, sao bằng khuyên người ta niệm Phật ăn chay, cầu sanh Tây Phương chẳng tốt hơn hay sao? Toa thuốc trị bệnh sỏi đã gởi trước kia, tôi đã bảo một danh y xem xét, ông ta nói toa thuốc ấy tuy hay nhưng cần phải xét coi bệnh tình như thế nào; nếu nhất loạt

²⁰⁶ Đây chính là bài “Luận về tên gọi của Tam Dư Đức Đường” (bài số 17 thuộc phần Tập Trước) trong Ấn Quang Văn Sao Tục Biên quyển 3.

²⁰⁷ Do chữ Nam-mô (南無) là phiên âm từ xưa của chữ Namo tiếng Phạn (do trước thời Tống, chữ vô vẫn đọc với vận mẫu m). Vì vậy, các bản kinh sách thường dùng chữ Nạp-mạc (納莫: Namó, thường đọc trại thành Nạp-mô) hoặc đề chú âm cách đọc cho đúng chữ Nam-mô. Ông Ninh Đức Tân chấp chặt vào mặt chữ nên đọc là Nam-vô (Nánwú).

sử dụng cũng có khi bất lợi. Vì thế chẳng cho in vào cuối sách Đạt Sanh Biên nữa. Hiện nay, hơi khó hiện được thân tể quan²⁰⁸; nếu có thể kiếm sống, sẽ không coi làm quan là cao cả nhất. Lời ông nói tựa hồ có lý, nhưng thật ra tẻ vô cùng. Cần phải phân biệt thân sơ, gần xa, rồi mới đối xử bình đẳng với hết thầy thì rất tốt. Nếu từ trước đến nay chẳng phân biệt thì không đủ sức để lo liệu thấu đáo, ắt sẽ coi thân giống như sơ, sẽ trở thành người chẳng bằng cảm thú. Từ nay trở đi, ông ăn nói phải chằm chước cẩn thận. Nếu không, sẽ mang tội khiến cho người khác bị lầm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu, há nên nói rồi tung đao lý hay sao? Những kẻ phé bỏ luân thường hiện thời nói cha và con gái, mẹ và con trai đều có thể tự do luyến ái, cũng là ăn nói đảo loạn đạo lý, do thói tẻ tự cho mình là đúng mà ra. Cõi đời rối loạn là vì chẳng biết nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi; nếu như thật sự biết, đâu dám mặc tình làm càn để đời đời kiếp kiếp mang họa?

Bài văn của Lưu Bá Ôn²⁰⁹ chính là bài văn hết sức phàm tục, thiên cận; tuy nói có vẻ có lý, nhưng Huyết Bồn Kinh do tăng sĩ thô tục ngẫu tạo để dụ dỗ kẻ ngu tục. Ông ta quả quyết đây là kinh Phật, quả thật đã bộc lộ sự hiểu biết thiếu rộng rãi. Những điều khác đều là cưỡng nói đạo lý, so với bọn Tống Nho đã phá bài xích nhân quả luân hồi thì đều cùng có tác dụng khiến cho những gã Nho sĩ chẳng cao minh mà muốn làm ra vẻ cao minh cùng bị hãm trong hàm sâu tà kiến nhưng vẫn chẳng biết. Nay có sách Chánh Tín Lục có thể chuyên trị căn bệnh của Tống Nho. Chất độc Tống Nho đã tiêu thì bài văn ấy của Lưu Bá Ôn có còn giá trị để nhắc tới nữa hay không? Sách ấy đã được sắp chữ xong xuôi, cuối tháng 7 hoặc sau Trung Thu sẽ gởi cho ông vài gói. Sách này được in bằng loại giấy in báo dày bốn mươi mấy trang, phỏng định giá tiền chừng khoảng năm xu một cuốn. In trước một vạn bản. Nếu muốn tiêu chất độc Tống Nho, chỉ có sách này là hợp thời cơ nhất.

²⁰⁸ Chữ tể quan được hiểu theo ba nghĩa:

1. Tể quan là quan Trùng tể thuộc đời Chu, còn gọi là Thái tể, hoặc còn gọi đầy đủ là Thiên quan trùng tể, được lập ra dưới thời Tây Chu, vị trí thấp hơn Tam công, nhưng đứng đầu lục khanh. Sách Thượng Thư giảng: “Trùng tể nắm quyền cai trị đất nước, thống lãnh bá quan, trông khắp bốn biển.” Khi vua còn thơ ấu, Trùng tể nắm quyền nhiếp chánh.

2. Là từ ngữ chỉ chung các quan chức.

3. Dưới thời Thanh, chữ tể quan hầu như thường dùng để chỉ quan huyện. Lương Chương Cự (một danh sĩ cuối đời Thanh) thường dùng chữ tể quan theo nghĩa này trong các tác phẩm của ông, như trong tập Quy Điền Tỏa Ký: “Ngày tôi ở Tô Châu, tới bái kiến huyện lệnh đất Ngô, ông ta nói: Ta đỗ tiến sĩ ba chục năm trước, cho đến khi đây nắp hòm vẫn mang thân tể quan” (ý nói chỉ làm tới chức quan huyện mà thôi).

Theo mạch văn, chữ tể quan ở đây được hiểu theo nghĩa thứ hai.

²⁰⁹ Tức bài Thư Lưu Vũ Trù Hành Hiếu Truyện Hậu (viết sau cuốn Hành Hiếu Truyện của Lưu Vũ Trù), ghi những cảm nghĩ của Lưu Bá Ôn (Lưu Cơ) về tác phẩm Hành Hiếu Truyện.

Tâm niệm của ông cao đến độ những gì thánh nhân đã lập ông cũng không vừa ý, thấp thì cứ muốn hiện thân cứu người trong cõi đời cực loạn này. Ấy đều là do chẳng lượng sức mình, cho nên mới có những thứ tri kiến, mong mỏi ấy. Thầy Minh Đạo bữa sau đi Thượng Hải, tôi bảo đem gởi Linh Phong Tông Luận²¹⁰ cho ông. Tô Châu Kinh Phòng không có sách ấy. Ông xin khởi sự đặt ra thể lệ chọn pháp danh, kê ra mấy chục chữ húy, để sau này nếu có ai xin quy y thì phải dựa theo đó đặt pháp danh để khỏi phạm húy, Quang cũng không có lòng dạ đâu mà nhớ những chuyện ấy của ông. Ông lại còn đề nghị những pháp danh đã đặt cũng đều phải kê khai hết để khỏi đến nỗi đặt tên trùng lặp. Quang đã không có môn đình, nên chẳng nghĩ đến thường trụ. Tất cả những người quy y, ngoại trừ những ai thường gởi thư đến hoặc có chuyện dính líu tới, đều nhất loạt chẳng ghi sổ.

Ông viết thư nói dùng một trăm đồng để in một ngàn bộ Đạt Sanh Biên, lại dùng mười đồng biếu Quang xài vật, lại đem mười đồng để Hoàng Hóa Xã ấn tống những văn bản phát nguyện giữ giới. Số tiền còn dư lại đều dùng hết để in Gia Ngôn Lục, số sách được in ra ấy sẽ được giữ tại Hoàng Hóa Xã để tặng cho người khác, hoặc căn cứ theo số lượng để gởi sang huyện Hộ²¹¹. Sao ông chẳng biết tính toán như thế? Đủ biết rằng ông cũng mắc bệnh nói lời chẳng thật! Tôi không trách ông nói lời ấy chẳng thật, nhưng quả thật sợ ông trong hết thấy cách cư xử đều phạm phải cái bệnh hư trương thanh thế này. Món tiền một trăm đồng ấy, trừ đi khoản tiền dùng để in một ngàn cuốn Đạt Sanh Biên và chi phí gởi đi, lại trừ ra hai chục đồng thì số còn dư cũng chẳng được mấy mà vẫn dùng kiêu ăn nói lớn lối đó ư? Tôi biếu sách cho người ta cũng chẳng dám ăn nói lớn lối với người ta, chỉ sợ người ta nói tôi mang tâm kiêu căng. Nếu người khác phạm phải bệnh này, tôi cũng không nói. Do ông có lẽ cũng muốn là người tận tụy thực hành, do chuyện này chắc bạch khuê²¹² có vết, nên chẳng thể không nói. Pháp danh hay bút danh có gì mà không viết được? Trang đầu tiên viết: “Đặt pháp danh cho hai đứa em trai khiến chúng cùng nhờ ơn Phật được thấm đẫm pháp nhuận. Ân đức tốt cùng, dầu trời che đất chở cũng khó thể sánh ví được muôn một”, sao mà chuộng những câu chữ rỗng tuếch đến thế? Cái thói ấy chắc chỉ có thể sử dụng

²¹⁰ Linh Phong Tông Luận còn có tên là Ngẫu Ích Đại Sư Tông Luận, Ngẫu Ích Tông Luận, hoặc Linh Phong Ngẫu Ích Đại Sư Tông Luận, gồm 10 quyển, do Thành Thời đời Minh biên tập, tập hợp đủ mọi thể loại như nguyên văn, pháp ngữ, văn đáp, sớ, truyện v.v.. Qua những tác phẩm ấy có thể thấy được quan điểm, nhận định về các tông của đại sư Ngẫu Ích nên mới gọi là Tông Luận.

²¹¹ Hộ là tên một huyện đã từ thời cổ ở Thiểm Tây, thuộc vùng phụ cận thành phố Tây An (cố đô Trường An), dựa lưng vào núi Tần Lĩnh, phía nam sông Vị, thuộc phía Đông của Tây An. Đất Hộ vốn có tên cổ là Hồ Thị Quốc được thành lập vào thời nhà Hạ, đến đời Tần đất Hồ bị đổi tên thành Hộ.

²¹² Bạch khuê là một loại ngọc trắng ngần, thường được cắt thành miếng mỏng để làm đồ trang sức.

được trước mặt hoàng đế vào thời đại chuyên chế mà thôi, còn sử dụng vào những chỗ khác sẽ chẳng thành lời lẽ gì đâu!

(Viết dưới đèn ngày mùng 9 tháng 6)

142. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ sáu)

Thư trước gửi cho thầy Minh Đạo và khoản tiền gửi cho Quang, cũng như thư sau gửi cho Quang đều nhận được cả. Tôi vốn muốn trả lời ngay, nhưng do trong cuốn Tây Phương Công Cứ, phần Sáu Phương Phật trong kinh Di-đà bị sót mất 20 chữ “Xá-lợi-phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh” mà mấy người giáo chánh đều không trông thấy. Quả thật là nghiệp chướng tâm nhãn, khiến trở thành tội lỗi lớn lao! Hiện thời đã in riêng một bản gồm ba trang, đã in được sáu ngàn bản, đều in theo kiểu để cắt dán vào chỗ bị thiếu, khi in xong sẽ gửi đến. Ở chỗ ông có hai gói sách, phàm những cuốn tự giữ và đã tặng cho người khác, mỗi cuốn đều dán cẩn thận hòng khỏi bị tội bỏ sót kinh văn. Sau này, khi bản đính chính ấy được in ra sẽ gửi đi, không phải viết thư nữa.

Nói đến tạt dịch, hãy bảo mọi người đều cùng ở trong nhà của chính mình niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, sáng tối đến Phật đường lễ bái bao nhiêu đó lạy và niệm bao nhiêu đó câu. Ngoài ra, bất luận đi, đứng, nằm, ngồi và làm hết thấy chuyện, trừ lúc viết văn, tính sổ phải dụng tâm ra, khi làm hết thấy mọi chuyện khác đều nên niệm. Niệm khi ngủ thì nên niệm thầm trong tâm. Nếu áo mũ chỉnh tề, tay và miệng rửa súc sạch sẽ rồi, niệm ra tiếng cũng được, niệm thầm hay niệm nhỏ tiếng đều được. Nếu ngủ nghỉ hoặc lúc mới dậy, áo mũ vẫn chưa chỉnh tề, hoặc khi tắm rửa, tiêu tiểu, hoặc đến chỗ không sạch, niệm thầm trong tâm cũng có công đức y hệt như vậy. Nếu niệm ra tiếng sẽ chẳng hợp nghi thức. Ví như đứa trẻ nhớ mẹ, trong suốt một ngày, không lúc nào chẳng nghĩ nhớ đến mẹ. Dẫu khi ngủ nghỉ, tắm rửa, tiêu tiểu, há để cho trong tâm hoàn toàn quên mất chuyện niệm Phật. Đã nhớ được vô ngại thì niệm thầm trong tâm cũng vô ngại. Người tuy chỉ ngu cũng không ai chẳng sợ chết! Niệm Quán Thế Âm có thể được ngài che chở khỏi bị lây bệnh dịch ác nghiệt ấy. Nếu dạy hết thấy mọi người trong một ngày hễ thuận tiện bèn niệm thì tiếng niệm Quán Âm sẽ vang khắp ruộng đất, đường sá.

Ông chỉ biết đôi trước Bồ-tát niệm, nếu vậy thì có mấy người niệm được? Ai lại có thể quỳ niệm năm trăm câu? Pháp niệm Phật thì trước hết là đứng niệm bài kệ tán Phật rồi niệm danh hiệu, đến câu thứ hai liền đi nhiễu. Nếu là chỗ rộng rãi thì đi nhiễu quanh, chỗ chật hẹp thì đi theo đường thẳng. Nhiễu quanh thì đi từ

Đông qua Nam, sang Tây, lên Bắc. Đi nhiều thẳng thì từ vách này bước thẳng tới trước, đến vách đối diện lại quay đầu bước trở lại nhưng cũng cần phải theo quy củ từ Đông sang Nam qua Tây lên Bắc để xoay mình, chớ đừng từ Đông sang Bắc, sang Tây, rồi về Nam, đấy gọi là đi ngược, phạm lỗi!

Kệ hồi hướng rộng lớn vô ngại, đọc bài kệ ấy thì có gì là không được, nhưng quý niệm năm trăm câu thì chắc chắn không được, do người ta phần nhiều không thể làm như thế được, hoặc làm lâu ngày sẽ thành bệnh. Đang trong cõi đời cực khổ cực ác này, chỉ A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát là đáng nương tựa được. Dạy cho khắp hết thầy già trẻ trai gái hằng ngày thường niệm Quán Thế Âm trong nhà, bảo đảm chẳng gặp tai họa, được nhiều điều tốt lành. Chỉ nên đến niệm trong điện thờ Quán Âm vào buổi sáng và buổi tối, ngoài ra tùy mỗi người đi đứng nằm ngồi đều có thể niệm sao cho thuận tiện. Đây quả thật là phương cách thuận tiện nhất.

Hàng nữ nhân chịu niệm từ nhỏ, về sau xuất giá sẽ không bị khổ vì khó sanh. Hoặc lúc cần thai liền hằng ngày thường niệm, hoặc đến khi sanh nở, hãy nên bảo sản phụ tự niệm Quán Thế Âm Bồ-tát ra tiếng, những người chăm sóc bên cạnh đều cùng lớn tiếng niệm giúp cho sản phụ. Người trong gia đình ở tại phòng khác cũng có thể niệm cho sản phụ. Dầu sanh khó đến nỗi sắp chết mà niệm thì chẳng bao lâu sẽ an nhiên sanh nở. Chớ nên nói “lỗi lỗi bất tịnh, niệm sợ mắc tội!” Chẳng biết đây là lúc không thể làm sao khác được, chứ không phải là có thể cung kính, khiết tịnh mà chẳng chịu cung kính, khiết tịnh vậy. Chẳng những không có tội lỗi, mà mẹ lẫn con đều cùng gieo thiện căn. Người đời thường biết giữ theo lẽ thường mà chẳng biết quyền biến, đến nỗi chẳng dám dùng pháp “không những khỏi khổ, mà còn gieo được thiện căn”, để rồi phải chịu khổ, hoặc bị mất mạng, chẳng đáng buồn sao? Lúc sanh nở vạn phần chớ nên niệm thầm trong tâm mà phải niệm ra tiếng. Vì lúc ấy sản phụ phải gắng sức đẩy đưa con ra, nếu niệm thầm trong tâm sẽ có thể bị bệnh. Dầu chẳng bị bệnh nhưng công đức niệm thầm yếu nhỏ lắm so với niệm ra tiếng. Người đời nâng vật nặng còn phải dùng tiếng hò reo để giúp sức, huống chi trong khoảnh khắc sanh tử ấy, há chẳng nên tận lực cầu Bồ-tát gia bị ư?

Từ trước đến nay, Quang chẳng biết cõi đời mê tín, người đời thường cho là “chẳng được niệm Phật trong phòng sanh”. Hơn nữa, “người niệm Phật chẳng dám bước vào phòng bà đẻ”, nên trong Văn Sao chưa hề nhắc tới. Bốn năm năm gần đây mới biết điều tệ này nên thường nói với hết thầy mọi người, cũng mong cho mẹ con sản phụ được an vui, cũng mong cho con cái do họ sanh ra đều sẵn đủ chánh tín, đều là người lành. Vì thế nói với ông. Do tâm lo cho ông trọn chẳng

thấu hiểu văn nghĩa, đến nỗi Văn Sao đã nhiều lần nói “đi đứng nằm ngồi, tắm rửa, tiêu tiểu, đều niệm Phật được”, mà ông vẫn hỏi “tùy theo lúc đi đứng nằm ngồi, lúc bận bịu, lúc rảnh rang để niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng hay niệm thầm có được hay chăng?” Tôi nhận thấy, ông chỉ biết “quý niệm là hữu ích”, tức là làm cho đa số mọi người chẳng dám phát tâm niệm!

Tam chương là phiền não chương, nghiệp chương, báo chương. Phiền não chính là vô minh, còn gọi là hoặc, tức là chẳng hiểu lý (“chẳng hiểu lý” chính là tham sân si), lầm lạc khởi lên các thứ tâm niệm chẳng thuận lý. Nghiệp tức là do những tâm Sở²¹³ “tham sân si phiền não” mà làm những chuyện ác giết trộm dâm v.v., vì thế gọi là nghiệp. Nghiệp đã thành, thì tương lai nhất định phải chịu các thứ khổ báo. Tam đồ: đồ là đường, là nẻo, có nghĩa thông với nhau. Do các ác nghiệp giết trộm dâm nên sẽ chịu ác báo trong tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tám nạn cũng có thông (chung) và biệt (riêng), thông là lụt, hạn, tật dịch v.v., biệt là:

1. Sanh trước khi đức Phật giảng thế hay sanh sau khi Phật đã nhập Niết-bàn
2. Vô Tướng thiên²¹⁴
3. Bắc Câu-lô châu²¹⁵
4. Thế trí biện thông
5. Mù điếc câm ngọng

²¹³ Tâm sở (caitta hay caitasika) còn dịch là tâm sở, tâm sở hữu pháp, tâm sở pháp, tâm sở pháp, tức là những điều phụ thuộc vào tâm vương (tâm vương là thuật ngữ trong Duy thức chỉ bản thể của sáu thức hoặc tám thức, tức là chủ thể của những tác dụng tinh thần). Nói cách khác, tâm sở là những tác dụng, những thuộc tính của tâm vương. Hay nói thông tục hơn là những tác dụng tinh thần phức tạp. Theo Đại Thừa Duy Thức Luận, tham sân si là ba tâm sở được xếp vào tiêu loại phiền não trong sáu loại tâm sở (biến hành, biệt cảnh, thiện, phiền não, tùy phiền não, bất định).

²¹⁴ Vô Tướng thiên (Asamjñisattvāh), còn dịch là Vô Tướng Hữu Tình thiên, Vô Tướng Chúng Sanh thiên, Thiếu Quảng thiên, Phước Đức thiên, là một tầng trời thuộc Sắc giới, là cảnh giới cảm được của người tu chứng vô tướng định. Chư thiên cõi trời này do đã diệt sạch niệm tướng, chỉ còn sắc thân và hành uẩn, nên gọi là Vô Tướng thiên. Đây là cảnh giới tối cao của ngoại đạo Bà-la-môn. Chư thiên cõi này thọ mạng năm trăm đại kiếp, do không còn tướng niệm nên thường đắm chìm trong niềm vui vô tướng định, không có ý cầu xuất thế, không cảm nhận nỗi khổ vô thường

²¹⁵ Bắc Câu-lô châu (Uttara-kuru) còn dịch là Uất-đan-việt, Bắc-đan-việt v.v., dịch nghĩa là Thắng Xứ, Thắng Sanh, Cao Thượng, là một trong bốn đại châu quanh núi Tu-di. Theo kinh Đại Lâu Thán, châu này thuộc biển nước mặn phía Bắc núi Tu-di, hình dáng như cái hộp đậy nắp, bốn phía vuông vắn, được bao quanh bằng bảy ngọn núi vàng và núi Đại Thiết Vi, đất bằng vàng ròng, bằng phẳng, sạch sẽ, không hề có gai góc, đủ mọi thứ đẹp đẽ, ngày đêm thường sáng sủa. Người ở châu này hình dạng giống nhau, cao bằng nhau, luôn sống yên vui, không bị lệ thuộc, hoạn nạn, tranh chấp. Con người sống không cần nhà cửa, không có hôn nhân, gia đình, sanh con ra không cần nuôi. Mang thai bảy ngày liền sanh, mang con ra bỏ bên vệ đường. Ai đi qua cũng giơ tay dứt vào mồm đứa trẻ, sữa từ đầu ngón tay liền tiết ra; đến ngày thứ bảy, đứa trẻ đã cao lớn bằng người trưởng thành. Tuổi thọ ở châu này là một ngàn năm, sau khi mất được sanh lên trời Đạo-lợi. Hơn nữa, trong bốn đại châu, riêng châu này không có địa ngục. Do quá sung sướng, vô tư lự, không phải lo ăn lo mặc, người châu này không cảm nhận được sự vô thường, không có ý thoát ly tam giới.

6. Địa ngục
7. Ngạ quỷ
8. Súc sanh

Tám thứ này tuy khổ vui, trí ngu khác nhau, nhưng đều cùng khó nhận lãnh sự giáo hóa của đức Phật, vì thế đều gọi là tám nạn.

(Viết trong ngày Lập thu)

143. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ bảy)

Thư và bưu phiếu sáu đồng (đã giao cho Hoảng Hóa Xã) đều nhận được đầy đủ. Ông tánh thích lười thôi! Chuyện chẳng khẩn yếu đã qua rồi, cần gì lại phải nói nữa? Ngay như trước đây ông muốn gởi bánh Trung Thu, vì bưu cục chẳng gởi trong bao, bèn nói tới nói lui. Nói những lời lẽ vớ vẩn ấy để làm gì? Tôi đã bảo ông đừng nên gởi đồ ăn nữa, ông vẫn cứ làm như thế. Những thứ được gởi tới trong mùa xuân đều bị nát nát; đầu thu lại gởi nữa, há chẳng phải là tự khuấy mình, nhiễu người? Ông mới học Phật, chỉ nên sốt sắng niệm Phật, hiểu được thì cũng theo ngài đi, mà không hiểu được vẫn theo ngài đi, ngộ hâu chẳng đến nổi lữ làng công phu. Ông muốn có được một cuốn từ điển hoàn thiện nhất, chỉ sợ có được cuốn từ điển ấy, ông bèn hằng ngày chú trọng tra tìm từ ngữ trong từ điển, chẳng rảnh rỗi để niệm Phật.

Muốn tra chữ Phạn thì hãy đọc cuốn Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập²¹⁶ (sáu cuốn), nhưng sợ tâm chẳng biết thể loại của từ ngữ tiếng Phạn muốn tìm thì cũng chẳng dễ tra. Dẫu tra được, vẫn sợ chẳng hiểu rõ văn nghĩa đã được giải thích. Muốn tra số mục danh tướng (từ một đến mười, trăm, ngàn, vạn... danh từ) hãy xem Giáo Thừa Pháp Số²¹⁷ (6 cuốn, bộ này giản lược nhưng danh mục nhiều) và Đại Minh Tam Tạng Pháp Số²¹⁸ (16 cuốn. Bộ này giải thích tường tận căn cứ, nhưng so với

²¹⁶ Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập là một bộ từ điển Phạn - Hán, do sư Pháp Vân biên soạn vào đời Tống, bắt đầu từ năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống Cao Tông, qua 20 năm thu thập tài liệu và chỉnh lý mới hoàn thành. Nội dung gồm hơn 2.040 từ ngữ tiếng Phạn trọng yếu trong kinh Phật, chia làm 64 thiên. Mỗi thiên đều có lời tổng luận, trình bày đại ý, kể đến nêu âm dịch tiếng Phạn, nêu rõ những cách dịch âm khác nhau, xuất xứ và giải thích ý nghĩa từng từ ngữ.

²¹⁷ Giáo Thừa Pháp Số do Viên Tịnh biên tập vào đời Minh. Do thấy các sách Đại Thừa Pháp Số, Hiền Thủ Pháp Số còn thiếu sót nhiều nên sư đã dựa trên quan điểm của tông Thiên Thai thu thập tất cả những pháp số (những thuật ngữ trong Phật giáo như tam quy, nhất thừa, ngũ giáo, lục độ v.v.) trong các kinh điển Phật giáo và trước tác của bách gia chư tử biên soạn thành sách này. Sách bắt đầu bằng từ ngữ “nhất tâm” và kết thúc bằng “bát vạn tứ thiên pháp môn”. Trong ấy, cũng giải thích những danh số của các ngoại điển (những kinh sách không thuộc Phật giáo).

²¹⁸ Đại Minh Tam Tạng Pháp Số do sư Nhất Như biên soạn, thường được gọi tắt là Đại Minh Pháp Số, hoặc Tam Tạng Pháp Số, nội dung gồm những pháp số xuất phát từ tam tạng kinh điển, cũng khởi đầu bằng từ ngữ “nhất tâm” và kết thúc bằng “bát vạn tứ thiên pháp môn”, tổng cộng 1.555 từ ngữ, ghi rõ xuất xứ từ kinh luận trước thuật nào, đồng thời cũng dẫn giải những cách giải thích khác nhau của các tông (nếu có).

Giáo Thừa Pháp Số thì ít danh mục hơn). Muốn tra đại lược sự tích thông - tác của Phật pháp trong các đời thì nên đọc Thích Thị Kê Cổ Lục²¹⁹ (5 cuốn). Hơn nữa, cuốn Phật Học Đại Từ Điển do Đinh Phước Bảo biên tập danh tướng thật rộng, nhưng phần khảo cứu chẳng được tra xét kỹ càng cho lắm. Nói chung, có một phần ba mươi là sai ngoa, chỉ bậc thông gia mới phân biệt được rõ ràng. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi bị hiểu lầm vì sách ấy (Bộ sách này dựa theo sách của người Nhật Bản đã soạn rồi tăng đính²²⁰, dùng số Tây Dương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 0 để đánh số thứ tự. Nếu không rành số Tây Dương sẽ bó tay). Bộ này phải tốn mười mấy đồng, hiện thời chẳng biết có còn hay không? Mấy bộ sách này nếu là bậc thông gia thì không ai chẳng dùng. Nếu có chỗ nào không rõ ràng, hãy tra là rõ. Ông là người không hiểu rõ trọn vẹn, nếu có mấy bộ sách này sẽ thành ra suốt ngày chuyên dụng công tra danh tướng mà thôi. Do vậy vẫn chẳng nên thỉnh ngay, hãy đợi đến khi dần dần nhiễm sâu Phật pháp rồi hãy thỉnh thì sẽ có ích.

Huống chi hiện thời phương Nam thủy tai xưa nay chưa hề có, Nhật Bản lại chiếm Đông Tam Tỉnh²²¹. Nước ta cực lực tẩy chay hàng Nhật, sợ rằng sẽ gây nên cái họa chiến tranh toàn thế giới (đáng sợ cùng cực). Đang trong thời thế nguy hiểm như trứng chòng này, chỉ nên chuyên tâm niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để cầu được ngầm che chở. Huống chi ông còn bận việc nhà, rảnh rồi đâu để nghiên cứu những sách ấy?

Mấy năm trước đây, Thiểm Tây bị tai nạn, phương Nam đã nhiều lượt quyên góp chớ tới. Nay Hồ Bắc, Giang Tây, Giang Tô các xứ bị nước nhận chìm, thảm chẳng nỗi nghe, cũng chẳng nỗi nói. Quyên mộ đủ cách khác nhau. Ông Tào Tung Kiều (người Tô Châu cũng quy y với Quang) mấy năm gần đây quyên mộ cho Thiểm Tây gần đến mười vạn, đều giao hết cho Chu Tử Kiều. Lần này chánh phủ phái ông ta sang Giang Bắc lo việc cứu trợ. Tô Châu cũng quyên góp được sáu bảy vạn đồng cùng mấy vạn bộ quần áo cũ các loại và áo lạnh mới may, nhưng

²¹⁹ Thích Thị Kê Cổ Lục (còn gọi là Thích Thị Kê Cổ Lục, hoặc gọi tắt là Kê Cổ Lục), do ngài Bảo Châu Giác Ngạn soạn vào năm Chí Chánh 14 (1354) đời Nguyên, là một bộ biên niên sử Phật giáo, lược thuật lịch sử truyền thừa Phật giáo từ khi mới truyền vào Trung Hoa cho đến đời Tống. Sách bao gồm biểu đồ các triều đại Trung Hoa, biểu đồ Thích-ca Văn Phật Tông Phái Tổ Sư Truyền Thừa của Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, sự tích của Phật Thích-ca, 28 vị tổ Tây Thiên, cũng như hành trạng của các vị cao tăng, cổ đức như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, đại sĩ Phổ, Đạt-ma v.v. cũng như lược sử các tông Từ Ân, Hiền Thủ v.v.. Đến năm Sùng Trinh 11 (1638), ngài Huyền Luân soạn Thích Giám Kê Cổ Lục Tục Tập (3 quyển) để chép tiếp những sự tích Phật giáo từ Chí Nguyên nguyên niên (1264) đến năm Thiên Khải thứ bảy (1627) đời Minh.

²²⁰ Tăng đính: tăng thêm những từ ngữ cần thiết, viết thêm lời giải thích nếu cần, đính chánh những chỗ sai, lược bỏ bớt những chỗ rườm rà không cần thiết.

²²¹ Đông Tam Tỉnh là ba tỉnh được chia ra từ vùng đất Mãn Châu sau khi người Thanh cai trị Trung Hoa gồm Liêu Ninh, Cát Lâm và Hắc Long Giang. Khi ấy, quân phiệt Nhật quan niệm “*dục bá Trung Hoa, tiên chiếm Đông Tam Tỉnh; dục bá Đông Á, tiên chiếm Trung Hoa*” (muốn làm bá chủ Trung Hoa, trước hết chiếm Đông Tam Tỉnh. Muốn làm bá chủ Đông Á, trước hết phải chiếm Trung Hoa).

vẫn chỉ là “chén nước, xe củi”²²², chẳng thể cứu trợ trọn khắp! Đê đập trên sông ngòi bị sạt lở rất nhiều, cứu trợ dân chúng bị nạn còn chưa đủ tiền để lo trọn, huống là tu bỏ đê ư? Khoản tiền tu bỏ đê so với khoản tiền cứu người sẽ nhiều gấp mấy chục lần. Nếu không tu bỏ đê, hễ nước lớn, cả vùng sẽ biến thành cái đầm. Nếu tu bỏ, đào đâu ra khoản tiền ấy?

Trời giáng họa xuống Trung Quốc lần này là lớn nhất, thứ thiên tai nhân họa này đều do mọi người chẳng nói tới nhân quả báo ứng, đến nỗi trở thành tình thế phé kinh điển, phé luân thường. Tình người như nước, lễ pháp như đê. Phá trừ lễ giáo đến nỗi con người đâm ra chẳng bằng cầm thú, cho nên mới thành tình thế đê đập đều vỡ, nước lũ chảy tràn lan! Hãy nên gấp rút dạy gia quyến, thân bằng niệm Phật để dự phòng, những chuyện không khẩn yếu xin hãy để từ từ rồi mới tiến hành.

(Ngày 20 tháng 8 năm Dân Quốc 20 - 1931)

144. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ tám)

Ông nhất quyết muốn thọ giới thì trong ngày 17 tháng này là ngày khánh đản A-di-đà Phật, hãy tự thọ giới trước đức Phật. Trước hết phải lễ bái sám hối, tùy theo công phu của mình bận bịu hay rảnh rỗi mà định thời hạn nhiều ít. Đến ngày hôm ấy, phải khởi tâm ân cần, trân trọng, lễ bái sám hối, hướng về đức Phật xin nhận lãnh ngũ giới. Người tại gia đáp y hay không đều chẳng quan trọng; so với kẻ tiếm dụng²²³ thì chẳng thà không dùng. Chỉ mặc áo dài, hoặc mặc tăng bào²²⁴, không có gì là không được. Nghe nói trong thành có gã họ Hàn nọ, đại khai đạo Ngũ Giáo Đại Đồng, thần thông quảng đại, biết được túc nhân của người ta, lại còn làm cho người bệnh lập tức khỏi bệnh. Ông hãy nhường cho hết thầy mọi người được hưởng lợi ích ấy, chứ ngàn vạn phần ông chớ nên mong hưởng lợi ích nơi hần! Nếu ông đến thân cận, ắt sẽ bị ma lực của gã dụ dỗ, đến nỗi đánh mất chánh tri kiến, tăng thêm tà tri kiến. Đâm ra vốn liếng có thể liễu thoát trong một đời bị biến thành luân hồi cả kiếp dài lâu, chẳng có thuở thoát ra được. Hiện

²²² Nguyên văn “bôi thủy xa tân”, ngụ ý phương tiện, sức lực ít ỏi, chẳng thể giúp đỡ hay giải quyết vấn đề được. Thành ngữ này xuất phát từ một câu nói trong thiên Cáo Tử của sách Mạnh Tử: “*Kim chi vi nhân do dĩ nhất bôi thủy dĩ cứu nhất xa tân chi hỏa dã*” (Người bây giờ vẫn cứ dùng một chén nước để dập tắt đồng lửa do cả một xe củi bị cháy).

²²³ Chữ “tiếm dụng” ở đây chỉ kẻ tại gia mà đáp y ngũ điều hay thất điều của hàng xuất gia, chứ không đáp mạn y của hàng tại gia. Do vượt phạm, sử dụng phi lễ pháp phục của tứ chúng xuất gia (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni) nên gọi là “tiếm dụng”.

²²⁴ Chữ “tăng bào” ở đây chỉ áo hải thanh (áo tràng bốn vạt, rộng tay), nhằm phân biệt với loại áo dài hai vạt, tay hẹp (trường sam) mà nam giới Trung Hoa thường mặc thời đó. Trường sam thường may bằng vải trơn, không thêu thùa, không viền cổ, gấu áo hay cửa tay áo. Thông thường khi mặc trường sam, nam giới thường khoác thêm một cái áo ngắn sát nách (mã quái) bằng vải quý, thêu viền đẹp để ra ngoài trường sam.

thời tai họa ngày một cùng cực, hãy nên dạy hết thầy mọi người cùng niệm Phật và niệm Quán Âm để phòng ngừa họa hại và gặp dữ hóa lành vậy.

(Ngày mồng 4 tháng 11 năm Dân Quốc 20 - 1931)

145. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ chín)

Nhận được thư đầy đủ, đã nhận được năm đồng rồi, đừng lo. Khóa trình do ông đã lập tạp loạn, không có thứ tự. Sáng dậy rửa ráy, súc miệng xong, đến trước Phật thắp một nén hương, hoặc ba nén. Niệm bài Hương Tán một biến, niệm Hương Vân Cái Bồ-tát ba lần, nhất tâm đánh lễ Thường Trụ Thập Phương tam bảo (niệm ba lần ba lễ, hoặc niệm một lần một lễ). Nhất tâm đánh lễ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, nhất tâm đánh lễ A-di-đà Phật, nhất tâm đánh lễ Quán Thế Âm Bồ-tát, nhất tâm đánh lễ Đại Thế Chí Bồ-tát, nhất tâm đánh lễ Chuẩn Đề Bồ-tát, nhất tâm đánh lễ Ma-lợi-chi Thiên Bồ-tát²²⁵, nhất tâm đánh lễ Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát (mỗi danh hiệu ba lạy, hoặc một lạy), rồi niệm Nam-mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ-tát ba lượt, liền tụng kinh Di-đà một biến, chú Vãng Sanh ba biến. Nếu như tụng thêm chú Chuẩn Đề, chú Ma-lợi-chi Thiên v.v. thì cũng được. Rồi niệm tiếp bài kệ tán Phật. Niệm kệ xong, liền niệm Nam-mô thế giới Tây Phương Cực Lạc Đại Từ Đại Bi A-di-đà Phật, rồi liền niệm Nam-mô A-di-đà Phật hoặc vài trăm câu, hoặc một ngàn câu. Hãy nên vừa đi nhiều vừa niệm, hoặc nhiều niệm một nửa, ngồi niệm một nửa. Phật hiệu sắp niệm xong liền trở về chỗ. Niệm xong Phật hiệu, liền quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Chuẩn Đề, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lượt. Niệm xong liền đọc bài văn Phát Nguyện, đọc xong bèn niệm tam quy y. Xong xuôi lễ Phật lui ra.

Hoặc có thể buổi sáng niệm các chú Đại Bi, Chuẩn Đề, Vãng Sanh, Bạch Y, Ma-lợi-chi Thiên, Lục Tự²²⁶ v.v. mỗi thứ một biến; niệm xong, tụng Tâm Kinh theo như thứ tự nghi thức trong các khóa tụng. Buổi tối tụng kinh Di-đà, Đại Sám Hối²²⁷, niệm Phật v.v. giống như trên. Sáng tối không niệm bài Hương Tán cũng

²²⁵ Ma-lợi-chi Thiên (Maṛīci-Deva), còn được phiên âm là Ma-lý-chi Thiên, Mạt-lợi-chi Thiên, dịch nghĩa là Oai Quang Thiên, Dương Diễm Thiên. Theo Mật giáo, vị trời này có sức thần thông đại tự tại, thường ân thân ngậm gia hộ cho con người tiêu trừ chướng nạn, tăng trưởng lợi ích. Theo kinh Mật Lợi Chi Đề Bà Hoa Man và kinh Đại Ma-lý-chi Bồ-tát, vị trời này vốn là một vị Bồ-tát, nhằm cứu độ chúng sanh nên hiện thân thiên nữ, ba mặt, sáu tay, cưỡi lợn.

²²⁶ Gọi đầy đủ là Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn (tức bài chú Om Mani Padme Hum), xuất phát từ kinh Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương (4 cuốn) do ngài Thiên Túc Tai dịch vào đời Tống.

²²⁷ Đại Sám Hối chính là nghi thức Hồng Danh Bảo Sám do ngài Kim Cang Pháp Sư Bất Động chùa Hộ Quốc Nhân Vương người nước Tây Hạ soạn vào đời Tống. Do sự hoằng truyền Kim Cang Thừa, thường tụng kinh Hộ Quốc Nhân Vương rất linh nghiệm nên vua Tây Hạ sắc tứ ngôi chùa ngài Trụ Trì là Hộ Quốc Nhân Vương Tự. Sư cũng chính là người đã soạn nghi thức Mông Sơn Thí Thực. Bài sám hối này gồm 108 lễ tương ứng với 108 món phiền não. Danh hiệu của 88 vị Phật trong bài sám hối này

không sao. Trong tùng lâm vào mùng 1, ngày Rằm, lên công khóa thì trước hết niệm bài Hương Tán, những hôm khác đều chẳng niệm bài Hương Tán. Cách này do trong giới cư sĩ nhiều người thích phô trương bày vẽ lập ra. Trong tùng lâm, khi lên công khóa, mọi người tề tựu, lễ Phật ba lạy liền niệm (Buổi sáng niệm Nam-mô Lăng-nghiêm Hội Thượng Phật Bồ-tát, niệm chú Lăng-nghiêm. Buổi tối niệm Nam-mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ-tát, tụng kinh Di-đà). Người tại gia tuy có thể tùy ý tự lập chương trình, nhưng chớ nên bày vẽ thêm thất mấy thứ hoặc bỏ sót lộn xộn, không theo thứ tự.

Kinh được truyền dạy trong mộng tuy có lợi ích nhưng không cần phải niệm, vì kinh chú quá nhiều, cần gì phải niệm những thứ đó? Tâm Kinh công đức cực lớn, sao không niệm? Phàm tu trì nói chung hãy nên giản lược; nếu niệm quá nhiều thứ, đâm ra chẳng bằng chuyên niệm một thứ tốt hơn. Chỉ vì nhân dân hiện thời không ngày nào chẳng ở trong cảnh nước sâu lửa bỏng, hãy nên niệm thêm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát bao nhiêu đó câu; hoặc lập một thời riêng, hoặc trong công khóa, ngay sau khi niệm Phật xong bèn niệm tiếp danh hiệu Quán Âm bao nhiêu đó câu, rồi tới danh hiệu các vị Bồ-tát mỗi vị niệm ba lần hoặc niệm mười lần đều được. Còn như để dạy cho người mới phát tâm thì càng giản lược càng hay.

Cần biết rằng, đạo lý căn bản của niệm Phật là muốn làm cho con người sanh lòng tin, phát nguyện cầu sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử, chớ nên chỉ phát tâm cầu sự giàu - vui trong thế gian mà chẳng cầu sanh Tây Phương. Hễ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì tai nạn trong thế gian cũng tiêu diệt được, chứ không phải là niệm Phật chẳng thể tiêu diệt tai nạn. Quán Thế Âm Bồ-tát tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Tây Phương. Niệm Quán Thế Âm cũng cần phải trước hết là nhằm cầu tiêu trừ tai nạn, nhưng chánh yếu là cầu vãng sanh Tây Phương.

Hãy nên nói với người hữu duyên: Ai nấy phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, chí thành niệm Phật và Quán Thế Âm sẽ có thể chuyển được túc nghiệp, chẳng mắc phải những khổ ách vì thiên tai nhân họa. Hơn nữa, con người hiện thời đã xa hoa đến mức cực điểm, Đất Tàn vốn chất phác, nghe nói gần đây cũng nhiễm theo thói xa hoa hiện thời. Hãy nên gắng khuyên lơn gia quyến thường nghĩ đến lúc gặp tai nạn để chẳng đến nỗi nhiễm phải thói ác ấy. Nếu đã nhiễm, hãy cực lực sửa đổi, trừ bỏ. Kẻ nhỏ tuổi càng phải nên học tánh chất phác.

gồm 53 vị Phật trích từ kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ-tát và danh hiệu của 35 vị Phật trích từ pháp hội Quyết Định Tỳ-ni trong kinh Bảo Tích (theo Nhị Khóa Hiệp Giải).

Ông không hiểu việc quá mức, trong khóa tụng sáng tối, lúc lễ Phật sao lại đem tên Ấn Quang đặt trước danh hiệu Phật để lễ, sao không biết tôn ty, thánh phàm đến mức như thế? Đừng nói Ấn Quang là một gã phàm phu nghiệp lực vô tri vô thức; dầu là cô đức, hay Phật thị hiện giáng sanh, hoặc Bồ-tát thị hiện giáng sanh, vẫn chẳng thể kể theo bốn địa được. Do họ đã hiện thân làm tăng, chắc chắn phải đứng sau Phật, Bồ-tát thì mới đúng lời phù hợp cả bốn lần tích. Nếu tâm ông cảm kích Quang thì có thể sau khi tụng công khóa xong, trong tâm thâm tưởng đánh lễ một lay thì đối với nhân tình lẫn thiên lý đều không trái nghịch. Nếu ông sắp xếp theo kiểu ấy (tức là đem danh hiệu Ấn Quang để lễ trước khi lễ Phật - chú thích của người dịch), chẳng những ông tội lỗi khôn cùng mà còn làm cho Ấn Quang cũng bị tội theo ông. Đây không phải là ông tăng bóc Quang mà là hãm hại Quang! Nếu ông có thể chí thành niệm Phật tự lợi lợi người, dầu chẳng lễ Quang cũng đâu có thiếu sót gì?

(Ngày 14 tháng 7 năm Dân Quốc 21 - 1932)

146. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười)

Nhận được thư gởi đến bữa trước, nói ông có một hộp mứt, ngạnh mễ²²⁸, tiểu mễ²²⁹ mỗi thứ hai thưng²³⁰, đựng thành một đầy, ông đúng là gã si! Từ mấy ngàn dặm gởi những thứ ấy đến, há chẳng phải là vô sự mà tự phiền, rộn người hay sao? Túi gạo cho tới nay vẫn chưa nhận được, vì thế đến bây giờ mới trả lời thư. Nếu tôi không bận chuyện gì quan trọng thì hẳn nhận được thư bèn trả lời ngay. Một mình ông gởi thư hỏi han này nọ thì còn được, huống chi nào phải chỉ có một mình ông? Há nên thốt lời oán trách, kêu ca thầy không muốn trả lời thư vì nghĩ trò không thể dạy được? Sao chẳng thông cảm cho người khác già yếu chẳng thể thù tiếp được? Nếu như lời ông nói, ắt sẽ mệt tới chết cũng lo không xuể. Từ rày đừng so đo cái kiểu chẳng biết thời thế như vậy, cũng đừng đem thức ăn từ xa gởi đến.

Mười đồng ông gởi tôi đã nhận được rồi, sẽ dùng để in sách. Thầy Minh Đạo mất vào giờ Sửu ngày 19 tháng 10, ngày 21 chuyển linh cữu về Linh Nham, ngày

²²⁸ Ngạnh mễ (hay còn gọi là canh mễ) là một loại gạo nếp có tên khoa học là *oryza sativa*, thuộc giống lúa không cần nhiều nắng, chín khá muộn khi trời đã trở lạnh. Hạt gạo tròn ngắn, rất dẻo, ăn rất ngon và đậm. Giống lúa này được trồng chủ yếu ở miền Tây Nam và Bắc Trung Quốc. Do thời gian sinh trưởng của giống lúa này khá dài nên mỗi năm chỉ gieo được một mùa. Ở Đài Loan cũng có giống lúa này, nhưng không ngon bằng.

²²⁹ Tiểu mễ (foxtail millet) là một loại kê, thường được gọi bằng từ ngữ *tắc* hoặc *lật* vào thời cổ. Giống này vốn được trồng nhiều ở phương Bắc Trung Quốc, nhất là quanh lưu vực sông Hoàng, là lương thực chủ yếu của dân chúng vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Giống kê này chịu hạn, sản lượng cao, có nhiều loại trắng, hồng, vàng, đỏ, cam, tím...

²³⁰ Một thưng (thăng) đời Thanh bằng một lít hiện thời.

25 đưa đi hỏa táng. Thầy ấy trọn chẳng gắng công tu trì chân thật, nhưng do lo liệu công việc trong hội Phật giáo mấy năm, những kẻ không biết thời thế nhất định muốn xây tháp cho thầy ấy. Họ coi tượng đất như tượng bằng vàng ròng, tôi cũng chỉ mặc kệ cho họ làm. Chớ nên bắt chước thói tục hèn xấu ấy! Từ rày không có chuyện chi quan trọng, đừng gởi thư đến. Hiện nay tôi không ra khỏi phòng bế quan, chuyện Hoằng Hóa Xã cũng giao về cho Quang đảm nhiệm thì càng thêm phiền toái.

(Ngày mồng 4 tháng 11 năm Dân Quốc 21 - 1932)

Tuy xuất gia bên Lâm Tế Chánh Tông, nhưng Quang đã lấy pháp môn Tịnh độ làm tông, chẳng coi Thiền tông là chánh, cư sĩ hỏi chuyện này chẳng có quan hệ chi! Quang cũng không có môn đồ, chết rồi trọn chẳng để lại vật gì, hình chụp cũng không có. Lễ Phật cho nhiều so ra tốt hơn lễ tôi trăm ngàn vạn lần. Nghe nói gần đây có một bài thuốc thần hiệu để cai thuốc phiện: Dùng một thước vải Tây đỏ vuông vức, cắt thành 24 miếng. Lúc hút thuốc, trước hết dùng que tiêm thuốc phiện²³¹ cắm trên phía đầu mảnh vải, phía dưới đặt một cái chén hứng, đốt cho tro vải rớt vào trong chén. Dùng nước sôi hòa tro ấy uống, rồi mới hút. Chẳng đợi tới khi uống hết tro của 24 miếng vải đã cai nghiện được. Hãy nên bảo người nghiện thuốc làm thử. Nếu linh nghiệm sẽ có thể cứu được cái họa thuốc phiện vậy!

147. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười một)

Mười ba gói Bát Đức Tu Tri chắc ông đã nhận được rồi. Nhận được thư, tôi liền viết thư cho người lo việc thuộc Hội In Kinh Thượng Hải hỏi về giá cả. Họ nói: Chiếu theo giá ban đầu phải là 450 đồng, bưu phí là 20 đồng. Ngày hôm nay liền gởi tiền đi, không bao lâu nữa sẽ có mấy bao gởi đến. Phàm sách gởi đến sẽ có hóa đơn, hãy nên kiểm kỹ số hộp, số quyển. Nếu có sai sót, liền gởi thư hỏi trực tiếp tiên sinh Phí Phạm Cửu, chấp sự của Ảnh Ấn Tổng Tạng Kinh Hội ở số 714 đường Oai Hải Vệ, Thượng Hải (Phạm Cửu cũng là Phật tử quy y, pháp danh là Huệ Mậu), đừng sai Quang chuyển thư. Hình thức của kinh tôi chưa xem qua, mấy bữa nữa sẽ bảo Linh Nham Sơn đem một hộp kinh²³² đến để coi (kinh ở Linh

²³¹ Tiêm là dụng cụ để nung thuốc phiện trước khi hút. Thuở ấy thuốc phiện bán trong hộp, trông gần giống như hộp đựng cao. Người hút dùng một dụng cụ dài nhọn bằng bạc, thường gọi là que tiêm (yên tiêm), để vít lấy một ít thuốc từ trong hộp đựng thuốc phiện (yên hạp), rồi vừa xoay vừa nung viên thuốc trên ngọn đèn dầu đậu phộng (yên đăng). Khi nung đủ mức sẽ nhồi vào dọc tẩu (yên thương) để hút.

²³² Nguyên văn *hàm* (thường dịch là *hòm*), một hàm gồm mười quyển. Khi xưa, in kinh thường chia theo đơn vị quyển, mỗi quyển chừng 40-50 trang, mỗi trang từ 15 đến 20 dòng, mỗi dòng từ 10 đến 12 chữ.

Nham giá 583 đồng, vốn là do về sau lên giá) sẽ coi kỹ cách ghi danh mục để tiện kiểm đọc, chẳng đến nỗi rối loạn.

Khoản tiền ấy không cần phải gấp, tới năm sau trả lại sớm hay muộn hoặc năm sau nữa mới trả cũng được; nhưng trước khi gởi tiền, phải viết thư nói rõ. Đợi khi Quang viết thư cho biết, sẽ gởi tiếp khoản tiền ấy về chỗ nào, do sớm muộn gì năm sau Quang cũng sẽ xuất quan, sẽ rời khỏi Tô Châu. Hiện thời, vẫn chưa quyết định sẽ đi về đâu, nhưng nói chung là ở phương Nam, chẳng trở về phương Bắc vì già cả sợ lạnh, áo bông, mền bông v.v. cầm theo vương vius, bỏ đi lại không đành. Vì thế chẳng dám trở về phương Bắc.

*(7 giờ rưỡi ngày 12 tháng 10 năm Dân Quốc 23 - 1934.
Hôm nay trời âm u, chẳng thấy đường, viết dưới ánh đèn điện)*

148. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười hai)

Chắc là ông đã nhận được chừng đó bưu kiện Đại tạng kinh bản đời Tống rồi. Nay đem thư của hội ấy gởi cho Quang và biên nhận gởi kèm theo thư. Gần đây, Quang mục lực càng suy, hết thấy những chuyện sai phải viết lách đều chẳng thể làm được. Trong ngày 13, 14 đã đăng trong hai báo Thượng Hải và Tân Thân, ngày 15 đã đăng trên bán nguyệt san Phật Học, từ nay không có chuyện hết sức quan trọng đừng nên gởi thư đến. Chuyện viết lời tựa, hiện thời không thể xem được. Hễ năm sau còn sáng mắt đôi chút sẽ viết. Nếu không, sẽ để mặc đó.

Hiện thời Cửu Hoa Sơn Chí chưa xong, do thầy Đức Sâm lo liệu, lại còn Viên Công Văn Sao phải giáo duyệt. Năm sau, hoàn tất hai cuốn sách ấy, sẽ rời đất Tô đi nơi khác, sẽ cho ông biết chỗ ở, chứ hiện thời vẫn chưa quyết định. Nhận được bưu kiện này xin báo cho biết, chỉ viết “đã nhận được” là xong, chẳng cần viết cho nhiều những lời dài dòng vô ích. Mong hãy sáng suốt soi xét. Ngoài ra là 4 bức tượng Phật vẽ bằng bút, hơn 20 bức tranh Phật vẽ bằng móng tay được in theo lối thạch bản, cùng với Một Lá Thư Trả Lời Khấp, xếp thành một gói, gởi bằng thư bảo đảm, mong hãy thu nhận.

(Ngày Rằm tháng 11 năm Dân Quốc 23 - 1934)

149. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười ba)

Ngày 18 nhận được thư ông, nhận được hết thấy các thứ ông đã gởi. Hôm qua nhận được khoản tiền một trăm đồng do tiệm Mậu Thịnh Đức chuyển đến, đã nhận rồi, đừng lo. Ông nói quá nhiều lời, toàn là những lời “không có chuyện gì cứ bới ra chuyện”. Quang không trở về đất Tần, ông tưởng ông phải đến đây, Quang mới biết đường về đất Tần! Nếu Quang trở về đất Tần, lên xe ở Tô Châu,

đến cửa Bắc Trường An xuống xe. Ông đến đây chỉ thêm phiền phức cho Quang mà đi về tốn mấy chục đồng, dùng vào chỗ vô ích, há chẳng đáng tiếc ư?

Cần biết rằng, thời cuộc hiện thời xét tới cùng chẳng biết ra sao? Hãy nên ở yên trong nhà, lỡ có chuyện sóng gió còn có người làm chủ. Nếu đi xa chưa về được thì đôi bên đều phải bận lòng vô ích; sao lại khổ sở làm chuyện tổn hại, vô ích ấy? Còn chuyện ông đề nghị Quang sống trong nhà ông, chẳng gặp một ai, nếu xét đến cùng, có khác gì Quang không trở về đất Tàn đâu, làm sao Quang ở trong nhà ông được? Phở Đà, Ngũ Đài, Nga Mi Chí gởi cho ông mỗi thứ một bộ, xếp thành một gói. Tọa Hoa Chí Quả vốn là sách nói về nhân quả, cũng gởi cho ông một gói. Sau hai ba tuần nữa, sẽ có tờ truyền đơn khuyên nên tiếc chữ và sách Khuyển Niệm Phật gởi sang tiệm Mậu Thịnh Đức. Ông sẽ được họ báo cáo đã giao tiền.

(Ngày 20 tháng 2 năm Dân Quốc 24 - 1935)

150. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thứ thứ mười bốn)

Hôm nay ông Vương Âu Nông vì lo liệu công cuộc cứu trợ cho dân chúng bị nạn vì thổ phỉ, thiên tai ở Thiểm Tây đã gởi cho Quang mười cuốn sổ vàng lạc quyền. Quang một mực chẳng quyền mộ, hướng chỉ đương lúc khốn khổ gian nan này, bèn gởi khoản tiền in sách một ngàn đồng để quyền tặng và gởi trả lại sổ vàng. Khoản tiền ông thỉnh kinh đã trả được một trăm, khoản tiền còn lại nếu có thể trả được lúc này thì xin hãy gởi cho Hội Cứu Trợ Tỉnh Thiểm Tây tại số 10 đường Ngũ Vĩ thuộc tỉnh thành, giao cho cư sĩ Vương Âu Nông để cứu trợ cho vùng Thiểm Nam. Nếu chẳng tiện trả một lúc, sớm muộn gì trả phần còn lại cũng được, nhưng vẫn giao cho Vương Âu Nông. Nếu hội đã giải tán thì giao đến tận nhà ông ta ở số 10 ngõ Trần Gia thuộc khu Tây Bắc trong thành để tùy ý ông ta dùng làm khoản cứu trợ nào cũng được.

(Ngày 29 tháng 2 năm Dân Quốc 24 - 1935)

151. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thứ thứ mười lăm)

Hôm trước nhận được thư ông, biết ông đã gom được khoản tiền nợ Quang là 400 đồng, ông cũng quyền thêm 100 đồng để cứu trợ dân bị thiên tai, an ủi, vui mừng hết sức! Ngày 17, một đệ tử giao cho Quang 100 đồng để cứu trợ; Quang lại gộp món tiền ấy với những khoản tiền do người khác cho Quang được 500 đồng đem gởi cho Âu Nông để trọn hết tấm lòng tôi.

Nói đến chuyện “niệm Phật, niệm Quán Âm đều có thể tiêu tai thoát nạn” thì lúc bình thường hãy nên niệm Phật cho nhiều, niệm Quán Âm ít hơn. Gặp khi

hoạn nạn, hãy nên chuyên niệm Quán Âm do Quán Âm bi tâm tha thiết, có túc duyên sâu đậm với chúng sanh phương này. Chớ nên do thấy nói như vậy, bèn nói “Phật chẳng từ bi bằng Quán Âm”. Cần biết rằng Quán Âm là đáng thay Phật rủ lòng từ cứu khổ. Ngay như khi Phật Thích-ca tại thế, cũng thường dạy chúng sanh khổ nạn niệm Quán Âm, huống gì bọn phàm phu chúng ta?

Khi xuất quan, sau khi đã quyết định tới ở chỗ nào sẽ gửi thư cho ông biết. Trong lúc chưa quyết định đi hay ở này, nói ra sẽ biến thành nhiều loạn. Gần đây, con người hoàn toàn phê bỏ quy cách cũ, hoàn toàn chẳng biết kính tiếc chữ và sách, nay tôi cho in tám vạn tờ truyền đơn, sẽ gửi cho ông một gói. Mong hãy phân phát, lại hãy nên ra rả khuyên răn để mong ai nấy đều vun bồi nền phước.

(Ngày 20 tháng 3 năm Dân Quốc 24 - 1935)

152. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười sáu)

Nghĩ tới người đời trước giữ khí tiết khắc khổ, hãy nên cực lực phổ biến sự giáo hóa của Phật khiến cho hết thảy mọi người đều hưởng lợi ích liễu sanh thoát tử, ngõ hầu tên cha mẹ ta được ghi trên sen báu Tây Phương. So với những sự vinh hạnh rộng tuếch được ghi danh trên bài minh nơi văn bia trong cõi này, sẽ khác biệt vời vợi như trời với đất. Kẻ có hiếu với cha mẹ hãy nên chăm chú nơi chuyện lớn lao, còn chuyện nhỏ nhặt có làm hay không cũng được, chẳng cần phải dốc chí nơi những chuyện ấy.

(Tháng 10 năm Dân Quốc 24 - 1935)

153. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười bảy)

Há nên nói lắm lời sáo rỗng như vậy? Cái tập khí hư huyền, hời hợt ấy người học đạo chớ nên có, huống là trước mặt thầy càng chẳng nên nói ư? Người Nhật mang tâm cộp sói muốn thôn tính nước ta, nước ta lắm kẻ lên ăn hối lộ của Nhật, làm chó săn cho bọn chúng, đến nỗi bọn chúng càng lộ vẻ hung hăng dữ tợn hơn. Nếu không có ai chịu để cho chúng sai khiến, chúng trọn chẳng đến nỗi ngang ngược như thế! Ở Tô Châu hằng ngày dăm ba lần có phi cơ Nhật bay qua, lúc đầu ném bom mấy chỗ, gần đây chỉ bay qua mà thôi. Người Tô Châu mười phần lánh đi hết bảy, nhưng tỵ nạn ra ngoại ô càng khổ lắm. Những người không tỵ nạn còn an vui một chút. Quang già rồi, một bước cũng không thể di động được! Chưa đáng chết thì nói chung sẽ chẳng chết; hễ phải chết, thà trúng bom mà chết, chứ chẳng chuyển dời đi đâu để phải chịu khổ oan uổng như thế.

Sữa độc (sữa của người mẹ nóng giận) giết trẻ nhiều hơn do phá thai hay trần nước con gái²³³, tiếc rằng những danh y từ xưa chưa từng nói đến chuyện này. Kẻ không biết nguyên nhân luôn đổ lỗi cho số mạng, chẳng biết đây nào phải do số mạng. Phàm nữ nhân tánh tình nóng nảy, con cái họ phần nhiều bị chết (nổi nóng lên cho con bú, con sẽ bị chết vì sữa hóa độc); dù không chết, cũng lắm bệnh (nổi nóng nhỏ sẽ thành bệnh). Nữ giới từ nhỏ phải tập tánh nhu hòa thì suốt đời hưởng nhiều phước. Nếu không, chẳng những chính mình lắm bệnh, mà con cái cũng dễ bị chết hay lắm bệnh. Gia đạo bất hòa đến nỗi suy vong, tai họa thường thấy hằng ngày; đây quả thật là nền tảng để lập gia, lập quốc vậy. Hơn nữa, hiện nay chiến sự khốc liệt cùng cực từ trước đến nay chưa hề có, về sau này những vũ khí hung bạo càng tinh diệu hơn, nhân dân càng khó sống còn. Bất luận già trẻ trai gái đều nên niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng đến nỗi đời đời kiếp kiếp mắc phải sự ngược đãi, hà khắc này!

Hiện thời quốc nạn hết sức nguy kịch, phàm hết thảy mọi người đều nên nhất tâm niệm “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát” để cầu chiến sự mau dứt, ai nấy được sống yên. Ngày 28 tháng 6, Quang đăng bản thông cáo rộng rãi khuyên khắp đồng bào toàn cầu cùng niệm thánh hiệu Quán Âm, gởi cho báo Thượng Hải Tân Văn, và tòa báo Tân Thân, báo mỗi tờ đăng mười ngày. Mồng 8 tháng 7 bắt đầu, báo tuy đã in ra, nhưng khó thể phát trọn khắp, lại báo Tập Cần Sở tại Tào Hà Kính in năm mươi vạn tờ truyền đơn rộng bảy tấc gởi đến những cơ quan Phật giáo các tỉnh. Do chiến sự phải ngừng in. Bài văn ấy không chỉ vì chiến sự, sau khi yên ổn trở lại chẳng ngại gì in tiếp. Tôi cho in bài ấy kèm vào sau cuốn Đạt Sanh Biên, sau khi yên ổn sẽ tùy thời cơ mà lo liệu. Chiến sự chưa ngớt, chuyện gì cũng chẳng thể tiến hành. Gởi cho ông một phần quảng cáo khuyên niệm Quán Âm đã đăng trên báo, xin hãy lần lượt báo khắp đại chúng thì lợi ích lớn lao lắm!

(Ngày mồng 3 tháng 8 năm Dân Quốc 26 - 1937)

154. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười tám)

“Thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát”, chính là “thường niệm, thường cung kính”, chữ *thường* thông sang chữ *cung kính*, há nên nói trơ trọi là “niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát” ư? Cần biết rằng hai chữ nam-mô nghĩa là “quy y, đánh lễ, cung kính, hãy cứu độ con v.v.”. Hiện thời Tập Cần Sở tại Thượng Hải đã in hai ba chục vạn tờ truyền đơn phát đi các nơi, nhưng Nam Kinh,

²³³ Đây là một hủ tục ở thôn quê Trung Hoa thuở xưa. Trong năm đói kém, nếu sanh ra con gái, đứa bé ấy sẽ bị bỏ mặc cho chết đói hay trần nước cho chết, chỉ giữ con trai lại với mục đích nối dòng. Cách này cũng áp dụng nếu người mẹ sanh quá nhiều con gái nhưng chưa sanh được con trai.

Nam Thông, Hán Khẩu, Vô Tích, mỗi nơi đều có người in; ông chỉ cần in ra, phát tạng tại đất Tần. Nhất tâm niệm Phật không chuyện gì chẳng thực hiện được.

Quán Âm từ bi tâm thanh cứu khổ, đang trong lúc khổ sở cùng cực này, dạy người ta niệm Quán Âm so ra họ rất dễ sanh lòng tin hơn dạy họ niệm Phật, vì con người phần nhiều không biết đến oai thần của Phật. Đối với chuyện đức Phật cứu khổ cứu nạn, trong kinh rất ít khi nêu rõ, nhưng chuyện đức Quán Âm cứu khổ cứu nạn thường được kinh Đại thừa nhắc tới. Như phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, chương thứ 25 - “pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Âm” trong kinh Lăng-nghiêm, chương Thiện Tài Tham Học Quán Âm trong kinh Hoa Nghiêm (lần tham học thứ 28). Kinh Đại Bi chuyên nói về chú Đại Bi và những chuyện Quán Âm cứu khổ. Kinh Bi Hoa²³⁴ nói đến những chuyện khi Quán Âm Bồ-tát tu nhân, phát nguyện cứu khổ. Những kinh khác nói đến rất nhiều. Do nhân duyên này, cõi đời không ai chẳng biết Quán Âm là bậc cứu khổ cứu nạn. Đang trong đại kiếp này, bảo những người thượng đẳng (trí thức thượng đẳng) niệm Phật thì dễ, còn với kẻ hạ đẳng (trí thức hạ đẳng) do trong kinh chưa từng nói đến, chắc họ chẳng sanh lòng tin, vì thế bảo họ niệm Quán Âm. Sao ông lại đem so sánh quả vị, thần thông v.v. giữa Phật và Bồ-tát?

Cần biết rằng, Quán Âm có nhân duyên lớn với thế giới chúng ta, từ trong vô lượng kiếp trước, ngài thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi sâu nặng, chẳng lìa cõi Tịch quang (tức là cõi Phật ở) hiện hình trong chín cõi để thực hiện cứu vớt. Huống chi ngài còn thị hiện làm Pháp Vương Tử của A-di-đà Phật, như dân chúng muốn cầu ân trạch của hoàng đế liền hướng về Thái tử mà cầu. Niệm Quán Âm phát nguyện cầu sanh Tây Phương cũng được mãn nguyện, do Di-đà và Quán Âm cùng thực hiện một chuyện độ sanh, chứ không phải là hai nghĩa.

²³⁴ Kinh Bi Hoa (Karunā-Pundarīka-Sūtra), 10 quyển, chia thành 6 phẩm, do ngài Đàm Vô Sám (Dharmarakṣa) dịch vào thời Bắc Lương. Kinh này nói về nhân địa trong thời quá khứ của Phật Thích-ca, Phật A-di-đà, Phật A-súc v.v. cũng như một loạt những vị Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Phổ Hiền, Văn-thù. Điểm đặc biệt của kinh này là ca ngợi lòng đại bi vô tận của đức Như Lai đã thị hiện thành Phật trong uế độ. Theo kinh này, vua Vô Trách Niệm do đại thần Bảo Hải khuyến cáo, bèn đối trước Bảo Tạng Như Lai phát nguyện kiến lập Tịnh độ, được Bảo Tạng Như Lai thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Vô Lượng Thọ (Amitāyus). Một ngàn vương tử của vua đều noi gương phát nguyện thành Phật, lần lượt được Phật Bảo Tạng thọ ký. Trưởng tử là vương tử Bất Thuần sau này thành Quán Âm Bồ-tát, vương tử thứ hai là Ni Ma thành Đắc Đại Thế, vương tử Vương Chúng trở thành Văn-thù Sư Lợi v.v.. Tám mươi người con và ba ức đệ tử của Bảo Hải cũng thế nguyện thành Phật, lần lượt trở thành những vị Phật trong uế độ. Bảo Hải phát ra 500 nguyện, thế sẽ thành Phật trong cõi đời ác trước, được Bảo Tạng Như Lai thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Phật. Kinh này còn có một bản dịch khác là Đại Thừa Bi Phân Đà Lợi Kinh, gồm 8 quyển, 13 phẩm, được dịch vào đời Tần, nhưng đã mất tên người dịch.

Đức Hằng được bổ làm giáo viên trường Sư Phạm Vị Dương, muốn Quang khai thị (hãy bảo anh ta thường đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư). Cần biết rằng cội rễ của sự đại loạn trong nước ta là do Trình - Chu bài bác nhân quả luân hồi, cho rằng: “Con người chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, đâu có những nỗi khổ chém - chặt - xay - giã trong địa ngục, lấy đâu để thi hành! Lại do thần thức đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh? Tức là không có địa ngục, luân hồi, làm lành hay làm ác đều không có báo ứng.” Như vậy là ngăn trở kẻ khác làm lành, mặc kệ cho kẻ khác tạo ác. Từ đây về sau, Lý học đều chẳng dám nói đến nhân quả, luân hồi, nên thiện không có gì để khuyên, ác không gì để trừng phạt, hòa nhau đề xướng rộng rãi thực hành chuyện biến con người thành loài thú.

Cần biết rằng, cuộc đại loạn này là vì Trình - Chu bài xích nhân quả luân hồi mà khơi ra đầu mối! Do quốc gia chẳng đề xướng chuyện giáo dục, đến nỗi cha mẹ trong gia đình chỉ dạy con cái mở mang trí thức, chẳng bảo ban con cái về nhân quả, báo ứng, đạo đức, nhân nghĩa. Thầy giáo trong nhà trường chỉ biết dạy học, soạn văn chương, chứ đối với chuyện “tận tụy theo đuổi sự nghiệp học thánh, học hiền” một câu cũng không nhắc tới. Bởi lẽ, những hạng thầy giáo ấy từ bé tới già cũng chẳng biết “học hành là để học thánh học hiền”, chỉ biết soạn văn chương để cầu công danh; đến khi đã đạt được công danh bèn cậy thế khinh người, gây tàn hại cho địa phương, mười phần hết tám chín. Những người tạo lợi ích cho địa phương chỉ được một hai phần mà thôi!

Cổ nhân nói: “*Sư giả, nhân chi mô phạm dã*” (Thầy là khuôn mẫu cho người khác), khuôn chẳng thành khuôn, mẫu không ra mẫu sẽ gây hại chẳng nhỏ. Cần biết rằng con người cùng với trời đất cùng xưng là tam tài, tài là tài năng. Trời chẳng biết cao bao nhiêu, to bao nhiêu; đất chẳng biết dày bao nhiêu, rộng bao nhiêu, con người chỉ năm sáu thước, là một vật nhỏ nhoi sống được sáu bảy mươi tuổi, sao có thể sánh cùng trời đất chẳng thể suy lường mà xưng danh? Nên biết rằng, trời đất tuy có thể sanh thành vạn vật, nhưng nếu không có con người giúp đỡ giáo dục sẽ chẳng thành thế đạo. Vì thế, con người có thể kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang đường học cho người đời sau, đây chính là trách nhiệm của kẻ làm cha, làm thầy.

Nếu biết ta là thầy của người khác, đâu ta không có đức để cảm hóa người thì cũng nên “nhất cử nhất động của chính mình đều chẳng để sai lệch!” Tức là: “Chuyện phi lễ chẳng nhìn, lời phi lễ chẳng nghe, tiếng phi lễ chẳng nói, chuyện phi lễ chẳng làm”, dè dặt, kinh sợ như vào vực sâu, như bước trên băng mỏng, chỉ sợ người khác bắt chước ta làm chuyện không ra gì, thì có thể mong thành

thánh, thành hiền, siêu phàm nhập thánh. Hãy nên thường sao lục nhiều bài để công bố cho những người có chí “lo toan cho người khác” được cùng đọc. Ở Tô Châu, phi cơ hằng ngày bay đến ba bốn năm sáu bảy tám lượt cũng không nhất định, có ngày ném bom mấy lần, có bữa không ném. Có người khuyên Quang đi sang nơi khác, Quang thà bị trúng bom chết, chẳng muốn chết vì bốn ba nhọc nhằn, xin đừng nói cho lắm những lời suông. Từ nay đừng nên gởi thư tới nữa, do mọi người đang cầu được sống trong cái chết, làm sao còn rảnh rỗi để thù tiếp được nữa đây?

(Ngày 18 tháng 9 năm Dân Quốc 26 - 1937)

155. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn (thư thứ mười chín)

Thư ông và mười đồng đều nhận được cả. Đang trong lúc đại kiếp chưa từng có này, cũng nên dè dặt, gắng sức ra công tu trì. Mấy năm qua, thư từ cũng chẳng ít, lại còn gởi các loại sách và Đại tạng kinh đời Tống. Nếu chịu vâng theo khuôn phép thì một bộ Văn Sao đã dư dùng; chẳng chịu vâng theo khuôn phép, dầu có Đại tạng kinh cũng chẳng ích gì! Không biết người em thứ hai của ông có vâng theo lời tôi nói hay không? Quang già rồi, mực lực chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều, từ nay đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu ai đến quy y, vì không có mực lực lẫn tinh thần để phúc đáp.

(Tháng 10 năm Dân Quốc 26 - 1937)

156. Thư trả lời cư sĩ Lã Trí Minh

Sao gởi thư gì mà tên lẫn họ đều không ghi? Nếu gởi về nhà mình thì còn được, nếu nhờ người khác chuyển, ắt phải lo có bị lỡ việc hay không? Muốn cho khi lâm chung chẳng bị hôn trầm, ắt lúc bình thường phải có hành trì chân thật. Lúc bình thường hờ hững, hời hợt, làm sao lâm chung tỉnh táo cho được? Chuyện của Chu Vinh Hâm nếu không phải là bịa đặt thì ông ta chắc chắn được vãng sanh. Một là vì ông ta có thiện căn từ đời trước, hai là vì được cả nhà trợ niệm. Trợ niệm lợi ích rất lớn, nếu chẳng trợ niệm sẽ thành phá hoại chánh niệm. Đừng nói người không có công phu chẳng thể vãng sanh, ngay cả người có công phu mà bị người nhà phá hoại cũng chẳng thể vãng sanh được. Vì thế, phải khuyên sâu xa người nhà cùng tu tịnh nghiệp, mới có thể chẳng đến nỗi công lao bị hỏng lúc sắp thành, vẫn trầm luân trong biển khổ sanh tử.

Con ông chẳng dám nhìn nữ nhân, nhưng kẻ tại gia hằng ngày thường trông thấy nữ nhân. Nếu thấy nữ nhân già, hãy tưởng như mẹ mình; người lớn hơn hãy tưởng như chị mình; kẻ nhỏ hơn hãy tưởng như em gái mình. Bất luận loại nữ

nhân nào đều tưởng như vậy thì lâu ngày trông thấy nữ nhân khác cũng sẽ chẳng khác gì mẹ, chị, em mình. Lại nữa, nếu thấy nữ nhân xinh đẹp bèn khởi tà niệm thì hãy thường tưởng trong bụng người ấy toàn là phân tiểu, chỉ là một tấm da mỏng bọc lấy nên dường như dễ coi. Nếu bóc lớp da ấy ra, không có một điểm nào dễ nhìn cả! Quán tưởng nữ nhân như thế, mà quán tưởng chính mình cũng như thế. Lúc chưa thấy đã tưởng như vậy thì lúc trông thấy, tưởng niệm này sẽ hiện tiền, lâu ngày tà niệm tự tiêu. Nếu lấy vợ cũng tưởng như thế sẽ chẳng đến nỗi tham sắc chết yểu; nếu không, nguy hiểm đến cùng cực. Chẳng những không nên đến chùa ni cô, mà với nhà thân hữu cũng đều nên tránh gây hiềm nghi (như ngồi trò chuyện trong phòng kín và chỗ không có người thấy).

Cổ nhân thì chị dâu em chồng chẳng đưa đồ vật trực tiếp cho nhau, chẳng phải là không trao cho nhau được mà là vì sợ biết đâu do trực tiếp đụng chạm tay nhau tà niệm dấy lên, nên lập ra cách ngăn ngừa này. Nơi ruộng dưa chẳng cúi xuống buộc dế, sợ người khác ở đằng xa trông thấy ngỡ mình bứt dưa. Dưới góc mạn chẳng vói tay chỉnh lại mũ, sợ người khác ở đằng xa nhìn thấy ngỡ mình bẻ mạn. Chánh nhân quân tử không có tà niệm mà vẫn phải chấp trước như thế, huống chi là người vừa thấy nữ nhân liền khởi tà niệm há chẳng nên chấp trước như thế ư?

Phiền não là vọng, sao lại nói là “chẳng thể đoạn”? Nói chẳng thể đoạn là nói về chân tánh. Trước khi chưa chứng, chân tánh thuận theo ác duyên mà thành phiền não, nhưng vẫn bất biến. Thuận theo thiện duyên, tịnh duyên sẽ trở thành Bồ-đề, vẫn bất biến. Ví như vàng ròng tuy gò thành cái bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm, tuy hằng ngày đựng phân, tánh vàng vẫn bất biến. Nếu đúc thành tượng Phật, tượng Bồ-tát, tuy cực kỳ quý trọng nhưng tánh vàng vẫn bất biến. Người trong thế gian ai nấy sẵn đủ Phật tánh, nhưng thường tạo ác nghiệp như đem vàng gò thành cái bô đi tiêu, cái vò đựng nước tiểu ban đêm, thật chẳng biết tự trọng quá sức! Nếu biết nghĩa này, ai chịu thường làm những món đồ để làm bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm nữa? Nhưng con người tranh nhau làm bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm! Trong trăm ngàn vạn ức người, chắc là hết sức ít những người chẳng chịu làm bô đi tiêu, cái vò đựng nước tiểu ban đêm, một dạ muốn làm tượng Phật, tượng Bồ-tát, ngay cả làm tượng Thiên Đế đại vương cũng không chịu làm.

157. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ nhất)

Hôm trước nhận được tiểu sử công đức của lệnh tổ²³⁵, đọc rồi khôn ngăn cảm thán. Phàm những người cai trị dân đều chịu tuân theo pháp tắc thì thiên hạ yên vui vĩnh cửu. Chỉ có một chuyện người tầm thường muôn phần chớ nên bắt chước, bắt chước theo ắt bị đại họa. Vũ Túc Vương giương nỏ bắn sóng, sóng rút lui, ấy chính là thủy thần cảm đức của Vương nên sóng chẳng dâng lên nữa. Người thiếu đức bắt chước, ắt sẽ chọc giận thủy thần, sóng lớn bủa vây thì dân cư nguy hiểm đến cùng cực.

Ngày Trung Thu năm Quang Tự 12 (1886), tôi rời Nam Ngũ Đài (ở ngoài thành Trường An, chính là nơi Quán Âm hiện thân lão tăng hàng phục con rồng yêu quái, rồi khai sơn. Phần Phụ Lục cuối Văn Sao [Tăng Quảng Chánh Biên] có bài bi ký về chuyện này), sang núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Trước khi ra đi, đã nghe Thái Nguyên bị nạn lụt lớn. Đến đầu tháng 9, tới Thái Nguyên, mới có đường nhỏ dành cho người đi bộ, do vậy bèn vào thành nhìn xem cảnh tượng. Một ngày nọ trong khoảng tháng 6, tháng 7, cuồng lưu dấy lên chảy bên cạnh thành từ phía Tây xuôi về phía Nam. Thế nước thật dữ dội, quan Tuần Phủ X... lên thành xem liền hạ lệnh bắn đại pháo để phá sóng. Bắn một phát, ngay lập tức nước dâng gấp mấy lần, thuận thế chảy về phía Nam thành. Cửa thành đã đóng, may là nước chưa tràn vào thành. Nam Quan là đường lớn để lên kinh đô, đường phố rất dài, nước xoáy đến nỗi nhà cửa, cỏ cây, tường vách không còn gì nữa, trở thành một cánh đồng mới bồi, phẳng lì, không một ai chẳng gặp phải tai nạn do phát đại pháo này. Tài vật bị tổn thất chẳng biết là đến mấy vạn vạn.

Đủ biết, quỷ thần kính đức, chứ không sợ oai! Người thiếu đức trong lúc ấy chỉ nên suất lĩnh mọi người khẩn cầu, sám hối cầu đảo đừng gây tổn thương cho dân lẫn vật, quyết chẳng đến nỗi khiến cả thành bị tai nạn lớn lao. Dẫu cho vô ích, quyết chẳng đến nỗi uơng thành tai nạn lớn lao. Khi in lại bài tiểu sử này, có lẽ hãy nên nêu rõ ý nghĩa này, ngõ hầu những kẻ làm quan về sau gặp phải cảnh này chẳng lượng đức mình, chỉ bắt chước Vương ra oai, đến nỗi chuốc họa hại dân.

²³⁵ Vị tổ của ông Tiền Sĩ Thanh được nói ở đây chính là Tiền Vũ Túc Vương tức Ngô Việt Thái Tổ, tên thật là Tiền Liêu (852-932), tự Cự Mỹ (có sách ghi là Cự Mỹ), người huyện Lâm An, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, người sáng lập ra nước Ngô Việt vào thời Ngũ Đại. Vào cuối đời Đường, do theo tướng quân Đồng Xương dẹp yên loạn Hoàng Sào, Tiền Liêu lãnh chức Trấn hải tiết độ sứ. Sau đó, Tiền Liêu đánh bại Đồng Xương, chiếm cứ mười ba châu huyện thuộc vùng Lưỡng Chiết (nay là toàn bộ tỉnh Chiết Giang, phần Đông Nam của tỉnh Giang Tô và phần Đông Bắc tỉnh Phước Kiến. Những vùng đất này thuộc lãnh thổ nước Ngô và Việt thời Xuân Thu Chiến Quốc, nên khu vực này được gọi chung là Ngô Việt), được phong làm Ngô Việt Vương. Tiền Liêu chú trọng phát triển nông nghiệp vùng Ngô Việt, cho đắp đê trên sông Tiền Đường từ năm 907 đến 932 để ngừa nạn lụt cũng như thiết kế mạng lưới thủy lợi nhằm điều hòa mực sông. Chuyện bắn sóng để buộc thủy triều rút ra xa được tiến hành trong khoảng thời gian này. Nước Ngô Việt tồn tại từ năm 907 đến 978.

Cư sĩ đã sáu mươi bảy, dầu thọ trăm tuổi thì cũng đã quá nửa đời người rồi, hãy nên trong lúc về hưu vô hệ lụy này, theo đúng lý nên chuyên tu tịnh nghiệp, tự hành, dạy người, khiến cho hết thấy mọi người đều quay về nơi hiện nay đã biến thành nhà cũ từng bị họ bỏ lơ thì lợi ích ấy chỉ đức Phật mới biết được. Nếu lảng lờng nghiên cứu thuật bói toán phong thủy, tuy có thể lợi người, nhưng cũng rất hữu hạn, Quang tuyệt đối chẳng nghĩ lời nói ấy là đúng. Lệnh tổ chẳng nghe lời xúi giục lấp Tây Hồ²³⁶, kiên thức cao hơn những kẻ tầm thường vụn vặt. Nếu nghe theo, sợ sẽ nhọc dân hao của, hoặc đến nỗi bị tổn hại vô ích.

Đối với Phật pháp, Quang trọn chẳng đạt được gì. Năm Quang Tự 19 (1893) đến chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà sống nhàn tản, cho tới năm Dân Quốc thứ sáu (1917), chẳng qua lại với người bên ngoài. Dầu trong núi có ai sai phái viết lách gì, cũng chẳng dùng hai chữ Ấn Quang. Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), Từ Ủy Như nhận được ba lá thư bèn đem in ra mấy ngàn bản gởi cho người khác, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo. Năm sau lại thu thập được hơn hai mươi mấy bức thư, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đem in ra ở Bắc Kinh, tới Phổ Đà xin quy y. Quang bảo ông ta quy y với pháp sư Đế Nhân. Từ đấy, hằng ngày bận bịu thù tiếp thư từ, trọn chẳng có lúc nào ngớt. Chẳng biết Bản Văn Sao mà cư sĩ đã đọc là bản được in vào năm nào, chỉ sợ lúc ấy chỉ đọc được một hai lượt đã bỏ xó. Nay gởi cho ông một bộ, vẫn tuy gai mắt, nhưng ý chấp nhận được. Xin hãy đọc kỹ để tu trì liên có thể vận dụng lớn lao lời nghị luận rộng lớn về chuyện dầu nghèo cùng hay hiền đạt đều có thể tốt lành.

Văn Sao Tục Biên chỉ có hai cuốn, độ chừng ba trăm trang, so với bộ trước có nhiều chỗ lợi người hơn, nhưng văn chương lại càng hủ bại, ô uế. Ước chừng cuối tháng 8 sẽ có thể in xong. Nếu cư sĩ chẳng hiềm hủ bại, ô uế thì cuối tháng 8, đầu tháng 9 sẽ không ngại gì đích thân đến chùa Thái Bình, hỏi pháp sư Đức Sâm thỉnh hai ba bộ để kết pháp duyên. Quang chưa hề mó tay vào thuật bói toán phong thủy, nhưng tôi thấy những người tự xưng là đại thông gia hiện nay đều chỉ trích kiến trúc của người xưa là sai, mặc tình sửa đổi. Thật ra, được tốt lành thì ít, bị xui xẻo thì nhiều. Phàm những ai làm thầy thuốc hoặc bói toán, phong thủy xin Quang khen ngợi, Quang chẳng thốt ra một chữ nào đáp ứng vì sợ khiến

²³⁶ Trong thời ấy, nhằm lúc nhà Đường suy vong, do chiến tranh liên miên, chánh quyền không quan tâm đến vấn đề nông tang. Sau khi dẹp yên Đồng Xương, Tiền Liêu mới lên nắm quyền xứ Ngô Việt. Tây Hồ cỏ dại, lau lách phủ kín, trông rất hoang vu, quanh quẽ. Có một tay thuật sĩ khuyên Tiền Liêu nên lấp bằng Tây Hồ, dựng vương phủ trên ấy, sẽ được hưởng vượng khí ngàn năm. Tiền Liêu không chấp nhận đề nghị ấy, nói: “Trăm họ nhờ nước hồ này để tưới ruộng, không có nước sẽ không có dân. Huống chi sau năm trăm năm sẽ có dòng họ khác đây lên, làm sao có chuyện cả ngàn năm mà không có chân chúa trong thiên hạ được?” Vua cho lệnh lập một đội quân chuyên trông coi việc khai quang, nạo vét hồ cho sạch sẽ, đồng thời đào thêm ba cái ao chung quanh để trữ nước phòng khi trời hạn hán.

cho người khác bị lầm lạc bởi mình. Quang nói thẳng với họ: Nếu Quang tán dương, phải thấu hiểu sâu xa thuật ấy và biết đích xác bản lãnh của các hạ thì mới được. Quang chẳng biết những thuật ấy, lại chẳng biết bản lãnh của các hạ, làm sao có thể phô bày với người khác cho được? Người ta nói sao, mình cũng phô phang y hệt như vậy, thì tuy ngu hèn, Quang cũng chẳng chịu mạo muội thuận theo thói lấy lòng ấy đâu nhé!

158. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ hai)

Nhận được thư khôn ngoan khâm phục, đọc đến tác phẩm lớn lao của ngài liên biết đức của Vũ Túc Vương nhiều đời hãy còn. Những gia đình trâm anh đời đời đức hạnh mà tôi thường hâm mộ chỉ có gia tộc Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên) đời Tống là lâu bền nhất. Đọc gia phả nhà ông thì đức trạch của Vũ Túc Vương vượt trội Phạm công rất xa. Trộm nghĩ, tập văn này nên đặt tên là Tiền Vũ Túc Vương Thế Trạch sẽ càng khiến người ta ngưỡng mộ. Quang là ông tăng chỉ biết cơm cháo, không có tài đức làm thầy người khác, nhưng vì một người lan truyền chuyện giả, rốt cuộc người nghe chẳng xét, lầm tưởng là thật. Các hạ đã làm đồ đệ Ban Thiên²³⁷ lại quy y với Quang, sợ rằng đôi bên chẳng hợp lẽ. Chỉ nên tích cực tu trì liền đạt được lợi ích lớn lao, chứ chẳng phải do quy y hay không?

Nay gửi kèm cho ông Một Lá Thư Trả Lời Khấp và toa thuốc để đáp tạ hậu ý. Quang mục lực suy yếu tốt cùng, để đọc và trả lời thư này phải cậy vào kính lão lẫn kính lúp mới miễn cưỡng xem thư và trả lời được. Đối với sự tích của Vũ Túc Vương, tôi phải dùng ba cái kính để xem đại lược đầu mối. Nếu in theo khổ chữ Tam Hiệu Tự, dùng ba cái kính để đọc thì phải tốn công mấy chục bữa mới mong đọc xong. Nếu chẳng hiềm gai mắt, đợi trong tháng 8, tháng 9, khi Văn Sao Tục Biên in ra, xin hãy gửi thư cho pháp sư Đức Sâm chùa Thái Bình ở đường Bắc

²³⁷ Ban-thiên Lạt-ma (Pan-chen-lama) là một vị Lạt-ma cao cấp của Phật giáo Tây Tạng Hoàng Mạo phái (Gelugpa), chỉ kém Đại-lai Lạt-ma. Ban-thiên (Panchen) có nghĩa là bậc trí tuệ, hoặc đại bác học. Chữ Panchen vốn do chữ Phạn Pandita (học giả) kết hợp với chữ Chenpo (vĩ đại) trong tiếng Tây Tạng. Đến đời Khang Hy, vị này được sắc phong thêm mỹ hiệu Ngạch Nhĩ Đức Ni (Erdeni: Quang Hiển). Khi Đại-lai Lạt-ma đời thứ năm (Ngawang Lobsang Gyatso, 1617-1682) lên ngôi quốc vương Tây Tạng, đã phong tặng cho thầy mình là Lobsang Chökyi Gyalsten (1570-1662), tu viện trưởng tu viện Tashilhunpo, tước hiệu Panchen. Do Đại-lai Lạt-ma tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát; đương nhiên, thầy của ông ta cũng được đề cao là hóa thân của A-di-đà Phật! Khi Lobsang Chökyi chết, chính Đại-lai Lạt-ma đời thứ năm đã chủ trì công cuộc tìm hóa thân của Lobsang và dòng truyền thừa Panchen bắt đầu từ đó. Đến đời Ban-thiên Lạt-ma đời thứ chín (Thubten Choekyi Nyima, 1833-1937), do bất hòa, tranh chấp quyền bính với Đại-lai Lạt-ma đời thứ 13, Ban-thiên phải chạy trốn sang Nội Mông Cổ, rồi sang Bắc Kinh và sống ở Trung Hoa mãi cho đến khi mất. Như vậy, ông Tiền Sĩ Thanh đã quy y với vị Ban-thiên Lạt-ma đời thứ chín này.

Thành Đô, Thượng Hải thỉnh một bộ thì cũng có thể làm một nhúm cát trong vô lượng hằng hà sa số lợi ích cho đời, cho người.

159. Thư trả lời cư sĩ Tiền Sĩ Thanh (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Bài tụng của Quang tuy ý có thể chấp nhận được, nhưng văn thật vụng về, chất phác. Các hạ khen ngợi là xiển minh chân lý, muôn đời chẳng mòn, đây vẫn là do đức của lệnh tổ mà thành. Các hạ đề cao đức lệnh tổ, quy hết về lòng tin Phật, cũng là xiển minh chân lý muôn đời chẳng mòn. Trộm nghĩ, gần đây người tin Phật xưng đương công đức của tổ tiên trọn chưa có ai thấu nguồn tột đáy như vậy. Bài văn này cũng nên đưa vào trong Tây Hồ Từ Trung Văn San, chứ nào phải chỉ in kèm vào trong văn tập của ông. Quang cũng tính in kèm bài ấy vào cuối bài tụng trong Văn Sao. Xin hãy bảo thư ký chép thành tờ khác gởi đi, vì sợ rằng trong nguyên bản của ông có những chữ viết Thảo chắc sẽ vương khuyết điểm “đọc sai mặt chữ”. “Tử Dương tự đại”, chưa biết người ấy là ai, xin hãy chú thích rõ ràng để người đọc đều hiểu lời răn dạy. Thẻ lệ của Văn Sao là phạm với những chỗ lẽ ra nên dài đầu²³⁸ đều chẳng chừa chỗ trống để đỡ tốn giấy. Nếu đem lời bạt này in kèm vào Văn Sao Tục Biên thì cũng sẽ theo lệ ấy.

*** Nhận định của La Hồng Đào:**

Hậu Hán Thư, quyển 54, truyện Mã Viện chép: Mã Viện bảo Ngỗi Hiêu: “Tử Dương (tên tự của Công Tôn Thuật) là ếch ngồi đáy giếng, làm tưởng là cao quý.” Diễn tích “Tử Dương tự đại” phát xuất từ câu nói này. Đại sư thông hiểu sâu rộng kinh sử, lẽ ra chẳng thể không biết, nhưng do nhất thời quên mất, nên ở đây tôi mới kính cần ghi chú bổ sung.

160. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ nhất)

Thư viện đã có hai bộ Đại tạng kinh, hơn một ngàn loại kinh điển trước thuật của các tông. Tuy sách vở quý ở chỗ có nhiều thứ, nhưng trong lúc đại kiếp này, quả là buổi sáng chẳng bảo đảm được buổi tối, như ở trên đồng củi, phía dưới đã nhóm lửa, há nên thờ ơ, hờ hững đọc các kinh điển trước thuật, chẳng chuyên tâm dốc chí niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu gặp dữ hóa lành ư?

²³⁸ Dài đầu là cách viết tỏ vẻ tôn kính trong những công văn thời cổ, chừa một khoảng trống trước khi viết tên hay chức vụ của người được xưng hô. Chẳng hạn, nếu viết “Độc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Hữu Cảm” (Cảm nghĩ khi đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao) thì giữa chữ Độc và chữ Ấn Quang phải chừa tối thiểu hai khoảng trống. Cách viết này còn gọi là Na Đài. Một cách thể hiện tôn trọng hơn nữa gọi là Bình Đài, tức là khi viết theo lối Na Đài xong, bỏ một dòng trống trước khi viết tiếp dòng thứ hai.

Phàm những ai đến thư viện đọc sách, bất luận là tư cách nào, cũng đều nên đem những điều này khuyên lơn để họ biết ngoài căn nhà lửa lớn này vẫn còn có thế giới thanh tịnh an lạc tốt bậc. Nếu do đây sanh lòng chánh tín, chuyên chí nơi Tây Phương, công đức ấy sẽ lớn hơn công đức của những kẻ thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm nhưng chưa đoạn hoặc trong tam giới trăm ngàn vạn ức lần. Nhưng mọi nhân sĩ vẫn chưa coi đó là điều đáng lo, vẫn chuyên chí nơi chuyện chẳng cấp bách, chẳng đáng buồn sao? Pháp danh của nhóm Trịnh Cầm Tiêu xin hãy chuyên cho họ. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Hãy nên bảo họ đừng gởi thư đến và đừng giới thiệu người khác quy y vì không có mục lực để chống đỡ được.

161. Thư trả lời hai cư sĩ Trí Mục và Trí Thanh (thư thứ hai)

Đang trong thời thế này, ngoại trừ niệm Phật, niệm Quán Âm ra, không có cách tốt lành nào khác. Bất luận già trẻ trai gái quy y hay không quy y, đều khuyên niệm Phật, niệm Quán Âm. Dù chẳng thể ăn chay hoàn toàn vẫn nên chú trọng bớt ăn mặn để trong khi nguy hiểm cũng không bị hiểm nguy. Thế giới đại chiến, cả cõi đời không một ai được an vui, người bị tàn sát cố nhiên là khổ, nhưng kẻ sát nhân hiện tại cũng cực khổ, đời sau hay đời sau nữa muốn làm chó, ngựa, trâu, dê cũng chẳng được. Tiếc cho cả cõi đời đều là kẻ si, cùng nhau mãi miết giết người, giết vật, chẳng tự biết ác nhân đã gieo, ác quả sẽ tự theo đó đưa tới. Chuyện này đáng buồn hết sức, mong hãy sáng suốt xét soi!

162. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, khoản tiền phóng sanh ông đã gởi sẽ dùng vào các món chi phí lặt vặt cho lễ phóng sanh, miễn sao chính mình không đem khoản tiền ấy dùng vào việc khác thì sẽ không trở ngại gì; cũng không ngại nói rõ với mọi người khi họ tụ tập tham dự lễ phóng sanh thì mình lẫn người đều không phải lo nghĩ gì. Quang một mực chẳng chủ trương phóng sanh vào những ngày khánh đản Phật, Bồ-tát và trong những ngày tốt như mùng 1, ngày Rằm. Chuyện này đã thành lệ nhất định không thay đổi được, do có nhiều người phóng sanh trong những ngày ấy mà những kẻ đánh bắt loài vật sẽ đặc biệt săn bắt nhiều hơn; cũng lắm khi vì có người phóng sanh mà họ mới đi bắt. Thói đời phần nhiều háo danh, người ta ưa phóng sanh trong những hôm ấy để được tiếng. Lòng người phần nhiều lại hay quen thói làm gì cũng chấp chặt theo lệ: Nếu chẳng phóng sanh trong những bữa ấy sẽ không chịu mua loài vật để phóng sanh trong các hôm khác. Tuy Quang thường nói với người khác như thế, rốt cuộc cũng chỉ trở thành nói uổng công!

Thêm nữa, cũng chớ nên phóng sanh loạn xạ, đem thả xuống sông lớn thì không sao; chứ đem thả trong ao, phàm là cá dữ mà cũng thả lẫn vào đó, tức là thả giặc vào chỗ nhân dân tụ tập, lũ cá đều trở thành thức ăn cho nó. Muốn mỗi một việc đều đúng như pháp thì quả thật khó thể làm được. Do vậy, hãy nên cực lực đề xướng “kiêng giết, ăn chay” để làm cách giải quyết từ căn bản; chứ phóng sanh chỉ là chuyện thực hiện hành vi cứu vớt phần nào nhằm mong sao ai nấy đều cùng thấu hiểu ý nghĩa phóng sanh mà thôi! Nếu tận sức phóng sanh mà chưa thể lập cách phù hợp thì cũng chỉ là công vẫn chưa bù được tội.

Hành động phóng sanh về mặt sự tuy vì loài vật, nhưng về mặt ý thì thật sự vì con người. Nếu con người ngưng giết chóc, cố nhiên chẳng cần dùng đến hành động ấy. Nhưng con người tâm ăn thịt càng thịnh, nếu không lập ra hành động ấy, lâu ngày chầy tháng, hành vi dã man ở châu Phi²³⁹ sẽ lưu hành khắp cõi đời. Há chẳng nên không lập sẵn cách để những kẻ ham giết chóc, ưa ăn thịt kia sẽ cùng sanh lòng răn dè tự phản tỉnh ư? Người phóng sanh chỉ nên mang ý niệm chẳng nỡ sát sanh, chứ đừng so đo con vật sẽ được thả ấy có ăn những sanh vật khác hay không. Loài cá phần nhiều ăn cá nhỏ hơn và những loài trùng nhỏ sống trong nước (tiểu thủy trùng). Nếu biện luận như thế thì thả một con cá to ắt hằng ngày nó sẽ giết vô số cá nhỏ và thủy trùng, tức là “thả một, giết nhiều”, vậy là “công ít, tội nhiều”. Nhưng trút²⁴⁰, rắn, rái cá, xét đến cùng chẳng có mấy, đã chẳng thể mua hết các sanh vật để thả thì có lẽ cũng nên làm từ từ để khỏi bị kẻ rồi hơi bàn ra tán vào.

Phóng sanh thì hãy nên lấy việc “chỉ thành niệm Phật, trì chú cho những con vật ấy” làm gốc. Bất quá, tất cả nghi thức cũng chẳng qua nhằm biểu thị pháp tướng mà thôi! Nếu như có ai khác [hiện diện trong khi phóng sanh], cố nhiên nên dựa theo nghi thức mà làm. Nếu không, chỉ dốc hết lòng thành niệm Phật là được rồi. Hơn nữa, đối với những con vật sắp được thả, nếu nhằm ngày hè hãy nên thả cho mau. Nếu câu nệ lẽ lối, cứ chiếu theo nghi thức để thực hiện, chắc sẽ phải tốn thời gian, bất lợi cho mạng sống của con vật. Cư sĩ phóng sanh hãy nên

²³⁹ Tức tục lệ ăn thịt người của những bộ lạc cổ sơ ở châu Phi.

²⁴⁰ Xuyên sơn (gọi đủ là xuyên sơn giáp) thường được biết dưới tên trút (pangolin) hay tê tê, là một loại thú ăn kiến, thân dài, đuôi dài, mũi nhọn dài, toàn thân phủ đầy những tấm vảy cứng trông như bộ giáp, thường thấy ở châu Á. Theo Wikipedia, cái tên pangolin xuất phát từ chữ pengguling (vật cuộn tròn) trong tiếng Mã Lai. Trút thường hoạt động kiếm ăn vào ban đêm, ngày cuộn tròn lại ngủ. Khi gặp nguy hiểm, chúng cũng cuộn tròn mình lại, dựng những tấm vảy cứng sắc lên để tự vệ. Trút có bốn chân ngắn nhưng rất sắc và mạnh, có thể đào tung những ụ mối, tổ kiến kiên cố để kiếm mồi, nên người Hoa mới gọi nó là xuyên sơn (xuyên qua núi). Trút thường có lưỡi dài giúp chúng có thể quét lưỡi vào những ngõ ngách trong tổ kiến, ổ mối để ăn những con mối non, kiến non. Người Hoa thường tin thịt trút rất bổ dưỡng và nhiều dược tính. Họ tin vậy Trút có tác dụng chữa sưng phồng, luân lưu huyết khí và giúp phụ nữ mới sanh có nhiều sữa nên trút bị săn bắt tàn nhẫn, gần như bị tuyệt chủng ở Trung Hoa.

theo cách thức đơn giản. Nếu tâm chân thành, không giả dối, tiếm việt, thì chiếu theo nghi thức để phóng sanh cũng không phải là hoàn toàn không được. Nếu làm lạc bắt chước theo nghi thức của tăng sĩ, sẽ trở thành ngã mạn. Pháp cố nhiên viên dung, nhưng phải khéo dụng tâm. Tại gia cư sĩ có thể làm lễ phóng Mông Sơn thì cố nhiên thực hiện nghi thức phóng sanh cũng không trở ngại gì. Nhưng cần phải trọn chẳng mang tâm tiếm việt, ôm ý niệm độ sanh sâu xa thì mới được.

* Xét ra, trong năm Dân Quốc 22 (1933), tức năm Quý Dậu, chùa Dũng Tuyên ở Cổ Sơn khánh thành vườn phóng sanh vừa mới được xây dựng, đại sư soạn bài văn bia, cho khắc vào đá đặt trước Bạch Vân Đường, đã nêu tỏ lý phóng sanh không còn sót. Nay chùa Trường Khánh là sơn môn bậc nhất ở Di Sơn, Phước Châu, xây thêm tường vây quanh ao phóng sanh. Xây cất xong xuôi, đại sư đã 80 tuổi, sức yếu, mắt lòa, chẳng dám phiền đại sư viết lách, chỉ kính cẩn sao chép bút tích chân thật từ sáu bài chỉ bày ý nghĩa trọng yếu của việc phóng sanh do đại sư đã gởi đến dạy dỗ trước kia, khắc vào đá, đặt bên trái ao. Nguyên những người theo đuổi việc phóng sanh trong hiện tại và vị lai đều cùng cố gắng! *(Ngày lành tiết Trọng Xuân năm Canh Thìn - Trung Hoa Dân quốc 29 (1940), đệ tử quy y La Trí Thanh kính cẩn viết)*

163. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ hai)

Người ăn chay đừng nên ăn trứng gà do nó có mầm sống; dầu không có mầm sống, cũng chớ nên ăn vì nó có chất độc. Có người bảo “ở nơi không có gà trống thì trứng sẽ không có mầm sống”, ở nơi đây rất ít có loại trứng ấy. Xưa kia, có một người thích ăn trứng gà, lâu ngày chất độc tích lại trong bụng, sanh ra rất nhiều trứng gà và gà con, các thầy lang chẳng hiểu căn bệnh ấy. Trương Trọng Cảnh²⁴¹ bảo nấu tỏi ăn, liền ói ra rất nhiều gà con cùng những con gà đã có lông hoặc không lông. Ông Trương bảo bệnh nhân suốt đời đừng ăn trứng gà nữa, hễ ăn sẽ không có cách gì trị được. Đủ biết trứng gà gây họa lớn thay!

²⁴¹ Trương Trọng Cảnh tên thật là Cơ, tự là Trọng Cảnh, là một y sư nổi tiếng thời Đông Hán, không rõ sanh và mất vào năm nào. Căn cứ theo những dữ kiện được ghi chép về cuộc đời ông, người ta chỉ có thể phỏng đoán ông sanh vào năm 150 và mất vào khoảng năm 219. Ông đỗ Hiếu liêm, làm Thái thú quận Trường Sa. Do vậy, thường được gọi là Trương Trường Sa. Trong thời gian ấy, chánh quyền Đông Hán suy yếu, giặc giả nổi lên, tạt dịch lưu hành, gia đình Trương Trọng Cảnh cũng bị bệnh dịch chết gần hết. Do vậy, ông phát phần quyết chí nghiên cứu y dược. Bộ Thương Hàn Tạp Bệnh Luận của ông được coi là một bộ sách y học đầu tiên được biên soạn đầy đủ theo phương pháp khoa học và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lý nhất của Trung Hoa (gồm bệnh án, triệu chứng, nguyên nhân, cách điều trị và lý luận điều trị). Bộ sách này được rất nhiều y sư đời sau ra sức chú giải. Tác phẩm Kim Quỹ Yếu Lược của ông cũng được đánh giá rất cao nhưng không nổi tiếng bằng.

* Xét ra, những đệ tử nhà Phật ăn chay ở Phước Châu thường sợ thiếu chất bổ, viện cớ “trứng gà không có cò, chẳng có mằm sống thì đều có thể ăn được”, quen nết tạo thành phong tục, khiến cho người chẳng hiểu chuyện bị lầm lẫn, gần như phá giới. Vì thế, đệ tử đặc biệt khẩn cầu đại sư khai thị bài này. Hãy nên an hành, đừng tải rộng rãi để cảnh tỉnh người khác. (*Đệ tử La Trí Thanh kính cẩn ghi chú*)

164. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Ông bệnh ngặt đã lành, khôn ngoan mừng rỡ, an ủi. Linh Nham Sơn Tự chuyên tu tịnh nghiệp, công khóa hằng ngày giống hệt như khi đã thất bình thường; thật là chỗ đạo tràng tu hành sốt sắng bậc nhất ở Giang Nam. Hiện thời vận đời nguy hiểm, bất luận là ai đều lấy chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm làm chủ yếu để mong tiêu trừ ác nghiệp trước mắt, được vãng sanh Tây Phương khi lâm chung thì có thể nói là “do họa mà được phước” vậy. Nếu không, từ nay về sau, càng khó làm người, bởi cách giết người, hại người không kể lạ lòng nào chẳng có, không trốn tránh nơi đâu được. Chỉ có chuyện sanh về Tây Phương là phương kế an thân lập mạng ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng. Xin hãy nói với khắp hết thầy mọi người thì lợi ích sẽ vừa sâu vừa xa.

Đứa con quý vừa được sanh ra nên đặt tên là Tông Thành, tông là chủ, thành là chân thật chẳng dối, tức là “làm sáng tỏ minh đức” vậy, lấy lòng thành làm chủ thì sẽ có thể sáng tỏ được minh đức, ấy chính là ý nghĩa “tánh lẫn tu cùng tỏ, thể và dụng đều trọn vẹn, rõ ràng”. Đặt tên như vậy để nó nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa, sẽ mong chính mình thật sự có những phẩm đức ấy, ngõ hầu có thể rạng danh gia đình, tự lợi lợi tha. Pháp danh nên đặt là Khế Giác, giác chính là Phật tánh, chúng sanh do mê nên chẳng khế hợp với Phật tánh, khế hợp với giác thì mê tiêu, giác lộ. Nếu hai cái tên ấy chẳng phạm húy tổ phụ đời trước thì có thể sử dụng suốt đời, chẳng cần phải đặt quan danh²⁴², tự, hiệu v.v.. Thiền sư Thọ Xương Kinh²⁴³ là người đất Mân, lúc đẻ ra, khó sanh, ông nội bèn ở ngoài cửa sổ niệm

²⁴² Quan danh: Tên đặt khi làm lễ nhũơc quan (20 tuổi).

²⁴³ Huệ Kinh (1548-1618) là một vị cao tăng thuộc Tông Tào Động, sống vào đời Minh, người ở Phủ Châu, Sùng Nhân (nay là huyện Sùng Nhân, tỉnh Giang Tây), tự là Vô Minh, đã có chí xuất gia từ nhỏ, đến Lãm Sơn xin tu pháp với ngài Uân Không Thường Trung ba năm, sau khi có chỗ tĩnh ngộ, bèn ẩn tu tại Nga Phong ba năm. Một bữa, khi cố sức dời tảng đá, đá trơ trơ không lay động, đang trong lúc tận lực xô đẩy, sư hoát nhiên khai ngộ, trình sở ngộ lên ngài Thường Trung, được ấn khả. Đến năm 27 tuổi sư mới thọ giới cụ túc, từ đấy suốt 24 năm không rời Nga Phong. Về sau, sư đến yết kiến tổ Liên Trì, cũng như đến lễ tháp tổ Bồ-đề-đạt-ma ở Thiếu Lâm, lên kinh sư lễ ngài Đạt Quan, qua Ngũ Đài tham yết ngài Thụy Phong, rồi trở về chùa Bảo Phương ở quê nhà để khai giảng tòa, hoằng dương tông Tào Động. Môn nhân nổi pháp có Bác Sơn Nguyên Lai, Hối Đài Nguyên Kính, Kiến Như Nguyên Mật, Vĩnh Giác Nguyên Hiền v.v.. Khi sư mất, chính ngài Hám Sơn Đức Thanh đã soạn bài minh để khắc trên mộ.

kinh Kim Cang, chỉ niệm hai chữ “Kim Cang” đã an nhiên sanh ra. Ông nội vui mừng, nhân đấy đặt tên là Huệ Kinh, đến tuổi đội mũ (nhược quan) cũng không đặt tên khác, về sau xuất gia cũng chẳng đặt tên khác. Ngài chính là một vị cao tăng thời Vạn Lịch nhà Minh.

Do vậy biết nữ nhân khi sanh nở hãy nên chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, không một ai chẳng an nhiên sanh nở. Phải niệm ra tiếng, chớ nên niệm thầm! Những người săn sóc bên cạnh cũng niệm ra tiếng, chớ nên nói “lúc sanh nở lỏa lồ chẳng sạch, nếu niệm sợ mắc tội lỗi”. Cần biết rằng, lúc ấy là lúc liên quan đến tánh mạng, do không làm sao khác được; chứ không phải như lúc bình thường có thể cung kính mà lại ngạo mạn, coi thường, chẳng cung kính, khiết tịnh. Mấy năm trước, Quang trọn chẳng nói đến chuyện này, về sau lắm phen nghe nói có người do sanh khó mà bị mất mạng và kẻ ngu hể trong nhà có người sanh nở thì người thường ngày niệm Phật chẳng dám ở trong nhà, phải đợi hơn cả tháng mới dám quay về, cho rằng “hễ bị huyết tanh xông nhằm, những công lao trước kia sẽ mất sạch”. Lời lẽ nhảm nhí bậy bạ ấy thật là đáng thương xót! Vì thế mấy năm gần đây tôi thường nói với người khác, những người hành theo đó, không một ai chẳng ứng nghiệm, đủ biết Bồ-tát thật là đại từ bi.

165. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ tư)

Người thông minh trong cõi đời thường muốn làm kẻ được ngàn đời tôn sùng, rớt cuộc đến nỗi học thuyết lệch lạc, tà vạy, tạo dựng những thuyết kỳ dị, khiến cho người đời sau bị lầm lạc, gây chướng ngại cho thánh đạo. Thuở đương thời được mọi người đều suy tôn, tới khi độc khí của học thuyết ấy phát tác mạnh mẽ mới biết loại học thuyết ấy quả thật đã ngấm vun quén cõi rể họa hại gần một ngàn năm trước. Trình - Chu xiên dương Nho tông, chuyên chú trọng chánh tâm thành ý, phàm “nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi” đều cho là không có. Lại nói “hễ có làm gì để làm lành thì không phải là thiện thật sự”. Bọn họ muốn làm ra vẻ khác hẳn với Phật, vì thế những nhà Nho đời sau một mực đề cao thuyết ấy. Đã không có nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi, thì thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, mọi người đều trong mê, trong mộng, đến nỗi phong hóa cõi đời ngày một đi xuống, chánh nhân ngày một hiếm hoi. Đến khi gió Âu vừa thổi tới thì hết thấy những chuyện “xô đồ lễ giáo, vượt lý, phạm phạm” đều được miệt mài đề xướng, muốn cho khắp cả cõi đời đều cùng thực hành. Nếu Trình - Chu chẳng bài xích nhân quả luân hồi, những nhà Nho đời sau đều truyền bá, vâng giữ nhân quả, luân hồi, dẫu gió Âu dữ dội đến đâu đi nữa, ai chịu theo những tà thuyết ấy? Do vậy nói rằng: “Cội rễ họa hại của các thảm kịch hiện thời quả thật bắt nguồn từ việc Trình - Chu đả phá, bài xích nhân quả luân hồi!”

Nay muốn cho gia đình, xã hội bảo tồn được đạo đức xưa kia thì phải lấy đề xướng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi làm nhiệm vụ cấp bách. Biết nhân quả, luân hồi, tin nhân quả, luân hồi, dầu là kẻ tầm thường cũng có thể thành ý chánh tâm; chẳng tin nhân quả, luân hồi, dầu là kẻ thiên tư thượng đẳng như Trình - Chu vẫn chẳng thể hoàn toàn thành ý chánh tâm. Vì sao nói thế? Bọn họ nhờ Phật học để làm sáng tỏ tâm pháp của thánh nhân, nhưng lại ngược ngạo báng Phật; tâm ý ấy còn có thể là chánh, là thành được nữa chăng? Hay là tà, là nguy vậy? Bọn họ muốn khác biệt với Phật nên đều mạt sát những sự lý nhân quả báo ứng của thánh nhân, biến thuyết “cách vật trí tri” của thánh nhân thành chuyện phù phiếm, không thiết thực. Chẳng phải họ hoàn toàn không biết “đoạn trừ vật phiền não sẽ đạt đến chân tri sẵn có”, chỉ vì chẳng muốn mang hơi hướng giống với nhà Phật nên lập ra thuyết ấy, nghịch kinh trái thánh cũng lớn lắm. Tâm ấy, ý ấy đều là vì muốn cho thiên hạ hậu thế suy tôn chính mình, vọng tưởng được gọi là “người trực tiếp kế thừa mối đạo”. Nếu chưa thấy được mối họa của gió Âu, ai dám nói những thuyết của bọn họ có những tội khiên như thế?

Quang muốn các ông ai nấy đều đề xướng “nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi” nhằm làm căn cứ để vấn hồi thế đạo nhân tâm, do vậy bèn suy xét từ cội nguồn, nói ra nguyên do của nỗi họa hại trong thời gần đây. Quang nói lời này chẳng phải phô phang ý kiến ước đoán của chính mình, xằng bậy bàn luận cở nhàn, mà quả thật là do tâm bình khí hòa chuẩn theo lý, chuẩn theo tình mà bàn luận. Sợ lỡ ra các ông chẳng biết gốc sức nơi đâu nên mới khích lệ, khơi gợi vậy!

166. Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh (thư thứ năm)

So với những người khác, thầy thuốc hoằng dương tịnh nghiệp dễ dàng hơn. Nếu sẵn chí lợi người sẽ liền có thể tu hành ngay, đâu cần phải lánh đời ẩn dật lâu lâu mới có thể tu hành được? Quang muốn ẩn dật lâu dài là vì tinh thần chẳng đủ nên mới bàn đến chuyện ấy, chứ không phải chỉ cầu lợi cho chính mình, chẳng muốn làm lợi cho người khác. Vợ và con gái cùng tu, quả thật là khuôn mẫu tốt đẹp “học đạo tại gia” vậy. Nếu phong thái này được lưu truyền trong một làng, một ấp, ắt sẽ có người thuận theo, phụ họa, nối tiếp nhau thực hiện. Trong cõi đời hiện thời, chớ nên manh nha ý tưởng xuất gia, vì tại gia thuận tiện hơn, xuất gia đâm ra lại bị vướng mắc, trở ngại, chẳng được tự tại.